

NGUYỄN-DU

TRUYỆN-KIỀU CHÚ-GIẢI

VĂN - HÒE

CHÚ GIẢI — HIỆU ĐÌNH — BÌNH LUẬN

ZIÊN-HỒNG XUẤT-BẢN
SÀI - GÒN — VIỆT - NAM

TRUYỆN KIỀU CHÚ GIẢI

VĂN - HÒE
QUỐC HỌC

TIÊU - SỬ' TÁC - GIẢ

TÁC-giả húng là Nguyễn-Du 阮鵬 tự là Tổ-Như 素如 hiệu là Thanh-Hiến 淸軒 biệt hiệu là Hồng-Sơn Liệp-Hộ 鴻山獵戶, quán tại làng Tiên-Điền, huyện.Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh, con thứ bảy cụ Hoàng-giáp Xuân Quận-Cống Nguyễn. Nghiễm làm tể-tướng thời Lê, Trịnh. Cha chú anh em đều thi đỗ làm quan to, thật là một nhà vọng-tộc.

Nguyễn-Du sinh năm Ất-Dậu niên hiệu Cảnh-Hung thứ-26 đời Lê, (1765), thông-minh từ thừa nhỏ, năm 19 tuổi đã đỗ tam-trường (cũng như Cử-Nhân).

Khi nhà Lê mất, nhà Tây-Son lên thay, Tiên-sinh chỉ lấy việc săn-bắn làm vui, cho nên tự mệnh là Hồng-Sơn Liệp-Hộ nghĩa là nhà săn-bắn ở núi Hồng-Sơn.

Khi vua Gia-Long thống-nhất giang-sơn, Tiên-sinh được triệu ra làm quan.

Năm Gia-Long nguyên-niên(1802) làm tri-huyện Phụ Dực Thái-Bình rồi tít lán về Tri-Phủ Thường-Tin (nay thuộc Hà-Đông)

Năm Gia-Long thứ năm (1806) thăng Đốc-Các Học-Sĩ.

Năm Gia-Long thứ tám (1809) làm Cai-Bạ (Bổ-Chính) Quảng-Bình,

Năm Gia-Long thứ 12 (1813) thăng Cần-Chính Điện Học. Sĩ sung chức Chánh-sứ sang cống nhà Thanh, đi sứ về thăng Lễ-Bộ Hữu-Tham-Tri. Năm Minh-Mệnh nguyên-niên (1820) có chỉ sai Tiên-sinh đi sứ Tàu lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì Tiên-Sinh thụ bệnh mất ngày 10 tháng 8 năm Canh-Thìn (1820) thọ 56 tuổi. Tiên-Sinh học rộng biết nhiều, tinh-thông cả Phật-Học và sành các môn cầm kỳ thi họa; tiên-sinh có làm nhiều sách vở và thơ văn bằng chữ Hán như Thánh-Hiến tiền hậu tập 清軒前後集, Bắc-Hành Thi tập 北行詩集, Nam Trung tập ngâm 南中雜吟, Lê qui kỷ sự 黎季紀事. Về thơ nôm Tiên-sinh có biệt-tài. Nhân sang sứ Tàu, gặp cuốn tiểu-thuyết của Thanh-Tâm Tài-Nhân chép truyện Thủy-Kiều, tiên-sinh liền chép lại bằng thơ nôm và đặt tên là Đoạn-Trường Tân-Thanh. Tức là truyện Kiều ngày nay vậy.

TRUYỆN KIỀU

T RUYỆN Kiều nguyên-danh do tác-giả đặt là ĐOẠN-TRƯỜNG-TÂN THANH. Sau cụ Phạm-quí-Thích đem khắc in, đổi tên là KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN.

Hai nhà chủ-giải BÙI-KỶ và TRẦN-TRỌNG-KIM đổi gọi là TRUYỆN THÚY-KIỀU; thi-sĩ Tôn-Đà NGUYỄN-KHẮC-HIỆU thì đổi tên là VƯƠNG THÚY KIỀU CHỦ GIẢI TÂN TRUYỆN.

Chúng tôi theo tên gọi thông-thường, để là TRUYỆN KIỀU. Vì mọi người đã quen gọi như thế.

Truyện Kiều tác-giả không tự bịa đặt ra, cốt truyện lấy ở một quyển tiểu-thuyết của Tàu soạn đầu vào cuối thế-kỷ thứ 16 hay đầu thế-kỷ thứ 17.

Tác-giả quyển tiểu-thuyết, đó không rõ đích danh là ai, chỉ thấy đề là THANH-TẨM TÀI NHÂN soạn.

Tên quyển tiểu thuyết, theo tác-giả TRUYỆN KIỀU, là PHONG-TĨNH-LỤC. Theo mấy nhà khảo-cứu, thì nhan-đề quyển đó lại là KIM-VÂN-KIỀU-TRUYỆN.

Truyện tả cuộc đời lênh-dềnh chìm nổi của một kỹ-nữ địa-tài đa tình, xét ra chẳng có giá-trị gì mấy.

Nghị bút tài tình của cụ Nguyễn-Du đã biến-hóa cái cốt truyện tầm thường của Tàu thành một áng văn-chương kiệt tác. Và tên người kỹ-nữ đời Minh nhờ Cụ mà thành ra thiên thu.

Tác-giả hình như muốn mượn truyện Kiều để chứng-minh và truyền-bá một tư-tưởng triết-học tôn-giáo. Tư-tưởng ấy giá-trị cũng tầm thường và chứng-minh cũng chưa đúng-xác.

Nhưng giá-trị truyện Kiều không ở tư-tưởng đạo-đức, luân-lý hay triết-học, cũng không ở cốt truyện, hay cách bố-cục, kết-cấu tình-tiết. Cái giá-trị tuyệt-đối của truyện Kiều là ở văn-chương, ở kỹ-thuật miêu-tả, tự-sự và diễn-dạt tình-cảm của tác-giả.

Người ta tán-thưởng truyện Kiều, người ta học tập truyện Kiều, là tán-thưởng và học-tập phần văn-chương truyện Kiều. Chính phần văn-chương đó đã làm truyện Kiều bất-hủ.

CHÚ-GIẢI ĐAI-Y

TỪ khi in ra quốc-ngữ, truyện Kiều đã được dân giải, chú-thích, bình-luận không biết bao nhiêu lần rồi.

Nhiều bản chú-giải công-phu, như các bản của Bùi khánh Diên, Nguyễn-văn-Vĩnh (người đã có công dịch truyện Kiều ra Pháp-văn rất linh vi) Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim. Có bản chú-giải phê-phán khá đặc-sắc như bản của Tân-Đà.

Song hầu hết các bản chỉ chú-trọng có một điểm chú-giải những điển-cổ văn-chương, những chữ sách dịch hay mượn của chữ Hán,

Còn những điểm khác cũng cần-thiết cho việc tìm hiểu truyện Kiều, như chú-giải từ-ngữ, chú-giải văn-lý... v.v. thì bỏ qua.

Đó là một sự thiếu-sót đáng tiếc, nhất là ngày nay tiếng Việt đã được dùng làm chuyền-ngữ và truyện Kiều đã được liệt vào loại sách giáo khoa căn-bản tại các học đường.

Truyện Kiều là cả một kho tài-liệu vô tận về điển-cổ văn-chương, cũng như về văn-phạm học, từ-ngữ học, không hiểu thấu truyện Kiều, là một điều thiệt-thòi lớn.

Nghĩ vậy, chúng tôi khứng nề học vấn nông-cạn, thì giờ ít-ỏi, tài-liệu nghèo-nèn, đành bạo chú-giải lại truyện Kiều hy-vọng giúp ích phần nào cho anh em học-viên.

Nội-dung chú-giải gồm mấy điểm chính sau đây :

- 1.— Chú-giải những tiếng nôm khó hiểu.
- 2.— Chú-giải ý-nghĩa từng câu.
- 3.— Chú-giải văn-phạm, văn-pháp.
- 4.— Chú - giải điển-cổ văn - chương, chữ sách Tàu, chữ lấy ở ca-dao tục-ngữ.
- 5.— Vạch những chữ tác-giả dùng sai.
- 6.— Sửa những chữ in lầm từ trước.
- 7.— Sửa những lời chú-giải sai lầm của các bản trước (Việt, Pháp).
- 8.— Nêu những chỗ hay, dở trong văn-lý.
- 9.— Phê-bình lướt qua nhìn-vật trong truyện về mặt luân-lý.

Chúng tôi tin rằng có chú-giải như thế, thì mới mong giúp được mọi người hiểu thấu truyện Kiều, thưởng thức hết cái hay của truyện Kiều, phân biệt cái dở của truyện Kiều nhiên-hậu mới có thể dùng truyện Kiều làm công-cụ học-vấn giáo-dục, và mới có thể lợi-dụng triệt-đề kho tài-liệu vô-giá ấy để phục-vụ học-đường. Trong niềm tin-tưởng đó, chúng tôi đem hết thiện-chí vào công việc chú-giải này.

Tuy nhiên, không thể nào hoàn-bị được, việc chú - giải đòi rất nhiều công - phu, mà sự hiểu biết của một người chỉ có hạn. Cho nên chúng tôi hết sức hoan-nghênh những điều chỉ-giáo của các bậc cao-minh để nếu cần, sửa chữa những sai-lầm và bổ-khuyết những thiếu sót.

Hà-nội ngày 21 tháng 7

mùa Thu năm Nhâm-thìn

(9 - 9 - 1952)

Văn-Hạc LÊ-VĂN-HÒE

TRUYỆN KIỀU CHÚ GIẢI

I

*Trăm năm trong cõi người ta (1)
Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau (2)
Trải qua một cuộc bể dâu (3)*

1) *Trăm năm* là dịch chữ Bách Tuế 百歲. Người xưa cho rằng người ta chỉ sống đến trăm tuổi là cùng, nên dùng chữ « trăm năm » để trở khoảng thời gian của người từ lúc đẻ đến lúc chết.

Kinh Thi có câu *Địch Tuế* chỉ hậu, qui vu kỳ thất 百歲之後歸于其室 nghĩa là sau khoảng 100 năm thì về nhà mình, tức là sau 100 năm ai cũng chết (nhà là nhà cuối cùng tức mã). Câu này nghĩa là trong đời người ta.

2) Chữ *Tài* chữ *Mệnh* tức là cái *Tài* và cái *Mệnh*. *Tài* là tài-hoa, tài-tình, khôn ngoan tài giỏi. *Mệnh* là số-mệnh, số, phận, duyên phận. Ở đời, người có *Tài* thường số-mệnh không được tốt, người tài hay gặp những bước vất vả gian nan, nên người ta tin rằng xưa nay *Tài* và *Mệnh* không đi đôi với nhau. Người có *Tài* thường không có *Mệnh* (đẹp) hình như *Tài* với *Mệnh* ghét nhau vậy.

Khéo là ghét nhau: ghét nhau đến hay, đến khéo, ghét nhau một cách lạ lùng, nghĩ mà khó hiểu tức cười.

Khéo đây không có nghĩa là khôn-khéo, khéo léo, mà có nghĩa là lạ lùng, là nực cười, là khó hiểu, cũng như *khéo* trong những thành-ngữ: *khéo chữa* | *khéo thay*, *rõ khéo*. . . , *khéo vế*. . .

3) *Bể dâu* dịch chữ *Tang thương* trong câu chữ sách *Thần-Tiên-Truyện*: *Thương hải biến vi tang điền, tang điền biến vi thương hải* 滄海變桑田桑田變為滄海: *Bể cả biển thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành bể cả*.

Trải qua một cuộc bể dâu nghĩa là trải qua một cuộc biến chuyển của đời người.

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng (4)

Lạ gì « bỉ sắc tư phong » (5)

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen (6)

Cảo-thơm lẫn giở trước đèn (7)

« Phong tình cổ lục » còn truyền sử xanh (8)

Rằng năm Gia-Tĩnh triều Minh (9)

4) Nếu là văn xuôi thì câu này phải viết :

Trông thấy những điều mà đau đớn lòng.

Những điều là trực tiếp bổ-túc-từ đặt ở trên trông thấy là động-từ đặt ở dưới bổ-túc-từ.

Những điều là những điều Tài Mệnh khéo ghét nhau, nói ở câu trên.

5) *Bỉ sắc* 彼色 là cái kia kém ; *Tư phong* 斯豐 là cái này hơn do câu chữ sách cổ *Phong vu bỉ, sắc vu thử* 豐于彼 吝于此 nghĩa là hơn cái kia thì kém cái này, đây có ý nói bề Tài hơn thì Mệnh kém, Tài kém thì Mệnh hơn, Tài Mệnh ít khi đáng đối với nhau.

6) *Tinh-sử* có câu *Tạo vật đổ hồng nhan* 造物妒紅顏 nghĩa là Tạo.Hóa ghen với người đàn bà đẹp. Đàn bà đẹp thường gặp gian-truân, nên người ta cho hình như là trời ghen ghét người đàn bà đẹp. Thực ra Trời không ghen ai.

Câu này có bản chép *Trời xanh quen với má hồng đánh ghen*.

7) *Cảo thơm* tức *Phương Cảo* 芳稿 tức là pho sách thơm ý nói pho sách hay, lưu mùi thơm lại đời sau.

8) « *Phong tình cổ lục* » là tên bộ sách chép truyện phong tình đời cổ. *Sử xanh* là sử cổ. Đời xưa chép sử sách vào thanh tre, cột tre xanh nên gọi là *Thanh Sử* 青史. Cả câu nghĩa là sách *Phong-tình cổ lục* còn truyền lại đời sau như chép trong sử. Câu này và câu trên nói xuất-xứ truyện Kiều. Truyện Kiều thấy chép trong « *Phong tình cổ lục* ».

9) *Năm Gia-Tĩnh* là năm Vua Gia-Tĩnh đời nhà Minh (1522 — 1566 bên Tàu — *Gia-Tĩnh* là niên-hiệu Vua Thế-Tông nhà Minh.

Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng (10)

Có nhà viên ngoại họ Vương (11)

Gia tư nghĩ cũng thường thường bực trung (12)

Một trai con thứ rồi lòng

Vương-Quan là chữ nổi giòng nho-gia (13)

10) *Bốn phương phẳng lặng* là khắp nước thái bình không có giặc giã. *Hai kinh vững vàng* là hai kinh-dò yên-ôn. Bấy giờ nước Tàu có hai kinh-dò là Bắc Kinh và Nam Kinh

11) *Viên ngoại* nguyên là một chức quan. Đời Đường bỏ đến mấy nghìn chức viên ngoại một lúc, nhiều người bỏ tiền ra chạy chọt cũng được. Vì nhiều viên ngoại quá nên sau viên ngoại dùng làm tiếng gọi các nhà giàu, cũng như ta gọi trưởng giả hay ở nhà quê ta gọi là cụ Bá chẳng hạn.

12) *Gia tư* 家私 là của cải trong nhà nghĩa cũng như gia tài. *Nghĩ tiếng Nghệ Tĩnh* nghĩa như *hắn, y, nó*. *Bực trung* là bực vừa vừa không giàu lắm không nghèo lắm.

13) *Vương Quan* là chữ nghĩa là tên tự là Vương Quan.

Chữ tức là Tự 字 *Tự* là tên tự. Bèn Tàu ngày xưa con trai từ lúc mới sinh ra đến năm 19 tuổi chỉ mới có tên tục tức tên gọi trẻ con trong nhà. Từ năm 20 tuổi trở đi, bấy giờ con trai mới bắt đầu đặt mĩ, sau khi làm lễ *Gia quan* và từ bấy giờ mới có tên Tự, tức là tên người lớn.

— *Tiếng Chữ tức Tự* phải giải như vậy thì mới có nghĩa. Nhưng ở đây, *Vương Quan* là em Thúy Kiều Thúy Vân.

Mà hai chị mới sắp sí tới tuần Cặp Ké, tức độ 14, 15 tuổi (xem đoạn dưới sẽ rõ). Vậy *Vương quan* theo lẽ, chưa thể có tên Tự, vì tuổi chưa đến hai mươi.

Đời Minh, tục đặt tên Tự không theo đúng cổ lệ chăng ?

Hay là cụ Nguyễn-Du đã dùng lầm chữ ?

Hay là tiếng chữ ở đây tác giả không định dùng để nói tên Tự ? (Nếu thế thì dùng ép không hay)

Đầu lòng hai ả tố nga ; (14)

Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân

Mai cốt cách, tuyết tinh thần (15)

14) ả ; tiếng cổ nghĩa là chị.

Tục-ngữ có câu : *tại anh tại ả tại cả đôi bên*. Và hiện nay người Mường vẫn gọi con gái đầu lòng của Quan-Lang là *Nàng ả*, con thứ thì gọi là *Nàng hai*. Cũng có khi có nghĩa như tiếng Cổ. Tương truyền cụ Nguyễn-Trãi đọc thơ hỏi Thị-Lộ có câu :

Ả ở đâu ta bán chiếu gon.

Tố-Nga 素娥 : Có thuyết nói là một tên khác của Thường Nga hoặc Hằng-Nga, vợ Hậu-Nghê thời cổ đã ăn vụng thuốc trường-sinh của chồng trốn lên cung-trăng. Có thuyết nói là chữ trở chung con gái đẹp. Ở đây Tố-Nga dùng theo nghĩa dưới. Không nên lầm với Tố-Nữ 素女 là con gái sành chơi âm nhạc như tranh Tố nữ thời sáo đánh đàn.

15) *Mai cốt cách* : cốt cách thanh-kỳ như cây mai hoặc cành mai, ý nói tầm vóc người dong-dỏng cao thanh thanh như cành mai (cành mai coi gãy guộc xương xẩu thanh thanh). mấy chữ này tả tầm vóc Kiều (Thúy-Vân không có cốt cách như thế, xem đoạn dưới sẽ rõ).

Tuyết tinh thần : tinh thần trong trắng như tuyết, ý nói tư tưởng trong sạch; đầu óc ngây thơ, không bợn một chút gì là ô-trọc tức là ngoan-ngoãn nết-na, thật-thà chất phác. Mấy chữ này tả tính-tình, đức-hạnh của Thúy-Vân. (Kiều không có cái tinh-thần ấy, truyện sau chứng tỏ điều đó).

Cứ coi câu sau : *mỗi người một vẻ ...* thì biết rằng *mai cốt cách* là vẻ của người này, và *tuyết tinh-thần* là vẻ của người kia, chớ hai vẻ đó không chung cho cả hai chị em Kiều như người ta vẫn thường hiểu.

Mỗi người một vẻ, mười phần vẹn mười (16)

Vân xem trang trọng khác vời (17)

16) Tức là hai chị em có hai vẻ khác nhau.

Hai vẻ ấy trên đã nói rõ.

Mười phần vẹn mười: giá như vẻ của mai cốt cách có mười phần thì Kiều có đủ cả mười phần vẻ của tuyết tinh thần có mười phần thì Vân có đủ mười phần ấy. *Mai cốt cách* là vẻ đẹp của thân hình: *tuyết tinh thần* là vẻ đẹp của nết-na. Tác-giả muốn nói: một người thì thân-hình hết sức đẹp, một người thì nết-na hết sức ngoan. *Mười phần vẹn mười* cũng như hiện giờ ta nói *trăm phần 100* vậy.

17) *Trang trọng*: *Trang* là đoan-trang bề vẻ, đứng đắn. *Trọng* là trọng-hậu, phương-phí. *Trang* tả tính-tĩnh lộ ra cử-chỉ, *trọng* tả tâm vóc người.

Khác vời là khác-vì, nói tranh ra. *Vì* dịch chữ *Vị* là ngôi, là vì, là bậc, là chỗ, như ngôi sao, ngôi vua, vì sao, ba vì, (núi Ba-Vì một vì (nhà, ngôi nhà) ba vì tào quán, trị vì... Làm vì .. thay vì. Chữ *Vị* chữ Hán lại hàm nghĩa là chỗ ở, chỗ ngồi, địa-vị thường và chung cho cả một loại. *Khác vì* tức là khác các ngôi thường thấy ở loại đó. *Ngôi* lại có nghĩa là người, như ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai (văn-phạm Chúa ba ngôi).

Vân xem trang-trọng khác vời, là xem nàng Vân thấy có vẻ trang trọng khác những người cùng một vì (cùng một địa-vị, một trà-lừa) với nàng tức là khác những con gái thường thấy, vào tuổi nàng. Ý nói Thúy-Vân đứng đắn và phương-phí phúc hậu khác hẳn các cô gái cùng lứa tuổi nàng.

Khuôn trắng đầy đặn nét ngài nở nang (18)

Hoa cười ngọc thốt đoan trang (19)

18) *Khuôn trắng đầy đặn* : khuôn mặt tròn . trĩnh và đầy đặn như mặt trăng đầy (mãn) ý nói mặt bầu bĩnh đầy đặn phúc-hậu.

Nét ngài tức nét mày ngài.

Mày ngài dịch chữ NGÀ MI 蛾眉 của Tầu, Con Ngài (tức thứ bướm cần kén tằm ra) ở đầu có hai cái râu nhỏ, dài và cong ; người ta ví cái lông mày dài, thanh, cong cong bán nguyệt của người gái đẹp với râu con ngài nên gọi là *Nga-Mi* hay *mày ngài*.

Nét ngài nở nang : nét *mày* ngài nở nang, ý nói lông *mày* Thúy-Vân cong cong, dài như *mày* ngài nhưng nở nang, tức là lông *mày* hơi thô, to bản Mặt đầy đặn phúc-hậu thì phải có lông *mày* như thế mới xứng.

Câu này giải-thích và chứng-minh ý *trang-trọng khác với ở* câu trên.

19) *Hoa cười* là cười tươi như hoa. *Ngọc thốt* là lời nói đẹp như ngọc. *Thốt* do chữ thuyết 說 của Tầu mà ra, nghĩa là nói. Tục-ngữ ta có câu : *Biết thì thưa thốt không biết dựa cột mà nghe*.

Đoan trang là đoan chính và trang nghiêm. *Đoan chính* là đứng đắn ; *trang nghiêm* là bề vệ đường hoàng.

Cả câu nghĩa là : Thúy-vân cười tươi như hoa, lời ăn tiếng nói trong đẹp như ngọc mà đứng đắn bề vệ không đồng-danh lẫn lờ.

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da (20)

Kiều càng sắc sảo, mặn mà (21)

Sò bề tài, sắc, lại là phần hơn (22)

Làn thu thủy, nét xuân sơn (23)

20) Nước bóng xanh đen của tóc đến mây cũng phải kém. Màu da trắng đến tuyết cũng phải thua. Ý nói tóc xanh bóng và da trắng muốt. Mây đây là đám mây. Sách Tần có chữ *Vân phát* nghĩa là mái tóc xanh đen như mây. Có người cho mây là cây mây thì sai. Cả câu ý nói : da trắng tóc dài, người đẹp.

21) *Sắc-sảo* là sành-sôi lọc lõi, khôn ngoan biết nhiều và cái gì cũng biết đến nơi đến chốn, tức là *sành* là *lỗi*.

Mặn mà là có duyên. Có duyên tức là nhan sắc đáng đáp điệu bộ lộ ra vẻ tình tứ, lẳng lơ, đáng yêu, khiến người ta say mê, mơ ước.

Hai chữ *sắc-sảo* đây là một phẩm-tự kép (adjectif composé) phẩm định chữ *tài* ở câu dưới, *mặn-mà* là phẩm-tự kép phẩm định chữ *Sắc* ở câu dưới.

Tác-giả muốn nói : *tài của Kiều sắc sảo hơn, sắc của Kiều mặn-mà hơn tài sắc Thúy Vân*). Một chữ *càng mà* bằng cả một đoạn tả chân và làm át được nhan-sắc Thúy-Vân thật *tài-tình*!

22) *Tài* là *tài-hoa*, *tài trí* ; *Sắc* là *sắc đẹp*. Cả câu nói Kiều vừa *tài hoa* vừa *xinh đẹp* hơn Vân.

23) *Làn thu thủy* là làn nước mùa thu, đây nói mắt trong sáng như nước mùa thu. *Nét xuân sơn* là nét núi mùa xuân, đây nói nét lông mày thanh-thanh như núi mùa xuân. Sở dĩ có nghĩa như thế là vì trong sách *Tĩnh sử* có câu « *nhơn như thu thủy, mi tựa xuân sơn* » 眼如秋水眉似春山 mắt trong như nước mùa thu, mày thanh như núi mùa xuân. *Lông mày như núi xuân* tức là *lông mày thanh*. Nghĩa ấy do câu này của Quách-Hy chép trong sách « *Sơn xuyên huấn* » ; *xuân sơn đạm bạc nhĩ như tiểu* 春山淡薄而如笑 nghĩa là : *núi xuân thanh-thanh nhạt nhạt mà như cười*.

Do câu sách *Tĩnh sử* mà hễ nói *thu thủy* là người ta biết rằng nói mắt, nói *xuân-sơn* là nói lông mày, tuy rằng trong câu không có chữ *mắt* và chữ *mày*.

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh (24)

Một hai nghiêng nước nghiêng thành (25)

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai (26)

Thông minh vốn sẵn tính trời (27)

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm (28)

24) *Môi đỏ thắm đến nỗi hoa cũng phải ghen tị vì hoa thua thắm* : mái tóc dài tốt và xanh đến nỗi tơ liễu cũng phải oán hờn vì liễu kém xanh.

25) *Một* là một cái ngoảnh nhìn, *hai* là hai cái ngoảnh nhìn ; ngoảnh nhìn lần thứ nhất thì nghiêng thành, ngoảnh nhìn lần thứ nhì thì nghiêng nước, ý nói đẹp quá có thể làm cho vua chúa say-mê đến mất thành mất nước. Nghĩa đó xuất tự câu thơ sau này của Lý-Duyên-Niên. 一朝傾入城再朝傾入國 nhất cổ khuynh nhân thành, tái cổ khuynh nhân quốc nghĩa là một lần ngoảnh lại thì làm nghiêng thành người, hai lần ngoảnh lại thì làm nghiêng nước người ta.

26) *Đòi* là nhiều. *Sắc đành đòi một* là sắc đẹp nhiều lắm cũng chỉ có một. *Tài đành họa hai* tài giỏi thì họa ra có được 2 người ý nói sắc đẹp tuyệt thế không ai sánh kịp, tài thì may có người bằng. *Đòi phen* : nhiều phen. *Đòi cơn* : nhiều cơn. *Hình thì còn bụng chết* đôi nhau (Cung oán) bình thì còn, còn tâm đã chết vì nhiều đau đớn ngấm ngấm.

26) *Tính trời* tức thiên-bẩm, thiên-tính nghĩa là tự nhiên mà có, như là do trời sinh ra. *Thông-minh vốn sẵn tính trời* nghĩa là vốn thông-minh tự thuở bé.

28) *Pha* tức là trộn lẫn. *Pha nghề thi họa* nghĩa là nghề làm thơ và nghề vẽ hai nghề đó pha trộn lẫn với nhau, ý nói vừa biết làm thơ vừa biết vẽ. *Đủ mùi* tức là đủ vẻ — (Mùi đây nghĩa như là màu — ngày xưa mùi với màu cùng một nghĩa ; màu là vẽ) *Đủ mùi ca ngâm* là ca hát và ngâm thơ cũng biết đủ vẻ tức là hát và ngâm thơ đều hay.

Cung thương lầu bậc ngũ âm (29)
Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trương (30)
Khúc nhà tay lựa nên chương (31).

29) *Cung thương* 宮商 là hai âm đứng đầu ngũ âm 五音 của Tàu.

Ngũ âm là năm thứ tiếng, trở gồm âm-nhạc Tàu, là :

- 1.— *Cung* 宮
- 2.— *Thương* 商
- 3.— *Giốc* 角
- 4.— *Trủy* 徵
- 5.— *Vũ* 羽

Cung là tiếng to, nặng, rất thấp rất đục, tức tiếng ò-ò, chập chạp, tiếng thồ.

Thương là tiếng hơi đục, hơi thấp, mau, lẹ tức là tiếng loài Kim, hoặc tiếng kim.

Giốc là tiếng lơ-lửng không cao, không thấp không trong không đục, tiếng tròn và kéo dài, như tiếng cưa gỗ, chính nghĩa là tiếng sừng, tù-và.

Trủy là tiếng mở chim hót, tiếng hơi cao, hơi trong.

Vũ là tiếng chim vỗ cánh, tiếng rất cao, rất trong : Quần Tử xưa bảo nghe như tiếng ngựa hí ngoài đồng xa.

Lầu bậc ngũ âm là lầu thông cung bậc ngũ âm, tức là sành âm-nhạc.

30) *Nghề riêng* tức cũng như tài riêng ; *ăn đứt* tức là hơn hết, thắng hết mọi người ; *Hồ cầm* chính là cái nhị hay cái hồ ; *dây tác giả dùng làm* để trở đàn tỳ-là là thứ đàn xuất tự rợ Hồ. *Một trương* 張 nghĩa là một dây, đây trở cây đàn.

Cả hai câu này nghĩa là : Kiểu sành âm nhạc và riêng về đàn tỳ bà thì nài chơi hay lắm không ai bằng được.

31) *Khúc* là khúc nhạc, *Khúc nhà* tức là khúc nhạc riêng tay lựa soạn ra. *Chương* là bài, bản hát. Câu này nghĩa là Kiểu tự tay lựa soạn ra bản nhạc và lời nhạc,

Một thiên bạc-mệnh, lại càng nào nhân (32)

Phong lưu rất mực hồng-quần (33)

Xuân xanh sắp sỉ tới tuần cập kê (34)

Èm đêm trướng rủ màn che (35)

32) Các bản ấy đều buồn thảm nhưng có bài tên là « *Bạc Mệnh* », thì lại càng làm cho người ta nghe phải sầu não.

Bạc Mệnh nghĩa là phận mỏng, phận mong manh tức là cái số xấu của đàn bà. *Nào nhân* là làm người ta nào lòng.

33) *Phong lưu* đây là phẩm-cách tao nhã.

Rất mực là đến cái mực chót.

Hồng quần là quần đỏ. Xưa con gái Tàu có thời mặc toàn quần đỏ. Nên hồng quần trở gồm đàn bà con gái. Cả câu nghĩa là : phẩm cách tao nhã nhất bọn con gái.

34) *Xuân xanh* là thanh xuân 青春 ý nói tuổi xanh, tuổi trẻ. *Sắp sỉ* tức là suýt soát. *Tới tuần* là tới lúc, tới độ, tới kỳ. *Cập kê* 及笄 là tuổi có thể lấy chồng.

Kê là cái trâm ; có hai thứ *Kê*, thứ để cài búi tóc thì đàn ông đàn bà đều dùng. Thứ để cài mũ (mũ thời cổ) thì chỉ đàn ông dùng, đàn bà không dùng.

Tục Tàu con gái 15 tuổi bắt đầu búi tóc, cài *Kê*. tức là đã bắt đầu thành người nhớn.

Do tục đó, sau để nói con gái đến tuổi thành nhân đến tuổi đi lấy chồng, người ta gọi là *Cập Kê*. Đó là một thành ngữ dùng quen rồi. Không nên tách riêng chữ *cập* ra giải nghĩa, mà thành vô nghĩa. Cả câu này nghĩa là Kiều sắp sỉ đến tuần lấy chồng, hoặc gần 15 tuổi.

35) Câu này ý nói chị em Kiều cấm cung luôn trong nhà (màn che trướng rủ) không hay ra ngoài chơi bời và cũng không có tai tiếng chi (êm đêm về đức hạnh).

Tường đông ong bướm đi về mặc ai (36)

II

Ngày xuân con én đưa thoi (37)

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi (38)

Cỏ non xanh tận chân trời (39)

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa (40)

36) *Tường đông* là bức tường phía đông. *Ong bướm* tả những kẻ chơi bời như bướm ong bay lượn. Cả câu này nghĩa là chị em Kiều ăn ở nền nếp không bắt chước những kẻ chơi-bời không chú ý đến những kẻ đi lại treu ghẹo. Chữ *tường đông* dùng chữ sách Mạnh-Tử : « *Du đông lân nhi lâu kỳ xử tử* 鄰而隄其處子 nghĩa là *trèo qua tường sang nhà láng giềng phương đông để dành con gái người ta*.

37) Ngày xuân thấm thoát đi nhanh như cái thoi dẹt cửi làm hình chim én. Ta thường nói thoi én. Câu này lấy chữ ở câu *Tuế nguyệt như thoa* 歲月如梭 ngày tháng như thoi đưa.

38) *Thiều quang* 韶光 là bóng sáng êm đềm, ý nói tiết mùa xuân êm dịu. *Chín chục* là chín mươi ngày (mùa xuân), đã ngoài sáu mươi là đã được hơn sáu mươi ngày, tức là đã sang đầu tháng ba.

39) *Cỏ non* tức là cỏ mùa xuân ; *xanh tận chân trời* : ý nói cỏ đã xanh tốt, mùa hè sắp tới.

40) *Cành lê* đã bắt đầu điểm một vài bông hoa trắng. Hai câu này dịch ý câu thơ Tầu cổ : *phương thảo liên thiên bích lê chi sở điểm hoa*.

芳草連天碧
梨花點點花

Nghĩa là : *cỏ thơm biếc liên liền trời*.

cành lê điểm mấy bông.

Câu này cũng như câu trên tả cảnh cuối mùa xuân, sắp sang mùa hè. Vì lê nở hoa về đầu mùa hè.

Giấu tất cả những chữ nói về thi-gian, chỉ đọc hai câu này người ta cũng biết bấy giờ là cuối xuân sắp sang hè.

Mỗi câu tả cảnh của tác-giả có một dụng ý riêng, chứ không phải ngẫu-nhiên hay cố ý gây dư-ba cho đoạn văn như nhiều người lầm tưởng.

Thanh minh trong tiết tháng ba (41)

41) *Thanh minh* 清明 là tên một thời tiết, tức là một khoảng thời-gian phân định sẵn trong lịch Tàu.

Lịch cổ nước Tàu chia một năm ra làm tám tiết gọi là *bát tiết* tức là những tiết sau này :

Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông, Xuân Phân, Thu Phân, Hạ Chí và Đông Chí.

Lịch kim (tức lịch từ thời Hán trở lại) của Tàu thì chia năm ra làm 24 *Khí* hoặc *Tiết*. Cứ ba ngày là một *Hậu* 候 năm *Hậu* là một *Khí* 氣 hoặc *Tiết*, một năm có 24 *Khí* hay *Tiết*, mỗi tháng chia ra làm 2 *khí* ; *khí* nhằm vào những ngày đầu tháng thì gọi là *Tiết Khí* 節氣 *Khí* nhằm vào những những ngày giữa tháng thì gọi là *trung khí* 中氣 *Tiết khí* và *trung-khí* thường gọi tắt là *tiết* và *trung*.

Đầu đời Hán, lấy tiết *Kinh-Trập* làm chính nguyệt *trung* (tức là *Khí* vào giữa tháng giêng) lấy *Vũ thủy* làm *nhị nguyệt tiết* (tức là *khí* vào đầu tháng hai).

Cuối đời Hán, Lưu-Hàn làm Tam Thống đổi *Kinh Trập* làm *nhị nguyệt tiết* (*khí* vào đầu tháng hai) *Vũ-thủy* làm chính nguyệt *trung* (tức là *khí* vào giữa tháng giêng) (*Cốc-Vũ* làm tam nguyệt tiết (*khí* đầu tháng ba) *Thanh Minh* làm tam nguyệt *trung* (*khí* vào giữa tháng ba),

Lịch Tàu ngày nay (tức là sau thời Hán) thì chia *Thanh-Minh* làm tam nguyệt tiết (tức *khí* vào đầu tháng ba) (*Cốc-Vũ* làm tam nguyệt *trung* (*khí* vào giữa tháng ba).

Hai mươi bốn tiết-khí trong một năm là những tiết khí sau :

Mùa Xuân : *Lập Xuân, Vũ Thủy, Kinh Trập, Xuân Phân, Thanh Minh, Cốc Vũ.*

Mùa Hạ : *Lập Hạ, Tiểu Mãn, Mang Chủng, Hạ Chí, Tiểu Thử, Đại Thử,*

Mùa Thu : *Lập Thu, Xử Thử, Bạch lộ, Thu Phân, Hàn Lộ, Sương Giáng.*

Mùa Đông : *Lập Đông, Tiểu Tuyết, Đại Tuyết, Đông Chí, Tiểu Hàn, Đại Hàn.*

Cứ coi như vậy, thì câu *thanh minh trong tiết tháng ba* là dịch câu *thanh minh tam nguyệt tiết* 清明三月節 nghĩa là tiết thanh minh đầu tháng ba.

Lễ là tảo mộ, hội là Đạp-Thanh (42)

Gần xa nô nức yến oanh (43)

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân (44)

Đáp - diu tài tử, giai nhân (45)

Theo cách dùng thuật-ngữ của lịch Tàu thì chỉ nói *tiết tháng ba* hay *tam nguyệt tiết* tức *tam nguyệt tiết-khi* là người ta hiểu ngay là nói đầu tháng ba. Vì *tiết* đây là *tiết khi* nói tắt, mà *tiết-khi* nghĩa là thời-tiết nhằm đầu tháng (coi lại đoạn trên). Vậy thì, *trong tiết tháng ba* có nghĩa là *vào đầu tháng ba*, chứ không có nghĩa là trong khoảng thời-tiết tháng ba, như ta vẫn thường hiểu.

42) Tục Tàu, nhân tiết Thanh-Minh, người ta tổ chức lễ thăm mộ gọi là Lễ Tảo Mộ, tức là lễ quét tước sửa sang mồ-mả, và nhân lễ tảo-mộ ngoài đồng, mà tự nhiên có hội gọi là hội Đạp-Thanh tức là hội dẫm lên đám cỏ xanh ở ngoài cánh đồng.

43) Nơi gần nơi xa, người ta kéo nhau nô nức đi từng đoàn từng toán, như chim yến chim oanh (loại chim này hay đi từng đoàn).

44) *Chị em* đây là *chị em nhà cô Kiều*. *Chơi xuân* là đi chơi ngoài cánh đồng cỏ. Thơ tần có câu : Xuân du phương thảo địa 春遊芳草地 nghĩa là : Mùa xuân chơi cánh đồng cỏ thơm.

45) *Đáp-diu* là qua lại đông đảo. *Tài-tử* : là người con trai có tài, đây có nghĩa là các cậu xinh trai. *Giai-nhân* là người đẹp, đây là con gái đẹp.

Ngựa xe như nước áo quần như nen (46)

Ngõn ngang gò đồng kéo lên (47)

46) *Ngựa xe như nước* là ngựa xe như nước chảy hết lớp này đến lớp khác. *Áo quần như nen* là áo quần san-sát như cỏ nen.

Nen là một loài cỏ, không có cành, chảnh, không có lá, chỉ có thân cây. Thân cây là một cái đồ hình tròn, dài có khi tới mấy thước tây, nhỏ như cái tăm, lớn thì như chiếc đũa, ruột rỗng, chia thành từng đốt liền khó nhận, da xanh biếc, đầu nhọn như mũi kim đan áo len, mọc thẳng tắp từ dưới nước lên, trông xa tựa như dò hành, dò lệ.

Nen mọc ở ruộng nước, nhiều nhất tại các vùng đồng chiêm Ninh-Bình, Thanh-Hóa, nửa năm đồng chiêm ngập nước mênh mông. *Nen* mọc rất mau, san-sát như rừng, che kín cả ruộng người không biết có khi tưởng là ruộng lúa. Trong một thửa ruộng độ một sào, không biết có mấy ngàn mấy vạn cây *nen* mà kê. *Nen* mọc rất khỏe, lễ nước lên cao đến đâu, là *nen* ngai lên đến đó.

Vùng đồng-chiêm mạn Ninn-Bình Thanh-Hóa lễ có nước là có *nen*, tác-giả vì *ngựa xe như nước, áo quần như nen* vừa đúng sự thực, văn vừa có màu sắc.

Nen có nơi gọi tranh ra là *Nền*, *Năn* hoặc *Nền*.

Chép : *áo quần như nếm* là sai, vì :

1) Câu này gồm 2 vế tiểu-đối : Vế trên *ngựa xe như nước* mà vế dưới là *áo quần như nếm* thì không cân. *Nước* là danh-tự, không thể đối với *nếm* là động-tự. *Nước* là thực-tự không thể đối với *nếm* là hư-tự.

2) Ý nghĩa chữ *Nếm* không đi được với *quần áo*. Người ta thường chỉ nói : người đóng chặt như *nếm cối*, không ai nói *quần áo như nếm* bao giờ.

3) Chép như *nếm* thì lạc mất vần thơ. Vì tiếp theo là *ngõn ngang gò đồng kéo lên*. Trên văn *nếm* câu dưới không chuyển xuống vần lên được.

47) Nếu là văn xuôi thì câu này viết : Họ kéo nhau lên những gò đồng ngõn ngang ngoài đồng.

Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay (48)
 Tà tà bóng ngả về tây (49)
 Chị em thơ thẩn dan tay ra về (50)
 Bước lờn theo ngọn tiểu khê (51)
 Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh (52)
 Nao nao dòng nước uốn quanh (53)
 Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang (54)
 Sè sè nắm đất bên đường (55)
 Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh (56)
 Rằng : « Sao trong tiết thanh-minh (57)
 Mà đây hương khói vắng tanh thế mà (58)

48) Thoi vàng vó tiếng Nghê Tĩnh cũng như ta nói thoi vàng hồ ; tro tiền giấy bay là giấy tiền đốt, tàn tro bay lên.

49) Tà tà là nghiêng ngả, chênh chếch. Bóng ngả về tây là bóng mặt trời ngả về tây, ý nói trời xế chiều.

50) Chị em vẫn là chị em Kiều. Dan tay là cầm tay nhau Ra về là trở ra về.

51) Tiểu khê là khe nhỏ tức là giòng suối nhỏ.

52) Thanh Thanh là lơ thơ coi thanh nhã xinh đẹp.

53-54) Hai câu này ý đi liền nhau một hơi. Dòng nước nao nao uốn quanh dịp cầu nhỏ bắc ngang ở chỗ cuối ghềnh tức là chỗ cuối khoảng đất cao chênh vênh. Ghềnh tức là chỗ cao chênh vênh cạnh giòng nước.

55) Nắm đất tức đồng đất đây là cái mả.

56) Dầu dầu là hơi dầu, hơi héo, tức là cỏ úa, sắc nửa vàng nửa xanh. Nói mộ có cỏ úa để tỏ rằng mộ không có ai thăm viếng, rầy cỏ sưa sang, tức là nắm mộ hoang.

57) Coi đoạn dưới, thì biết đây là lời Kiều hỏi.

58) Tiết thanh minh thì mồ mả nào cũng có người tảo mộ và đốt hương, sao mộ này lại không có hương khói ? Sao mộ này lại không có người viếng thăm ?

Vương Quang mới dẫn gần xa (59)
 Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi (60)
 Nổi danh tài sắc một thì.
 Xôn xao ngoài cửa thiếu gì yến oanh
 Phận hồng nhan có mong manh (61)
 Nửa chừng xuân, thoát gãy cành thiên hương (62)
 Có người khách ở viễn phương
 Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi
 Thuyền tình vừa ghé tới nơi (63)
 Thì đã trăm gãy bình rơi bao giờ (64)

59) Kiều mới gần 15 tuổi ; cách Thúy Vân mới đến Vương Quan Nghĩa là Vương Quan tuổi mới độ 11, 12 là cùng.

Vậy mà Vương Quan lại hiểu truyện Đạm Tiên kỹ càng, tỉ mỉ như thế. Còn Kiều thì không hiểu biết tí gì. Đó cũng là một điều khó tin, nhất là Kiều lại không phải người vô học. Nhà chép truyện sắp đặt chưa được khéo.

60) Ca nhi là gái hát, cũng như ta nói ả đào.

61) Tức là hồng nhan bạc phận hay bạc mệnh nghĩa là phận mỏng manh hay số mệnh mỏng manh của người gái đẹp. Hồng nhan là sắc mặt đỏ, ý nói má hồng, tả gái đẹp.

62) Cành thiên hương là cành hương giới tức là cành hoa, đây nói người gái đẹp. Cả câu này nghĩa là đang giữa tuổi xuân thì người đẹp chết.

63) Thuyền tình tức là cái thuyền của người tình. Ngày xưa đi xa hầu hết đều dùng thuyền. Đây nói thuyền người khách viễn phương đến tìm Kiều. *Hàm Viễn*

64) Trăm gãy bình rơi chiếc trăm gãy, cái bình vỡ ; ý nói người đã chết. Câu trên và câu này hình như tác giả đã thoát dịch câu thơ Đường :

Nhất phiến tình chu phương đảo ngọc

Bình trăm hoa chiết dĩ đa thì

一片情舟方到岸 瓶花折已多時 lược dịch :

Một lá thuyền tình vừa tới bến, bình chim hoa gãy đã từ lâu.
 Nếu quả như vậy, thì có lẽ phải chép là : hoa gãy bình rơi mới đúng.

- Buồng không lặng ngắt như tờ (65)*
Dấu xe ngựa đã rêu lở mờ xanh (66)
Khóc than khôn xiết sự tình (67)
Khéo vô duyên bấy là mình với ta (68)
« Đã không duyên trước chẳng má,
« Thì chỉ chút ước gọi là duyên sau (69)
« Sấm xanh nếp tử xe châu (70)

65) *Lặng ngắt như tờ* là lặng ngắt như tờ 寂. Tờ là đèn từ. đèn thờ. Chữ tờ thường đọc trạnh ra là tờ. Ta có câu: vắng như đèn Bà Đanh. Lặng ngắt là im lặng và vắng ngắt. Nhiều bản viện câu thơ bà Huyện thanh Quan « *Trắng xóa tràn giang phẳng lặng tờ* » mà giảng là lặng ngắt như tờ giấy thì vô nghĩa, vì căn phòng không vì với mặt nước sông được, căn phòng không phẳng lặng như tờ giấy được.

66) *Dấu đây là vết*. Câu này nghĩa là những vết xe ngựa hẳn xuống đất từ ngày trước bây giờ rêu xanh đã phủ lên, chỉ còn trông thấy lở mờ. Ý nói Đạm Tiên mất đã lâu rồi.

67) *Khôn xiết* là khó hết. *Sự tình* là câu truyện kể lại. Cả câu nghĩa là người khách khóc và than thở kể về sự tình mãi không hết lời.

68) *Khéo* đây là trạng từ (adverbe) có nghĩa là thật quá. *Vô duyên* là không có nhân duyên nên không được gặp nhau yêu nhau. Nhân duyên và duyên đây dùng theo chữ nhà Phật nghĩa là sự liên lạc dính liú. *Bấy* tiếng cổ nghĩa cũng như biết bao nhiêu. *Mình* là tiếng xưng hô dùng để trở người thứ hai bằng hàng với mình có hàm ý thân mến.

69) *Chút ước* 一 一, một chút để ước hẹn.

Duyên sau (tức là duyên kiếp sau), cả câu: gọi là một chút để ước hẹn cuộc nhân duyên kiếp sau (vì kiếp trước đã không có duyên rồi).

70) *Nếp tử* là áo quan làm bằng gỗ tử.

Xe châu là linh xa có treo rèm châu, tức là rèm chân chỉ hạt bột, ý nói linh xa lịch sự sang trọng. Bên Tàu ở miền Bắc thường có tục quan áo quan trong nhà bằng năm chưa chôn mà không sao, vì ở đó trời rét, quanh năm có tuyết. Cho nên Đạm Tiên tuy chết đã lâu mà chưa chôn.

Có lẽ vì không người thân thích.

« Vui nông một nắm mặc dầu cỏ hoa (71)

« Trái bao thỏ lặn ác tà (72)

« Ấy mờ vô chủ ai mà viếng thăm !»

Lòng đau sẵn mối thương tâm (73)

Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa (74)

71) Vui nông một nắm nghĩa là một nắm mờ thấp sát mặt đất không đắp cao, coi như là chôn nông chứ không phải thật là chôn nông.

Người khách viễn phương đã có hậu tình sẵn sẵn « nấp từ xe châu » thì ắt cũng không ngại gì mà không đào sâu chôn chặt cho Đạm-Tiên. Có điều là khách không lưu lại lâu để đắp mộ cho thật cao. Hoặc có đắp nắm cao nhưng xong việc rồi đi, mộ bỏ đó cho cỏ hoa mọc sức mọc lên, không ai sửa sang bồi đắp, lâu ngày nắm mộ mòn thấp sẽ nên gọi là vui nông.

72) Thỏ là con thỏ, đây là mặt trăng ; người xưa tin rằng cái tinh trong mặt trăng là con thỏ.

Ác là con quạ cũng nghĩa như chữ ô, đây là mặt trời ; người xưa tin rằng cái tinh trong mặt trời là con quạ vàng ở chân. Câu này ý nói trái quạ bao nhiêu ngày tháng.

73) Mối thương tâm sẵn có, thỉnh linh ở đâu đưa đến trong lòng, làm cho nàng cảm động. Nếu là văn xuôi thì câu này viết ; mối thương tâm sẵn có ở đâu trong lòng.

74) Châu là hạt ngọc, hạt châu. Sa là rơi xuống. Châu-sa đây là nước mắt rơi xuống. Sách Tàu chép rằng xưa có giống người ở giữa bể gọi là Giao nhân 交人 tức là một thứ cá hình người. Giống này khóc thì nước mắt đọng lại thành ngọc châu. Bởi vậy mà sau nước mắt gọi là châu. Vì mối thương tâm hình như sẵn ở đâu trong lòng nên vừa nghe Kiều đã khóc.

- « Đau đớn thay phận đàn bà !
 « Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung ! (75)
 « Phũ phàng chi mấy hóa công !
 « Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha (76)
 « Sống làm vợ khắp người ta.
 « Hai thay thác xuống làm ma không chồng (77)
 « Nào người phượng chạ loan chung (78)

75) Bạc mệnh là số mệnh mỏng manh. Người Tàu xưa thường cho những người xấu số là số phận hay số mệnh mỏng không được dày. Người tốt số là người mệnh hậu tức số mệnh dày. Cả câu này nghĩa là : thì ra câu hồng nhan bạc mệnh là chung cho hết thầy đàn bà.

76) Ngày xanh là ngày xuân, ngày tuổi trẻ, do chữ thanh xuân 青春 mà ra. Câu này nghĩa là ngày xuân qua đi lần-lần bao mòn, nhan sắc thì ngày một phai nhạt.

77) Hai thay nghĩa là thương hai thay cũng như ta nói tội nghiệp thay.

Hai câu này thoát dịch câu thơ Tàu cổ :

Sinh vi vạn nhân thê 生為萬人妻

Tử vi vô phu quỷ 死為無夫鬼

Sống làm vợ muôn người, chết làm ma không chồng.

78) Nếu là văn xuôi thì câu này viết : nào người chung chạ phượng loan, hoặc ; nào người phượng loan chung chạ.

Phượng là con trống, loan là con phượng mái, ý nói trai và gái. Chung chạ tức là đi lại ân ái với nhau

Câu này nói những người yêu Đạm-Tiên ngày xưa. Có bản giảng là những cặp vợ chồng no đủ, là sai.

Nào người tích lục tham hồng là ui (79)
 « Đã không kẻ đoái người hoài (80)
 « Sẵn đây ta thắp một vài nén hương,
 • Gọi là gặp gỡ giữa đường,
 « Họa là người dưới tuổi vàng biết cho (81).
 Lầm rầm khẩn khứa nhỏ to
 Sụp ngồi và gật trước mồ bước ra (82)
 Một vùng cỏ áy bóng tà (83)
 Gió hiu hiu thổi một và bông lau.
 Rút trâm sẵn dắt mái đầu,
 Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần (84)
 Lại càng mé mẩn tâm thần,
 Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra,

79) Tích lục là tiếc màu lục Tham hồng là ham màu hồng; màu lục là nước xanh biếc của tóc màu hồng là sắc hồng của má đào; ý nói người yêu quý Đạm - Tiên ngày trước Hai câu này nói: những khách làng chơi đã từng chung chạ với Đạm Tiên yêu quý nàng ngày xưa, ngày nay ở đâu (mà không đoái hoài đến mộ nàng?)

(80) Nếu là văn xuôi, thì câu này phải viết: Đã không có kẻ nào đoái hoài đến.

(81) Tuổi vàng do chữ Hoàng. Tuyền 黄泉 tức là suối nước màu vàng. Người Tàu xưa tin rằng ở dưới âm phủ có chín cái suối nước vàng, cho nên có chữ 九泉 tức là chín suối. Người dưới suối vàng đây trở Đạm Tiên.

(82) Sụp ngồi xuống trước mồ gật vài cái rồi bước ra chỗ khác.

(83) Cỏ áy là cỏ héo úa. Bóng tà là bóng mặt trời xế tà, tức là chiếu chênh-chéch xiên khoai.

(84) Bốn câu ba vần tức là bài thơ tứ tuyệt. Thơ tứ tuyệt gồm có 4 câu thì 3 câu vần với nhau. Kiều vạch da cây đề một bài thơ tứ tuyệt viếng Đạm Tiên. Vịnh tức là làm thơ, đề thơ

Lại càng ủ rột nét hoa (85)
 Sầu tuôn đứt nối châu sa vẫn dài, (86)
 Vân rằng : Chị cũng nực cười
 Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa (87)
 Rằng : Hồng-nhan tự thừa xưa (88)
 Cái điều bạc-mệnh có chữa ai đâu (89)
 Nỗi niềm tưởng đến mà đau

85) *Nét hoa* là nét mặt đẹp như hoa. *Ủ rột nét hoa* là mặt đẹp rầu buồn như hoa ủ héo.

(86) Có bản dịch Pháp-văn giảng là *đầy sầu hay tơ sầu (fil)* đứt nối. Chúng tôi cho là chưa được ổn. Vì *tuôn* không đi được với *sợi* hay *tơ*, chỉ có thể đi với chữ *trở* chất lỏng. Theo chúng tôi thì *sầu* đây nghĩa là khóc *Từ-Nguyên*, *Từ Hải* của Tầu đều giảng là *bị-đề* nghĩa là kêu thảm tức khóc). *Sầu tuôn đứt nối* là khóc tuôn ra những nước-nở dài, vẫn, đứt, nối. Nói khóc là người ta nghĩ đến nước mắt nên có thể dùng chữ *tuôn*. Cả câu này nghĩa là *Kiều* khóc nước nở đứt nối, nước mắt tuôn rơi vẫn dài Cũng có người nói : cả câu này chỉ bàm một ý tuy rằng câu chia làm 2 vế đóng nhau ; ý ấy như thế này : *Kiều* buồn sầu tuôn rơi nước mắt vẫn dài đứt nối. Giải như thế nghe cũng thông.

87) *Khéo* không phải là khôn khéo *Khéo* đây là *hay*, ngu ý chê bai, cười riếu.

Dư là thừa. *Dư nước mắt* là thừa nước mắt, tức là hoài nước mắt.

88) *Rằng* đây là lời *Kiều* đáp lại. Có bản chép ... *tự nghìn xưa*. — Câu trên và câu này điệp vận *xưa*, vẫn như vậy kêm hay

89) *Hễ* cứ *hồng-nhan* thì *bạc mệnh*, cái công-lệ đó không chữa một người nào, ai ai cũng vậy. *Bạc-mệnh* là số-mệnh mong-mạnh ý nói số khổ số vất-vả, trái với số-mệnh đầy-dần là số sung-sướng *Bạc* là mỏng. Mấy bản dịch Pháp-văn dịch *bạc* là « ingrát » tức bạc bẽo thì sai.

Điều nghĩa là lời

Thấy người nằm đó biết sau thế nào? (90)

Quan rằng, chị nói hay sao (91)

Một lời là một vắn vào khó nghe (92)

Ở đây âm-khí nặng nề (93)

Bóng chiều đã ngả dặm về còn xa (94)

Kiều rằng: những đấng tài-hoa

Thác là thề-phách, còn là tình-anh (95)

Dễ hay tình lại gặp tình (96)

Chờ xem ắt thấy hiển-linh bây giờ (97)

90) Thấy người ta (Đạm Tiên) chết chôn (nằm) đó, chả biết số mình sau này thế nào, có khối giống người ấy không?

91) Hay là lạ, là nực cười. Hay sao là lạ làm sao, nực cười làm sao?

92) Lời nói khó nghe, vì lời nào cũng vắn vào mình, tức là lời nói sát, không hay cho mình.

93) Âm khí là cái hơi u ám buồn thảm; Nặng nề là đầy đặc khó thở. Ý nói không khí bất tha mà không tốt.

94) Trời đã chiều, đường về nhà thì còn xa.

95) Thác là chết. Chỉ có cái thề-phách chết, cái tình-anh vẫn còn, cũng như ta nói chỉ cái xác chết, cái hồn vẫn còn. Câu này động-tự đặt trước chủ-từ.

Cả hai câu nghĩa là: Những bậc tài hoa thì chỉ chết có cái xác, chứ cái, hồn không chết.

96) Dễ là dễ thường nghĩa cũng như: có lẽ. Hay là biết, đây có nghĩa là biết đâu; Dễ hay là chưa biết chừng.

Tình lại gặp tình là người hữu tình lại gặp người hữu tình. Kiều cho Đạm-Tiên và nàng đều là người hữu tình.

Đoạn sau có câu: Hữu tình ta lại gặp ta. Gặp đây nghĩa là cảm-thông với nhau.

97) Ắt là tất, tất nhiên, chắc chắn—thế nào cũng. Hiển là rõ linh là thiêng liêng. Hiển linh là tỏ lộ sự linh thiêng ra cho biết.

- Một lời nói chưa kịp thừa (98)
 Phút đầu trận gió cuốn cờ đến ngay (99)
 Ao ào đồ lộc rung cây (100)
 Ở trong dường có hương bay ít nhiều (101)
 Đẻ chừng ngọn gió lần theo (102)
 Dấu giầy từng bước in rêu rành-rành (103)
 Mắt nhìn ai nấy đều kinh
 Nàng rằng : Nàng thực tình-thành chẳng xa (104)

98) Vương-Quan chưa kịp thừa lại (nói lại)

(99) Phút đầu là phút nào, tự phút nào không biết.

Gió cuốn cờ là quyền kỳ phong 其旗風 tức là trận gió lốc thổi xoắn lại (cờ đang mở có thể bị gió-cuốn lại được). Cả câu nghĩa là : một trận gió lốc thỉnh-linh thổi lên. Ý nói tự-nhiên có trận gió lạ : (do phép thiêng của Đạm-Tiên làm-ra).

Trận gió này tức là sự hiển linh nói trên.

Ao ào là tiếng gió thổi. Chỉ tiếng nói gió, người ta cũng biết có gió.

100) Lộc là lá non. Đồ lộc rung cây : cây rung lá rung, ý nói gió thổi mạnh.

101) Ở trong trận gió bình như có mùi hương thơm thoang thoang. Đán bà Tàu xưa hay đeo hương trong mình : ý nói Đạm-Tiên hiển linh trong gió.

102) Đẻ chừng là đoán phỏng ngọn gió thổi đi phía nào thì trông theo chỗ đó. Phải đẻ chừng vì gió vô-hình, người ta đoán phỏng chừng nó thổi đi đâu chứ không trông thấy rõ ràng được.

103) Dấu giầy đây là dấu giầy tự nhiên, ý nói dấu chân của Đạm-Tiên hiển hiện ra in trên mặt rêu.

104) Tình-thành là lòng thành rất thuần túy, lòng chí thành. Lòng thành tức là lòng thành-thực (cảm thương kính mến). Câu này nghĩa là : thực rõ là vì có bụng tình thành nên đối với người âm chẳng xa-chút nào, đôi bên cảm lòng nhau như ở gần nhau vậy. Nàng đây trở Kiều.

- Hữu-tình ta lại gặp ta (105)
 Chớ nề u hiễn mới là chị em (106)
 Đã lòng hiễn hiễn cho xem (107)
 Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời (108)
 Lòng thơ lai-láng bồi - hồi (109)
 Gốc cây lại vạch một bài cổ-thi (110)
 Dừng-dắng nửa ở, nửa về
 Nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần-gần (111)

105) Hữu tình là có tình, tức là có tình yêu mến, cảm thương nhau. Ta lại gặp ta : chúng ta lại gặp nhau (Kiều và Đạm-Tiên).

106) U hiễn là tối, đây nói cõi âm, ý nói người đã chết. Hiễn 显 là rõ, là cõi dương, đây nói người còn sống. Cả câu nghĩa là : không câu nệ là người chết với người sống (cứ thông-cảm với nhau như thế) thì mới là chỗ chị em.

107) Đã có lòng yêu hiễn hiễn ra (gió, dẫu giầy cho xem (nói về Đạm-Tiên)

108) Kiều lại làm thêm mấy câu thơ nữa đề tạ lại (đáp lại) tấm lòng yêu của Đạm-Tiên.

109) Lòng thơ tức là khi lòng cảm thấy có hứng làm thơ (muốn làm thơ) câu này nghĩa là : ý thơ dào-dạt trong lòng.

110) Cổ thi 古詩 không phải là bài thơ cổ. Đây là bài thơ làm theo điệu cổ-phong (tức điệu cổ) không theo luật thơ Đường (tức là luật-thi).

111) Nhạc vàng là nhạc bằng loài kim-khí, tức là nhạc đồng, chứ không phải bằng vàng. Vàng đây dịch chữ kim là kim loại, như đồng, sắt, vàng, bạc, chì, thiếc. Gần-gần là hơi gần.

Nếu là văn xuôi, thì câu này viết : tiếng nhạc vàng ở đầu nghe thấy gần gần. Nhạc tức là nhạc đeo ở cổ ngựa. Không nói người nói ngựa, chỉ nói nhạc mà người ta biết có người đi ngựa. Hay ở chỗ đó.

- Trông chừng thấy một văn-nhân (112)*
Lông buồng tay khấu, bước lần dặm bằng (113)
Đề huề lưng túi gió trăng (114)
Sau lưng theo một vài thằng con-con (115)
Tuyết in sắc ngựa câu dòn (116)

112) *Trông chừng* là coi ý chừng, cũng như nói : coi có lẽ là, ngụ ý phỏng đoán, nói phỏng chừng. Cả câu nghĩa là : người trông thấy ý chừng là một văn-nhân (nhà văn, người theo học nghệ).

113) *Tay khấu* là tay cầm cương ngựa. *Lông buồng tay khấu* là buồng thông dây cương ngựa, ý nói cho ngựa đi bước một. *Phép đi ngựa*, muốn cho ngựa phi thì thắt chặt dây cương kéo cao đầu ngựa lên. Muốn đi bước một thì buồng lỏng dây cương. *Bước dần* là bước dần dần, từ từ, *Dặm* là dặm đường, *dây* là lối đi, *Bằng* là đi tới. Cả câu nghĩa là : Cho ngựa đi bước một từ từ trên đường đi tới.

114) *Đề Huề* 提携 đây nghĩa là đeo đi theo *Đề Huề* có nhiều nghĩa khác nhau. Trên đây là một nghĩa. Lại có nghĩa là giắt tay nhau, là xum họp với nhau, nhưng đây không dùng theo những nghĩa ấy. *Lưng túi* là một nửa túi cũng như *lưng bát* là nửa bát, *lưng chén* là nửa chén.

Lưng túi gió trăng là nửa túi gió trăng, do chữ *Tàu Bán nang phong nguyệt* 半襄風月 *Phong nguyệt* hay gió trăng đây trở thì vẫn vì nhà văn thơ hay ngâm phong vịnh nguyệt. Túi gió trăng có thể gọi là túi thơ.

Cả câu này nghĩa là đeo lưng túi thơ.

115) *Chú từ câu đề huề...* ở trên là mấy thằng con-con ở câu này. Chú không phải có mấy thằng con-con đi hầu sau, mà văn-nhân (Kim-Trọng) ngồi trên ngựa lại tự đeo lấy túi thơ như Crayssac và Nguyễn-văn-Vĩnh đã giảng.

116) *Tuyết in sắc ngựa*, sắc ngựa trắng bạch như tuyết. *Câu* là ngựa đương sức lớn. *Dòn* là xinh đẹp. (Ta thường nói : đen dòn nghĩa là đen đẹp. Phương ngôn có câu. Ở nhà nhất mẹ nhì con ra đường còn kém dòn hơn ta. Các bản pháp-văn của Crayssac và của Nguyễn-văn-Vĩnh giảng trắng dòn là trắng toát trắng chói.lọi nghe chưa được xuôi,

- Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời (117)
 Nẻo xa mới tỏ mặt người (118)
 Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình (119)
 Hải văn lần bước dặm xanh
 Một vùng như thềm cây quỳnh cảnh giao (120)
 Chẳng Vương quen mặt ra chào (121)
 Hai Kiều e-lệ nép vào dưới hoa (122)
 Nguyên người quanh-quất đầu xa (123)
 Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh (124)

117) Mùi tức là màu Áo thì màu xanh-xanh da trời (nhuộm non tức là xanh nhạt hoặc xanh-xanh) pha với màu cỏ, nghĩa là lẫn với màu cỏ, tức là màu lam nhạt.

118-119) Hai câu này nghĩa là : Từ đằng xa mới nhìn tỏ mặt người (đấy trở Vương-Quan và chị em Kiều) khách (đấy là Kim-Trọng) đã xuống ngựa đi bộ tới nơi để truyện-trò. Tình-tự là nơi truyện trò tâm-tình. Từ đằng xa, thấy nhau, đã xuống ngựa đi bộ, ý nói quý trọng nhau nên tỏ vẻ lễ-phép. Cả hai câu này chủ từ là Khách (tức Kim-Trọng).

120) Dặm xanh là bãi cỏ xanh. Cả một vùng hóa đẹp như là một rừng những cây bằng ngọc quỳnh ngọc giao. ý nói khách (Kim Trọng) người xinh trai lần bước đến đâu thì làm đẹp đó

121) Nhận ra là bạn, Vương-Quan bước tới chào hỏi.

122) Hai kiều là hai chị em gái. Đời Tam-quốc, bên Đông-Ngô nhà họ Kiều có hai người con gái đẹp đặt tên là Đại Kiều, Tiểu Kiều. Nhân tích đó, đây dùng Hai kiều để trở hai chị em gái (có Kiều có Vân).

Hai chị em cô Kiều thấy người con trai lạ thì e-lệ thẹn thùng nép vào dưới bóng đám cây đám hoa.

123) Nguyên là người ở gần chứ có ở xa đâu.

124) Trâm anh : trâm là cái trâm cài mũ, anh là giải mũ Nhà trâm anh là nhà toàn người đội mũ, ý nói nhà danh - giá Ngày xưa ở nước Tàu, người thường - dân không được đội mũ.

Nền phú-hậu bậc tài danh (125)

Văn-chương nét đất, thông-minh linh trời (126)

Phong-tư tài mạo tuyết vời (127)

Vào trong phòng-nhà, ra ngoài hào-hoa (128)

125) *Nền phú hậu* 富厚 là nền nếp nhà giàu có, ý nói vẫn giàu có xưa nay; *bậc tài danh* 才名 là đứng vào bậc học giỏi có tiếng.

126) *Văn chương nét đất* là văn-chương có đất, có mả ý nói trước Kim-Trọng, thì ông cha chàng cũng có tài văn chương. Cũng như ta nói văn-chương có sáo (khuôn sáo) sẵn; *thông minh linh trời* là thông-minh do trời phú bẩm từ thừa bề. Cũng như nói *Thiên tư thông-minh*.

Có bản chép là *nếp đất*, nhưng xét ra *nếp* có lẽ đúng hơn vì ta thường nói *linh nếp*, đây *nếp* đối với *linh*.

Câu này giải thích mấy chữ *bậc tài danh* ở câu trên.

127) *Phong tư* 丰姿 là dáng dấp người; *Tài mạo* 才貌 là tài trí và dong-mạo (vẻ mặt).

Tuyết vời là hết vì, hết bậc, hết chỗ nói. *Vời* là vì đọc tránh ra. Vì dịch chữ *vị* 位 là ngôi, là vì, là bậc tức chỗ ở thường của sự vật. *Tuyết vời* hay *tốt vời* hay *chót vời* là hết vì, hết ngôi, hết chỗ tức là đến chỗ cùng cực, hết bậc thường, không ai bằng nữa. Xem lời chưa câu "Văn xem trang trọng khác vời." Cả câu nghĩa là; dáng dấp và tài trí diện mạo Kim-Trọng đều hơn mọi người.

128) *Vào trong* là ở trong nhà, dùng chữ *vào* để cho cân đối với chữ *ra* ở dưới. *Ra ngoài* là ra ngoài đường, ngoài đời, giao thiệp với người ngoài.

Phong nhã 風雅 là nói tắt, thơ Quốc-phong thơ Đại-Nhã, Tiểu-Nhã trong kinh Thi. *Phong-nhã* được dùng để trở việc văn-chương thơ phú.

Hào Hoa 豪華 là ăn tiêu xa-xỉ rộng rãi.

Câu này nghĩa là ở trong nhà thì chuyên việc văn-chương ra ngoài thì chơi bởi rộng rãi, hào-phóng.

Chung quanh vẫn đất nước nhà (129)
Với Vương-Quan trước vẫn là đồng-thân (130)
Vẫn nghe thơm nức hương-lân (131)
Một nền Đồng-tước khóa xuân hai Kiều (132)

129) Kim-Trọng cũng là người ở vùng gần quanh đó, tức như nói người cùng tổng hay cùng huyện vậy.

130) *Đồng thân* cũng như *đồng song* là cùng chung cửa sổ, ý nói cùng đọc sách ở một cửa sổ, nghĩa bóng là bạn học. Vương-Quan tuổi độ 11, 12. Kim-Trọng là bạn học với chàng, chắc cũng chỉ vào trạc tuổi đó. Nếu bảo rằng Kim-Trọng hơn tuổi Vương-Quan và Thúy Kiều tức 16, 17 tuổi thì không đúng. Vì Kim-Trọng « *văn chương nét đất thông-minh tinh trời* », có lẽ nào 16, 17 tuổi mà còn học cùng với anh 11, 12 tuổi. Vậy Kim-Trọng chỉ bằng trạc tuổi em Kiều thôi mà đã biết mẹ Kiều, thì kẻ cũng hư sớm quá.

131) Ba chữ *Vẫn* trong ba câu đi liên tiếp nhau. Tác-giả dụng ý để làm nổi bật ý Kim-Trọng không phải là người xa lạ? Hay là vẫn đã phạm phải lỗi điệp-tự? *Thơm* là tiếng thơm, tức là tiếng khen. *Hương lân* là làng xóm. Cả câu: *vẫn* nghe tiếng khen khắp làng xóm.

132) *Nền Đồng-tước* tức là *Đồng - tước đài* cũng như nói lầu *Đồng-tước*, tên một tòa lầu-đài lộng-lẫy đồ-xộ do Tào-Tháo dựng nên đời Tam-Quốc.

Hai Kiều là hai chị em Đại-Kiều, Tiểu-Kiều con gái ông cụ họ Kiều ở Đồng-Ngô, hai chị em cùng đẹp. Đại-Kiều lấy Tôn-sách, Tiểu Kiều lấy Chu-Du.

Thơ Đỗ-Mục dời Đường có câu :

Đông phong bắt dữ Chu-lang tiện, Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị Kiều.

東風不與周郎便。

銅雀春深鎖二嬌。

Nếu gió đông không giúp cho Chu - Du (phóng hỏa phá trận Xích-bích) thì hai chị em họ Kiều bị (Tào-Tháo bắt đem về) khóa kín trong đài *Đồng tước* (ở nước Ngụy).

Câu này dùng chữ trong câu thơ Đỗ Mục nói trên, để nói nhà họ Vương có hai người con gái đẹp cấm cung.

- Nước non cách mấy buồng thêu (133)*
Những là trộm nhớ thăm yêu chốc mộng (134)
May thay giải-cầu tương phùng (135)
Gặp tuần đổ lá thỏa lòng tìm hoa (136)
Bóng hồng nhác thấy nẻo xa (137)

133) Nếu là văn xuôi thì câu này viết : *Cách buồng thêu những mấy lần nước non.*

Câu này lấy chữ ở câu trong sách *Quốc sắc thiên hương* : « *tương thân chỉ xích nhi điều nhược hà sơn* » nghĩa là : gần nhau gang tấc mà như cách trở sông núi.

Buồng thêu do chữ *Tú phòng* 綉房 là buồng thêu dệt của con gái (cũng có bản chép là *buồng điều*, tức buồng đào buồng quét với đồ tức buồng con gái) câu này đại ý nói chị em Kiều ở luôn trong buồng thêu ít khi ra ngoài, nên nghe như người ở xa lắm, vì không được thấy mặt.

134) *Những là* biết bao lâu nay.

Trộm dấu thăm yêu : yêu dấu trộm thăm ở trong bụng. không dám tỏ lộ ra cho người ngoài biết.

Chốc mộng ; chốc chốc (thình thoảng) lại mơ mộng đến. Có mấy bản giảng *chốc mộng* là *bấy lâu* là *lâu nay* là *biết bao* nhiều không rõ căn-cứ vào đâu mà giảng như vậy.

135) *Giải cầu tương phùng* 邂逅相逢 là không hẹn mà gặp mặt nhau.

136) *Tuần đổ lá* là hội đổ lá. Đồi Đường bên Tàu có hội đổ lá về tháng ba. *Tìm hoa* là tìm bông hoa. Hoa đây trở người gái đẹp.

137) *Bóng hồng* là bóng đỏ, đây là bóng dáng đàn bà con gái, vì đàn bà Tàu xưa hay bận quần áo đỏ.

Nhác thấy là thoáng trông thấy. *Chủ từ của động-tự nhác thấy* là *Kim-Trọng*.

Xuân-lan, thu-cúc mận-mà cả hai (138)

Người quốc-sắc kẻ thiên-tài (139)

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e (140)

Chập - chờn cơn lành, cơn mê (141)

138) Người thì đẹp như Xuân-Lan (hoa lan mùa Xuân) người thì xinh như Thu-Cúc (hoa Cúc mùa Thu) hai người đều có vẻ đẹp mận-mà tức là vẻ đẹp có duyên, chứ không đẹp một cách buồn tẻ. Câu này có ý khen hai chị em Kiều đều có vẻ đẹp duyên dáng của gái dậy thì (như Lan ở mùa Xuân, Cúc ở mùa Thu). Sở dĩ có ý ấy là do câu sách Tỳ-Sử: *Xuân-lan thu Cúc giai nhất thì chi tú* 春蘭秋菊皆一時之秀 nghĩa là Lan mùa Xuân, Cúc mùa Thu đều là vẻ đẹp của một thì. (Hoa có thì, người cũng có thì).

139) Quốc sắc 國色 là sắc đẹp nhất nước. Chữ trong sách *Chiến Quốc Sách* » *Lệ-Cơ giả quốc-sắc dã* ; Nàng Lệ-Cơ là người đẹp nhất nước vậy.

Người quốc sắc đây chỉ Thủy-Kiều. Có người hỏi rằng người quốc sắc đây là ai? Thủy-Vân hay Thủy-Kiều? và có ý cho là tác-giả nói lơ-mờ không gây-gọn.

Thật ra không phải thế, dù có Thủy-Vân hay có trăm ngàn con gái cùng đi với Kiều thì nói người quốc-sắc, người ta cũng biết ngay là nói Kiều, vì chỉ Kiều « *sắc đành đòi một* » mới có thể gọi là quốc-sắc được. Tác-giả nói rõ ràng khúc chiết lắm.

Kẻ thiên-tài ; thiên tài là có tài hoa tự nhiên đây là Kim-Trọng và chỉ Kim-Trọng, « *văn chương nổi đất thông minh tính trời* » mới đáng gọi là thiên-tài.

140) Kiều và Kim-Trọng thoáng nhìn thấy nhau, cả hai bên đều mê nhau ngay ; hai bên bằng lòng nhau rồi nhưng bề ngoài thì còn e-thẹn. *Như đã...* nghĩa là như đã cảm thấy rằng hai bên đều bằng lòng nhau.

141) Cả hai người đều chập-chờn cơn tỉnh, cơn mê.

Dồn ngồi chẳng tiện, dứt về chổn khôn (142)

Bóng tả như dục cơn buồn (143)

Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo (144)

Dưới dòng nước chảy trong veo (145)

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha (146)

142) Dồn ngồi là ngồi thêm,

Dứt về là dứt tình ra về.

Khôn là khó. Chổn tiếng cổ dịch nghĩa chữ thù nghĩa là quyết, là rất, là hết sức. Chổn Khôn dịch chữ *Thù nan* 殊難 nghĩa là khó quá, rất khó. Có bản chưa Chổn dịch nghĩa chữ Cố, có lẽ không dùng. Theo mạch văn từ trên chuyển xuống thì câu này nói chung hai bên, chứ không nói riêng về Thủy-Kiều như Nguyễn-văn-Vĩnh và Crayssac đã giảng. Cả Kim-Trọng và Kiêu là chủ từ những động từ *dồn ngồi* và *dứt về*.

143) Câu tả cảnh này sen vào đây để cắt đứt mạch văn trên và cũng để tả tâm trạng hai anh chị cảm thấy buồn thế nào ấy.

144) Dứt về chổn khôn, nhưng cuối cùng Kim-Trọng ra về trước lễ giáo bắt chàng phải hành động như thế. Khách đây trở Kim Trọng Người trở Thủy-Kiều. Ghé theo là ghé mắt nhìn trộm theo, không dám nhìn thẳng vì e-lệ.

145) Dòng là dòng suối,

Trong veo là trong lắm, trong suốt.

146) Nếu là văn xuôi thì câu này viết : *Tơ liễu thướt tha ở bên cầu dưới bóng nắng chiều* ».

Tơ liễu là cành lá liễu buông xuôi coi mảnh rẽ như tơ.

Thướt tha vừa hàm ý mềm-mại mảnh rẽ vừa hàm ý rủ từ trên xuống.

Câu trên và câu này họa nên một bức phong-cảnh thanh thanh êm-dịu được một vẻ buồn báng-khuàng man-mác như tâm-trạng hai anh chị (Kim-Trọng, Thủy-Kiều) mới gặp nhau bâng-khuàng nhớ tiếc nhau.

Tả cảnh mà tả ẩn khớp với lòng người như vậy, kẻ đã tài-tình. Người đọc không rõ tác-giả lấy tình để tả cảnh, hay lấy cảnh để tả tình ?

*Kiều từ trở gót trưởng hoa,
Mặt trời gác núi chiếu đã thu không (147)
Gương Nga chênh-chếch nhòm song (148)
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân (149)
Hải-đường là ngọn đông-lân (150)*

147) *Thu không* là thu gọn, thu xếp hết các công việc ban ngày. Người xưa thường dùng chiếu trống để báo hiệu thu không. Hình như lệnh này ban đầu đặt ra để cấm việc đi lại, làm lung ở ngoài đồng áng, đường xá, trong một thời nghiêm trọng. Sau này hiệu thu không thường chỉ là hiệu báo trời đã tối.

Câu này và câu trên nói : Kiều về đến nhà thì trời vừa tối.

148) *Gương Nga* tức là mặt trăng sáng như gương. *Nga* tức Thường-Nga hay Hằng-Nga. *Nga* là tên vợ Hậu-Nghê xưa ăn vụng thuộc trường-sinh của chồng trốn lên mặt trăng. Tên đó sau được dùng trong văn chương để nói mặt trăng.

Có bản chưa *Gương Nga* là « cái gương của ả Hằng-Nga » thì sai, *Song* là cửa sổ.

Gương nga chênh-chếch nhòm song : mặt trăng soi chênh-chếch qua cửa sổ vào trong nhà. Câu này vẽ ra một hình ảnh rất đúng và rất đẹp. Bấy giờ là đầu tháng ba. Mặt trăng đầu tháng là mặt trăng lưỡi liềm, coi như con mắt. Mặt trăng lưỡi liềm soi vào lỗ cửa sổ, coi như con mắt nhòm vào nhà. Cảnh tả như vậy kể đã sít và linh động !

149) *Vàng gieo ngấn nước* ; ánh mặt trăng dội xuống ngấn nước (gợn sóng, gợn nước) coi như những thoi vàng.

Cây lồng bóng sân : Bóng cây lồng xuống sân hoặc cây lồng bóng xuống sân.

150) *Hải đường* là cây hoa hải đường. *Đông-lân* là lán giềng ở hướng đông. Nhà bên Tàu thường làm trông về hướng đông. Vậy lán giềng hướng đông tức là nhà lán giềng ở trước cửa nhà. *Hải - đường là ngọn đông-lân* : cây hải đường là ngọn về phía nhà lán giềng trước cửa. Mấy chữ *lả ngọn đông lân* cho biết cây hải đường trồng ở ngoài sân chỗ gần sát nhà lán giềng trước cửa. Lúc ở ngoài nhà cô Kiều cũng cúi đầu suy-nghĩ đến người gặp gỡ ngoài đường. Tác-giả sắp hai hình ảnh trên liền nhau để làm cho văn thêm ý-vị, màu sắc.

- Giọt sương nặng trĩu cành xuân la-đà (151)*
Một mình lặng ngẫm bóng Nga (152)
Rộn đường gần với nỗi xa bời-bời (153)
« Người mà đến thế thì thôi (154)
Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi (155)
« Người đâu gặp - gỡ làm chi ? (156)
« Trăm năm biết có duyên gì hay không ? (157)
Ngôn-ngang trăm mối bên lòng (158)
Nên câu tuyệt-diệu ngụ trong tình-tình (159)

151) Giọt sương nặng trĩu làm cho cành cây lá xuống la-đà. Có bản chép là *triu* nghe có vẻ cầu kỳ. Có bản viết là *gieo* thì trùng với chữ câu ở trên « *vàng gieo ngấn nước* ».

152) Bóng Nga tức là bóng trắng.

153) *Rộn đường gần với nỗi xa...* là những truyện, những điều, những ý-nghĩ gần xa cứ rộn lên, trong lòng. Ý nói Kiều nghĩ ngợi liên miên lắm truyện.

154) *Người mà* trở Đạm-Tiên.

155) *Đời phồn-hoa* là đời náo-nhiệt xa-hoa, trở đời Đạm-Tiên.

156) *Người đâu* trở Kim-Trọng. *Người đâu* là người ở đâu, người bỗng đâu gặp gỡ.

157) *Duyên trăm năm* tức là duyên vợ chồng do chữ *Bách niên giai lão* 百年偕老 (trăm trăm cùng-gia với nhau). Kiều tự hỏi không biết nàng có lấy được Kim-Trọng không ?

158) Trăm mối tư-tưởng ngôn-ngang ở trong lòng, nghĩa là nghĩ ngợi nhiều điều quá.

159) *Câu tuyệt diệu* là câu cực hay; đây là câu thơ cực hay (Kiều làm một bài thơ)

Ngụ trong tình-tình tức là *tình tình* ngụ trong bài thơ tuyệt diệu.

Chênh - chênh bóng nguyệt xế mảnh (160)

160) *Chênh.chênh* với *chênh.chếch* người ta thường cho là một chữ, thay đổi đi một chút, dễ câu thơ dễ đọc, tức là cùng chung một nghĩa. Chúng tôi thấy hình như không đúng. *Chênh-chếch* chính là *chếch.chếch* biến ra *Chênh.chếch* là bởi *chếch*. *Chếch* là không ngay, là chéo. *Chếch* sinh ra các chữ *chếch chếch mác*. . . hàm ý không ngay, không thẳng. *Chênh.chênh* là hơi chênh. *Chênh* là không ngay, không bằng nhau hàm ý cao thấp. Những chữ *chênh.lếch*, *chênh.vênh* đều có hàm ý một bên cao một bên thấp: riêng chữ *chênh.vênh* hàm rõ ý ở trên cao coi không vững. Mực nước *chênh* nhau là mực nước cao, thấp không bằng nhau, không ngang nhau. Không ai nói mực nước *chếch* nhau. Vậy thì *chênh* và *chếch* là hai chữ không phải một chữ. *Chếch* là không ngay, không đi theo đường thẳng, hàm ý so sánh, phân-biệt giữa thẳng với *chếch*, chéo với ngay.

Chênh là không ngay, không bằng nhau, hàm ý so-sánh phân biệt giữa cao với thấp, chứ không hàm ý so-sánh thẳng với *chếch*, chéo với ngay.

Như vậy, *chênh chênh* khác nghĩa với *chênh-chếch* ở trên. *Gương Nga chênh chếch dòm song* là bóng trắng soi chéo vào cửa sổ. *Chênh-chênh bóng nguyệt xế mảnh*: là trăng lên cao bóng chiếu xế xuống. Trong câu này cũng có ý *chếch*, ý ấy không ở chữ *chênh-chênh* mà ở chữ *xế*. *Mảnh* là mảnh.mảnh theo ở cửa. Câu này có ý cho biết trăng đã lên cao, đêm đã khuya.

Hoàng hôn gác bóng chênh-chênh (Nhị độ mai) *Đường về chiêng đã gác chênh.chênh* (Chu-mạnh-Trinh) Chữ *chênh.chênh* trong mấy câu thơ này đều dùng để là mặt trời (hoặc mặt trăng) ở trên cao chiếu ánh xuống khi sắp khuất sau dãy núi. Không thấy *chênh-chênh* dùng để nói mặt trời mới mọc (hay mặt trăng mới lên) chiếu chéo lên nơi cao. Coi vậy ta thấy: để nói mặt trời hay mặt trăng chiếu *chếch* ở dưới lên cao hay chiếu ngang vào nơi nào, người ta dùng chữ *chênh-chếch* hay *chếch.chếch*. Trái lại, để nói mặt trời ở trên cao dội xuống hay ở trên cao sắp xuống thấp, người ta dùng chữ *chênh.chênh*

Tựa ngồi bên triện một mình thiù-thiù (161)

Thoắt đâu thấy một liễu kiều (162)

Có chiều phong - vận, có chiều thanh - lân (163)

Sương in mặt, tuyết pha thân (164)

Sen vàng lững-đứng như gần, như xa (165)

161) Ngồi tựa bên-cận (triện) một mình thiù-thiù ngủ đi mất.

Thiù-thiù là dần-dần ngủ đi lúc nào không biết.

162) Một *liễu kiều* là một cô gái xinh đẹp người nhỏ bé.

163) Có *chiều* là có vẻ, có dáng.

Phong vận : dáng-dấp óng-ả thướt tha. *Thanh lân* : còn son, chưa có chồng con. Câu này tả dáng người.

164) Mặt trắng một cách ướt át như sương, thân mình trắng lộ-lộ như pha tuyết, Vẻ đẹp coi âm ướt khác thường. Vì là vẻ đẹp của người dưới âm ở chỗ « dưới giòng nước chảy bên trên có cầu ». Tả vẻ đẹp của ma đã khéo.

165) *Sen vàng* là chân nhỏ. Sở dĩ có nghĩa này là do tích Tề-Đông-Hôn-Hầu xưa cho làm hoa sen bằng vàng dát vào nền nhà cho nàng Phan-Phi đi lên trên, rồi khen « nàng đi mỗi bước lại nở ra một bông sen » (bộ bộ sinh liên hoa).

Lững-đứng là đi từ-từ chầm-chậm như là vừa đi vừa dừng-dừng lại.

Câu này tả dáng đi của người trong mộng rất khéo. Tài-tình nhất là mấy chữ ; *như gần như xa* đã miêu-tả được cái bóng dáng phảng-phất huyền-ảo mơ-màng, như đi như đứng, lúc tỏ, lúc mờ của người trong mộng.

Có bản chép là *lãng-đăng*, thì sai. Vì không ai nội đi *lãng-đăng*; chỉ nói đi *lững-đứng* (cổ) hoặc đi *lững thững*

- Chào mừng đón hỏi dò-la : (166)
 « Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây ? (167)
 Thưa rằng : Thanh khí xưa nay » (168)
 « Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên (169)
 « Hàn-gia ở mái tây-thiên (170)
 « Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu (171)

166) Kiều ra đón chào và hỏi han.

167) Đào-nguyên 桃源 là nguồn đào, đây là cảnh tiên.

Văn sĩ Đào-Tiềm đời Tấn chép truyện rằng có một người thuyền chài chèo đò ngược theo một nguồn nước (suối) đi mãi đến một nơi trồng toàn đào, hoa đào rụng đỏ cả suối, đi quá vào trong thì tới một nơi có người ở từ đời nhà Tần cách đây mấy trăm năm, sống riêng biệt với thiên hạ. Cảnh đời êm đẹp như cảnh tiên. Sau, người ta mượn chữ Đào Nguyên để nói cảnh tiên. Câu này nói : khách là tiên ở động nào tới ?

168) Đây là lời nàng tiên kiều trả lời. Thanh-khí là tiếng và hơi, Kinh Dịch có câu : Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu 同聲相應同氣相求 nghĩa là cùng một thứ tiếng thì đáp nhau, cùng một thứ hơi (trong hay đục) thì tìm gặp nhau, ý nói người cùng một thuyền một hội, một hoàn-cảnh thì cảm-thông với nhau, và tìm đến với nhau.

169) Cùng nhau tức là hưởng ứng (tương ứng) cùng nhau (ý này do ý câu trên thuyền xuống)

170) Hàn gia là nhà rét, nói nhún nhà mình xoàng, cũng như nói tẻ-xá tẻ-cư, tức nhà tôi. Lại ngụ ý là nhà ở cõi âm, gần giòng nước.

Mái đây là mé, là phía, chứ không phải là mái nhà. Tây Thiên 西天 là con đường đi ở bãi ruộng; về phía tây.

171) Tả lại cái cảnh chỗ mộ Đạm-Tiên (Nao nao dòng nước uốn quanh, díp cầu nho-nhỏ cuối ghềnh bắc ngang)

« *Mấy lòng hạ cổ đến nhau* (172)

« *Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng* (173)

« *Vàng trình hội-chủ xem tường* (174)

« *Mà xem trong sổ đoạn-trường có tên* (175)

172) *Hạ cổ* 下 頤 là trông xuống, là đoái xuống dưới, ngó xuống dưới, ý nói mình là phận kẻ dưới lại nọ thêm ý là mình ở dưới âm-ty. Cả câu nghĩa là : Đã có mấy lòng (người) là hạ cổ đến nhau ? (như Kiều với Đạm-Tiên) tức là ít có người hạ cổ đến Đạm-Tiên.

173) *Hạ tứ* 下 賦 là cho xuống, ban xuống cho, nói nhún mình là phận dưới. *Mấy lời hạ tứ* đây là hai bài thơ (tứ tuyệt và cổ thi) Kiều vạch ra cây vịnh đề viếng mã Đạm-Tiên. *Ném châu gieo vàng* ý nói lời thơ ban xuống, quý báu như là ném những hạt châu, (ngọc) gieo những thoi vàng xuống cho nhau. Vừa có ý khen thơ Kiều hay, đẹp như ngọc vàng.

174) *Hội chủ* tức vị chủ hội (hội Đoạn-trường)

Cả câu: vàng lệnh chủ hội có đem thơ Kiều trình chủ hội xem.

175) *Đoạn-trường* nghĩa đen là đứt ruột, nghĩa bóng là sự đau đớn bi thảm;

Sổ Đoạn-trường đây là tên một thứ sổ do tác-giả đặt ra, và muốn rằng sổ ấy ghi tên những người số-mệnh phải chịu đau đớn cực khổ, (nói riêng về đàn bà)

Ngoài sách *Đoạn-trường Tàn-Thanh* (tức truyện Kiều) không đâu có sổ *Đoạn-Trường*, sổ đó do tác-giả tưởng-tưởng đặt ra, cho câu truyện thêm ly-ký, mận-mà.

« *Ấu đành quả kiếp nhân duyên* (176)

« *Cùng người một hội, một thuyền đầu xa* (177)

176) *Ấu đành* = có lẽ cũng đành là, dễ thương cũng đành là, chắc là.

Quả kiếp nhân duyên đều là chữ trong kinh Phật.

Nhân duyên tức và cái nguyên-nhân sinh ra.

Quả kiếp tức là cái kết-quả phải chịu ở đời. *Kiếp* là đời khoảng thời gian mình sống.

Sách Phật có nói rằng muốn biết cái nhân-duyên kiếp trước thế nào thì cứ xem cái kết quả được hưởng ở đời này thế nào. Muốn biết quả-kiếp đời sau, thì cứ xem kiếp này ăn ở ra làm sao. Ý nói : Kiếp này mà chịu khổ là vì kiếp trước ăn ở không ra gì, muốn kiếp sau được sung sướng thì kiếp này phải ăn ở cho nhân hậu. Việc kiếp trước làm nguyên-nhân cho kiếp này cái kết-quả kiếp sau do việc kiếp này làm nguyên-nhân định-doạt.

Câu này đại-ý nói : Dễ thương đó cũng là do duyên kiếp tiền định cả, không thể tránh được

177) *Một hội* là cùng ở trong một hội *Đoạn-trường* với nhau.

Một thuyền là cùng ở chung một thuyền, ý nói chung một hoàn-cảnh, chịu chung số-phận hoạn-nạn như nhau. Nghĩa ấy do chữ *Đồng chu* 同舟 mà ra.

Sách *Chu Dịch* lược lệ có câu:

« *Đầu qua tán địa, tắc lục thân bất năng tương bảo đồng chu* nhi tế tắc *Hồ Việt* hà hoạn hồ dị tán? » nghĩa là .

« *Ném giáo khắp đất, thì sáu người thân cũng không thể giữ gìn được cho nhau, cùng thuyền mà cứu nhau thì dù kẻ Hồ, người Việt há lo gì khác bụng nhau? »*

Lục thân là sáu người thân yêu: cho con, anh em, vợ chồng, hoặc: cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

Sách *Tôn-Tử*, thiên *Cửu-Địa* có câu :

« *Ngô nhân dĩ Việt nhân tương ố dã, đương kỳ đồng chu nhi tử, ngô Phong kỳ tương cứu dã như tử hữu thủ* » nghĩa là

« *Người Ngô người Việt ghét nhau đấy, hai bên nên cùng*

« *Này mười bài mới, mới ra (178)*
 « *Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ (179)*
Kiều vàng linh ý đề bài (180)

thuyền cùng lái, gặp gió hai bên phải cứu giúp nhau như tay trái giúp tay phải ».

Nhân những câu chữ sách trên, mà sau đề nói cùng chung hoàn cảnh, hoàn-nạn, người ta thường nói : « Đồng chu cộng tế 同舟共濟 » hoặc « Đồng chu » hay cùng thuyền. Đầu xa = đầu phải người xa lạ.

178) Mười đầu bài mới ra là :

- 1 — Tích đa tài
- 2 — Lân bạc mệnh
- 3 — Bi kỳ lộ
- 4 — Ưc cổ nhân
- 5 — Niệm nô kiều
- 6 — Ai thanh xuân
- 7 — Ta kiên ngộ
- 8 — Khổ linh-lạc
- 9 — Mộng cổ viên
- 10 — Khốc tương tư

179) Câu thần là câu thơ hay tuyệt-diệu bình như do thần thánh làm ra chứ không phải của người làm. Đây là lời Đạm-Tiên khen nịnh trước lời thơ của Kiều.

Bút hoa là bút nở ra hoa ý nói bút của người tài thơ. Sở dĩ có nghĩa ấy là do tích Lý-Bạch thuở nhỏ nằm mơ thấy ngọn bút nở ra bông hoa, rồi từ đấy thơ-văn nổi tiếng.

Lại mượn là mượn lần nữa, có ý nói lần đầu là lần Kiều làm thơ viếng Đạm Tiên nhân lễ Táo-Mộ.

Cả câu nghĩa là : mới ra 10 đầu bài đó lại xin Kiều làm cho 10 bài thơ.

180) Thủy Kiều vàng theo ý Đạm Tiên viết bà làm thơ

Tay tiên một vầy đủ mười khúc ngâm (181)

Xem thơ nước nở khen thăm : (182)

« Giá đành tứ khẩu cầm tâm khác thường (183)

« Ví đem vào tập đoạn-trường (184)

« Thi treo giải nhất chi nhường cho ai » (185)

Thềm hoa khách đã trở hải (186)

Nàng còn cầm lại một hai tự tình (187)

181) *Tay tiên* đây là *tay tiên bút ý* nói tay làm thơ hay tuyệt trần, xưa người ta thường khen Lý-Bạch là *tiên bút*. Trong câu trốn chữ *bút*, nhưng nói một *vầy* là người ta đã nghĩ ngay đến « *bút vầy một cái* ».

Khúc ngâm là bài thơ làm theo một điệu riêng đề ngâm (đọc)

Câu này tả tài làm thơ *mẫu-tiếp* (mau-lẹ) của Thúy-Kiều.

182) Đây là Đạm-Tiên xem thơ Kiều nước nở khen thăm. Ba câu dưới tả cái ý khen thăm trong bụng Đạm-Tiên, lời khen không thốt ra cho Kiều biết.

183) *Tứ Khẩu cầm tâm* 詩口錦心 là miệng thêu lòng gắn, ý nói tư tưởng đẹp, lời nói hay của nhà làm thơ. Giá trị những bài thơ ấy nó như thêu như gắn, khác hẳn thơ thường.

184) *Tập đoạn trường* là tập thơ của Hội-Đoạn-trường nói trên.

185) Thi chiếm giải nhất không ai hơn được.

186) *Thềm hoa* là hè có trồng hoa. *Trở hải* là trở góp hải, tức là trở về, ra về, Khách đây là Đạm-Tiên.

187) *Cầm lại* là giữ lại, ngăn lại. *Một hai tự tình* là nói chuyện một vài câu, *Tự nói, tự tình* là nói truyện tình nghĩa với nhau.

Gió đầu sịch bức màn màn (188)
 Tỉnh ra mới biết là mình chiêm bao
 Trông theo nào thấy đầu nào,
 Hương thừa dưong hây ra vào đầu đây (189)
 Một mình lưỡng lự canh chầy (190)
 Đường xa, nghĩ nổi sau này mà kinh (191)
 Hoa trời bèo dạt đã đành (192)
 Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi !
 Nổi riêng lớp lớp sóng giời (193)

18) Gió ở đầu thổi vào cái màn-màn động đánh sịch một tiếng. Đến đây người ta cũng chưa rõ là Kiều nằm mơ. Đọc câu sau mới rõ. Bút-pháp tác-giả thật đã thần diệu.

189) Trông thì không thấy người (trong mộng) nhưng mùi hương sót lại hình như vẫn còn thoang-thoảng bay ra bay vào ở đầu đây — Đây nói mùi hương do Đạm-Tiên đeo bên mình. Ngày xưa chưa có nước hoa, người ta đeo theo trong mình những chất hoa hoặc gỗ thơm. *Hương thừa* : là mùi hương còn sót lại, còn lưu lại khi người đi khỏi.

190) *Lưỡng-lự* là nghĩ-ngợi nhiều, nghĩ đi nghĩ lại. *Canh chầy* là canh đã dài, đêm đã khuya.

191) Đường đời còn xa, nghĩ đến số phận sau này mà sợ hãi. Ý nói Kiều nghĩ xa-xôi rồi lo-lắng sợ hãi cho số mệnh nàng sau này. (Vì Đạm-Tiên cho biết là nàng có tên trong sổ Đoan-Trường)

192) *Đã đành* : Đã chắc rằng. *Hoa trời bèo dạt* : Ý nói số phận chìm nổi lênh-đênh. Câu này và câu tiếp theo nghĩa là : Kiều nghĩ bụng tin chắc rằng duyên phận mình sau này thế nào cũng phải lênh-đênh chìm nổi như bèo dạt hoa trôi.

193) *Nổi riêng* là nồng-nổi riêng, ý nghĩ riêng trong lòng. Ý nghĩ này đẹp được, ý nghĩ khác lại nổi lên, ý nghĩ tựa như những lớp sóng giời. *Sóng giời* là sóng vỗ vào bờ, dấy vào bờ:

Nghĩ đòi con lại sứt sùi đòi con (194)

Giọng Kiều rền-rĩ trường loan (195)

Nhà Huyền chợt tỉnh hỏi can-cớ gì ? (196)

194) Đòi là nhiều, Đói con là nhiều con ; mỗi lần nghĩ là một con, mỗi lần khóc là một con, Con là lần. Sứt sùi là khóc lóc. Câu này nghĩa là ; nghĩ một lúc lại khóc, khóc một lúc lại nghĩ, cứ lần lượt như vậy nhiều bận.

195) Giọng là tiếng, đây là tiếng khóc rền-rĩ.

Trường là màn. Trường loan là màn có thêu chim loan (tức là phượng mào)

Cả câu : Kiều khóc-lóc rền-rĩ trong màn.

196) Nhà huyền tức là Huyền-đường 萱堂 trở người mẹ. Huyền là một thứ cỏ sống lâu năm, đỏ như đỏ xương bồ nhưng mềm hơn, hoa tựa hoa bách-hợp, có thứ hoa vàng, có thứ hoa đỏ, hoa và đỏ có thể dùng làm rau ghém. Lại có tên lài Vong-ưu 忘憂 (quên lo), N,hi-nam 宜南 (để con trai) người Tàu thường gọi là cỏ Kim châm 金針.

Sở dĩ Huyền được dùng để trở người mẹ là do chữ Kinh Thi : Yên đức Huyền thảo ngôn thụ chi bệ 焉得萱草言樹之背 nghĩa là :

Sao được cỏ Huyền

Trồng ở chái bắc.

Bệ là chái phía bắc, xưa theo phương hướng kiến-trúc của Tàu là chái phía sau nhà, gọi là bắc đường 北堂. Phàm có việc tế tự lễ bái, thì địa vị người mẹ là ở bắc đường, cho nên bắc đường trở chỗ người mẹ ở Bắc-đường có thể trồng cỏ Huyền, nên gọi là Huyền-đường.

Người xưa ước có cỏ Huyền trồng ở chái phía bắc, là vì cỏ Huyền làm cho quên lo buồn, có ý nói mong được mẹ an-ủi, săn-sóc. Có lẽ câu đó xuất tự miệng người mồ-côi mẹ, tỏ ý mong có mẹ an-ủi cho như tính-chất cỏ Huyền.

- Có sao trần trọc canh khuya (197)*
« Mầu hoa lê hây đầm đìa giọt mưa ? (198)
Thưa rằng : « chút phận ngầy thơ. (199)
« Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đền (200)
« Buổi ngày chơi mả Đạm-Tiên (201)
« Nhấp đi thoắt thấy ứng liền chiêm-bao. (202)
« Đoạn trường là sở thế nào ? (203)

197) *Trần-trọc* là hết trở mình sang bên nọ lại sang bên kia không ngủ được.

198) Trong bài *Trường hận ca* của Bạch-cư-Dị đời Đường có câu *Ngọc dung tịch-mịch, lệ lan-can, lệ hoa nhất chi xuân đới vũ* 玉容寂寞淚蘭干梨花一枝春帶雨; mặt ngọc buồn rầu, nước mắt lã-chã, như hoa lê mùa xuân đọng nước mưa.

Câu này và câu trên : Vì có gì không ngủ lại ngồi khóc? (lời bà mẹ Kiều hỏi nàng).

199) *Ngầy thơ* : ngầy là đại, thơ là còn nhỏ tuổi, ý nói chưa khôn lớn, chưa biết gì.

200) *Dưỡng sinh* : là cha sinh mẹ dưỡng (cha sinh ra mẹ nuôi dưỡng). *Tóc tơ* : hai thứ người ta cho là mảnh rẻ bé nhỏ nhất, nên dùng theo nghĩa là may mắn, là một li một tí. Cả câu nghĩa là : *Đôi nợ sinh dưỡng của cha mẹ chưa đền lại được một tơ tóc nào, một may mắn nào.*

201) *Buổi ngày* : nay người ta nói *ban ngày*

202) *Nhấp đi* : nhắm mắt ngủ một tí, ý nói vừa mới nhắm mắt ngủ. Có bản chép là *chợp đi. Tho't thấy* cũng như *bỗng thấy, phất thấy* ý nói mau lẹ và đột-nhiên.

203) Hầu hết các Bản đều chép là *Sở*. Chính ra phải chép là *Sở* thì mới đúng, vì Đạm-Tiên cho Kiều biết là nàng cũng có tên trong *Sở đoạn-trường* (chứ không bao giờ nói *Sở đoạn-trường*) Nay Kiều mới tự hỏi rằng *sở đoạn-trường* (do Đạm Tiên cho biết) là sở thế nào? Vì *Sở* với chữ *Sở* chữ Hán cùng là một chữ, nên các bản phiên âm lầm.

- *Bãi ra thế ấy vịnh vào thế kia* (204)
- «Cứ trong mộng triệu mà suy,*
- *Phận con thôi có ra gì mai sau !* (205)
- Đầy rằng : « Mộng ảo cứ đâu* (206)
- *Bỗng không mua nảo chuốc sầu nghĩ nao »* (207)
- Vâng lời khuyên giải thấp cao,* (208)
- Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch tương* (209)

204) Bãi là đầu bãi (do Đàm Tiên đưa cho) Vịnh là làm hoắt (do Kiều vịnh trong giấc mơ).

205) Theo diềm nằm mộng như vậy, thì số phận con mai sau chắc chẳng ra gì.

206) Đây là lời Vương-Bà bảo Kiều. *Mộng-ảo* 夢 影 là cái mộng giả-dối không thật *Ảo* là giả-dối, như *Ảo-thuật*, *ảo trường ảo ảnh*, chữ 夢 ta đọc là ảo, nhưng sách từ-diễn Tào chưa đọc là *huyền*, nên có người bảo rằng phải chép là *mộng huyền* chép *mộng ảo* là sai. Thật ra vẫn chỉ là một chữ, một nghĩa

207) Bỗng không là tự nhiên, tự dưng.

Chuốc là tìm cho được mà mua.

Nghĩ nao : hãy nghĩ lại nào !

Nếu là vẫn xuôi, thì câu này viết : *bỗng không mua chuốc sầu nảo, hãy nghĩ lại nào !*

208) *Vâng* là nghe (đúng để nói người trên) *Lời khuyên giải thấp cao* là lời khuyên giải nhỏ to lúc giọng thấp lúc giọng cao.

209) *Chưa xong điều nghĩ* : (nghe mẹ khuyên) Kiều chưa biết nghĩ ra thế nào cho phải...

Đã dào mạch tương : ... = thì nước mắt đã dào dạt ra.

Ngày xưa vua Thuấn mất, hai vợ là Nga-Hoàng và Nữ-Anh ngồi trên bờ sông Tương, khóc lóc rất thảm-thiết, máu theo nước mắt ra.

Nhân thế ta mượn chữ *mạch tương*, *giọt tương* để trở nước mắt

- Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng (210)
 Nách tường bóng liễu bay sang lóng giếng (211)
 Hiên là bóng gác nghiêng-nghiêng (212)
 Nổi riêng, riêng trạnh tắc riêng một mình (213)

210) Ngoài cửa sổ con oanh vàng đã thả-thẻ hát. Ý nói trời đã rạng đông, sắp sáng.

211) *Nách tường* là góc tường.

Bóng liễu tức liễu như 柳絮 là đám bông lơ-xơ bám xung-quanh hoa cây liễu, khi hoa đã già. Mỗi khi gặp gió thì bông liễu rơi ra bay tung khắp nơi theo chiều gió thổi, cũng như bông gạo, bông lau lúc già.

Như chính nghĩa là tơ, vì bông liễu lơ-xơ nhỏ như tơ nên gọi là *liễu như*, *Bóng lau* gọi là *lô như*.

Bóng liễu bay sang lóng giếng là vì trời sắp sáng, gió sớm mai thổi mạnh. Câu này và câu trên tả cảnh rạng đông.

212) Bóng trắng tả gác nghiêng-nghiêng trên mái hiên, ý nói trời sắp sáng, trăng sắp nhạt.

Hiên đây là mái biều, chứ không phải là hè nhà. Cũng như hai câu trên, câu này tả cảnh rạng đông. Đêm ấy Kiều sụt sùi than-kuốc thâu đêm suốt sáng.

Mấy bản dịch Pháp văn dịch *Hiên* tả *bóng gác* là mặt trời xế tà, thật sai hoàn toàn. Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là *le couchant*; Crayssac dịch là *jour oblique* và *sous le Jeu des rayons*. *Bóng gác nghiêng-nghiêng* : là bóng trắng bị (mái hiên) che khuất đi chênh lệch. Crayssac giảng lầm *bóng nghiêng-nghiêng* là bóng nghiêng-nghiêng của bao lơn dưới ánh mặt trời tà.

213) *Trạnh* là động, xúc động.

Tắc riêng là tắc lòng riêng, tức là tấm lòng riêng.

Tắc riêng sở dĩ có nghĩa ấy là vì chữ *Tàu* có những chữ *Thốn Tắc*, 寸 心 thốn chung 寸 衷 là tắc lòng, tắc dạ (có ý nói con tâm dài bằng một tắc).

Cả câu nghĩa là : những ý nghĩ riêng của mình chỉ riêng có lòng mình biết riêng cho mình mà thôi.

III

- Cho hay là giống hữu tình (214)*
Đố ai gỡ mối tơ mảnh cho xong (215)
Chàng Kim từ lại thư-song (216)
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuấy (217)
Sầu đông càng lúc càng đầy (218)

Tác-giả nhắc đi nhắc lại ba lần chữ *riêng* để tả nỗi đau cực âm-thầm của Kiều, vì cả nhà không ai cho ý nghĩ nàng là dùng mà chia sẻ nỗi lo-âu với nàng.

Trở lên bốn câu tả cảnh trăng nhạt, rặng đông, thật là tuyệt diệu. Do tài dùng chữ lựa văn của tác giả, đọc thơ lên ta cảm thấy một cái gì êm dịu man-mát như gió ban mai và buồn-buồn như ánh trăng tả về sáng.

214) *Cho hay* cũng như nói *mời biết*. *Giống hữu tình* là những người giàu cảm-tình, có một tình yêu mạnh mẽ.

215) Đã là con người có tình thì đố ai là gỡ được cho khỏi vướng vào sợi tơ tình, tuy rằng sợi tơ ấy mong manh.

Tơ mảnh là tơ mong manh, bé nhẹ, dễ đứt. Câu này nói chung cho cả mọi người, chứ không trở riêng ai.

216) *Từ lại thư song* : từ khi trở lại phòng sách ; tức là từ khi trở về nhà ; *Thư song* nghĩa đen là cửa sổ sách ; nghĩa bóng là phòng đọc sách.

217) *Nỗi nàng* : những ý nghĩ nhớ nàng Kiều.

Canh cánh bên lòng : đầy nặng bên lòng như mang vật gì nặng nề.

Biếng khuấy : không chia khuấy cho. *Khuấy* : là người, quên.

218) Phàm lấy đậu đông các thứ hột như ngô, đậu, gạo, . . người ta thường rắc đậu cho hột dồn xuống, đậu vơi đi. Nhưng sâu đây giá đông được thì càng rắc nó càng đầy thêm, ý nói muốn khuấy đi mà không sao khuấy nổi.

Ba thu dồn lại một ngày dài ghê (219)

Mây Tần tỏa kín song the (220)

Bụi hồng lèo đèo đi về chiêm-bao. (221)

219) Chữ Kinh Thi : Nhất nhật bất kiến như triêu xū : một ngày không thấy nhau coi lâu bằng ba mùa thu

Chữ Kinh Thi nói : một ngày lâu như 3 năm. Đây tác-giả nói ngược lại : dồn ba năm mới dài bằng một ngày (nhớ người đẹp). Cách diễn tả của tác-giả có lẽ tài tình hơn lời Kinh Thi, vì nếu ba năm lên trước nên đã làm rồi bật được ý chính là sự ngày giờ dài quá đối với người mê gái (ba năm gộp lại mới dài bằng một ngày !)

Nhiều bản chép là dọn lại có lẽ sai, vì vô nghĩa.

220) *Mây Tần* : mây nước Tần : đồng ý với Tần-Đà là mây Tần đây chỉ là lời văn đặt cho lịch-sự và cho kêu thời, chứ không nhất định phải có nghĩa là mây nước Tần. *Song the* là cửa sổ căng màn the, của buồng đàn bà con gái. Câu này nghĩa là hình như có đám mây tỏa kín cả chỗ ở của người đẹp, khiến chàng Kim không thấy được nàng.

Các bản đều chép là *mây tần khóa kín*.. Chúng tôi cho phải chép là *tỏa kín* mới đúng, vì người ta vẫn nói *mây tỏa* không từng nghe nói *mây khóa* bao giờ.

221) *Bụi hồng* đây, nhiều bản giảng là hồng trần 紅塵 bụi đỏ, ý nói cuộc đời nhiet-náo.

Chúng tôi thấy giảng như thế thì nghĩa câu này không xuôi.

Có lẽ phải giảng *bụi hồng* là *bụi hoa hồng* thì mới đúng. Khi gặp KIM-Trọng thì Kiều và Vân nấp ở dưới hoa, không thấy nói hoa gì nhưng theo câu này thì dưới hoa chắc là *bụi hoa hồng* cho nên Kim Trọng mới chiêm-bao lèo-đèo đi về chỗ bụi hồng là nơi Kiều ngồi nấp hôm nọ.

Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao, (222)

Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.

222) *Tuần trăng*, *khuyết* là một tháng qua. Mỗi tháng một lần trăng tròn, người ta gọi là *tuần trăng*. Tuần trăng Khuyết là hết tháng, vì vào ngày giữa tháng thì trăng tròn, rồi càng về cuối tháng trăng càng khuyết mãi đến ngày cuối tháng (ngày 30) thì không trông thấy trăng nữa.

Đĩa dầu hao ý nói Kim-Trọng đêm nào cũng thức khuya, đĩa dầu cứ hao dầu đi.

Câu này cho biết Kim-Trọng mơ tưởng Kiều đêm đêm không ngủ được.

Mặt mơ tưởng mặt; không phải là mặt này mơ-tưởng đến mặt khác mặt Kim-Trọng mơ-tưởng đến mặt Kiều. *Mặt mơ tưởng mặt*, chữ *mặt* ở trên không phải là *chủ từ* của *động từ mơ-tưởng*. Cả hai chữ *mặt* ở đây đều là *bổ túc từ* cho *động từ mơ-tưởng*. Và cả hai chữ *mặt* đều chỉ có giá-tị như một chữ *một* thôi. *Mặt* đấy là mặt cô Kiều. *Chủ-từ* của *động-tự mơ-tưởng* là Kim-Trọng, đây lan đi, không nói đến. Người mơ-tưởng, tri óc mơ tưởng chữ *mặt* *không thể mơ-tưởng* được.

Mặt mơ-tưởng mặt nghĩa là Kim-Trọng mơ-tưởng đến *mặt* Kiều. Tác giả nhắc đi nhắc lại hai lần chữ *mặt* là để nhấn-mạnh cho nổi bật ý Kim-Trọng luôn luôn mơ-tưởng đến mặt Kiều.

Lòng ngao ngán lòng, không phải là lòng này ngao-ngán cho lòng khác, lòng Kim-Trọng ngao-ngán cho lòng Kiều. *Lòng ngao-ngán*, *lòng* chữ *lòng* ở dưới không phải là *bổ túc từ* cho *động từ ngao-ngán*. Cả hai chữ *lòng* ở đây đều là *chủ từ* của *động-tự ngao ngán*; và chỉ có giá trị như một chữ *lòng* mà thôi. *Lòng* đây là lòng Kim-Trọng. Lòng Kim-Trọng ngao-ngán là vì chàng mơ-tưởng đến Kiều. Tại sao lại ngao-ngán cho lòng Kiều?

Cả câu: *mặt mơ tưởng mặt lòng ngao-ngán lòng* chỉ có một ý nghĩa dẫn đi là: Kim-Trọng mơ-tưởng đến mặt Kiều, lòng chàng buồn ngao-ngán

Có một chữ *mặt* và một chữ *lòng* thừa là vì tác-giả theo phép hô khởi (Apostrophe) cố làm cho câu mạnh thêm, ý *mơ tưởng* và ý *ngao-ngán* của Kim-Trọng được nổi bật lên. Thí dụ như câu:

Bạc đêm, mặt bạc kiếm đường cho xa, Trong câu này có thừa một chữ Bạc là vì tác giả áp dụng phép hô khởi. Bản pháp-văn của Nguyễn Văn Vĩnh dịch câu *mặt mơ tưởng mặt*... như thế này:

Son visage reflétait sa pensée constamment portée vers l'autre visagé et son cœur mélancoliquement pensait à l'autre cœur.

Bản Pháp-Văn của M. R. (nhà xuất bản Alexandre de Rhodes) dịch thế này:

Son visage rêve au visage aimé, son cœur soupire après l'autre cœur Dịch như vậy đều không sát tinh-thần câu văn.

Phòng vắng hơi giá như đồng, (223)
Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng phím loan (224)
Mành tương phát phát gió đàn, (225)
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình (226)

Dịch như Crayssac thì mới đúng được một nửa :

Et Kim rêve toujours à la grâce indicible.

De celle dont le cœur lui semble inaccessible.

Crayssac hiểu sai và dịch sai mấy chữ lòng ngao ngán lòng.

223) *Hơi* tức là *Khí*. Không khí trong phòng vắng lạnh giá như đồng, chứ không nào-nhiệt như trước, vì thiếu sự hoạt-động của Kim-Trọng, Ý nói Kim-Trọng buồn chán bỏ cả việc học hành.

224) *Trúc* đây là quần bút bằng trúc. *Ngọn thỏ* là ngọn bút làm bằng những sợi lông thỏ. *Trúc se ngọn thỏ* ; bút cề se ngọn, vì lâu không viết.

Tơ đây là dây đàn.

Chùng là không căng thẳng.

Phím loan là phím đàn gắn keo chề với máu chim loan (loan giao).

Tơ chùng phím loan = đàn dề chùng dây, vì lâu không gảy.

Câu này tả rõ cái cảnh lạnh giá của phòng vắng.

225) *Mành tương* có bản giảng nghĩa là mành làm bằng trúc núi Tương.

Có bản chưa là làm bằng lụa tương. Chưa biết bản nào đúng. Chỉ biết đây nói bức mành-mành ; chữ tương chép vào cho đẹp lời văn, chứ mành cũng không nhất định phải bằng trúc tương hay lụa tương.

Gió đàn = gió mát như đàn (tục ngữ).

226) *Hương gây mùi nhớ* = Mùi hương chỉ gây cho lòng nhớ mùi hương của Kiều — đáng lẽ hương làm cho khuấy lòng.

Trà khan giọng tình : nước trà đáng lẽ làm êm-giọng, thì dù có gió mát, có hương thơm, có trà ngon, Kim-Trọng cũng không khuấy khỏa được, trái lại làm cho chàng càng nhớ càng buồn.

Vi chẳng duyên nợ ba sinh (227)

227) *Ba sinh* dịch chữ *tam sinh* 三 生 nghĩa là ba kiếp luân-chuyển kiếp này sang kiếp khác, *Duyên nợ ba sinh*: duyên nợ từ ba kiếp với nhau, đây nói duyên nợ phải làm vợ chồng với nhau do tiền định :

Ba sinh tức *tam sinh* 三 生 có nghĩa là số kiếp tiền định là do điển sau :

Đời trước, có vị sư tên là Viên-Trạch một hôm cùng bạn là Lý-nguyên-Thiện đi chơi. Gặp một mu đàn-bà gánh nước Viên-Trạch nói: «Người đàn-bà này đã có mang ba năm đợi tôi vào làm con. Nay đã gặp đây, không thể nào trốn được. Hẹn ba ngày nữa thì bạn đến, ta lấy nư cười làm tin. Mười ba năm sau ta lại sẽ gặp nhau ở chùa Thiên-Trúc tỉnh Hàng-Châu, vào đêm Trung-Thu trăng sáng».

Chiều đó Viên-Trạch mất. Người đàn-bà nọ đẻ con trai, Ba hôm sau, Lý tới thăm, quả nhiên đứa bé thấy Lý thì cười, đúng như lời hẹn, Mười ba năm sau Lý đến chùa Thiên-Trúc-Hàng-Châu, nghe thấy một trẻ trâu hát rằng :

*Tam sinh thạch thượng cựu tình hồn,
Thường nguyệt ngâm phong bất yếu luân,
Tâm quý tình nhân viên tương phủng,
Thử thân tuy dị, tình thường đồng.*

Định nghĩa :

*Là tình hồn cũ đã ba sinh
Trăng gió là n chi để bạn mình
Thẹn với người quen xa viếng hỏi
Thân này tuy khác, tình nguyên lành.*

Cả câu: Vi chẳng phải là duyên số với nhau từ kiếp trước

Thì chi đem giống khuyên thành trên người (228)

Bâng - khuâng nhớ cảnh, nhớ người (229)

Nhớ nơi kỳ-ngộ, vội dời chân đi (230)

Một vùng cỏ mọc xanh rì,

Nước ngấm trong vất, thấy gì nữa đâu (231)

Gió chiều như gọi cơn sầu (232)

228) *Giống khuyên thành* là giống gái đẹp làm nghiêng được cả thành. (xem lời chú câu: "một hai nghiêng nước nghiêng thành" ở trên).

Câu này và câu trên : nếu chẳng phải là duyên nợ tiền định với nhau, thì đem người tuyệt sắc đến trên người làm gì ? (câu này Kim-Trọng hỏi trống không bâng quơ hoặc là có ý hỏi Trời, vì chỉ có Trời là đem được giống khuyên thành đến trên người).

Có bản chép là : *Làm chi đem thói khuyên thành trên người* chép như vậy thì câu văn có ý trách Kiều đem sắc đẹp ra trên chàng, xét ra không xuôi nghĩa. Vì Kiều có đem thói khuyên thành trên chàng đâu. và Kiều thì biết thế nào được là duyên nợ ba sinh hay không mà hỏi.

229) *Cảnh* là cảnh nơi gặp gỡ. *Người* là Thúy-Kiều.

230) Kim-Trọng vội đi đến chỗ gặp Kiều ngày trước.

Rõ-ràng là hành động của anh chàng si-tình. Nhớ Kiều mà đến tìm ở nơi ấy thì cũng như người rơi kiếm xuống sông lại đi đánh dấu mạn thuyền. Tác-giả dụng ý cực tả nỗi si-tình của Kim-Trọng kẻ đã khéo.

231) *Nước ngấm* là nước lắng đọng một chỗ không chảy.

Chú ý : Khi gặp Kiều thì nước chảy nao nao dưới cầu, bây giờ thì nước ngấm trong vất. Có sự thay đổi trong cảnh-vật theo thời gian, hay là tác-giả tả cảnh trước sau không ăn khớp?

232) Câu này cho biết thời gian Kim-Trọng lời bài tha ma

Vì ló hiu hắt như màu khăn trêu (233)

Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều (234)

Xăm-xăm dè nẻo Lam-Kiều lần sang (235)

233) *Vi-ló* là cây lau. *Như màu* là như vẻ, ra vẻ. *Khăn-trêu* là chế nhạo, trêu cợt.

Cây lau trước gió nghiêng ngã hiu-hắt. Kim-Trọng cảm thấy như nó khăn-trêu chàng bị tên không gặp mặt người yêu. Không nói Kim-Trọng bẽ bàng thất vọng, chỉ nói *vì ló hiu hắt* mà làm nổi bật được ý thất vọng bẽ bàng của Kim-Trọng. Bút-pháp đã nhập diệu !

234) Có bản chép là : *nghe riêng và tình riêng nhờ ít tưởng nhiều* là nhờ mặt Kiều thì nhớ ít thôi, vì mới thoáng gặp có một lần : nhưng mơ ước tưởng tượng mặt nàng thì nhiều.

235) *Dè nẻo* tức là theo đường, đi theo lối.

Lam-Kiều là tên một địa-diểm ở huyện Lam-Điền tỉnh Thiểm-Tây. Đời Đường, Bùi-Hàng gặp nàng Vân-Kiều tặng cho một bài thơ, trong thơ có câu : *Lam-Kiều bản thị thần tiên quật* : *Lam-Kiều* vốn chỗ thần ở. Sau này, Bùi-Hàng qua một nơi gọi là *Lam-Kiều* (vì đó có cầu) khát nước vào hàng uống nước, thấy trong quán có người gái đẹp tên là Vân-Anh, chàng muốn lấy làm vợ. Vân-Anh bảo chàng hãy đem được cái chày ngọc kháp vừa cái cối ngọc của nhà bà thì bà gả cho. Bùi-Hàng về gấp tiền cho chày ngọc đem đến, lấy được Vân-Anh. Rồi hai vợ chồng điêu thành tiên. Do diễm đó, *Lam-Kiều* được dùng để trỏ nơi ở của đàn bà đẹp. Đây *Lam-Kiều* trỏ chỗ nhà nàng Kiều.

Lần sang là lần mò sang ý nói vừa đi vừa dò hỏi đường lối.

- Thăm nghiệm kín cổng cao tường (236)*
Cạn dòng lá thăm, dứt đường chim xanh (237)
Lơ-thơ lơ liễu buông mảnh (238)
Con oanh học nói trên cành mĩ-mai (239)
Mấy lần cửa đóng then gài (240)

236) *Thăm, nghiệm kín cổng cao tường* = *thăm* là sâu thăm thăm, là kín đáo lắm, khó lũng vào được; *thăm* là vì kín cổng (Có câu: *Hầu môn thăm tự hải* là cửa nhà quan trước hầu sâu tựa bể) *Nghiệm* là nghiêm-trang, lặng-lẽ, *nghiệm* là vì cao tường.

237) *Lá thăm* dịch chữ *Hồng diệp* 紅葉 tức lá đỏ.

Đời Đường, chàng Vu-Hựu bắt được một cái lá đỏ (ngờ là lá bàng) trôi từ dòng sông nhỏ chảy ở cung Vua ra. Trên lá có đề một bài thơ. Hựu cũng lấy một cái lá họa thơ thả xuống dòng sông nhỏ. Lá trôi vào cung Vua. Hàn-thúy-Tần là cung nữ bắt được cái lá họa thơ của mình, vì lá đỏ trước là do nàng thả ra. Sau này nhờ vụ thả cung-tần, Vu-Hựu lấy được Hàn-thị bấy giờ mới biết rằng trước kia đã xướng họa thơ trên lá với nhau.

Do đó, người ta mượn chữ *lá thăm* để trở việc thông tin mối lái vợ chồng.

Chim xanh: vua Hàn Vũ-Đế đang ngự chơi, bỗng có hai con chim xanh bay đến. Đông-phương-Sóc hầu bên tàu rằng đó là sứ-giã của Tây-vương-Mẫu đến trước, Tây-vương-Mẫu sắp tới bây giờ. Quả nhiên lát sau Tây-vương-Mẫu tới thăm vua. Do tích đó, chữ *chim xanh* được mượn trở kể đưa tin. Cả câu này nghĩa là: Không có dòng sông để thả lá thăm không có lối để chim xanh bay vào, ý nói khó thông tin tức với người bên trong. (vì thăm nghiệm).

238-239) Hai câu thơ này tác-giả dùng để ấn-dịnh thời gian Bấy giờ là vào buổi sáng sớm có tiếng oanh hót, và có gió nhẹ thổi vào mảnh liễu lơ-thơ. Ta biết chiều hôm trước, Kim-trọng

Đầy thềm hoa rụng, biết người ở đâu ? (241)

Tàn-ngàn đứng suốt giờ lâu

Dạo quanh chợ thấy mái sau có nhà (242)

Là nhà Ngó Việt thương-gia (243)

Buồng không đề đó, người xa chưa về.

Lấy điều du học hỏi thuê (244)

Túi đàn cạp sách đề huề dọn sang (245)

đi thăm bãi tha ma, (mộ Đạm-Tiên) sáng hôm sau tới chỗ nhà Kiều ở.

Mĩa mai : Kim-Trọng tiu-nghiu thất vọng trước nơi cổng kín tường cao, nên nghe chim oanh hót, cảm thấy như chim có ý mỉa-mai chế riễu mình. Tả chim oanh mà tả luôn được cả tâm-trạng Kim-Trọng, như thế thật là tài-tình.

240) Câu này tác giả dùng để tả thêm sự kín đáo. Nhưng có chỗ nghĩa chưa được xuôi.

Đã kín cổng cao tường thì còn thấy thế nào được mấy lần cửa đóng then cài ? Cổng ở ngoài ngõ ; cửa thì ở trong nhà đã bị cổng và tường che kín.

241) *Đầy thềm hoa rụng* : thềm đây chỉ có thể là thềm cổng chứ không thể là thềm nhà, hè nhà. Vì kín cổng cao tường thấy sao được thềm nhà ?

Người đây trở Kiều.

242) *Mái sau* : phía sau, mé sau. Kim-Trọng dạo quanh tường nhà Kiều thấy phía sau nhà Kiều có một ngôi nhà. .

243) *Ngó Việt thương gia* : nhà buôn ở bên nước Ngó, nước Việt, ý nói nhà buôn đi xa vắng.

244) *Lấy điều* = là mượn việc, là tạ sự, dựa vào việc.

245) *Cạp sách* = không phải như cạp sách bằng da bây giờ. Cạp sách xưa làm bằng gỗ, dưới có đế gỗ, hai bên có hai thanh gỗ dài đóng dựng lên như cái cặp gánh mạ ở nhà quê. Sách để ở đế, hai thanh gỗ hai bên ép lại cho khỏi rơi.

Có cây có đá sẵn sàng (246)
Có hiên Lãm-thủy, nét vàng chưa phai (247)
Mình thăm chốn ấy chữ bài. (248)
Ba sinh âu hãn duyên trời chi đây
Song hồ nửa khép cánh mây (249)

Trên cùng có một thanh gỗ ngang nối đầu hai thanh gỗ bên thành với nhau, người ta lùa đòn gánh dưới thanh gỗ ngang đó mà gánh cặp sách.

Đề là đeo, tức là đeo túi đàn

Huê là đem, quây, gánh tức là gánh cặp sách.

Kim-Trọng dọn nhà sang ở thuê căn nhà nhỏ không ở mé sau nhà Kiều.

Chỗ này khiến người ta ngạc nhiên. Kim-Trọng còn cha mà tự do hành-dộng như vậy được ư ?

246) *Đá* Đây là những tảng đá xếp thành núi giả, ta thường gọi là non bộ.

Đoạn Kiều sang nhà Kim-Trọng có câu : « lần theo núi giả đi vòng » Núi giả tức là núi non bộ, mà đây gọi là *Đá* vậy.

247) *Hiên* là cái chái nhà lợp thia-lia ra. Nhà người thương gia có cái hiên trên có biển đề Lãm thủy Hiên 覽 泉 軒, đặt tên hiên là Lãm Thủy, nghĩa là hiên xem các cây xanh

Kim-Trọng thấy hai chữ *Lãm Thủy* thì hiểu ra là xem non Thủy Kiều, và cho là cái diễm nhân-duyên trời định.

248) *Bài*, chữ Hán, đây nghĩa là cái bảng, cái biển treo lên cho mọi người trông thấy. Nghĩa cũng như chữ *Bài* trong các chữ môn-bài, cờ-bài, chiếu-bài...

249) *Song hồ* là cửa sổ giắt giấy (hồ là lấy hồ dán)

Nửa khép là nửa khép nửa mở, tức hé mở để nhìn sang nhà Kiều cho dễ.

Cánh mây tức cánh cửa phòng mây.

Phòng mây tức Vân phòng 雲房 là tên gọi nhà ở của các nhà tu hành. Ở đây, tác-giả có ý ví Kim-Trọng (ở một mình một nhà) với kẻ tu hành và gọi phòng chàng là phòng mây.

Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông (250)

Tắc gang, động khóa nguồn phong (251)

Tịt mù nào thấy bóng hồng vào ra (252)

Nhẫn từ quán khách lân la (253)

Tuần trăng thắm-thoắt nay đã thêm hai (254)

Cách tường phải buổi êm trời (255)

250) Ngày ngày hằng để mắt nhìn sang nhà Kiều ở phía trước nhà.

251) *Tắc gang* là gần trong một gang, một tắc, ý nói gần kề, gần sát.

Động khóa : Động là hang ; Động khóa là động không mở, đây nói Động Thiên-Thai là nơi tiên-nữ ở, khi Lưu-Thần Nguyễn Triệu trở lại, thì động lấp mất lối vào.

Nguồn phong : nguồn bị phong tỏa, bị niêm phong không mở, đây nói Nguồn Đào tức Đào Nguyên là nơi tiên-cảnh, khi người ngư phủ đời Tấn trở lại thì quên mất lối vào.

Câu này nói : Kim-Trọng với Kiều gần sát nhà nhau, mà không được gặp mặt nhau, y như là ở sát Nguồn Đào, Động Tiên mà không có lối vào vậy.

Có bản chép là : *đồng tỏa nguyên phong* thì vô nghĩa.

252) *Tịt mù* : Xa lắm. Ở gần nhau trong gang tắc mà hóa xa tịt mù.

Bóng hồng (đã chưa ở câu... *bóng hồng* nhắc thấy nẻo xa)

253) *Nhẫn từ* : tiếng cổ nghĩa là kể từ khi. *Quán khách* : nhà trọ.

254) Tính từ ngày Kim-Trọng đến ở trọ nhà thương-gia tới nay đã được hai tuần trăng, tức hai tháng.

255) *Phải buổi êm trời* : Chữ *phải* ở đây nghe chưa được ổn, Giá viết là *gặp* hay vừa hay vào thì có lẽ hay hơn. Có lẽ đó là tam sao thất bản chăng ? Hay là thời xưa người ta quen dùng chữ *phải* theo nghĩa chữ *gặp* ?

Dưới đào đường có bóng người thướt-tha (256)

Buong cầm xốc áo, vội ra (257)

Hương còn thơm nữa, người đã vắng tanh (258)

Lần theo tường gấm dạo quanh (259)

Trên đào nhắc thấy một cảnh kim-thoa (260)

256) *Dưới đào* là dưới đám cành đào, dưới cây đào.

Dường có : hình như có.

Bóng người thướt-tha : bóng con gái, ý nói bóng nàng Kiều.

— Cách tường cao, mà trông thấy được sang vườn nhà trước mặt, như vậy, hiên *Lãm thủy* tất phải là lầu *Lãm thủy* nghĩa là hiên lầu, nhà hai tầng. Nếu là hiên nhà một tầng, thì văn-lý bất thông, vì phải dùng «*thang máy*» trèo qua tường, thì không có lý gì lại nhìn sang được.

257) *Buong cầm* : bỏ đàn xuống. (lúc này Kim-Trọng đang đánh đàn)

Xốc áo : xốc lại quần áo cho chỉnh tề (sợ Kiều chê ăn bận cầu thả ?)

Vội ra : nói không gầy nghĩa vì đây là Kim-Trọng vội trèo tường sang vườn nhà Kiều. (liều lĩnh thật ! si-tình nên không biết sợ hãi, xấu hổ là gì)

258) Ở dưới gốc đào, vẫn còn mùi hương (con gái đàn bà đeo hương trong mình cho thơm) nhưng không thấy người

259) *Tường gấm* là *Cầm tường* là tường gạch có vẽ hoa như gấm, đây nói cho đẹp lời văn, chứ sự thật tường không nhất định là có vẽ hoa.

260) *Trên đào* là trên cành đào.

Cảnh kim thoa : chiếc kim thoa. *Kim-thoa* là cái gài tóc bằng vàng. Có lẽ Kiều chạm tóc vào cành đào rủ xuống, mà kim-thoa vướng trên cành đào ?

Giơ tay với lấy về nhà :

« *Này trong khuê-các đâu mà đến đây (261)*

« *Ngắm âu người ấy báu này (262)*

« *Chẳng duyên chưa để vào tay ai cầm ! (263)*

Liền tay ngắm nghía, biếng nằm (264)

Hãy còn thoang-thoảng hương trầm chưa phai (265)

Tan sương đã thấy bóng người (266)

Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn-ngơ.

Sinh đã có ý đợi chờ (267)

261) *Khuê các* chính là *Khuê các* 閨閣 thường nói trạch ra là *Khuê các* 閨閣 *Khuê* là cửa nách buồng thường xây cuốn tò vò. *Cấp* là cửa nách buồng nhỏ hơn là cửa *Khuê*.

Khuê các (khuê các) được dùng để trở chỗ ở của đàn bà con gái, vì phụ nữ xưa luôn luôn ở trong buồng kín, không ra tới ngoài.

262) *Người ấy* ám chỉ Kiều.

263) *Của báu* của người đẹp ấy, nếu chẳng có duyên nợ gì với nhau, thì chưa dễ đã lọt vào tay ai.

Kim-Trọng tự cho rằng vợ được Kim-thoa là chàng có duyên nàng Kiều vậy.

264) *Liền tay ngắm nghía* : luôn tay cầm ngắm nghía. *Biếng nằm* là không chịu đi ngủ ; nằm đây là nằm ngủ. Câu này cho biết thời gian Kim-trọng bắt được kim-thoa ; lúc ấy vào buổi chiều đem về nhà một lát thì trời tối.

265) Chiếc kim-thoa vẫn còn thoang-thoảng mùi thơm.

266) *Tan sương* là lúc mặt trời mọc. Câu này cho biết là sáng sớm hôm sau. Kiều ra vườn tìm thoa vàng.

267) *Sinh* đây là Kim-trọng. *Sinh* 生 nghĩa là kẻ sĩ 士 phạm người theo học-nghiệp đều gọi là *Sinh* như *Nho-sinh* *Thư-sinh*, *Y-sinh* *Học-sinh*.

Kim-trọng đã có ý đợi sẵn ở bên này tường

Cách tường lên tiếng xa đưa trộm lòng :

« Thoa này bắt được hư không (268)

Biết đâu Hợp-phố mà mong châu về ? (269)

Tiếng Kiều nghe lọt bên kia (270)

« Ôn lòng quân-tử sợ gì cửa ròi.

« Chiếc thoa nào của mấy mươi (271)

«Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao !

Sinh rằng : « Lân-lý ra vào (272)

« Gần đây nào phải người nào xa xôi.

« Được rầy nhờ chút thơm ròi,

« Kề dả thiều-não lòng người bấy nay ! (273)

268) *Hư không* : tự nhiên, không ngờ.

269) Quận Hợp-phố xưa thuộc Giao-Châu (nước ta) vốn sản nhiều ngọc trai, Các quan cai-trị quận ấy tham lam những lạm, bắt dân mò ngọc trai rất vất vả, đến nỗi biển hết cả trai, người ta bảo ngọc trai, biến đi nơi khác; đến khi ông Mạnh-Thường sang cai-trị quận ấy, ông có đức chính, dân được đời ơn nhiều, và người ta bảo ngọc châu ở đâu lại trở về Hợp-phố; Biết Hợp-phố ở đâu mà đưa ngọc châu trở về, ý nói: Kim-Trọng muốn trả kim-thoa nhưng không biết trả cho ai.

270) Tiếng Kiều nói ở bên kia nghe lọt sang bên nhà Kim-Trọng. Không phải là *Kiều nghe*, mà là *nghe tiếng Kiều*.

271) Chiếc thoa chẳng đáng bao nhiêu, nhưng cái lòng trọng nghĩa khinh tài của nó đáng quý không biết bao nhiêu mà nói,

272) *Lân lý* : Xóm giềng. *Lân lý ra vào* : đi ra đi vào sát nhà nhau.

273) Kề đã khốn-khở trong bao nhiêu lâu nay rồi bây giờ mới được nghỉ nhờ một chút hương sót lại ở chiếc thoa.

« Bấy lâu mới được một ngày,
 « Dừng chân gạn chút niềm tây, gọi là » ! (274)
 Vội về thêm lấy của nhà,
 Xuyên vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.
 Thang mây rón bước ngọn tường (275)
 Phải người hôm nọ rõ-ràng chẳng nhe ? (276)

274) *Gạn* : là hỏi. *Niềm tây* : là niềm tư (tư đọc tranh ra tây) tức niềm riêng tức ý-nghĩ. *Gọi là* : gạn hỏi một chút gọi là chứ không dám hỏi nhiều.

Cả câu : xin dừng đợi một lát, tôi hỏi một chút chuyện riêng (Kim-Trọng nói khéo để tán gái)

275) *Thang mây* : dịch chữ *Vân thê* 雲梯 là cái thang cao tưởng có thể bắc lên mây được ; vì tường cao nên phải bắc thang.

276) Có phải rõ ràng là người gặp hôm nọ chẳng à ? *Người hôm nọ* đây trở Thúy-Kiều. Vì những lý-do sau này :

a. — Suốt đoạn này, chủ-từ là Kim-Trọng. Kim Trọng nói, Kim-Trọng chạy về nhà, Kim-Trọng treo thang Kim-Trọng nhìn thấy Kiều và tự hỏi.

b — Câu tiếp theo « *sương sương giũ ý rứt rề* » đi liền với *người hôm nọ* ; tả dáng điệu, thái độ người hôm nọ. Ở đây duy có Kiều là *sương sương*, *rứt rề*. Vậy Kiều là, người hôm nọ.

c — Chữ người nói đây trở Kiều. Khi gặp gỡ ở mã Đạm-Tiên, tác-giả đã gọi Kiều là người quốc-sắc ; khi Kim Trọng từ giã lên ngựa đi, Kiều còn ngó theo Tác-giả đã dùng chữ người để trở nàng. Khách đã lên ngựa người còn ghé theo. Khi Kim Trọng đến nhà Kiều, và bắt được Kim thoa. Kiều đều được gọi là người (Thêm thêm hoa rụng biết người, ở đâu ; dưới đào đường có bóng người thướt tha ; ngấm áo người ấy bâu này..)

Ở đoạn tiếp theo, trong câu « *Kẻ nhìn tỏ mặt, người e cái đầu* », tác-giả dùng chữ người để trở Kiều. Chỉ một chữ người (người hôm nọ) cũng đủ cho ta biết người hôm nọ là Kiều.

Bút-pháp tác-giả tinh-tế là dường nào !

- Sượng sùng giữ ý rụt rè.
 Kẻ nhìn tỏ mặt, người e cúi đầu (277)
 Rằng: « Từ ngẫu-nhĩ gặp nhau (278)
 Thăm trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn (279)
 Xương mai tính đã gãy-mòn (280)
 « Lăn-lừa ai biết hãy còn hôm nay.
 « Tháng tròn như gửi cung mây (281)
 « Tràn-trần một phận ấp cây đã liễu (282)
 « Tiện đây xin một hai điều (283)

277) Kim-Trọng thì nhìn chòng chọc vào tận mặt Kiều; nàng thì e-thẹn cúi đầu không dám nhìn thẳng vào mặt chàng. Nàng « giữ ý rụt rè ».

278) Ngẫu-nhĩ cũng như ngẫu nhiên, tình cờ, không hẹn mà gặp. Lời Kim-Trọng.

279) Trông : mong. Chồn : mỏi, mệt.

280) Xương mai : Người gãy vỡ xương chia ra như cành mai. Tính đã : kẻ đã. Ý nói tương-tư đã gãy cả người.

281) Tháng tròn : cả tháng, suốt tháng.

Như gửi cung mây : tâm hồn như gửi lên cung trăng trên mây, là nơi tiên cảnh. Ý nói suốt tháng. Kim-Trọng gửi cả tâm-hồn vào chỗ nàng Kiều.

282) Ấp cây ; ôm cây cột cầu. Lấy điển Vĩ-Sinh xưa hẹn với người con gái ở chân cầu. Đợi nãi mà người con gái không đến, đến khi nước thủy-triều dâng lên chàng vẫn cứ ôm cột cầu chịu chết đuối, chứ không lên. Ý nói Kim-Trọng đã định liều chết cái số phận như Vĩ-Sinh đợi Kiều đến chết thì thôi.

283) Điều ; lời nói.

- « Đai gương soi đến dấu bèo cho chẳng ! (284)
 « Ngần-ngừ nàng mới thưa rằng : (285)
 « Thối nhà băng tuyết, chất hăng phi phong (286)
 « Dù khi lá thắm chỉ hồng (287)

284) Kim Trọng tôn Kiều như cái đai gương, và tự hạ mình như cái dấu ở lá bèo, và hỏi chả biết đai gương có soi xuống cái dấu bèo không?

Đai gương là Kinh đài 鏡臺 là cái gương lớn để trên giá. (Tàn gái mà phải tự hạ mình đến thế thì kẻ cũng không còn gì là khí phách nam nhi)

295) Ngần-ngừ một lát, nàng mới nói (vì thẹn thùng hay vì cảm-dộng)

286) Thối nhà băng tuyết : Thối nhà trong sạch, ý nói không làm điều dĩ thảo ám muội.

Chất hăng phi phong ; Chất ăn hàng ngày là rau Phi, rau Phong, ý nói nhà nghèo:

Cả câu : Nhà tuy nghèo nhưng vẫn theo nề nếp trong sạch (ý nói phép nhà không cho phép Kiều làm điều ám muội. Kiều nói khéo nhỉ)

287) Lá thắm (đã chua ở câu Cạn dòng lá thắm trên kia). Chỉ hồng tức tơ hồng, chỉ việc lấy vợ lấy chồng, Lấy nghĩa ở điển Vi-Cổ đời Đường gặp một ông già ngồi dưới bóng trắng xem sách, vai đeo một bị tơ hồng. Hỏi thì ông già nói : sách là sổ biên tên trai gái phải làm vợ chồng với nhau, tơ hồng để buộc chân trai gái lấy nhau. Do điển này mà có những chữ Tơ hồng, chỉ hồng để trở việc nhân duyên vợ chồng. Những chữ Ông Tơ, Nguyệt Lão (nguyệt hạ lão nhân, nói tắt) Trăng già... đều do điển Vi-Cổ mà ra. Hiện giờ trong lễ cưới, có lễ Tơ-Hồng, tức lễ ông cụ già ngồi dưới trăng vô-danh đó.

Hoặc xuất tự điển Quách-nguyên-Chấn như sau :

« *Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha* (288)

Nặng lòng sót liễu, vì hoa (289)

« *Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thừa* (290)

Sinh rằng : Rày gió mai mưa

« *Ngày xuân đã dễ tình cò mấy khi* (291)

« Dù chẳng xét lăm linh si (292)

• *Thiệt đây mà có ích gì đến ai ?* (293)

Đời Đường, Quách-nguyên-Chấn muốn lấy con gái của Tề-Tướng Trương-gia-Chính. Trương có 5 người con gái, cho mỗi người cầm một sợi tơ đứng ở sau màn hể Nguyên-Chấn kéo phải sợi nào thì được lấy người cầm sợi đó. Nguyên-Chấn chọn sợi tơ đỏ, lấy được người con gái thứ ba của Trương, người rất trẻ đẹp.

Do duyên này mà sau những chữ *chỉ hồng*, *tơ đỏ*, *trao tơ* được dùng để tỏ việc hôn-nhân.

288) *Kiều* nói : việc vợ chồng là do mệnh cha mẹ, nàng còn *thơ* đại biết đâu mà dám quyết-đoán, (Lời nói mới khôn ngoan làm sao ! Ai dám ngờ rằng nàng có lúc trốn nhà sang truyện trò với trai suốt ngày suốt đêm !)

289) *Nặng lòng* : ý nói lòng quá yêu (chớ mình không đáng được yêu.)

Sót liễu thương sót cây liễu

Vì hoa yêu vì bông hoa

Sót liễu vì hoa thương yêu người con gái yếu ớt. (Kiều)

290) *Thừa* : đây là thừa lại, trả lời một cách tôn-kính.

291) *Tình cò* đây nghĩa là tình cò gặp nhau.

292) *Dù chẳng* = dù chẳng, nếu chẳng, vì không. Ý nói nếu Kiều không xét tình cho Kim-Trọng.

293) *Đây* tỏ Kim-Trọng ; *Ai* tỏ Thúc-Kiều.

• *Chút chi gắn bó một hai* (294)

• *Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh* (295)

• *Khuôn thiêng dù phụ tức thành* (296)

294) *Gắn bó* = bện ước cam.kết với nhau cho chắc chắn, lời nói như gắn bó bằng keo sơn.

Một hai = một vài lời.

Chút chi = điều nhỏ.nhất thì có hề chi.

Câu câu : ước-hẹn cam.kết với nhau một vài lời, thì cái đó có-hề chi. Nói khéo thật.

295) *Cho đành* = cho yên lòng, cho đành lòng.

Liệu bài = liệu việc liệu cách

Mối-manh = mối mai; đứng giữa dùng lời ngoại-giao để hỏi vợ, gả chồng cho trai gái.

Kim-Trọng nài Kiều nhận lời lấy mình để chàng yên tâm, rồi chàng sẽ nhờ người đứng ra làm mai cho hợp lễ.

296) *Khuôn thiêng* = Trời thiêng, ý nói trời làm sao nên vậy, phép thiêng lắm.

Khuôn thiêng dịch nghĩa chữ *Khung-linh* 穹 靈 là phép thiêng của Trời. *Khung* nghĩa là cao, là to, dùng để trở vòm trời cao bát-ngát.

Chữ *khung* ta không dịch nghĩa, mà lấy chữ *Khuôn* thế vào (biểu *Khung* là cái *Khung*, cái *Khuôn*). *Linh* nghĩa là Thiêng.

Khuôn xanh dịch nghĩa chữ *Khung thường* 穹 常 nghĩa là trời xanh, cũng dùng để chỉ ông Trời.

Tức thành = tức lòng thành-khẩn, tức sự thật lòng yêu nhau.

- « Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời (297)
 * Lượng xuân dù quyết hẹp hòi (298)
 « Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru ? (299)
 Lặng nghe lời nói như ru (300)
 Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng (301)
 Rằng : « Trong buổi mới lạ lòng,

297) Bỏ quá = bỏ qua, bỏ đi, không kể đến, không tiếc.
 Xuân xanh tức Thanh Xuân là tuổi trẻ như mùa xuân.
 Gọi mùa Xuân là xuân xanh, là lấy sắc lá xanh non mùa xuân mà nói.

Câu trên và câu này ; Nếu Trời chẳng xét tấm lòng thành khiến không lấy được Kiều, thì Kim-Trọng sẽ liều một đời tuổi trẻ chẳng tiếc gì, cũng như trai nói với gái ; nếu không lấy được nhau thì đành tự tử chứ quyết không sống làm gì.

298) Xuân = mùa xuân ; đây là tình yêu. Kinh Thi có câu :
 Hữu nữ hoài xuân cát sĩ dụ chi 有女懷春吉士誘之
 ó cô gái nhớ xuân Cậu đẹp trai dỗ dãi,

Do câu thơ cổ đó mà sau người ta dùng chữ Xuân để trở việc trai gái yêu nhau.

Lượng xuân = lượng của người yêu, đây là lượng cô Kiều

299) Câu trên và câu này = Nếu như nàng hẹp hòi quyết không chịu mở lượng dung lấy tình yêu của chàng, thì cái công đeo đuổi của chàng, há chẳng uổng lắm ru ?

300) Lời Kim-Trọng tán tỉnh khéo lắm, Kiều nghe thấy ẹm ẹm, lòng nàng như ru. Câu này cho biết lòng Kiều đã cảm thấy yêu rồi (mà yêu từ khi gặp Kim-Trọng ở mộ Đạm-Tiên còn gì !).

301) Xuân = xuân tình ; chiều xuân là vẻ xuân-tình. Nét thu là nét thu-ba, nét sóng thu, tức là con mắt.

Cả câu : Vẻ xuân-tình trong lòng dễ khiến cho mắt nàng ngại ngùng e-thẹn. Nói nôm là Kiều bằng lòng, mặt nhìn xuống vì e-thẹn.

Tác-giả đã chơi chữ, khi đem chữ Xuân đồng với chữ Thu.

« Nề lòng có lẽ cầm lòng cho đang (302)

« Đã lòng quân tử đa-mang,

« Một lời vâng tặc đá vàng thủy chung » (303)

Được lời như cỏi lăm lòng (304)

Giờ kim-thoa với khăn hồng trao tay (305)

302) Cầm lòng là ngăn giữ tấm lòng (không cho nó siêu trước lời Kim-Trọng) Câu trên và câu này :

Kiều nói : Mới gặp lần đầu còn lạ nhau, nề lòng nhau quá, nên cầm lòng thì không đành tâm.

Lý-lẽ của Kiều chả vững chút nào. Đã là người lạ, thì can chi phải nề lòng ?

303) Đá vàng tức Kim thạch 金石 Kim đây là loài Kim, trổ chuông đồng, đỉnh đồng. Thạch là đá, trổ bia đá. Ngày xưa bên Tàu người ta ghi những việc lớn lịch-sử, những lời khuyên-cáo, tuyên bố của vua chúa... vào chuông đỉnh đồng và vào bia đá, tin rằng ghi vào đó thì lưu truyền mãi mãi không bao giờ mất.

Thủy chung là trước sau, trước sau vậy. Cả câu này và câu trên : Quân tử đã có lòng yêu thì xin vàng, lời đó quyết ghi vào lòng bền chặt như ghi vào kim, thạch trước sau không bao giờ đổi dời. (Kiều đáp xin vàng, nhận lời gán bó với Kim-Trọng. Thế mà ban nãy nàng nói : *trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa ?*)

304) Khi người ta lo buồn, đau đớn thì lòng như se lại, thắt lại, nặng trịch trịch, khó chịu. Trái lại khi người ta vui mừng thì lòng như cỏi mở ra, như hã hê, nhẹ nhàng dễ chịu. Cho nên để tả sự vui mừng người ta nói : *cỏi lòng cỏi ruột, hã dạ...*

Cỏi tấm lòng là mừng rỡ lăm.

305) Đây Kim-Trọng đưa trả Kiều chiếc Kim-thoa bắt được hôm trước và tặng Kiều chiếc khăn là màu hồng.

Vậy thì « *xuyến vàng hai chếc* » Kim-Trọng đề đâu ?

— Rất có thể là xuyến vàng gói trong khăn hồng, nên khi chàng đưa cho Kiều chỉ đưa có kim-thoa và khăn hồng. Kim-Trọng tỏ ra tế nhị, kín đáo trong việc đưa tặng xuyến vàng cho Kiều.

Rằng: « Trăm năm cũng từ đây (306)
 « Của tin gọi một chút này làm ghi ».
 Sẵn tay khăn gấm, quạt qui (307)
 Với cảnh thoa ẩy tức thì đổi trao.
 Một lời gấn bó tất giao (308)
 Mãi sau đường có xôn-xao liếng người (309)
 Vội vàng lá rụng hoa rơi (310)
 Chàng về viện sách, nàng rời lầu trang (311)
 Từ phen đá biết tuổi vàng (312)
 Tình càng thấm-thía dạ càng ngẩn-ngơ,

306) Trăm năm là cuộc nhân-duyên một đời. Cuộc nhân duyên một đời bắt đầu từ lúc này.

307) Sẵn tay đây là Kiều có sẵn trong tay

Quạt qui là quạt giắt vàng qui. (Nhà nghèo mà sao sang thế ?

Kiều tặng lại Kim-Trọng cảnh thoa, khăn gấm và quạt qui. Cảnh thoa chính là cảnh thoa Kiều mất mà Kim-Trọng vừa trả nàng

308) Tất giao 漆膠 tất là sơn, giao là keo.

Lời gấn bó tất giao là lời cam kết với nhau bền chặt như gấn bó bằng sơn và keo.

309) Mãi sau là phía sau, Vừa gấn bó một lời với nhau xong, thì phía sau hình như có tiếng người xôn-xao.

310) Hai anh chị vội vàng mỗi người chạy đi một ngã, đụng chạm vào cây-cối làm rụng lá, rơi hoa Họ sợ người ngoài biết.

311) Viện sách tức Thư-viện rghĩa là buồng sách (nhà Kim-Trọng, Lầu trang là lầu điểm-trang tức chỗ Kiều ở

312) Thử tuổi vàng, xem vàng tốt xấu, người ta dùng một thứ đá cuội đen, gọi là hòn đá thử vàng. Đá đây trở Kim-Trọng, vàng trở Kiều hai bên quen biết nhau như đá biết vàng.

Sóng Tương một giải nóng sờ (313)
 Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia (314)
 Một tường tuyết trở sương che (315)
 Tin xuân đâu dễ ai về cho nắng (316)
 Làn làn ngậy gió đêm trăng
 Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua (317)
 Ngày vừa sinh-nhật ngoại-gia (318)
 Trên hai đường, dưới nữa là hai em (319)
 Tung-búng sấm sứa áo xiêm

313.314) Hai câu này thoát ở câu thơ cổ của Tàu: Quán tại Tương-giang đầu, thiếp tại Tương-giang vĩ, tương-tư bất tương kiến, đồng ầm Tương-giang thủy 君在湘江頭妾在湘江尾相思不相見同飲湘江水 chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương, cùng nhớ nhau mà chẳng thấy nhau, Hai bên cùng uống nước sông Tương. Ý nói ở cách nhau có một chút mà hai người đều nhớ nhau, chờ đợi nhau, không thấy mặt nhau. Nóng sờ là nóng sờ-sờ, nóng lắm, trông thấy đấy.

315) Cách có một bức tường, mà như có tuyết sương che trở, ngăn cách xa lắm.

316) Tin xuân là tin tình, tin người yêu. Nắng là luôn. Tin tức, giữa hai bên khó mà trao đổi, đi lại luôn luôn,

317) Sách Tây-Sương-Ký có câu: Lục âm hồng hi xuân khứ dã 綠暗紅稀春去也 màu xanh um lên, màu đỏ ít đi, xuân đi vậy. Lấy chữ ở câu ấy. th: a hồng (hồng hi) nghĩa là hoa đỏ ít đi, rậm lục (lục âm) nghĩa là lá xanh mọc rậm lên, ý nói mùa xuân sắp hết, mùa hạ sắp sang. Đã chừng là đã đến lúc, đến kỳ, đến độ.

318) Văn xuôi thì viết: vừa ngày sinh-nhật ngoại gia nghĩa là vừa gặp ngày bên họ ngoại có tiệc mừng sinh-nhật.

319) Hai đường tức song đường 雙堂 là hai nhà, trở cha mẹ. Cha thì gọi là Xuân đường mẹ thì gọi là Huyền đường

Biện dâng một lễ xa đem tấc thành (320)

Nhà lan thanh vắng một mình (321)

Ngẫm cơ hội-ngộ đã đành hôm nay.

Thì trần thức thức sẵn bày (322)

Gót sen thoăn-thoắt dạo ngay mái tường (323)

Cách hoa, khế dựng tiếng vàng (324)

320) *Biện dâng một lễ* là sắm sửa một chút lễ vật để đem biếu, dâng là biếu một cách kính cẩn. *Xa đem tấc thành* là đem một tấc lòng thành đến nơi xa, ý nói nhà họ ngoại nàng Kiều ở xa nơi nàng ở.

321) Sách *Khổng-Tử Gia-Ngũ* có câu: *Dĩ thiện-nhân giao như nhập chi lan chi thất* 與善人交如入芝蘭之室

chơi với người tốt như vào nhà có trồng cỏ chi lan (cỏ thơm) *Nhà lan* Đây dùng đẹp lời, chứ không có nghĩa là nhà người tốt hoặc nhà người có trồng lan.

322) *Thì trần* 時珍: những thức quý đương mùa tức là hoa quả trong mùa. Kiều bày sẵn hoa quả, sang nhà Kim Trọng định mời chàng sang. Rồi nàng ngồi ở nhà Kim-Trọng suốt ngày, đến chiều mới về. Rồi tối lần mò sang với Kim-Trọng. Hai lần tuyệt nhiên không thấy mời Kim-Trọng sang ăn *thì-trần*, Kiều mé trai quá quên lú đi? Hay là tác-giả quên không nhớ đến chỗ *thì-trần* đó?

Có lần Kiều bưng *thì-trần* sang nhà Kim-Trọng nhưng không có lời nào cho biết ý đó.

322) *Gót sen*: đã chưa ở câu « *sen vàng lững lờ* ».. trên kia. Hai chữ *thoăn-thoắt* tả cái vẻ mừng rỡ, nhí nhảnh, nhanh nhẩu, liều lĩnh.

Mái tường: mé tường, những chỗ mái trong Kiều đều hầu hết nghĩa là mé, phía.

324) Trên kia nói *cách tường*, đây lại nói *cách hoa*, thì ra nhà Kiều cách nhà Kim-Trọng một đám hoa thôi ư? Tác-giả tả cảnh trước sau thiếu duy nhất. Nếu chỉ *cách hoa* thì sao Kim Trọng trước đây đã phải « *thang máy rón bước ngọn tường* »?

Dưới hoa, đã thấy có chàng đứng trông (325)

Trách lòng hồ-hững với lòng (326)

« Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu (327)

« Những là đắp nhớ đôi sầu (328)

« Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm (329)

Tiếng vàng: Tiếng êm-dịu và nghe hay như tiếng âm nhạc. *Kim thạch*: Vàng đá có nghĩa là âm nhạc. Sách *Tả truyện* có câu hành chi dĩ kim thạch 行之以金石之樂 tấu âm nhạc kim thạch. Kim tức Kim chung (chuông đồng) thạch tức là thạch khánh (khánh đá) hai nhạc khí cổ của Tàu. Cũng có thể giảng tiếng vàng là tiếng kim tức là tiếng nhỏ và the-thé.

325) Trên nói: cách hoa nghĩa là hai bên cách nhau một đám hoa, vậy thì hai bên đứng ngang nhau. Đây lại nói dưới hoa nghe không ổn, vì như vậy là Kiều đứng ở chỗ cao hơn. Giá viết là bên hoa thì phải hơn. *Đứng trông*: đứng mong đợi.

326) Chữ lòng trên trách Kiều, chữ lòng dưới trách lòng Kim-Trọng, Kim-Trọng trách Kiều lòng không tha u-thiết nghĩ đến chàng.

327) *Lửa hương*: tục đời Đường khi làm lễ thề-ước với nhau thì đốt đèn thắp hương. Nhân đó sau ngời ta dùng hai chữ lửa hương để nói việc vợ chồng, vì việc lấy vợ lấy chồng cũng là một loại thề ước. *Chốc*: bỗng chốc, thình-lình.

Cả câu: Kim-Trọng trách Kiều không cho chàng gặp mặt bấy lâu, vì như cái tinh hương lửa (vợ chồng) để lạnh. (Thật là nói vợ vào 1)

328) *Đắp nhớ đôi sầu*: đắp đắp nhớ sầu, tức là hết nhớ lại sầu, hết sầu lại nhớ, nhớ sầu cứ đắp đắp thay phiên nhau.

329) Kim-Trọng nói chàng nhớ sầu đã bạc nửa mái đầu, ý nói nhớ sầu đã già người đi (nói khoác thế cho Kiều thương chữ đầu Kim-Trọng có bạc nửa đầu)?

Hoa râm: hoa cây dâm sắc trắng toát, đầu hoa râm tức là đầu bạc trắng chứ không phải trắng lốm-dốm.

- Nàng rằng « Gió bắt mưa cầm ; (330)
 « Đã cam tộ với tri-âm bấy chầy,
 « Vắng nhà được buổi hôm nay,
 « Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng » (331)
 Lăn theo núi giả đi vòng (332)
 Cuối tường dường có nẻo thông mới rào (333)
 Xắn tay mở khóa động đào (334)

330) *Gió bắt mưa cầm* : Gió bắt buộc, mưa cầm giữ, ý nói nàng bị nhiều việc ngăn trở (không cho phép nàng hỏi đến Kim-Trọng).

331) Hai chữ *lòng* đây đối với hai chữ *lòng* Kim-Trọng nói, Chữ *lòng* trên trở lòng Kiều, chữ *lòng* dưới trở lòng Kim-Trọng

332) *Núi giả* tức núi non bộ ở sân nhà Kim-Trọng ở. Trên kia đã có nói : « có cây có đá sân sân ». Nhưng theo lời văn ở đây thì ra núi giả ở giáp-giới nhà Kim-Trọng và nhà Kiều một phía núi ở về bên vườn nhà Kiều. Hay là núi giả đây là núi non bộ ở vườn nhà Kiều ?

Tác-giả đã sơ ý trong khi hành văn nên tiền hậu không ăn khớp nhau

333) *Nẻo thông* : lối thông sang hai nhà hình như có lối thông sang nhà Kim-Trọng mà ai mới rào.

Câu này khiến ta ngạc nhiên. Kim-Trọng ở nhà thương-gia đã mấy tháng trời. Khi gặp Kiều phải vượt tường sang. Mà đây lại nói trước vẫn có lối thông; nay mới rào. Vậy ai rào ? Và sao Kim-Trọng không nhận ra lối ấy ? Và như vậy thì ra tường nhà có lỗ thủng ư ? Hay là có một khúc tường còn thì là hàng rào nối liền vào ? Tóm lại, chỗ này tác-giả dàn xếp không khéo, nó lủng tung làm sao !

334) *Xắn tay* : xắn tay áo. *Động đào* : là động Đào-Nguyên nơi tiên ở, đây trở nhà Kim-Trọng.

Kiều xắn tay áo rồi rào đề sang nhà Kim-Trọng (đám đang táo bạo thay !)

Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai (335)

Mặt nhìn mặt càng thêm tươi (336)

Bên lời vạ phúc, bên lời hàn huyên (337)

Sánh vai về chốn thư-hiến,

Góp lời phong nguyệt, nặng nguyên non sông (338)

Trên yên, bút-giá thi-đồng (339)

335) *Rẽ mây* : rẽ đám mây.

Thiên thai : động Thiên-thai là nơi tiên ở ; Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu xưa lên núi hái thuốc lạc vào động Thiên-thai

Động ở trên núi cao vọt nên quanh năm cửa động có mây. Đây nói rẽ mây là rẽ đám rào gai, vào nhà Kim-Trọng.

336) Hai bên nhìn mặt nhau, hai bên đều vui tươi sung sướng.

(Lúc này sao Kiều không thẹn nhĩ ?).

337) *Bên lời Vạ-Phúc* : Kiều tỏ lời chào Kim-Trọng. *Lời Vạ-Phúc* : là lời chào lời chúc nhau, đàn bà hay dùng.

Lời hàn huyên 寒 暄 lời lạnh ấm, tức lời truyện trò thủ ngữ giữa chủ với khách. Chủ khách gặp nhau hay nói truyện tiết trời nóng, lạnh tức là nói truyện vãn vơ đề mở đầu Đây là lời Kim-Trọng truyện trò với Kiều

338) *Góp lời phong nguyệt* : hai bên đều nói truyện trăng gió tức những chuyện vãn-vơ.

Nặng nguyên non sông : thề nguyên nặng lời với nhau đại khái như nói : sông cạn, núi mòn cũng không quên lời thề-ước.

339) *Yên* : một thứ bàn dài và hẹp. *Bút giá* : giá để bút *Thi-đồng* : ống đựng thơ. Ngày xưa thường đựng thơ và giấy tờ vào cái ống tre hay gỗ tròn dài có nắp dây kín. Ống đựng vở thì gọi là ống quyển. Câu này tả cái bàn học của Kim-Trọng, trên có đủ giá bút ống thơ.

Đạm-thanh một bức tranh lung treo trên (340)

Phong sương được vẽ thiên nhiên (341)

Mặn mà nét bút càng nhìn càng tươi (342)

Sinh rằng : « Phác họa vừa rồi

« Phầm-đề, xin một vài lời thêm hoa » (343)

Tay tiên gió táp mưa sa (344)

340) *Đạm thanh* 淡青 là màu xanh nhạt. *Tranh lung* là tranh vẽ cây thông.

Cả câu : một bức tranh tùng vẽ màu xanh nhạt treo ở phía trên yên.

341) *Phong sương* 風霜 là gió, sương. Đây khen bức tranh vẽ khéo, coi như vẽ được cả gió sương (phong sương), y như thật. *Tùng* là thứ cây tài chịu gió sương và quí ở chỗ đó ; vẽ tùng mà vẽ được cả màu phong sương, là vẽ thần-tình lắm, vì vẽ được cả cái tiết-tháo của cây tùng.

342) *Mặn-mà nét bút* : Nét bút *mặn-mà*, tức là nét bút có tinh-thần ý-nhi, mới coi thì tầm-thường, nhưng càng coi lâu càng nhận thấy là giống và khéo.

Mấy câu này có ý đề cao giá trị bức tranh, đề đề cho cái tài hoa của Kim-Trọng.

Những câu ngợi khen đó cho biết Kiều yêu mỹ-thuật chú ý ngắm tranh, đồng-thời cho biết Kiều là người sành về hội-họa.

343) Thấy Kiều chú ý đến tranh, Kim-Trọng cho biết là chàng mới vẽ xong, và xin Kiều đề cho mấy câu phê-bình vào tranh cho tăng vẽ đẹp. *Thêm hoa* ý nói như gấm thêm hoa. Nói *thêm hoa*, Kim-Trọng có ý tự-phu ; nhận rằng mình mới vẽ xong, Kim-Trọng có ý khoe tài với Kiều.

344) *Tay Tiên* ; tay đẹp như tay nàng tiên. *Gió táp mưa sa* : mau lẹ như gió bão như mưa rơi. Thơ cổ có câu : *Phong vũ thôi thì tứ* 風雨催詩思 nghĩa là *tứ thơ* nhanh như gió mưa thúc đẩy. Câu này tả cái tài-hoa của Thủy-Kiều.

Khoảng trên dừng bút, thảo và bốn câu (345)

Khen tài nhả ngọc phun châu : (346)

« Nàng Ban a Tạ cũng đầu thế này (347)

• Kiếp tu xưa vì chưa đầy (348)

• Phúc nào nhắc được giá này cho ngang (349)

Nàng rằng ; « Trộm liếc dung-quang (350)

345) Kiều viết mấy câu thơ ở khoảng trên bức tranh bằng lối chữ thảo. Câu này cốt nói Kiều chữ tốt văn hay.

346) Văn hay bình như phun nhả ra châu ngọc.

347) Nàng Ban-Chiêu đời Hán, nàng Tạ-đạo-Uần đời Tấn đều là những phụ-nữ có tiếng là hay chữ.

348) Nếu là văn xuôi thì viết : *Kiếp xưa tu vì chưa đầy. Tu đầy là tu-tĩnh đầy công phu* nên được hưởng phúc lớn.

349) *Nhắc* : cân-nhắc, so-đo. *Ngang* : bằng nhau. *Giá* phẩm giá con người, cả câu này và câu trên :

Kiếp xưa vì công tu không đầy, làm chỉ có phúc sánh ngang với phẩm giá này. Kim-Trọng muốn khen nịnh Kiều. Cũng như ta nói : lấy được nàng làm vợ, phải là người kiếp trước tu nhiều, có phúc lớn lắm. Có người lại giảng như thế này :

Nếu kiếp trước Kiều không đầy công tu-tĩnh thì làm chỉ được cái phúc có những tài-ban như vậy.

Giảng như thế, nghe không xuôi, vì chưa làm rõ nghĩa mấy chữ *nhắc được giá này cho ngang*. Và khen Kiều như thế, thì lời khen chẳng bóa nhạt-nhẽo, vô-vị lắm ru !

350) *Trộm liếc* : nhìn trộm, không dám nhìn thẳng vào mặt, ý nói nhìn một cách lễ-phép tôn-kính.

Theo lễ-giao Tàu nhìn thẳng vào mặt người ta là *phạm nhan* 犯顏 tức là vô lễ.

Dung quang 容光 là phong thái, là đáng-đáp con người.

« Chàng sần ngọc bội, cũng phường kim-môn (351)

« Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn (352)

351) Sách *Lê-Ký* có câu :

Cồ chi quân-tử tất bội ngọc ; 古之君子必佩玉 nghĩa là người quân-tử thời xưa tất đeo ngọc.

Quá - tử là người làm quan, hoặc ở địa-vị cao-sang trong xã-hội. Deo ngọc không phải là để khoe giàu như ta đeo kim-cương ngày nay. Deo ngọc xưa đeo theo một lễ lối riêng vào dây lưng, để khi bước đi thì ngọc kêu lên thành tiếng leng-keng. Ngọc chỉ là một thứ đá đẹp. Deo như vậy để tỏ rằng người quân tử đi tới đâu người ta cũng biết, bao giờ cử-chỉ cũng đường-chính quang-minh không lút làm điều âm muội.

Đây dùng hai chữ *bội ngọc* để nói người quân-tử, ý nói Kim-Trọng nếu chẳng là người quân-tử (cao sang) thì cũng là người ở chốn Kim-môn.

Sần bội-ngọc : sần quân-tử, tức trong giới quân-tử, trong đám quân-tử.

Phường ; là phố, là ngõ, là nơi, chốn.

Phường-Kim-môn : chốn Kim-môn.

Kim-môn tức là Kim-Mã môn 金馬門 nguyên là tên cửa cung *Vị-Uơng* của vua nhà Hán bản Tàu.

Vua Hán-Vũ-Đế được ngoại-quốc tiến một giống ngựa lạ, lấy làm quý lắm, sai lấy đồng đúc tượng ngựa để ở cửa cung *Vị-Uơng*. Vì sắc đồng coi giống sắc vàng, và vì đồng là kim loại, nên nhà vua đặt tên cửa cung có đề tượng ngựa đồng là cửa Kim-Mã (Kim-Mã môn). Vua lại ra lệnh cho các quan học-sĩ châu ở cửa Kim-Mã để đợi chiếu hoặc đề nhà Vua ban hỏi mọi việc chính-sự. Nên sau Kim-Mã-môn hay gọi tắt là *Kim-môn* dùng để trở chốn triều-đường nhà Vua.

Phường-kim-môn tức là chốn triều-đường, ý Kiều muốn nói Kim-Trọng không làm quan nhỏ (quân tử) thì cũng làm quan to trong triều. Đời xưa làm quan là danh-giá sang trọng nhất.

352) *Phận mỏng* dịch chữ *Bạc-mệnh* 薄命. Người Tàu cho người tốt số là mệnh hậu, người xấu số là mệnh bạc tức là phận mỏng.

Cánh chuồn ; cánh con chuồn-chuồn mỏng lắm ý nói số rất xấu.

Khuôn xanh biết có vương tròn mà hay (353)

« Nhớ từ năm hãy thơ ngây,

« Có người tướng-sĩ đoán ngay một nhời : (354)

« Anh-hoa phát tiết ra ngoài (355)

« Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoa ! (356)

« Trông người lại ngẫm đến ta (357)

« Một dày, một mỏng, biết là có nên ? (358)

« Sinh rằng : « Giải cầu là duyên (359)

353) Khuôn xanh dịch chữ *Khung thương* 穹 傷 nghĩa là Trời xanh (xem chữ khuôn thiêng ở trên)

Vương tròn : chỗ vuông ra vuông, chỗ tròn ra tròn, ý nói mọi việc dẫu vào đây, xếp đặt đúng chỗ

Câu trên và câu này : Kiều nói phân nàng mỏng manh lắm chả biết ông Trời có cho lấy được Kim Trọng không ?

Trên Kim-Trọng nói : lấy được Kiều phải là người đầy phúc lắm. Đây Kiều nhún mình đáp lại như vậy. Tác-giả tả những chuyện anh chị tán tỉnh, tăng bốc nhau kẻ đã khéo.

354) *Tướng sĩ* : thầy tướng.

355) *Anh-hoa* vẽ đẹp của cây cỏ, đây là vẽ đẹp của người con gái.

Anh hoa phát tiết ra ngoài : bao nhiêu vẽ đẹp đều lộ cả ra ngoài, ý nói đẹp sắc-sảo lộng-lẫy quá.

356) Đây không phải nói riêng về Kiều. Ông thầy tướng đoán chung một câu rằng :

Người nào mà anh-hoa phát tiết ra ngoài, thì cổ kim (nghìn thu) đều là người bạc-mệnh, nhưng là người có tài-hoa ; Kiều thuộc về người đẹp đó

357) *Người* đây là Kim-Trọng.

358) *Một dày* : một bên thì mệnh hậu (trở Kim-trọng) *một mỏng*, một bên thì mệnh bạc (nói Kiều)

Biết là có nên : biết rằng có nên chồng được chăng ?

Cả câu : Kiều nói trềng Kim-Trọng và ngẫm số phận mình so sánh thì một bên có phúc tướng, một bên phận bạc (như lời Thầy tướng đoán) như vậy biết rằng hai bên có nên vợ nên chồng được không ?

359) *Giải-cầu* : xem lời chưa câu may thay giải cầu tương phùng ở trên.

« Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều (360)

« Ví dù giải kết đến điều (361)

Thì đem vàng đá mà liều với thân ! * (362)

Đủ điều trung khúc ân cần (363)

360) Nhân định thắng thiên 人定勝天 người định thắng cả trời, ý nói người ta có thể làm sai cả số mệnh, thay đổi cả số trời. Kim-Trọng nói dễ an ủi Kiều.

361) Giải kết 解結 là cởi nút, cởi mối buộc, ý nói hai bên ràng-buộc với nhau mà mỗi ràng-buộc đó bị cởi ra mất, tức là không lấy được nhau. Nếu là văn xuôi, thì câu này viết ; Ví dù đến điều giải-kết, đến nước phải giải-kết.

362) Vàng đá tức Kim thạch 金石 đây có nghĩa là đồ khi giới, các thứ dùng để giết-người.

Sách Chu Lễ có câu ; Phàm quốc hữu đại cố nhi dụng kim thạch tắc chương kỷ lệnh 凡國有大故而用金石則掌其令 nghĩa là phàm nước có sự biến cố lớn mà dùng đến kim-thạch thì giữ quyền chỉ-huy.

Kim thạch tức kim loại là giáo đồng (ngày xưa chỉ biết dùng đồng) và các hòn đá dùng làm đạn bắn nỏ, trở gồm các vũ khí thời cổ.

Thì đem vàng đá mà liều với thân ; thì lấy khi-giới (dao chĩa búa) mà liều thân, ý nói tự-sát.

Câu trên và câu này nghĩa là : Nếu mà không lấy được nhau thì sẽ tự-tử chứ không sống làm gì (Kim-Trọng nói vậy chứ có dám tự-tử bao giờ đâu) Câu này các bản khác đều giảng sai.

363) Trung khúc 衷曲 Trung là trong lòng, Khúc ; là việc nhỏ. Trung khúc : những nỗi nhỏ nhất, những ý-nghĩ vụn-vặt ở trong lòng. Cả câu ; hai anh chị ân cần giải bày với nhau đủ những ý-nghĩ nhỏ-nhất thâm-kín trong lòng không sót điều gì.

Lòng xuân phơi-phới chén xuân làng-làng (364)

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang (365)

Trông ra ác đã ngậm gương non đoài (366)

Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai (367)

Giã chàng nằng mới kịp dời song sa (368)

Đền nhà vừa thấy tin nhà

364) *Lòng xuân* : lòng yêu nhau.

Chén xuân : chén rượu trai gái tỏ lòng yêu nhau.

Cả câu : hai người lòng thấy yêu phơi phới và uống rượu với nhau đã say say (Kiều tài thật, biết cả uống rượu !)

365) *Gang* tức là gang tay.

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang đó là bọn tình-nhân riêng cảm thấy thì-giờ đi mau quá, tưởng như ngày ngắn không đầy gang tay, bởi họ muốn kéo dài mãi thì-gian để trò-truyện với nhau. Trái lại khi xa nhau thì họ thấy một ngày bằng ba năm. (nhất nhát bất kiến như tam thu hề).

366) *Ác* : chim ác hay chim quạ, tiếng Tàu là 鷲. Người xưa tin rằng trong mặt trời có tinh con Kim-ô, (quạ vàng) ba chân, nên sau dùng chữ 鷲, *Ác* hay *quạ vàng* để nói mặt trời.

Gương tức là mặt trời tròn như cái gương.

Non đoài : non Tây, núi phía Tây, nơi mặt trời lặn.

Nếu là văn xuôi thì viết :

Trông ra ; *non Đoài* đã ngậm gương ác (chính là núi ngậm gương mặt trời, chứ không phải là ác ngậm gương)

367) *Ngồi lì cả ngày còn vẽ là không tiện ngồi dai*.

358) *Giã* : từ giã.

Dời ; bỏ nơi đó mà đi

Song sa : cũng như song the, là cửa sổ căng bằng vải sa trở buồng phụ-nữ.

Hai thân còn giở tiệc hoa chưa về (369)

Cửa ngoài vội rủ rèm the,

Xăm-xăm băng lối vườn khuya một mình (370)

Nhật thừa, gương giội đầu cành (371)

Ngon đèn trông lọt trướng huỳnh hắt-hiu (372)

369) *Tiệc hoa* dịch chữ *Hoa Diên* 花筵 *Hoa Diên* là tiệc sang trọng lịch sự.

Diên nguyên nghĩa là chiếu tre cũng như *Tịch* 席 vậy. Đời xưa người ta trải chiếu *diên* xuống đất rồi trải thứ chiếu *lịch* lên trên. Bây giờ người ta trải chiếu xuống đất, ăn uống cũng dề trên chiếu. Cho nên sau này người ta mượn mấy chữ *Diên* và *Tịch* để trò bữa tiệc. *Tịch* đọc trạch thành tiệc.

Hai thân tức song thân 雙親 là hai người thân yêu nhất trong đời tức cha mẹ.

370) *Băng* là đi tới một cách mau lẹ (táo bạo đến thế thì thôi)

371) *Nhật* là mau, nhiều. *Thừa* là không mau, cách quăng trông rộng hơn. ít.

Gương dầy là gương Nga, tức mặt trăng.

Cả câu: Ánh trăng giội xuống đầu cành cây, gấp chỗ mau lá thì thành từng mảng ánh sáng (tức mau, nhiều) phải chỗ thừa lá thì ánh sáng không thành mảng (tức thừa, ít).

Chú ý: *Gương giội đầu cành* nên hiểu là *gương giội ngọn cây*, ánh trăng chiếu vào ngọn cây, ý nói trăng lên được một lát. Có thể đoán rằng trăng mới lên «bằng con sào». Chữ *giội* đây có hàm nghĩa là chiếu chềch-chềch. Hình như tác giả lấy ý ở câu thơ cổ này: *nguyệt minh tài thượng liễu sao đầu* 月上柳梢頭 nghĩa là ánh trăng mới soi qua trên ngọn cây liễu

372) *Trướng* 帳 là màn (mùng); *Huỳnh* 螢 là con đom đóm. Xưa Trác-Dận nhà nghèo không có đèn, bắt đom đóm soi vào sách mà học, nên sau hai chữ *trướng huỳnh* dùng để trò chỗ phòng học.

Sinh vừa tựa án thiu-thiu (373)

Dở chiều như lĩnh, dở chiều như mê (374)

Tiếng sen khê động giấc hòe (375)

Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần (376)

Bâng-khuâng đỉnh Giáp non Thần (377)

Cả câu : Trông vào buồng học của Kim-Trọng thấy ngọn đèn bắt-hiếu, tức là đèn nhỏ ngọn sắp tắt, vì Kim-Trọng ngủ nên không ai khêu đèn (ngày xưa đèn đốt bằng dầu lạc hoặc thầu dầu).

373) Trời chưa khuya Kim-Trọng chưa đi nằm. Chàng vừa mới tựa vào án thiu-thiu ngủ đi không biết (có lẽ vì say rượu từ lúc uống với Kiều ban chiều) nên mới đề đèn hieu-bắt.

374) Cũng như nói ngủ gà ngủ gật.

375) *Tiếng sen* là tiếng bước chân đàn-bà (xem lời chua câu Sen vàng lững-đứng như gần như xa, ở trên).

Giấc hòe: Xưa Thuần Vu-Phân nằm ngủ ngày dưới gốc cây hòe, nằm mơ thấy sứ giả nhà vua vờ vào làm Phò-mã, rồi được bổ đi làm quan Thái-thủ quận Nam-Kha, phú-quí vinh hoa hơn hai mươi năm trời. Khi thức giấc dậy chỉ thấy một tổ kiến lớn ở cạnh hòe hướng về phía nam tức nam-Kha, vì vậy có những chữ giấc Nam-Kha, giấc Hòe. Đây *giấc hòe* là giấc ngủ.

376) Thơ cổ có câu: *Nguyệt di hoa ảnh ngọc nhân lai* 月移花影玉人来 nghĩa là bóng trăng dời chuyển bóng hoa đi hình như có người đẹp như ngọc tới. Câu này có lẽ thoát dịch câu thơ trên.

Hoa-lê đây trở nàng Kiều. Câu này ý nói: Kim-Trọng nghe tiếng bước chân người, thức giấc thì đã thấy Kiều tới gần bên.

377) Xưa vua Sở-Tương-Vương ngự chơi đất Cao-Đường nằm mơ thấy người con gái đẹp đến hầu. Hỏi thì nàng nói: Thiếp ở núi Vu—Sơn sớm làm mây tối làm mưa, luôn luôn ở chỗ Dương-dải (tức ngọn núi phía đông) sau nhà vua sai lập miếu thờ (tức miếu Vu Sơn Thần-Nữ) gọi là miếu *Triền-Vân*

Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng (378)

Nàng rằng : « Khoảng vắng đêm trường

« Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa (379)

▪ Bầy giờ lỗ mặt đôi ta,

▪ Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao ? (380)

Vội mừng làm lễ rước vào,

Đài sen nổi sập, song (?) đào thêm hương (381)

Do đó mà sau người ta dùng những chữ Vu-Sơn, Vu-Giáp, đính giáp non thần, mây mưa, giấc mộng Cao đường, giấc mộng Dương-Đài ... để trở việc trai gái đi lại với nhau.

Đấy nói : Kim-Trọng mơ mộng bằng khuâng những việc ăn ái.

378) Lúc tỉnh dậy, Kim-Trọng vẫn tưởng như là chàng đương nằm mơ, và thấy có Kiều ở trước mặt.

379) Theo chữ dùng ở đây, thì Hoa trở người đẹp, không cứ là đàn-ông hay đàn-bà.

(Nói thế mà không biết thẹn ! Thật là trâu không tìm cọc mà cọc đi tìm trâu. Có thể nói rằng Kiều mé say Kim-Trọng hơn là Kim-Trọng mé Kiều. Và cái tro-tráo táo-bao của Kiều còn hơn cái tro-tráo, táo-bao của anh chàng mé gái)

Đánh đường : đánh liều tìm đường, hoặc phách lối đi mà đến ...

380) Kiều muốn tận-hưởng cái phút hiện-tại không muốn chờ những ngày tương-lai. Câu này thốt ra từ miệng con gái thì anh trai nào mà lại tha ?

381) Đài sen là cái đế thấp nền làm theo hình hoa sen. Nổi sập là nổi thêm nền. Song đào có lẽ chép sai, vì vô nghĩa. Giá chép là *lư-đào* tức là cái lư-hương làm theo hình quả đào thì phải hơn.

- Tiên thẻ cùng thảo một trương (382)*
Tóc mây một món, dao vàng chia đôi (383)
Vàng trắng vắng-vặc giữa trời (384)
Đình ninh hai miệng một lời song song:
Tóc tơ căn vặn tấc lòng (385)
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương (386)
Chén hà sánh giọng quỳnh tương (387)

382) *Tiên* là giấy viết thư; ta thường nói giấy hoa tiên tức là giấy viết thư có vẽ hoa.

Tiên thẻ cùng thảo một trương là hai người mỗi người thảo một trương, người nọ đưa cho người kia giữ, chớ không phải hai người cùng thảo vào một trương.

Tiên thẻ là giấy có ghi lời thề.

383) *Tóc mây* đây trỏ tóc Kiều, vì chỉ có tóc đàn bà mới bóng mượt như mây (vân phát — xem ở trên).

Dao vàng = vàng đây dịch chữ *Kim* 金 trỏ kim loại, kim thuộc như đồng, sắt, v.v. . . Vậy *dao vàng* không nên hiểu là con dao bằng vàng, chỉ là con dao thường bằng sắt. Nói thế cho đẹp lời văn mà thôi. Kiều lấy dao cắt một món tóc để thề.

384) Câu này ẩn định thời-gian là trời đã khuya, trăng đã lên đỉnh đầu, tức ở giữa trời.

385) *Tóc tơ căn vặn tấc lòng* : Hai bên căn vặn với nhau đến cả những ý nghĩ nhỏ-mọn như tơ tóc ở trong lòng.

386) *Trăm năm* = suốt đời.

Chữ *Đồng* tức là chữ *Đồng tâm* 同心 cùng một bụng dạ. *Tạc . . . đến xương*, là ghi sâu ghi chắc, do chữ *khắc* cổ là khắc vào xương.

387) *Chén hà* dịch chữ *Hà Bội* 花杯 tức chén ngọc sắc như sắc rắng chiều (màu vàng ủa). Đây chỉ có nghĩa là chén, nói *chén hà* cho đẹp lời văn, chớ không nhất định phải là chén bằng ngọc màu rắng.

Dải là hương lộn, bình gương bóng lồng (388)

Sinh rằng : « Gió mát trăng trong.

« Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam (389)

Quỳnh tư ng 瓊漿 chính nghĩa là nước ngọc quỳnh, ý nói thứ nước trong và quý, vì thứ rượu quý với quỳnh-tương. Đây nghĩa là rượu ngon, quý (Vừa mới uống rượu say «tàng tàng» với nhau ban chiều, đêm lại uống rượu nữa. Sự đó đối với Kim-Trọng có lẽ không chi lạ, nhưng đối với nàng Kiều, thì cái đức chè-rượu của nàng khiến chúng ta kinh sợ)

388) *Dải là tức La Dải 羅帶*, cái dây lưng bằng lụa (một thứ lụa mỏng) của nàng Kiều.

Hương lộn là mùi thơm bay lộn lên : *Bình gương* tức là *Kính Bình* 鏡屏 cái bình-phong có lắp gương. *Bóng lồng* là bóng người lồng vào bóng gương.

Cả câu : *dải là ở người Kiều bay lộn lên làm tỏa mùi hương ra*, cái bóng Kiều lồng vào cái gương ở bình-phong. Kim-Trọng nhận thấy như thế hoặc cảm thấy như thế? Bằng câu này, tác-giả cho ta biết lúc này Kim-Trọng đã say chú ý nhìn giải là, nhìn bóng Kiều trong gương.

389) Câu trên : *gió mát trăng trong*, ý Kim-Trọng muốn nói gặp lúc trời đẹp để. Văn Tầu có câu : *Nguyệt bạch phong thanh như thử lương dạ hà?* » nghĩa là : «trăng trong gió mát, đêm đẹp như sao?» ý nói gặp đêm đẹp thì nên làm gì cho khỏi phí. Tuy Kim-Trọng chưa nói hết ý, nhưng theo chữ sách, người ta đã biết chàng muốn hỏi cách dùng lương thời.

Câu này : *Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam* nghĩa là : *một chút lòng yêu (cô Kiều) của chàng chưa được thỏa.*

Chàng không nói rõ *một chút lòng* là một chút lòng gì, song ta đoán nó chỉ là lòng yêu.

Chàng có ý không nói rõ ra, là sợ Kiều không bằng lòng, hại là sợ Kiều khinh chàng, e.thẹn, nên nói ấp úng.

- * Chày sương chưa nện cầu Lam (290)
 « Sợ lần-khán quá ra sầm sỡ chẳng » (391)
 Nàng rằng: « Hồng-diệp xích thằng (392)
 « Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri (293)

390) Xem lời chua Lam Kiều ở trên (xăm xăm đề neo Lâm Kiều lần sang)

Bùi-Hàng muốn lấy Vân-Anh, bà mẹ nàng bảo chàng lấy được cái chày bằng ngọc đem đến đề bà già thuốc thì sẽ gả cho; sau Bùi-Hàng được tiền cho chày ngọc đem tới lấy được Vân-Anh. 玄霜搗盡見雲英

Chày sương trước kia Bùi-Hàng được người cho bài thơ có câu huyền-sương ng đảo tận kiến Vân-Anh

nghĩa là già hết thuốc huyền-sương thì gặp nàng Vân-Anh. Huyền-sương là tên một thứ thuốc tiên. Vì vậy cái chày ngọc giã thuốc ấy gọi là chày-sương.

Câu này đại ý nói hai bên chưa chính-thức làm vợ chồng với nhau,

Xét câu này, văn vừa câu kỳ vừa kém bề thanh-nhã, vì hai chữ chày và nện nghe nặng và thô làm sao!

391) Lần-khán: đòi-hỏi-suông-sã quá-Sầm-sỡ: làm những điều bất chính, nói về tình-dục

Câu này, Kim-Trọng nói dạn đề dò ý tứ Kiều, và cũng đề tỏ rằng chàng là người quân-tử, muốn giữ trong-sạch ái-tình. nhưng thực ra, chàng đã say, đang nghĩ đến điều bất-chính.

392) Hồng hiệp xích thằng tức là thắm chỉ hồng (xem lời chua câu Dù khi là thắm chỉ hồng ở trên)

393) Tương tri 相知 là cùng biết lòng nhau. tức là bạn. Đây có nghĩa là vợ chồng.

Câu trên và câu này: Kiều nói việc vợ chồng trăm năm tuy chưa chính thức nhưng một lời thề thốt với nhau thì cũng như vợ chồng rồi (Nghe câu này hẳn Kim-Trọng chứa chan hy-vọng.)

- « *Đừng điều nguyệt nọ hoa kia* (394)
 « *Ngoài ra ai lại liếc gì với ai !* » (395)
Rằng ; « Nghe nổi tiếng cầm-đài (396)
 « *Nước non luống những lảng tại Chung-Kỳ* (397)
Thưa rằng : « Tiện kỹ sá chi (398)

394) *Nguyệt nọ hoa kia* : tức là những điều hoa nguyệt nọ kia, đây trở sự trai gái ăn nằm với nhau.

395) *Ngoài ra* : ngoài điều ca nguyệt ra. (Nghe đến đây Kim-Trọng thất-vọng và nói lảng sang truyện khác, xem câu dưới.) *Chữ ai trên* là Kiều tự xưng, *chữ ai dưới* trở Kim-Trọng

396) *Cầm-đài* 琴臺 là cái đài xưa Tư-Mã Tương-Như ngồi gảy đàn — Tư Mã Tương-Như là người giỏi đàn, nên người ta mượn tiếng *cầm-đài* để nói người giỏi đàn.

397) Chung-Tử-Kỳ ở đời Xuân-Thu là người tài nghe đàn. Bá Nha là một người đàn giỏi có tiếng. Hai người đánh bạn với nhau. Một hôm Bá Nha ngồi gảy đàn, bụng nghĩ lên núi non. Tử-Kỳ nghe đàn khen « *Tiếng đàn vui vui như non cao* ». Khi Bá Nha đánh đàn, bụng nghĩ đến sông nước, thì Tử-Kỳ khen « *Tiếng đàn cuộn-cuộn như nước chảy* ».

Sau Tử-Kỳ chết, Bá Nha dứt đứt dây đàn, đập đàn đi, nói rằng « *Trong thiên hạ không còn ai là tri-âm nữa* ». (Tri-âm ở truyện này ra, nghĩa là biết được tiếng đàn, tiếng lòng nhau)

Vì điển này trong câu có chữ *nước non* đi với tên Chung-Kỳ. Đây Kim-Trọng có tự nhận là Chung-Kỳ và tôn Kiều là Bá Nha, tăng-bớt mình và tăng-bớt tình-nhân, cốt để kéo dài cuộc hội-diện và cũng để tỏ rằng hai bên là tri-âm của nhau.

398) *Tiện Kỹ* 贱技 là nghề hèn mọn ; Kiều nói nhún mình *Sá chi* : kẻ chi, không đáng chú ý tới.

« Đã lòng dấy đến, dấy thì phải vàng (399)

Hiền sau treo sẵn cầm trăng (400)

Vội vàng, Sinh đã tay nâng ngang mày (401)

Nàng rằng : « Nghề mọn riêng lây (402)

« Làm chi cho bận lòng này lắm thân ? » (403)

So dần giầy vũ, giầy văn (404)

Bốn giầy to nhỏ theo vần cung thương (405)

399) Trong câu có hai chữ « dấy » vừa tả được cái ý kinh nề Kim-Trọng, vừa tả được sự miễn cưỡng của Kiều.

400) Cầm trăng tức Nguyệt-Cầm 月琴 là đàn Nguyệt.

401) Nâng ngang mày : tỏ ý kính trọng. Xưa nàng Mạnh-Quang là người vợ hiền, mỗi khi bụng măm cơm lên cho chồng, thường bưng ngang mày (ngang lông mày), đây Kim-Trọng bắt chước nàng Mạnh-Quang tôn kính Kiều như thế (kể cũng khéo vẽ !)

402) Riêng tây : riêng tư. Kiều nói dặn mãi.

403) L. m. thân là tiếng đệm, cũng như lắm thay. Hiện nay ở một vài vùng, các bà vẫn hay dùng.

Câu trên và câu này : Kiều nói cái nghề mọn riêng đó, anh đề ý đến làm chi, cớ cho bận lòng tôi quá đi mất (bận lòng đây có nghĩa là khó nghĩ)

404) Dấy vũ : dấy đàn to, dấy văn : dấy đàn nhỏ.

So dần : trước hết Kiều so dây to dây nhỏ xem hai thứ dây có ăn khớp với nhau không rồi mới bắt đầu đánh đàn.

405) Cung thương đã chưa ở câu Cung thương lâu bực nghĩ âm

- Khúc đầu Hán, Sở chiến-trường (406)*
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau (407)
Khúc đầu Tư-mã phượng cầu (408)
Nghe ra như oán như sầu phải chăng ?
Kê-Khang này khúc Quảng-lãng (409)
Một rằng lưu-thủy, hai rằng hành-vân (410)

406) Nghe đàn mà hình dung như thấy bãi chiến-trường giữa Hán và Sở, Hán trở Lưu-Bang, Sở trở Sở Bá-Vương tức Hạng-Vũ, Hán, Sở đánh nhau nhiều trận to-lớn kịch-liệt.

407) *Tiếng sắt* là tiếng những khí-giới bằng sắt. *Tiếng vàng* là tiếng những binh-khi bằng Kim—loại, chứ không phải binh-khi làm bằng vàng. Nghe đàn mà cảm thấy như nghe thấy tiếng gươm giáo đụng chạm nhau sát phạt ngoài trận mạc, ý nói khúc đầu hùng tráng lắm.

408) *Tư-Mã* tức Tư-Mã Tương-Như. Khúc *Tư-Mã Phượng-Cầu* tức là khúc đờn *Quy Phượng Cầu Hoàng* 歸鳳求凰 của Tư-Mã Tương-Như đánh để làm say lòng nàng Trá-Văn Quân. Ý nói khúc đàn nghe làm-ly não-nuột buồn sâu như khúc *Cầu-Hoàng* của Tư-Mã.

409.410) Kê-Khang đời Tấn có đờn Khúc *Quảng-Lãng*. lúc thì nghe ra như nước chảy (lưu thủy) lúc thì nghe ra như mây bay (hành vân) ý nói khúc đờn lưu-loát, hoạt-bát. Có người giảng là khúc *Hành-Vân* và khúc *Lưu-Thủy*, so với mạch văn thì không phải như thế. *Lưu-Thủy*, *hành-vân* đây giải-thích cái điệu lưu loát, của khúc *Quảng-Lãng*

Quá quan này khúc Chiêu-Quân (411)
 Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư-gia
 Trong như tiếng hạc bay qua,
 Đục như tiếng suối mới sa nửa vơi (412)

411) Nàng Chiêu-Quân tức Vương-Tường đời Hán đi cống Hồ, khi sắp từ giã cửa quan, (quá quan) tức là cửa Vạn Lý Trường Thành nơi giáp giới nước Hán nước Hồ, ngồi trên lưng ngựa gầy đàn tỳ bà tỏ lòng nhớ vua và nhớ nhà Tiếng đàn của Kiều nghe ra cũng thấy buồn, thắm như thế.

Luyện Chúa: yêu vua, ý nói Chiêu-Quân quyến luyện vua Hán.

Tư gia: nhớ nhà, ý nói Chiêu-Quân nhớ nhà.

412) Các bản đều chép là nước suối. Chúng tôi cho là không đúng. Có lẽ các bản nôm đã chép sai chữ tiếng ra chữ nước chẳng? Tiếng trong thì như tiếng hạc vun vút bay qua. Tiếng đục thì như tiếng nước ầm ầm dội trên cao xuống Tiếng không bao giờ lại có thể đục như nước được. Nước suối mới sa nửa vơi (giữa chừng thác) như ở thác Khốne (Lào) thác Bản-Giốc (Cao.Bằng). không đục tí nào, trái lại trong suốt như bạc chảy. Duy tiếng nước dội ầm ầm ỳ ỳ nghe đục thôi.

Mới sa nửa vơi: mới rơi xuống, dội xuống nửa vơi

Nửa vơi tức nửa vì nói tránh ra. Vì dịch chữ Vì là ngôi, là chỗ, là vị trí. *Nửa vơi* là giữa chỗ, giữa khoảng từ vị trí này đến vị trí kia. Nước dội ở trên cao xuống thấp, tức là từ vị trí cao sa xuống vị trí thấp. Lúc nước đã là vị trí cũ mà chưa tới vị trí mới — tức là vũng nước dưới chân thác chân núi — là lúc nửa vơi, nghĩa là một nửa ở vị trí cũ, một nửa ở vị trí mới. Lúc sa nửa vơi như vậy thì nước kêu lên ầm ầm. Nếu nước còn ở ngọn thác, hay đã xuống chân thác, tức là không ở chỗ nửa vơi, thì không có tiếng kêu.

(Xem lời chưa chữ khác vơi)

— Văn xem trang trọng khác với — ở trên)

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài (413)
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa (414)
Ngon đèn khi tỏ khi mờ (415)
Khiến người ngồi đó cũng ngơ-ngẩn sầu (416)
Khi tựa gối, khi cúi đầu,

413) *Tiếng khoan* : tiếng thong thả, tiếng nọ cách tiếng kia một khoảng thì gian lâu lâu, tiếng thưa. Tiếng khoan nghe nhẹ-nhàng như tiếng gió, ý nói « gân » dần dần hay.

414) *Tiếng mau* : Tiếng nọ liên-tiếp tiếng kia, không cách thưa nhau, tiếng gấp. Tiếng mau dồn dập đổ xuống như trời đổ mưa rào.

Trở lên 4 câu đều tả tiếng đàn. Duy câu thứ nhì « *Đục như nước suối.* » là không có chữ tiếng, cho nên ngờ rằng các bản đã chép lầm tiếng ra nước.

Người ta cho rằng 4 câu thơ trên thoát ý ở mấy câu thơ Đường tả đàn :

Sơ nghi tấp tấp lương phong động 初疑颼颼凉风动
Hạ tựa tiêu tiêu mộ vũ linh. 又似萧萧暮雨零
Cận nhưc lưu tuyền lai bích chướng 近若流泉来碧嶂
Viễn như huyền hạc hạ thanh minh 远如玄鹤下青冥

Nghĩa là : thoát đầu nghe như hơi gió mát thổi nhẹ, sau thì nghe ròn rã như trận mưa chiều. Tiếng gần nghe như tiếng suối dội ở vách núi xuống, tiếng xa nghe như tiếng hạc húng tự trên trời cao vót xuống.

Dù đúng thế chăng nữa, thì mấy câu thơ của tác giả nghe cũng hoạt bát, lưu-loát và chuốt đẹp hơn mấy câu thơ Đường.

415) Hình như tiếng đàn khi khoan khi mau làm cho ngọn đèn khi tỏ khi mờ. Đó là cái cảm giác của người say nghe đàn, cho là cảnh vật cũng hồi-hộp nao-nao theo lòng mình.

316) *Người ngồi đó trở Kim-Trọng.*

Khi vô chín khúc, khi chau đôi mày (417)

Rằng: « hay thì thực là hay,

• Nghe ra ngâm đặng nuốt cay thế nào.

« Lựa chi những bậc tiêu-tao (418)

• Rột lòng mình cũng nao-nao lòng người (419)

Rằng: « Quen mất nết đi rồi (420)

417) Chín khúc tức là chín khúc ruột. Vô chín khúc: ruột rồi như tơ vô, ý nói nao nao bối rối, đau buồn.

Tựa gối, cúi đầu, vô chín khúc, chau đôi mày đều tả cái đáng điệu buồn thảm, đau thương, ý nói khúc đàn lâm-lý nẻo nuốt, thấm đến như thế. Tác-giả đã đề-cao được cái tài âm-nhạc của Kiều.

418) Lựa chọn làm chi những cung-bực tiêu-tao như thế. Tiêu tao là buồn rầu.

419) Rột: ủ rột, buồn thiu. Rột lòng mình: tự làm cho lòng mình ủ-rột. Nao nao lòng người: làm cho lòng người nghe đau sót buồn rầu. Nao chính là nau đọc trạch ra. Nau nghĩa là đau đớn một cách êm-dịu, âm-ỷ, đau nhẹ không thành cơn nhưng đau thấm thía. Người có chữa sắp dễ thường ngâm ngẫm đau bụng, người ta gọi là làm nau, đau nau. Trong Cung oán ngâm khúc có câu: Tê sinh kinh cụ làm nau mấy lần.

Nau-nau biến thành nao-nao nghĩa là hơi hơi đau sót, đau sót một cách êm-ái nhẹ nhàng và mê h.mang vô có.

Cũng có người cho nao nao là nước chảy vòng quanh một vật gì tròn (như cột cầu) thường uốn khúc tròn theo vật ấy. Lòng nao nao là ví lòng với giòng nước uốn khúc khi gặp vật tròn chắn giữa giòng; lòng khi gặp nổi gì đau buồn chắn ở giữa giòng tư-tưởng, thường cũng uốn khúc quanh nổi buồn đau đó, như giòng nước nao nao. Giảng thế cũng có nghĩa.

420) Chủ-từ của động-tự rằng ở trên và ở đây đều lần, Chủ-từ của động-tự rằng ở trên là Kim-Trọng; chủ-từ của rằng ở đây là Kiều.

- *Tẻ vui thôi cũng tình trời biết sao ? (421)*
«Lời vàng vâng linh ý cao (422)
 • *Họa dần dần bớt chút nào được không » (423)*
Hoa hương càng tỏ thức hồng (424)
Đầu mày cuối mắt càng nồng lấm yêu (425)

421) *Kiều* bảo mình quen mất nết rồi, *tẻ* hay vui thì *au* cũng coi như là *tình trời* vậy, chứ biết làm sao được. Câu này chứng minh nghĩa câu «*tập dữ tình thành*» nghĩa là thói quen sau thành ra *tình thiên nhiên*.

Tẻ : buồn *tẻ*, không vui.

422) *Lời vàng* : lời nói quý-giá như vàng.

Ý cao : ý-tư cao-thượng, cao xa, cao cả, đây có nghĩa là ý hay.

423) *Bớt chút nào* : bớt được chút buồn-tẻ buồn thảm nào trong bản-dân.

424) *Hoa, hương* là hoa và hương thơm. Người đẹp ngồi giữa đám hoa và hương thơm thì sắc đẹp càng nổi bật lên.

Thức hồng tức là sắc hồng, vẻ hồng. Vẻ hồng tức vẻ hồng hào của nhan sắc.

Thức là vẻ, là sắc, nghĩa đó thấy trong những câu thơ cổ :

Trên cao năm thức mây lồng

Trên chín bề rồng bay năm thức

425) *Đầu mày* : đầu lông mày

Cuối mắt : đôi con mắt.

Nồng : nồng-nàn, nồng đượm, bông-bột, sôi-nổi.

Tắm yêu : tắm tình yêu, tắm lòng yêu-đương, lòng yêu-đương.

Cả câu : *Tình yêu của Kim-Trọng* đối với *Kiều* lộ ra nồng nàn ở những cái liếc nhìn lảng-lơ tình-tử. *Đầu mày cuối mắt* trở chung những cái liếc nhìn ; khi người ta liếc nhìn thì đồng tử (con người) mất đi từ đầu lông mày (tức đầu mắt) đến cuối con mắt (tức đuôi mắt).

Sóng tình dường đã xiêu-xiêu (426)
 Xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi (427)
 Thưa rằng : « Đừng lấy làm chơi (428)
 • Rẽ cho thừa hết một lời đã nao ! (429)

426) *Sóng tình* : tình-dục (lòng muốn yêu) nổi lên như sóng dào-dạt trong lòng.

Xiêu xiêu ; hơi siêu, hơi nghiêng ; Sóng tình làm cho con tâm đạo-lý, đạo tâm (Lòng chính-định) của Kim-Trọng đã hơi nghiêng, xiêu xiêu sắp ngã, muốn không đứng vững được nữa, ý nói Kim-Trọng không giữ được vẻ đứng-dẫn với Kiều nữa.

427) Câu này giải-thích và bổ-túc cho ý câu trên. Lấy mắt người ngoài cuộc mà xem, thì các cách tỏ lòng âu-yếm của Kim-Trọng đối với Kiều, đã có vẻ (chiều) lả-lơi, suồng-sã quá thân mật, thiếu đứng-dẫn.

428) *Làm chơi* : làm trò chơi, làm trò đùa, làm việc thường Do lời Kiều, ta có thể đoán biết cử-chỉ *âu yếm lả-lơi* của Kim-Trọng như thế nào. Đó cũng là một ngón tài tình của nhà thơ mượn người này để nói người kia, lấy cái *hư* để tả cái *thực*.

429) Nhất là câu này lại càng cho ta thấy Kiều đang bị tấn công gấp bách lăm Hai chữ « *Rẽ cho* » tả rõ thái-độ kháng-cự của Kiều, trong lúc sự kháng-cự đã trở thành gấp-bách và cần-thiết. Hai chữ ấy vừa hàm ý lập nghiêm vừa hàm ý giận-dối.

Rẽ cho : rẽ ra cho ... xé ra cho ...

Có người cho rằng cả truyện Kiều xây-dựng và đứng vững trên một chữ *Rẽ*. Giả sử lúc đó Kiều không nói được tiếng *Rẽ*, không giữ được thái-độ lập nghiêm để cự tuyệt Kim-Trọng, thì đời Kiều đến đây đã xong rồi, sau này còn chi mà nói nữa.

Hiểu như vậy, kẻ cũng tở-nhị thay !

« Về chi một đóa yêu đào (430)

410) Yêu đào 天桃 lấy chữ trong thơ ĐÀO YÊU Kinh Thi,
Thơ Đào-yêu gồm ba chương như sau :

- | | |
|---------------------|---------|
| 1 — Đào chi yêu-yêu | 桃 之 天 天 |
| Thước thước kỳ hoa | 灼 灼 其 華 |
| Chi tử vu qui | 之 子 于 歸 |
| Nghi kỳ thất gia | 宜 其 室 家 |
| 2 — Đào chi yêu-yêu | 桃 之 天 天 |
| Hữu phần kỳ thật | 有 實 其 實 |
| Chi tử vu qui | 之 子 于 歸 |
| Nghi kỳ gia-thất | 宜 其 家 室 |
| 3 — Đào chi yêu-yêu | 桃 之 天 天 |
| Kỳ diệp trăn-trăn | 其 葉 蓁 蓁 |
| Chi tử vu qui | 之 子 于 歸 |
| Nghi kỳ gia-nhân | 宜 其 家 人 |

Lược dịch :

- 1 — Mơn-mởn đào non

Rực rỡ nở hoa

Cô ấy lấy chồng

Êm.ấm cửa nhà

- 2 — Mơn-mởn đào non

Lúc.liu quả sai

Cô ấy lấy chồng

Êm.ấm nhà ai

- 3 — Mơn-mởn đào non

Lá xanh rườm-rà

Cô ấy lấy chồng

Thuận với người nhà

- Vườn hồng chỉ dám ngăn rào chim xanh (431)
• Đã cho vào bạc bổ-kính (432)

Người ta ví người con gái dậy thì đến tuổi lấy chồng với *Yêu đào* tức cây đào non mơn mớn, hai bên tươi trẻ như nhau. *Yêu đào* là cây đào mơn mớn, vậy mà tác-giả dùng chữ *đóa* làm mạo-tự, — *Đóa yêu đào* — thì có thể làm người ta lầm *yêu đào* là *bóng hoa đào* hoặc *đóa hoa đào*.

Đóa chỉ có thể là *đóa hoa*. Không ai gọi là *đóa cây*. Xem câu dưới, người ta thấy hình như tác-giả đã vô tình hay cố-ý hiểu lầm *yêu đào* ra làm *đóa hoa đào*.

Câu sau : *Vườn hồng chỉ dám ngăn rào chim xanh*, *Vườn hồng* tức là vườn hoa đào, sắc đỏ hồng.

Nếu *đào* chỉ *yêu yêu* thướt thướt kỳ hoa thì *vườn đào yêu* rất có thể là *vườn hồng*. Nhưng dùng chữ *đóa* đào yêu, thì dù sao cũng chưa được sát nghĩa,

— Về *chỉ* cũng như nói *đẹp chỉ* ! có ra *vẻ chỉ* ! Kiều nói nhún rằng *yêu đào* nào có ra *vẻ chỉ* đâu... mà ngăn giữ... nhưng...

431) *Vườn hồng* không phải là vườn hoa hồng, mà là vườn hoa đào, vì hoa đào sắc hồng. *Vườn hồng* ăn với ý *yêu đào* ở trên, *Chim xanh* ; kẻ đưa tin (xem lời chưa câu *cạn dòng lá thắm dút đường chim xanh* ở trên) ; đây chỉ có nghĩa là con chim ; không dám ngăn chim vào vườn đào ; nói chim xanh dỗi chọi vườn đào, cho đẹp lời văn.

Cả câu nghĩa : Tôi đẹp để quý báu gì, đâu dám ngăn anh yêu tôi.

Hai câu hai chữ *chỉ* nghe không được nhẹ nhàng. Giá đổi chữ *chỉ* ở câu này ra làm chữ *dầu* thì hay hơn.

432) *Bổ Kính* : Do chữ *Bổ quần kính* thoa, 布裙荆女 nghĩa là quần vải, trâm gai. Nàng Mạnh Quang xưa là vợ Lương Hồng thường chỉ dùng cái gai làm thoa cài tóc và mặc quần bằng vải thô, được tiếng là người vợ hiền. Câu này ý nói đã cho vào bạc người vợ hiền (không phải là nhân tình nhân gái).

- « Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu (433)
 « Ra tuồng trên Bộc trong dâu (434)
 « Thì con người ấy, ai cầu làm chi !
 « Phải điều ăn xổi ở thì (435)
 « Tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày (436)
 « Ngẫm duyên kỳ-ngộ xưa nay,
 « Lừa dối ai lại đẹp lây Thôi, Trương (437)
 « Mây mưa đánh đổ đá vàng (438)

433) Tông phu 夫 một trong Tam tông 三從 Luân lý cổ nêu lên đạo Tam-tông buộc phụ nữ suốt đời phải theo ; ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con. (Tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử đồng tử 在家從父 出嫁從夫 夫死從子) Đạo tông phu đây có nghĩa là đạo làm vợ.

434) Trên Bộc là trên sông Bộc ; trong d u là trong bãi dâu Xưa kia ở nước Vệ trai gái có thói tụ tập nhau ở bãi-dâu trên sông Bộc mà hát hồng đũa hỗn với nhau. Nên sau này người ta mượn mấy chữ ấy để nói thói dâm-dãng.

435) Ăn xổi ở thì ; ăn xổi là ướp muối qua rồi ăn ngay. Ở thì, là ở thì ở giờ, ở tam-bợ được lúc nào hay lúc ấy.

Ăn xổi ở thì là ăn ở tam-bợ không định ăn ở dài-lâu.

436) Tiết là cái chi-thảo, tiết-thảo sự giữ gìn trước sau như một Tiết trăm năm là cái tiết một đời người, đây nói cái trinh-tiết một đời người đàn bà.

437) Truyện Tây-Sương chép nàng Thôi Oanh-Oanh và chàng Trương-Cung tức Trương-Quân-Thụy phải lòng nhau ở chái tây chùa Phổ-Cứu. Hai bên đều tối đời, nhưng vì chưa chi đã ăn năm bảy ba với nhau, nên sau chán nhau không lấy nhau.

438) Mây mưa đây trở sự trai gái đi lại với nhau. Đó điển trong bài Cao-Đường-Phú của Tống-Ngọc thời xưa, nói vua Sở-Tương-Vương ngự chơi đất Cao-Đường nằm mơ thấy người con gái. Khi cáo từ, người con gái ấy tâu ; Thiếp là thần nữ núi Vu-Sơn, sáng làm mây buổi sáng, chiều làm mưa,

« Quá chiều nền đã chán chương yếu oanh (439) »

luôn-luôn ở cái hang cao ở phía Dương-Đài (phía đông) núi Vu-Sơn. Sau người ta mượn những chữ *đây-mua, vân-vũ, Vu-Sơn, Giắc-cai-Đường, đỉnh Giáp non thần* (Vu-Sơn cũng gọi là Vu-Giáp) *giắc mộng Dương-đài, tội Dương-Đài*, (phó Dương-đài) v. v... để nói việc trai gái cho khỏi tục.

— *Đá vàng* đây là lời thề-thốt hứa-hẹn chắc-chắn với nhau như lời ghi-tạc vào vàng đá.

Ngày xưa người ta ghi-tạc những việc trọng-đại, những lời châm-ngôn của vua chúa... lên kim-loại như chuông đồng, đỉnh đồng, và lên đá tức là bia, cho là ghi-tạc như vậy thì sẽ được mãi-mãi không mất.

Kim thạch dịch nôm là *vàng đá* hoặc *đá vàng* (thực ra là loại kim — và đá) sau được dùng để trở lời thề-thốt hứa-hẹn chắc chắn với nhau.

Câu này nghĩa là ; vì ăn nằm với nhau mà đánh đổ cả những lời thề bởi quyết lấy nhau.

Bản của Bùi-Kỷ. Trần-Kim-Trọng giảng *Đá vàng* là lòng trinh-tiết của người đàn bà, e không đúng.

Bản của Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu chưa « cuộc đá vàng » thì tối nghĩa.

Bản của Crayssac dịch là « *renversé la pierre et l'or, brisant, d'un coup le cher passé* » cũng không có nghĩa. Duy bản của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là « *serment sacré* » là đúng.

439) *Quá chiều*, bản của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch Pháp-văn là « *complaisance* », tức là quá chiều lòng, chúng tôi thấy hình như không đúng. Nếu hiểu là « *quá chiều lòng* » thì chỉ chê riêng có Thôi Canh Oanh mà thôi. Chả lẽ Kiều lại chỉ tự nói cho mình nghe. *Quá chiều* đây phải hiểu là *quá chiều yêu nhau, yêu nhau quá đổi, quá chớn, quá cái mực nhân-tình* được phép yêu nhau và Kiều qui lỗi cho cả hai bên Thôi, Trương, Tục-ngữ ta có câu :

Yêu nhau quá đổi nên mê, rồi ra mới biết kẻ chế người cười. Quá chiều cũng nghĩa như quá đổi.

Yến, oanh là hai giống chim ví cặp trai gái ; *chán chương yến oanh* là yến-oanh chán chương nhau, hai bên đều chán nhau chứ không phải riêng một bên.

- « Trong khi chấp cánh liền cánh (440)
 « Mà lòng rẽ-rúng đã dành một bên (441)
 « Mái tây đề lạnh hương nguyên (442)
 « Cho duyên dầm-thắm ra duyên bề-bàng.
 « Gieo thoi trước chẳng giữ giàng (443)

440) Chấp cánh liền cánh ý nói ăn nằm gần gũi nhau như
 là vợ chồng. Câu này lấy chữ trong bài Trường-Hận-Ca của
 Bạch-cư-Dị nói vua Đường Huyền Tông và nàng Dương-quí-
 Phi nguyện với nhau :

Tại thiên nguyên tác tỷ dục điều

Tại địa nguyên tác liền lý chỉ.

在天願作比翼鳥

在地願作連理枝

Trên trời nguyện làm đôi chim liền cánh. Dưới đất nguyện
 làm hai cây ghép cánh.

441) Khi hai người yêu nhau như là vợ chồng, thì ở bên
 cạnh đã dành sẵn lòng rẽ-rúng, coi khinh coi thường nhau.

442) Mái tây tức là tây-sương 西廂, tức chái tây chùa Phổ-
 cừn nơi Thôi, Trương gặp-gỡ nhau.

Hương nguyên là nén hương đã đốt lên để làm lễ thờ bởi
 với nhau. Đề lạnh hương-nguyên tức là lãng quên lời thề-
 nguyện, ý cũng na.ná như « đánh đổ đá vàng » ở trên.

Kiều viện truyện Thôi-Trương ra đề khuyên Kim-Trọng
 chớ bắt-chước truyện đó, mà sau này duyên hóa bề bàng.

443) Gieo thoi là cầm cái thoi cửi gieo, ném. Xưa Tạ-Côn
 ghẹo người con gái nhà láng giềng. Người con gái ấy đang ngồi
 dệt cửi, cầm cái thoi cửi ném Tạ-Côn gây mấy cái rúng. Gieo thoi
 đây nghĩa là chống cự lại, không để cho anh con trai bỡm-sơn.
 Câu này và câu sau : nếu trước không giữ, thì sau sẽ thụ với nhau,
 vì sẽ bị người con trai rẽ-rúng là người không trịnh-thục đoan
 chính. Thẹn cùng chàng là Kiền nói mình sẽ bị hổ-thẹn. Kiền
 chỉ nói mình sẽ bị hổ-thẹn. nhưng gián-tiếp nói Kim-Trọng cũng
 sẽ bị hổ-thẹn.

Có người đã dụng công đi tìm chủ-từ câu « gieo thoi » và
 câu « nết thẹn ». Theo ý chúng tôi thì gieo thoi đây là việc gieo

« *Đề sau nên thẹn cùng chàng bởi ai ?*

« *Vội chi liễu ép hoa nài. (444)*

« *Còn thân còn một đèn bởi có khi ! (445)* »

Thấy lời đoán chính dễ nghe,

Chàng càng thêm nề thêm vì mười phần (446)

Bóng tàu vừa lạt vẻ ngân (447)

Tin đâu đã thấy cửa ngán gọi vào (448)

thoi và ngấm bóng là việc cự-tuyệt, chớ gieo thoi không còn là một động-tự nữa.

Tác-giả không định nói ai gieo thoi, chỉ định lấy điển gieo thoi để cụ-thể hóa sự cự-tuyệt.

444) *Liều ép hoa nài* = ép liễu, nài hoa. Hoa liễu đây nói bóng người con gái đẹp, và yểu-ớt như hoa như liễu ; câu này ý nói : vội gì mà nài ép nhau.

445) Hễ còn sống với nhau thì thế nào cũng có khi đèn bởi nhau (những sự thiệt-thời ngày hôm nay). Câu này có bản chép : *còn thân ắt hẳn đèn bởi có khi*, hoặc : *còn thân ắt một đèn bởi có khi* hoặc *còn thân ắt cùng đèn bởi có khi*.

446) *Mười phần tức mười phần*, Giả thiết có mười phần nề, vì, thì Kim-Trọng nề vì Kiều cả mười phần, ý nói nề vì tất cả, nề vì hết sức.

Nề là kính nề, kính trọng mà không nở làm trái ý.

Vì là yêu vì. *Vì*, tiếng cổ, có nghĩa là yêu. *Nặng lòng* sớt liễu vì hoa)

447) *Bóng tàu* là bóng mái nhà. *Tàu* là mảnh gỗ dài, đặt dọc, ở ngoài hiên, để đỡ lấy mái nhà, chỗ gần giọt-tranh. *Giảng bóng tàu* là bóng lá cây như bản của Bùi-Kỷ, Trần-trọng Kim — (Truyện Thúy-Kiều Tân-Việt in lần thứ 5) — có lẽ không đúng. *Vẻ ngân* là vẻ sáng như bạc, đây nói ánh trắng. Cả câu : qua bóng mái nhà, ánh trắng bạc vừa nhạt, ý nói trời sắp sáng, Thì ra Kiều và Kim-Trọng thức thâu đêm suốt sáng truyện-trò với nhau. Say mê nhau đến thế là cùng !

448) *Gọi vào* = có tiếng người đứng ngoài cửa ngán gọi vào trong nhà.

Nàng thì vội trở buồng thêu (449)
 Sinh thì rảo bước sân đào vội ra (450)
 Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa (451)
 Gia-đồng vào gửi thư nhà mới sang (452)
 Đem tin thúc phụ từ đường (453)
 Bơ-vơ lữ thẩn tha hương đề huề (454)

449) *Trở* : trở gót, trở về. *Buồng thêu* là buồng ngồi thêu dệt, buồng đàn bà. Đây nói: Kiều vội về nhà.

450) *Sân đào* : Sân có trồng cây đào. Trên kia, tả nhà Ngô-Việt thương-gia có câu « có cây có đá sẵn sàng... » Thì ra cây là cây đào, đến đây ta mới biết ; và Kiều « xắn tay mở khóa động đào », té ra là « động đào » thật.

451) Có bản chép là *Cửa sai*... tức Sai-Môn 柴門 là cửa xếp bằng củi, ý nói cửa nhà nghèo hay cửa cả nhà cao-sĩ ẩn-dật. Đây là cửa nhà Ngô-Việt thương-gia, tức là nhà giầu-có lớn đề chữ cửa sai e không đắt. *Then hoa* : then cái bằng cành cây có hoa, ý nói cửa ngõ gài sơ-sai, không thận-trọng, tỏ rằng nhà Kim-Trọng ở là nhà nho phóng-khoáng, không lo quân gian. Cũng có thể giảng, *then hoa* chỉ là then cửa ; nói *then hoa* cho đẹp lời văn.

452) *Đồng* là đứa trẻ chưa thành-nhân, tức là 19 tuổi trở lại. (Hai mươi tuổi gọi mao — quan — có tên Tự mới thành nhân). *Gia-đồng* 家童 là thằng nhỏ nhà nuôi.

4 3) *Từ đường* 辭堂 cũng như *Quyên xá* 捐舍 là bỏ nhà đi tức là chết. *Thúc Phụ* 叔父 là chú ruột.

454) *Lữ thẩn* 旅殯 là áo quan quàn ở nơi đất khách. *Tha hương* là làng khác, ý nói nơi quê người. *Đề / uề* là mang về đưa về. Cả câu này và câu trên : Chú Kim-Trọng chết còn quàn ở nơi quê người nay phải đưa về quê nhà. Bản Kiều Kinh (Huế) chép đoạn này khác một chút :

Mở xem thủ bút nghiêm-đường

Nhấn rằng : « thúc-phụ xa đường mệnh-chung ;

Liêu-dương cách trở sơn khê (455)
Xuân-đường kíp gọi Sinh về hộ tang (456)
Mảng tin xiết nỗi kinh-hoàng (457)
Băng mình đến trước đài trang lự tình (458)

Hãy còn kỹ-tàng Liêu-Đổng
Cổ hương khơi điển nghìn trùng sơn khê
« Rầy đưa linh-thồn về quê
« Thế nào con cũng phải về hộ tang »

Mấy câu này lời-lẽ quá thật-thà nôm-na, e không phải lời tác-giả ?

455) *Liêu-dương* là tên đất, nay là huyện (thuộc tỉnh Phụng Thiên (Mãn-Châu). Chú Kim-Trọng mất ở đó.

Sơn-khê là núi và khe, ngòi, nghĩa cũng như *sơn hà* *sơn xuyên*. Quê Kim-Trọng — cũng như quê Kiều, ở Bắc-Kinh, (xem sau sẽ rõ) Từ Bắc-Kinh tới Liêu Dương đường đất xa xôi lắm.

456) *Xuân đường* 椿堂 là bổ đề Xuân chính là cây xuân thân cao đến ba bốn trượng, khi lá còn non thì sắc đỏ, mùi thơm, vị ngọt có thể ăn được, thường gọi là *Hương xuân* Xuân nở hoa về mùa hè, gỗ xuân có thể dùng đóng đồ.

Xuân được dùng để tượng-trưng người cha là vì sách *Trang Tử* có câu: *Thời cổ có thứ cây Đại Xuân cả 8.000 năm là một mùa Xuân, 8.000 năm là một mùa thu.*

Người ta ví người cha với cây Xuân là có ý mong ước cho cha sống lâu như cây xuân thời cổ. Đại Xuân thường cũng gọi là *Linh xuân* để phân biệt với cây *Hương xuân*.

457) *Mảng*, tiếng cổ, đây nghĩa là thoảng nghe

Kinh hoàng cũng như *Kinh khủng* nghĩa là sợ hãi rụng rời

458) *Đài* là nhà cao. *Đài trang* cũng như *lầu trang* là lầu trang diêm, đây trở chỗ ở của Kiều.

- Gót đầu mọi nỗi đình-ninh (459)
 Nỗi nhà tang tóc, nỗi mình xa xôi
 * Sự đầu chưa kịp đôi-hồi (460)
 * Duyên đầu chưa kịp một lời trao tơ (461)
 * Trăng thề còn đó tơ tơ (463)
 * Dám xa-xôi mặt mà thừa thốt lòng (463)

459) Gót đầu là từ gót lời đầu câu truyện. Gót đầu cũng nghĩa như đầu cuối, đầu đuôi, gốc ngọn là tất cả, là toàn bộ câu truyện.

Đình-ninh là nói đi, nói lại nhiều lần, ý nói tỉ-mỉ, căn kẽ, kỹ càng.

460) Đôi hồi là giải bày, nói truyện dài với nhau Có bản dịch Pháp văn chưa đôi hồi nghĩa đen là hai hồi hai lúc. Chưa như vậy, e không đúng. Đôi đây có lẽ là dịch chữ Đôi chữ Hán, nghĩa là đối-áp truyện trò. Có lẽ đôi hồi nguyên là hai chữ Hán Đối-hoại biến ra. Đối-hoại là nói truyện với nhau. Đoán phỏng như vậy, tất đã đúng Nhưng chắc chắn đôi-hồi không có nghĩa là hai hồi hai lúc, dù là nghĩa đen.

Nghĩa cả câu: Việc xảy đến thịnh-linh quá, hai bên chưa kịp trò truyện hết lời với nhau.

461) Trao tơ (xem lời chưa câu: dù khi là thăm chỉ hồng ở trên). Lời trao tơ là lời đàm hỏi. Tình-duyên giữa Kim-Trọng và Thúy-Kiều chưa kịp chính thức-hóa bằng lời mối-mạnh đàm-hỏi. vì thẹn-linh chàng mắc có tang. Lễ-giao và pháp-luật định rằng khi có tang không được cưới hỏi.

462) Trăng thề: mặt trăng đã chứng-kiến cuộc thề nguyên của hai người (Vầng trăng vằng-vặc giữa trời, đình-ninh hai miệng một lời song song)

463) Dám. dám đầu Thừa thốt lòng: lòng thừa nghĩ đến nhau. có lúc quên nhau Cả câu: dám đầu xa mặt mà thừa lòng (xa lòng)? !

- Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông (464)
 « Mỗi sầu khi gỡ cho xong còn chầy (465)
 « Gìn vàng giữ ngọc cho hay (466)
 « Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời »
 Tại nghe ruột rối bời-bời.
 Ngập ngừng, nằng mới giải lời trước sau :
 • Ông Tư gàn quải chi nhau (457)
 • Chưa vui xum họp đã sầu chia phối (468)

464) Ngoài nghìn dặm : đi ra ngoài xa nghìn dặm đường, tức Kim-Trọng đi Liên-Dương hộ tang ; chốc ba đông : một chốc phải đợi chờ những ba-đông (ba năm) mới có thể lấy nhau.

Ba-đông là ba năm để tang.

Tục đời Minh châu phải để tang chú, bác ruột cũng như để tang cha mẹ chẳng ?

Có người bảo vì Kim-Trọng ăn thừa-tự chú, nên phải để tang ba năm như để tang bố.

465) Mỗi sầu là mỗi sầu trai gái, yêu nhau mà chưa lấy được nhau.

Khi gỡ cho xong : gỡ xong mỗi sầu ấy, là khi hai bên lấy được nhau.

Còn chầy, còn lâu ngày. Vì phải đợi hết tang ba năm.

466) Gìn vàng giữ ngọc, giữ gìn thân, thể như giữ gìn vàng ngọc, ý nói giữ mình cho thân trọng, trong sạch. Kim-Trọng dặn Kiều giữ tiết đợi chàng. Chàng đã tỏ ý ghen, sợ Kiều yêu người khác.

467) Ông tư xem (lời chua câu. Dù khi lá thắm chỉ hồng ở trên) Gàn quải là làm trắc-trờ, rắc rối.

468) Chia phối, chia lìa, trái nghĩa với xum-hợp.

- « Cùng nhau trót đã nặng lời (469)
 « Dấu thay mái tóc dăm đời lòng tơ 1 (470)
 « Quân bao tháng đợi năm chờ (471)
 « Nghĩ người ăn gió năm mưa xót thăm (472)
 « Đã nguyên đôi chữ đồng-tâm (473)
 « Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai (474)

369) *Nặng lời* : nặng lời thề-thốt, tức là thề-nguyên bằng những lời độc địa nặng-nề.

470) *Thay mái tóc* là mái tóc xanh thay đổi thành mái tóc bạc, ý nói người già đi.

Lòng tơ, vì lòng mình như ruột cuống sen. Lấy chữ ở câu *Ngẫu đoạn nhi ti liên* 藕斷而絲連 nghĩa là cái ngo sen tuy đứt nhưng tơ nó vẫn liền nhau. Cả câu : Dù đến già cũng không thay lòng đổi dạ.

471) *Chờ đợi hết năm ấy đến tháng khác* cũng không quân ngại. Kiều nói câu này để đáp lại câu ; ... *chốc ba - đông*, mỗi sáu khi gỡ cho xong còn chầy của Kim-Trọng.

472) *Ăn gió năm mưa* : Ăn cơm trước gió, nằm ngủ ngoài mưa, nói cái cảnh khổ sở, vất vả của kẻ đi đường trường. Kiều nói : Chờ đợi lâu cũng không sao, nhưng thương xót thăm cho chàng (Kim-Trọng) phải ăn gió năm mưa hết năm ấy đến tháng khác.

473) *Đã nguyên hai chữ đồng tâm* ; Đã thề một lòng, một dạ với nhau.

474) *Trăm năm* : suốt đời.

Ôm cầm thuyền ai : ôm đàn sang thuyền của người khác. tức là lấy người khác Lấy chữ ở bài *Tỳ-bà hành* của Bạch-cư-Dị đời Đường : *Khẳng bả tỳ-bà quá biệt thuyền* 肯把琵琶過別船 nghĩa là : sao nỡ ôm tỳ-bà sang thuyền khác ? Câu này và câu trên nghĩa là.

— « Còn non, còn nước, còn dài, (475) —

Đã nguyên một lòng với nhau, thì suốt đời thề không bao giờ đi lấy người khác.

Câu này, Kiều nói đáp lại câu *gìn vàng giữ ngọc*... của Kim-Trọng.

(Kiều nói thì quả quyết lắm, nhưng sau này việc làm có được như lời nói không? Cho hay nói là một việc, mà làm lại là một việc khác!)

475) *Còn non còn nước còn dài* : Hai tiếng *còn dài* trong câu này, Crayssac hiểu là *ái-tình còn dài* (*longtemps vivra dans nos coeurs en extase, ardent et toujours pur, l'amour qui nous embrase*).

M. R. (Nhà xuất-bản Alexandre de Rhodes) hiểu là *cước đi vắng còn dài* (*il y aura votre longue absence*) : Nguyễn-văn-Vĩnh hiểu là *đời sống còn dài* (*tant que la vie dure encore*).

Theo ý chúng tôi, thì cả ba nhà đều hiểu sai tính-thần câu văn. Không có gì cho ta nói được rằng *còn dài* là *ái-tình còn dài* hay *đời sống còn dài*. Hiểu *còn dài* là Kim-Trọng đi vắng *còn dài* thì lại càng vô-nghĩa.

Nếu quả câu này gồm có ba ý theo ba chữ *còn*, thì chỉ có thể hiểu được *còn dài* là *lời thề còn dài*. Vì khi nói *non nước* người ta liên tưởng tới *lời thề* (chỉ *non* thề *nước*). Vì trong truyện Kiều, nhiều chỗ dùng hai tiếng *nước non* hay *non nước* hay *non sông* sau tiếng *lời*, để nói *lời thề*. Như : *thấy trăng mà thẹn những lời non sông*, *nào lời non nước*, *nào lời sắt son*.

Nhưng có lẽ tác giả không định nói thế. Trên kia đã hai lần nhắc đến *lời thề* rồi (*trót đã nặng lời*, *đã nguyên hai chữ đồng tâm*).

Có lẽ câu này, chữ *tuy* ngắt làm ba đoạn bằng ba tiếng *còn song* ý thì chỉ có hai : *non còn dài*, *nước còn dài* hoặc : *còn non dài*, *còn nước dài*.

Tác giả dùng ba chữ *còn* ngắt mạch câu làm ba đoạn cho mạnh lời văn và thơ dễ đọc. Do đó, mà ta phải tự hỏi : *non*

« *Còn về, còn nhớ đến người hôm nay* » (476)

còn nước còn, vậy cái gì còn dài? Và mới phỏng đoán cái gì đó là ai. Tỉnh, là đi vắng, lời thề, là cuộc đời như trên.

Thật ra, còn non còn nước còn dài có lẽ chỉ là non còn dài, nước còn dài. Kiều định mượn ý non nước còn dài để nói rằng Kim-Trọng còn mạnh-khỏe sống lâu, dù chàng phải ăn gió năm mưa, vượt đường ngàn dặm, Đó cũng là đòi Kiều chúc sức khỏe Kim-Trọng

Trong văn-chương Tàu, người ta thường lấy ý trái đất chưa già hoặc ý non nước còn dài lâu nói bóng người còn sống lâu khỏe mạnh.

Kiều quả-quyết rằng Kim-Trọng còn khỏe mạnh còn sống lâu và còn trở về (câu dưới) chớ không bị rủi-ro trên đường trường ngàn dặm.

476) *Còn về*; Kim-Trọng còn về. Nếu có đi không có về thì là chết ở dọc đường. Kiều quả-quyết rằng đi đường chàng vô sự và nhất-dịnh chàng sẽ còn trở về (đi Liêu Dương về-Nên nhớ đời xưa đi đường trường trên đất nước Tàu nguy-hiểm lắm, nào thù dữ, nào giặc cướp lâu-la, rảo lam sơn chương khí.)

Bản Kiều Nguyễn-Văn-Vĩnh dịch Pháp-văn ra làm: *tant que Je rentre encore chez moi* hễ tôi còn về nhà tôi (lời Kiều) có lẽ không đúng. Kiều có đâu xa mà nói hễ còn về nhà? Người đi xa là Kim-Trọng.

Còn nhớ đến ngày hôm nay; các bản dịch Pháp-văn của Cravssac, Nguyễn-văn-Vĩnh, M. R. đều hiểu là *Kiều còn nhớ đến Kim-Trọng*.

Hiểu như vậy có lẽ không đúng tinh-thần nguyên-văn.

Đây là một cuộc đối-thoại. Kim-Trọng nói xong thì Kiều đáp lại. Lời Kim-Trọng gồm mấy ý chính sau đây:

1— Lời thề còn đó, người xa mà lòng chẳng xa.

2— Còn lâu mới lấy được nhau (buồn)

3— Khuyên Kiều nên gìn vàng giữ ngọc.

Kiều đã đáp lại mấy ý:

Dùng-dăng chưa nở rời tay (477)

1 — Dù lâu cũng quyết chờ đợi (quần bao tháng đợi năm chờ)

2 — Thề xin gìn vàng giữ ngọc

(dầu thay mái tóc đám rời lòng tơ — thề chẳng ôm cầm thuyền ai)

Đến đây Kiều nói ; *Kim-Trọng còn về và còn nhớ đến nàng* (người hôm nay) là đề đổi lại ý Kim-Trọng : *xa mặt chẳng xa lòng*.

Một là đề tỏ ý tin chắc ở lời hứa hẹn của Kim-Trọng. Hai là Kiều cố ý nhắc-nhờ dặn dò chàng chớ quên nàng.

Nàng đã hứa không thay lòng, không ôm cầm thuyền khác. Đến đây nàng đòi Kim-Trọng một điều-kiên tương-đương là chớ quên nàng.

Việc đó là việc quan-trọng hơn hết. Vì nếu nàng giữ lời thề, nàng chờ đợi chàng, mà chàng quên nàng, thì cũng không làm gì. Vì là điểm quan-trọng mấu-chốt nên Kiều dành đề nói sau cùng, ý muốn chàng nhớ điều đó trước hết.

Nếu là bạn trai dặn nhau câu ấy, kẻ cũng hơi buồn cười. Nhưng đây là một cặp tình-nhân. Đạn-bà con gái chỉ có một nguyên-vọng duy-nhất là lấy chồng : lấy chồng là làm cuộc đời. Kiều đã thề lấy Kim-Trọng, thì nàng có quyền dặn Kim-Trọng chớ quên nàng. Ngày nay trong những trường hợp lương-tự, người con gái thường dặn anh con trai : *anh chớ quên em, anh nhớ em nhé !*

Vậy, còn nhớ là Kim-Trọng còn nhớ. Và người hôm nay là Kiều tự chỉ mình.

Năm chữ còn đi một mạch liền trong hai câu 14 chữ làm nổi bật ý quả-quyết của lời nói, ý thành-khẩn của lời chúc tụng, ý nhiệt-liệt của lòng tin và ý đĩnh-ninh của lời dặn dò Tác-giả có tài dùng chữ như một nhà ảo-thuật.

477) *Dùng-dăng* : Kiều buông tay ra rồi lại nắm lấy tay chàng, không nỡ buông tay ra để chàng đi. Hai chữ *dùng-dăng* tả được cái ý tiếc nhớ tha-thiết và kín-đáo. Đây là Kiều nắm giữ Kim-Trọng lại để kéo dài, cuộc họp mặt ra một chút

Vàng đồng trông đã đứng ngay nóc nhà.
 Ngại-ngùng một bước một xa, (478)
 Một lời trân-trọng, châu sa mấy hàng, (479)

Người hôm nay ở trên là Kiều. Lời nói trên là Kiều, thì dùng
 vàng chưa nở rời tay cũng là Kiều chưa nở rời tay Kim-
 Trọng. Không phải là cả hai người chưa nở rời tay như
 các bản dịch Pháp-văn đã hiểu (Ng-v-Vĩnh—Crayssac—M.R)
 Nhưng rồi cuối cùng phải rời tay ra để Kim-Trọng đi (vì vàng
 đồng đã đứng ngay nóc nhà, trời đã sáng sợ người ngoài bắt
 gặp, và Kim-Trọng về muộn)

478) Ngại-ngùng một bước một xa = Kiều thấy vàng đồng
 đã đứng nóc nhà đành phải rời tay để Kim-Trọng đi. Chàng
 đi một bước một ngại-ngùng, vì mỗi bước làm chàng xa Kiều
 một bước. Hai tiếng một bước cho ta biết rõ về ngại-ngùng
 là về ngại-ngùng của kẻ đi, tức là Kim-Trọng. Bản dịch Pháp-
 Văn của M.R. (bản xuất bản Alexandre de Rhodes) hiểu là cả
 Kiều và Kim-Trọng hai người cùng bước đi cùng ngại-ngùng
 thì e không đúng.

479) Một lời trân trọng = Bản Pháp-văn của M.R. cho lời
 trân trọng là lời nói quý giá (un mot précieux) và cho cả hai
 người cùng nói lời trân trọng. Bản Pháp-văn của Nguyễn văn
 Vĩnh dịch lời trân trọng là lời quý giá, long trọng, (précieuse,
 et grave, solennelle) và cho là Kiều nói lời trân trọng (elle lui
 dit un dernier mot d'adieu solennel...) Bản của Bùi Kỷ Trần
 trọng-Kim chưa lời trân-trọng là « tiếng dặn dò người đi xa
 phải giữ gìn thân thể cho được mạnh khỏe » có ý cho Kiều
 nói lời trân trọng là. Hiểu như vậy có lẽ đều sai

Lời trân trọng là lời người đi chào dặn người ở lại, chứ
 không phải là « tiếng người ở lại dặn dò người đi ».

Sách Tạng-sử-lược đã giải-thích hai chữ trân-trọng như
 thế này .

« Lâm khứ từ viết trân-trọng, giả hà ? Thủ tắc tượng kiến
 ký tất, tình ý dĩ thông, chúc viết « trân trọng », do ngôn thiện
 giá báo trọng, thỉnh giá tự ái ».

Buộc yên, quây gánh vôi-vàng, (480)

nghĩa là :

Lúc đi cáo từ nói « *trân trọng* » là nghĩa thế nào ? Đó là sau khi đã họp mặt đã hiểu rõ tình ý nhau, dặn rằng « *trân trọng* » ý cũng như nói : xin giữ gìn sức khỏe cho khéo, xin giữ mình cẩn thận. « *Trân trọng* » 珍重 là lời « *lâm khứ tư biệt* » tức lời nói từ biệt lúc ra đi.

Từ 辭 là cáo-từ là người đi chào người ở lại. Sách Sở-Tứ có câu : « *Nhập bất ngôn, xuất bất từ* » 入不言出不辭 nghĩa là : nhà vào không nói, ra đi không từ.

Coi vậy, *trân trọng* không có nghĩa là lời người ở lại « *dặn dò người đi* » Theo tình thần đoạn văn, lời *trân trọng* cũng không phải là lời Kiều dặn Kim-Trọng.

Kiều đã rời tay ra để Kim-Trọng đi, Chàng đi một bước một ngai ngừng. Kim-Trọng ngai ngừng một bước một xa, thì một lời *trân trọng* châu sa mấy hàng, chủ-từ tất cũng là Kim-Trọng.

Nhất là câu tiếp theo « *buộc yên quây gánh vôi vàng* » lại vẫn nói về Kim-Trọng. Câu trên chủ từ là Kim-Trọng, câu dưới Kim-Trọng là chủ-từ, không có lẽ gì câu giữa, chủ-từ lại là Kiều được, khi văn ý đang đi một hơi.

Và như vậy, thì cũng không phải là Kiều châu sa mấy hàng, như bản pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh, Chính là Kim-Trọng khóc.

Người ta có thể ngạc nhiên thấy Kiều không khóc, thấy Kiều không nói năng gì khi Kim-Trọng ra đi. Nhưng không thể vì thế mà bắt tác-giả phải viết trái văn-nghĩa văn-pháp.

480) *Buộc yên* : là thắt yên ngựa. *Quây gánh* : tức là gánh túi đòn cặp sách. Chữ *quây* dùng rất đúng. Vì một bên phải quây. Đây không nói rõ nhưng đoán chắc rằng quây gánh là người nhà quây gánh chứ không phải Kim-Trọng.

Mối sầu sẻ nửa, bước đường chia hai. (481)

481) *Mối sầu sẻ nửa* : Nỗi buồn đã vợi đi được một nửa. Sau khi được Kiều hứa hẹn thề thốt, chàng Kim đã hơi được yên tâm ra đi ; có người muốn hiểu : *mối sầu sẻ nửa* là nỗi buồn của Kim-Trọng chia ra làm hai phần (hai nửa) một phần buồn vì ông chủ ruột chết một phần buồn vì phải xa tình-nhân. Hiểu như vậy, kẻ cũng có lý ; và theo nghĩa ấy, chữ *sẻ (nửa)* phải viết X (xẻ) lúc là cưa ra, tách ra, cắt ra. Nhưng có lẽ tác-giả không định nói thế. Trên Kim-Trọng nói : *ngoài nghìn dặm chốc ba đông* *mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy*. Ta biết Kim-Trọng định nói : *đi xa ngàn dặm và để tang ba năm, đợi khi gỡ được mối sầu cho xong còn lâu lắm*,

Mối sầu đây hẳn chỉ là *mối sầu* phải xa Kiều và đợi lâu ngày mới lấy được Kiều. Nếu *mối sầu* có hàm ý là *mối sầu* mất ông chủ ruột thì không bao giờ gỡ được, dù chờ đợi bao lâu cũng vậy. Người mất không bao giờ trở về. Trên đã nói *mối sầu*, dưới lại nói *mối sầu* tất trên dưới chỉ là một *mối sầu*. Nay được Kiều định-ninh thề-thốt (đợi chờ bao lâu cũng xin đợi chờ) Kim-Trọng thấy yên lòng phần nào, và *mối sầu* của chàng cũng nhẹ được một nửa. Bởi vì nỗi lo buồn (tức *mối sầu*) của chàng đã được Kiều chia sẻ (viết S) đôi phần. *Chia vui sẻ buồn* là dự một phần vào nỗi vui, nỗi buồn của người khác. Kiều đã *sẻ buồn* với Kim-Trọng theo nghĩa ấy.

— *Bước đường chia hai* : Mỗi bước đường đi của Kim-Trọng chia-lia cặp tình-nhân mỗi người một ngã (tức hai ngã khác nhau)

Địch như Nguyễn-văn-Vĩnh : *le premier pas sur la route rompaît brutalement quelque chose* chưa được sát nghĩa, và *địch* như M. R. : *leur route se divise en deux* thì sai. *Bước đường* tự nó không chia làm hai mà *bước đường* chia hai người làm hai ngã.

Buồn trông phong-cảnh quê người. (482)
Đầu cành quỳn nhật, cuối trời nhận thừa (483)
Não người cũ gió tuần mưa. (484)

482) *Quê người* : hai chữ này dùng chưa được ổn. Kim-Trọng lên đường về nhà chàng, cớ đi thẳng Liêu Dương hộ tang. Chàng đi qua làng Kiều. Đối với làng Kiều Kim-Trọng không phải người xa lạ (Chung quanh vẫn đất nước nhà, với Vương-Quân vốn vẫn là đồng thân. Trộm nghe thơm nức hương dân.) Vậy sao lại bảo là « phong cảnh quê cảnh người » ?

483) *Quỳn nhật* : *Quỳn* là chim đỗ-quỳn, tức con quộc ; *nhật* là mau, là liền nhau. *Quỳn nhật* là quộc kêu ra-ra, liền tiếp, tiếng nghe mau.

Nhận thừa : chim nhận bay thừa, thỉnh thoảng có con chim nhận bay ở tít mãi chân trời xa (cuối trời).

Câu này tả cảnh cuối hè, sang thu (có nhận thoảng bay).

Đầu cành quỳn nhật : hai chữ đầu cành dùng chưa được chính. Chim quộc không đỗ trên đầu cành cây, nó lủi ở trong bụi rậm mà kêu.

484) *Não người* : buồn não thay cho người, nghĩa cũng gần như *sót người ở trên*. *Người* đây trở Kim-Trọng, là người phải « ăn gió năm mưa » ở dọc đường.

Trên kia, Kiều đã nói với Kim-Trọng :

Nghĩ người ăn gió năm mưa xót thăm

Đấy tác giả lại nhắc :

Não người cũ gió tuần mưa

Văn hình như phạm lỗi trùng điệp. Nhưng có lẽ tác giả đã cố ý nhắc lại ý Kiều để người đọc hiểu rằng đó là *Kiều não người cũ gió tuần mưa*. Đồng thời để ổn định gánh tương-tư là gánh tương-tư của Kiều, bởi vì, nếu không nhắc lại như vậy, thì người đọc có thể lẫn gánh tương-tư với gánh đỡ của Kim-Trọng ở trên (buộc yên và quây gánh) và cho là gánh tương-tư là gánh của Kim-Trọng.

Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày. (485)

Cũ gió là gió thổi từng cữ, thổi luôn từng cữ : người xưa thường tính 7 ngày là một cữ.

Tuần mưa là trời mưa từng tuần, mưa luôn hằng tuần : tuần xưa là 10 ngày.

Cũ gió tuần mưa là mưa gió lai-dai hằng năm bảy ngày liền

Não người cũ gió tuần mưa là thiều não thay cho người phải giải-giấu mưa gió liên-miên dọc đường.

Đây là ý-nghĩ của Kiều đối với Kim-Trọng khi chàng đi khỏi ? Kim-Trọng xa rồi mà nàng vẫn còn đứng ở hiện tại nghĩ ngợi.

485) *Tương-tư* 相思 nguyên có nghĩa là ở xa nhớ nhau. Sau người ta mượn để nói trai gái yêu nhau nhớ nhau. Trai gái yêu nhau không thấy được nhau, buồn mà mắc bệnh, thì gọi là bệnh *tương-tư*.

Gánh tương-tư tức là cái tình nhớ nhau chất nặng bên lòng như là mang gánh nặng, ý nói nặng tình thương nhớ lắm.

Gánh tương-tư đây là gánh tương-tư Kiều. Khi Kim-Trọng lên đường rồi và đi đã xa (buồng trông phong cảnh quê người đầu canh quýt nhất cuối trời nhận thừa) Kiều mới nghĩ thương chàng phải chịu *cũ gió tuần mưa* và mới cảm thấy nhớ chàng.

Chủ-từ hai câu này là *nàng ở* câu tiếp theo :

Nàng còn đứng tựa hiên tây.

Có người cho rằng bắt đầu chữ *nàng* thì mới khởi nói về Kiều. Còn từ đó trở lên là nói về Kim-Trọng. Chúng tôi thấy hiểu như vậy có lẽ chưa thông.

Nếu bảo rằng bắt đầu câu *nàng còn* mới nói đến Kiều, thì người ta không hiểu Kiều nghĩ-ngợi gì mà lòng « chín hồi vắn-vít » ?

Chúng tôi cho rằng phải hiểu như thế này mới đúng :

IV

Nàng còn đứng tựa hiên tây, (486)

Kim-Trọng đi rồi. Kiều nghĩ-ngợi vãn-vơ. Nàng nghĩ thương Kim-Trọng và nhớ Kim-Trọng (ý hai câu nào người cũ gió ... và một ngày nặng gánh....)

Chín hồi vãn-bít là vãn-vít về hai ý nghĩ thương và nhớ đó.

Hai chữ « *một ngày* » nhắc đi nhắc lại hai lần trong một câu cho ta thấy cái thi-gian tương-tư của Kiều sẽ dài đằng-dằng (ít nhất là trong ba năm trời như lời Kim-Trọng đã nói : ngoài nghìn dặm chốc ba đông.)

Đoạn tả cuộc chia tay này, tả nỗi đau-buồn của Kim-Trọng nhiều hơn, và ta thấy Kim-Trọng đau buồn hơn Kiều. *Nào ngại ngùng nào chầu sa nào mối sầu*, nỗi buồn của Kim-trọng lộ cả ra. Còn Kiều chỉ nghĩ thầm rằng : *một ngày về nặng gánh tương tư một ngày và chín hồi vãn-vít*, nghĩ-ngợi liên miên. Ta không thấy nàng buồn, chỉ thấy nàng suy-nghĩ kín-đáo. Nàng giữ-gìn ý-tứ không muốn tỏ lộ nỗi buồn? Hay vì này cho việc Kim-Trọng là việc không có gì đáng quan tâm cho lắm, yên trí rằng bao giờ cũng phải đợi Kim-Trọng (cười bởi nàng). Nay dù có phải chờ đợi lâu hơn (ba đông) thì nàng cũng quyết chờ đợi. Hơn nữa nàng biết trước rằng việc Kim-Trọng trọ học nhà người thương-gia (mẹ sau nhà Kiều) chỉ là tạm thời, sau này việc nhân-duyên của nàng với Kim-Trọng thế nào cũng sẽ được chính-thức-hóa ở quê Kim-Trọng. Nay Kim-Trọng thu xếp về quê, nàng cảm thấy không có chi đáng buồn lắm, nhất là nàng đã thấy rõ rằng Kim-Trọng tha-thiết yêu nàng.

486) *Hiên tây* tức là hiên phía sau nhà. Nhà bên Tàu hay làm trong nhà phía đông. Kiều và Kim-Trọng truyện trò và chia tay nhau ở hiên phía sau nhà.

Kiều nghĩ-ngợi vãn-vơ nên người cứ đứng ngáy ra ở hiên tây. Có lẽ lúc này lòng nàng nửa buồn nửa vui. Buồn vì thấy Kim-Trọng đi xa. Vui vì thấy chàng tỏ yêu dấu nàng tha-thiết.

Chín hồi vắn-vít như vầy mỗi tơ (487)

Trông chừng khói ngất song thưa (488)

487) Chín trở số liền nhiều nhất, chứ không nhất định phải dùng là 9. Bắt đầu người ta lấy số 3 để nơi số nhiều. Sau để trở số nhiều nhất, người ta gấp số 3 lên 3 lần thành 9. Trong văn Tàu và trong dân ta, chín thường được dùng để trở con số cực nhiều. Thí dụ như nhũn, câu ca dao, tục ngữ:

- Một sự nhin chín sự lành.
- Một nghề thì kín chín nghề thì hở.
- Họ chín đời còn hơn người đứng.
- Ba bỏ chín trâu.

Số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo.

- Đẹp chín nghìn.
- Nhất cao là núi chín tầng.
- Nhất cao là chín tầng mây.

Chín hồi đây là lòng ruột nghĩ-ngợi quẩn-quại tức nghĩ-ngợi nhiều. Sở dĩ có nghĩa ấy là do câu chữ sách Hán-Thư (truyện Tư Mã Thiên): *Trường nhất nhật nhi cửu hồi* 腸一日而九回 nghĩa là ruột một ngày mà chín lần cuộn khúc. Chín hồi cũng có nghĩa là nhiều hồi. Tục ngữ Tàu có câu: *ngược cửu ngu vô nhất mao* 若九牛亡一毛 như là chín con trâu mà không có một sợi lông, nghĩa cũng như ta nói: ba voi không được bát nước xáo. Chín trở số nhiều.

Vầy mỗi tơ; vầy là vầy-vò. Vầy mỗi tơ là vầy-vò cho mỗi tơ rối lại.

Cả câu; lòng bối-rối như tơ vò, vì thương và nhớ Kim-Trọng (Nào người và nặng gánh tương-tư.)

488) Trông chừng: vừa trông vừa đoán phỏng.

Khói ngất: mây khói cao ngất trời, ý nói chỗ chặn trời xa.

Song thưa: cửa sổ thưa, ý nói cửa sổ không cho mau che kín, cửa sổ mở hoặc có nhiều lỗ hở.

Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ-xác vàng. (489)

Tần-ngân dạo gót lầu-trang, (490)

Một đoàn mừng thọ ngoại-hương mới về,

Hàn-huyên chưa kịp giải-giề. (491)

Sai-nha bỗng thấy bốn bề xôn-xao. (492)

Người nách thước, kẻ tay dao ; (493)

Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sóng. (494)

489) *Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ-xác vàng* : Tác giả mượn hoa, và liễu để tả hình-dáng Kiều. Vì buồn, người Kiều coi như bông hoa trôi mất sắc thắm, liễu đang xanh bị xơ-xác vàng ra, ý nói người nàng Kiều bơ-thờ mất sắc, Bản của Tần-Đà chưa câu này tả cảnh mùa thu. Có lẽ không đúng. Vì bấy giờ còn là cuối mùa hạ, còn có quốc kều (đầu cành quỳn nhất)

490) *Tần-ngân tả thái-độ vãn-vơ nghĩ-ngợi của Kiều.*

491) *Hàn-huyên* là lời truyện-trò thắm bối (đã chưa ở trên) *Giải-giề* nghĩa cũng như *giải bày*.

492) *Sai nha* 差衙 là đám nha-lại được sai-phái đi làm công vụ.

493) *Người nách thước* : người thì cắp tay thước ở nách. *Tay thước* là một thứ vũ khí cổ làm bằng gỗ dài, cạnh vuông chữ nhật, chiều dài độ non thước tây. Người ta thường cắp tay thước vào nách.

Kẻ tay dao ; Kẻ thì cầm dao ở tay. Dao đây là dao mã-tấu, một thứ vũ.khi bằng sắt làm hình con dao lưỡi to và chuôi ngắn.

Cả câu nói toàn những người cầm vũ khí, coi vẻ hung dữ đáng sợ.

494) *Sai-nha* người nào trông cũng dữ-tợn như quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa.

Ào-ào như sóng : Kéo vào tiếng ào-ào như nổi nước sóng réo. *Sóng* cũng nghĩa như *sai-nổi* là ồn-ào ầm-ỹ.

Già giang một lão một trai, (495)

Một giây vô-lại buộc hai thâm tình. (496)

Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh. (497)

495) Già 加 là cái gông

Ciang 扛 là khiêng đi, giải đi.

Hai cha con Vương-Quang bị gông lại và giải đi.

496) Vô lại 無賴 có nhiều nghĩa :

a/ Bất lợi.

b/ Không có tài cán gì.

c/ Không có nơi nương tựa ; không có người ; vô liêu

d/ Nghèo khó và gian-giảo bất lương.

Vô lại đây dùng theo nghĩa cuối cùng.

Dây vô lại là dây trời của bọn vô-lại (cũng như ta nói bọn khốn nạn, không biết thương ai)

Hai thâm tình ; hai tình sâu, đây là hai cha con.

Có câu : phụ tử tình thâm 父子情深 nghĩa là : cha con tình sâu

— Bản của Tản-Đà viết vô lại làm vô loại 無類 và giảng là « không ra nghĩa lý gì cũng như bất lương », e không đúng.

Vô loại không có nghĩa là bất-lương, mà có nghĩa là không phân biệt loại tài giỏi, loài ngu dốt, giàu sang với nghèo hèn, coi ai cũng như ai.

— Theo hai câu này, thì Vương-Ông và Vương-Quan vừa bị gông vừa bị trời.

497) Tiếng bọn sai-nha vang dậy cả nhà đáng ghét như tiếng đàn ruồi xanh. Ruồi xanh tức con nhặng, một thứ ruồi to sắc xanh. hỷ đậu chỗ nhơ-nhớp ai cũng ghê tởm.

Rụng rơi khung cửa, tan-tành gói may. (498)

Đồ lễ-nhuỷn, cửa riềng tây. (499)

Sạch sành-sanh vết cho đầy túi tham. (500)

Điều đâu bay buộc ai làm ? (501)

Này ai đang dấm, giật giằm bông dưng ? (502)

Hỏi ra sau mới biết rằng :

498) Bọn ấy lục lợi cả khung cửa, làm rơi gãy ra, và làm tan-tành cả gói may tức là gói đựng quần áo và vải mền đồ may vá, ý nói không chỗ nào, không cái gì là không lục lợi đến. Câu này có bản chép là : *Rụng rơi giọt liễu, tan-tành gói mai* ; có bản chép là : *rụng rơi giầu liễu, tan-tành cột mai* ; lại có bản chép : *rụng rơi khung dệt tan-tành gói may* » Xét ra đều có vẻ cầu kỳ và những lời giải đều có chỗ bất thông.

499) *Tế nhuỷn* 祭物 là nhỏ nhất mền mai, trỏ chung những đồ vàng ngọc quý giá và quần áo đồ mang đi.

Cửa riềng tây : cửa riềng tư, đây tức là những cửa cái trong nhà.

500) *Vết sạch sành sanh* : vết hết không bỏ sót một tí gì

501) *Bay lấy chữ ở câu tục-ngữ : vạ gió tai bay. Buộc lấy chữ thành-ngữ buộc tội.* Cả câu : chẳng hay ai làm nên vạ gió tai bay ? ai buộc cho cái tội ấy ? Câu này có bản chép : *điều đâu ai buộc ai làm*.

502) *Đan* : dùng nan tre hay mây đan thành đồ dùng. *Dấm* là đan lại những chỗ nan hư. *Đan dấm* là đan đi, dấm lại, đây ý nói bày vẽ ra, thêu dệt ra tội lỗi.

Tục-ngữ có câu : Đan không tày dấm.

Giằm là cái cạm, cái bẫy. *Giật giằm* là giật cái bẫy cho sập xuống. Cả câu : Hắn có kẻ thêu dệt ra tội-vạ hay đánh lừa đánh bẫy thế nào, tự dưng sao lại có truyện được ?

Có bản chép là : *đan dấp*, hay *đan dấm*, xét ra là chép sai

Phải tên xưng-xuất là thằng bán tơ. (503)

Một nhà hoảng-hốt ngăn-ngờ,

Tiếng oan dậy dất, án ngờ lòa mây. (504)

Hạ-từ van lạy suốt ngày. (505)

Điếc tai làn-tuất, phũ tay tời-làn (506)

Rường cao rút ngược dây oan, (507)

Dấu là đá cũng nát gan, lựa người !

503) *Xưng xuất* : xưng ra. *Thằng bán tơ* tức anh lái buôn tơ khai báo làm sao đó nên liên lụy đến Vương-viên-ngoại.

Mấy tiếng *thằng bán tơ* tả được tất cả nỗi căm-hờn và sự khinh bỉ của nhà Kiều đối với tên đã vu-cáo cho Vương-viên-ngoại. Tiếng *thằng* là tiếng tục và thô, vậy mà dùng ở đây rất đắc thể.

504) *Tiếng oan dậy dất* . tiếng oan kêu dậy cả đất. Cũng có nghĩa là : khắp nơi ai cũng nói là Vương-Viên-ngoại bị tội oan. *Án ngờ lòa mây* : án ngờ làm lòa cả mây trời, tức là vụ án đáng ngờ hết sức.

505) *Hạ từ* là lời nói tự hạ khiêm tốn, tức là lời kêu cầu van xin.

506) *Điếc tai làn-tuất* : làn-tuất là thương sót, thương tình đây là lời kêu xin thương sót cho, bọn sai-nhà giả làm điếc tai không nghe thấy những lời kêu van năn-nỉ đó. Họ vẫn cứ *phũ tay rồi tàn* nghĩa là vẫn ra tay đánh đập mạnh. *Tời tàn* 推残 nghĩa là đánh đập. *Phũ tay* : mạnh tay, không tiếc tai. Có mấy bản chưa là lời kêu xin làn-tuất rầm-rĩ lên làm điếc cả tai. Giảng như thế, nghe không hợp với ý câu văn. *Chủ-từ* của những chữ *điếc tai*, *tay* theo văn-pháp, là chủ-từ của động-tự *phũ tay*.

507) *Rường cao* : xà nhà cao. Họ treo ngược hai cha con họ Vương lên xà-nhà.

Dây oan : dây trời một cách oan uổng.

- Mặt trông đau đớn rụng-rời, (508)
 Oan này còn một kêu trời nhưng xa. (509)
 Một ngày lạ thói sai nha. (510)
 Làm cho khốc-hại chẳng quá vì tiền, (511)
 Sao cho cốt nhục vẹn tuyền (512)
 Trong khi ngộ biến tông quyền biết sao ? (513)
 Duyên hội-ngộ, đức củ lao (514)

508) Trông thấy vậy, cả nhà mặt ai cũng lộ vẻ đau đớn sợ hãi (rụng rời)

509) Còn một chỉ còn một cách.

510) Có phải một ngày đau mà còn lạ thói sai nha, ý nói thói sai nha xưa nay vẫn thế.

511) Khốc hại : cũng như thâm-hại, nghĩ là vừa đau đớn vừa hại tiền của.

Vì tiền ý nói bọn sai nha làm khốc hại như vậy cốt để vôi tiền.

512) Cốt nhục là xương thịt đây nói người ruột thịt trong nhà tức là Vương-Ông và Vương-Quan. Vẹn tuyền là nguyên lành, không bị cùm kẹp đến chết.

513) Lúc việc đời diễn ra theo mạch thường thì là lúc thường lỡ gặp việc khác thường xảy ra thì là lúc biến. Xử sự lúc thường thì theo đạo Kinh tức đạo thường ; Lúc gặp biến thì không theo đạo kinh được, phải theo đạo Quyền tức là cách xử sự cho sát hoàn-cảnh lúc biến. Ngộ biến tông quyền nghĩa là gặp việc biến, tại theo đạo quyền.

514) Duyên hội ngộ : duyên gặp gỡ, tức là mối tình-duyên gần-bỏ giữa Kiều và Kim-Trọng.

Đức củ lao ; bơn đức cha mẹ sinh ra ta khó nhọc Kinh Thi có câu: Ai ai phụ mẫu sinh ngã củ-lao 哀哀父母生我劬勞 đau đớn thay, cha mẹ sinh ra ta rất khó nhọc

Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn ? (515)

Đề lời thề hải minh sơn (516)

Làm con trước phải đền ơn sinh thành (517)

Quyết tình nằng mới hạ tình (518)

« Rê cho đề thiếp bán mình chuộc cha » (519)

Họ Chung có kẻ lại già (520)

515) *Tình* đây là tình yêu hoặc *ái tình* giữa trai gái. *Hiếu* là sự hết lòng thờ cha mẹ. Kiều cân-nhắc trong trí *tình* với *hiếu* xem bên nào trọng hơn bên nào. Nặng dịch nghĩa chữ *Trọng*.

516) *Đề* là đề ra một bên, nghĩa cũng như *gác*; lời thề hải minh-sơn là lời thề. *Thề hải minh sơn* lấy chữ trong sách *Tĩnh-Sử Hải thề sơn minh* 海誓山盟 nghĩa là chỉ bề mà thề trở núi mà thề, nguyện rằng bề cạn non mòn lời thề cũng không đổi. Kiều có ý muốn bỏ lời với Kim-Trọng ngày trước.

517) *Sinh thành* là sinh đẻ, gây dựng. Chữ *Kinh Dịch thiên sinh chi, địa thành chi* 天生之地成之: trời sinh ra, đất gây nên. Nơi cha mẹ sinh thành, là có ý vì công-đức cha mẹ như trời đất.

518) *Hạ tình*: tỏ bày ý nghĩ, Kiều tự mình quyết-đoán. Sao nàng không bàn bạc gì với mẹ? Hoặc cho người chạy theo tìm Kim-Trọng? Kim-Trọng mới về chưa bao lâu và Kim-Trọng nhà giàu có thể giúp cho nàng việc đó.

519) Sao lại *tình* ngay đến việc « bán mình »? Nhà cửa vườn đất nhà Kiều còn có thể bán được. Kiều còn có thể cho người sang nhờ Kim-Trọng được. Và đã định bán mình, thì sao không bán mình quách cho Kim-Trọng? Dù sao thì việc quyết định của Kiều cũng khinh-xuất quá và hình như ở lúc còn có thể làm khác được. Người viết truyện sắp đặt còn có chỗ vụng-về.

520) Có kẻ lại già người họ Chung ở trong đám sai-nhà

Cùng trong nha-dịch lại là từ-tâm
 Thấy nàng hiểu trọng tình thâm (522)
 Vì nàng nghĩ cũng thương thâm xót vầy (523)
 Tính bài lót đó luồn đây (524)
 Có ba trăm lạng việc này mới xuôi (525)
 Hãy về tạm phó giam ngoài (526)
 Dặn nàng qui liệu trong đôi ba ngày (527)
 Thương lòng con trẻ thơ ngây (528).

521) Tuy là người nha-lại song còn có lòng tốt. Có lòng tốt nghĩa là bằng lòng để Kiều bán mình lấy tiền đưa cho bản lót đó luồn đây và chắm mút ít nhiều, hồng gổ tội cho cha con Vương-Quan. Tấm lòng tốt của nha-dịch có khác. Sau không đứng ra làm giấy tờ và bày cách khiêu oan cho nhà họ Vương ? Hai chữ « từ tâm » ở đây nghe nó chua chát mỉa-mai làm sao.

522) *Hiếu trọng* : hiếu nặng, coi nặng chữ hiếu. *Tình thâm* là tình sâu.

523) *Nghĩ* : tiếng Nghê Tĩnh, nghĩa cũng như y, nó, bản *Xót vầy* : xót muốn, xót giúp, xót giùm cho.

524) *Tính bài* : tính việc. *Lót đó luồn đây* : đưa tiền bạc dút lót vị này vị khác, chỗ nọ chỗ kia.

525) Trong số này thế nào họ Chung chẳng dự một phần. Có 30 lạng thì bán ruộng vườn đi cũng đủ, cứ gì phải bán Kiều ?

526) Chưa có tiền dút lót, mà họ Chung đã về tạm phó giam ngoài (tức là không giam trong ngục nữa) và không rường cao rút ngược dấy oan nữa coi đó ta thấy cái ngòi làm tiền một phần là ở họ Chung mà ra. Nếu không thế, thì tác-giả đã gán cho họ Chung những quyền-hành mà y không có.

527) *Quy liệu* 規 計 là thu xếp lo liệu.

528) Bản kinh (Huế) viết là *Thương nàng*.

Gặp cơn vạ gió tai bay bất kỳ (529)

Đau lòng tử biệt sinh ly (530)

Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên (531)

529) *Vạ gió tai bay* : tai vạ như gió ở đâu bay tới ý nói tai vạ tự nhiên bất ngờ oan uổng.

530) *Bất kỳ* là chẳng hạn, nghĩa cũng như bất ngờ, bất thành linh,

531) *Tử biệt* : chết sang cõi khác. *Sinh ly* : sống mà chia lìa mỗi người một nơi. Người ta thường cho ở đời có hai nỗi buồn lớn là : người chết đi, và người cùng sống với nhau mà chia lìa nhau. Kiều lấy làm đau lòng về cuộc *sinh ly* cũng như là cuộc *tử biệt*. Nàng có ý coi cuộc *sinh ly* giữa nàng với cha mẹ và anh em cũng như là cuộc *tử biệt*. Tức là nàng cho rằng nàng bán mình chuyển này cũng như là nàng chết đi vậy (*tử biệt*). Và chết như thế nàng rất đành lòng Vì vậy có câu *thân còn chẳng tiếc*. Nhưng nghĩ đến cuộc *sinh ly*, nghĩ đến ý *tử biệt*, nàng lại nhớ đến cuộc *sinh ly* giữa nàng và Kim-Trọng và nhớ luôn đến những lời thề thốt, hứa hẹn với tình-nhân. Nàng cũng lấy làm tiếc thắm cho cuộc *nhân-duyên* đó. Nhưng không làm khác được, nên nàng cũng đành liều. Bởi vậy có câu *tiếc gì đến duyên. Thân còn chẳng thể tiếc được, thì còn tiếc thế nào được cuộc tình-duyên?*

Duyên đây là cuộc *tình-duyên* của nàng với Kim-Trọng mà nàng không thể tiếc được.

Bản dịch Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh hiểu *duyên* là cuộc *nhân-duyên* nàng sẽ gặp gỡ trong cuộc bán mình sau này, e sai *tình-thần* câu văn.

Bản Nguyễn-văn-Vĩnh dịch câu đó như thế này :

« *N'ayant pas marchandé sa vie, elle ne pouvait marchander son amour* »

(Không mặc cả tấm thân nàng, thì nàng không thể mặc cả *tình-duyên* của nàng)

Dịch như thế, kể thoát, thì rất thoát, nhưng bỏ mất cái ý Kiều tiếc cuộc *tình-duyên* gắn-bó với Kim-Trọng.

Hạt mưa·sá nghĩ phận hèn, (532)
Liều đem tấc cỏ quyết đền ba xuân (533)

Câu này thoát ý câu ca-dân cũ :

Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài cát, hạt ra ruộng lâu

hoặc câu :

Thân em như hạt mưa rào

Hạt sa xuống giếng hạt vào vườn hoa

Cả hai câu đều nói thân-phận người con gái sương hay khổ là nhờ ở rủi, may, chứ không thể tự mình chọn lựa lấy được.

Hạt mưa sá nghĩ phận hèn: đã là thân con gái như hạt mưa, thì còn quản gì được cái phận sang hèn nữa, đành gặp sao chịu vậy. Kiền không thể tiếp được cuộc tình-duyên với Kim-Trọng, nên lấy thuyết số-phận rủi may để tự an ủi.

533) Nàng liều thân-phận để báo-đáp lại công-ơn cha mẹ bán mình chuộc cha).

Những chữ *tấc cỏ, ba xuân* là lấy chữ trong bài thơ của Mạnh-Giao đời Đường :

Thùy ngôn thốn thảo tâm

誰言寸草心

Báo bắc đắc tam xuân huy

報得三春暉

Nghĩa là : Ai báo tấc lòng cỏ,

Báo được khí sáng ba tháng xuân ?

Tấc cỏ ví như người con *ba xuân* ví như cha mẹ. Có khi tốt mùa Xuân thì cỏ mới mọc được, có cha mẹ thì mới có con.

— Có bản chép là *liều đem* thì không có nghĩa.

— Các bản đều chép lầm câu thơ Mạnh Giao ra làm.

Dục tương thốn thảo tâm

Báo đáp tam xuân huy

Sự lòng ngỏ với băng-nhân (534)
 Tin sương đồn đại xa gần xôn-xao (535)
 Gần miền có một mụ nào
 Đưa người viễn-khách tìm vào vấn danh (536)
 Hỏi tên rằng : « Mã-giám-sinh ».

534) Sự lòng tức tâm sự nghĩa là những ý nghĩ trong tâm.
 Đây là Kiều ngỏ lòng với băng-nhân. Băng nhân là người
 đứng ra làm mối

Nggia ấy xuất từ sách Tấn thư (nghệ thuật truyện). Lòng
 Hồ Cửu năm mộng thấy mình đứng ở trên tầng băng (nước đông
 nói chuyện với người ở phía dưới tầng băng. Thuật-sĩ là Sách
 Đam giải mộng rằng :

«Trên băng là dương, dưới băng là âm, đó là việc âm
 dương. Ông đứng trên băng nói truyện với người ở dưới băng
 đó là nói truyện âm-dương, truyện mối-giới. Vậy thì ông nên
 đứng ra làm mối cho người ta ». Do điển đó, sau người ta
 dùng chữ Băng nhân 氷人 tức người đứng trên băng để trở
 người mối mai.

Độc đến chỗ này, người ta không khỏi ngạc nhiên. Vương
 ông thì không kể. Vương-bà vẫn ở nhà, sao Kiều không đem
 việc bán mình chuộc cha bán với mẹ ? Và đến lúc này sao Kiều
 không thú thật với mẹ cuộc tình-duyên của mình với Kim-Trọng
 Cả đến khi báo tin cho người làm mối, Vương-bà đau, mà để
 Kiều tự làm cái việc khó nói ấy ? Không có lý gì, trong nhà gặp
 cơn hoạn-nạn như vậy, Kiều quyết định một việc liều-lĩnh và
 quan-trọng như vậy, mà Vương-Bà lại không được hỏi ý-kiến,
 lại không hay biết. Đoạn này vô-tình tác giả đã gạt mẹ Kiều ra
 một bên không thèm đếm xỉa tới. Sắp đặc tình-tiết câu truyện
 như vậy, dù sao cũng chưa khỏi vụng về.

535) Tin sương : tin đưa đi từ lúc còn sương, ý nói tin truyền
 đi sớm lắm.

536) Viễn khách : là khách ở xa. Vấn danh là hỏi tên ; dùng
 trong việc hôn-nhân, Vấn danh nghĩa là dạm hỏi (vợ).

Hỏi quẻ, rằng : «*Huyện Lâm-Thanh cũng gần* » (537)

Quá niên, trạc ngoại tứ tuần (538)

Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh-bao, (539)

Trước thầy, sau tớ xôn-xao;

Nhà băng đưa mỗi tìm vào lầu trang. (540)

537) *Huyện Lâm-Thanh* : một huyện thuộc tỉnh Sơn-Đông.

538) *Quá niên* : 過年 là đã quá tuổi (thanh niên) cũng như ta nói đã luống tuổi, nghĩa là quá tuổi, không còn trẻ.

Trạc là số tuổi ước lượng theo tầm vóc, bình dáng người. Có lẽ *trạc* là do chữ *trật* 戔 chữ hán mà ra. Ngoài nghĩa là thứ bậc, *trật-tự, trật* còn có nghĩa là 10 tuổi một Bẩy mươi tuổi gọi là *thất trật*, sáu mươi tuổi gọi là *lục trật* ... *Trật* sau nói tránh ra là *trạc* và dùng để nói số tuổi ước chừng, chứ không giữ nguyên nghĩa là 10 tuổi một.

Tứ tuần là bốn mươi tuổi, *Tuần* 旬 nguyên trở khoảng thời gian mười ngày. Sau được dùng để trở 10 năm, nghĩa cũng như *Trật* ; bẩy mươi tuổi gọi là *thất trật* hay *thất tuần*.

539) *Mày râu nhẵn nhụi* không nên hiểu là râu và lông mày đều cao trụi, râu cao nhẵn nhụi, còn lông mày thì đánh và vụn gọn xung quanh, cái vẽ làm dỏm lộ ra ở bộ diện người hơn bốn mươi tuổi ở vào thời ấy mà không có râu ria, thì coi nó trơ-tráo đã đành. Nó lại cho người ta biết là kẻ ấy cố tình làm cho mình ra vẻ còn trẻ.

Áo quần bảnh bao là áo quần sạch-sẽ đẹp đẽ. Hai chữ *bảnh-bao* thường dùng để khen vẻ đẹp của y-phục trẻ con nay dùng cho kẻ hơn 40 tuổi, có hàm một ý khinh-bĩ chế-riếu mát mẻ kín đáo.

Người đã hơn bốn mươi tuổi rồi, mà chỉ có hai vẻ đặc-sắc là *mày râu nhẵn-nhụi* quần áo *bảnh bao*, tức chỉ khác người có cái mẽ làm dáng, thì người ấy thuộc hạng nào, người ta có thể đoán được. Đó là một «*tay chơ*» đã sắp về già.

540) *Nhà băng* tức *Băng nhân* là người mối. *Đưa mối* : đưa mối hàng, giắt mối.

Ghế trên ngời lớt sỗ-sàng (541)

Buồng trong mối đã dục nàng bước ra (542)

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà. (543)

Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng. (544)

541) Tục Á-tông trong nhà ghế trên tức ghế danh-đự dành riêng cho quan chức, người danh-giá hoặc người già cả ở địa-vị trên hoặc ngang hàng gia-tướng. Người ở địa-vị dưới gia-trưởng hoặc người tầm thường không dám ngồi vào chỗ đó. Vậy mà Mã giám-sinh đến hỏi Kiều tức người ngang hàng với con cái trong nhà mà cũng ngồi lớt lên chỗ đó. Thái-độ ấy người ta coi chừng mắt. Tác-giả dùng chữ sỗ-sàng, tức là tro-tráo xốc xược, không khiêm tốn, dễ chế thái-độ đó.

Trên tác-giả tả cái bề ngoài đồm dáng Không phải thời, phải tuổi của Mã. Đây tác-giả tả cái tư-cách vô-lễ tro-tráo của Mã. Người ta biết Mã ở bộ diện và ở tư-cách rồi.

542) Mối đây là mụ mối, tức băng-nhân, nhà băng ở trên Mối đây khác nghĩa với mối ở câu trên là mối hàng, hay là khách tiêu-thụ hàng (trò nọ Mã).

543) *Nỗi mình* = nông nỗi, ý nghĩ riêng của mình.

Nỗi nhà = nông nỗi rằng.

Cả câu = nỗi mình đã tức phải xa Kim-Trọng lại tức thêm về nỗi nhà phải chịu tội oan.

544) *Thềm hoa* là thềm có trồng hoa.

Lệ hoa là nước mắt trên mặt đẹp như hoa. Thềm hoa, lệ hoa đây, đặt cho đẹp lời, chứ không nhất định phải là thềm có hoa,.. Câu này đứng về phía Kiều thì không hợp cảnh. Tác-giả « làm văn-chương » không đúng lúc. Lúc này Kiều đau khổ vô cùng, trước mặt nàng còn có cái chi là đẹp-dẽ nữa, mà dùng lời văn hoa-mỹ như vậy ?

Nhưng đứng về phía Mã-Giám-Sinh là người đến mua Kiều, thì câu văn rất đắt. Trước mặt họ Mã, nhà Kiều cái thềm đẹp, cái gì cũng đẹp. Kiều đi qua chỗ nào là đẹp chỗ ấy, đến nước mắt của nàng coi cũng như nước mắt của bông hoa, nàng càng khóc coi lại càng đẹp.

Ngại-ngùng dợn gió e sương (545)

Ngàng hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày (546)

515) *Dợn gió* là sợ gió. *E sương* là sợ sương.

Tác-giả vì Kiều với bông hoa. Bông hoa dợn gió e sương vì gió và sương có thể làm hoa rũ cánh, hoa lạt màu, hoa tàn úa. Đối với Kiều, thì sương, gió là những nỗi đau khổ, khó chịu, trái ý, uàng sắp phải chịu đựng.

Mấy chữ *dợn gió, e sương* ở đây hạ rất hay, rất có ý-vị, vì câu trên vừa nói *lệ hoa*. Thành ra câu này không nói đến hoa mà người ta cũng biết là hoa.

Có bản chép là : *dợn gió* thì sai hẳn nghĩa.

Bản của Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim chép là *dính gió*, và giảng *dính* là tiếng cổ, nghĩa cũng như là e-lệ

Nghe cũng hay, nhưng hơi cầu-kỳ, vì chữ *dính* rất ít dùng cả trong ca-đạo tục-ngữ cũng ít thấy chữ ấy.

546) Có bản chép là *xem hoa, nhìn hoa*.

Các bản của Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim của Nguyễn-văn-Vĩnh, và của Tân-Đà đều chép là *ngừng hoa*...

Bản của Bùi-Kỷ giảng *ngừng* là nhìn, ngắm.

Bản của Nguyễn-văn-Vĩnh giảng là *vừa nhìn vừa ngập ngừng* (regarder en hésitant).

Bản của Tân-Đà giảng là *vừa đi vừa nhìn*.

Người ta không rõ các bản ấy đã căn-cứ vào đâu mà giảng như thế. Vì ít nghe, hoặc chưa từng nghe thấy *ngừng* là trông, là nhìn.

Trái lại chỉ biết chữ *ngừng* nghĩa cũng như *dừng* mà thôi, thì vụ như :

Chia phôi ngừng chén hợp tan ngen lời.

(đoạn Kiều chia tay Thúc-sinh)

Chúng tôi cho rằng phải đọc là *ngàng* hay *ngằng* thì mới đúng. *Ngàng hoa* là *ngằng* mặt lên nhìn hoa, *ngằng* đầu lên

Mỗi càng vén tóc bắt tay (547)

Nét buồn như cúc điệu gầy như mai (548)

trông hoa. Câu trên nói ngại ngùng dọn gió e sương cho ta đoán rằng Kiều vừa đi vừa cúi gằm mặt xuống vì e dọn, e lệ. Có hai cách giảng :

1) Kiều cúi mặt e gió dọn sương vì ngàng mặt lên thấy hoa thì nàng cảm thấy thẹn với bóng mình. Bởi nàng cũng là một thứ hoa, mà số phận không được như bóng hoa.

2) Nàng đang cúi mặt e lệ, bỗng ngàng mặt lên thấy bóng hoa ơ thêm, thì nàng cảm thấy hổ thẹn với bóng mình.

Về sự *trông gương* cũng có thể giải thích theo hai cách như thế.

M í đầy là dịch chữ Hán *Hậu Nhan* 厚顏 nghĩa là mặt đầy không biết xấu hổ. Kiều tự cho nàng là người không biết xấu hổ là gì, vì nàng đã tự nguyện bán mình để chuộc tội cha.

Câu trên nói *dọn gió e sương* khiến người ta nghĩ đến bóng hoa, vì Kiều như bóng hoa, mà câu sau nói : *ngàng hoa bóng thẹn*, thì vẫn đi liên-tiếp một hơi, kẻ đã dụng công lắm vậy.

547) Câu này cho biết cách giải thích thứ nhất ở trên (về chữ *ngàng hoa*) là đúng với ý tác-giả. Vì Kiều e thẹn cứ cúi gằm mặt xuống không dám ngàng lên, mà mỗi sợ họ Mã không nhìn rõ mặt, nên mới *vén tóc bắt tay* nàng (có lẽ Kiều lấy tay che mặt che đầu nên mũ mới bắt tay nàng xuống).

548) *Nét buồn như cúc* là nét mặt buồn như sắc hoa cúc.

Điệu gầy như mai là cách điệu (tức cốt cách) gầy như cành mai.

Câu này tả Kiều lúc buồn rầu, đau đớn. Vì buồn, đau về người có gầy vơ, u ám đi, song vẫn đẹp như cúc, như mai. Câu này lẫn chữ *càng*. Theo văn-pháp, đáng lẽ phải viết : *mỗi càng vén tóc, bắt tay*, thì nàng càng buồn như cúc gầy như mai.

- Đẩn đo cân sắc, cân tài (549)*
Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ (550)
Mặn nồng một vẻ một ưa (551)
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt-diu (552)
Rằng: « Mua ngọc đến Lam-kiều (553)

549) So-sánh cân.sắc xem tài năng có bằng sắc đẹp của nàng không ?

550) Ép nàng đánh một cung đàn nguyệt, đưa quạt bảo nàng đề một bài thơ; để thử tài.

Chủ-từ của những *động-từ* : *đẩn-đo cân*, *ép*, *thử* trong hai câu này, là chữ *khách* đặt cách một câu, ở dưới.

551) *Mặn* là nhiều muối, *Nồng* là nhiều vôi, tức *mặn vôi* *Mặn nồng* nghĩa là không nhạt, là *mặn-mà*, *đậm-dà*. *Vẻ đẹp mặn nồng* là vẻ đẹp sắc-sảo, vẻ đẹp thâm-thiết, vẻ đẹp có duyên, càng nhìn càng ưa.

Một vẻ một ưa là vẻ nào coi cũng đáng yêu cả.

552) *Tùy cơ* là theo cơ-hội, theo tình-thế lúc bấy giờ.
D. t-diu : *Dặt* là đắp vào, ấn vào. *Diu* là sẽ đưa đi. *Dặt-diu* là nói đưa-đầy, tức là nói để dò ý tứ.

553) *Mua ngọc đến Lam Kiều* : mua ngọc, đến tận Lam Kiều mua (không phải là mua ngọc để đem đến Lam Kiều), ý nói đến tận nơi mỹ-nhân để hỏi lấy mỹ-nhân, chứ không lơ-mờ vẻ bỏ mua bông. Chữ *mua* ở miệng Mã giám-Sinh nói trắng ra, nghe nó trơ-tráo và bất nhã làm sao ?

Lam-Kiều ở đây dùng theo nghĩa là nơi sản-xuất ra ngọc. Vì trên nói « *mua ngọc* ». Và nói *Lam Kiều* theo nghĩa ấy là nói sai. Lẽ ra phải nói *Lam-Điền* mới đúng. *Lam-Điền* là tên một trái núi ở về phía đông huyện Lam-Điền, tỉnh Thiểm-Tây, núi này có sản một thứ ngọc, rất đẹp nên cũng có tên gọi là *Ngọc-Sơn*.

« *Sinh-nghi xin dấy bao nhiêu cho tương ? (554)*

Mỗi rằng : « Đáng giá nghìn vàng. (555)

« *Ráp nhà, nhờ lượng người thương dám nài (556)*

Cò kè bớt một thêm hai (557)

Lam-Kiều thì ở phía đông-nam huyện *Lam-Điền* tỉnh Thiểm Tây, tương truyền có động thần-tiên (thần tiên quật). Bù-llàng đời Đường gặp tiên-nữ Văn-Anh ở *Lam-Kiều*.

Lam-Điền và *Lam-Kiều* là hai nơi khác nhau, nhưng cùng là những địa điểm trong huyện *Lam-Điền*, có lẽ do nhu cầu của văn thơ, nên tác giả đã phải dùng lầm hai chữ *Lam-Kiều* đáng lẽ phải viết *Lam-Điền*.

554) *Sinh nghi* 聘儀 là đồ dẫn cưới, lễ dẫn cưới, tiền dẫn cưới. Họ Mã nói thế cho đẹp chữ và định hỏi *Kiều* định bán mình lấy bao nhiêu tiền ?

555) *Nghìn vàng* ; đời Hán một nghìn vàng tức là một cân vàng, hay là một vạn đồng tiền.

Không rõ đời Minh thì nghìn vàng là bao nhiêu ? Đây có lẽ nghìn vàng chỉ có nghĩa là nghìn lạng vàng.

556) *Ráp nhà* : ráp nhà nói tránh đi. Ráp là rào kín Nghĩa bóng là mất lối, không có lối thông, lối thoát. *Ráp nhà* là nhà bị tai vạ ráp mất lối thông, tức là gặp vận bất lúc quăn. Có bản chép là *gấp nhà*, nghĩ cũng na-ná như thế. Có bản chép là *gấp nhà* thì không có nghĩa.

Mụ mới đặt giá là nghìn vàng, nhưng lại nói rằng nhà gặp cơn lũ, nên tùy khách thương cho phần nào được phau ấy, không giám nài đủ số nghìn vàng. Tả lời lẽ mụ nói kè đã khéo.

557) *Bớt một* là người mua bớt đi một phần.

Thêm hai là người bán (phe *Kiều*) xin thêm lên hai phần y nó hai bên mặc cả bán *Kiều*. Đọc đến đây, người ta không khỏi thở dài Một người tài sắc như *Kiều* ai ngờ có lúc bị đem bán, như người ta bán con vật, cò-kè mặc cả thêm bớt từng đồng.

- Giờ lâu ngã giá vắng ngoài bốn trăm (558)
 Một lời thuyền đã êm giầm (559)
 Hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi (560)
 Định ngày nạp thái vu qui (561)
 Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong (562)
 Một lời cậy với Chung-công, (563)
 Khất từ tạm lĩnh Vương-ông về nhà (564)

558) Ngã giá : được giá, thỏa thuận về giá cả, giữa người mua kẻ bán. Có bản chép là xin ngoài ... nghĩ cũng như Vắng. Có bản lại chép là vắng ngoài ... Tuổi nghĩ là giá bán Thúy Kiều được hơn bốn trăm lạng vàng.

559) Giầm là cái bọ chèo nhỏ dùng để chèo thuyền. Thuyền êm giầm là thuyền chèo đã êm, ý nói việc đã xuôi, đã êm thắm.

560) Canh tiếp 庚帖 là cái thiếp biên niên canh (tuổi) và ngày sinh tháng đẻ.

Tục Tàu, trước khi lấy vợ lấy chồng nhà trai nhà gái trao đổi canh-thiếp của trai, gái để so đôi tuổi xem tốt xấu thế nào.

561) Nạp thái 納采 là dẫn tiền bạc đến nhà gái. Vu qui 于歸 là lễ về nhà chồng tức lễ đón dâu.

562) Tiền lưng : tiền giắt sẵn trong mình tức tiền vốn.

Việc gì đây vừa nói việc nạp-thái, tức việc Mã-Giám-sinh mua Kiều, vừa chuyển ý xuống câu dưới nói việc nhà Kiều chuộc tội cho Vương-Ông.

563) Chung-công tức là ông họ Chung. kể lại già họ Chung nói trên kia. Nhà Kiều cậy ông này làm thầy lo liệu giúp.

564) Khất từ : đơn thất, đơn xin.

Tạm lĩnh : tạm đem về, Tạm, vì việc còn chưa xét xử xong. Bởi có tiền chạy-chọt, nên Vương-Ông được tạm tha về nhà, chứ chưa được vô can hẳn.

Thương tình con trẻ cha già, (565)

Nhìn nàng óng những máu sa ruột dầu : (566)

« Nuôi con những ước về sau,

« Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi (567)

569) Thấy cái cảnh tình con trẻ (Kiều) cha già mà thương hại thay.

566) Máu sa : khóc-lóc, thảm-thiết. Sở dĩ có nghĩa ấy là do điển này :

Xưa nàng Tiết-linh-Vân bị cha dâng lên Ngụy-vũ-đế. Khi từ-biệt cha mẹ vô kinh, nàng khóc-lóc, sụt-suốt ướt cả xống áo. Khi lên xe, phải lấy cái ống nhỏ bằng ngọc hứng nước mắt. Khi tới kinh, nước mắt trong ống nhỏ đổng lại đỏ như máu.

Ruột dầu : ruột héo (vì ruột vơi cây, cỏ) ý nói lòng buồn-bã héo-hon.

567) Trao tơ (xem lời chưa câu lá thăm chỉ hồng ở trên).

Trao tơ phải lứa : gả cho người xứng đôi vừa lứa. Vương-Ông tỏ ý buồn vì Kiều vờ phải Mã-giám-sinh đã hơn bốn mươi tuổi, không phải lứa với nàng.

Gieo cầu : kén chồng. Do tích chép trong truyện Tam hợp bảo kiếm : vua Hán Vũ-Đế kén Phò mã cho Công-chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, hễ ai cướp được quả cầu, thì được làm Phò mã.

Gieo cầu đáng rơi : kén người chồng xứng đáng. Vương-Ông có ý muốn nói Mã-Giám-Sinh không phải là người chồng xứng đáng với Kiều.

- « Trời làm chi cực bấy trời, (568)
 « Nay ai vu-thác cho người hợp tan (569)
 « Búa riu bao quản thân tàn, (570)
 « Nỡ dầy dọ trẻ càng oan-khốc già (571)

568) Bấy; tiếng cổ, nghĩa như nhiều thế, lắm thế. Trời làm cho người ta phải cơ-cực nhiều điều. Vương Ông tỏ ý trách trời đã khiến ông gặp cơn tai bay vạ gió.

569) Vương Ông lại oán trách tuồng bán tơ đã vu-thác đề cho nhà ông đang hợp mà phải tan.

Hợp tan đây nghĩa là đang xum họp một nhà mà chia-lìa cha con mỗi người một ngã.

570) Búa riu tức Phũ-Việt 斧鉞 là hai thứ khí-giới thời cổ, thường dùng để chém đầu. Có bản chép là Phũ cần nghe câu kỳ quá.

Thôn tàn, thân đã già. Cả câu: Vương Ông nói: cái thân tàn nản dù có bị chết chém cũng không quản ngại.

571) Nỡ dầy đoạn trẻ; nỡ dầy dọ con trẻ (trở Kiều) như thế. Oan khốc già = 冤讎 oan khốc già oan quá, oan thâm đau (khốc là quá, là thâm.thống, là bạo-ngược) oan khốc già; ông già (trở Vương Ông) bị oan-khốc.

Cả câu trên và câu này: Cái thân già dù có chết dưới búa riu cũng không ngại gì, nhưng nỡ dầy dọ con trẻ như thế, thì càng làm cho thân già bị oan-khổ.

Bản dịch Pháp-Văn của Nguyễn-văn-Vĩnh hiểu oan-khốc là khốc oan thiết tưởng không đúng. Đoạn dưới Thủ-sinh thấy Kiều bị quanh đánh đòn ở công-đường có câu:

Khốc rằng oan-khốc vì ta.

Lúc bị đòn, không thấy tả Kiều khóc, chỉ thấy nàng « đào tan-tác mặt liễu nhân-nhớ mày » lộ vẻ đau đớn ra nét mặt coi vậy ta thấy oan khốc không có nghĩa là khốc oan.

Khốc oan nghĩa nhẹ hơn oan-khốc. Vì oan-khốc là oan quá, oan một cách đau-đớn quá

« Một lần sau trước cũng là... (572)

« Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau » 1 (573)

Theo lời như chảy dòng châu. (574)

572) Một lần : tức là một lần chết. Nghĩa chết ở câu *búa ru...* chuyển xuống. *Sau trước cũng là* : sau hay trước, muộn hay sớm cũng là một lần chết.

573) Mặt khuất ; mặt bị che lấp đi không trông thấy nữa; đây nghĩa là chết đi.

Thà : tiếng cổ nghĩa là ưng chịu, bằng lòng cái này hơn cái khác, nghĩa cũng như chữ *Ninh* 寧 hay chữ *Nguyện* 願 của Tàu và chữ *plutôt que* của Pháp. *Chẳng thà* : chẳng chịu, chẳng ưng. *Thà rằng* ; ưng rằng, chịu rằng nguyện rằng, bằng lòng rằng.

Tục ngữ ; thà chết chẳng thà nhục ; nính tử bất nính nhục 寧死不寧辱 *plutôt mourir que supporter la honte*. Nghĩa là chịu nhục thà chết còn hơn. Nhiều người dùng lầm chữ. nói ra là chịu nhục *chẳng thà* chết. Nói thế câu thành vô nghĩa. Muốn đề chữ *chẳng* trong câu ấy, thì phải thay chữ *thà* bằng chữ *bằng* ; chịu nhục *chẳng bằng* chết.

Cả câu ; thôi thì chết đi, chẳng thà để lòng đau khổ.

574) *Dòng châu* : dòng nước mắt (xem lời chưa chữ *châu* sa ở trên) Có bản chép là : *càng chảy dòng châu*, chép như thế, có nghĩa là *Vương ông* vừa nói vừa khóc, và nói xong thì khóc thảm hơn.

Chép như *chảy dòng châu* có nghĩa là *dòng châu như chảy theo lời nói* ; nói xong thì nước mắt mới theo lời nói mà tuôn rơi, hình như lời nói khơi cho dòng nước mắt chảy theo vậy.

Hai lối chép đều có nghĩa. Nhưng chép như *chảy dòng châu* thì có lẽ đúng hơn, vì hợp ý với chữ *theo lời* hơn.

Liều mình, ông rắp gieo đầu tường vôi. (575)

Vội-vàng kẻ giữ người coi. (576)

Nhỏ to nằng lại tìm lời khuyên can ; (577)

« Về chỉ một mảnh hồng-nhan, (578)

« Tóc tơ chưa chút đèn ơn sinh-thành (579)

** Dâng thư đã then nằng Oanh, (580)*

575) Ông già này thật lắm-cầm. Về nhà, chẳng tính được truyện gì như cầm bán nhà đất, ruộng nương.. để Kiều khỏi phải bán mình, lại định đập đầu vào tường tự-tử. Tự-tử như vậy, nếu chết thì cũng không ngăn được Kiều khỏi phải bán mình.

Lão Vương-Viên ngoại này sao mà lù-dù thế ? hay là tác-giả cố ý bắt lão phải đóng vai « đình dủ » để Kiều nhất định phải bán mình, cho đúng cốt truyện tác-giả đã xây-dựng ? Nếu vậy thì cốt truyện xây-dựng chưa được khéo và vai Vương-Ông đóng không « hết » chút nào.

576) Người nhà xúm lại giữ (coi giữ) ông cụ. Có bản chép là người lới thì không đúng với thành-ngữ coi giữ.

577) Tưởng bố về khuyên giải con hay « đánh tháo » cho con. Ai ngờ về để nghe con gái khuyên giải !

578) *Về chỉ* : ra về chỉ, qui báu nổi chỉ ; *mảnh hồng nhan* = một đứa con gái. Dùng chữ *mảnh* để tỏ ý khinh rẻ coi thường, cũng như ta dùng chữ *mụn* con vậy.

579) *Tóc tơ* : cái tóc, cái tơ, ý nói nhỏ-nhất, ít-ôi.

Ơn sinh-thành : ơn cha mẹ (xem lời chưa câu làm con trước phải đền ơn sinh-thành, ở trên

Cả câu : chưa đền ơn cha mẹ được chút sù nào như cái tơ cái tóc.

580) Đời Hán, cha nàng Đề-Oanh bị tội. Đề-Oanh dâng thư lên Vua để khiếu oan. Vua cảm lòng hiếu thảo của nàng, bèn tha tội cho cha nàng.

Cả câu ; Kiều nói nàng đã then với Đề-Oanh, vì không dâng thư xin tha tội cho cha, như Đề-Oanh.

- « *Lại thua ả Lý bán mình hay sao ? (581)*
 « *Cổ xuân tuổi hạc càng cao (582)*
 « *Một cây gánh vác biết bao nhiêu cảnh (583)*
 « *Lượng trên dù chẳng dứt tình (584)*
 « *Gió mưa ầu hắt tan tành nước non ! (585)*

581) Đời Đường, nàng Lý.Ký nhà nghèo, tự nguyện bán mình cho người làng đem cúng thần rắn, để lấy tiền nuôi cha mẹ. Sau Lý.Ký giết được thần rắn, rồi lấy được vua Việt-Vương.

Cả câu : Kiêu nói há lại chịu thua Lý.Ký về việc bán mình hay sao ?

582) *Cổ xuân* : gốc xuân, tức cây xuân, ý nói người cha (xem lời chua chữ *xuân-đường* ở trên)

Bản của Tân-Đà chép là *Chồi xuân* thì sai. *Cổ* tức là gốc, rễ vì với cha mẹ là phải. Còn *Chồi* tức là cành, chánh.

(Ta thường nói *đám chồi nảy chánh* hay: *đám chồi nảy hoa... đám chồi nảy lộc*.) vì con cháu với chồi thì dùng là vì cha mẹ.

Tuổi hạc : tuổi con chim hạc. Chim hạc có tiếng là sống lâu. Tuổi cha mẹ gọi là tuổi hạc, có ý chúc cha mẹ sống lâu.

Cả câu : Kiêu nói cha thì càng ndầy tuổi càng già.

583) Câu này càng làm cho chữ *cổ xuân* thêm sáng nghĩa. Một cây tức một cổ — phải gánh vác bao nhiêu cảnh, ý nói một người cha phải trông coi gây dựng cho bao nhiêu con cái.

584) Có bản chép là : *tơ lòng dù chẳng...*

Dứt tình : cắt đứt tình thương con (Kiêu)

585) *Gió mưa* : trở những tai nạn bất ngờ và đột ngột như mưa gió.

Nước non ; tức như *Giang sơn*, đây có nghĩa là cơ-nghiệp nhà (Ta có câu ca-đao : *Lấy chồng gánh vác giang-sơn nhà chồng*)

Câu trên và câu này ; nếu cha mà không dứt tình để con bán mình, thì tai-nạn sẽ làm đổ.vỡ hết nghiệp nhà. (Vì không có tiền chuộc tội, ông bố bị tù, thì cả nhà thất cơ lơ vận)

« Thà rằng liều một thân con (586)

Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây, (587)

• Phận sao đành vậy cũng vầy, (588)

• Cầm như chẳng đỡ những ngày còn xanh (589)

586) Thà rằng (Xem lời chua câu : *thời thì một khuất chẳng thà lòng đau, ở trên*)

587) Hoa dù rã cánh = dù hoa bị rơi-rũ cánh (nói Kiều bán mình).

Lá còn xanh cây = cây còn xanh lá, ý nói cây vẫn không bị khô héo. (Vương ông được vô sự).

Cả câu : Dù Kiều phải sống cuộc đời tan.tác như hoa rũ cánh, song cha nàng vẫn được bình-yên vô sự như cây còn ngành lá xanh tươi.

Cũng có người giảng :

Lá còn xanh cây là lá trên cây vẫn còn xanh tươi ý nói các em vẫn được có cha trông nom cho. Giảng thế nghe cũng có nghĩa.

588) Phận sao : Số phận ra làm sao, ra thế nào.

Đành vậy : phải chịu như thế.

Cũng vầy : cũng vậy, cũng thế.

Cả câu : số-phận ra thế nào, đành phải chịu thế ấy, mà số phận tốt xấu thế nào thì cũng thế thôi (điều đó không quan trọng, tốt xấu cũng không làm gì — Kiều nói câu này trong lòng thầm nhớ đến Kim-Trọng. Không lấy được Kim-Trọng nàng cho bán mình chuyển này; số-phận may rủi làm sao, thì cũng vậy thôi, chẳng có gì đáng lấy làm vui-sướng hơn hay khổ-sở hơn !)

589) Cầm như, cầm bằng, coi như cho như là.

Chẳng đỡ chẳng đau ; vì như hoa quả không dạn, tức là nửa chừng rụng đi.

Những ngày còn xanh : những ngày còn non, còn măng-sữa

« Cũng đừng tính quần lo quanh, (590)
 Tan nhà là một thiệt mình là hai »,
 Phải lời ông cũng êm tai, (591)
 Nhìn nhau giọt ngắn giọt dài ngồn ngang (592)
 Má ngoài họ Mã vừa sang (593)

Cả câu : coi như là cha mẹ không nuôi được từ lúc mới đẻ ; coi như là Kiều đã chết ngay từ thuở nhỏ.

Kiều viện lý sự cũng dễ khuyên cha nàng quên nàng đi. 590) Kiều nói rất phải.

Ông-Vương tính đến nước tự-tử thì cũng là tính q. anh thật.

Tính quần lo quanh : lo tính không đầu vào đầu, không đưa đến kết quả.

591) Phải lời : lời phải, lời nói đúng lẽ, hợp lý.

Em tai : xuôi tai, nghe được. Nghe nàng nói có lý, ông đành nghe theo.

Thì ra Vương-Viên-ngoại què thật. Bị con gái thuyết cho một hồi, ông cụ không còn biết nghĩ làm sao, nói làm sao, tính-toán làm sao nữa. Ông lẳng-lặng bằng lòng để cho con gái bán mình !)

592) Giọt ngắn giọt dài : Giọt nước mắt ngắn giọt nước mắt dài, ý nói khóc-lóc, nước mắt tuôn rơi liên-tiếp hết giọt ngắn đến giọt dài.

Ngồn-ngang là bề.bộn, không có thứ tự gì, cái giọc cái ngang và có ý cao gồ lên.

Nước mắt mà dùng hai chữ ngồn-ngang thì nghe khi quá, khiến người ta tưởng-tượng nước mắt như gò đống, như những cây gỗ ngã trong rừng, những đồ đạc trong một căn nhà sắp dọn đi hoặc vừa dọn tới. Có lẽ thời cụ Nguyễn Du, ngồn-ngang có nghĩa khác nghĩa ta hiểu ngày nay chăng ? Ngày nay nói nước mắt ngồn-ngang thì không nghe được.

593) Má ngoài : mẹ ngoài bên ngoài

Vừa sang, có lẽ họ Mã trọ đầu ở nhà láng giềng gần đó, nên mới nói « vừa sang ».

Tờ hoa đã ký, cần vàng mới trao, (594)

Trăng già độc-địa làm sao ? (595)

Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự nhiên. (596)

Trong tay đã sẵn đồng tiền, (597)

Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì !

Họ Chung ra sức giúp vì (598)

594) *Tờ hoa* : tờ giấy có vẽ hoa. Đây chỉ là tờ giấy văn-tự bản Kiều. *Hoa* chỉ là chữ đệm lót cho đẹp lời văn chứ tờ giấy văn-tự không nhất định phải có vẽ hoa thực.

Cần vàng : đây không phải là một cần vàng. Cần vàng đây nói chỗ vàng đã cần đủ số.

595) *Trăng già* : Không phải là ông trăng già hay mặt trăng già. Chính là ông già dưới trăng, tức Nguyệt-lão lão nhân 月下老人 gọi tắt là *nguyệt-lão* 月老 ta dịch theo ng ĩa đen là *Trăng-già* (xem lời chưa câu *Dù khi là thắm chỉ hồng ở trên*).

596) *Dây* : đây là dây tơ-hồng xe vợ chồng Nguyệt-lão dùng buộc trai gái với nhau.

Chẳng lựa chẳng lựa chọn gì, cứ buộc bừa đi.

Câu trên và câu này : Nguyệt-lão độc-ác quá, chẳng lựa chọn gì cả, cứ tự-nhiên cầm dây buộc bừa người ta với nhau bắt làm vợ chồng. Câu này có thể là lời tác-giả than-phiền cho cuộc nhân-duyên tự nhiên bất ngờ giữa Kiều và họ Mã. đồng thời lại có thể là tả ý Kiều oán trách ông Tơ.

597) Câu này là lời nói trống, tác-giả dùng để chuyển xuống việc chạy chọt lo liệu cho Vương-Ông Chủ-từ câu này là *người ta*, rồi lần. Có lẽ câu này dịch ý câu trong sách *Tiền-thần-luận* của Tàu : *Thủ trung hữu tiền khả biến cải hắc bạch颠倒是非* nghĩa là trong tay có tiền, đổi trắng thay đen, làm đảo lộn lẽ phải trái.

598) *Ra sức* ; hết sức. *Giúp vì* : giúp đỡ ; nể-vì mà giúp.

Lễ tâm đã đặt, tụng-kỳ cũng xong (599)

Việc nhà đã tạm thông-dong (600)

Tịnh-kỳ giục-giã đã mong độ về (601)

599) *Lễ tâm đã đặt*; *Lễ tâm* là nói tắt câu *Lễ bạc tâm thành* 禮薄心誠 nghĩa là : lễ nhỏ nhưng lòng thành thật. Người ta hay dùng câu này để kêu xin người trên nhận lễ cho. *Đã đặt* : đã đặt trước mặt ông quan, tức là đã đem lễ dứt lột.

Chữ *đặt* dùng rất hay, vì người ta vẫn thường nói *đặt lễ* ; có khi chỉ nói tắt một chữ *đặt* để tỏ việc đưa tiền đưa lễ đến biểu quan như : *xin đặt một nén, xin đặt mấy nghìn* ; *xin đặt* tức là *xin lễ*.

Tụng kỳ 公期 là kỳ xử kiện, tức như nói phiên án, phiên toà. Câu trên và câu này hàm ý châm-biếm mát-mẻ và kin-đáo.

(600) *Thông dong* : thông-thả yên ổn.

601) *Tịnh kỳ* 星期 là kỳ sao, là giờ trông thấy sao, tức là ngày giờ đưa dâu. Sách tàu có câu : *Hôn giả kiến tinh nhi hành* 婚者見星而行 đám cưới trông thấy sao thì đi ; tục tàu xưa cưới về đêm.

Giục giã : đây nói Mã giám-sinh thúc dục chọn ngày cưới Kiều

Đã mong : Mã giám-Sinh đã mong, đã muốn. Chữ *đã* đây có hàm ý bất-bình về sự vội-vàng, hấp-tấp.

Độ về : dịch chữ Hán *qui kỳ* 歸期 tức là kỳ-hẹn trở về nhà (của họ Mã).

Cả câu : Họ Mã giục-đã *tịnh kỳ* sớm-sớm để cho kịp với *qui kỳ*. *Qui kỳ* hay *độ về* lại hàm ý Kiều vu-quy, tức về nhà chồng

Câu trên và câu này, mỗi câu có một chữ *đã*, đọc : nghe nặng-nề làm sao.

Giá đổi chữ *đã* ở câu trên ra chữ *vừa*, thì vừa làm câu văn nhẹ nhàng, vừa làm mạnh thêm nghĩa chữ *đã* ở câu này :

Việc nhà vừa tạm thông dong.

Tịnh kỳ giục-đã... đã mong độ về,

Một mình nàng ngọn đèn khuya, (602)
 Áo đầm giọt lệ, tóc xe mỗi sầu (603)
 • Phận dầu, dầu vầy cũng dầu, (604)
 Xót lòng đeo-dắt bấy lâu một lời (605)

602) Có bản chép : một mình nương... Cũng có nghĩa. Nhưng không nói rõ ngay ai nương đèn khuya.

Đề chữ nàng thì rõ là Kiều, nhưng hình như câu thiếu mất Động từ.

603) Áo đầm giọt lệ : Áo ướt đầm nước mắt (có bản chép là áo đầm giọt lủi, lại có bản chép áo đầm giọt lệ)

Tóc xe mái sầu : Tóc rối xe lại từng mối, như những mối sầu, ý nói tóc rối dầu bù ; Kiều không buồn chải tóc điểm trang nữa. Có bản chép là mái sầu. Mái là mái tóc. Cũng có nghĩa.

604) Phận dầu : Số phận dầu ra sao.

Dầu vầy ; phải dầu lòng chịu vầy.

Cũng dầu ; thì cũng dầu lòng không oán thán gì.

Ý nghĩa câu này cũng gần giống ý nghĩa câu :

Phận sao đành vầy cũng vầy.

Cả câu : số phận ra sao chịu vầy không oán thán gì nhưng... Câu này nhắc đi nhắc lại 3 lần chữ dầu nhấn mạnh thái-độ thụ động hoàn toàn của Kiều trước số mệnh, không còn một sức phản-ứng nào.

605) Nhưng chỉ đau lòng là bấy lâu trót đeo-dắt lời thề với Kim-Trọng.

Xót lòng : đau lòng.

Đeo dắt ; mang nặng đã lâu, nghĩa mạnh hơn đeo mang.

Một lời : một lời thề-thốt.

Ý nói nếu không có lời thề với Kim-Trọng bấy lâu nay, thì số phận ra sao chịu vầy, cũng dầu lòng.

- Công-trình kẻ xiết mấy mươi. (606)
- Vì ta khăng-khít, cho người dở-dang (607)
 - « Thề hoa chưa ráo chén vàng. (608)
- « Lỗi thề thôi đã phụ-phàng với hoa. (609)
- Trời Liêu non nước bao xa. (610)
- « Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự thôi (611)

606) *Công trình* ; Đây nói công-trình theo đuổi của Kim-Trọng. Kẻ thì Kim-Trọng cũng đã dụng công lắm mới được gặp Kiều.

607) *Khăng khít* : nghĩa cũng gần như chắc-chắn, chặt-chẽ ý nói Kiều đoan kết chặt-chẽ.

Dở dang ; ý nói cuộc nhân-duyên của Kim-Trọng bị dở-dang, Kiều đã cam-kết nhất quyết lấy chàng mà nay nằng đi lấy người khác.

608) *Thề hoa* ; thề thốt dưới hoa, viết lời thề trên giấy hoa.

Chưa ráo chén vàng : chén vàng chưa ráo rượu, ý nói vừa mới uống rượu thề nguyện với nhau xong. Việc vừa mới xong đến nỗi chén hình như vẫn còn ướt rượu.

Cả câu : Chén rượu ăn thề với nhau vẫn còn ướt chưa ráo.

609) Vậy mà đã lỗi thề với nhau, đã mang tiếng phụ-phàng đối với người yêu. Hoa đây trở người đẹp tức là Kim-Trọng.

610) *Trời Liêu* tức là đất *Liêu dương* nơi Kim-Trọng tới hộ-tang chủ ruột. Đây nói bóng Kim-Trọng ở đất Liêu-Dương.

611) *Rẽ cửa chia nhà* : chia rẽ nhà cửa, nhà cửa đây dịch chữ *gia thất* 家室 có nghĩa là việc vợ chồng. *Rẽ cửa chia nhà* là chia rẽ việc vợ chồng (giữa Kiều với Kim-Trọng)

Ở đất-Liêu-Dương xa xôi Kim-Trọng có thể nào lại nghĩ được rằng cái người đứng ra chia rẽ việc vợ chồng, phá cuộc hôn-nhân giữa chàng với Kiều, lại chính là Kiều.

Kiều nghĩ đến Kim-Trọng và tự nhận lỗi với chàng.

« *Biết bao duyên nợ thề-bồi.* (612)

« *Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì.* (613)

« *Tái sinh chưa dứt hương thề.* (614)

612) *Duyên nợ* : là duyên và nợ, ý nói việc vợ chồng.

Tục ngữ Tàu có câu : *Phi duyên phi trái bất thành phu-phu* 緣非債不成夫婦 nghĩa là : không duyên không nợ, không thành vợ chồng, người ta tin rằng phạm làm vợ chồng với nhau phải là do duyên hay do nợ từ kiếp trước ; kiếp này phải xum họp với nhau để trả nợ nhau. Tục ngữ ta cũng có câu : *Lấy vợ thì lì lấy nợ thì nhiều, nợ đời trả trả vay vay, nợ tình biết trả đến ngày nào xong.*

Cả câu : Thề bồi làm vợ chồng biết bao nhiêu lời rồi.

613) *Kiếp* : Khoản đời sống, theo thuyết nhà Phật, người ta sống hết kiếp này sang kiếp khác. Kiếp này phải khổ-số là kiếp trước vung tu, không làm điều lành. Kiếp này chịu khổ tu tỉnh thì kiếp sau sẽ được vẻ vang sung-sướng.

Thôi thế thì thôi : thôi đã thế thì cũng đành thôi vậy, không còn mong gì (lấy được nhau nữa). Câu này nhắc hai lần chữ *thôi*, là sự tuyệt-vọng cực-điểm của Kiều về cuộc nhân-duyên với Kim-Trọng. Tác-giả có cái tài dùng nhiều lần một chữ để làm nổi bật ý chính và làm ý ấy mạnh thêm lên. Xem lại những câu ;

Phận sao đành vậy cũng vầy.

Phận dầu-dầu vậy cũng dầu ở trên :

614) *Tái sinh* : 再生 là kiếp sống thứ hai, tức kiếp sau.

Hương thề : nên hương thề thốt với nhau, mùi hương trong cuộc lễ thề-nguyên với nhau.

Cả câu : Mùi hương thề-nguyên kiếp này kiếp sau cũng chưa dứt được, ý nói lời thề kiếp này, kiếp sau cũng không bỏ được.

Câu này lấy điển dưới ;

Sách Văn-Phủ chép : một vị quan lĩnh đến văn-cảnh chùa Kim-Quốc nằm ngủ mơ lời động Phật, đứng trước một vị lão

« Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai (615) »

tùng. Hương khói thoan-thoảng. Lão tăng nói : Vị đàn-việt (người dưng lẽ) này dưng hương lễ-nguyên, hương còn dưng cháy mà đàn-việt đã qua ba kiếp (ba sinh) rồi : kiếp thứ nhất làm Tuấn-Phủ-Kiểm nam đời Đường Huyền Tông ; kiếp thứ hai làm thư-ký Tây-Thục đời Hiến-Tông ; kiếp thứ ba tức kiếp này làm quan tỉnh-lang. Nghe đến đó thì sực tỉnh.

Như thế tức là hương nguyên ba kiếp chưa dứt vậy.

615) Truyện luân-bồi nói rằng hễ ai kiếp này không trả được nợ thì kiếp sau phải hóa làm trâu ngựa ở nhà chủ nợ cũ để trả nợ cũ kiếp trước cho xong.

Nghĩ : đền đáp lại cái nghĩa ; *nghĩ* tức là nghĩa đọc thành ra.

Trúc mai : Không phải là cây trúc với cây mai (mơ) nở hoa trắng mùa xuân. Chính là cây trúc, tức là cây tre, và cây hương. Cây hương là một giống tre to ở trong rừng, lá to có thể dùng gói bánh, thân to dùng làm cột nhà. Cây hương già có hoa, gần giống bông lau, nhưng dài hơn, người ta gọi là *bóng mai*, thường bó lại làm Chổi, gọi là *chổi bóng mai*. Măng hương to và mập, người ta gọi là *măng mai*. Trong bài hát « *Lính thú* » có câu :

Miếng ăn măng trúc, măng mai.

Những giàng cùng núa lấy ai bạn cùng

Tại sao người ta không dùng lan, cúc để trở người bạn tình mà lại dùng trúc mai ? Có lẽ vì trúc mai là giống cây có đốt thẳng đứng ngay (tiết thẳng) và suốt đời không đổi những đốt ấy, cho nên người ta mượn trúc mai để trở người bạn suốt đời giữ được trọn tiết (tiết nghĩa đen là đốt, như đốt trúc) không thay lòng đổi dạ, không nghĩ quanh co (tre bao giờ cũng thẳng) tức là người giữ trọn được lời thề.

Hai người thề-hối với nhau, người này không giữ được lời thề, tức là mang nợ (lời thề) với người kia. Và theo thuyết luân-bồi đạo Phật, người mất nợ kiếp này, thì kiếp sau phải làm trâu ngựa để đền đáp cái nghĩa cũ cho người chủ nợ, tức là người giữ trọn lời thề, hình-dung bằng cây trúc, cây mai là những cây trọn đời giữ vững lòng ngay tiết thẳng.

- « Nợ tình chưa trả cho ai. (616)
 • Khối tình mang xuống tuyền-dải chưa tan (617)
 Nỗi riêng riêng những bàn-hoàn (618)
 Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn. (619)

Trúc mai đây trở Kim-Trọng là bên giữ được lời thề Đàng lẽ chỉ nói một chữ *Trúc* là đủ, nói thêm chữ *Mai* cho đẹp lời.

616) Câu này giải thích cho rõ nghĩa câu *lâm thân trâu ngựa ở trên*. Tích sách *Luân-Hồi*, nói người nợ tiền bạc. Đầy Kiều nói *nợ tình* có ý cho *nợ tình* cũng vẫn là *nợ*, và cũng phải *lâm thân trâu ngựa*...

617) *Nợ tình* chưa trả được, thì đến lúc chết, khối tình cũng vẫn canh-cánh bên lòng, không tan đi được.

Tuyền-dải 泉臺 là âm phủ, nghĩa cũng như *Hoàng tuyền* (suối vàng) hay *Dạ đài*.

Sách *Tĩnh-Sử* chép: một người con gái phải lòng một người lái buôn. Người lái buôn ấy đi không về. Người con gái ốm tương-tư chết. Lúc cất mả, thấy trong bụng có một cục gì, rất rắn, đập không vỡ, soi lên thì có hình người ở trong. Sau người lái buôn đến xem, thương-cảm, sa nước mắt xuống thì cục đó tan ra máu. Khối đó, người ta gọi là « *khối tình* ». Câu này dùng điển ấy.

618) *Bàn-hoàn*; nghĩ quanh nghĩ quẩn. Cả câu: cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn về những nỗi lòng riêng của mình (tức là truyện tình duyên với Kim-Trọng).

619) *Chong* là thắp, là đốt lẫu.

Trắng đĩa là dầu cạn tro cả đáy đĩa trắng ra ý nói *chong đèn* đã lâu, *dém* đã khuya, mà Kiều vẫn không ngủ được.

Thấm khăn đây là ướt cả khăn mặt. Câu này chữ *dầu chong* dùng ép, và không được đúng. Người ta thường chỉ nói *đèn chong*, *chong đèn* không ai nói *chong dầu* hay *dầu chong*. *Dầu chong* đây phải hiểu là *đèn dầu* (thắp bằng đĩa) *chong* thì mới có nghĩa.

Thúy-Vân chợt tỉnh giấc xuân, (620)
Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi han :
« Cơ trời dẫu bề đa đoan, (621),
« Một nhà đề chi riêng oan một mình, (622)
« Có chi ngồi nhẩn tàn canh ? (623)

620) *Giấc xuân* dịch chữ *Xuân Miên* 春眠 nghĩa là giấc ngủ êm, ngon.

— Bó như thế, em như thế, chị như thế, mà *Thúy-Vân* cứ ngủ ngon thỉn thít. Thật là một cô gái chất-phác, ngây thơ, chưa biết gì.

Xưa, ông *Vũ-Trình*, làm quan *Tham-Tri* bộ *Hình* đọc đến chỗ này có phê :

Thúy-Vân xuất hiện ba lần, mà lần nào cũng trơ như đá *Trong hội Đoàn-Trường*, sao có của ngu xuân như vậy ? *Cổ Đạm-Tiên* còn làm chi được nàng ? Nàng chỉ đáng cho theo thói giàu sang làm bà lớn là phải.

Lời phê-bình xác-đáng làm sao !

621) *Cơ trời* tức thiên cơ 天機 tức là máy trời, máy tạo-hóa, ý nói mọi việc do máy tạo vận xoay mà ra.

Dầu bề cũng như *bề dầu* nghĩa là biến đổi, biến chuyển trong đời người (xem lời chưa câu *Trải qua một cuộc bề dầu ở trên*)

Đa đoan 多端 là lắm mối. Cả câu : Trời vận xoay ra nhiều việc biến chuyển. ý nói nhà gặp lúc biến.

622) Nỗi biến lẽ ra cả nhà phải cùng chịu nhưng lại đề riêng một mình chị phải chịu oan, tức là đáng lẽ chị không phải chịu riêng một mình như thế.

653) *Nhẩn tiếng cô*, có hai nghĩa :

a) *Kề từ*, tính từ.

b) *Đến*, tới.

Nhẩn từ quán khách lán lả.

Nhẩn trong câu này dùng theo nghĩa thứ nhất.

« *Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây ?* » (624)

Ở đây, *ngồi nhẩn tán canh* là ngồi đến tận lúc tàn canh, *nhẩn* dùng theo nghĩa thứ nhì.

Tàn canh là hết canh, tức là hết đêm. Ngày xưa, một đêm chia làm 5 trống canh, để tiện cất việc canh phòng tại các trại quân và các công-sở. Canh một tính từ chập tối đến giờ tuất (tức 9 giờ tối). Canh ba là nửa đêm Canh năm là lúc sắp sáng. Lính canh trên chòi thỉnh thoảng lại điểm trống cầm canh. Canh một thì thỉnh thoảng điểm một tiếng. Canh hai thỉnh thoảng điểm hai tiếng v.v... Đến khi trời sáng, tan canh, thì đánh mấy hồi trống dài.

Tàn canh = Thúy Vân thức giấc đây, không biết giờ giấc sớm muộn thế nào, thấy Thúy Kiều thức khuya, thì hỏi như vậy. Thật ra, lúc ấy đêm khuya, chứ chưa *tàn canh*, tức là chưa sáng.

624) Cứ lời Thúy Vân hỏi, thì hình như nàng cũng biết qua câu truyện tình duyên giữa Kiều và Kim-Trọng.

Có bản chép là :

Nỗi riêng còn mắc Với tình chi đây.

Chép như vậy, có lẽ không đúng ý tác-giả và làm câu văn giảm bớt tình-thần. Nói *mắc với*, thì thiếu ý *mối* tức là rắc rối-lối-thối, bối-rối, vướng-vấn.

Mà có *mối* thì nỗi riêng mới *mắc* vào (mối đó). Vậy chép là *mắc mối* xét ra đúng hơn.

Và chẳng, trong lời đảo lại Thúy-Vân, Kiều có nói *Mối tơ duyên còn vương Mối này chưa xong*) Như thế thì trong lời Thúy-Vân hỏi, có chữ *mối* là phải.

Người hỏi dùng một chữ, người đáp nhắc lại chữ ấy, như vậy là hô ứng tương tiếp. ý văn trước sau quán xuyên rất hay,

- Rằng : « Lòng đương thồn-thức đầy, (625)
 « *Tơ duyên còn vương mối này chưa xong.* (626)
 « *Hở mối ra cũng thẹn thùng,* (627)
 « *Đề lòng thì phụ tấm lòng với ai.* (628)
 « *Cậy em, em có chịu lời,* (629)

615) Có bản chép là :

Rằng : lòng rộn-rã thức đầy. Chép như thế thì không có nghĩa
 Lòng rộn-rã vì cái gì ?

Thức đầy nghĩa là gì ?

Chúng tôi cho phép *thồn thức đầy* đúng hơn. *Thồn . thức*
đầy nghĩa là lòng *thồn-thức* như là *đầy lên tận cổ*.

626) *Mối* đây tức là mối tình. Ân lỗi lúc này. *Vương* mối
 với *mắc* mối ý nghĩa cũng như nhau. Chị em trả lời nhau đầu
 vào đó ; cho chữ *tơ-duyên* đi với chữ *vương mối*, rất dặt, rất có
 màu.

627) *Hở mối ra* tức là nó ra.

Có bản chép là :

Hở mối ra cũng sượng-sùng hoặc *hở mối ra những thẹn-*
thùng.

628) *Đề lòng* ; đề yên trong lòng. tức là im không nói ra.

Phụ 附 là thiếu nợ, là bội nghĩa vong-ân, là phản-bội là
 thua, là thẹn. Đây có nghĩa là *bỏ mất, không nhớ đến*.

Tấm lòng với ai : tấm lòng đối với ai, những cảm-tình
 đối với ai.

Ai đây có nghĩa là người kia, người ấy. người ta (*Ai*
 đây trở Kim-Trọng).

Cả câu ; không nói ra thì bỏ mất cái tấm lòng thân-ái đối
 với người ta bấy lâu nay.

689) *Cậy em* : nhờ em.

Chịu lời ; nhận lời.

« Ngồi lên cho chị lấy rồi sẽ thừa. (630)
« Giữa đường đứt gánh tương-tư (631)

630) Kiều muốn Thúy-Vân nhận lời giúp mình đã, rồi mới nói rõ câu truyện tâm-tình.

Xưa các vua Tàu muốn mời người hiền-lãi ra giúp nước thì thường đem lễ vật tới lấy (bái) người ta. Triều-đình phong chức tước lớn, như phong Hàn-Tin chức Đại-tướng chẳng hạn, thì phải lập đàn cao, người được phong-chức ngồi trên đó, vua quì lạy và trao ấn-lìn cho, gọi là lễ bái tướng hay lễ bái tước.

Do đó mà sau đề nói việc chịu mệnh Vua ra làm quan người ta thường dùng chữ *Bái* : như *bái qian* là ra làm quan, *bái mệnh* là chịu mệnh vua, *bái tước* là chịu phong tước, *bái giáo* là thụ giáo v.v...

Người *bái* là người trao cho (chức tước, công việc, mệnh-lệnh) người được *bái* là người được trao (tức là nhận mệnh-lệnh, chức tước, công việc).

Rồi trong việc giao-tế xã-hội, người nọ trao cho người kia cũng gọi là *bái*. Chịu *Bái* thành ra cái biểu hiệu chứng tỏ sự ưng chịu, sự nhận lời làm việc gì. Văn đề cho Kiều lạy, tức là Vân chịu lời.

Bởi vậy mà ở đây Kiều nài em ngồi lên để nàng lạy (*bái*) đã rồi mới nói :

Có chịu ngồi cho Kiều lạy, thì Thúy-Vân mới tỏ dấu chịu lời. Kiều muốn trao một « *sứ mạng* » cho Thúy-Vân nên phải lạy nàng. Đồng thời, Kiều muốn theo cái thủ tục lễ nghi đó, để Thúy-Vân hiểu rằng *sứ mạng* đó là hệ-trọng, chứ không phải trò đùa vì là việc hệ-trọng nên Kiều không dám bắt buộc em. Nàng đỡ dành Thúy-Vân : có chịu lời (Kiều nhờ cậy) thì hãy ngồi lên để nàng lạy.

631) Gánh quang gánh trên vai, chưa đi đến nơi, giữa đường đứt gánh, thì nặng nề vất vả vô cùng. Vì không gánh được, phải tay xách nách mang, hoặc quảy, hoặc đội. Nên đề tả cái cảnh giữa chừng tuổi trẻ góa chồng, người ta thường nói « *giữa đường đứt gánh* ». Đây Kiều không góa

Loan-giao chấp mỗi tơ thừa mặc em (632)

« Kể từ khi gặp chàng Kim,

chồng. Nàng không giữa đường đứt gánh, mà chỉ giữa đường đứt gánh tương-tư, tức là lâm vào tình-trạng không còn có thể tiếp-tục nghĩ nhớ đến Kim-Trọng được nữa ; nàng bắt-buộc phải đi theo người khác.

Trên nàng đã nghĩ : một ngày nòng gánh tương-tư một ngày. Đến đây nàng lại : giữa đường đứt gánh tương-tư : vẫn như thế là hồ ứng tương tiếp, thượng hạ tương thừa, trên dưới ăn khớp với nhau. Đồng thời câu này lại nhắc người đọc khỏi hiểu nhầm gánh tương-tư ở trên là của Kim-Trọng. Kể tác-giả đã dụng công.

632) Nhiều bản chép là *giao-loan*. Chép như thế có lẽ sai. Nếu muốn đề nguyên chữ Hán thì nên chép là *Loan-giao*, mới đúng với chữ Hán ; chép *giao-loan* thì không đúng cách ghép chữ của Tàu. Vậy thì một là chép ra chữ nôm thì chép ; *keo loan*. Hai là đề nguyên chữ Hán, thì chép *loan giao*, chứ không chép *giao-loan* được. Đây, chép là *Loan-giao*, vì mọi người vẫn quen đọc là *giao-loan*, nên đề nguyên chữ Hán cho tiện.

Loan-giao là thứ keo chế bằng máu chim Loan.

Sách « *Hán Vũ ngoại truyện* » chép rằng : miền Tây-Hải cống thứ *loan-giao*. Vua Vũ-Đế đứt giây cung lấy *loan-giao* nối dây, rồi bắn suốt ngày mà dây không đứt. Vua mừng lắm đặt tên thứ keo ấy là *tục huyền giao* 續緣膠 tức là keo nối dây cung.

Sách « *Hán thư* » chép : Vua Vũ-Đế ra lệnh cho Càn-Qua phu-nhân Triệu thị đánh đàn. Đang đánh, dây đàn bỗng đứt. Triệu thị khóc nói :

« *Đứt dây là điềm gở* » Đế nói : — *Có thể nối được*. Rồi sai lấy máu chim *loan* do ngoại quốc tiến. nấu keo nối dây đàn.

Trong bài « *Phong Quang Hào Tử* » của Đào-Cốc đời Tống có câu : *Tỳ-bà bát tận tương-tư điều, tri-âm thiều ; dĩ đắc loan giao tục đoạn huyền, thị hà niên ?*

« Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề ; (633)

« Sự đâu sóng gió bất kỳ, (734)

« Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai ! (635)

« Ngày xuân em hãy còn dài, (636)

琵琶撥盡相思調 知音少 待得鶯鶯續斷絃 是何年 *nghe*
là : đàn tỳ-bà gảy hết điệu tương-tư, tri âm có ít ; đợi được
keo loan nối dây đàn đứt, biết đến năm nào ?

Chấp mỗi tơ thừa : tức là chấp cái dây tơ tình bị đứt ;
tơ tình là tơ tình của mình, lẽ ra mình phải chấp, nay mình
bỏ đó không chấp, nên gọi là tơ thừa. Đây, tác-giả vì tơ tình
với dây đàn, và mượn sự chấp dây đàn, để nói sự chấp tơ
tình, (tức là lấy chồng)

Câu này dùng mấy chữ « chấp mỗi tơ » chưa được khéo
Trên nói đứt gánh mà dưới nói chấp dây tơ, dây đàn (vì nói
loan giao tức là nói dây đàn) thì ý trên dưới không ăn khớp
nhau.

Nói mỗi tơ thừa, dùng thì có đúng, song đối với Thủy-
Vân, thì chữ thừa nghe không được nhã, đẹp cho lắm. Kiều
nói số quá, có thể chạm lòng tự-ái của em.

633) : Quạt ước đưa quạt ước hẹn với nhau. Chén thề : uống
rượu ăn thề với nhau. Đoạn trên đã cho biết Kiều tặng Kim-
Trọng quạt quí, hai bên uống rượu với nhau thề thốt suốt đêm

634) Việc ở đâu sâu đến như là sóng gió tình-linh nổi.

Bất kỳ là không hẹn, bất ngờ. Ta có câu ; đất bằng nổi
sóng

635) Hiếu là lòng thảo đối với cha mẹ, ý nói việc bán
mình chuộc cha. Trên nói : đức cú-lao tức là nói về đạo Hiếu.

Tình là lòng yêu-dấu đối với Kim-Trọng, ý nói việc Kiều
thề quyết lấy chàng. Trên nói : duyên hội-ngộ tức là nói về
Tình.

Cả câu : khó lòng vừa chuộc được cha, vừa giữ được lời
thề với Kim-Trọng. Có bản chép : Hiếu tình có lẽ...

636) Ngày xuân : thời tuổi trẻ.

« Xót tình máu mủ, thay lời nước non (637)

« Chị dù thịt nát xương mòn (638)

« Ngâm cười chín tuổi hãy còn thơm lây (639)

« Chiếc vành với bức tờ mây, (640)

637) *Tình máu mủ* : tình chị em ruột thịt, tình huyết-mạch.

Thay lời nước non : lời nước non là lời thề nguyện chỉ non thề biển (hải thệ sơn minh); thay lời nước non là giữ lời thề thay mình.

638) *Thịt nát xương mòn* : chết đã lâu.

639) *Ngâm cười* tức là *Hàm tiếu* 含笑 cười ngậm trong miệng (vì người đã chết không cười ra miệng được) nghĩa là người chết hả lòng.

Chín tuổi là Cửu tuyền 九泉 trở âm-phủ, cõi chết.

Thơm lây : được tiếng khen lây, lây tiếng thơm.

640) *Chiếc vành* tức là chiếc xuyến vàng. Kim-Trọng trước có tặng Kiều một đôi xuyến vàng với một chiếc khăn là mẫu hồng.

Có bản chép là *chiếc thoa* và chưa rằng đó là chiếc thoa mà Kim-Trọng đưa cho Kiều trước :

Rở kim-thoa với khăn hồng trao tay. Nhưng thật ra, chiếc kim-thoa đó là của Kiều, Kim-Trọng bắt được, lúc ấy chàng đem trả nàng, chứ không phải tặng nàng.

Kim-Trọng tặng nàng :

« Xuyến vàng hai chiếc khăn là một vuông ».

Tờ mây : tờ giấy vẽ mây, đây là tờ giấy ghi lời thề nguyện (*Tiên thề cùng thảo một trương*). Tờ này tức là tờ ghi lời thề của Kim-Trọng.

« Duyên này thì giữ vật này của chung. (641)

« Dù em nên vợ nên chồng, (642)

« Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên (643)

« Mất người còn chút của tin, (644)

« Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa (645)

641) *Của chung* là chung cho *duyên này*. *Duyên này* tức là cuộc tình-duyên giữa Kim-Trọng và Thúy-Vân, do Kiều vun vén. Cũng có thể hiểu như Crayssac rằng của chung là của chung của Thúy-Vân và Kim-Trọng. Bản dịch Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh cho rằng của chung của *Thúy-Kiều và Thúy-Vân* là sai. Vì Kiều đã bỏ cuộc, nhường cả cho Thúy-Vân nàng còn dự gì vào duyên ấy và của ấy nữa, mà bảo là chung với Thúy-Vân?

642) *Dù đây nghĩa là Nếu*

Nên vợ nên chồng : thành vợ thành chồng tử tế, nghĩa là nếu Thúy-Vân lấy được Kim-Trọng.

643) *Người mệnh bạc* : người phận mỏng, xấu số, đây Kiều tự chỉ mình. Kiều có ý dặn Vân nhớ mình.

644) *Người thì mất, của tin người ấy giữ thì còn*. Kiều cho chuyển bản mình này của nàng cũng như là một cuộc tự-tử, nàng coi như chết từ lúc ra đi, nên mới nói : « *thịt nát xương mòn, ngậm cười chín suối* » và *mất người*. *Của tin* tức là những vật mỗi bên giữ để sau này làm tin cho cuộc thề thốt với nhau.

645) *Phím đàn* : Phím do chữ *Phẩm* 品 của Tàu là những bậc của cây đàn.

Phím đàn đây dùng để trở cây đàn.

Cứ theo câu này, thì có lẽ khi Kim-Trọng cáo-từ về quê họ-tang, có để lại tặng nàng chiếc đàn (tức là chiếc « *cầm trắng* ») mà chàng đã nâng ngang mày đưa nàng đánh thử đệm hòm nào. Và cứ theo chữ « *cầm trắng* » thì chiếc đàn ấy không phải đàn tỳ-bà, mà là *đàn nguyệt* tức *nguyệt-cầm*. Tỳ-bà dành riêng cho đàn-bà Kim-Trọng không chơi đàn ấy.

« Mai sau dầu có bao giờ. (646)

« Đốt lư hương ấy, so lư phím này. (647)

« Trông ra ngọn cỏ lá cây.

« Thấy hiu-hiu gió thì hay chị về. (648)

Mảnh hương nguyên : không nên cho là nén hương đã nhâm dở trong cuộc lễ thờ nguyên ngày trước. Nếu là nén hương, thì không gọi là *mảnh* được. *Mảnh lư hương nguyên* đây là mảnh gỗ trầm-hương đốt lên cho có mùi thơm, hoặc là gỗ bạch-dàn. Có lẽ thời bấy giờ người ta chưa quen dùng thứ hương xe thành nén như ngày nay. Có người muốn hiểu là *mảnh gương thờ* thì không đúng (xem mấy câu sau sẽ rõ). Ta thấy sau cuộc lễ nguyên, mỗi người thu nhặt lấy một ít vật đã dùng trong cuộc lễ ấy — cả những mảnh gỗ bạch-dàn đốt dở — để làm tang chứng cho cuộc tình-duyên sau này.

646) Dầu nghĩa là nếu có.

647) *Mảnh hương* dùng là mảnh gỗ bạch-dàn hay gỗ trầm hương là thứ gỗ người ta thường đốt lên để mùi thơm bay lan ra. Đốt gỗ thơm ấy, người ta đốt trong *lò hương* hay *lư hương*

Lư hương : Các bản đều chép là *lò hương*, chúng tôi cho là chép sai. Chữ nôm viết là chữ 爐 các bản đọc là lò. Nhưng ta thường chỉ gọi là *bình hương*, *lò hương* hay *lư hương*, chứ không ai gọi là *lò hương* bao giờ. Vậy tưởng cứ đọc và chép là *Lò-hương* hay *lư hương* thì mới đúng.

Không n'ững *lò hương* là một danh-từ không thông-dụng, mà chữ *lò* nghe không được nhã cho lắm.

So tơ : tức là đánh đàn. *Tơ* tức là dây đàn. *So tơ* nghĩa cũng như « so đàn dây vĩ dây vĩ » ở trên kia.

648) Kiều hẹn trước với Vân rằng hôm rằm sẽ nương gió thoảng về, mỗi khi Vân và Kim-Trọng đánh đàn và đốt hương nguyên của nàng để lại.

Hay nghĩa là biết.

« Hồn còn mang nặng lời thề, (649)
« Nát thân bồ liễu, đền nghi trúc mai; (650)

649) Thề-xác Kiều tuy không giữ được lời thề với Kim-Trọng, nhưng hồn nàng thì mãi mãi mang nặng lời thề, không bao giờ quên.

650) *Nát* : tan nát, ý nói chết đi.

Bồ-liễu 蒲柳 tức là cây Thủy-dương, là một loại dương ưa mọc gần nước. Cây dương cũng giống cây liễu chỉ khác cánh lá cây dương không rủ xuống thướt-tha như cánh lá cây liễu.

Cây Bồ-liễu tức Thủy-dương rụng trụi lá sớm hơn hết các loài cây, nên người ta thường ví cái thề-chất suy-nhược (của dân ông hay dân bà) với bồ-liễu.

Sách *Thế-Thuyết* chép : Cổ-Duyệt-Chi cùng tuổi với vua Giản-Văn-Đế. Duyệt-Chi già trước. Vua lấy làm lạ hỏi. Duyệt-chi tâu : *Tùng bách chi tư kinh sương do mậu, bồ-liễu chi tư vọng thu tiên linh.* 松柏之姿經霜猶茂蒲柳之姿望秋先零 *thân tùng bách giải sương vẫn xanh, thân bồ-liễu thấy mùa thu đến lá đã rụng rồi..*

Các bản Bùi-Kỷ. Trần-trọng-Kim. Nguyễn-văn-Vĩnh... đều chưa bồ-liễu là cây liễu. Crayssac và Nguyễn-văn-Vĩnh dịch bồ liễu là « *Le saule et le jonc* », đều sai.

Đền nghi : đền đáp ơn nghĩa.

Trúc mai : là cây tre, cây bương (cũng gọi là cây mai) như đã chưa ở câu « *lâm thân trâu ngựa đền nghi trúc mai* » ở trên.

Ngoài nghĩa là người giữ trọn tiết, giữ trọn lời thề, như trên đã nói, hai chữ trúc-mai ở đây lại hàm nghĩa người quân tử. (Người ta thường ví trúc với người quân-tử, vì trúc đốt thẳng dóng ngay ; ví tùng với người trượng phu vì tùng chịu được sương tuyết). Và quân-tử đây lại có nghĩa là người tình, hay người chồng. Kinh Thi có câu : *Yêu-diệu thực-nữ, quân tử hảo-cầu* ; chính Kiều cũng đã dùng chữ quân-tử ; Đã lòng quân-tử đã mang...)

« Dạ-dài cách mặt khuất lời (651)

« Rầy xin chén nước cho người thác oan (652)

Cả câu : Kiều nguyện dù chết thì hồn cũng quyết báo đền ơn nghĩa của người đã giữ trọn lời thề với nàng (Kim-Trọng). Kiều đã thề nhất định lấy Kim-Trọng, nay nàng phải bán mình chuộc cha, nàng chỉ còn một cách là chết đi để giữ tiết với chàng. Chỉ có chết đi thì nàng mới không phải lấy người khác, vì lấy người khác tức là bỏ lời thề xưa.

Bản của Bùi Kỳ, Trần trọng Kim chưa nghĩa câu này *Dẫu cái thân hèn-yếu này có nát đi nữa, cũng còn mong báo đền cái nghĩa giao-kết với người tri-kỷ.*

Giảng như thế, bình như không dùng với tinh-thần câu văn.

Bản dịch Pháp-văn của Nguyễn văn Vĩnh cũng hiểu nghĩa sai như bản của Bùi Kỳ, Trần-trọng-Kim. Bản của Crayssac thì thêm vào những ý không có ở trong câu văn. (*Je poursuivrai sans fin, malgré vents et tempêtes : toi* theo đuổi mãi mãi dù gió, bão).

651) Dạ dài 夜臺 tức là cõi đêm tối, nghĩ cũng như tuyền đài, trổ âm-phủ, cõi chết.

Cách mặt khuất lời : không trông thấy mặt nhau, không nghe thấy tiếng nhau, người sống với người chết cách-biệt.

652) Thác oan là không đáng chết mà chết, chưa đến lúc phải chết mà chết, sự chết do người khác gây ra cho mình một cách bất ngờ và không-hợp lý. Nói thác oan là Kiều có ý quy oan vào thằng bán tơ đã vu oan cho cha nàng, khiến nàng vì đó mà chết. Kiều dặn em rầy cho chén nước khi thấy hồn nàng theo gió về, không phải là Kiều đòi hưởng lễ vật (lễ vật thanh-khiết nhất là nước và hoa) như nhiều nhà chú-giải thường giải thích. Kiều muốn em rầy cho chén nước để tẩy rửa nỗi oan cho nàng. Theo Phật-Giáo và nhiều tôn-giáo khác thì nước trong vẫn là một chất tượng-trưng cho sự thanh-khiết và thường dùng để rửa nhữnh ô-uế của thể-chất cũng như

- « *Bây giờ trăm gậy gương tan* (653)
 « *Kề làm sao xiết muôn vàn ái-ân* (654)
 « *Trăm nghìn gửi lạy tình-quần* (655)
 « *Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi*

của tâm-hồn. Kiều phải dẫn trước như vậy, vì theo sự tin-tưởng Tôn-Giáo, nàng cho rằng chỉ người sống có thể tẩy oan cho người chết, và tẩy oan bằng nước, trong một cuộc lễ, tức là làm đàn giải oan cho Kiều.

Kiều dẫn em làm đàn giải oan cho nàng, là vì nàng cũng tin như người thời bấy giờ rằng oan-hồn không bao giờ siêu-thoát lên cõi « cực-lạc » hoặc không thể đi đầu-thai được. Có giải được nỗi oan thì hồn mới được tiêu-dao nơi cực-lạc hoặc đi đầu thai lên làm người kiếp sau.

Chỗ này tác-giả cố ý cho ta biết Kiều là một cô gái nhu-nhược và mé-tín.

Có bản chép là : *rầy xin giọt nước ...*

653) *Trăm gậy gương tan* : ý nói người, như cái gương vỡ, cái trăm gậy vậy.

654) *Tình ân-ái* của Kiều đối với Kim-Trọng mặn nồng, thâm-thiết, không biết muôn vàn phần nào mà kể xiết. Nghĩa là tình ân-ái không sao tả cho xuể, nói cho hết.

655) *Trăm nghìn* : trăm lần, nghìn lần. Kiều tha-thiết xin Văn-nhận cho nàng gửi cái lạy đề lạy Kim-Trọng thay mình. Nói trăm nghìn tỏ ý tha-thiết cầu khẩn. Phong-dao ta có câu : *Trăm nghìn chớ lạy học trò, dãi lưng tốn vải ăn no lại nằm.*

Trăm nghìn chớ... là trăm lần nghìn lần, tức như nói : *Không bao giờ nên...*

Tình quần cũng như tình-lang, nghĩa là người tình hoặc tình-nhân.

« Phận sao phận bạc như vôi (656)

• Đã đành nước chảy hoa trôi nhõ-nhang (657)

« Ôi Kim-lang ! Hỡi Kim-lang ! » (658)

656) *Phận bạc* chính nghĩa là *phận*, mỏng là *bạc* mệnh chữ không phải là *phận trắng*. Với thì ngu ý trắng, chữ không ngu ý mỏng. Kề ra nói *phận bạc như vôi* là vô nghĩa. Nhưng người ta thường hay « chơi chữ », dùng chữ nọ để làm nổi bật chữ kia. Nói *vôi* để người ta nhớ đến chữ *bạc*, chứ không định gọi ý nghĩa chữ *Bạc*. Cho nên dù xét kỹ thì vô nghĩa, song người xưa vẫn thường hay áp dụng lối chơi chữ đó.

Thi du thơ Hồ-xuân-Hương có câu :

Có phải duyên nhau thì thăm lại,

Đừng xanh như lá bạc như vôi.

Nói đến *vôi* để làm nổi bật sắc *bạc*, tuy Hồ xuân Hương vẫn muốn nói : *duyên đừng bạc*, *duyên đừng mỏng manh*.

Nhận thấy sự vô nghĩa trong cách chơi chữ đó, có người đã muốn câu Kiều ra thế này cho có nghĩa : *Phận sao phận bạc như vôi*.

Không dè, chữ như vậy, câu thơ càng vô nghĩa thêm.

657) *Nước chảy hoa trôi* tức lưu thủy lạc hoa 流水落花 nguyên là những chữ dùng tả cảnh hết Xuân sang Hè. Sau thường được mượn để nói sự tan-tác, sự trôi-nổi lênh-dênh, cuộc giang-hồ phóng-lãng.

Kiều than : số phận mình sao mong-mạnh thế. Thế là đành chịu cái số phận nhõ-nhang hoa trôi nước chảy, lênh-dênh, vô định.

Trên nàng nói như nàng đã chết, hoặc sắp chết. Trước thực-tế, đây nàng cảm thấy nàng sẽ bị trôi-nổi nhõ-nhang.

658) *Kim-lang* là chàng Kim, tức Kim-Trọng.

Hai tiếng *ôi, hỡi* đi liền nhau cho ta thấy đó là lời than khóc, kêu gào thảm-thiết của Kiều.

« Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây ! » (659)
 Cạn lời hồn ngắt máu say (660)
 Một hơi lặng ngắt đôi tay giá đồng (661)
 Xuân Huyền chợt tỉnh giấc nồng (662)
 Một nhà tấp-nập, kẻ trong người ngoài.

659) *Thôi thôi* : tiếng *thôi* điệp-ngữ để nhấn mạnh cái ý thất vọng, trước đã rồi.

Thiếp là tiếng vợ tự xưng với chồng. Thiếp chính nghĩa là người vợ lẽ mọn, vợ hai. Người vợ cả thường cũng hay dùng tiếng ấy để tự xưng, tỏ ý khiêm nhượng, tự coi mình như nàng hầu của chồng.

Chàng là tiếng vợ xưng-hò với người chồng thời xưa, (hoặc người mình định lấy làm chồng).

660) *Cạn lời* — hết lời- dứt lời.

Hồn ngắt máu say — đau đớn, cảm động quá, máu uất lên, người ngắt đi, bất tỉnh nhân sự.

661) *Một hơi lặng ngắt* : một hơi thở cũng thấy im lặng,

Đôi tay giá đồng : Hai tay giá lạnh như đồng.

Kiều chết ngắt.

Có bản chép : *đôi tay lạnh đồng*, nghĩa cũng như thế.

662) *Xuân* là *Xuân-đường* tức là bỏ.

Huyền là *Huyền-đường* tức là mẹ (đã chưa ở trên)

Giấc nồng : giấc ngủ say.

Người có tuổi thường kém ăn kém ngủ. Ông bà viên ngoại đã có tuổi, nhà lại gặp hoạn-nạn, con gái sắp phải bán mình, vậy mà ông bà vẫn ngủ « *giấc nồng* » ; lúc được tin Kiều khóc ngắt đi mới chợt tỉnh dậy. Kể ông, bà già này cũng vô tư vô lự thật. Trách chi Thúy-vân chẳng « *chợt tỉnh giấc xuân* »

Có lẽ tác-giả cố ý cho ta biết ông bà viên-ngoại như thế, cho nên Kiều mới phải bán mình, khi ruộng vườn vẫn còn có thể bán được.

Kẻ thang người thuốc bời-bời (663)

Mới dẫn cơn vụng, chưa phai giọt hồng (664)

Hỏi : Sao ra sự lạ lùng ? »

Kiều càng nức-nở mở không ra lời (665)

Nỗi nàng Vân mới rĩ tai (666)

663) Câu trên và câu này, hai câu đi sát nhau mà có tới hai chữ *kẻ*, hai chữ *người*, có người cho là chữ dùng trùng điệp.

Xét kỹ, có lẽ tác-giả cố ý dùng chữ như vậy, để làm nổi bật cái ý đồng người tấp nập trong ngoài chạy thang tịm thuốc.

Và có lẽ cũng nhằm mục-đích đó, tác-giả đã nhắc đi nhắc lại hai lần ý não-nhiệt trong hai câu liền (tấp-nập bời-bời).

664) *Dẫn* : đỡ, bót,

Có bản chép là *giầu cơn vụng*, vô nghĩa. Có bản chép là *người hoặc tan cơn vụng* nghe cũng có nghĩa, nhưng có lẽ không đúng và không hay bằng chữ *dẫn*. Ta thường nói : *bệnh đã dẫn, thuốc thang đã nhiều mà chưa dẫn bệnh*. *Cơn vụng*; cơn uất máu, cơn chết giấc.

Chưa phai giọt hồng : chưa ngừng nước mắt.

Giọt hồng : giọt đỏ. tức giọt nước mắt máu, giọt lệ thấm ; xem lời chưa câu «*Nhìn nàng óng nhằng máu sa ruột đầu*» (566).

Cả câu : (nhờ kẻ thang người thuốc) Kiêu đã lĩnh lại, song nàng vẫn khóc lóc thấm-thiết.

665) *Mở không ra lời* : mở miệng nói không ra lời, vì ghen ngào nức-nở.

Có bản chép : *nói không ra lời*, nghe không hay bằng *mở*. Dùng chữ *mở* vẫn gợi hình hơn.

666) Thấy Kiêu nói không ra lời, Vân mới đem truyện riêng của Kiêu nói nhỏ cho mọi người nghe.

Rĩ tai : là nói thầm, nói nhỏ. Có lẽ Vân e Kiêu không bằng lòng, hoặc e Kiêu hồ-thẹn hoặc chính Thúy-Vân cũng lấy làm ngượng thẹn nên nàng không dám nói to.

« *Chiếc vành này với tờ bồi ở đây...* » (667)

Này cha làm lỗi duyên mày (668)

« *Thôi thì nỗi ấy sau này đã em* » (669)

« *Vì ai rụng cái rơi kim* » (670)

667) *Tờ bồi* : tờ giấy viết lời thề-bồi, tức là bản « *tiên thề* »
Kiều trao đổi với Kim-Trọng ngày trước,

668) Có bản chép là :

Ông rằng ; cho lỗi duyên mày.

669) *Nỗi ấy* : đây là nỗi nỗi ấy, việc riêng ấy.

Có bản chép « *lỗi ấy* » thì sai.

Đồ-danh, an-ủi con gái như vậy, thì cũng chán truyện !
Ông già mới làm-cầm làm sao.

Kiều có lo Kim-Trọng không lấy được vợ đâu ! Nàng chỉ đau xót rằng nàng không giữ được lời thề với Kim-Trọng, nàng không được làm vợ chàng. Thế mà lại đi đổ nàng : « *Thôi thì nỗi ấy sau này đã em* » Có khác gì lửa cháy đổ dầu thêm, người đã ngã lại tổng thêm cho cái đập ! Lời ấy chỉ làm Kiều càng thêm tiếc thương cho duyên phận nàng, không làm yên lòng nàng được chút nào.

Càng đi sâu vào câu truyện, ta càng thấy Vương-Ông là một ông già què-kẻch vô cùng. Có lẽ tác-giả cố ý tả như vậy để cho câu truyện Kiều bản mình trở thành có lý chăng ?

670) *Cái* là hạt cái, để gần hồ-phách thì bắt vào. *Kim* là cái kim khâu, để gần đá nam-châm thì dính vào đá. Đó là những vật phối-hợp nhau. Người ta thường ví cuộc phối-hợp trai-gái với cuộc phối-hợp của hạt cái với hồ-phách, của cái kim với đá nam-châm, là những vật hấp-dẫn nhau do một sức thiên nhiên. Nói *rụng cái rơi kim* tức là nói : hạt cái rụng ở hồ-phách ra, kim rơi ở đá nam-châm xuống, tức là nói sự chia-lia giữa những vật phối-hợp, hay là sự rẽ duyên vợ chồng.

Vì ai : Vương-Ông có ý qui oán cho đứa bán tơ tiêu xung cho ông mắc tội oan, để đến nỗi xảy ra truyện rẽ duyên con gái ông với Kim-Trọng.

« *Đề con bèo nổi mây chìm vì ai* (671)

« *Lời con dặn lại một hai* (672)

« *Dấu mòn bia đá, dấu sai tấc vàng* » (673)

Lây thôi, nằng lại rén triềng (674)

671) *Bèo nổi mây chìm* = bèo nổi trôi lênh đênh vô định ; mây chìm tức mây tan đi, không thấy hình bóng ở đâu. Ý nói lênh-đênh chìm nổi ở phương xa.

Cả câu : Vì ai đề cho con phải lênh đênh chìm nổi.

Hai chữ *Vì ai* nhắc đi nhắc lại cho ta biết Vương-Ông căm giận đầy nghiến thẳng bán tơ. Ai đây trở thẳng bán tơ đã vu oan giá họa cho ông, đề Kiều phải bán mình.

672) *Một hai* : là một lần, hai lần, ý nói dặn đi dặn lại nhiều lần, chứ không nhất định là đúng hai lần.

673) *Mòn bia đá* : trong một khoảng thời-gian rất lâu, có thể làm mòn cả bia đá. Cũng có thể giảng là trăm năm hoặc một đời. Tục-ngữ có câu : *trăm năm bia đá thì mòn. Dấu sai tấc vàng* : dấu đâu sai tấc : vàng, dấu dấu sai tấc vàng. *Tấc vàng* : Tấc lòng bền vững như vàng. *Tấc vàng* do những chữ *thốn tâm, thốn chung và tâm như kim thạch* 心 如 金 石 lòng như vàng đá, cấu tạo nên.

Sai : đơn sai không giữ lời hứa.

Cả câu : lời con đính-ninh dặn-dò, dù bao nhiêu lâu sau cũng không dấu sai lòng.

674) *Lây* : Kiều lây cha, có hai tác dụng. Một là đề tỏ ý cảm tạ cha đã hứa làm theo lời nàng dặn. Hai là đề bắt buộc cha phải nhận lời nàng sắp thưa.

Rén triềng : rón-rén thưa trình. Rón-rén ngụ ý kính cẩn, sợ hãi, ngượng-ngịu. *Triềng* là trình dọc trạch ra.

Kiều *rén triềng* là vì lời nàng sắp nói nó hơi ngược đời, nó không hợp lý. hợp lẽ.

« Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi (675)

« Sá chi thân phận tôi đòi (676)

« Dẫu rằng xương trắng què người quân đầu » (677)

V

*Xiết bao kẻ nổi thâm sầu,
Khắc canh đã dục nam-lâu mấy hồi (678)*

675) Con gái lại đi dẫn bố trả nghĩa trai giúp mình. Nghĩa gì ? nhân tình nhân nghĩa với nhau, thì chỉ có nghĩa vợ chồng. Nghĩa ấy thì ai trả giúp được ? Và sao bố vợ lại phải trả nghĩa chàng rề ? Nhất là Vương-ông chưa biết mặt mũi Kim-Trọng thế nào. Tản-Đà bảo : tác giả làm nũng giúp cô Kiều.

Chúng tôi muốn nói : dù nàng rên triềng thì lời nàng dẫu cha, cũng hết sức hỗn-xược. Có lẽ Vương-Ông là một ông lão què kệch, nên con cái khinh-nhưn chẳng ?

676) *Sá chi* : không đáng kể chi, không đáng chú ý đến.

Tôi đòi dịch chữ *Tì thiếp* 婢妾. Tỳ là đầy tớ gái, con-đòi. Thiếp là vợ lẽ, nàng hầu. *Thân phận tôi đòi* là thân phận làm vợ lẽ nàng hầu người ta. Kiều nhắc trước rằng bản mình là nàng sẽ phải làm vợ lẽ nàng hầu người ta.

(Kề cũng biết thân oắt phận lắm).

677) *Xương trắng* tức *Bạch cốt* 白骨 trở xương người chết.

Cả câu : Dù rằng chết rạc ở nơi đất khách què người cũng không quân ngại chi.

678) *Khắc canh* : giờ canh (ở trên chòi canh.)

Đã dục : dục trống, tức là đánh trống từng hồi gấp.

Nam lâu 南樓 có lẽ cũng như *Nam đài* 南臺 là tên trổ Nha-môn Ngự-sử thời xưa. Đây dùng theo nghĩa là Nha-môn, tức là nơi làm việc quan.

Mấy hồi là mấy hồi trống tan canh.

*Kiểu hoa đầu đã đến ngoài,
Quần huyền đầu đã dục người sinh ly (679)
Đau lòng kẻ ở người đi.*

Cả câu : trên chòi canh ở phía Nam đã dục mấy hồi trống tan canh, ý nói trời đã sáng.

Lệ đánh trống cầm canh ngày xưa, canh một thì thỉnh thoảng điểm một tiếng trống, canh hai thì điểm hai tiếng trống, canh ba thì điểm ba tiếng trống... Đến canh năm, trời rạng sáng, thì đánh dục mấy hồi trống liền, báo đã tan canh.

— Bằng câu này, tác giả cho biết đêm ấy, Kiều thức thâu đêm suốt sáng.

679) *Quần* : chính nghĩa là cái ống tròn dài, như quần bút, huyết quần, khí quần... đây trở ống tiêu, ống sáo. Tiêu sáo người ta gọi là *quyển* (độc quyền, một ống sáo thổi riêng tức là *quần* độc tranh ra.

Quần đây trở chung tiếng sáo.

Huyền : là dây đàn, đây trở tiếng đàn.

Quần huyền đây trở gồm bát âm nhã-nhạc họ Mã đem đến, đón đầu (đón Kiều).

Dục người sinh ly : thức dục, dục đã người xa lìa nhau

Sống mà xa lìa nhau (sinh ly) buồn-thảm cũng như chết cách biệt nhau (tử biệt).

Sách *Khổng-Tử Gia-Ngữ* chép : *Khổng-Tử* nghe có tiếng khóc-lóc thảm thiết. *Nhan-Hồi* nói ở đây có người sinh biệt ly.

Bài *Sổ-từ* của Khuất-Nguyên có câu : *Bi mạc bi hề sinh biệt ly, lạc mạc lạc hề tân tương tri* 悲莫悲兮生別離樂莫樂兮新相知 buồn không gì buồn bằng sống mà lìa nhau, vui không gì vui bằng mới biết nhau.

— Cảnh thật là trái ngược : dùng đàn sáo tưng bừng để dục người chia lìa nhau ! Thật có như câu ca dao nói :

Khi vui non nước cũng vui,

Khi buồn sáo thổi kèn đôi cũng buồn.

Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm (680)

Trời hôm, mây kéo tối rằm (681)

Câu trên : Kiều hoa đầu ...

Câu này : Quán huyền đầu ...

Hai chữ đầu dùng rất tài tình ! Hai chữ đó được sự ngạc nhiên khó chịu về lễ đón đầu bất ngờ. Và cuộc lễ đón đầu bất ngờ tự nó lại cho ta biết là cuộc hôn lễ khác thường, lễ hôn của một người bán mình cho khách đi mua người. Trong các cuộc hôn lễ khác thì ngày giờ đón đầu phải được ấn định giữa hai họ từ trước, và không bao giờ để cả nhà gái phải ngạc nhiên về sự rước đầu bất ngờ.

680) *Lệ rơi thấm đá* : người đi (tức Kiều) và kẻ ở (cha mẹ và em Kiều) đều đau lòng khóc lóc nhiều quá, nước mắt tuôn rơi tằm tã như mưa, và khóc lóc lâu quá đến nỗi nước mắt ướt đá rồi đá thấm khô đi mà vẫn còn khóc. Đá đây tức là đá thêm nhà hay đá lát nhà. Có khi chỉ là gạch lát nhà. Nói lệ rơi thấm đá, để tỏ rằng khóc lóc nhiều và lâu.

Tơ chia rũ tằm = *Tơ* đây trổ ruột rối như ; *chia* đây nghĩa là *đứt* là *cắt* ; (nghĩa cũng như *tơ* : *chia* trong câu : *Tóc mây một mớ dao vàng chia đôi*. *Chia* dịch chữ *Phân* 分 nghĩa là chia, sẻ, cắt) ; *rũ tằm* là rũ rối như *tơ tằm*, ý nói vừa đau lòng vừa lo lắng bối rối.

Trời hôm = Trời về chiều. Hai chữ này cho biết :

a) Đám rước đầu của họ Mã đã lưu lại suốt ngày ở nhà Kiều từ sáng sớm đến chiều, (theo tục Tàu lễ rước đầu cử hành vào lúc Hoàng-hôn, vì vậy gọi là hôn lễ).

b) Kiều và người nhà Kiều khóc lóc suốt một ngày.

Riêng Kiều thì đã khóc thâu một đêm lại suốt cả một ngày.

Mây kéo tối rằm — Trời về chiều thì mây kéo tối. Nhưng đối với Kiều và người nhà Kiều, thì bình như trời đất cũng thăm sâu thay cho cuộc biệt ly, nên mới u ám buồn như vậy.

Rầu-rầu ngọn cỏ, đầm-dầm cảnh sương (682)
Rước nắng, về đến trú phùng (683)
Bốn bề xuân khóa một nắng ở trong (684)

(682) Đây là những lời tả cảnh hoàng-hôn : ngọn cỏ coi rầu héo, giọt sương rơi xuống ướt đầm. Cảnh này ám hợp với cảnh buồn nhà Kiều ; hình như cỏ cây cũng vì Kiều mà rầu-rầu, giọt sương cũng vì Kiều mà gieo nặng.

283) *Rước* : tức là đón. Đây rước là rước dâu.

Trú phùng đây là trú phòng nghĩa là phòng trọ (phòng ở) đọc là phùng).

Bản của Bùi-Kỷ Trần-trọng-Kim chưa là trú phùng. 住坊 thì không được đúng lắm. Phùng 坊 viết là phố xá. Đây là rước về phòng trọ thì mới « bốn bề xuân khóa » được.

684) Nhiều bản chép là : bốn bề xuân tỏa... đề nguyên chữ *Toả* 洒 là khóa, không dịch nôm. Chép như vậy có lẽ không đúng. Vì :

1.) *Toả* tiếng nôm có nghĩa khác nghĩa khóa như *sương tỏa*, *mây tỏa*.

3.) Không đúng với văn-puáp, nếu đề nguyên chữ Hán không dịch nôm. Cũng như trường hợp chữ *giáo loan* ở trên.

Câu này lấy ý ở câu thơ cổ :

Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị Kiều.

銅雀春深鎖二喬

Cụ Nguyễn-Du đã dịch :

Một nền Đồng-tước khóa xuân hai Kiều.

Trong câu : *Đồng tước xuân thâm tỏa nhị Kiều*, thì *nhị Kiều* bị *thâm tỏa* (khóa nhốt kín) trong cái Xuân (mùa Xuân, hay là tình yêu) ở đền *Đồng-tước*.

Trong câu : *Bốn bề xuân khóa một nắng ở trong*, thì *một nắng ở trong* (trú phòng, câu trên đã nói, đây nói lần) *bốn bề có khóa xuân* nghĩa là ; *bốn bề trú phòng có khóa*, *một mình nắng bị nhốt ở trong*.

Khóa xuân là cái khóa của tình yêu, hoặc cái khóa do tình yêu mà có (*Xuân* đây nghĩa là tình yêu) và chỉ là cái khóa thường. Nói *khóa xuân*, một là cho đẹp lời, (cũng như nói thêm hoa, thêm mai); hai là thêm chữ *Xuân* để gợi ý đến tình yêu, đến người đàn bà; ba là tác-giả cố tình lặp lại ý câu thơ cổ (Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị Kiều). Chữ *Xuân* ở đây mà hiểu là mùa xuân, là mùa xuân khóa như Crayssac và Nguyễn-văn-Vĩnh, thì e không đúng.

Bản Pháp văn của Crayssac dịch :

*Dans une chambre close on mit la pauvre enfant
Cependant qu'au dehors triomphait le printemps.*

Bản Pháp văn của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch :

*Tout autour c'était le printemps montant la garde autour de
cette jeune femme enfermée...*

Bây giờ không phải là mùa Xuân, Kiều bắt đầu gặp Kim-Trọng vào tiết Thanh-minh tức đầu tháng ba. Kim-Trọng ở trọ nhà thương gia Ngô-Việt hai tháng thì được dịp gần bó với Kiều. Sau đó ít lâu, Kim-Trọng phải về quê đi Liêu-Dương hộ tang. Khi Kim-Trọng đi thì đã sắp hết hè sang thu :

Đầu canh quynh nhất cuối trời nhận thừa

Kim-Trọng đi khỏi thì sai nha đến nhà Kiều. Rồi sau đó ít ngày Kiều phải bán mình. Như vậy khi Mã-giám-sinh rước Kiều đi, phải vào độ tháng bảy, tháng tám.

Ở đoạn dưới, tác-giả đã cho biết rõ bây giờ là mùa Thu :

Bên thu một khắc một chầy,

— Tiếng *nàng* nhắc hai lần trong hai câu đi liền nhau là để người đọc phải chú ý đến *nàng* và để làm nổi bật ý nói có một mình *nàng* trong phòng ».

- Ngập ngừng, then lục e hồng (685)*
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen : (686)
** Phầm tiên rơi đến tay hèn (687)*
** Hoài công năng giữ mưa gìn với ai (688)*

685) *Then lục* = then cho màu lục, tức màu xanh, đây trở tóc xanh. Tàu có chữ *Lục Ván* 綠苗 nghĩa là mây xanh, dùng để trở tóc đẹp, ý nói tóc xanh đen như mây.

E hồng là e cho má hồng. *Hồng* tức là *hồng nhan*.

Kiều cảm thấy then có mái tóc đẹp, và e ngại cho má hồng vì dẫu lọt vào tay người nàng không yêu.

Ngập-ngừng, trạng từ này ở đây dùng chưa được chính, vì không đúng nghĩa.

Ngập-ngừng là muốn nói, hay định nói mà e-then không nói ngay ra được. Đây Kiều có nói gì đâu mà ngập ngừng ?

Giả dùng chữ *ngượng* ngừng hoặc *ngại* ngừng thì phải hơn. Hai trạng từ ấy tả cái vẻ then lộ ra nét mặt.

Ngập-ngừng tả vẻ then lộ ra lời nói.

686) *Nghĩ lòng* : nghĩ riêng trong bụng.

Xót xa lòng : xót xa ngấm ngấm trong lòng.

Đòi phen : nhiều phen. nhiều lúc.

687) *Phầm tiên* : tức *Tiên phàm* 仙品 là của trên tiên món tiên, đây vì sắc đẹp của Kiều là món của tiên, khác hẳn vẻ đẹp dưới trần thế.

Rơi : ý nói của từ trên cõi tiên sa xuống, rớt xuống

Tay hèn : người hèn hạ, ti tiện ; *Hèn* đây là dịch chữ *Phàm* nghĩa là tục, ngược nghĩa với tiên. Ý nói của qui hầu lọt vào tay không xứng đáng.

688) *Năng giữ mưa gìn* : giữ gì gìn cho khỏi bị mưa nắng ý nói Kiều giữ gìn trinh tiết với Kim-Trọng.

Ai đây ám chỉ Kim-Trọng.

- * *Biết thân đến bước lạc-loài (689)*
- * *Nhị đào thả bẻ cho người tình chung (690)*
- * *Vì ai ngăn đón gió đông (691)*
- * *Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi (692)*

689) Nếu biết trước là thân phận sẽ gặp bước lạc loài.

690) Nhị đào tức nhị hoa sắc hồng, sắc đỏ, ý nói nhị hoa còn tươi thắm nguyên vẹn ; đây nhị đào trở sự trình tiết của con gái.

Người tình chung đây trở Kim-Trọng.

Tình chung tức là Tình chi sở chung 情之所鍾 nói tắt. Tình chi sở chung là tình chung đúc vào chỗ đó. Người tình chung là người mà mình đã đem lòng yêu. Có người giảng rằng : Chữ chung do chữ kim và chữ trọng ghép thành ; nói người tình chung là Kiều nói đến Kim-Trọng. Cũng có lẽ đúng. Nhưng chẳng biết tác giả có định chơi chữ cầu kỳ như vậy không ?

— Kiều nghĩ bụng hồi lặn rằng : Giá biết đến nước này, thì trước thả cứ chiều theo ý muốn của Kim-Trọng cho xong.

— Kiều đã nói đi nói lại với Thúy Vân rằng nàng sẽ nết thân bồ liễu đến nghi trúc mai và khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan tức là nàng định chết đi để giữ lời thề với Kim-Trọng. Thế mà đến đây, nàng chuẩn bị tinh thần và thể-chất để thất tiết rồi.

Người ta thấy Kiều chỉ là một cô gái khéo mồm mép và hết sức nhu nhược.

691.692. — Gió đông đây lấy chữ trong câu thơ của Đỗ Mục đời Đường :

Đông Phong bất dĩ Chu lang tiện

Đông tức xuân thâm tỏa nhị Kiều

Nghĩa là : Gió đông nếu không giúp sức cho Chu-lang, thì hai cô họ Kiều đã bị nhốt kín vào đài Đồng-Tước.

« Trùng phùng dù họa có khi (693)

« Thân này, thôi có còn gì mà mong (694)

Nguyên trận Xích-Bích, Chu Du tức Chu lang tướng nước Ngô như có trận gió đông thịnh linh thời giữa mùa đông. đánh hỏa công đốt phá hàng chục vạn quân Tào-Tháo trên sông Xích Bích. Nếu trận đó, không nhờ gió đông, Chu-Du không thủ thắng, thì Đông-Ngô sẽ bị quân Tào chiếm đóng và hai chị em gái họ Kiều (một là vợ Tôn Sách — một là vợ Chu Du) sẽ bị Tào Tháo bắt về nhốt ở Đồng-Tước đài là một tòa lâu đài cực kỳ nguy nga tráng lệ do Tào-Tháo sai kiến-tạo nên. Tào-Tháo nghe đồn chị em họ Kiều nhan sắc có ý muốn bắt về Đồng-Tước đài.

Ở đây. Kiều ví Kim-Trọng với Chu-lang. Nhưng nàng không nghĩ như nhà thơ họ Đỗ. Vì gió đông không giúp chàng — Gió đông bị ngăn đón — Cho nên nàng bị nhốt ở phòng trọ như cô gái họ Kiều. Nàng lại nghĩ như thế này : Vì gió đông bị ngăn đón, không giúp chàng, nên Kim-Trọng khi ở sau nhà nàng thì bị thiệt thòi, và khi Kim Trọng đi Liêu-Dương hộ tang thì chàng bị đau lòng. (Ý nói Kim-Trọng không được nàng hiến thân cho). Kiều thương Kim-Trọng không được ân ái với nàng, và tự trách mình đã cưỡng lại ý muốn của Kim-Trọng, Chứ ai ở đây chính là Kiều tự chỉ mình. Mấy bản dịch Pháp-văn đều dịch ngăn đón gió đông ra là *barré le chemin du bonheur* tức là ngăn cản con đường hạnh-phúc không hiểu mấy bản đó căn-cứ vào đâu mà dịch như vậy ?

693) *Trùng phùng* 重逢 là gặp gỡ lần thứ hai, ý nói sau này lại gặp Kim-Trọng.

694) *Thôi có còn gì* là thôi không còn trình-tiết nguyên vẹn nữa. Người dân-bà, theo quan-niệm xưa, qui nhất là sự trình-tiết. Còn trình-tiết là còn là người, mất trình-tiết tức là thất-thân nghĩa là mất mình, mất thân mình, sống cũng như chết, đời người không còn gì đáng qui nữa.

Mà mong, mong gì ? Mong cuộc trùng-phùng. Trùng-phùng

Đã sinh ra số long-đong,
 Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ? • (695)
 Trên yên sẵn có con dao (696)
 Giấu cầm, nàng đã gói vào chéo khăn (696)
 Phòng khi nước đã đến chân (698)
 Dao này thì liệu với thân sau này (699)

là bồ-túc-từ của động-tự *mong*, nhưng nó lẩn. Biết thế là vì câu trên đã có chữ *trùng-phùng*. Câu trên và câu này: sau này họa bao giờ có gặp nhau lần thứ hai, thì thân cũng đã mất rồi (thất thân, thất tiết, còn gì mà mong gặp-gỡ ?)

695) Không còn mang lấy kiếp má-hồng được nữa, tức là không còn sống ở đời được nữa.

Kiều không còn hy-vọng gì gặp-gỡ Kim-Trọng, nên nàng nghĩ rằng đã sinh ra cái số long-đong như thế này thì thà chết đi cho rảnh, chứ còn sống cái kiếp đàn-bà thế nào được nữa.

Cái ý liên chết của Kiều thấy rõ ở câu tiếp theo: *trên yên sẵn có con dao*.

696) Yên tức là cái án, một thứ bàn cao, bề mặt hẹp và dài.

697) Khăn đây là khăn tay.

Chéo khăn : góc khăn gấp chéo.

698) Nước đến chân tức là gặp việc nguy-cấp.

Nước đến chân mới nhảy, ý nói không đề phòng tai-họa.

699) Kiều giấu con dao để phòng khi gặp nguy-hiểm là quyết dùng dao tự tử, để thoát hiểm. Nước đến chân tức là mối nguy-hiểm đe dọa Kiều, tất nhiên là việc nàng bị bắt buộc phải thất-tiết.

Ta hãy ghi quyết-định ghê-gớm và táo-báo của nàng, để xem sau này có thực-hiện được không.

Đêm thu một khắc một chầy (700)
Bâng-khuâng như tỉnh như say một mình (701)
Chẳng ngờ gã Mã giám-sinh (702)
Vẫn là một đũa phong-linh đã quen (703)

700) *Một khắc một chầy* : một khắc một dài, ý nói Kiều thức khuya nên cảm thấy đêm dài. Tục-ngữ có câu : *Thức lâu mới biết đêm dài*.

701) Kiều nằm một mình bâng-khuâng nửa thức nửa ngủ (giữa lúc ấy thì Mã-giám-Sinh...)

702) *Giám sinh* là một học-chức. Học-sinh, được vào học tại Quốc-tử-Giám thì gọi là Giám-sinh Quốc-tử-Giám (thời Hán gọi là Thái-Học nên cũng gọi là Thái-học-Sinh).

Đời Minh, chọn học-trò có tài có hành trong thiên-hi, cho vào học Quốc-tử-Giám. Hoặc những vị cử-nhân thi Hội trượt Tiến-sĩ cũng được vào học. Vào đầu đời Minh, chức Giám-Sinh được trọng-vọng hết sức, có người được nhà Vua trao cho việc thanh-tra dân-sự, xét lại những vụ kiện cáo, có người được bổ làm Bố-chính, An-sát các tỉnh. Chức Giám-sinh coi vậy cũng gần như chức Tiến-sĩ. (Đời Trần nước ta cũng gọi học-trò Quốc-tử-Giám là Thái-Học-sinh — Đặng trần Côn, tác-giả Chính-Phụ-Ngâm cũng là một vị Thái-Học-sinh). Được gọi là Giám-sinh cũng vinh dự như được gọi là ông Nghè.

Vậy mà đây tác-giả dùng chữ *gã* để gọi Mã-Giám-Sinh, thì kẻ cùng xếch-mé chẳng khác gì gọi *thằng Tiến-sĩ* vậy.

Gã tiếng cổ, dùng để gọi người trai trẻ hay kẻ dưới, có hàm ý khinh-bĩ ở trong.

Giám sinh mà gọi là *gã* Giám-Sinh, thì người ta biết Giám-Sinh họ Mã về phương-diện nào, đã đáng khinh-bĩ lắm.

703) Mã-Giám-Sinh bị người ta khinh-bĩ không phải vì tài học xoàng, mà vì đức-hạnh kém. Hắn là một *đũa phong-linh đã quen*.

 Quà chơi lại gặp hồi đen (704)

Chữ *đưa* cũng gần giống nghĩa chữ *gã* có hàm ý khinh-bĩ ; dùng với chữ *gã*, rất ăn khớp nhau.

— Cõi cách xung-hò ở đây (*gã* và *đưa*) ta thấy người xưa chú-trọng về mặt đạo-đức như thế nào. Văn chương tài giỏi đến mấy, mà hành-động trái lễ-giao, nhân cách hèn kém, thì cũng bị người ta khinh.

— *Phong tình* 風情 tức là *phong nguyệt tình* 風月情懷 nghĩa là nhớ tình trăng gió, cũng như ta nói *lãng lơ trăng gió*, dùng để nói kẻ hay chơi-bời trai gái. Cả câu : Mã-Giám-Sinh vốn là một đứa con chơi-bời trai gái đã quen.

— Đang nói Kiều nằm bâng-khuâng nửa thức nửa ngủ..., mà dừng ngay lại được, nói rõ sang lai-lịch họ Mã cùng ý-nghĩ của họ Mã đối với việc mua Kiều, kể ra tác-giả cũng đã tốn công dân xếp.

Nếu nói ngay việc Kiều bị thất thân với họ Mã, thì không làm cho ta than tiếc cho Kiều, vì nàng đã bán mình cho họ Mã thì tất là thuộc quyền họ Mã. Phải nói rõ tư-cách và hành-động, nhiệm-vụ của họ Mã, thì người ta mới cảm thấy tất cả cái phũ-phàng đều-cáng của Mã khi phá thân cô Kiều. Dung-ý đã khéo.

— Đoạn văn nói về họ Mã, gián-liếp cho ta biết truyện Kiều bị thất thân oan-uổng rõ ràng hơn là đoạn văn trực-tiếp tả Kiều bị thất-thân.

Như thế là dùng « *hư tả* » (tả bằng cách tự-sự) để giúp cho phần « *thực tả* » rõ thêm, lấy « *khách* » (ý phụ) để làm « *chủ* » (ý chính) nổi bật.

Đó cũng là một ngón tài-tình trong nghệ-thuật làm văn vậy.

704) *Qui chơi* : chơi-bời trai gái thái quá. *Ý chơi* chuyển từ câu *phong-tình* ở trên xuống.

Lại gặp hồi đen : (đã-vậy) lại gặp lúc thua cờ bạc, ý nói gia-tư đã sút mất nhiều. Người chơi cờ bạc thua nói là *Đen*, được nói là *đỏ*, c) ý cho vận đen là vận rủi, vận xấu, vận đỏ là vận tốt, vận may.

*Quen vùng lại kiếm ăn miền nguyệt hao (705)
Lầu xanh có mụ Tú-Bà (706)*

705) *Quen vùng* : đã hiểu rõ vùng đó, tức là vùng ăn chơi trai gái.

Lại kiếm ăn miền nguyệt hao : (đã phá sản về nguyệt hoa) nay Mã lại tìm cách kiếm ăn, gỡ lại vốn liếng, ngay trong miền nguyệt-hoa.

Miền nguyệt hoa tức miền ăn chơi trăng hoa, nơi chơi bời bợm dâm.

— Có bản chép là *quen mùi* hay *quen mồi*, có lẽ không đúng. Vì sau khi chơi-bời trai-gái và thua bạc mất nhiều tiền quá, Mã mới định lấy việc nguyệt-hoa để gỡ lại, tức là kiếm ăn cách đó lần đầu tiên. Có phải là lần thứ hai thứ ba đâu, mà bảo rằng quen mùi hay quen mồi ? !

706) *Lầu xanh* dịch chữ *thanh-lâu* 青樓 nguyên trở nhà giàu sang nguyên qui. Cung điện Vua xưa cũng có khi gọi là *thanh-lâu*. Sách *Tề-Thư* chép : Quang-hưng-lâu của vua Vũ-Đế đều quét sơn xanh, nên gọi là *thanh-lâu*. Từ đời Lương trở về sau, *Thanh-lâu* mới có nghĩa là nhà hát tức là chỗ ở của các cô đào. Và nghĩa đó xuất tự câu thơ của Lưu-Mạo :

Xương nữ bất thăng lầu

Kết phát hạ thanh lâu.

nghĩa là :

Gái hát nghĩ buồn tênh

Muốn tóc xuống lầu xanh.

Và từ khi truyện Kiều ra đời, thì tiếng *lầu xanh* mới được tung ra theo nghĩa là nhà thổ, nhà chứa.

Mụ ; tiếng cổ, nghĩa như *Bà*. Tiếng này vùng Thanh Nghệ Tĩnh không có nghĩa gì là xấu cả. Người ta thường nói : Ông Mụ như ta nói ông, bà ; mụ Chánh, mụ Lý, như ta nói Bà Chánh, Bà Lý. Ở ngoài Bắc ta, tiếng *Bà mụ* cũng không có ý gì xấu.

Làng chơi đã trở về già hết duyên (707)

Tình cờ chẳng hẹn mà nên,

Mặt cửa mướp đắng đôi bên một phường (708)

Chung lưng mở một ngôi hàng (709)

Thơ cổ có câu :

Trước còn chị chị anh anh đó.

Nay đã ông ông cụ cụ rồi.

Duy nói : *mụ nọ, mụ kia*, khi dùng *mụ* làm loại-tư, thì ở ngoài Bắc ta, *mụ* có hàm ý khinh-bĩ. Có khi người ta lại nhấn mạnh ý khinh-bĩ đó, bằng cách đặt thêm mấy loại-tư khác ở trên, như *Cái con mụ Ất*.

707) Tú-Bà nguyên là một gái làng chơi (gái điếm) nay trở về già, hết duyên (tức không còn nhan sắc đáng yêu nữa).

708) *Mặt cửa mướp đắng* : Có người giảng là : xưa có đưa lấy mặt cửa đem bán nói dối là cám, lại có đưa đem mướp đắng bán nói lừa là dưa gang, hai bên cùng là phường gian dối. Lại có bản chép là :

Mặt cửa, mướp đắng và giăng : mặt cửa lõm-chỏm những răng, mướp đắng vỏ sù-sì, hai bên hình tích đều giống nhau.

Chưa biết thuyết nào đúng. Chỉ biết đại khái rằng đôi bên cùng là trong bọn làng chơi già dôi như nhau.

Phường : đây nghĩa là bọn. Câu trên và câu này : tình cờ Tú-Bà lại gặp Mã-Giám-Sinh, hai bên thành-tích cũng ngang nhau.

709) *Lưng* là lưng vốn Mã-Giám sinh chung vốn với Tú-Bà mở một ngôi hàng.

Ngôi hàng : ngôi nhà bán hàng. *Ngôi* dịch chữ *Vi* là chỗ, như ngôi nhà, ngôi mộ.

Quanh năm buôn bán hương đã lè (710)

Dạo tìm khắp chợ thì quê (711)

Giả danh hầu hạ, dạy nghề ăn chơi (712)

Rủ may, ầu cũng sự trời (713)

710 *Quanh năm* : Suốt năm, hết năm. *Buôn bán* : Buôn bán đàn-bà con gái. *Phấn và hương* là những phẩm-vật đàn-bà dùng để trang-diêm, nên *hương phấn* được dùng để tro chung đàn bà con gái

Đã lè : đã thành lè, đã thành nền-nếp, đã quen khách rồi : Ý câu này nói ngôi hàng hương-phấn của Tú-Bà Mĩ-Giám Sinh mở ra đã lâu ngày và có tiếng.

711) *Dạo* : đi dong, đi đây đi đó, một cách ung-dung thông thả như đi chơi.

Khắp chợ thì quê : chợ là kẻ chợ, tức là kinh-đô, đô-hội. *Quê* là nhà quê, tức những vùng làng mạc ở xa kinh-kỳ. *Khắp chợ thì quê* : khắp kẻ chợ cùng thì nhà quê, khắp kẻ chợ với nhà quê, ý nói khắp mọi nơi trong nước, *Cùng thì* là một hiệu trang-tự cổ, nay ít dùng, có nghĩa là cũng ... như, thí dụ *Cùng thì* là người, mà người thì sung-sướng, mình thì khổ cực. *Thì ở đây* là cùng thì nói tắt.

Bồ tức từ của động-tự *dạo tìm* là *phấn hương* chuyển từ câu trên xuống, nhưng đây nói lần.

712) *Giả danh* : giả tiếng ; *giả danh hầu hạ* : mượn tiếng, dối tiếng là tìm nàng hầu vợ lẽ để về hầu hạ.

Nghề ăn chơi đây là nghề làm đi kiếm tiền,

Cả câu : nói dối là tìm nàng hầu vợ lẽ, đem về đây làm nghề tiếp khách hàng chơi.

713) *Sự trời* tức việc trời ý nói rủi may là việc không người định đoạt.

Đoạn-trường lại chọn mồi người vô duyên (714)
Xót nàng chút phận thuyền duyên (715)
Cảnh hoa đem bán vào thuyền lái buôn (716)

714) *Đoạn-trường* nghĩa là, *đắt ruột* (đau khổ quá) đây là *hội đoạn trường* tức là chốn *truy-lạc* của dân bà con gái.

Vô duyên đây không phải là không có duyên, không đáng yêu. *Vô duyên* đây phải hiểu theo chữ *Nhân-duyên* nhà Phật. *Vô-duyên* tức là không có nhân-duyên, không gặp gỡ may mắn. *Hữu duyên* là có sự may mắn, có phúc. Câu trên và câu này : May rủi do số trời, *hội đoạn trường* lại chọn dùng người số rủi.

715) *Thuyền-duyên* 嫖娼 là ông-ả xinh đẹp.

Thơ Mạnh-Giao đời Đường có câu :

Hoa thuyền-duyên phiếm xuân tuyền. 花嫖娼泛春泉

Trúc thuyền-duyên lung liễu yên. 竹嫖娼籠曉煙

Kỹ thuyền-duyên bất trường nghiên. 妓嫖娼不長妍

Nguyệt thuyền-duyên chân khả liên 月嫖娼真可憐

Dịch nghĩa :

Hoa xinh trôi giạt suốt xuân.

Trúc xinh ướp khói bay vờn sớm mai.

Đi xinh, xinh được bao ngày.

Trăng xinh, mới thật khiến người mến yêu.

Nhập tịch tiếng Việt, thuyền-duyên trở đàn bà đẹp.

716) Câu này tỏ ý ái-ngại thương hại cho Kiều là người xinh đẹp ông-ả mà bị mắc vào tay con buôn như cảnh hoa đem bán cho thuyền buôn. Trong bài Văn-sách (lấy chồng cho đáng tấm chồng) của cụ Lê quý Đôn có câu : *Hoa đào tươi tốt quyết không đem bán cho lái buôn.* » Cảnh hoa tức là cảnh hoa đào. Ta vẫn thường nói hoa đào đem bán cho lái buôn; và cho là một việc đáng tiếc. Hoa đào lẽ ra phải đem bán cho người về cắm độc-bình trên tủ chè để thưởng thức, đằng này lại đem bán cho lái buôn.

Mèo lừa đã mắc vào khuôn (717)
 Sinh-nghĩ rẻ giá, nghênh hôn sẵn ngày (718)
 Mừng thăm : « Cờ đã đến tay (719)

Lái buôn chẳng biết đẹp xấu, thế nào, thấy giá hơi là mua về để lại bán đi lấy lãi. Đáng tiếc vì thế.

Thuyền lái buôn : thuyền của người lái buôn. Ngày xưa người buôn bán to thường chỉ có một cách là buôn bằng thuyền. Thuyền đây lại cho ta cảm thấy cái ý hoa bị bán vào nơi giang-hồ bất định.

717) Khuôn : cái mặc, cái khò, cái mắc, cái vành, đã định sẵn từ trước.

Cả câu : Kiêu mắc mèo lừa (của Mã) đã lọt vào cái khuôn rồi (không ra được nữa).

Mèo lừa là mưu lừa dối rằng cưới về làm vợ lẽ nàng hầu : giả danh hầu hạ...

718) Sinh nghĩ 聘儀 là đồ lễ cưới ; Nghênh hôn 迎婚 là rước dâu.

Sinh nghĩ rẻ giá : đồ dẫn cưới sắm thứ ít tiền.

Nghênh hôn sẵn ngày : rước dâu ngày nào cũng được, lúc nào cũng sẵn-sàng, không cần phải lựa chọn ngày lành tháng tốt. Câu này là cái tính chất khác thường của đám cưới Kiêu lấy Mã-Giám-Sinh, vẫn tất mà đầy đủ.

719) Từ câu này trở xuống đến chỗ Kiêu bị thất-thân, lúc giả tử-mỉ tả những ý-ngãi thăm-kia của họ Mã, để làm cho người đọc cảm thấy tất cả sự ghê-ởn bỉ-đi trong hành động của họ Mã, và cảm thấy ái-ngại, thương tiếc cho đời con gái của Kiêu, một cách tha thiết, đồng thời lại cảm thấy cảm giận bức tức thay cho nàng.

Tất cả sự rên-ràng kéo dài câu truyện về ngôi hàng, về ý nghĩ của họ Mã, đều có mục đích làm cho ta khinh ghét họ Mã về tư cách, nghề-nghiệp và hành-động. Đó cũng là một lối miêu tả nhân vật, và cũng là một lối chuẩn bị tư tưởng kịch-động dư luận độc giả, rất tài.

« Càng nhìn vẻ-ngọc, càng say khúc vàng; (720)
« Đã nên quốc sắc thiên hương (727)

Cờ đã đến tay tức là cơ-hội thuận tiện đã đến (cho họ Mã làm bầy). Tục ngữ ta có câu : Cờ đến tay ai người ấy phát.

720) Vẻ ngọc : Vẻ đẹp nõn-nà như ngọc. Đây nói sắc đẹp của Kiều.

Say khúc vàng ; khúc vàng là khúc lòng vàng ; ý nói dù tấm lòng bền vững như vàng cũng phải say mê.

Đây tả sự si-tình của họ Mã.

721) Quốc sắc thiên hương 國色天香 là sắc nước hương trời. Sắc nước là sắc đẹp nhất nước, Hương trời là hương thơm chỉ có ở trên trời (thế-gian không có) ý nói sắc đẹp hiếm có về thể chất lẫn tinh thần.

Bốn chữ Quốc sắc thiên hương trong văn-chương Trung-Hoa trở cái vẻ quý đẹp của hoa Mẫu đơn.

Sách Tùng-song tạp-lục chép ; Vua Đường-Minh-Hoàng ngự thưởng hoa Mẫu-Đơn trong nội điện. hỏi thị thần rằng thơ vịnh mẫu-đơn của ai hay nhất ? thì thần tâu thơ của Lý-chính-Phong. Thơ-ly có câu :

Quốc sắc triêu hàm tửu 國色朝酣酒

Thiên hương dạ nhiễm y 天香夜染衣

Nghĩa là : người quốc sắc ban mai say rượu (ý nói hoa đỏ) mùi thiên-hương buổi tối nhuộm áo khăn (nói về hương mẫu đơn.)

Hoa Mẫu-đơn là thứ hoa thơm, đẹp, quý nhất trong các thứ hoa, được gọi là Hoa-vương 花王 cho nên cũng có thể nói rằng khi nói Quốc Sắc Thiên Hương là người ta có ý ví người tuyệt sắc với hoa mẫu đơn.

Cả câu : đã đáng là sắc nước hương trời (đã đáng là người nhan-sắc tuyệt thế.)

« Một cười nầy hần nghìn vàng chẳng ngoa (722)

« Về đây, nước trước bẻ hoa (723)

« Vương-tôn quý khách ắt là đua nhau (724)

« Hần ba trăm lạng kém đâu,

22) Một nụ cười đáng giá nghìn vàng, ý nói người đẹp tuyệt trần, mỉm cười làm cho người ta say mê, bỏ nghìn vàng ra mua nụ cười cũng không tiếc.

Do chữ nhất tiếu thiên kim 一笑千金. Xưa Vương-Tăng Nhụ vịnh nàng Sủng-Cơ, có câu :

Tái cổ liên thành h dịch.

Nhất tiếu thiên kim mãi.

再顧連城易

一笑千金買

Nghĩa là :

Hai cái tiếu, thành liền cũng đổi. Một nụ cười, mua tới ngàn vàng.

Chẳng ngoa : chẳng sai.

723) Nước trước : Nước đây là nước đi, nước bước, tức là điếu đi, như : nước đại, nước kiêu (ngựa) được cờ (mỗi lần đi một quân cờ là một nước). Nước đây có lẽ do chữ Nắc biến ra.

Nước trước nghĩa là đi trước, đến trước, đi bước trước (Nước đầu là bước đầu tiên. Chết đầu nước là chết ngay bước đầu.)

Bẻ hoa : Bẻ bông hoa ; bông hoa đây nói bông gái đẹp.

Bẻ hoa tức là chiếm-hữu thân thể nàng Kiều.

Nước trước bẻ hoa ; chiếm hữu thân thể nàng Kiều trước tiên, tức là làm cho Kiều mất cái thân con gái (thất thân.)

Chữ-từ câu này là Vương-Tôn quý-khách ở câu tiếp theo.

724 Vương-Tôn 王孫 cũng tương tự như Công-tử, là con cháu nhà quyền-quý.

Vương-tôn quý-khách ắt đua nhau (tranh nhau) bẻ hoa nước trước.

• *Cũng đã vừa vốn còn sau là lời... (725)*

Miếng ngon kể đến tận nơi 726

Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham 727

Phẩm tiên đã bén tay phẩm (728)

725) Mã-giám-sinh đã bỏ ra ngoài bốn trăm lạng mua Kiều (Hồi lâu ngã giá vắng ngoài bốn trăm.) Đây có ba trăm lạng mà đã cho là đủ vốn, còn sau thì là lời. Mã tính lắm? Hay là tác-giả sơ ý?

726) Miếng ngon, đây vì sắc đẹp với miếng ngon. Miếng ngon kể miếng thì ai chẳng thèm, câu này nêu sự đồng-lỗi của co-hội. Nếu không kể đến tận nơi, thì có lẽ cũng không nên chuyện. Người Tàu thường có câu *Tứ sắc khả san* 秀色可餐 nghĩa là sắc đẹp, có thể ăn (coi ngon miếng lắm).

Cơm trắng ăn với chả chim, chồng đẹp vợ đẹp những nhàn mà no

Vì sắc đẹp với miếng ngon, không phải là không có căn cứ.

727) *Vốn nhà cũng tiếc* : Vốn của nhà bỏ ra cũng tiếc; ý nói. Mã « bẻ hoa nước trước » thì lo rồi không thu được vốn về chẳng?

Của trời cũng tham, của trời tức là của trời cho tự nhiên, tức là cái miếng ngon kể đến tận miếng, họ Mã lại cũng tham ăn. *Của trời cũng có* nghĩa là *Của nhà trời*, ở dưới trần không có của ấy, ý nói của quý-báu vô cùng, đây tỏ sắc đẹp của Kiều, sắc đẹp ấy họ Mã cũng tham.

Câu này cho biết họ Mã ban đầu trù-trừ chưa quyết, nửa muốn ăn miếng ngon, nửa sợ ăn thì mất vốn.

728) Các bản ra trước đây đều chép là; *Đạo tiên đã bén tay phẩm*, và mỗi bản giải nghĩa một cách.

« *Thi vin cảnh quít cho cam sự đời (729)* »

729) Bản của Bùi-khánh-Điền thi dẫn câu thơ vịnh quít
 của Lương văn-đế *Phan chi chiết phiêu can, cam chi nhược
 quỳnh tương* 攀枝折綠幹甘音若瓊漿 (vin
 cảnh quít, bẻ cành nhỏ, quả ngon ngọt như nước ngọc quỳnh).

— Bản của Hồ đắc-Hàm thi cho chữ « quít » là « *cup xuống* »
 nghĩa là « *Vin cho cảnh đào ngã quít xuống* ».

— Bản của Tản Đà Nguyễn-khắc-Hiếu trong suốt một
 trang biện luận, kết-thúc rằng : theo thể văn chỉ có đặt « *Thời
 vin cảnh đào* » là xuôi nghĩa ; mà chữ đào lại là tiếng bằng
 không thể đặt được ; ngoài chữ đào ra, kiếm được một chữ
 khác đặt vào mà có thể giữ được giá trị của câu, thật khó,
 trong khi quần bách về một chữ, mà lại tiếc cái bóng bẩy
 của một câu, tác giả mới đem chữ quít đặt tạm đó để thể
 nghĩa cho chữ đào, mà ở dưới ẩn đi với chữ cam rất có
 hứng-thú. Sự đặt tạm ấy rồi sau cũng không thể thay được
 tác giả đành để luôn nhất là hay, nhị là dở, phần nhận nghĩa
 phó mặc người xem văn. Văn chương đến chỗ ấy, thật là
 ngượng-tàng. Ngoài cụ Nguyễn-Du ít người dám có chữ như
 thế. Nay ta đọc đến câu này, biết đó là chữ quít mà cứ nhận
 nghĩa ra chữ đào, ấy là trí-kỷ của tác-giả.

— Bản của Nguyễn-văn-Vĩnh thi đổi chữ quít ra làm
 chữ tit (cao tit) để cho câu văn khỏi mất nghĩa.

— Bản dịch Pháp văn của Crayssac cũng theo bản của
 Nguyễn-văn-Vĩnh và dịch *Vin cảnh tit* là « *abaissions la branche
 la plus haute* ».

— Bản của Bùi Kỷ và Trần-trọng-Kim thi dẫn hai câu thơ
 của họ Tô :

Lão nhân du hí như đồng tử, bất chiết mai chi chiết uất chi
 老人遊戲如童子不折梅枝折橘枝 người
 già chơi như con trẻ không bẻ cành mai mà bẻ cành quít.

— Bản dịch Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh cũng chưa theo
 bản của Bùi-Trần.

Bằng ấy cách giải nghĩa cách nào cũng có một nghĩa riêng. Song chúng tôi thấy đều chưa được thông. *Cánh quit* lấy chữ ở đâu là một việc. Ở đây cần phải giải nghĩa cho thông cái văn-lý câu này. Sao ở trên nói *đào* mà ở dưới lại nói *quit*? Nghĩa chữ *quit* của Hồ-đắc-Hàm không được thông dụng; giải nghĩa như Tản-Đà thì tác-giả đã cố ý làm một câu văn vô nghĩa; sửa là *cánh tit* kê cũng có nghĩa nhưng vì lẽ này lẽ nọ chính cụ Nguyễn-văn-Vĩnh khi dịch Kiều ra Pháp văn đã bỏ đi không dùng chữ *tit* đã sửa trước kia, nghĩa là cũng chưa được ổn-đáng.

Theo thiển-ý chúng tôi thì câu văn nguyên tự nó đã bất thông cho nên giải thích cách nào nó vẫn bất - thông; cứ độ nguyên 14 chữ ấy, thì câu văn dù sao cũng vẫn vô nghĩa, Không có lẽ tác-giả lại cố ý làm một câu văn vô nghĩa như ý Tản-Đà. Có lẽ đó là người ta chép lầm. Không phải lầm chữ *quit* hay chữ *tit*, mà là chép lầm chữ *Phẩm* ra chữ *đào*.

Và chính vì chữ *đào* mà ngày nay người ta cố tìm cách giải thích cho câu văn dở vô nghĩa.

Phẩm tiên đã bèn tay phạm ý nghĩa và lời câu đại-khải cũng tương-tự như câu :

Phẩm tiên rơi đến tay hèn ở trên là câu Kiều than thân, mà tác-giả cố ý nhắc lại ý ấy ở đây, để xác nhận rằng chính Mã-giám-Sinh cũng tự biết như vậy.

Ý trên ý dưới như vậy là quán xuyên.

Và chẳng, chép là *phẩm tiên* thì hợp nghĩa với *miếng ngon* và nhất là câu của *trời cũng tham* ở trên hơn *Phẩm* nghĩa là của.

Hơn nữa, nói *đào tiên* tức là nói *quả đào tiên*. Nếu *quả đào tiên* đã bèn vào tay rồi, thì chỉ việc hái, nếm thôi, chi phải *vin cánh nữa*?

Vậy tưởng chép là *phẩm tiên* thì đúng hơn. Trước đây đã có một vài bản chép như thế, và ở một vài nơi, người ta vẫn đọc thuộc lòng như thế.

Chép *phẩm tiên* thì muốn hiểu là *đào tiên* hay *quit tiên* đều được cả,

- Dưới trần mấy mặt làng chơi (730)
- « Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa (731)
- Nước vô lựu, máu mào gà.

Và câu vẫn không vô nghĩa như trước. Còn câu « thì vin cành quít ... » ta có thể hiểu nghĩa theo hai câu thơ mà Bùi-Kỷ-Trần Trọng-Kim đã lẫn (Lão nhân du hí như đồng-tử, bất chiết mai chi, chiết quít chi) và có ngụ ý mỉa-mai ở trong, cũng như ta nói : già còn chơi trống bỏi. (Mà giám-Sinh mà còn vin cành quít như trẻ con !)

Cam sự đời : thỏa sự đời. Sự đời là việc đời, và có nghĩa riêng là việc ăn tình giữa trai gái.

Chữ cam là bỏ, là thỏa, đi tức chữ quít, làm thành một sự chơi chữ khá cầu kỳ.

730) *Dưới trần* là trong cõi trần-tục, trần-thế, trần-gian, tức là cõi bụi-bặm; cõi đời chúng ta ở hiện giờ.

Chữ trần dùng ở đây rất hay. Đối lập và nghịch nghĩa với Trần là tiên. Trên nói *Phẩm tiên*, của trời, đây nói dưới trần, tác-giả có ý nói mấy mặt làng chơi ở dưới trần thì biết thế nào được phẩm tiên ? ý này thấy ở câu dưới.

Mấy mặt tức là mấy người. Nói mấy mặt có ngụ ý khinh bỉ, xách mé.

Làng chơi trò gồm đám người, bọn người chơi bởi dăng điếm.

731) *Chơi hoa* là thưởng-thức sắc đẹp. Hoa đây tượng-trưng sắc đẹp, và sắc đẹp trở gái đẹp.

Biết hoa là biết phân-biệt rõ hoa xấu đẹp quí giá ở chỗ nào.

Câu này đại ý nói : bọn làng chơi chơi gái đã dễ mấy người phân biệt được gái tân với gái mất tân.

« Mượn màu chiếu tập lại là còn nguyên (732)

« Mập mờ đánh lộn con đen (733)

732) Nước vô lựu : Vô quả thừa-lựu đem sắc thành nước đặc.

Màu mào gà : Màu trích ở mào con gà trống.

Mượn màu : Mượn cái màu.mỡ, chất-vị của nước vô lựu hoà với màu mào gà.

Chiếu tập 摺疊 dùng cách sửa chữa làm cho y như còn nguyên lành.

Còn nguyên : còn nguyên vẹn như tân.

Hai câu này cho biết cách giả-tạo của bọn lâu xanh để đánh tra khách chơi. Sách Bắc-lý-chí chép : « gái thanh lâu tiếp khách xong lấy vô lựu sắc lên pha màu mào gà vào mà rửa thì lại như nguyên ».

733) Đánh lộn : đánh lừa, làm cho lằm lẩn.

Con đen ; Người thường-dân, người ở lớp dân-chúng không có quan chức và theo nghĩa rộng, người tầm-thường không sành-sỏi, lợc-lỗi, cũng như ta nói nhà quê hay « đinh-dù » hay « quích » « quỳnh » tức là người ngu-ngốc, có tiền mà dại,

Con đây không có nghĩa là con cái, mà là một loại-tự chỉ một hạng người, như :

Con buôn, là hạng lái buôn,

Đen sờ dĩ có nghĩa là thường-dân, dân xoàng. dân-quê, là vì ngày xưa, người ta gọi bách-tích tức người thường-dân là *Kiểm thủ* 黔首 là đầu đen là *Lê-dân* 黎民 nghĩa là dân đen và sau cùng hợp cả hai danh từ ấy lại gọi là *Kiểm lê* 黎黔 nghĩa là Đen nghĩa cũng như *Kiểm thủ* hay *lê dân*.

Con đen cũng có nghĩa là con dân đen, như nghĩa trong câu ca-dao ; Con quan thì lại làm quan con đen thì lại bắt hoàn con đen ; nhưng con đen, ở đây không có nghĩa như Con đen trong câu ca-dao.

Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi ? (734)

« Mụ già hoặc có điều gì (735)

• Liều công mất một buổi qui mà thôi (736)

« Vả đây đường xá xa-xôi.

734) Bao nhiêu tiền ; Hoa (tức Kiều) còn nguyên vẹn nhiều hay ít, còn bao nhiêu phần trăm bạch chẳng nữa. .

Cũng bấy nhiêu ; thì bọn con đen cũng phải trả bấy nhiêu tiền (chớ không phải căn cứ được vào sự còn tàn ít hay nhiều mà trả thêm tiền hay trả bớt tiền đi).

Mất chi ; (như vậy thì) mất gì, thiệt gì. Nghĩ đi nghĩ lại tính toán lợi hại Mã-Giám-Sinh dần dần bớt do dự và mỗi phút mỗi thấy sự tính toán của mình là không sai.

735) Mụ già đây trở vợ Mã-Giám-Sinh, tức là Tú Bà.

Tiếng tục của Tàu gọi vợ là Lão bà 老婆 tức là bà già, mụ già. Mụ già đây là dịch chữ Lão bà.

Điều gì : sinh truyện trách mắng hoặc không bằng lòng.

Cả câu ; Nếu mụ vợ có lời thôi truyện gì.

736) Liều chịu cho vợ phạt qui một buổi là cùng.

— Thời bấy giờ đã có lệ phạt qui rồi ? Ngày nay thầy giáo phạt qui học trò, chỉ là theo một hình phạt cổ. Điều đó chưa khiến chúng ta ngạc nhiên bằng truyện vợ phạt chồng qui ; có lẽ đó phải là truyện thông thường trong thời bấy giờ, mà chỉ là một trường hợp đặc biệt của anh chồng họ Mã.

— Do câu này, tác giả cho ta biết thêm về tư cách đề-tiền đáng bỉ của họ Mã.

— Thế là Mã-Giám-Sinh đắm mụ liều.

Gã không trừ trừ nữa.

Gã đã quyết và còn tìm thêm được lý do để ủng hộ quyết-dinh ấy.

« Mà ta bất động, nữa người, sinh nghi » (737)

Tiệc thay ! Một đóa trà mi ; (738)

737) Đến đây là đến chỗ này. (quê Kiều)

Đường xa xa xôi ; ở nơi đường xa xa xôi, không gần mộ Tú.

Bất động ; Không động dạng gì, không hành động gì, không động chạm gì đến nàng Kiều.

Nửa đây có nghĩa là Kẻo nửa tức ; e rồi...

— Chữ nữa đây cũng có nghĩa như chữ nữa trong câu Hồ xuân-Hương phê vào đơn của thị Đào xưa.

Chữ rằng xuân bất tái lai.

Cho về kiếm chút kẻo mai nữa già

Người ; người ta, đây trở nàng Kiều.

Sinh nghi ; sinh ra nghi ngờ, dám ra ngờ vực việc cưới xin.

Đây là hai lý do cuối cùng khiến Mã-Giám-Sinh đánh liều ngoạm vào « miếng ngon » cho « cam sự đời », Thế là nàng Kiều không còn là thân gái nữa.

738) Tiệc thay ! Hai chữ này đột ngột bất ngờ, giữa lúc đang tỉ mỉ mô tả ý nghĩ thâm kín của Mã - Giám-Sinh ; — gây nên cho người đọc một ấn tượng kinh-ngạc và than tiếc mạnh mẽ đột nhiên.

Trà mi ; Chữ Tàu là Đờ mi 茶靡 ; xưa chữ Trà viết là 茶 đến đời Đường, Lục Vũ soạn sách Trà-kinh, mới bớt đi một nét viết là 茶 bấy giờ mới thành hai chữ Trà và Đờ.

Có lẽ vì thế, mà ta gọi là Trà Mi.

Cứ theo tả trong sách Tàu, thì Trà Mi, trông bằng cành lá có răng cưa, cành và chành non có gai, nở hoa về mùa hè, hoa màu vàng nhạt, coi rất đẹp. Ngờ rằng không phải là thứ hoa Trà ta vẫn trồng. Hoa Trà của ta không có hương thơm và không thấy có ong đến lấy mật, có lẽ vì hoa Trà nhị không có mật.

Đây vì Kiều với Trà Mi.

Con ong đã tỏ đường đi lối về ! (739)

Một cơn mưa gió nặng nề (740)

Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương (741)

Đêm xuân một giấc mơ màng (742)

739) Con ong đã ra vào được hoa Trà-Mi, ý nói Kiều đã bị mất tằm.

Có bản chép là *Đã tỏ* nghe cũng có nghĩa,

740) *Một cơn mưa gió nặng nề* : Mưa gió trở sự trai gái (xem, lời chưa câu *Bóng khuông đỉnh Giáp non thần* số 377) *Một cơn mưa gió nặng nề* là một trận cuồng dục nặng-nề khó chịu cho Kiều, vì nàng vốn là gái tằm.

741) Do những chữ *Liên hương tiếc ngọc* 憐香惜玉 nghĩa là thương mùi hương, tiếc vẻ ngọc, ý nói gương nhẹ nâng giấc dịu dàng làm cho hương tàn ngọc ổ.

Đây Mã-Giám-Sinh không *Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương*, là chàng đã hành động một cách thô lỗ, mạnh mẽ rực-sức, kém tế nhị không biết nâng giấc gương nhẹ cho nên cơn «mưa gió» mới «nặng nề» cho Kiều. Chính là tả sự thất-thân của Kiều, mà lại tả luôn được cái tư-cách lỗ-măng thô-bỉ của họ Mã.

742) *Đêm xuân* ở chỗ này mà hiểu là đêm mùa xuân, như các bản dịch Pháp-văn của Nguyễn văn-Vĩnh, và Crayssac thì sai. (nuit de prin'emps, nuit printanière.)

Vì bấy giờ là mùa thu. Xem lại câu *đêm thu một khắc một chày* và lời chú giải câu Bốn bề xuân khóa một nàng ở trong.

Đêm xuân đây có nghĩa là đêm xuân-tinh, đêm ân-ái, hoặc là đêm đã xảy ra sự trai gái.

Xuân ngoài nghĩa là *mùa xuân*, còn có nghĩa là sự trai gái.

Một giấc mơ-màng đây là nói, sau một giấc mơ-màng Kiều thức giấc đây...

Đuốc hoa đèn đỏ mặc nàng nằm trơ (743)

743) Đuốc hoa dịch chữ Hoa-chúc 花燭 nghĩa là nến hoa. Chúc thời cổ là đuốc tức bó dóm to.

Bó đuốc chưa đốt gọi là *Tiên* 堦, đuốc châm lửa cầm ở tay gọi là *chúc* 燭, đuốc lớn đóng cọc xuống đất mà đốt gọi là *đỉnh* 庭燎 (Tục ngữ có câu : cháy như đỉnh liên).

Từ đời LỤC TRIỀU, ĐƯỜNG, TỐNG có tục đốt HOA-CHÚC trong lễ kết-hôn, nên sau này, để nói việc chính-thức kết-hôn người ta thường dùng hai chữ HOA CHÚC.

HOA CHÚC thời Lục Triều và thời Đường không biết có phải là bó đuốc có kết hoa ở ngoài cho đẹp không? Còn thời Tống thì HOA CHÚC vừa là đuốc hoa, lại vừa là nến sáp hoa.

Sách *mộng lương-lục* đời Tống chép rằng : « cô dâu xuống xe, mấy con hát cầm đuốc làm bằng cuống hoa sen đi trước đưa đường ».

Sách *Qui Điền-lục* của Âu-Dương Tu đời Tống chép rằng Ở Bạng-châu có thứ *hoa lập chúc* (thứ nến làm bằng sáp hoa) nổi tiếng thiên-hạ, ở kinh-dô cũng không chế nổi.

Điều chắc-chắn là từ thời cận-kim, người Tàu đều hiểu chúc là nến, chứ không hiểu là đuốc như thời cổ.

Và từ nghĩa là đ. ốc hoa, *hoa chúc* dần dần biến nghĩa thành nến hoa, đèn hoa.

Rồi chữ *hoa* sau chỉ còn là một tiếng đệm cho đẹp, *đuốc hoa* thành tiếng trở ngọn đèn, đốt trong phòng cô dâu, ngày mới cưới.

Ta nên nhắc : mấy chữ *động phòng hoa chúc* 洞房花燭 là những chữ thường được dùng để trở đêm động phòng đầu tiên của cô dâu chú rể.

Nguyên mấy chữ trên không có nghĩa ấy.

Động phòng là căn phòng sâu, phòng kín như động, như hang.

Hoa chúc là bó đuốc kết hoa, là nến đốt trong đèn lồng vẽ hoa.

Giọt riêng tăm tã tuôn mưa (744)

Phần cảm nỗi khách, phần dơ nỗi mình (745)

Tuồng chi là giăng bôi tanh ? (746)

Sở dĩ *động phòng hoa chúc* có nghĩa là đêm tân-hôn là vì câu thơ của *Dĩ-tin-dời* Nam-Bắc-Triều.

Động phòng hoa chúc mình.

Vũ dư ong yến khinh.

Nghĩa là :

Phòng sâu đuốc hoa sáng trưng.

Mùa xong đôi én nhẹ nhàng.

Đuốc hoa trong câu này chỉ có nghĩa là ngọn đèn đề trong phòng Kiều (vì Kiều là cô dâu mới nên gọi là *đuốc hoa*).

Đuốc hoa đề đó mặc nàng nằm trơ : chong đèn đề một mình nàng nằm trơ trong phòng. Lệ thường đêm tân-hôn vợ chồng ân ái trong phòng, bầu bạn truyện trò với nhau đầm thắm vui vẻ. Ở đây sau « giấc mơ-màng, Mã-giám-Sinh vội lén đi nơi khác, để mình nàng nằm trơ. Thật là một truyện khác thường.

Điều đó khiến Kiều ngờ-vực và uất-tức trong lòng. Nàng căm tức người đã hành hạ cực-xúc lỗ-măng và sau đó tỏ ý khinh-ghét ghê-lạnh đối với nàng. Nàng căm tức quá đến nỗi phát khóc.

Đến đây tác giả lại cho biết rõ thêm về tư cách bất lịch sự và khà ố của họ Mã. Tuy là một nhà nho, mà họ Mã vụng về, lỗ-măng, cực-xúc, vũ phu, như một đứa vô học.

744) *Giọt riêng* : giọt lệ riêng, tức là nói khóc trộm một mình : *tăm tã tuôn mưa* : giọt lệ luôn ra tăm tã như mưa.

745) *Cảm* : giận hờn, *khách* : người lạ, đây trỏ Mã-giám-Sinh.

Dơ : bẩn, lấy làm bẩn, lấy làm ghê tởm.

Nỗi : nỗi nóng nôi, việc xảy ra.

746) *Tuồng chi* : ra cái tuồng chi, ra cái trò chi, ra cái đồ chi, tức không ra gì.

Giống hời tanh : giống vật hời tanh, hời như chim cú, như chnột chủ, tanh như cá mè.

Câu này giải thích ý : *căm nỗi khách*.

Thân nghìn vàng để ô danh má hồng (747)

Thôi, còn chỉ nữa mà mong.

Đời người đến thế là xong một đời ! (748)

Giận duyên tui phận bởi-bời, (749)

Cầm dao nằng đã toan bài quynh-sinh (750)

Nghĩ đi nghĩ lại một mình :

747) *Thân nghìn vàng* : dịch chữ Hán thiên kim khu 千金 軀 nghĩa là cái thân thể quý-trọng như vàng.

Thơ Đỗ Phủ có câu : Vương tôn thiên bảo thiên kim khu.

王孫善保千金軀

Vương-tôn giữ khéo lấy thân nghìn vàng.

Ô danh 汚名 là bẩn mất cái danh tiếng, tức như ta nói xấu danh, Tục ngữ : một người làm đi xấu danh đàn bà.

Má hồng dịch chữ hồng nhan trở đàn bà.

Cả câu : cái thân nghìn vàng mà nỡ để xấu danh đàn bà.

Câu này giải thích ý : phần dơ nời mình ở trên.

748) *Đời người* ; đây là nói đời người con gái. Theo quan-niệm đạo-đức luân-lý cổ, đời người con gái chỉ quý ở chữ trinh. Hễ mất trinh là chấm dứt đời con gái. Cho nên chữ Hán có những chữ *thất thân* 失身 nghĩa là mất mình (cũng như chết) để rõ việc con gái mất trinh. Kiều bị mất trinh với họ Mã, nên than rằng thế là hết đời ! (thật ra mới chỉ hết đời con gái).

749) *Bởi bởi* : bởi rồi, rồi rít trong ruột, ý nói giận duyên tui phận nhiều lắm.

750) *Bài đây có nghĩa như bề, tức là một mặt giải quyết, một diềm quyết định.*

quynh sinh : 捐生 bỏ đời sống tức là tự tử.

Định quynh sinh sao không quynh sinh ngay từ lúc Mã giám-Sinh chưa làm ô danh ? có thể mới giữ được trọn sự trong sạch.

* Một mình thì chớ, hai tình thì sao ? (751)

* Sau dầu sinh sự thế nào (752)

* Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân (753)

751) *Thời chớ* ; thì chẳng sao cả ; một mình thì chớ nếu nàng chỉ có một mình thì tự-tử cũng chẳng sao.

Hai tình : đây là nói hai tình thân yêu tức là Song thân trở bố mẹ.

Cả câu : một mình thì tự tử chẳng sao, nhưng còn cha mẹ thì biết làm thế nào ?

752) Câu này giải-thích ý thì sao ở trên chưa nói rõ.

Dầu sinh sự ; nếu sinh truyện.

753) *Truy nguyên* 追尋 là tìm, xét đến gốc, đến nguyên nhân đến căn nguyên một việc.

Chẳng kéo : đây phải hiểu theo nghĩa là : chẳng khỏi hoặc kéo nữa. « Kéo » có nghĩa là : nếu không thì sợ rằng, e rằng.... Nghĩa ấy thấy trong nhiều ca-dao tục-ngữ và thơ cổ : *Anh ơi buống áo em ra, để em đi chớ kéo mà nhờ phiền (ca-dao)* *Ai ơi chơi lấy kéo già (ca-dao)* *Cho về kiếm chút kéo mai nữa già (Hồ Xuân-Hương)* *Nin đi kéo thẹn với non sông (Hồ Xuân-Hương)* *Chơi xuân kéo hết xuân đi (c — d)* *Cướp lấy khi nguyên kéo nữa hoài (Nghê Tàn)* v v..

Kéo nữa : sợ rằng sau này.

Kéo mà : cũng như kéo, nhưng nghĩa bỏ lửng cũng như nói lửng sợ rằng... e rằng...

Cứ theo nghĩa chữ *kéo* và cách dùng chữ *kéo* trong ca-dao và thơ xưa, thì hai chữ *chẳng kéo* hình như dùng sai hoặc nói thừa.

a) Có lẽ chữ *chẳng* trong trạng-tự *chẳng kéo* không có nghĩa là *không* : chẳng đây không tỏ ý phủ-định, mà chỉ là một chữ đệm thêm nhấn mạnh ý *kéo*. Cũng như trường hợp chữ *chẳng* trong *chẳng tha*. *Chẳng tha* nhiều khi được dùng như *tha* thì *chẳng kéo* đây cũng có thể chỉ có nghĩa là *kéo*.

« Nỗi mình âu cũng giãn dần (754)

« Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi » (755)

b) Có lẽ vì chữ *chẵn* có nghĩa gần với tiếng *kẻo* và có thể thay được chữ *kẻo* trong nhiều câu, mà ý nghĩa chính của câu ấy cũng vẫn không thay đổi nên người ta dùng luôn hai chữ *chẵn* và *kẻo* liền với nhau để làm cho ý mạnh thêm cũng như trường-hợp chữ « *cấm* không được »

Chơi xuân kẻo hết xuân đi

Ái ơi ! chơi lấy kẻo già

Cho em đi chợ kẻo mà chợ trưa...

Có thể đổi làm :

Chơi xuân chẳng hết xuân đi

Ái ơi ! chơi lấy chẳng già

Cho em đi chợ chẳng mà chợ trưa

Mà ý-nghĩa vẫn không khác nhau mấy chút.

c) Hoặc cũng có thể hiểu *chẳng kẻo* theo thể nghi vấn :

Chẳng kẻo : chẳng lại e sợ... *ư chẳng kẻo lụy vào song thân* : chẳng lại e rằng lụy đến song thân *ư* ?

Kiếp này chẳng kẻo đền bù mới xuôi : kiếp này chẳng lại e rằng phải đền bù thì mới xuôi *ư* ?

Lụy 累 là ràng-buộc, dính-liu, dầy-dưa.

Song thân : hai người thân nhất tức là cha mẹ.

Kiều lo nếu nàng tự-tử thì người ta truy nguyên sẽ làm liên lụy đến cha mẹ.

754) *Giãn* là nới ra, lỏng ra ; nỗi lòng của Kiều lúc trước bởi bởi rối rắm đầy cả dạ, nay nghĩ đi nghĩ lại, nàng thấy nỗi lòng giãn dần, nới lỏng dần, tức là nguôi dần nỗi *cấm giận khách* và nỗi *độc phận* mình.

755) *Kíp* là gấp, mau, chóng.

Chầy là chậm, là lâu.

Một lần đây là một lần chết (tự-tử, Kiều vẫn không bỏ ý định tự-tử. Nhưng dù tự-tử hay không nàng cũng không còn giữ được mình trong sạch để đền-đáp cái nghĩa thề-bởi của

Những là do dẫn ngược xuôi (756)
Tiếng gà nghe đã gáy sỏi mái tường. (757)
Lầu mai vừa rúc còi sương, (758)
Mã-sinh giục già vội-vàng ra đi, (759)
Đoạn-trường thay, lúc phân kỳ, (760)

Kim-Trọng, điều mà nàng đã định-ninh nói đi nói lại với Thúy Vân).

— Hai chữ *thời* trong câu này nghe như tiếng thở dài của Kiều.

756) *Do dẫn ngược xuôi* : so độ suy đi suy tới kỹ.

757) *Gáy ỏi* : gáy âm lên, gáy sỏi-nổi; *mái tường* : mé tường.

Câu này cho biết Kiều, đêm ấy không hề chợp mắt. Nàng thức thâu đêm suốt sáng, khóc-lóc, lo-buồn.

758) *Lầu mai* : chòi canh về sáng.

Rúc còi sương ; từ-và thời từng hồi thúc-dục, trong lúc trời còn sương, tức là trời còn sớm tinh sương.

Đây là hồi từ-và tan canh thời trên chòi canh. Ngày xưa người ta thường dùng trống để cầm canh. Cũng có nơi dùng từ-và thay trống.

Câu này nói trời vừa sáng.

759) Trời vừa mới sáng, Mã-giám-Sinh đã vội giục Kiều ra đi. Điều đó tỏ rằng Mã e truyện võ-lữ và Kiều đánh tháo về nhà chẳng ỏi ra thì điều đó cũng chứng tỏ rằng đám cưới của Kiều khác thường, chẳng khác chi vụ ăn cướp người vậy.

760) *Đoạn-trường* đây dùng như một tính-từ (adjectif) có nghĩa đau đớn quá (như đứt được ruột)

Phân kỳ là chia đường, chia lối, ý nói chia là mỗi người một ngã.

Lúc phân kỳ cũng như *lúc chia tay* lúc *phân lý*.

Vó cầu khắp-khềnh, bánh xe gập-ghềnh (761)

Vừa ngoài mười dặm trường-đình (762)

Vương Ông bày tiệc tiễn hành đưa theo. (763)

Ngoài thì chủ khách dập-dìu (764)

761) *Vó cầu* : vó ngựa (ngựa Cầu là ngựa non đang sức lớn)
Khắp-khềnh : ngựa đi trên đường gồ-gề chỗ cao chỗ thấp nên bước đi khắp-khềnh.

Bánh xe gập-ghềnh : đường xấu, vó ngựa đi khắp-khềnh, thì bánh xe đi cũng gập-ghềnh, nghĩa là xóc nghiêng bên nọ, nghiêng bên kia.

Cầu này tả cảnh đi đường trường rất gợi hình rất linh động, vừa tả được đúng sự thật (đường đi bên Tàu ngày xưa lát đá học xe đi rất xóc) vừa hình-dung được con đường gồ-gề khó đi, vừa nói lên được nỗi vất-vả chật-vật của cuộc lữ-hành.

762) Đường đi bên Tàu ngày xưa, cứ năm dặm có một cái quán trạm, gọi là đoàn-đình, cứ 10 dặm có một cái quán trạm gọi là tràng-đình dùng làm nơi tạm trú cho khách đi đường. Tục Tàu xưa, chủ thường tiễn khách ra khỏi 10 dặm đường, làm tiệc tiễn hành ở tràng-đình rồi mới trở về.

Các bản đề là *Bề ngoài* ngờ là *Vừa ngoài* chép lầm. Tiếng nôm chữ bề và chữ vừa viết giống nhau.

Vừa ngoài mười dặm tràng-đình : vừa đi được hơn mười dặm. Chép *Bề ngoài* nghĩa không xuôi.

763) Lễ-giao bó buộc người ta đến thế là cùng ! Tùng-quần đến phải bán con gái đi để lấy tiền lo kiện, mà còn phải bày vẽ ra tiệc tiễn-hành đưa theo tận ngoài mười dặm thì kẻ cũng phiền.

764) *Ngoài* là ở ngoài, ở nhà ngoài.

Chủ đây trỏ Vương-Ông, vì Vương-Ông là chủ bữa tiệc tiễn-hành họ Mã.

Một nhà Huyền với một Kiều ở trong (765)

Nhìn càng lã-chã giọt hồng (766)

Rỉ tai, nàng mới giải lòng thấp cao (767)

« Hồ sinh ra phận thơ dào, (768)

Khách đây trở Mã-giám.Sinh và bọn tôi.tố họ Mã ; đối với Vương.Ông, bọn này là những người khách được tiễn-hành. Có thể có cả những người khách khác được mời trong bữa tiệc này.

Dập-diu : đông-túc xôn-xao, ý nói ăn uống rộn rịp.

Cứ coi cách tiễn tòng, tiễn biệt của nhà họ Vương, thì người ta thấy họ Vương vẫn coi cuộc hôn-nhân của Kiều là một việc vui mừng. Nó không phải hẳn là một việc bán mình như ý Kiều nghĩ. Họ Vương không tỏ dấu gì ngờ-vực Mã-giám.Sinh là tên bợm già.

765) *Nhà huyền* là mẹ, đây là Vương.bà thân mẫu Thúy Kiều.

Ở trong : ở trong phòng, ở nhà trong, nơi kín đáo.

Theo lẽ, đàn bà phải ở trong buồng kín.

Bằng hai chữ *một*, tác-giả định nhấn mạnh ý vắng.vẽ của căn phòng. Ngoài hai mẹ con Kiều ra, không còn người thứ ba. Cũng như ta nói : chỉ có một mình Kiều với Vương Bà ở trong phòng.

766) *Nhìn càng lã-chã giọt hồng* : hai mẹ con nàng nhìn nhau càng khóc.lóc thắm thiết. Vì đây là một cuộc chia ly, tiễn-biệt.

Giọt hồng là giọt nước mắt đỏ tức là nước mắt máu, ý nói khóc-lóc thắm-thiết lắm.

(Xem lời chua số 566 ở trên).

767) *Rỉ tai* là ghé vào tai khẽ nói.

Giải lòng là giải tỏ, bày tỏ, nổi lòng, những ý nghĩ trong lòng.

Thấp cao cũng như nhỏ to. ý nói những điều lớn điều nhỏ đều giải bày ra hết

768) *Thơ dào* dịch chữ dào yêu hay yếu dào 夫桃 là cây

« Công cha nghĩa mẹ, kiếp nào trả xong ? (769)

« Lỡ-làng nước đục bụi trong (770)

« Trăm năm để một tấm lòng từ đây (771)

đào non, theo chữ trong kinh Thi ; đây có nghĩa là con gái ngây thơ ít tuổi.

Kiều nói : nàng lấy làm xấu hổ sinh ra làm thân phận con gái. Nàng có ý tiếc thắm rằng không được sinh ra làm con trai,

769) Vì sinh làm con gái nên Kiêu mới tự hỏi không biết kiếp nào mới trả được công cha nghĩa mẹ, con gái lúc lớn lên phải về nhà chồng, nên việc trả công nghĩa cha mẹ vẫn là việc khó. Nhất là đây Kiêu lại đi lấy chồng ở nơi ngoại hương.

770) Kiêu phải lấy chồng như vậy là việc lỡ-làng. Nàng vẫn định sẽ lấy Kim-Trọng.

Đó là một việc lỡ-làng đáng tiếc vô cùng, y như là nước bị đục, bụi hóa trong.

Nước đáng lẽ bao giờ cũng trong mà nay lại hóa đục ; bụi bao giờ cũng bẩn mà nay lại hóa trong, việc đời đến thế là lỡ-làng trái ngược hết sức.

Kiều muốn nói : làm thân con gái đã khó lòng mà trả ơn cha mẹ được ?

Nước đục bụi trong dịch chữ hán Thủy trọc trần thanh
水濁塵清

771) Trăm năm nghĩa là suốt đời. Người ta cho đời người chỉ ở trong khoảng thời gian một trăm năm. Nên lấy « trăm năm » để trả đời người.

Để một tấm lòng từ đây : là từ đây để lại một tấm lòng. Để tức là để lại. Đây lời Kiêu nói. Vậy chữ từ của động từ để là Kiêu, Kiêu để lại một tấm lòng từ đây. Từ đây nàng để lại một tấm lòng cho ai ?

Trên Kiêu nói đến cha mẹ và đang nói với mẹ. Vậy nàng

cho cha mẹ và riêng cho Vương bà, người mẹ đang ngồi trò chuyện với nàng.

Một tấm lòng đó là một tấm lòng ?

Các bản dịch Pháp-Văn của Crayssac và của Nguyễn-văn-Vĩnh đều cho tấm lòng đó là *lòng hối hận* (remords).

Bản của M. R. (Alexandre de Rhodes) thì cho là *tấm lòng yêu đến cha mẹ* (cœur aimant).

Xét theo văn-lý đoạn này, hiểu như vậy, có lẽ đều sai. *Tấm lòng* là *tấm lòng* do *Kiều để lại cho cha mẹ nàng*. *Tấm lòng* ấy nếu là *lòng hối hận*, thì chả hóa ra *Kiều* định oán-trách cha-mẹ, bắt cha mẹ suốt đời phải hối-hận vì để nàng bán mình ư ? Ở đây, *Kiều* không định oán-trách cha-mẹ. *Kiều* chỉ định kêu gọi lòng tha-thứ của cha mẹ nàng vì nàng chắc trước rằng công cha nghĩa mẹ không kiếp nào trả xong. Vậy một *tấm lòng* đó không thể là *lòng hối-hận*. Cho *tấm lòng* đó là *lòng yêu-mến* (cœur aimant) cũng bất thông. Hiểu như vậy thì ra có gặp bước lố-làng, *Kiều* mới để lòng *yêu-mến* cho cha-mẹ ? Trong trường hợp thường, thì để nàng không được cha mẹ *yêu-mến* hay sao ?

Sau khi kể-lẽ và dẫn chứng cho mẹ biết là có lẽ mình mắc bợn già, *Kiều* kết-luận bằng giọng cam đành và thất vọng :

Thôi con còn nói chi con.

Sống nhờ đất khách thác chôn quê người.

Kiều muốn nói : (từ đây) cái mình nàng coi như là bỏ đi không đáng kể, vì sống chết chưa biết thế nào. Trông câu nói của nàng có ngụ một ý liễu-lĩnh, tức là ý liễu một sống một chết ở nơi đất khách quê người. Nàng không còn mong gì báo hiếu cha mẹ nữa. Nàng chỉ còn có thể để lại cho cha mẹ nàng một *tấm lòng* mà thôi.

Trong trường-hợp của *Kiều*, một *tấm lòng* ấy chỉ có thể là *tấm lòng thương sót* hoặc *tấm lòng thương nhớ*.

Vì nàng có ý liễu mình, coi mình nàng từ phút ấy (từ đây) như là bỏ đi, không có nữa nên nàng mới nói một cách chua-sót rằng : từ đây để lại lòng *thương nhớ* suốt đời cho cha mẹ

Đối với người chết đi, người ta vẫn nói *đề thương*

- « Xem gương trong bấy nhiêu ngày, (772) »
 « Thân con chẳng kẻo mắc tay bọm già, (773) »
 « Khi về, bỏ vắng trong nhà. (774) »

đề nhớ, tức là để lại lòng thương nhớ cho người sống.

Trong những cuộc gọi hồn (?) người sống thường nói với người chết ; *thương đi gọi nhớ đi tìm*.

Dù sao, trong buổi tiễn-biệt chia tay mà người ra đi nói với người ở lại là mình để một tấm lòng cho người ở lại thì tấm lòng ấy cũng chỉ có thể là tấm lòng thương nhớ, chứ không thể là lòng hối-hận hay lòng yếu-đương.

772) Gương đây không phải là cái gương soi mặt. Gương đây dùng theo nghĩa bóng, nghĩa là gương mẫu, mẫu mực.

Kiều muốn nói xét những cử-chỉ ngôn-ngữ có thể làm gương mẫu cho tư-cách, đức-hạnh của họ Mã trong bấy nhiêu ngày chung sống với già.

773) Chẳng kẻo nghĩa cũng như chẳng khỏi.

Có lẽ thời tác giả chẳng kẻo là một thành-ngữ thông-dụng theo nghĩa chẳng khỏi. Xem lời chua câu « Truy nguyên chẳng kẻo lụy vào song thân » ở trên.

Tay : tiếng thông-tục, nghĩa ấy cũng như người, kẻ ; thí-dụ phải tay vợ cả phũ-phàng, phàm tiền rơi đến tay hèn, phàm tiền đã đến tay phàm.

Bọm già : kẻ đi lừa gạt đã thạo. Già đây nghĩa là chuyện môn, là tài-giỏi, là lâu ngày, là cũ-khỏi, chứ không có nghĩa là nhiều tuổi (Mã-giám-Sinh quá nên mới ngoại tứ tuần mà râu nhẵn nhụi...). Dù sao cũng chưa phải là người già)

Kiều cảm thấy như nàng đã mắc lừa : hình như Mã-giám-Sinh không cưới nàng về làm vợ mặc dầu họ Mã đã làm đầy đủ mọi việc theo lễ như nạp-thái, vu-quy...

774) Khi về là khi họ Mã rước dâu về, khi đưa Kiều về trú-phường.

Bỏ vắng trong nhà : họ Mã bỏ một mình Kiều ở trong

« Khi vào dùng.dùng, khi ra vội.vàng ; (775)

« Khi ăn, khi nói lỗ.làng, (776)

« Khi thấy, khi tỏ xem thường xem khinh (777)

phòng vắng (bốn bề xuân khóa một nàng ở trong). Theo lẽ, nếu là vợ chồng thật, thì ngày vu-quy vợ chồng phải làm lễ hợp-cần, xum vầy ân-ái với nhau, Đưa dâu về nhà, bỏ mặc cô dâu một mình trong phòng vắng như vậy, là một việc khác thường khiến người ta ngờ vực.

Khi vào : là khi Mã-giám.Sinh vào trong phòng (nhập phòng) với Kiều.

Dùng dùng là ngưng-ngừng, do-dự tỏ vẻ miễn-cưỡng, lo-lắng.

Nếu là vợ chồng thật thì ngày cưới, vợ chồng nhập-phòng rất vui.vẻ, âu-yếm, đầm-ấm, quấn-quít lấy nhau. Dâu này họ Mã mỗi khi nhập phòng thì tỏ vẻ miễn-cưỡng, do-dự lạnh-lùng có một thái-độ khác thường, cho nên Kiều lấy làm ngờ.

Khi ra : khi Mã-giám.Sinh ở trong phòng ra.

Vội vàng : họ Mã nhập phòng ân-ái với Kiều xong thì vội vàng ra ngoài ngay (đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ).

Nếu là vợ chồng với nhau thì sao lại vội.vàng như vậy ? Thái-độ khác thường đó khiến Kiều ngờ.

776) *Khi ăn khi nói lỗ làng* : khi họ Mã ăn nói thì thường hay nói lỗ lời, thí-dụ như khi gọi Kiều là cô, là chị, khi thì gọi Kiều là em, là mình, là à... tỏ rằng họ Mã không có một ý-niệm nhất-định về vai trò của Kiều. Tức là địa vị của Kiều chưa được ổn-định rõ-rệt, nên họ Mã mới hay lỗ lời, nói nhịu như vậy.

777) *Khi thấy, khi tỏ xem thường xem khinh* : Các bản pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh và của M. R. đều cho là tới tờ của họ Mã xem thường xem khinh họ Mã

Hiệu như vậy, có lẽ không sát với tinh-thần đoạn văn.

Vì những lý-do sau đây :

a) Câu khởi đầu bằng chữ *khi* ở liền trên. Kiều tả cách ăn-

ở của họ Mã đối với nàng. Câu này tiếp liền theo sau và cũng khởi đầu bằng chữ *khi*, tất cũng theo mạch văn, tả cách ăn ở của họ Mã đối với nàng Kiều. Nếu hiểu theo Nguyễn-văn-Vĩnh và M. R. thì câu này trái với mạch văn đang đi, vì không dính-liu gì đến Kiều cả.

đ) Ba câu khởi đầu bằng chữ *khi* ở liền trên, câu nào chủ-từ cũng là họ Mã. Họ Mã đem Kiều về bỏ nàng một mình trong phòng vắng; họ Mã khi vào dùng-dăng khi ra vội-vàng, họ Mã ăn nói thường hay lơ-lãng. Vậy theo mạch văn đang đi một hơi, tất chủ-từ câu này cũng phải là họ Mã. Hiểu như Nguyễn-văn-Vĩnh và M. R. thì câu này không khớp với mạch văn vì chủ-từ tự-nhiên lại chuyển sang bọn tôi tớ họ Mã.

Đó là những lý-do về văn-pháp.

Về ý-nghĩa có những lý-do sau đây :

a) Tất cả đoạn văn tả cách ăn ở của họ Mã đối với Kiều chỉ nhằm mục-đích chứng minh họ Mã là *bọn già* và kết luận họ Mã là *con buôn*. Chi tiết nào cũng phải hướng về mục-đích đó. Vậy một người chủ bị tôi-tớ xem thường xem khinh có nhất định phải là *bọn già*, phải là *con buôn* không? Và có phải hễ cứ *bọn già con buôn*, là bị tôi-tớ xem-thường xem khinh không? Chi tiết này, (hiểu theo hai dịch-giả trên) có hướng vào mục đích đã nêu lên không?

b) Kinh-nghịệm cho hay : nếu một tên *bọn* mà bị tôi-tớ xem thường xem khinh, tỏ ý bất phục, thì tên *bọn* ấy khó lòng làm ăn nổi. Bởi vì mọi hành-động bịp-bọn sẽ bị bọn tôi-tớ tố-giác ra. Khi một tên *bọn* đã thành *bọn già* thì nhất định tôi-tớ của hắn phải là những tên trung-thành với chủ, nếu không tên *bọn* sao thành được *bọn già*?

c) Tôi-tớ của họ Mã nếu *xem thường xem khinh* họ Mã thì tất Kiều không còn nghĩ « *chẳng kể mặc tay bọn già* » và không còn phải phỏng đoán « *ngắm ra cho kỹ như hình con buôn* » Vì còn ai ngăn cấm chúng tiết lộ cái mưu bịp *bọn già danh hèn-hạ dậy nghề ăn chơi* của họ Mã?

Như vậy, theo văn pháp và theo ý nghĩa đoạn văn, *chủ-từ* câu *khi thấy khi tớ xem thường xem khinh* phải là họ Mã. Họ Mã xem thường xem khinh Kiều, khi thì xem nàng như *thầy*, tức

« *Khác mầu kẻ quý người thanh.* (778)

« *Ngẫm ra cho kỹ, như hình con buồn.* (779)

« *Thôi con còn nói chi con,* (780)

« *Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người.*» (781)

bà chủ (chủ phụ) tức vợ mình, khi thì xem nàng như *lô* tức con đòi đưa ở của mình.

Bốn câu khởi đầu bằng chữ *khi* tả cách ăn-ở đối-đãi của họ Mã với Kiều. Tất cả những cách ăn-ở đối-đãi đó, Kiều thấy khác thường, không tự nhiên, nên nàng ngờ Mã-giám-Sinh có lẽ là *bọn già*, là *con buôn* chứ không phải là một anh chàng rể thật sự.

778) *Khác mầu* là khác vẻ, khác kiêu, không giống kiêu cách *Kẻ quý*; là người phú-quý sang trọng.

Người thanh: người thanh-lịch;

Cả câu: coi vẻ, họ Mã không giống như những bậc sang-trọng lịch-sự là một vị Giám-Sinh tương tự như ông Nghè bên ta, lẽ ra họ Mã phải là một bậc văn-nhân, thanh-quý mới phải ở đây họ Mã không có vẻ ấy, nên Kiều mới sinh nghi.

779) Sinh nghi nên nàng ngẫm-nghĩ. Nàng thấy họ Mã hình như là một đứa « *con buôn* ». Con buôn tức là kẻ lái buôn; *dân buôn* nói theo giọng khinh bỉ Chữ *con* trong *con buôn* cũng có nghĩa như chữ *con* trong *con đen* là dân đen.

Khác với chỗ khác, *con buôn* ở chỗ này ngụ một ý khinh bỉ ghê-tởm rất mạnh, *con buôn* ở đây làm nghề buôn người.

Câu này kết thúc ý mấy câu tả thái-độ cử-chỉ họ Mã ở trên và giải-thích câu « *mắc tay bọn già* ».

780) Đã vậy, thì con còn nói làm chi, còn kẻ làm chi đến thân phận con nữa. Ý nói sự đã đến thế, nói cũng không làm gì. Trước việc đã rồi, Kiều tỏ ý thất vọng và bất-lực.

Hai chữ *con* trong câu này đọc lên nghe như tiếng rên-rĩ đau-xót của người nhân-nhục chịu đựng.

781) Việc đến thế, nàng chỉ còn một nước đánh liều sống chết ở nơi đất khách quê người.

Câu này làm lộn ý câu trên.

Vương-Bà nghe bấy nhiêu lời,
 Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên, (782)
 Vài tuần, chưa cạn chén khuyên, (783)
 Mái ngoài nghĩ đã dục liền ruồi xe. (784)

782) Nếu là văn xuôi, thì câu này viết : (Vương-Bà) đã muốn vạch trời kêu lên tiếng. Ý nói muốn kêu to cho thấu tới trời Vì vẫn yên-trí rằng Kiều lấy làm nàng hầu vợ lẽ. Mã-giám-Sinh, nên Vương-Bà sau khi nghe Kiều nói về cách thức ăn-ở đối-đãi của Mã, mới cho là con gái mình mắc lừa, mắc oan.

783) Tuần là tuần rượu. Mỗi chén rượu uống cạn là một tuần. Vài tuần tức là vài chén rượu.

Chén khuyên là chén khuyến mời, đây có nghĩa là chén tiễn-biệt. Chén khuyên lấy chữ và dịch chữ trong bài thơ của Vương-Duy đời Đường :

«Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu Tà xuất Dương-quan
 vô cố nhân nghĩa là :

Khuyến anh hãy cạn một chén rượu.

Đi Dương-Quan ở phía tây không có bạn bè.

Chén khuyên là dịch chữ khuyến bôi gói ghém tóm tắt cả câu «Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu».

Cả câu : uống chưa hết vài chén rượu tiễn. Tục thời ấy cũng hay ! Mẹ con khóc.lóc tiễn nhau (lã.chã giọt hồng) mà còn phải khuyến mời nhau ăn uống. Ăn uống như vậy không hiểu còn có lý thú gì !

784) Mái ngoài tức là mé ngoài, phía ngoài.

— Nghĩ tiếng Nghê Tĩnh, nghĩ là nó, hần, y. Nghĩ đây trở Mã-giám-Sinh.

— Dục liền : dục-đã liền-tiếp ý nói dục gấp.

— Ruồi xe : đánh xe đi mau, Ruồi hàm ý đi mau.

— Mẹ con con chưa ăn uống xong. họ Mã đã giục-giã phải đi ngay. Chi-tiết này cho biết họ Mã trước sau vẫn trịch-thượng, khác hẳn mọi chú rề thông thường.

Xót con, lòng nặng chề-chề, (785)
Trước yên, ông đã năn-ni thấp cao. (786)
• Chút thân yếu liễu thơ đào, (787)

785) *Xót con* là thương con.

Lòng nặng chề-chề : lòng cảm thấy canh-cánh nặng-nề khó chịu. Khi người ta lo-lắng thương-cảm thì lòng thấy nặng-nề.

Chủ-từ câu này là Vương-Ông, tức Ông ở câu di liền sau.

786) *Trước yên* là trước yên ngựa. Đây là yên ngựa của Mã-Giám-Sinh. Vương-ông đứng bên ngựa họ Mã để chia tay. Trước khi chia tay, Ông có dặn dò họ Mã.

Năn-ni : van xin một cách tha-thiết. Vương-Ông là bố vợ Mã-Giám-Sinh. Điều đó cho biết cuộc hôn-nhân của Kiều khác thường. Đồng thời cho biết cái thế lép vế của người gặp hoạn-nạn phải bán con gái.

Thấp cao tức to nhỏ. *Năn-ni thấp cao* là van xin lúc tiếng to lúc tiếng nhỏ, ý nói van xin một cách khẩn khoản, mềm-mỏng.

Wương-bà đã muốn vạch trời kêu oan, mà sau không kêu. Vương-Bà biết con gái mình có lẽ mắc lừa, mà sau cũng không nói gì với họ Mã. Là vì cơ sao ? Một là vì theo lễ-giao đàn-bà không được quyền ăn nói trong những dịp ấy. Đó là quyền người gia-chủ, người đàn-ông. Nên ta thấy Vương-Ông năn-ni. (Có lẽ Vương-Bà cũng đã rĩ tai cho Vương-Ông biết qua câu truyện Kiều nói nhỏ), Hai là vì cuộc hôn-nhân đã thành tựu trong những điều-kiện khác thường, Vương-Bà biết nếu bù-lu bù loa thì làm lỡ việc (nhất là sợ họ Mã đòi lại tiền).

787)— *Chút thân* : Tấm thân bé mọn, đây nói thân nàng Kiều.

Yếu liễu = Cây liễu yếu ớt.

Thơ đào = Cây đào thơ, tức cây đào non dịch chữ *Yếu đào* trong kinh Thi.

Cả câu : Chút thân bé mọn như liễu yếu như đào non ; ý nói Kiều còn thơ-dại yếu ớt, chưa lớn khôn. Cũng là một cách nói

« Ráp nhà đến nỗi giấn vào tôi người. (788)

« Từ đây góc bể bên trời. (789)

nhân của người cha.

Chú ý.—Trong văn-chương ta, có rất nhiều trường-hợp. *Phẩm tự* (adjectif) hoặc tính-tự đặt trên *danh tự*, như *giếu liêu*, *thơ đào xanh vỏ đỏ lòng*, *lớn người*, *to đầu*, *xấu mặt v.v.* Có nhà văn phạm-học đã nêu ra nguyên-tắc « *phẩm-tự* bao giờ cũng đặt sau *danh tự* ». Xét ra nguyên-tắc đó chưa vững.

— Có người muốn hiểu *giếu liêu* là *giếu ớt như cây liêu*, *thơ đào*, là *thơ như cây đào*. *Giếu* và *thơ* là hai phẩm-tự đi với *danh tự* *thần* chứ không đi riêng với *danh-tự liêu* và *đào*, hiểu như vậy, kẻ cũng có lý. Nhưng xét theo sự dùng chữ của tác-giả, thì *giếu liêu*, *thơ đào*, tác-giả muốn nói *liêu giếu*, *đào thơ*.

Thí dụ như câu : *Hồ sanh ra phận thơ đào*. Ta thấy rõ-ràng tác-giả định nói *đào thơ*. Và chẳng *đào thơ* tức là *đào non*, tức là *gêu đào* tức là *cây đào mới lớn còn non sức*. Nếu hiểu *thơ đào* là *thơ như cây đào*, thì vô nghĩa. Vì chỉ *cây đào non* tức *gêu đào* là *thơ* là non mà thôi. *Cây đào* nói chung vốn nó có *thơ* non đâu ?

788)— Có bản chép : *Mắc vào tôi người*.

Ráp nhà hoặc *róp nhà* là nhà bị rách, nghĩa là gặp hoạn-nạn, gặp sự không may.

Giấn vào tôi người = Giấn thân vào làm tôi tớ người ta.

Tôi người là tôi tớ người.

Vương Ông nói Kiều phải giấn thân vào làm tôi tớ người, vì cười Kiều, Mã-Giám-Sinh đã nói là cần người về làm nàng hầu vợ lẽ (giả danh hầu-hạ). Mà nàng hầu vợ lẽ thì xưa chỉ được coi như là ti-thiếp, tôi đòi, chứ không được coi là vợ, là người được ngang hàng phần nào với chồng.

789.— *Góc bể bên trời* dịch chữ *Hải giã thiên nha*

天涯 tức là chỗ cạnh góc biển cả, chỗ cùng tận bầu trời ý nói xa xôi hết sức.

Vương Ông nói : Từ nay trở đi, Kiều đi xa-xôi khuất nẻo

« *Nắng mưa thui-thui què người một thân, (790)*
 « *Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân, (791)*

790) *Nắng mưa* : nắng và mưa, đây trở thàng ngày, người ta lấy sự nắng mưa thay đổi, kế tiếp nhau để chỉ thời-gian. Cũng có nghĩa là dầu mưa dãi nắng, chịu đựng mọi sự áp-lực của thời-tiết.

Thui thui ; trở trở một mình không có bạn. *Thui-thui* hàm ý hoạt động đi lại làm lụng một mình, vừa trở trở vừa vất-vả ?

— Trên nói *tôi người*, dưới nói *nắng mưa thui-thui*, như vậy là thượng hạ tương thừa, trên dưới ăn khớp. Vì có làm *tôi người* thì mới phải *nắng mưa thui thui*.

791) — *Nghìn tầm*, ý nói cao lắm ; đây nói *tùng quân* cao nghìn tầm, tức cao chót-vót. Vương-Ông tăng nịnh đề cao độ-lượng của Mã-Giám-Sinh.

Tầm 𡵓 là một đơn vị đo-lường cổ của Tàu, dài 8 thước Sách Tử - Mạnh có câu : « *Uổng xích nhi trục tầm* » nghĩa là : *thước cong mà tầm thẳng*.

(Hai tầm là một thước 𡵓, tức 16 thước. Sách Tả-truyện có câu ; « *chư-hầu tham mạo, sâm dục bất kỳ, tranh tầm thước dĩ lận kỳ dân* » nghĩa là : *chư-hầu tham-lam, ham chiếm đất không kiêng nể gì, tranh nhau tầm với thước (tức là đất hẹp đất rộng) đến nỗi dân không còn gì.*)

Ngày nay, tuy đo-lường không còn dùng *tầm*, *thước* nữa. song nghĩa đo-lường vẫn còn ngụ trong chữ *tầm* như : *tầm vóc*, *tầm thước*, *vừa tầm*, *quá tầm*, *tầm mắt*...

Nghìn tầm tức 8000 thước, đây có nghĩa là cao lắm.

Tùng 𣎵 là cây thông, một loài cây có sức chịu đựng được sương tuyết, mùa đông cành lá vẫn xanh tươi. Người ta thường ví kẻ *trượng phu* với cây *tùng*, hoặc ví cây *tùng* với kẻ *trượng-phu*, là người đàn ông có sức

« Tuyết sương che-chở cho thân cát-đăng » (792)

mạnh về thể-chất và tinh-thần, Có chữ *trượng-phu tùng*. *Quần* 筠 là cây tre to. Tre dóng thẳng dốt ngay không bao giờ cong, được người ta ví với người *quần tử* là người biết giữ tiết-thảo và hành-động đường chính không làm sự cong-queo. Có chữ *quần-tử trúc*.

Đây Vương. Ông nhắc đến những chữ *tùng quần* là đề nhắc họ Mã nhớ đến ý nghĩa những chữ *trượng-phu, quần-tử* và hành-động theo những ý-nghĩa ấy. Nhắc như vậy rất đúng chỗ. Vì họ Mã là chồng Kiều. Mà người vợ thường gọi chồng là *trượng-phu* là *quần-tử*.

Cả câu : xin nhờ lượng cao cả của đấng quân-tử, trượng phu (như tùng quần cao chót vót).

— Vì họ Mã là một vị Giám-Sinh, nên Vương. Ông dụng ý nói cao xa bóng gió, cố tình dùng chữ sách đề khích chàng hành-động cao thượng, đối-xử tử tế với con gái mình.

992) *Tuyết sương*, hai chữ tuyết sương dùng rất hay. Trên nói *tùng quần* là những giống cây chịu đựng được tuyết sương, đây nói *che chở tuyết sương cho cát-đăng*, vẫn như thể là *hỗ ứng tương tiếp*, liên hậu nhất chi, có màu có vị vậy.

Cát đăng 葛藤 là hai thứ dây leo thường phải leo vào các cây to, vì dây dài lắm.

Vương. Ông ví Kiều với *cát đăng*, ví Mã - Giám - Sinh với *tùng quần* ; *cát đăng* phải nương nhờ *tùng quần* để sống ; *tùng quần* che-chở tuyết sương cho *cát đăng*.

— Câu trên và câu này ý từ đi liền một mạch : nhờ bóng *tùng quần* cao nghìn lăm che chở tuyết sương cho thân *cát đăng* —

— Vương Ông định ninh dặn Mã Giám-Sinh chớ che đùm bọc cho Kiều.

— Bố vợ mà phải nói với con rể như vậy, bố vợ mà phải tăng bốc con rể là « *tùng quần nghìn lăm* »

Cạn lời, khách mới thừa rằng : (793)
« Buộc chân, thôi cũng xích-thẳng nhiệm trao (794)

thì kẻ đã là quá lắm.

Hai câu này chứng-minh và giải thích ý *năn-ni* ở trên.

793) *Cạn lời* : hết lời, dứt lời, không còn lời gì mà nói.

Khách : đây là Mã-Giám-Sinh. Vương Ông là chủ bữa tiễn hính. Mã-Giám-Sinh là khách dự tiệc, chữ *Khách* đây dùng rất có ý-vị. Vì tục-ngữ ta có câu : *Dâu là con rề là khách*.

— Chữ *mới* trong câu này có một tác-dụng riêng, ngoài tác-dụng về văn phạm. Chẳng rề cứ đợi cho bố vợ nói dài-dòng vắn-lự, *năn-ni* thấp cao và lằng lằng nghe không ngăn-cần. Đợi cho bố vợ nói cạn cả lời, bấy và mới đáp lại Bằng một chữ *mới*, tác giả cho ta thấy cái thái độ kiêu-ngạo, vô lễ của Mã-Giám-Sinh đối với Vương-Ông.

794) *Buộc chân và xích thẳng* (xem lời chưa số 277, trang 74).

Nhiệm trao, bản pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là *échangés*, thiếu nghĩa chữ *nhiệm*. Bản dịch của Crayssac bỏ không dịch ý hai chữ *nhiệm trao*.

Bản của Bùi Kỳ Trần-trọng-Kim giảng *nhiệm* là *sẵn*.

Có bản giảng *nhiệm* là *nhiệm màu* hay *màu nhiệm*.

Bản Pháp-văn của M.R (Alexandre de Rhodes) dịch *nhiệm* là *discretément* tức kín đáo.

Bảng của Tân Đà Nguyễn-khắc-Hiếu bác hết thảy các lời giải thích cho là « không nghe ra sao » và đề khuyết - nghị không giải nghĩa.

Theo ý chúng tôi, *nhiệm* không có nghĩa là *sẵn*.

Nhiệm là tiếng cổ, xưa thường hay đi với chữ *ghin* và có nghĩa gần như *ghin* (bây giờ là *kin*).

Cần thận 謹慎 ngày xưa các cụ đồ Nho vẫn giảng nghĩa là *ghin-nhiệm*. *Chín nhiệm* có nghĩa là *Kín* và *mau*, tức là

« Mai sau, dầu đến thế nào, (795)

« Kia gương nhật nguyệt, nọ dao quỷ thần ». (796)

không thừa, tức là đầy sít, là chặt chẽ, là liên nan, đông sọt và kín đáo.

Nhiệm nhứt là cần thận tỉ mỉ, thận trọng từng ly từng tí không để sơ hở chỗ nào.

Nhứt đồng nghĩa với *mau*. (Quan - phòng then nhứt lười mau) Nghịch nghĩa với *nhứt* là *k oan*, là *thừa*.

Nghiêm mật. Xưa được giảng là nghiêm-nhặt. Ngày nay *nhặt* biến thành *dặt* và còn giữ nguyên nghĩa trong thành ngữ *dè dặt*

Nhiệm đây có nghĩa là *ghín nhiệm* tức kín đáo, chặt chẽ, cần thận.

Nhiệm trao là trao (để buộc chân) một cách chặt chẽ, cần thận, chứ không cầu thả hững hờ.

Mã-Giám-Sinh muốn nói: dù sao cũng là tơ hồng buộc chân nhau một cách chặt - chẽ, cần thận chứ không lỏng lẻo cầu-thả.

Y nói do duyên số trời định cần thận.

— Có bản chép là « *nhuộm trao* » hoặc « *nhhiễm trao* » có lẽ sai.

795) *Dầu đến thế nào*: dù ăn ở đến thế nào. Cũng như ta nói: ví ăn ở không ra làm sao.

Y nói do duyên số trời định cần thận.

796) *Gương nhật nguyệt*: gương mặt trời, gương mặt trăng: ý nói đã có mặt trời mặt trăng (tức là trời) soi xét chứng giám. (rõ rệt như là gương soi)

Dao quỷ thần: gươm dao của quỷ - thần ý nói sẽ chịu qui thần dùng gươm dao trừng phạt.

Cả câu: Đã có nhật nguyệt chứng giám và quỷ-thần làm tội.

Mã-Giám-Sinh thế độc, để làm yên lòng Vương - Ông.

Đùng-đùng gió giục mây vùn, (797)
Một xe trong cõi hồng-trần như bay (798)
Trống vời, gạt lệ chia tay (799)

797) Câu này cho biết xe đi mau-lẹ trên đường gấp-ghềnh kỳ khu.

Gió giục mây vùn hàm ý mau lẹ vội vã như gió như mây.

Đùng đùng : đường xá gấp-ghềnh bánh xe chuyển-động kêu thành tiếng to.

798) Một xe đi mau như bay trong cõi bụi dỏ (cõi đời).

Xe đây là xe ngựa. Đoạn trên đã nói « *vó câu khấp khềnh* bánh xe gấp ghềnh và « *trước yên* ».

Đoạn trên nói *vó câu khấp khềnh* bánh xe gấp ghềnh, đoạn này lại nói « *một xe trong cõi hồng trần như bay* ». Lúc thì xe ngựa đi ỳ-ạch khó-khăn lúc thì xe ngựa chạy mau như bay.

Người ta buộc lòng phải hối tác giả tả cảnh đi đường lên hậu bất nhất ? Hay là quả mười dặm trường-đỉnh thì đường xá gấp quăng dễ đi ? Hay là sau khi chia tay, người ở lại có cảm-giác rằng người đi, đi mau-lẹ quá ?

799) *Trống vời* : tức *vời trống*, *Vời trống* hay *trống vời* là *trống rồi theo*, tức là *nhìn theo rồi*, đưa mắt rồi theo cái gì ở xa

Vời đây là *trạng-tự* do *trạng-tự vời* biến ra, nghĩa không giống *vời*, là *danh-tự* do *vì* biến ra (như *nửa vời*, *khác vời*, *chót vời*).

Gạt lệ : lau chùi nước mắt, Vì người đi đã đi xa rồi, khóc lóc cũng không giữ lại được nữa.

Chia tay : buông tay nhau ra, đây dùng để nói ý từ biệt.

Chủ-từ câu này tuy lần không nói rõ, song theo văn-lý, người ta cũng biết rằng *trống vời* *gạt lệ* là Vương-Ông Vương-Bà *trống vời* *gạt lệ*. Khách tức Mã-giám-Sinh cùng Kiều đã ngồi xe đi như bay rồi, Chỉ còn trơ lại chủ đứng trông theo dấu xe đi mỗi lúc một xa.

Góc trời thăm thẳm, ngày ngày đăm đăm. (800)

Nàng thì cỗi khách xa-xăm,

Bạc phau cầu giá, đen rằm ngàn mây ; (801)

Vi-lô san-sát hơi may, (802)

800) Nếu là văn xuôi, thì câu này viết ngày ngày : đăm đăm nhìn về phía góc trời xa thăm thẳm.

Đăm đăm là chuyên-chú nhĩ vào chỗ nào hoặc nhìn vào vật gì.

Đăm đăm lại hàm ý buồn rầu.

Thăm-thẳm là xa tít, xa lắm, nhìn không rõ, xa quá tầm mắt.

Chủ-từ câu này cũng là chủ-từ câu trên, tức cha mẹ Kiều. Cha mẹ Kiều đăm đăm nhìn về phía góc trời xa thăm, tức là nhìn về phía xa xăm, vì Kiều đã đi về phía đó.

Trên Vương-Ông đã nói « *từ đây góc biên bên trời* ». Vậy phía góc trời thăm thẳm là phía Kiều đi.

801). *Bạc phau cầu giá* : Cầu có tuyết phủ trắng phau phau. Giá tức là băng, tuyết.

Đen rằm ngàn mây : Mây đen kéo đen rằm khắp trời, tức là trời u ám.

Cả câu : dưới, cầu tuyết phủ trắng xóa ; trên, mây kéo đen rằm.

Câu này tả cảnh mùa thu. Có người ngờ tả sai, vì mùa thu làm gì có tuyết giá. Nên nhớ rằng đây là cả ở Hoa Bắc là miền gần hàn đới, rét sớm và có tuyết giá sớm. Nếu ở nước ta, thì mùa đông cũng không có tuyết, nói chỉ mùa thu. Về kỹ thuật miêu tả, câu này rất khéo, Tác giả đã đem hai màu đen, trắng đóng với nhau, làm nổi bật bức phong-cảnh mùa thu.

802.) *Vi-lô* : lau sậy.

San-sát : ý nói mọc sát vào nhau rất dày.

Hơi may gió may, thứ gió lạnh thổi về mùa thu, tức gió heo may.

Một trời thu đề riêng ai một người. (803)

Dậm khuya, ngất tạnh, mù khơi (804)

Thấy trăng mà thẹn những lời non sông. (805)

Cả câu : gió may thổi vào lau sậy mọc san-sát.

Câu này tả cảnh rừng rú dọc đường đi qua.

803.) Trên tả cảnh thu, đến đây mới nói là *Trời thu*, nhấn mạnh e người làm chẳng.

Tác-giả kể đã chu đáo lắm.

Ai là bi ai, đau buồn.

Một người đây tro Kiều.

Cả câu : trời thu đề đau buồn riêng cho một người.

Cả trời thu buồn, chỉ làm một mình Kiều buồn, vì bọn Mũ-giám-Sinh vui thích đã mua được và sắp về đến nhà. Duy có Kiều là buồn vì phải xa cha mẹ và phải *gián vào cảnh tới người*.

Tác giả muốn nói Kiều đau buồn thâm-thiết lắm lắm. Vì khi người ta buồn một mình, không chia sẻ được nỗi buồn cho người khác, thì nỗi buồn ấy càng thêm nặng nề.

804) *Dậm khuya* : dậm đường khuya, ý nói xe đi cả đêm

Ngất tạnh : Vòm trời quang tạnh, cao ngất, ý nói trời tạnh ráo, quang đãng.

Mù khơi : Mù-mịt xa khơi, ý nói trời có sương, không gian mù-mù xa thẳm.

Câu này cho biết gặp đêm tạnh thì xe đi cả đêm, đường đi rất vất vả. Có sáu chữ mà nói được cả thì-gian (*khuya*) không-gian (*dậm, mù khơi*) và vũ-trụ cao rộng mông mênh (*ngất tạnh*) tác-giả dùng chữ rất tài-tình. Tả đêm trăng chỉ nói bầu trời ngất tạnh, không gian mù-khơi, không nói đến trăng, mà người ta biết có trăng, miêu-tả như vậy mới là thần-diệu.

805) Đến câu này mới nói đến trăng. Nhưng không nói trăng đề tả cảnh, mà đề tả tâm-trạng Thủy Kiều. Chữ *trăng* ở đây có hai tác-dụng. Tác-dụng thứ nhất là xác-

Rừng thu từng biếc xen hồng (806)

định cảnh miêu-tả ở câu trên (*dặm khuya ngất tạnh mù khơi*).

Tác-dụng thứ nhì là mượn trăng để nói tâm-trạng Thủy-Kiều.

Lời non sông tức là lời thề nguyện. Khi thề-thốt với nhau, người ta hay viện sông núi ra làm chứng, và quả quyết rằng lời thề sẽ bền lâu như sông, núi, dù sông cạn núi mòn cũng không bỏ lời thề.

Trông thấy mặt trăng, Kiều bỗng nhớ tới những lời thề-thốt với Kim-Trọng.

Là vì trước đây nàng đã thề-thốt với Kim-Trọng ở dưới trăng. (*Vầng trăng vắng vặc giữa trời, đỉnh ninh hai miệng một lời song song*).

Nàng thấy trăng mà hồ-thẹn là vì nàng nhớ lời lời Kim-Trọng đính-ninh với nàng trước khi từ giả nàng đi Liêu-Dương hộ-tang :

Trăng thề còn đó tro tro

Dám xa rời mặt mà thừa thốt lòng

— Tác giả tả cảnh đã khéo, mà dàn cảnh để gợi tình cho nhân vật, cũng tài.

806) *Từng biếc* : từng biếc, từng lá xanh biếc, nền lá xanh biếc.

Xen hồng : xen lẫn những đám lá màu hồng, màu đỏ.

Rừng thu có lá đỏ xen lẫn vào nền lá xanh.

Tả rừng thu, không tả lá vàng mà tả lá đỏ, có lẽ tác giả ưa tả rừng bàng. Tác giả ưa dùng màu đỏ để làm nổi bật màu xanh ? hay là muốn nêu bật những phong cảnh đặc biệt của Tàu ? Dù sao người ta cũng thấy tác giả có thói quen hay tả rừng bàng.

Đoạn dưới có câu :

Rừng Phong thu đã nhuộm màu quan san.

Rừng phong tức là rừng bàng. Về thu, lá bàng vàng rồi ngả sang màu đỏ sẫm.

Nghe chim như nhắc tấm lòng thần-hôn (807)

Những lá lạ nước lạ non (808)

807) *Nghe chim* là nghe tiếng chim kêu.

Chim đây có lẽ là chim nhạn. Về Thu, Đông, miền Bắc, tiết trời lạnh rét, chim nhạn sợ rét, thường rủ nhau bay hàng đàn xuống miền Nam, vừa bay vừa kêu.

Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn : nghe chim nhạn kêu, Kiều cảm thấy như chim nhắc nàng nhớ đến cha mẹ, lo-lắng cho cha mẹ.

Tấm lòng thần hôn là tấm lòng nhớ thương, lo lắng cho cha mẹ. Sở dĩ có nghĩa ấy là vì câu chữ sách trong *Kinh Lễ* : *Phàm vi nhân tử chi lễ ; đông ôn nhi hạ thanh, hôn định nhi thần tĩnh* 凡為人子之禮 冬溫而夏清 昏定而晨省 phàm làm người con theo Lễ có phận sự như sau : mùa đông thì lo cho cha mẹ ấm mùa hè thì lo cho cha mẹ mát, buổi tối thì lo cho cha mẹ yên chỗ nằm, buổi sớm thì hỏi cha mẹ xem ngủ dậy có khoẻ mạnh không.

Đông ôn nhi hạ thanh ta thường dịch ý là *quạt nồng ấp lạnh*. Nghe chim mà nhớ tấm lòng thần-hôn, là vì nghe nhạn kêu thì biết rằng trời bắt đầu rét, lo cha mẹ phải chịu rét mướt.

Tấm lòng thần hôn đây không nói riêng sự làm yên chỗ nằm cho mẹ và sự thăm hỏi cha mẹ buổi sớm, mà nhắc câu sách *Kinh Lễ*, nói về sự « *đông ôn nhi hạ thanh* »,

Mấy câu này cho biết dọc đường Kiều nghĩ đến Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ. Đó cũng là thương tình con người ta

Hễ đi xa nhà thì hay nhớ cha mẹ và những người thân yêu. Không nên căn cứ vào sự nhớ thương đó mà bảo rằng Kiều là người con chí hiếu. Sự thật dọc đường, Kiều nhớ đến Kim-Trọng trước, nhớ đến cha mẹ sau.

808) *Lạ nước lạ non* là trải qua những nơi nước non xa lạ ý nói đường đất xa xôi, nước non cách trở, đi lại khó khăn.

Lâm-Truy vừa một tháng tròn tới nơi. (809)

Xe châu dừng bánh cửa ngoài (810)

Rèm trong, đã thấy một người bước ra. (811)

809) *Lâm truy* 臨淄 là tên Huyện, đời Minh thuộc phủ Thanh Châu tỉnh Sơn-Đông, nay thuộc đạo Giao-Đông. Đời Chu nước Tề đóng đô ở Lâm Truy, nên đất đó vẫn có tiếng phồn hoa đô hội.

Quê họ Mã ở huyện Lâm-Thanh, nay họ Mã đưa Kiều về Lâm-Truy là nơi họ Mã mở ngôi hàng buôn phần bán hương chung với Tú Bà. Một là Kiều « *lạ nước lạ non* » không phân biệt được Lâm Thanh với Lâm Truy ; hai là Kiều giữ thái độ hoàn-toàn bị động, nên mặc cho họ Mã đưa đi đâu thì đưa.

810) *Xe châu* là xe có che rèm châu, tức màn chắn chỉ hạt bột, ý nói xe phụ nữ ngồi. Người khách viễn-phương cũng dùng *Xe châu* để chở áo quan Đạm - Tiên ; *Sấm sấm nấp từ xe châu*.

811) *Một người bước ra.*

Đọc câu này có người muốn cho rằng tác-giả nói chưa được gầy gọn rõ ràng. Người đây là người đàn ông hay người đàn bà ? Ở dưới cũng không nói gì thêm, chỉ tả *lớn to* màu da, *cao lớn* *đầy đà*, như vậy người đọc rất có thể cho rằng đó là một người đàn ông. Thật ra tác-giả không sơ xuất. Tác giả tuy không nói rõ ra rằng đó là một người đàn bà song đã gián tiếp, kín đáo cho ta biết đó không phải là một người đàn ông bằng hai chữ *rèm trong*.

Rèm tức là bức màn hay tấm màn che cửa. *Rèm* hay *mành* che cửa, thì chỗ ở của đàn ông hay đàn bà đều có thể có như nhau, nhưng đây là *rèm che cửa nhà trong*, *rèm che cửa buồng trong*, *Nhà trong* hay *nhà trong* dịch nghĩa chữ *thất* là nhà trong trở chỗ ở của người đàn-bà hay người vợ. Sách Tàu có câu *Nam hữu gia, nữ hữu thất* nghĩa đen là : Con trai có nhà, con gái có buồng nghĩa bóng là : Trai có vợ gái có chồng.

Đoạn nói về Hoạn-Thư có câu : *Buồng trong này nổi chầu trong ở nhà*.

Thoắt trông, lờn-lợt màu da (812)
Ăn gì cao lớn đầy-đà làm sao ! (813)

Buồng trong tức nơi ăn ở của người đàn bà hay người vợ. Ta nên chú ý : *rèm trong* khác nghĩa với *trong rèm*. *Trong rèm* là ở phía sau bức rèm. *Rèm trong* là phía sau bức rèm nhà trong, buồng trong.

Người ở sau bức rèm nhà trong bước ra, chỉ có thể là người đàn bà. Ngày xưa, nam nữ hữu biệt, nam ngoại nữ nội, đàn bà đàn ông ở riêng biệt nhau, đàn ông ở nhà ngoài, đàn bà ở buồng trong, theo lễ giữa ban ngày ban mặt, không thể có người đàn ông ở buồng trong đi ra. Dù đây là một ngôi hàng buôn phồn (bán hương; song Tú-Bà và Mã-giám-Sinh là vợ chồng ông chủ bà chủ, nên vẫn phải theo lễ. Vả lại, sự thật không cứ phải đúng như thế, đây tác giả cốt dùng chữ và nội dung của chữ nghĩa để làm lộn ý câu văn.

812) *Lờn-lợt màu da* : màu da nhợt nhạt, mất sắc không tươi sáng hồng hào. Phàm người dùng phấn sáp nhiều quá và dùng từ thuở tuổi trẻ, thì đến lúc già thường có nước da như vậy.

Thoắt trông lờn-lợt màu da như vậy màu da phải nhợt nhạt lờn, lờn-lợt một cách đặc biệt, nên thoắt trông người ta đã nhận thấy ngay. Có thể nói màu da Tú-Bà lờn lợt một cách quá đáng nên nó mới nổi bật ngay lên trước mắt người thoạt nhìn như vậy.

Mấy chữ « *lờn-lợt màu da* » chứng-thực rằng Tú-Bà là một gái « *làng chơi đã trở về già hết duyên* ».

813) Phàm gái làng chơi về già hết duyên thì màu da thường lờn lợt, thân hình thường gầy nhom, vổ vàng. Bởi lẽ thiếu ăn thiếu mặc. Đây Tú-Bà lại *cao lớn đầy-đà*, nghĩa là người vừa cao, vừa to, vừa béo. Phải là người có đủ điều kiện tái-chính. Ăn-uống tầm bở nhiều, thì mới có được cái thân - hình như vậy. Gái dĩ về già mà có đủ điều-kiện ăn-uống tầm bở, người

*Trước xe loi-lả han chào (814)
Văng lời nằng mới bước vào lán nơi
Bén thì mẩy a mây ngài (815)*

béo-tốt như vậy, chỉ có thể là một mù dẫu, một mù chủ nhà chùa.

Lớn-lot màu da, cao lớn đầy-dà là những chi-tiết miêu-tả hình-dáng tầm vóc một mù dẫu, những chi-tiết vắn-tắt nhưng đầy-dủ.

— Tác-giả hạ hai chữ « *ăn gì* » rất hay. Vừa tả được sự ngạc nhiên của người ta trước tầm-vóc đầy-dà cao-lớn của mù Tú, vừa nói được ý khinh-bĩ ghê-tởm của người ta đối với mù.

Người ta ai cũng đến ăn cơm gạo cá thịt, cao lương mỹ vị là cùng. Sao lại phải hỏi mù Tú *ăn gì* mà cao-lớn đầy-dà như thế.

Trong tiếng *gì* có ngụ nhiều ý thô-tục mỉa mai ; Hai tiếng *ăn gì*, có thể cho là hai tiếng văng-tục thốt ra trong đầu óc Thúy - Kiều, hay tác giả, khi nhìn thấy mù Tú cao lớn đầy-dà một cách quá đáng. Hai tiếng văng - tục ấy tác giả đã văn nghệ hóa đi cho nó thanh nhã vẫn về nhưng người đọc vẫn nhận thấy cái ý nghĩa văng-tục thâm kín ngụ trong hai tiếng ấy.

814) *Lơ-lả* tức là *loi-loi*, ý nói ăn nói niềm-nở, suồng-sã, ngọt ngào, nhưng thiếu sự đứng đắn thành thật. Hai tiếng « *loi-lả* » là *loi* ăn tiếng nói ngọt ngào khôn khéo của Tú-Bà. Đó là một nét điển-hình trong các nét miêu tả một mù chủ nhà thổ.

Han chào là hỏi-han và chào mời.

— Trờ lên ba câu mô tả diện-mạo tầm vóc và lời ăn tiếng nói của Tú-Bà rất sát.

815) *Mây ngài* : lông mày nhỏ và dài, cong như râu con ngài. (Có người bảo như lông mày con ngài, là sai). Thuở xưa người ta cho như vậy là đẹp. Nền sau, tiếng *mây ngài* (tức Nga-mi) được dùng để trỏ chung sắc đẹp của phụ-nữ.

Á mây ngài tức là chị gái đẹp. Thơ Bạch-cư-Dị có câu :

Hoàng kim bất tích mĩ Nga-mi 黃金不惜買蛾眉 mua mây ngài không tiếc vàng.

Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi. (816)

Giữa thì hương-án hần-hoi (817)

Trên treo một tượng trắng đôi lông mày (818)

Lầu xanh quen thói xưa nay (819)

• Nghề này thì lấy ông này tiên-sư

Hương hoa hôm sớm phụng thờ

Có nào xấu vía, có thừa mỗi hàng (820)

816) *Người làng chơi*; người trong làng chơi tức là khách chơi thanh lâu.

817) *Hương án* là cái án để bát hương, ý nói bàn thờ.

818) *Tượng đây là tượng đồ* tức là bức tranh vẽ hình người *Tượng trắng đôi lông mày* tức là tranh thần Bạch mi.

Sách *Dã hoạch biên* nói các nhà thanh - lâu hay thờ tranh thần Bạch-mi, vẽ một người râu dài, mặt lớn, cưỡi ngựa cầm đao, coi nà nà như hình Quan công, nhưng lông mày trắng và mắt đỏ.

Không ai hiểu tranh vẽ ai và lại lịch thần mày trắng ra làm sao — Nhưng các nhà thanh-lâu đều quen thờ như vậy. Đúng như lời tác-giả nói :

Lầu xanh quen thói xưa nay ; Việc thờ thần Bạch Mi chỉ là một thói quen của các nhà thanh-lâu.

819) *Tiên sư* chính nghĩa là ông thầy trước tiên (thường dùng theo nghĩa là ông tổ sáng lập ra một nghề).

Ngày xưa người ta tin thần quyền, bất cứ làm nghề gì cũng phải thờ một vị thần làm tổ sư, để cầu phù hộ cho nghề được phát đạt cửa hàng được đông khách.

Vì vậy nên tại các thanh lâu cũng có đặt bàn thờ hần hoi.

820) — *Có đào xấu vía* : không phải là cô nào xấu số như bản của Nguyễn văn Vĩnh dịch là « mauvais sort » ; *cô nào xấu vía* là cô nào bị vía xấu ám ảnh, cô nào chạm phải vía xấu của người khác tức là cô nào lỡ gặp rủi, lỡ bị « xúi quẩy ». Người Á Đông và riêng người

Cởi xiêm trút áo số sàng (821)

Việt-Nam ta thường hay tin rằng người ta mỗi người có một thứ vía tốt, xấu khác nhau. Bán hàng hoặc bắt đầu đi ra ngoài, gặp phải người vía tốt thì bán đắt hàng hoặc được công được việc ; gặp phải người vía xấu thì hàng khó bán hoặc đi không được việc gì. Những quan-niệm về vía tốt vía xấu rất là mơ-hồ, siêu hình, không thể giải thích hay chứng minh được. Đại-đề, người ta tin người nào tính-khí rộng-rãi dễ-dàng, mau chán lẹ miệng là người vía tốt hay lành vía ; người nào tính-khí hẹp-hòi, khó-k'ăn, thâm-biếm ít nói, gan lì tướng quân, là người xấu vía hay dữ vía. Theo như thế, thì có thể hiểu vía là tính-chất của con người. Mỗi khi cho là gặp phải vía xấu, hoặc chạm phải vía dữ, người ta thường đốt lửa khoa-khoa trên nón hàng hoặc quanh đũa tre nứa còn bú gọi là đốt vía, và yện tri rằng đốt vía như thế, thì « vía lành » ở lại, « vía dữ » tắt đi, không còn phải lo gì nữa. (Ta sẽ thấy cách đuổi vía xấu của gái thanh-lâu đời Minh không giống cách đốt vía của người nước mình).

Có thừa mỗi hàng ; nếu có thừa khách ; nếu có phải bị ở hàng. (1) Thừa đây nghĩa là vắng, nghịch nghĩa với đông ; thừa mỗi hàng là không đông mỗi hàng, không đông khách, không đắt khách.

— Ý nghĩa câu này chưa lộn, nó chuyển liền một hơi xuống mấy câu dưới. Theo kỹ-thuật làm thơ cũ, thì thơ như vậy là có bệnh. Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu căn cứ vào kỹ-thuật đó đã chê rằng « hai câu này kém liền ». Song theo kỹ-thuật làm thơ mới thì câu thơ này kiến-chúc theo một lẽ lối rất mới, tác-giả dám có những « bước nhảy » (enjambement) rất táo bạo nhất là ở thời-dại thơ còn bị trói buộc trong những khuôn khổ chật chội.

821) Cởi xiêm trút áo là cởi quần cởi áo, lột trần truồng.

Số sàng là trơ tráo, không ngượng ngập, sượng-sùng.

Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lăm-rằm

Đổi hoa lót xuống chiếu nằm (822)

Bướm ong bay lại ăm-ăm tứ vi (823)

Hiệ cô nào ế hàng, thì phải làm như vậy trước tượng thần
mày trắng.

Đó là cách đuổi vía của gái thanh-lâu đời Minh.

Có bản chép : *cởi xiêm lột áo chân-chường*.

822) *Đổi hoa* : lấy hoa mới đổi lấy hoa đã cúng trên bàn
thờ, tức là *đổi lấy hoa thái* là hoa đã cúng rồi.

Lót xuống chiếu nằm : lấy hoa thái để xuống phía dưới
chiếu rồi nằm lên trên.

Phép đuổi vía kẻ cũng lạ lùng.

823) Có bản chép là :

Bướm đi ong lại ăm ăm tứ vi

Bướm và ong là những loại côn-trùng hay bay lượn trên
những bông hoa để hút mật lấy nhụy.

Con gái đẹp người ta thường gọi là *khách chơi hoa* (chơi hoa
để dễ mấy người biết hoa).

Ở đây tác-giả mượn hai tiếng *Bướm ong* để trò khách chơi
hoa, kẻ đã khéo:

Bướm ong bay lại là khách làng chơi đồ xô đến, kéo nhau
đến.

Ăm ăm : trạng-tự này đi với *bướm ong bay lại* rất sát, rất
gợi hình.

Bướm ong bay nhiều thì cánh động lên thành tiếng kêu
vù.vù, ăm ăm như tiếng máy chạy đều đều.

(*Bướm* thì không hiểu bay có tiếng động cánh không,
chớ *ong* bay thành đoàn thì chúng ta đã từng nghe tiếng cánh
động vù.vù, tiếng Pháp gọi là *bourdonnement*) Hai
tiếng ăm - ăm cho ta thấy cái cảnh khách - kứa tấp -
nập ồn ào như đàn ong bay.

Kiều còn ngờ-ngần biết gì, (824)

Cứ lời lấy xuống, mụ thì khẩn ngay : (825)

« Cửa hàng buôn bán cho may,

Từ vi 四面 các bản Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh, M. R. Crayssac đều dịch là *từ phía* hoặc *khắp các phía* (*de tous côtés* hoặc *de tous les côtés*) chúng tôi thấy hình như không đúng

Vi nghĩa là *bao vây* (động từ) hoặc *vòng vây* (danh từ) chứ không có nghĩa là *phương, hướng* hay *phía*.

Từ vi chỉ có thể giảng theo hai nghĩa :

a) Bao vây bốn xung quanh.

b) Vây bọc bốn lần, bốn từng, bốn vòng :

Bướm ong bay lại ầm-ầm từ-vi là bướm ong bay lại vây bọc bốn xung quanh người con gái đông lắm hoặc bao vây người con gái kín bốn lần.

Giảng nghĩa theo cách nào, thì câu này cũng có nghĩa là *Khách làng chơi kéo tới đống như ong vây bọc quanh cô gái*. Nghĩa câu này và mấy câu trên :

Hễ cô nào bị giá xấu ầm ầm ảnh ể khách mà theo phép cúng lễ để đuổi giá xấu đi, thì tự khắc khách kéo đến rất đông,

824) Kiêu còn đang ngờ-ngần đã biết gì đâu ! Nàng bờ-ngờ trước cái cảnh-tượng lạ-lùng của căn nhà, của bàn thờ với tượng thần mây trắng, mà nàng mới thấy lần đầu tiên.

825) Kiêu cứ theo lời mụ bảo xụp xuống lấy trước bàn thờ, còn mụ thì khẩn khẩn.

Đến đây, tác-giả mới hạ chữ « mụ » để xác-định rằng « một người bước ra » lời-lả hỏi-ban chào-mời Kiêu vào nhà, là một mụ đàn-bà.

« Đêm đêm Hàn-thực ngày ngày Nguyên-tiên (826)
« Muốn nghìn người thấy cũng yều.

826) Hàn thực 寒食 nghĩa đen là ăn lạnh, ăn đồ nguội, đây trở tết hàn-thực tức tết mồng 3 tháng 3 kỷ-niệm ngày Giời-chi-Thời chịu chết thiêu trong rừng, nhất định không ra làm quan với Tấn-Văn-Công. Tục Tàu. Tết Hàn-thực thường tổ chức nhiều cuộc vui chơi, nhất là ở các vùng Kinh-Sở, tết Hàn-thực người ta thường tổ chức những hội thi thuyền hoa, đua bơi chải trên sông rất là tưng-bừng, người đi xem đông như nước chảy.

Nguyên-tiên 元宵 nghĩa đen là đêm đầu năm, đây là đêm trăng đầu năm tức ngày rằm tháng giêng. Tục Tàu nhất là về đời Đường, đêm nguyên-tiên ở Trường-An mở hội hoa-dăng, đốt bông pháo, lễ Phật rất là vui-vẻ nhộn nhịp, người ta thức suốt đêm để xem hội, và cách xa Trường-An mười dặm, người ta còn nghe thấy tiếng huynh nào ồn-ào.

Ở đây Nguyên-tiên, Hàn thực dùng để tả ý nào-nhiệt tấp-nập.

Tứ-bà khấn thần mây-trắng phù hộ cho cửa hàng của họ đêm nào cũng vui-vẻ tấp-nập như ngày tết Hàn thực.

Đêm đêm là hết đêm ấy đến đêm khác : đêm nào cũng như đêm nào.

Ngày ngày là hết ngày ấy đến ngày khác ngày nào cũng như ngày nào.

Lẽ ra phải viết như thế này thì mới đúng :

Đêm đêm nguyên-tiên, ngày ngày Hàn-thực.

Hoặc : Ngày ngày Hàn-thực. đêm đêm nguyên-tiên

Lấy đêm vì với đêm (tiên là đêm) lấy ngày vì với ngày (tết Hàn-thực ăn về ban ngày) mới sát nghĩa... Có lẽ vì nhu cầu văn thơ, tác giả đã phải viết :

Đêm đêm Hàn-thực ngày ngày Nguyên-tiên.

« Xôn xao oanh yến, dập-diu trúc mai, (827)

Không ai nói Đêm Hàn-thực, ngày Nguyên-tiên. Tết H n. thực không ăn ban đêm : Nguyên-tiên là đêm trăng (rằm) đầu năm, sao gọi đêm là ngày ?

Đêm Hàn-thực và, ngày Nguyên-tiên, không có gì là vui vẻ náo nhiệt cả. Các cuộc vui chơi giải giải trí về tết Hàn-thực tổ chức vào ban ngày : các cuộc hội hè lễ-bái về đêm Nguyên-tiên tổ chức vào ban đêm.

827) Xôn xao oanh, yến : xôn xao là ồn ào, âm ý, oanh yến là chim oanh chim yến, hai giống chim mùa xuân hay bay lượn xung quanh nhà. Xôn xao oanh yến là ồn ào như chim oanh chim yến hót mùa xuân, ý nói đông người trò chuyện ồn ào.

Các bản cũ đều chép là *anh yến*. Chép như vậy có lẽ sai. Trong Kiều bao nhiêu chữ *yến anh*, *anh yến* có lẽ đều phải chép *yến oanh*, *oanh yến* mới đúng.

Thơ Hoàng phủ Nhiễm có câu :

Oanh đề yến ngữ báo tân niên.

Nghĩa là :

Oanh kêu yến nói báo xuân sang.

Thơ Trương-dưỡng-Hạo có câu :

Hoa liễu xảo vi oanh yến địa

Quản huyền giao đệ ý la phong

Nghĩa là :

Hoa liễu khéo xẩy tổ yến oanh

Sáo đàn đưa xa gió lá lụa

Nhân câu thơ đó sau này, người ta mượn *hoa liễu* để trở nơi đàng dể chơi lời, và *oanh yến* cũng được mượn để

(trò bóng các kỹ-nữ (gái điếm).

Không phải những chữ *yến oanh* hay *oanh yến* trong Kiều chỗ nào cũng có nghĩa là kỹ-nữ, song có lẽ đều phải viết là *yến oanh*, chứ không thể viết là *yến anh*.

Anh 鸚 tức *anh vũ* 鵲 là giống chim mỏ khoằm, móng sắc, lông xanh, lại bắt chước tiếng người, ta gọi là *chim vẹt*. Trong văn chương Tàu không chỗ nào thấy ghép liền *anh yến* hoặc *yến anh* với nhau.

Trong suốt truyện Kiều, chỉ có một chỗ chép là *oanh*, mà người ta có thể ngờ là *Anh* :

Con oanh học nói trên cành mĩ mai.

Học nói tức là bắt chước nói tiếng người. Chim bắt chước nói tiếng người không phải là chim *oanh* mà là chim *anh vũ* tức chim vẹt. Ngờ như vậy thôi, chớ vị (tất) đã đúng. *Học* nói có thể có nghĩa là chim non học hát. Và văn Tàu thường có những chữ : *oanh đề yến ngữ* là *oanh hát yến* nói. *Con oanh học* nói có thể giảng là con chim *oanh* học hát. *Yến oanh* chép lầm ra là *yến anh*, có lẽ vì người ta quen gọi tên nôm của chim *oanh*. *Oanh* tức, *Hoàng-oanh* (vì lông *oanh* sắc vàng) ta dịch nó n là *chim vàng anh*. Sắc *Hoàng-oanh* được dùng để trở sắc vàng da đồng : *Vóc vàng anh lựa vàng anh, gấm vàng anh*. Truyện Tấm Cám kể truyền khẩu có câu : *Vàng ảnh vàng anh, có phải vợ anh chui vào tay áo*.

Dù sao, chúng ta cũng nên chép là *yến oanh*, *oanh yến* cho đúng với chữ Tàu ; ở đây *oanh yến* chưa được dịch nôm. Nếu dịch nôm thì *yến* đã đọc là *én* (ngày xuân con én đưa thoi).

Đập-diu trúc mai : *đập diu* là đi lại đập-diu, tức đi lại tấp nập, đông đảo ; *trúc mai* là cây tre và cây bương (mai) hai giống cây hay mọc thành bụi rất mau, rất dày.

Đập-diu trúc mai là người đi lại đông đúc như tre như bương.

Xét sao *oanh yến đập-diu trúc mai* có thể giảng là :

« Tin nhận vẫn, lá thư bời. (828)

« Đưa người cửa trước, rước người cửa sau » (829)

— Kỳ-nữ cười ồn-ào xôn-xao (oanh yến là kỹ-nữ).

— Khách làng chơi đi lại tấp nập đông đảo (trúc mai là quân-tử, là đàn ông, là khách làng chơi. Ca dao : *Khi vin cành trúc, lúc tựa cành mai*).

— Mu Tú cầu khẩn Thần mây trắng phù-hộ cửa hàng buôn bán cho may, lúc nào cũng đông con em và đông khách. (Nếu đông khách mà không đông con em, thì buôn bán cũng chưa may)

828) Mu Tú cầu cho cửa hàng lắm con em và đông khách. Mu lại cần thận cầu thần phù-hộ cho con em và khách hàng quyến-luyến nhau, quần quít với nhau, ra về rồi, khách không dứt tình được, còn phải thư-từ hẹn-hồ nữa đi lại luôn luôn.

Tin nhận vẫn : tin nhận tức là thư-từ. Sở dĩ có nghĩa ấy là do tích này :

Đời Hán, Tô-Vũ sang sứ Hung-Nô, không chịu khuất nhục bị Vua Hung-Nô đẩy đi Bắc-Hải chặn đê, Tô-Vũ biên thư lên, mảnh vải buộc vào chân chim nhận đề báo tin cho Vua Hán,

Do đó, sau người ta gọi thư-tín là *Nhận-Tin* 雁信 hay tin nhận.

Tin nhận vẫn là thư nhận lẫn . vẫn (lớn vốn) ý nói rất nhiều thư-từ đưa tới, trong chữ *tin nhận* có nói đến chim mà đây tác-giả dùng chữ *vẫn* tức *lớn vốn* gọi ý chim bay, vẫn rất ý nhị

Lá thư bời (có bản chép : *lá thư bài*) là thư-từ bời-bời ý nói nhiều lắm nghĩa cũng như « *Tin nhận vẫn* »

Câu câu có một ý (nhiều thư từ đưa tới), nhưng câu chia làm hai vế, ý nhắc lại hai lần, để cho ý thêm mạnh và lời thêm đẹp.

829) *Đưa người cửa trước* : Tiễn khách về đàng cửa trước

Rước người cửa sau : Đón khách vào lối cửa sau. Ý nói đông khách quá, trong khi khách ra về đàng cửa trước, thì lại có khách tới, do lối cửa sau ; vì khách đông quá, nếu vào cả lối cửa trước thì chật.chội không tiện, nên khách phải do lối cửa sau vào nhà. Và lại đưa đón như vậy để khách khỏi chạm trán nhau đỡ ngượng và để kỹ-nữ trả đối khách rằng chỉ tiếp mình khách, ngoài ra không tiếp ai.

*Lạ tai nghe chưa biết đâu,
 Xem tình ra cũng những màu dờ-dang. (830)
 Lễ xong hương-hỏa gia-đường, (831)*

Trở lên sáu câu thuật lời cầu khẩn của Tú-Bà. Tuy diễn ra nhiều hình thức khác nhau, song ý cầu-khẩn chỉ có một: cầu đông khách, đất hàng.

Nghe lời Tú-Bà cầu khẩn, ngời ta liền-tưởng đến lời khẩn-cầu của các bà, các cô nước ta, thật là thông vanh-vách tưởng như có sách vậy.

830) *Xem tình*: là xem-xét tình hình, xét xem sự tình. *Tình*: là tình-hình, sự thể bề trong của công việc, của hoàn-cảnh.

Ra cũng những màu dờ-dang: thì cũng toàn là những cách dờ-dang không ra thế nào.

Màu dờ-dang nghĩa là vờ, là cách, là lối.

Dờ-dang là không hoàn - toàn trọn vẹn đầu vào đó, tức là không ra đầu vào đầu.

Cũng những màu dờ-dang: Kiều trước đã ngờ rằng lấy Mã-Giám-Sinh là nàng mắc vào « *tay bọm già* » vì « *ngắm ra cho kỹ* » thì Mã-Giám-Sinh « *như hình con bướm* ». Đến đây nàng mong rằng nàng nghĩ lầm, nhưng xem ra thì cũng vẫn toàn những màu dờ-dang cả, không còn hy-vọng thoát khỏi bọm già.

831.) *Hương-hỏa gia-đường* 香火家堂 nghĩa đen là hương hỏa trong nhà nghĩa bóng là bàn thờ giữa nhà.

Hương hỏa là hương lửa, tức hương và đèn, trở sự thờ cúng, nơi thờ cúng.

Gia đường: gia là nhà ngoài, là nhà nói chung; *đường* là gian chính-tâm trong nhà, tức là gian nhà chính hoặc gian giữa nhà.

Lễ xong hương hỏa gia đường là sau khi lễ bàn thờ ở giữa nhà, tức là hương án thờ thần may mắn ở giữa nhà.

Tú Bà vất nóc lên giường ngồi ngay (832)

Day rằng : « con lạy mẹ đây,

Bản pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh giảng *hương-hỏa gia đường* là bàn thờ tổ-tiên (autel des ancêtres) và cho rằng sau khi lạy thần mây trắng thờ trên hương-án giữa nhà, Kiều còn phải lễ trước bàn thờ tổ-tiên nhà họ Mã nữa. (Après une autre cérémonie devant l'autel des ancêtres).

Hiệu như thế có lẽ sai.

Tục Á-Đông và riêng Trung-Hoa, bàn thờ tổ-tiên bao giờ cũng đặt ở căn giữa nhà. Ở đây, trong ngôi hàng họ Mã mở chung với mẹ Tú, căn giữa nhà đã kê hương-án thờ thần Bạch-Mị rồi. Vậy bàn thờ tổ-tiên kê ở chỗ nào? Đây không phải là nhà ở, mà là một cửa hàng buôn phấn bán hương, có lẽ chỉ có bàn thờ Tổ-Sư chứ không có bàn thờ Gia-tiên.

Vả chăng, trong đoạn văn này, không có gì chứng rõ g Kiều phải lễ hai lần trước hai bàn thờ khác nhau. Chỉ thấy tác-giả nói Kiều lạy xuống một lần :

« *Cử lời lạy xuống mẹ thì khẩn ngay* » Rồi sau khi Tú Bà dứt lời khẩn, là lễ xong. Và xong cuộc lễ đó Tú Bà ngồi lên bắt Kiều lễ sống nhận mẹ làm mẹ.

Nếu chỉ căn-cứ vào mấy chữ « *hương hỏa gia đường* » mà bảo rằng Kiều lễ trước bàn thờ gia-tiên, thì e không đúng. *Hương hỏa gia đường* chỉ có nghĩa là nơi thờ cúng trong nhà, chứ không bắt buộc phải có nghĩa là bàn thờ thờ liên-tổ.

832) *Vất nóc*, tiếng miền Trung, nghĩa là vất chèn nọ lên chân kia, nghĩa cũng gần như *vất vào*.

Ngồi vất nóc lên giường bắt người ta lạy sống, thật là trơ-tráo, dơ-dáng, bất lịch-sự.

Cử-chỉ ấy chỉ có thể là cử-chỉ của bọn chủ nhà chứa, quen dùng lối ấy để kết-nạp con em.

• *Lấy rồi sang lấy cậu mày bên kia* ! • (833)

Nàng rằng : • *phải bước lưu ly* (834)

833) *Cậu mày* đây là cha mày. Tú-Bà tự nhận là mẹ Kiều và bắt Kiều gọi chồng mẹ tức Mã-Giám-Sinh là bố.

Ngày xưa, con trai các nhà quyền quý, quan - chức, bọn gia-nhân và người ngoài vẫn gọi tôn là *cậu*, tức *cậu ấm* gọi tắt. Xưa con trai các quan đại - thần thường được nhà Vua ban cho danh - vị riêng, gọi là *ấm tử* hay *ấm sinh*. Danh vị này được hưởng quyền ưu - tiên trong các khoa thi hoặc trong các cuộc tuyển - bổ, và được miễn các tập-dịch như canh điền di phu. Vợ các *cậu*, người ta gọi là *mợ*. Con cái của *cậu mợ* cũng theo tiếng xưng hô của bọn gia-nhân đây tỏ gọi cha mẹ là *cậu mợ*.

Sau này, khi chế độ tập-ấm không còn, các nhà giàu sang ở thành thị và thôn quê cũng tự tiện bắt chước cách xưng - hô của các nhà quan tư ngày trước Vợ gọi chồng là *cậu*, chồng gọi vợ là *mợ* ; con cái xưng hô cha mẹ là *cậu mợ* ; cách xưng hô ấy dần dần phổ biến trong khắp mọi gia đình thành thị như ngày nay.

Cậu mày bên kia là bố mày đang ngồi ở phía bên kia.

Tại sao Tú-Bà lại bắt Kiều lấy sống mình như vậy ?

Theo lễ giáo của Tàu, cái lấy có nghĩa là ưng chịu và phục tòng. Riêng đối với con dâu con rể và con nuôi thì lấy có nghĩa là nhận người ta là bố mẹ, và tự nhận làm con cái.

Tú-Bà có ý muốn nhận Kiều làm con nuôi, như thói thường các cụ đầu, nên bắt buộc Kiều lấy mình : cái lấy sẽ hợp thức hóa việc Tú-Bà nhận làm mẹ nuôi Kiều, việc Kiều nhận làm con nuôi Tú-Bà.

834) *Lưu-Ly* 流離 là lưu lạc và ly tán có nghĩa là cùng khổⁿ và trôi nổi giữa đường.

Thơ Bạch-cư-Dị có câu :

Cốt nhục lưu ly đạo lộ trung

• *Phận hèn vằng đã cam bề tiểu-tinh ; (835)*

nghĩa là :

Ruột thịt lưu lạc ly tán giữa đường.

Bước lưu ly tức là bước đường khổn cùng và trời nổi, nghĩa cũng gần như nói bước hoạn nạn.

835.) Vằng đã cam chịu phận hèn là lẽ mọn (của họ Mã). Kiều nói vậy vì biết mẹ Tú là vợ cả của họ Mã.

Tiểu tinh 小星 nghĩa đen là sao nhỏ, nghĩa bóng là phận lẽ mọn. Sở dĩ có nghĩa bóng đó, là vì *tiểu tinh* lấy chữ *thọ* Tiểu Tinh trong Kinh Thi. Thơ *Tiểu Tinh* gồm có hai chương như sau :

1.— Tuệ bỉ tiểu tinh	嗤彼小星
Tam ngũ tại đông	三五在東
Túc túc tiêu chinh	肅肅宵征
Túc dự tại công	夙夜在公
Thực mệnh bất đồng	實命不同
2— Tuệ bỉ tiểu tinh	嗤彼小星
Duy Sâm dĩ Ngang	維參與昂
Túc túc tiêu chinh.	肅肅宵征
Bảo khám dĩ trù	抱衾與裯
Thực mệnh bất do	實命不猶

lược dịch :

1.—Trên trời lấp lánh sa thưa,
Năm ba ng i ngổ lập lơ đông phươg.

Đêm đi rảo bước vội vàng,

Kia ai sớm tối bên giường Chúa Công.
Duyên đồng mà phận chẳng đồng.

2 — Trên trời lấp lánh sao thưa,

Sao hôm rồi lại sắp mờ sao mai.

Đêm đi vội vã bước dài,

Ôm chăn ôm gối lấy ai bạn cùng.

Duyên đồng mà phận chẳng đồng.

(Cùng dịch với Lê-Hồ tiên.sinh)

Bài thơ này mượn lời người vợ lẽ mọn để tả cái tư-tưởng

- « Điều đầu lấy yến làm oanh; (836)
 « Ngây thơ chẳng biết là danh-phận gì ? (837)
 « Đủ điều nạp thái, vu qui. (838)

an phân thủ thường, chịu eam số mệnh. Nguyên kẻ nàng hầu vợ lẽ ban ngày không dám tới với đấng phu-quân. e vợ cả bắt gup; phải đợi đến lúc đêm tối sao mọc mới dám lên lút vội vàng tới nơi phu-quân, để rồi lại vội vàng lên-lút đi đêm về phòng mình, khi bên đông sao sắp tàn, tức là trước khi trời sáng. Lại lẽ trong thơ « *tiểu tình* » tuy có so sánh số phận lẽ mọn với số phận vợ cả, song không tỏ ý ghen-tuông, chỉ tỏ ý cam đành chịu theo số-mệnh.

Nhân cái ý-nghĩa chứa trong thơ mà sau đầu bài thơ tức (*tiểu tình*) được mượn để nói bóng *phận lẽ mọn*. Nhiều bản chưa hẳn tất rằng: *tiểu tình* là vợ lẽ. Chưa như vậy e không được gãy gọn và có thể làm người đọc tưởng lầm rằng người xira ví *vợ lẽ* với *sao nhỏ*, *vợ cả* với *sao lớn*.

836) *Điều đầu*: điều đây nghĩa là cơ-sự. sự-thề, *điều đầu* là cơ-sự từ đầu xui nên.

Lấy yến làm oanh lấy chim yến cho làm chim oanh, bảo chim yến là chim oanh, ý nói nhận lầm, nói lẫn.

Oanh và *yến* đều là những giống chim bay hót quanh nhà về mùa xuân. Song vẫn là hai giống chim khác nhau. Cho chim yến làm chim oanh, là lầm lẫn, như lầm người nọ làm người kia. Kiều muốn nói: Sự-thề từ đầu mà nàng đang làm vợ lẽ. Tú-Bà lại nhận nàng làm con?

Câu này, các bản đều chép... *lấy yến làm anh*. Xét ra là chép sai. Bởi những lý-do đã nói ở trên kia (827)

837.) *Danh phận* 名分 là tên gọi và chức phận, nghĩa cũng gần như danh-vị, địa-vị. Kiều nói: nàng còn thơ-ngây ít tuổi không biết địa-vị của nàng là địa-vị gì ở trong nhà, mà lấy làm lẽ Mã-giám-Sinh lại phải gọi Mã-Giám-Sinh là bố?

838) *Đủ điều* đây nghĩa là đủ khoản, đủ món. đủ lẽ

Nạp thái là lẽ nạp các đồ sinh lễ.

Vu-quy là lẽ rước dâu.

« Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngồi : (839)

« Giờ ra thay bực đôi ngồi, (840)

« Dám xin gửi lại một lời cho mình » (841)

Ý Kiều muốn nói : nàng lấy Mã-giám-Sinh có cưới hỏi lễ ; lấy nhau theo lễ, tiết hẳn hoi, chứ không phải là nàng theo không như kiểu chồng đường vợ sá

839) — *Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi* : đã từng khi ăn nằm chung chạ với nhau, lại từng khi đứng cạnh ngồi kề nhau.

Ý Kiều muốn nói : (không những nàng lấy Mã-giám-Sinh có cưới xin hẳn hoi) nàng lại đã từng đứng cạnh ngồi kề và ăn nằm với họ Mã, nghĩa là nàng đã thực-sự làm vợ họ Mã.

840) *Giờ ra* : bây giờ lại làm ra truyện.

Thay bực đôi ngồi : thay đổi vị, địa-vị, ý nói nàng đang ở địa vị vợ lẽ bị hạ xuống địa vị con nuôi.

841) Câu này các bản Pháp văn của Nguyễn-văn-Vĩnh, Crayssac và M. R. đều giảng nghĩa là Kiều nài Tú Bà đáp lại một lời che nàng rõ :

Bản Nguyễn-văn-Vĩnh dịch :

Je me permets de vous demander un mot d'éclaircissement

Bản của Crayssac dịch :

De grâce, éclaircissez cela d'une parole

Bản của M. R. dịch :

Je me permets de vous prier de dire un mot pour m'éclaircir

Hiểu như các bản Pháp văn trên, có lẽ không đúng với tinh thần câu văn.

Nếu Kiều định nài Tú Bà đáp lại cho nàng minh bạch thì tất nàng không dám dùng chữ *gửi*.

Gửi : tiếng cổ, nghĩa cũng như *trình*, *thưa*.

Câu thơ có câu :

Vào thưa ra gửi mới nên thân người

Mụ nghe nàng nói hay tình (842)

Đoạn Kiều thưa truyện với Hồ Tôn-Hiến có câu .

Ngập ngừng mới gửi thấp cao sự lòng.

Gửi lại một lời là thưa lại một lời, trình lại một lời, tức là nói lại một cách tôn kính lễ-phép. Chữ *gửi* dùng riêng cho người dưới nói với người trên. Trên Kiều đã nói.

« Phận hèn vâng đã cam bở tiểu tình »

Nàng tự nhận là phận hèn, là người ở địa-vị kẻ dưới Tú-Bà và tỏ ý tôn kính Tú-Bà, bằng chữ *vâng*. Như vậy, không có lý gì, nàng lại đi bảo Tú-Bà *« gửi lại »* cho nàng *« minh »*.

Nếu định nói Tú-Bà đáp lại, thì nàng phải dùng lời-lẽ khác, thí-dụ như ;

Dám xin dấy lại một lời cho mình

Đây nàng không nói *« dấy lại »* mà nói *« gửi lại »* như vậy là nàng *« gửi lại »* chứ nhất định không phải là mụ Tú *« gửi lại »*.

Vả chẳng, ở địa-vị ấy và trong hoàn-cảnh ấy, Kiều chưa dám thưa lại cho Mụ-Tú rõ sự-tình, chứ không dám chút-vấn mụ Tú, nói mụ Tú giải-thích trình-bầy sự thể cho nàng hay. Từ lúc bước vào « ngôi hàng » mụ Tú, Kiều luôn - luôn giữ một thái-độ hoàn-toàn bị động, mụ Tú bảo sao làm vậy. Đến đây không phải là Kiều dám chống lại Tú-Bà Nàng chỉ trình-bầy lý-do để khỏi phải lụy sống và nhạo Mã-giám-Sinh cùng Tú-Bà làm cha mẹ,

Dám xin gửi lại một lời cho mình.

Kiều định nói nàng xin trình lại một lời như thế để Tú-Bà biết rõ sự-tình.

842) *Hay tình* là biết, rõ sự-tình, sự thể. Tình đây là *tình hình, tình-trạng* Tình là nói gồm những sự việc xảy ra ở bên trong, *trạng* (hay *hình*) là nói gồm sự-thể các việc tỏ lộ ra bên ngoài.

Câu trên nói *« gửi lại một lời cho mình »*. Câu này nói *« mụ nghe nàng nói hay tình »*. Như vậy là ý câu nọ chuyển xuống

Bấy giờ mới nổi tam bành mù lên (843)

• Nay này ! sự đã quả.nhiên (844)

câu kia, ý câu dưới đáp lại ý câu trên, vẫn rất ăn khớp vậy. (Kiều trình bày sự thể dễ mù Tú rõ (minh). Mù Tú nghe Kiều nói, biết rõ sự.thể).

843) *Tam bành* — Đạo-gia (tức Đạo-Gia theo học-thuyết của Lão-Tử) cho rằng cái Thần (tinh thần) của con người ở vào ba nơi, một là ở Óc, hai là ở minh-đường (trái tim) ba là ở dạ dày. Cái thần ấy có thể làm hại người, (theo sách Chư Chân Huyền-áo). Ba nơi chứa tinh-thần ấy, đạo-gia gọi là Tam thi 三尸, có lẽ do chữ *Tam thi* đó mà ta gọi là Ba Hồn (Ba hồn bảy vía, ba hồn chín vía).

Sách *Thái Thượng Tam Thi* trung kinh nói rằng : thượng thi tên là Bành Cự, ở trong đầu người ta ; trung-thi gọi là Bành Chặt ở trong bụng người ta ; hạ thi gọi là Bành-Kiều ở nơi chân người ta.

Văn của Liễu-tôn-Nguyên có nói : Đạo-sĩ nói rằng người ta ai cũng có ba thứ thi-trùng ở trong bụng, rình hễ người ta làm điều gì lầm-lỡ, lên-lút thì đến ngày Canh-Thân tâu lên Ngọc-Hoàng Thượng-Đế (Trời). Do đó, người ta tin rằng những sự giận-dữ, nóng-nảy là do Thần Tam-Bành làm ra,

— *Bấy giờ mới nổi tam bành mù lên* nghĩa là bấy giờ mù mới nổi giận lên đùng-đùng

— Các bản ra trước đều chưa rằng sách Phật nói người ta có Tam-Bành. Thật ra sách Phật không nói đến Tam Bành bao giờ. Đó là thuyết của Đạo-Giáo, nói trong các sách Đạo-Giáo.

844) — *Nay này !* Hai tiếng này đọc lên nghe như tiếng la ó kêu gào sủa-sói của Tú-Bà.

Quả nhiên = rõ-ràng, đúng-xác, nghĩa như *quả tang*.

« *Thôi đã cướp sống chồng mình đi rồi!* (845)

« *Bảo rằng đi dạo lấy người,* (846)

845) *Cướp sống* — dùng sức mạnh mà cướp, người bị cướp tuy còn sống mà không kháng-cự không trốn thoát được, ý nói cướp một cách công-khai, nghĩa cũng gần như nói bắt sống.

Tú-Bà nói Kiều đã cướp sống chồng mẹ, là có ý nói việc cướp đó đã xảy ra công-khai, quả tang để khép tội nàng.

Chồng mình — mình tiếng Thanh, Nghệ, nghĩa cũng như *ta*, hay *tao*. *Chồng mình* là chồng *tao*.

Tú-Bà bảo Kiều đã cướp sống chồng mẹ. vì nghe Kiều nói, mẹ biết Kiều đã chung chạ. đứng ngồi, với Mã-giám-sinh, Kiều đã tự nhận làm vợ lẽ Mã-giám-sinh. Như vậy là Kiều đã cướp mất tình yêu của chồng mẹ, và tức là cướp mất chồng mẹ vậy.

846) *Đi dạo* tức là đi dạo tìm. Trên kia có câu :

Dạo tìm khắp chợ thì quê.

Đi dạo lấy người = đi dạo tìm lấy người.

Câu này Tú-Bà nói về Mã-giám-sinh. Theo thói tục Á-Đông, vợ chồng nói với nhau thường hay nói trống không, không xưng hô tên ra.

Rõ ràng là lời lẽ một mẹ vợ hung hân quen bắt nạt chồng. Tất cả tinh thần câu văn ở trong một chữ « *Bảo* ». Vợ mà nói với chồng : « *Bảo rằng...* » thì thật là xách-mé hỗn-xược. *Bảo* có hàm ý sai khiến, ra lệnh, người trên nói với kẻ dưới, nhất là ở thời tác giả. ý ấy càng rõ rệt. Thôi tác giả tiếng « *bảo* » có nghĩa na ná như tiếng « *dạy* ». Trước đây người ta thường nói *bảo* học nghĩa cũng như ngày nay nói *dạy* học. Ca dao ta có câu :

Bảo vàng gọi dạ con ơi

Vàng lời sau trước con thời chớ quên.

...*Bảo con con chẳng ớn lời.*

Con nghe ông Hềnh đi đời nhà con.

« Đem về rước khách kiếm lời mà ăn. (847)

« Tuồng vô nghĩa ở bất nhân, (848)

Tục-ngữ có câu : *Bảo một đường đi một nẻo*. Những hành-ngữ răn bảo, *hiếu bảo nhủ bảo*, *bảo ban* đều là những tiếng vua quan dùng nói với dân, thầy học nói với học trò, cha mẹ với con cái.

Vậy mà Tú.Bà nói với chồng : « *Bảo rằng đi dạo lấy người* » thật rõ là giọng lười một người vợ lộng quyền không coi chồng ra gì. Không trách Mã-giám-Sinh trước đã phải nghĩ thầm trong bụng :

Mụ già hoặc có điều gì.

Liều công mất một buổi qui mà thôi.

847) *Rước khách... đón khách* (làng chơi)

Kiểm lời mà ăn... kiểm lấy lời lãi mà ăn tiêu

Thật là lời lẽ mụ dẫu, trơ-tráo không biết gì là liêm sỉ.

Tác giả tả ngôn ngữ của mụ Tú kẻ đã khéo.

Trên kia tác-giả đã hỏi mụ Tú « *ăn gì cao lớn đầy đà lăm sao ?* » Đây tác giả lại cho mụ Tú nói : « *Đem về rước khách kiếm lời mà ăn*. » Thì ra mụ Tú đã ăn cái lời như vậy. Ngẫm nghĩ kỹ, ta thấy tác-giả có một bút-pháp ri-rôm, hài-hước rất là kín đáo, mát mẻ.

848) *Tuồng vô nghĩa* cũng như *trò vô nghĩa* ; và *trò vô nghĩa* cũng như *đồ vô nghĩa* (đồ chữ Hán dịch nôm là *trò*). Tú . Bà mắng Mã-giám-Sinh là *đồ vô nghĩa*, tức con người không có nghĩa, không giữ nghĩa thủy chung với vợ. Ở *bất nhân* là ăn ở không có nhân hậu. Nói *tuồng vô nghĩa ở bất nhân* cũng gần như ta nói ngày nay : *đồ vô nhân bạc nghĩa*.

Người không có nhân nghĩa, tức là người bạc bẽo, tồi tệ, ăn ở không ra gì. Tú-bà mắng nhể Mã-giám-Sinh không tiếc lời.

Tác-giả không trực-tiếp miêu-tả tính-tình tư cách Tú.Bà, nhưng lời lẽ Tú-bà đã gián-tiếp cho ta biết tư-cách tính-tình của mụ.

« Buồn mình trước đã lần-mần thử chơi ! (849)

849) Buồn có nhiều nghĩa khác nhau :

1') Muốn, không nhận được, như : buồn ng', buồn ăn, buồn nôn, buồn cười.

2') Không vui, không khoan khoái như : buồn bã buồn bực, buồn chán, buồn rầu, buồn phiền, buồn tẻ, buồn thiú.

3') Ngứa ngứa, dậm dật, cảm thấy một cảm giác lạ, như : buồn như châu cắn, có lòng buồn, buồn nhoi nhói, dưng sớ mà buồn.

Buồn đây dùng theo nghĩa thứ ba.

Buồn mình là thân thể cảm thấy ngứa ngứa, dậm - dật bị kích thích.

— Bản Pháp-văn của M.R. dịch là : *pauvre de moi* nghĩa là buồn chán cho mình, hiểu buồn mình là buồn thay cho mình.

— Bản Pháp văn của Crayssac dịch là « *S'ennuyant* » hiểu buồn mình là nghe trong mình buồn bã.

— Bản Pháp văn của Nguyễn văn Vĩnh dịch là « *tentation par ennui* » là « *tenter* » hiểu buồn mình là mình thèm muốn.

Chúng tôi thấy hình như ba nhà hiểu sai tinh thần câu văn.

Trong câu này Tú.Bà muốn nói : Mã-giám.Sinh ngứa ngứa mồm mẩy nên lần lần mần thử chơi. Những tiếng mình, lần lần thử chơi cho biết mụ Tú muốn nói đến xác thịt và công việc của xác thịt. Như vậy thì buồn cũng là cảm giác của xác thịt chứ không phải là trạng thái tinh thần, như hai ông Nguyễn-văn-Vĩnh và Crayssac muốn hiểu. Còn ông M.R. hiểu mình là ngôi thứ nhất (tức mụ Tú tự xưng) và dịch buồn mình là *pauvre de moi* thì lại càng sai lắm.

Lần lần nghĩa cũng gần như tò mò nhưng có ngụ ý tò mò vật chất và mơn trớn xác thịt, che đậy những ý thô tục.

Thử chơi là chơi thử xem sao. hai chữ thử chơi cũng bao hàm nhiều ý tục về trai gái.

« Mầu hồ đã mất đi rồi. (850)

« Thôi thôi, vốn liếng đi đời nhà ma ! (851)

« Con kia đã bán cho ta (852)

Buồn mình trước đi lần-mần thử chơi nghĩa là : họ Mị cảm thấy ngứa ngáy xác thịt nên lần-mần thử chơi trước xem thế nào.

Tú-Bà nói những lời lẽ thô-tục sống-sượng mà tác-giả đã thuật lại được đầy đủ và thanh nhã như vậy, kể cũng tài tình,

Chẳng những bút pháp tác-giả thần tình, mà tiếng việt ta cũng tế nhị phong phú.

850) — *Mầu hồ* là màu đẹp, mịn, bóng-bẩy của vải lụa khi còn chưa mất chất hồ. Hồ là chất bột, cơm giã, hoặc cháo người ta vã vào vải lụa cho nó mịn, cứng, bóng mặt và đông sợi.

Mầu hồ đã mất là vải, lụa đã giặt mất hồ, tức là đã cũ, không còn mới nguyên nữa. Đây Tú-Bà lấy mầu hồ của vải, lụa để nói bóng cái trình-tân của người con gái. Mụ muốn nói là Kiều đã mất lần.

851) — *Đi đời nhà ma* ; *đi đời* là đi khỏi đời, tức là mất đi, hỏng mất ; *nhà ma* không phải là cái nhà của con ma hay cái nhà có ma ; *nhà ma* tức là con ma. Tiếng *nhà* đây là một thứ loại-tự có nghĩa như là *kẻ* là người thuộc một loại nào, thí-dụ như *nhà chùa* là nhà Sư là ông Sư, *nhà Thánh* là ông Thánh, *nhà Thần* là ông Thần, *nhà chủ* là ông chủ, *nhà văn* là kẻ làm văn, *nhà buôn* là kẻ đi buôn, *nhà thầu* là người bao thầu .. *Đi đời nhà ma* là mất đi theo con ma, mất đi vào chỗ con ma, tức là mất vào cõi chết, mất xuống Âm phủ, mất tâm mất tích, vào chỗ không rõ và không có thể tìm thấy hay lấy lại được nữa.

852) — *Con* : đây là một thứ loại-tự dùng để gọi đàn

« *Nhập gia phải cứ phép nhà ta đây (853)*

• *Lão kia có giở bài bậy, (854)*

là con gái một cách khinh bỉ, thí dụ như : *con này* (dựa con gái này) *con mụ* (cái mụ) *con me*, *con hát*, *con chị*, *con em*, *con bé...* *con sen*

Con kia : Cái con bé kia, đây trở Thúy Kiều.

Con kia đã bán cho ta : con bé kia đã đem bán cho ta.

Mụ Tú muốn nói Kiều đã bán mình cho mụ làm con em.

Nghe hai tiếng *con kia*, ta cảm như nghe thấy Tú-là hò-bét, thét mắng Thúy-Kiều)

853) *Nhập gia* là vào trong nhà. Hai chữ *nhập gia* nhắc câu cách-ngôn lấy trong kinh Dịch ; *Nhập gia tùy tục* vào nhà nào theo tục nhà ấy.

Cứ là theo, là căn-cứ vào... mà ăn ở.

Câu trên và câu này : Con bé kia đã bán cho tao rồi, thì vào nhà tao phải theo thói phép nhà tao.

Tao là ngôi thứ nhất tự xưng một cách kêu ngạo, bất tởn ;

854) *Lão kia* : lão già kia, Mụ Tú muốn trở Mã-giám Sinh là chồng mụ. Chồng ngồi bên kia, mà vợ gọi là *lão kia*, ta thấy mụ Tú giận-dữ và khinh-bỉ họ Mã ra mặt.

Bài bậy : cách bậy, cách làm bậy bạ, truyện bậy.

Bậy, tiếng cổ, nghĩa là bậy bạ, làm việc trắng-tráo, bất hợp pháp. Thí dụ như : *ăn bậy* là ăn bình, ăn một cách bậy bạ trái phép.

Nói bậy hoặc *nói bài bậy* là nói những điều bậy-bạ, lý ứng không được nói.

Lão kia có giở bài bậy : Lão kia nếu có giở cách bậy-bạ, ý nói nếu Mã-giám-Sinh có giở cách gì bậy-bạ đối với Kiều,

« Chằng văng vào mặt mà mày lại nghe (855)

« Có sao chịu tốt một bề ? (856)

« Gái tơ mà đã ngựa nghề sớm sao ? (857)

« Phải làm cho biết phép tao... » (858)

Chập bì-tiên rấp sấn vào ra tay (859)

855) Văng nghĩa là đập là tát, một cách mạnh-mẽ, đột ngột.

Cả câu : sao không đập mạnh vào mặt lão (Mã) mà lại đi nghe theo lão ?

Tú Bà tự xưng là *tao* và gọi Kiều bằng *mày* ; hai chữ *mày tao* tả được nổi căm-giận, bất bình của mẹ Tú.

856) *Chịu tốt* : tức là *tốt chịu* nghĩa chịu một cách ngoan-ngoãn, không chống lại.

Chịu tốt một bề là lặng-lẽ ngoan-ngoãn chịu theo một bề, không hề chống lại.

857) — *Gái tơ* là con gái còn ít tuổi, mới lớn, còn nớt gái tàn.

Ngựa : ngựa ngáy, dậm-dật nghĩa cũng gần như buồn (buồn mình).

Nghề : theo nghĩa thông-tục xưa, là cái giống.

Các bản Pháp văn dịch nghề ra làm « *métier* » là nghề nghiệp có lẽ không đúng.

Ngựa nghề sớm : động dĩ sớm,

Mẹ Tú bảo Kiều : con gái mới lớn mà đã động dĩ sớm Thế ư ? Sao không trách chồng mà chỉ mắng Kiều ?

858) — Trên mẹ nói ; *nhập gia phải cứ phép nhà tao* đây.

Đến đây, mẹ lại nói : « *phải làm cho biết phép tao* », *Phép tao* tức phép nhà tao.

Phép ấy thế nào ? Nàng Kiều và độc-giả chưa biết rõ.

859) *Chập* là chập hai tay nhiều cái đây làm một, *Bì tiên* là roi da, tức thứ roi tết bằng những dây da.

Nàng rằng : « Trời thăm đất đầy ! (860)
 « Thân này đã bỏ những ngày ra đi (861)
 « Thôi thì thôi có tiếc gì... »

Rắp : sắp sửa, toan làm.

Ra tay : ra tay đánh đập.

Mụ Tú chập roi da lại sắp sửa sẵn vào toan đánh Kiều một trận cho nàng biết tay. Thì ra cái phép của nhà mụ Tú là sự đánh-lập bằng roi da.

860) *Trời thăm* : trời cao thăm thăm.

Đất đầy : đất đầy, (không phải đất mỏng).

Nói *Trời thăm đất đầy*, cũng như nói *trời cao đất đầy*. Dân-bà con gái mỗi khi bù-lu bù-loa kêu gào khóc-lóc, thường hay kêu trời kêu đất : « ối trời cao đất đầy ối ».

Tuy tác-giả viết « *nàng rằng* » song nghe những tiếng « *trời thăm đất đầy* » người ta cũng đoán biết rằng lúc đó Kiều kêu bù-lu bù-loa lên. Nàng bù-lu bù-loa kêu gào vì mụ Tú cầm roi da toan sẵn vào đánh đập nàng.

861) *Thân này đã bỏ* : thân này coi như đã bỏ đi, đã chết đi, không còn tiếc nữa.

Những ngày ra đi : những từ ngày ra đi, những từ ngày bán mình cho họ Mã.

Những ngày đây không có nghĩa là *những ngày*, các ngày, nhiều ngày như ta nói : *những người, những quả, những thứ...*

Những không trở số nhiều. *Những đây* có nghĩa như *những* trong những câu :

Nuôi con những ước về sau,

Cầm như chẳng dỡ những ngày còn xanh.

Những ước là ước từ lâu.

Những ngày : từ ngày đã lâu.

Thân này đã bỏ những ngày ra đi là thân này coi như là bỏ đi, từ ngày ra đi đã lâu. Kiều đã tự coi như vậy thật.

Sấn dao tay áo tức thì giở ra, (862)

Sợ gan nát ngọc liễu hoa. (863)

Mụ còn trông mặt, nằng dà quá tay. (864)

Thương ôi ! tài sắc bậc này,

Một dao oan-nghiệp đứt dây phong-trần, (865)

862) *Thi ra con dao* gói vào chéo khăn, Kiều vẫn thủ kín trong tay áo, từ lâu.

Ngày xưa áo không may túi. Áo may theo kiểu Tàu ống tay rộng và dài, có thể giấu các thứ vào trong như là ngày nay để trong túi.

863) *Gan* là can.đảm, bạo.dạn.

Nát ngọc liễu hoa : hủy hoại cái thân đẹp như ngọc như hoa.

Cả câu : Tú Bà thấy nằng giở dao ra, sợ nằng liễu gan hủy-hoại thân-thể.

864) *Nên mụ chưa dám ra tay* Mụ còn đang nhìn mặt nằng xem nằng có dám dùng dao không, thì nằng đã quá tay rồi.

Quá tay : ý nói tay đã dùng dao tự sát.

865) *Một dao*, không phải là một con dao, chính là một nhát dao. Chữ Hán *nhất đao* là một nhát dao, cũng như *nhất bút* là một nét (không phải là một cái bút).

Một dao oan nghiệp : một nhát dao do sự oan-nghiệp xui nên,

Oan là oan.thù, oan.cừu. *Nghiệp* là cái ác-nhân, cái nguyên-nhân, gây nên sự không tốt, như *tác nghiệp tạo nghiệp* là gây nên ác-nhân, gây nên nguyên nhân những tai-hại.

Người ta thường cho rằng phạm gây nên sự chết chóc là do những oan-nghiệp xui ra.

Đứt dây phong trần : cắt đứt sợi dây ràng - buộc với cuộc đời phong-trần — tức cõi trần-tục này, cắt đứt những mối quan-hệ với cuộc đời, cắt đứt mối quan-hệ với đời sống, nghĩa là chết.

Cả câu : một nhát dao tai hại đã làm cho người ta lìa bỏ cõi đời.

Nỗi oan vỡ lở xa gần, (866)

Trong nhà người chật một lần như nen (867)

Nàng thi bần-bật giấc tiên (868).

866) *Nỗi oan* : việc oan-uổng, tình oan-uổng của Kiều, đây muốn nói việc Kiều bị Tú Bà ép uổng, đánh đập đến phải tự sát.

Vỡ lở : vỡ ra, lở ra, phá ra, ai cũng biết. Hai tiếng *vỡ lở* cho ta biết việc Kiều tự-sát ban đầu Tú-Bà định bưng-bị nhưng rồi không giấu nổi, việc phát giác ra, tung-tóe, xa gần-ai cũng biết. Cả câu : việc Kiều chết oan đồn đại khắp xa gần.

867) Vì việc vỡ lở xa gần nên người ta kéo nhau đến xem rất đông. Một là vì tình biếu kỳ, lạ; mạch hai là để tỏ mối đồng tình với người thác oan.

Chật một lần : Chật một vòng, chật một từng, như nen ; người đứng xem chen chân nhau đông-đảo như là cỏ nen (cỏ năn). Cỏ nen mọc dày, san sát như rừng. Nói đến *cỏ nen*, để gợi cho người đọc cái ý đông đúc chật.chội, như cỏ nen san sát.

Nhiều bản chép là *nêm*. Chép như vậy cũng có nghĩa, người ta thường nói : *chật như nêm cối*,

Nhưng vần *êm* không hợp với, vần *iên* ở câu dưới. Nên chép là *nen* có lẽ đúng hơn.

Trên kia, tác giả đã viết :

ngựa xe như nước, áo quần như nen

Đây lại viết. *Trong nhà người chật một lần như nen.*

Có lẽ ở quê hương tác giả và vào thời tác-giả đề tả sự đông đúc, người ta đã quen dùng hai tiếng như *nen*?

868) *Bần bật giấc tiên* : bần bật là im lặng gọi không lên tiếng, ý nói mê man bất tỉnh *giấc tiên* là giấc mơ lên cõi tiên. *Cõi tiên* nghĩa bóng là cõi chết.

Nàng thi bần bật giấc tiên là nàng Kiều thi mê man bất tỉnh như chết.

Mụ thì cầm-cấp mắt nhìn, hồn bay, (869)

Vực nằng vào chốn hiên tây (870)

Cất người coi sóc rước thầy thuốc men,

Nào hay chưa hết trần-duyên, (871)

869) Bởi vậy, Tú Bà mới sợ hãi phát run lên. Vì nếu Kiều chết thì bao nhiêu trách nhiệm về vụ án mạng đó đều đổ lên đầu mụ cả.

Cầm cấp : là run cầm cập.

Mắt nhìn : mắt nhìn Kiều nằm.

Hồn bay : hồn vía mụ Tú Bà đi đặng nào mất. ý nói mụ sợ hãi quá. Khi người ta sợ hãi quá thì tâm thần hoảng hốt cử chỉ thất thố, bình như hồn vía không còn. Cho nên dễ tả sự sợ hãi quá chừng người ta thường nói : *không còn hồn vía nào, sợ hết hồn, sợ mất vía, hồn vía lên mây, hoảng hồn...*

Cả câu : mụ Tú Bà thì nhìn Kiều nằm, người mụ run cầm cập hồn vía mụ bay lên mây.

Mụ Tú sợ hãi như vậy là vì thấy Kiều mê man bất tỉnh và thấy người kéo đến xem đông chật cả nhà. Người đến xem đông như vậy thì việc không thể im, tội khó lòng tránh khỏi.

870) *Hiên tây* là hiên đằng sau nhà. Nhà bên Tàu thường làm trông về hướng Đông, nên hiên tây tức là hiên sau nhà. Người ta vực nằng vào hiên tây, để cho kín đáo hơn.

871) *Trần duyên*, 塵緣 là nhân duyên với cõi trần-tục cõi trần-thế. Nhân duyên là cái mối ràng buộc, dính liú cái nọ với cái kia, cái nọ làm nhân cho cái kia, cái kia làm duyên cho cái nọ. Theo nhà Phật, *nhân* tức là nguyên - nhân sinh ra sự việc sự vật; *duyên* tức là cái ảnh - hưởng của hoàn cảnh tạo cho cái nhân ấy có điều kiện nảy mầm sinh nở.

Chưa hết trần duyên là chưa hết mối quan - hệ với đời còn dính liú với cõi đời, chưa chết. Trên nói *giác tiên*, dưới

Trong mê đường đã đứng bên một nàng (872)

Rỉ rằng : « nhân-quả dở-dang (873)

nói trần duyên, tiền đối với trần, ý trên ý dưới đối-đáp nhau rất khéo.

Dường là hình như, dường như có, chứ chưa chắc là có. Viết như vậy, để tỏ rằng đó là người trong mơ

872) Có bản chép ; « Trong mê đã thấy Đạm Tiên rõ ràng » ; (chép như vậy có lẽ rõ-ràng hơn.

Chép , đứng bên một nàng, tuy kém phần rõ-ràng, nhưng thêm phần bóng bẩy. Người đọc phải căn cứ vào lời văn mà suy-xét xem nàng đây là ai.

873) Rỉ là rỉ tai, ghé vào tai mà nói, tức nói khẽ. Chữ rỉ đây dùng rất hay. Nó có nhiều tác-dụng :

a) Tỏ rằng người nói với Kiều là người quen, nên mới có cử-chỉ thân mật như vậy.

b) Tỏ rằng câu truyện « nàng » nói với Kiều là câu truyện huyền bí, nói to e « liếc lộ thiên cơ ».

c) Kiều đang mơ-màng, nếu « nàng » kia nói to, có lẽ Kiều giật mình tỉnh lại. Lời nói nghe được trong giấc mơ bao giờ cũng là lời nói nhỏ-nhẹ, thì-thầm, chỉ người trong mơ nghe thấy.

d) Lời « nàng » kia rỉ tai cho Kiều chưa biết có phải là lời nói « nàng » thật, hay đó chỉ là lời nói của trí tưởng-tượng có Kiều ? Lời nói ở ngoài rỉ vào tai Kiều hay lời nói trong trí óc Kiều văng vẳng vọng ra bên tai ?

Nhân quả 因果 Nguyên-nhân và kết-quả cái hạt và cái quả.

Nhà Phật cho rằng kiếp sống hiện tại là kết-quả của kiếp sống đã qua, và mọi việc làm ở kiếp sống hiện tại lại là nguyên-nhân cho kiếp sống sau này, kiếp nọ làm nhân cho kiếp kia; kiếp này là quả của kiếp trước.

« Đâu loan trốn nợ đoạn-tràng được sao ? (874)
Số còn nặng nghiệp má đào, (875) »

Nhân quả trong câu này chỉ có nghĩa là nhân duyên, hoặc số-kiếp, tức số phận, số-mệnh.

Dở dang là chưa trọn vẹn, chưa hết, chưa xong.

Nhân quả *dở-dang* là số kiếp còn lơ-dờ giữa chừng, duyên nợ còn chưa trọn, nợ đời còn phải trả, trốn nợ không được, tức là chưa chết được.

Người xưa tin rằng kiếp này phải khổ-sở là vì kiếp trước ăn ở không ra gì, kiếp này phải sống để trả cho hết nợ kiếp trước.

874) Nợ mà Kiều phải trả cho xong, là nợ *đoạn-trường* (*đoạn-trường*) tức cái nợ khổ sở đến đứt ruột. Kiều tự-sát như vậy, người trong mộng cho là Kiều *loan trốn nợ đoạn-trường* gián-tiếp bảo Kiều phải sống để trả cho hết nợ *đoạn-tràng* đã, rồi mới chết được.

Người trong mộng đây là ai ? Tác-giả chỉ cho biết là « *một nàng* » tức một người con gái trẻ tuổi.

Người con gái trẻ tuổi ấy là ai ?

Chỉ có thể là Đạm-Tiên. Ngoài Đạm-Tiên ra không ai cho Kiều biết số *đoạn-trường*. Nay nhắc Kiều trả nợ *đoạn-trường*, tất cũng là Đạm-Tiên.

Ngoài Đạm-Tiên ra, Kiều không có ai là người quen trong mộng cả. Đoạn văn này cho biết « *một nàng* » ấy là người quen Kiều. Quen thân nên mới *ri* *lai* nên mới không cần xưng danh xưng hiệu, và Kiều mới không tỏ vẻ ngạc nhiên.

Không nói tên người trong mộng, song ta đã đoán được rồi. Đó cũng là nhờ bút pháp tài-tình của tác giả.

875) *Nghiệp* dịch nghĩa chữ Phạm Karma, theo Phật-Giáo và Bà-la-môn-Giáo là công việc của mình làm khiến cho mình luân-hồi mãi. Những sự may, rủi, sướng, khổ được hưởng hay phải chịu kiếp này là do nghiệp tạo nên từ kiếp trước. Và

- *Người đầu muốn quyết trời nào đã cho (876)*
 • *Hãy xin hết kiếp liễu bờ, (877)*

những công việc mình làm kiếp này làm nên cái nghiệp cho kiếp sau. Nghiệp cũng gần như là nhân quả vậy. Theo Phật-giáo, chỉ có lên được Niết Bàn thì mới hết nghiệp báo. Chưa lên được Niết bàn thì nghiệp còn triền miên luân chuyển mãi. Sách Phật nói « *Dù ở thượng thiên dù cho ở đáy biển, dù cho ở nơi nào trong thế giới, không đâu người ta thoát khỏi nghiệp báo* ». Người ta thường vì nghiệp luân hồi với sự tâm lộn nhong hóa bướm. Tâm ăn dầu mà phải kéo tơ, rồi lại tự quấn mình vào tơ mà thành nhộng, nhộng lại hóa bướm cắn lấy kén mà ra. Ra rồi, bướm lại cặp đôi, để trứng sinh ra tâm Nghiệp, có ba (trividbadvāra) là : *thân nghiệp* tức là nghiệp do sự hành động của thân-thể mà ra ; *khẩu nghiệp* tức là nghiệp do lời nói mà ra ; *lời ác, lời dối* làm ra nghiệp xấu ; *ý nghiệp* tức nghiệp do ý niệm tư tưởng mà ra. Cái ý mặc dầu chưa ra ngoài, cũng có thể tạo nên nghiệp, là vì có ý ắt dẫn đến hành. Bởi thế cho nên nhà Phật nói : *nhất niệm khởi, thiện ác dĩ phân*»

(Theo Phan văn Hàm — Phật Giáo Thiết Học — Tân Việt xuất bản 1942)

Nặng nghiệp mị đảo : là cái nghiệp đàn bà nặng. Người nhẹ nghiệp là người được sung sướng nhân nhả (vì kiếp trước khéo tu) người nặng nghiệp là người phải chịu đựng nhiều khổ khổ gian nan (vì kiếp trước làm nhiều điều xấu).

Số còn *nặng nghiệp mị đảo* là cái số kiếp làm đàn bà (của Kiêu) còn phải chịu đựng nhiều gian nan.

Có bản chép : *Số còn nặng nợ má đào*.

876) *Người đầu muốn quyết* ; người dù muốn quyết trốn nợ đời, ý này chuyển từ câu « *đã toan trốn nợ đoạn tràng* » xuống.

Trời nào đã cho : trời nào đã cho trốn nợ như thế. Nhiều người vẫn quen kể là *Người dù muốn thác trời nào đã cho*.

Kể như vậy có lẽ rõ nghĩa hơn.

877) *Hết kiếp liễu bờ* : hết cái kiếp hèn yếu, ý nói sống cho trọn kiếp má đào. *Bờ liễu* xem lời chưa chữ *bờ liễu* (số 650) ở trên.

« Sóng Tiền-Đường sẽ hẹn hò về sau. » (878)

Thuốc thang suốt một ngày thâu, (879)

Giấc mê nghe đã dầu-dầu vừa tan (880)

Tú-Bà chực sẵn bên màn

Lựa lời khuyên giải, mơn man gỡ dần ; (881)

878) Đạm Tiên hẹn hò sẽ gặp Kiều ở sông Tiền Đường.

Tân Đả phê : Đạm Tiên là ma mà là một vai hay nhất ở trong truyện.

Chúng tôi muốn thêm : Chẳng những là vai hay nhất, mà Đạm Tiên chính là linh hồn của truyện Kiều.

Cái linh hồn ấy bằng bạc, phẳng-phất ẩn hiện luôn luôn trên những trang truyện. Có thể nói Kiều chỉ là một nhân-vật do Đạm Tiên nhào nặn ra và điều-khiển.

879) Suốt một ngày thâu : suốt một ngày tròn. Thâu là tròn, là tròn, nghĩa cũng gần như suốt.

Ta thường nói : thâu đêm suốt áng, suốt canh thâu, thức thâu canh...

Thế là Kiều chết giấc đi suốt một ngày thâu.

Nếu không có phép mầu nhiệm của Tạo.Hóa (trời) thì có lẽ nàng khó lòng sống lại được.

(Đạm.Tiên đã cho biết là Trời chưa cho Kiều chết).

880) Giấc mê : tức cơn vụng, cơn chết giấc.

Nghe đã ; nghe chừng đã, hình như đã.

Dầu Dầu : êm êm nhẹ nhẹ đi. Dầu đây nghĩa cũng như dầu trong thành ngữ dầu lòng. Dầu lòng là bằng lòng yên lòng.

Cả câu : con nghe chừng đã yên yên vừa tan. Tan giấc mê là hết giấc mê, ý nói Kiều tỉnh lại

881) Mơn man nghĩa cũng như mơn trớn, vuốt ve.

Gỡ là làm cho k'ỏi rối, khỏi vương, khỏi mắc. Việc Kiều, liễu mình là một việc rắc rối, cần phải gỡ.

Tú.Bà dùng lời ngon ngọt khuyên-giải, vuốt ve, mơn trớn nàng, để gỡ dần cái việc rắc-rối đó.

« Một người dễ có mấy thần, (882)

Hoa xuân đương nhị, ngày xuân còn dài (883)

« Cũng là lỡ một lần hai, (884)

882) — Mỗi người chỉ có một thần.thể. Ý Tú-Bà muốn khuyên Kiều không nên phi-hoài thần.thể, vì lỡ một chút là không lấy lại được.

883) — Nhất là Kiều như hoa mới nở, tuổi xuân còn dài thì lại càng không nên hoài thân hủy thể như vậy.

Hoa xuân đương nhị là hoa mùa xuân đương lên nhị, ý nói hoa mới nở, người mới dậy thì.

Ngày xuân còn dài là thì tuổi trẻ còn dài, ý nói đời sống còn lâu.

Hoa xuân đương nhị, đây Tú-Bà ví Kiều như hoa xuân đương nhị. Crayssac dịch ra làm : « *La vie, à son printemps ouvre pour toi ses fleurs,* », hay thì có hay, và ý tứ rất mới nhưng không đúng với tinh.thần nguyên.văn.

884) — Cũng là lỡ một lần hai : Câu này bản Pháp văn của Nguyễn văn Vĩnh dịch là :

Tu as fait la une maladresse ou une erreur.

Bản của Crayssac dịch là : *Ta présence en ces lieux provient sans aucun doute soit d'un fatal destin, soit d'un malentendu*

Có lẽ cả hai nhà đều hiểu sai tinh thần câu văn. Tú-Bà thấy Kiều tỉnh-lại tiền lựa lời khuyên.giải vượt ve cho êm truyện, Vậy không lẽ lại trách mắng nàng làm cho nàng uất.tức tức giận thêm.

Câu ấy phải là câu Tú-Bà tự nhận tội-lỗi. Mụ nói đó cũng là tại mụ lỡ là một, l m là hai, mụ nhận lỗi về phần mình, cốt làm cho Kiều hả lòng, hả dạ và thôi không liều chết nữa. (mụ sợ bị tội tình và nhất là sợ mất hết lương vốn, nếu Kiều tự sát). Hiểu như Crayssac thì điệp ý, vì ở dưới có câu : « *Lỡ chân trôi đã vào đây* ».

Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây. (885)
Lỡ chân trót đã vào đây

Đó là xét về ý-nghĩa Xét về văn pháp, thì chủ-từ câu này cũng là chủ-từ câu tiếp theo vì hai câu đi liền một mạch.

Câu sau : *đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây.*

Chủ-từ câu này chắc chắn là Tú-Bà. Kiều thì còn *ép nài* được ai ở đây mà bảo *sao nỡ* ? Chủ-từ câu này là Tú-Bà, thì chủ-từ câu ở liền trên tất cũng là Tú-Bà. Bản của M. R. dịch là : *J'ai commis une erreur pour commencer, une sottise pour finir.* Dịch thế có lẽ đúng hơn.

885) — ĐÁ VÀNG là lòng kiên-trinh như chất đá, chất vàng đây nói lòng kiên-trinh của Kiều. Tú-Bà nịnh nàng như thế chứ vị tất nàng đã có lòng kiên-trinh. Nàng sợ đi tự sát, là vì tức giận về việc mẹ Tú đánh đập nàng.

Đá vàng có nghĩa ấy, là do câu « *Tâm như kim thạch* » 心如金石, lòng bền vững như vàng đá, trong sách « *Hậu hán thư* ».

Mưa mây tức mây mưa trở sự trai gái, đây trở sự tiếp khách làng chơi. (xem lời chú số 438).

Cả câu : Người có lòng kiên-trinh như vàng đá thế, sao lại nỡ ép nài phải tiếp khách làng chơi ?

(Tú-Bà nói lấy lòng Kiều cốt làm cho nàng người giận chó mẹ thì đếm xỉa gì đến lòng kiên-trinh của ai) ?

— *Đá vàng*, bản Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là *fidélité conjugale* và *puisque te voilà résolue à la vie d' épouse* thì e không đúng. Bản của M. R. dịch là « *Vertu de pierre, et d'or* » có lẽ đúng hơn.

Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non (886)

« Người còn thì của hầy còn (887)

Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà (888)

886) *Khóa buồng xuân* : Khóa cái xuân tình trong buồng, ý nói cấm cung, không thả xuân tình ra với ai, tức là không tiếp ai.

Đào non dịch chữ *đào yêu* trong Kinh Thi là cây đào non mon-mỏn, người ta thường ví người con gái dậy thì, đến tuổi lấy chồng với cây *đào non* (Xem lời chưa số 430).

Do đó, mà *ngày đào non* đây có nghĩa là ngày lấy chồng.

Cả câu : Tú-bà bảo Kiều (đã trót lỡ vào chốn này là nơi không tốt) cứ cấm cung trong phòng kín, không tiếp ai để đợi ngày đi lấy chồng từ-tế.

— Mụ Tú nói như rót vào tai, ai nghe chả lọt ? Thật là mồm mép mụ dẫu. Mon-man là nghĩa thế.

Đợi ngày đào non bản Pháp-văn của Crayssac dịch là :

En attendant que te sourient des jours plus roses.

Que les tendres péchers d'un mariage heureux

Fleurissent pour combler tes légitimes vœux

Hay và mới lắm, nhưng không hợp với tinh-thần câu văn.

— Bản của M. R. hiểu lầm *đào non* là quả *đào non* và dịch sai ý *khóa buồng xuân* :

Fermez donc la porte aux jeux du printemps (?) pêche tendre (?) jusqu'au jour nuptial

887) *Người còn thì của hầy còn* . . người nàng Kiều còn thì vốn của Tú-Bà cũng hầy còn. Mụ không mất vốn đâu. Mụ nói câu này để chặn mối ngờ vực của Kiều. Mụ bỏ ra hơn bốn trăm lạng mua Kiều, nay Mụ lại bảo Kiều cứ cấm cung trong buồng riêng, không phải tiếp khách. Như vậy thì Kiều tin làm sao ? Hiểu rõ tâm lý người, mụ Tú bèn chặn luôn mọi ý nghi ngờ. Thật là khôn ngoan.

— Mấy bản Pháp văn của Nguyễn-văn-Vĩnh, M.R. Crayssac đều hiểu là : *Người Kiều còn thì của của nàng còn*. Hiểu như vậy có lẽ không đúng với tinh thần câu văn. Kiều có thắc-mắc gì về của cải bao giờ đâu ?

888) Câu này nhiều bản đề là :

Tìm nơi xứng đáng là con cái nhà và chưa nghĩa thế này : *Tìm con cái nhà xứng đáng mà lấy* : lại ché bản viết : *làm con cái nhà* là sai mất nghĩa.

« *Làm chi tội báo oan gia* (889)
Thiệt người mà hại đến ta hay gì ? (890)

Theo ý chúng tôi, đề : là con cái nhà tuy cũng có nghĩa, song câu văn hình như chưa lộn ý.

Con cái nhà là con cái nhà khá-giả. *Tim nơi xứng đáng là con cái nhà khá giả để làm gì ?* Trong câu này không có ý gì là lấy cả. Chép là : *Tim nơi xứng đáng làm con cái nhà*, thì ý lộn hơn. *Tim nơi xứng đáng* để vào làm con cái nhà người ta, tức là để làm dâu nhà người ta. Như thế trong câu có hai ý : một ý kén tìm và một ý làm dâu.

Ở miệng Tú-Bà nói ra thì câu này bàm những nghĩa sau : ta sẽ tìm nơi xứng đáng để gả (chồng) làm dâu con nhà người ta, như vậy số vốn mua Kiều sẽ lấy lại được. Câu này giải thích gián tiếp và kín đáo ý câu « *người còn thì của hãy còn* » ở trên.

889) *Tội báo oan gia* . : *oan gia* tức là kẻ thù ; *Tội báo oan gia* là cái tội thù báo hại lẫn nhau, nghĩa cũng gần như nói cái tội oan oan tương báo. Cả câu : làm chi gây nên cái tội oan oan tương báo ? ý nói liệu mình tự sát làm chi cho gây nên cái tội oan oan tương báo ?

Có bản Pháp văn hiểu *oan-gia* là làm tội kẻ oan thì sai nghĩa.

890) *Thiệt người* là thiệt cho người ngoài — ở đây là làm Tú-Bà thiệt mất số vốn mua Kiều và có thể tổn kém thêm vì việc trình báo. . .

Hại đến ta là hại đến chính thân mình ; — ở đây ta trở Kiều, hại đến thân Kiều.

Câu này Tú-Bà nói chung, nói một cách tổng quát. *Người với ta* là hai tiếng trở hai ngôi đối lập nhau. *Người* tức là người ngoài ; *ta* tức là bản thân. Thí dụ : *Say bụng ta ra bụng người*, hề ta có thích thì người mới ưa : — *Mà trong lễ phải cô người cô ta* ; — *Người yêu ta xấu với người* ; — *Có người có ta*, — *Đễ người dễ ta* ; — *Người bảo là ta đại : ta cũng thế này thôi* ; — *Trách người một trách ta mười*, của người phúc ta : cười người chửi bỏ khi người cười ta.

Kề tai mấy nỗi năn-ni (891)

Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi (892)

Vả trong thần-mộng mấy lời. (893)

Mấy bản Pháp.văn đều cho người là tiếng trỏ Kiều, ta là tiếng Tú-Bà tự xưng, e không đúng. Dù môn man vuốt ve đến đâu, Tú-Bà cũng không bao giờ tự hạ đến gọi Kiều là người. Dù Tú-Bà đánh đá, kiêu ngạo đến đâu, thì trong trường hợp này cũng không bao giờ dám tự xưng là ta (nghĩa gần như tao) với Kiều.

Ta nên nhớ rằng từ khi bắt đầu lựa lời môn tròn khuyên giải Kiều. Tú-Bà chưa hề tự xưng là mình, là ta, hay tao lúc nào. Mu toàn nói trống không cho có vẻ ngang hàng và thân mật, cốt làm cho Kiều người giận.

Làm chi tội báo oan gia.

Thiệt người mà hại đến ta hay gì.

Nghĩa là : gây nên tội báo oan gia làm chi ? để người ngoài thiệt mà chính mình (ta) cũng bị hại, hai bên đều thiệt hại, như vậy thì liệu có hay gì ? (ý nói Kiều không tự sát mà thiệt mù Tú và hại đến Kiều).

Tú-Bà lý luận để Kiều bỏ ý định tự-soát, kể đã khéo.
891) *Kề tai* là gần kề bên tai.

Mấy nỗi năn-ni mấy lời năn-ni tỏ nỗi lòng.

Cả câu : bên tai nghe mấy lời năn-ni tỏ nỗi lòng.

892) *Nàng* đây là Kiều.

Dường cũng = hình như cũng ra vẻ cũng ...

Thị phi rạch ròi : rạch-ròi lẽ thị-phi ; rạch ròi là phân biệt rõ ; thị phi là lẽ phải, trái, lẽ hay, dở.

Câu này và câu trên ; Nghe bên tai mấy lời năn-ni tỏ nỗi lòng của Tú-Bà. Kiều hình như cũng phân biệt được rạch-ròi lẽ phải, trái.

Ý nói : chừng như Kiều đã nghe ra, cho lời Tú-Bà là có lý.

893) *Vả trong thần-mộng* mấy lời : vả chẳng trong mấy lời thần báo mộng. Lời thần-mộng đây tức là lời Đạm-Tiên nhủ bảo Kiều trong giấc mê.

Túc-nhân âu cũng có trời ở trong (894)

Kiếp này nợ trả chưa xong, (895)

Nhớ lời thần mộng, Kiều thấy có một lý-do vững-chắc để nghe theo lời khuyên-giải của Tú-Bà.

894) *Túc-nhân* 夙因 tức là cũ, là xưa kia, từ kiếp trước ; *nhân* là nhân quả. *Túc-nhân* là cái nhân-quả từ kiếp trước, ý nói quả kiếp nhân duyên do tiền-định, cũng như nói số mệnh. *Âu cũng* ; đành cũng, thì ra cũng.

Có trời ở trong ; có số trời ở trong cái quả kiếp nhân-duyên của mình.

Cả câu : Kiều nghĩ thầm thì ra cái quả kiếp nhân-duyên của mình do trời định trước cả.

Trước kia Kiều tin chắc ở lời báo mộng của Đạm-Tiên về số Đoạn-Trường, nay Kiều lại tin chắc ở lời Đạm-Tiên về nợ Đoạn-Trường Chính cái lòng tin đó đã tạo nên Thúy-Kiều của Đoạn-Trường Tân-Thanh. Chính cái lòng tin đó đã xây dựng nên truyện Kiều.

Giả sử có một phút, một giây nào Thúy Kiều ngờ-vụ, không tin lời Đạm-Tiên, giả sử Thúy Kiều có một phút một giây nào cưỡng lại số-mệnh, thì chắc-chắn là câu truyện Đoạn-Trường Tân-Thanh sẽ xoay ra một chiều khác ; lịch-sử có Kiều sẽ có những bước ngoặt bất ngờ.

Thí-dụ như ở đây, nếu Kiều không tin lời Đạm-Tiên, và do đó không nghe lời khuyên giải của Tú-Bà, cứ nhất quyết tự sát, thì sau này làm chi còn có mười lăm năm giang-lữ lưu lạc, làm chi còn có câu truyện hò-hẹn trên sông Tiền-Đường ?

Không biết có đúng là có số Trời không ? Nhưng chắc chắn một phần lớn, hoặc hầu hết, hoặc tất cả cuộc đời Kiều là do tính-thần khiếp-nhược của Kiều, do thái-độ bị-động của Kiều, do tâm lòng mê-tin của Kiều tạo-tác nên.

895) *Kiếp này nợ trả chưa xong*. Nợ gì ? Đó là nợ Đoạn-Trường mà Đạm-Tiên đã rỉ tai cho Kiều biết trong giấc mê. Kiều dễ tin như vậy, cho nên « *khư khư* mình buộc lấy mình vào trong », không còn trách ai được nữa.

Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau ? (896)

Lặng nghe ngẫm nghĩ gót đầu, (897)

Thưa rằng : « Ai có muốn dâu thế này. (898)

« Được như lời thế là may, (899)

896) *Nợ chồng kiếp sau* là nợ chồng chất lên đề kiếp sau. Kiều tin chắc ở thuyết nghiệp báo của nhà Phật, nên cho rằng kiếp này chưa trả hết nợ, thì nợ ấy sẽ chồng - chất lên đề kiếp sau phải trả, chớ quyết không bao giờ trốn nợ được. Vừa được Đạm-Tiên « sang tai » cho lúc trước, lúc này Kiều đã tin chắc như là việc thực, không thể nào thay đổi, xoay chuyển ra thế khác. Chỉ một chỗ đó, cũng cho người ta thấy cái tính nhẹ dạ, cả tin của Kiều nó thế nào rồi. Trách chi sau này nàng chả bị Sở-Khanh, Bạc-Bà lừa dối.

897)— Kiều lảng-lặng nghe lời Tú-Bà, rồi ngẫm-ngĩ kỹ nài mới đáp.

Ngẫm nghĩ gót đầu là ngẫm nghĩ kỹ càng từ đầu đến cuối. *Gót đầu* là từ đầu đến gót, từ đầu đến cuối, từ ngọn đến gốc.

898) Kiều thưa lại với Tú-Bà. Dù sao Nàng vẫn tỏ dấu kính nể Tú-Bà. Nàng vẫn tự nhận làm kẻ dưới mặt, (phận hèn vâng đã cam bề tiểu tình). Một chữ « thưa » đủ cho ta thấy thái độ tôn-kính của Kiều đối với Tú-Bà.

Nàng nói : có ai muốn thế này dâu, gián tiếp cho biết chính nàng cũng không muốn thế (không muốn tự sát). Nàng nói thật đó. Nàng vốn là người ham sống, yêu đời. Giấu dao vào chèo khăn từ nhà, mà khi bị Mã-giám Sinh làm ó-nhục nàng cũng không có can đảm cự tuyệt, không có can đảm liều mình. Đến khi sắp bị Tú-Bà đánh đập, nàng mới bất đắc dĩ dùng đến con dao. Nhưng dùng một cách miễn cưỡng. Hình như chỉ cốt để « dọa giả » mặt Tú mà thôi. Cho nên nàng không chết.

899) Nếu được như lời nói thế, là may cho nàng. Ý Kiều muốn nói ; nếu quả mặt Tú thật lòng định thu xếp cho nàng như thế, thì may. Nghĩa là nàng cũng ưng « khóa buồng xuân để đợi ngày đào non », nàng muốn

« Hẳn rằng mai có như rày cho chẳng ? (900)

« Sợ khi ong bướm dãi-dăng, (901)

« Đến điều sống đục sao bằng thác trong ! (902)

đi lấy chồng, và cho thế là may, cái ý yêu đời lộ ra lời nói của Kiều.

900) Nhưng nàng còn ngờ lời mu Tú. Nàng hỏi : chắc rằng sau này có giữ được lời như bây giờ không ?

Mai là mai sau, sau này.

Rày là ngày nay, bây giờ, lúc này.

902) *Ong bướm* trở khách làng chơi. Người ta vì con gái đẹp như bông hoa, kẻ chơi gái như ong bướm.

Đãi-dăng, Tần-Đà giảng là « bảo nhau tùm đông lại », Bùi Kỳ Trầm-trọng-Kim giảng là « lời thối ». Nguyên-văn - Vĩnh dịch là « *courtiser avec insistance* » nghĩa là : đeo đẳng trông ghẹo ; Crayssac dịch là « *les offres alléchantes d'abeilles et de papillons* » : M R dịch là « *abeilles et papillons séducteurs ne tournent autour de moi* ».

Theo ý chúng tôi *đãi-dăng* có nghĩa là là tiếp đãi. *Đăng* chỉ là tiếng đệm đi với tiếng *đãi* ; *dăng* không có nghĩa gì riêng biệt cả, người ta đệm thêm cho dễ nói mà thôi.

Sợ khi ong bướm dãi-dăng là sợ khi phải tiếp đãi khách làng chơi. Kiều sợ phải tiếp đãi khách làng chơi (ong bướm) cũng như lo rằng Tú-Bà sẽ nuốt lời hứa. Mu đã cho Kiều « khóa buồng xuân để đợi ngày đào non » tức là không bắt Kiều tiếp khách.

Tuy rằng câu này chưa lộn nghĩa, song phải hiểu như vậy thì mới thông. Nếu bảo rằng vì câu chưa lộn nghĩa, mà không hiểu như vậy được, thì hiểu theo cách nào cũng không thông.

902) Kiều cho việc tiếp khách làng chơi là việc ô-trọc, (mà ô-trọc thật). Nếu phải sống cái đời ô-trọc, tức đời bần đục của gái nhà chứa, thì thà nàng chết đi còn hơn

Mụ rằng : con hãy thông-dong (903)
Phải điều lòng lại đối lòng mà chơi ? (904)

Chết như vậy là chết trong. Chết trong còn hơn sống đục. Kiều nhắc lại cái ý - định quyền sinh lúc này, nhằm hai mục-dịch :

a) Tỏ cho Tú-Bà biết rằng nàng vẫn sẵn-sàng liều chết nếu phải bắt ép làm điều ô nhục.

b) Dọa Tú-Bà để bắt mụ phải giữ lời hứa.

903) *Thông-dong* tức *thung - dung* 從容 nghĩa là thông thả, thư-hoãn. Đây Tú-Bà muốn bảo Kiều hãy *khoan tâm, thư tâm* tức *yên tâm*, đừng thắc mắc lo ngại.

Bản Pháp-văn của Nguyễn văn Vĩnh dịch *thong dong* ra làm « *prendre patience* » nghĩa là *kiên tâm, kiên gan* ; bản của M.R. dịch là « *faites à votre gré* » nghĩa là *tùy ý con* ; bản của Crayssac dịch là « *prends patience* » đại khái cũng hiểu như bản Nguyễn-văn-Vĩnh,

Dịch như vậy, chúng tôi thấy hình như không sát nghĩa hai chữ « *thung - dung* » và không hợp với ý Tú - Bà muốn nói.

Mụ rằng : con hãy thông - dong : trong khi lựa lời khuyên giải m-n man gỡ dần. Tú-Bà toàn nói bằng giọng trống không, chẳng tự xưng và cũng chẳng gọi Kiều là gì hết, cố ý làm ra bộ thân mật, bình đẳng. Đến đây nghe Kiều đã có ý khuat phục và ưng chịu, Tú - Bà mới bực bực kể cả, gọi Kiều bằng con, gián-tiếp tự xưng là mẹ, để khỏi mất cái địa-vị mụ đầu.

904) — *Phải điều lòng lại đối lòng mà chơi ?* Nghĩa là : Có phải là điều lòng nói đối lòng mà chơi đâu ?

Tú-Bà muốn nói : có phải lời mụ nói là lời nói dối nói chơi đâu ? Đó là lời nói thành-thật tự đáy lòng ra và là lời nói đứng-dẫn, chứ không phải lời nói đùa.

Điều là lời nói.

Lòng ở trên là lòng Tú-Bà, *lòng ở dưới* là lòng Kiều, lòng Tú-Bà là lòng thật, có phải là định nói lừa nói dối lòng Kiều đâu.

« Mai sau ở chẳng như lời. (905)

• Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi ». (906)

Thấy lời quyết đoán hần-hoi, (907)

Đánh lòng nàng cũng sẽ nguôi-nguôi dần. (908),

Trước lầu Ngưng-Bích khóa xuân, (909)

Câu trên và câu này: Con cứ thư tâm, lời mẹ là lời nói thật chứ không phải lời nói dối, nói đùa.

950) *Ở chẳng như lời*: ăn ở không đúng như lời đã hứa, tức là không giữ lời hứa.

Câu này là một câu giải-thiết: nếu mai sau ăn ở không đúng lời hứa.

906) Thì trên đầu đã có trời soi-xét. *Bóng mặt trời* tức là trời.

Để làm cho Kiều tin chắc và yên tâm, Tú Bà thề rằng nếu mai sau mụ ăn ở sai lời, thì đã có trời chúng giám (soi xét).

— Trên kia Mã giám-Sinh đã thề với Vương-Ông. Đây Tú-Bà lại thề với Kiều. Thì ra ngay từ thời ấy, lời thề đã bị lạm dụng và coi thường rồi.

907.) *Lời quyết đoán* Đây là lời nói cam-quyết, chắc chắn ý nói lời thề của Tú-Bà.

Kiều vẫn là người nhẹ dạ. nay lại thấy Tú-Bà thề-thốt quả quyết như vậy thì sao nàng lại không tin ?

908.) *Nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần*: nàng sẽ nguôi dần dần nguôi cái gì ? Nguôi lòng. Chữ lòng chuyển từ đầu câu xuống. Nếu là văn xuôi, thì có lẽ câu này phải viết :

Đánh lòng rồi, nàng cũng nguôi lòng dần dần.

Kiều nguôi lòng, vì được lời cam kết của Tú-Bà, lòng nàng không còn thắc mắc lo-lắng nữa.

909) *Ngưng-Bích* là tiền lầu Tú-Bà dành cho Kiều ở. Thì ra ngôi hàng của mụ Tú và họ Mã cũng to-tát lắm. Có cả một lầu Ngưng-Bích dành riêng cho Kiều. Ở trên kia có lẽ tác-giả sơ ý nên không cho ta biết điều đó ?

Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung ; (910)

Khóa xuân : Khóa cài xuân tình.

Trước lầu Ngưng-Bích khóa xuân : Ở trước lầu Ngưng-Bích là nơi Kiều khóa xuân tình, (nơi Kiều cấm-cung).

— Có người cho rằng *Khóa xuân* là nhốt tuổi xuân, không đúng.

— Lại có người cho rằng Kiều bị nhốt trong lầu Ngưng-Bích. *Khóa xuân* là cái khóa đóng để khóa cửa lầu có nhốt xuân, tức người đẹp là Kiều. Thật ra không phải thế. Kiều ở lầu Ngưng-Bích là điều mù Tú không bao giờ muốn vì như vậy thiệt cho mù. Bất đắc-dĩ, Tú-Bà phải giữ lời hứa để Kiều cấm cung ở lầu Ngưng-Bích.

Việc đó Mụ Tú đề-nghị ra (*khóa buồng xuân* ..) và được Kiều ưng-thuận. Vậy việc ở lầu Ngưng-Bích là một ân-huệ riêng của mụ Tú và là một cái đặc quyền của Kiều. Kiều tự khóa xuân tình của nàng, chứ nàng không bị nhốt khóa ở lầu Ngưng-Bích ;

Mụ Tú giữ lời hứa cho Kiều cấm-cung đợi ngày lấy chồng Trên nói « *Khóa buồng xuân* để đợi ngày đào non » Đây tác-giả lại nhắc lại hai chữ « *Khóa xuân* » khiến cho ý văn và sự việc trước sau liên-lạc ăn khớp nhau. Kề cũng đã dụng công !

910.) *Vẻ non xa* = hình sắc những núi non ở xa.

Tấm trăng gần = vầng trăng ở gần.

Hai chi-tiết này gián-tiếp tả kiến-trúc cao vót của lầu Ngưng-Bích. Có ở trên lầu cao thì mới nhận thấy vẻ núi non ở xa và mới thấy trăng như ở ngay trước mắt.

Ở chung : bản Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch câu này ra làm :

La silhouette des montagnes lointaines et le disque de la lune toute proche, se montraient sur le même plan.

Bản của R.M dịch là :

Une frange de monts lointains fondait dans l'éclat de la lune voisine

Bốn bề bát-ngát xa trông, (911)

Cả hai nhà đều hiểu ở chung là trăng gần với non xa ở chung nhau, lân-lộn với nhau.

Hiểu như vậy, kẻ cũng rất mới, rất nên thơ, nên họa, nhưng hình như không sát với tinh thần câu văn.

Kiều cảm cung ở lầu Ngưng-Bích. Đây tác-giả tả cảnh cảm cung của Kiều.

Ở trước lầu Ngưng-Bích, không có một người thứ hai. Kiều chỉ có núi với trăng là bạn. Đêm ngày Kiều ở chung với núi và trăng, Nghĩa là Kiều không phải dãi-dàng ong bướm. Theo lời hứa của mẹ Tú, nàng đã được « *Khóa buồng xuân* »

Vậy, ở chung phải có nghĩa là núi và trăng ở chung với. Kiêu hoặc Kiều ở chung với núi và trăng, như bạn của Crayssac đã dịch rất văn vẻ.

*Elle y vit désormais recluse, ne comptant
D'autres amis que les silhouettes lointaines
Des montagnès, là bas, à l'horizon des plaines
Et, plus proche la lune au beau disque argenté
Dont les rayons, bïofards viennent la visiter.*

Cả câu : *Vẻ non xa lắm trăng gần ở chung* có nghĩa là : Ban đêm, Kiều ở chung với vẻ non xa và tấm trăng gần.

Câu này tả cảnh ban đêm trước lầu Ngưng-Bích. Ban đêm mới có trăng. Và đêm trăng thì mới nhìn thấy vẻ non xa (911) Lầu cao lắm, có thể trông xa ra tứ phía.

Kiều trông xa ra bốn bề bát ngát là vì nàng ở một mình, cô-quạnh, chỉ có cách nhìn ngắm phong-cảnh làm khuây.

Câu này chuyển tả phong-cảnh ban ngày trước lầu, Ngưng-Bích. Ban ngày mới trông được bốn bề bát-ngát và mới thấy những cảnh tả ở câu dưới.

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia. (912)
Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya, (913)

912.) *Cát vàng cồn nọ* : nọ là những cồn cát vàng.

Cồn cát là những đồng cát nổi lên ở gần bờ biển. nhiều đồng cao lớn như những trái đồi núi đột ngột (vùng Quảng-Bình. Quảng-Trị có nhiều cồn cát to lắm) *Cồn cát vàng* không phải vì có ánh mặt trời chiếu dội vào, như lời chua của Tân-Đà, vàng vì là cát-già. hoặc cát tách từ những đá núi màu vàng.

Bụi hồng dặm kia : kia là những dặm đường bụi đỏ bốc mù . mịt. Đường bụi hồng bốc lên, một là vì có nhiều người đi, hai là vì có gió thổi mạnh, ba là vì ở xa nên chỉ thấy bụi bốc chứ không nhận rõ các cái khác trên đường.

Đây là cảnh tượng ban ngày đứng trên lầu Ngưng-Bích nom ra xa-xa. Vì lầu Ngưng-Bích ở Lâm-Truy gần biển nên có cảnh cồn cát ? Hay là tác giả thích tả những cảnh quen thuộc ở Bình-Trị-Thiên là cảnh những cồn cát vàng nổi lên đột - ngột ?

Dù sao thì cảnh cồn cát và cảnh đường bụi cũng là những cảnh trơ - trọi, đem một vẻ buồn cô-quạnh xa vắng mênh-mông.

Ban đêm trên lầu Ngưng-Bích; Kiều chỉ hạn với bóng trắng và vẻ núi. Ban ngày, trên lầu Ngưng - Bích trông ra từ phía bắc, ngát. Kiều chỉ thấy toàn là cát với bụi.

Tác giả đã cực tả cái cảnh cô-quạnh của lầu Ngưng-Bích, đồng thời dần xếp, chuẩn - bị tâm - lý cho nhân-vật của mình. Một người lưu - lạc lẻ - loi ở nơi tha - hương, khi nhìn cảnh cát bụi đầy trời sao khỏi ngẫm nghĩ đến cuộc đời gió bụi và cái thân hột cát giữa giòng của mình ? Chính bởi đối cảnh sinh tình mà Kiều có những ý nghĩ nhớ nhung ở dưới.

913) *Bẽ bàng* . bản Pháp-văn của M. R. dịch là « *indécise* » nghĩa là *dùng-dằng, do-dự* ; bản của Crayssac dịch là « *indifférente* » nghĩa là *lạt lẽo, hững hờ* ; bản của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là « *rougissant* » nghĩa là *hỗ thẹn*.

Nửa linh nửa cảnh như chia tấm lòng (914)

Chúng tôi thấy hình như ba nhà đều hiểu sai. *Bẽ bàng* không có nghĩa gì là dửng dưng, lưỡng-lự, hay lạt lẽo hững hờ. Cụ Nguyễn-văn-Vĩnh có lẽ đã căn cứ vào thành-ngữ *Bẽ mặt* mà giảng *bẽ bàng* là hổ-thẹn. Nhưng ở đây có lẽ không đúng. Ở đây, Kiều có gì phải hổ-thẹn đâu? Bán mình mà được *cấm* sung trên lầu Ngưng-Bích như vậy, tưởng Kiều phải lấy làm vừa lòng lắm rồi, Và chẳng, *bẽ bàng* trong truyện Kiều có lẽ không có nghĩa như *bẽ* trong thành ngữ *bẽ mặt*:

Mái tây dề lạnh hương nguyền

Cho duyên dằm thắm ra duyên bẽ bàng

Có lẽ cho rằng *bẽ bàng* nghịch nghĩa với *dằm thắm*, nên Crayssac tiên-sinh đã dịch làm *indifférente* tức hững hờ.

Thật ra *bẽ bàng* không nghịch nghĩa với *dằm-thắm*; *bẽ bàng* không có nghĩa lạt-lẽo, hững hờ, và theo văn-lý câu này, cũng không có nghĩa là hổ-thẹn.

Cho duyên dằm-thắm ra duyên bẽ bàng nghĩa là *đề chờ* duyên dằm-thắm hóa ra duyên thất vọng chán-chường. (Trên đã có nói đến ý chán-chường: *Quá chiều nên đã chán chường yển oanh*).

Vậy tưởng phải giảng *bẽ bàng* là: *thất vọng chán chường*, hoặc *buồn chán*, hoặc *chán ngán*, hoặc *ngao ngán*, thì mới đúng. *Bẽ bàng* có hàm ba ý, một là ý *thất vọng*, hai là ý *buồn rầu*, ba là ý *ngượng mặt*. Giảng là *chán ngán*, tuy chưa hết nghĩa, song cũng đúng được đôi phần.

Bẽ bàng mấy sớm đèn khuya: *Sớm sớm* nhìn mây, *đêm đêm* nhìn đèn Kiều lấy làm chán ngán vì cuộc đời diễn ra bằng phẳng vô vị, ngày nào cũng như ngày nào, không có chi là mới lạ.

Câu này chính là tả cảnh sớm chiều buồn tẻ, trên lầu Ngưng-Bích, nhưng lại tả luôn được cả tâm trạng chán ngán của Kiều. Tác giả thường hay lấy cảnh tả tình và lấy tình tả cảnh, bút pháp linh hoạt vô cùng.

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng, một phần là tình (tức ý nghĩ) một phần là cảnh, như chia sẻ tấm lòng Kiều. Ý nói: lòng nàng nghĩ, gọi bối rối, lúc thì vì tình mà ngấm

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng. (915)
Tin sương luống hầy rầy mong mai chờ. (916)

cảnh, lúc thì đối cảnh mà sinh tình.

Câu này lại có thể giảng: tấm lòng nàng Kiều như bị chia sẻ ra làm đôi, một nửa dành cho những ý nghĩ (tình) một nửa dành cho phong cảnh.

Đó là ngôn tài tình trong bút pháp nhà thơ, nếu viết ra một câu mà người đọc có thể hiểu ra nhiều cách.

Câu này mở đầu cho đoạn tả tình từ Kiều và tả cảnh vật nàng ngắm nghía giải buồn ở dưới.

915) *Tưởng..* tưởng nhớ, nghĩ nhớ.

Chén đồng, chén đồng-tâm, chén rượu thề nguyện đồng tâm với nhau, tức *chén thề*.

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng... nghĩ nhớ người uống rượu thề nguyện với nhau ở dưới trăng: ý nói Kiều nhớ lời Kim-Trọng.

Đàn bà con gái không yêu ai bằng chồng, việc lấy chồng là quan hệ nhất trong đời đàn bà. Cho nên ta thấy Kiều nhớ đến Kim-Trọng trước tiên, trước cả cha mẹ.

916) *Tin sương*: là tin sớm, tin tức đưa đến lúc sớm tinh sương.

Cũng có thể *tin sương* là dịch chữ *sương tin* 霜信. *Sương tin* là tên riêng của giống chim nhạn. Giống nhạn trắng ở phía Bắc bay xuống phía Nam vừa bay vào ngày bắt đầu có sương, cho nên người ta gọi nhạn là *sương tin*, *Sương tin* vốn là tiếng trỏ chim nhạn, ngờ rằng tác-giả dùng để trỏ tin tức cho có vẻ văn chương. Cũng có người giảng *tin sương* là tin lấy vợ, vì tục Tàu xưa cưới vào ban đêm, có sương.

Chưa biết nghĩa nào đúng. Điều chắc chắn là tin sương ở đây ít nhất cũng có nghĩa là tin tức (thư từ) của Kiều.

Tin sương luống hầy rầy mong mai chờ: tin tức của Kiều đến bây giờ, Kim-Trọng hầy còn nay mong mai nhờ uổng công.

Bên trời góc bể bơ vơ, (917)

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai (918)

Luống là uổng công. Kim-Trọng chờ đợi uổng công là vì Kiều đã bán mình đi xa.

Chữ hầy trong câu này rất hay. Hầy là hầy còn, chưa thôi

Kim-Trọng tới nay hầy còn mong chờ tin tức của Kiều. Do chữ hầy, ta biết Kiều không đưa tin tức cho Kim-Trọng, tới lúc này, Kim-Trọng vẫn chưa hay Kiều đã bán mình chuộc cha.

Nhờ chữ hầy mà sau này có truyện Kim-Trọng đi tìm Kiều và tỏ lòng thương cảm vô hạn, khi nghe tin nàng gặp bước lưu lạc. Cứ suy một chữ hầy, ta thấy tác-giả hành-văn rất công phu.

917) *Bên trời góc bể bơ vơ* : Kiều nghĩ thầm rằng đến giờ Kim-Trọng vẫn hầy còn chờ mong tin nàng. Nhưng nàng đang bơ vơ nơi góc bể bên trời. Kim-Trọng biết đâu mà dò la tin tức.

Ở trên Vương-Ông nói với Mã-giám Sinh có câu « *từ đây gốc tiên bên trời* ». Đây, Kiều nhắc lại ý ấy.

918) *Tấm son* là tấm lòng son, dịch chữ Hán *Nhất phiến đan tâm* 一片丹心 một tấm lòng son. *Lòng son* tức lòng đỏ vừa hình dung trái tim sắc đỏ, vừa ngụ ý là lòng thắm thiết đối với điều gì.

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai : Kiều nghĩ dù bơ vơ lưu lạc góc biển bên trời, lòng son như bị gột rửa (gột rửa cho mất cái chất trong sạch, cái tính kiên-trinh đi, để bắt phải làm gái thanh-lâu) song gột rửa thì gột rửa, chớ bao giờ làm phai được lòng son của nàng ? *Lòng son* đây Kiều muốn nói là tấm lòng thắm thiết thương yên, nhớ nhung Kim-Trọng. Nói cách khác, Kiều nghĩ rằng dù gặp cảnh ngộ nào, thì lòng nàng cũng vẫn suốt đời thắm thiết với Kim-Trọng.

Bản Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch câu này.

Elle se demanda quand et comment elle parviendrait à purifier son coeur innocent des souillures qui l'entachaient ?

Xót người tựa cửa hôm mai (919)

Bản của M. R. dịch :

Quand donc pourrait-elle laver son cœur pur, de toute sautillure ?

Dịch như vậy, đều sai tinh - thần câu văn. Tấm lòng Kiều nguyên nó là tấm lòng son (tấm son). Gột rửa là nói lòng son của Kiều bị người ta lột rửa, tức là Kiều bị ép uổng làm những việc trái với ý muốn của nàng. Gột rửa như vậy là một sự không hay cho nàng, vì mục đích làm cho lòng nàng phai nhạt màu son. Nhưng Kiều quả quyết rằng dù bị lột rửa đến thế nào lòng nàng cũng không bao giờ phai son được.

Theo các bản dịch trên, thì *gột rửa* lại là việc Kiều chủ động và tự nguyện làm. Nàng *gột rửa tấm son* để làm cho hại *tấm son* ư ?

Theo văn lý câu này, thì *phai* là *phai tấm son*. Căn cứ vào đầu mà bảo là *phai* những vết ô trọc ?

919) Xót đây nghĩa là *thương*.

Người tựa cửa hôm mai là người mẹ.

Sở dĩ có nghĩa ấy là do chữ trong sách « Quốc Sách ».

Bà mẹ Vương-tôn.Cổ bảo Vương rằng :

« Nhữ triều xuất nhi văn lai, tắc ngô ý mên nhi vọng mộ xuất nhi bất hoàn, tắc ngô ý tư nhi vọng ».

汝朝出而晚來則吾倚門而望
暮出而不還則吾倚閭而望

nghĩa là :

« Mỗi buổi sớm đi ra mà chiều về, thì ta tựa cửa nhà mà ngóng; buổi chiều đi mà không về thì ta tựa cổng xóm (lư) mà ngóng ».

Do đó mà sau trong văn-chương, người ta thường dùng những chữ « *ý môn ý tư* » để tỏ sự cha mẹ mong con. Chữ sách thì nói riêng về người mẹ song dùng rộng ra, người *ý môn ý tư* (tức người tựa cửa ngóng buổi hôm buổi mai) tỏ gồm cả cha, mẹ. Sở dĩ có chữ *hôm mai* đi theo chữ *tựa cửa* là vì trọng chữ sách, mẹ Vương Tôn Cổ có nói đến việc con đi buổi mai và buổi hôm (*triều xuất mộ xuất*).

Kiều tỏ ý thương nhớ cha mẹ.

Quạt nòng ấp lạnh những ai đó giờ ? (920)

Sân Lai cách mấy nắng mưa, (921)

Có khi gốc tử đã vừa người ôm (922)

920) Tại sao Kiều lại xót thương cha mẹ ?

Là vì nàng lo vắng nàng thì không có ai hầu hạ săn sóc cha mẹ chẳng ?

Nàng thắc mắc hỏi :

Quạt nòng ấp lạnh những ai đó giờ ?

Quạt nòng là quạt cho khỏi nóng, quạt khi trời nóng ; *ấp lạnh* là ấp ủ chiếu chăn cho đỡ lạnh, ấp ủ chiếu chăn chỗ nằm khi trời lạnh.

Mấy chữ *Quạt nòng ấp lạnh* là dịch ý câu kinh Lễ nói về phận sự người con :

Phàm vì nhân tử chi lễ, đông ôn nhi hạ thanh.

凡為人子之禮冬溫而夏清

nghĩa là :

Phàm kẻ làm con theo lễ mùa đông phải làm cho cha mẹ ấm, mùa hạ phải làm cho cha mẹ mát.

Lo làm cho cha mẹ ấm, hay mát, là săn sóc phụng-dưỡng cho cha mẹ khỏi rét, khỏi nóng, Kiều sợ cha mẹ phải chịu rét (hoặc chịu nóng) nên nàng xót thương.

921) *Sân Lai* : *Lai* là ông Lão-Lai đời nhà Chu tuổi đã 70, mà thường mặc áo sắc sỡ múa ở sân, giả vờ ngã để mua vui cho cha mẹ già,

Sân Lai là nói bóng sân nhà cha mẹ, tức nhà mình.

Cách mấy nắng mưa ; xa cách từ bao nhiêu năm tháng. Người ta lấy sự *mưa nắng* đổi thay, để nói sự qua đi của năm tháng.

Cả câu : xa cách nhà cha mẹ đã lâu ngày.

922) *Gốc tử* là gốc cây *tử*.

Nhà quê bên Tàu xưa hay trồng cây dâu (tang hay phần) và cây tử, nên để nói nơi quê hương, người ta thường nói *tử phần* hay *phần tử* hoặc *tang tử* hoặc *tử hương*, *tử lý* cũng

như ta nói lũy tre hoặc lũy tre xanh. Có người bảo rằng gốc tử đây trở người cha. Nói thế là sai. Người ta thường gọi cha, con là *Kiều tử* 喬梓 vì cha với cây *Kiều*, vì con với cây *tử*. *Tử* chỉ có khi trở người con chứ không bao giờ trở người cha.

Có khi gốc tử đã vừa người ôm : Dễ thường gốc tử đã lớn vừa một người ôm, ý nói cây tử đã lớn lắm, (vì *Kiều* xa cách quê hương đã lâu), *Kiều* nhớ nhà, nhớ làng, nhớ đến cả cây tử, nên đoán phỏng chừng như vậy. *Kiều* chỉ nghĩ nhớ cha mẹ, nhớ nhà, nhớ cây tử, nàng quên em gái, em trai, người nhà người cửa ư ? Không !

Đến gốc tử mà nàng còn không quên, thì tấm lòng nhớ nhung các em như thế nào, không phải nói cũng biết. Văn chương không thể nói hết và có nhiều điều không nói, mà xét kỹ có ngụ cái chí tình. Đó chính là chỗ tuyệt diệu của văn chương. Thí dụ như Đào Tiềm đời Tấn hỏi thăm nhà :

Nhĩ tông sơn trung lai.

Tảo văn phát Thiên-Mục.

Ngã ốc Nam-Sơn hạ,

Kim sinh kỷ tùng cúc ?

Lược dịch :

Bác ở trong núi ra,

Sớm chiều đi Thiên-Mục.

Nhà tôi dưới Nam-Sơn

Nay mọc mấy khóm cúc ?

Vương-Duy đời Đường cũng hỏi tương - tự như thế :

Khách tông cổ-hương lai

Ứng tri cổ-hương sự

Lai nhật ỷ song tiền

Hàn mai trứ hoa vị ?

Lược dịch :

Khách ở nhà quê tới

Hắn biết truyện quê nhà

Ngày đi trước sổ lựa

Hàn-mai nở hoa chưa ?

Và Lê-cảnh-Tuân Triều Hồ nước ta, nhân Tết Nguyên Đán ở bên Tàu làm thơ nhớ nhà :

Buồn trông cửa bể gần hôm, (723)
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa (924)
Hoa trôi man-mác biết là về đâu? (925)

Lữ quán khách nhưng tại
Khử niên xuân phục lại
Qui kỳ hà nhật thị ?
Lão tận cố hương mai !

Lược dịch :

Lưu liên nơi quán khách
Xuân trước lại tới nơi
Ngày nào về quê cũ
Mai già cõi hết rồi

Tuy chỉ nói đến khóm cúc, gốc mai, nhưng cái tình quyến-luyến gia-hương thật là tha - thiết. Ý ấy không nói ra nhưng đọc thơ văn người ta tự cảm thấy. Đó gọi là « ý tại ngôn ngoại ».

Từ câu « *Tưởng người dưới nguyệt...* » đến câu này diễn cái « *tình* » nói trên—Hết tình mới diễn đến « *cảnh* » (nửa tình nửa cảnh) Tuy là văn-chương tái tử, song bút-pháp của tác giả vẫn có qui cũ, phép tắc như thường.

923) Câu này có bản chép : *Buồn trông cửa bể chiều hôm.*

Kiều nghĩ nhớ Kim-Trọng, thương cha mẹ, nhớ quê hương. Nàng buồn nên ngắm cảnh. Đoạn tả cảnh khởi từ câu này.

924) *Ngọn nước mới sa* : giòng sông mới đổ ra biển, tức là chỗ cửa sông.

Có người ngờ chữ sa dùng sai. Sa nghĩa là từ trên cao rót xuống, dội xuống. Mặt biển thấp hơn lòng sông, nước sông đổ xuống biển gọi là sa vẫn đúng.

925) Nhận thấy những cánh hoa trôi trên mặt nước, thì ngọn nước mới sa phải gần chỗ Kiều lắm. Hay đó chỉ là cảnh tưởng - tượng ?

Buồn trông nội cỏ dầu dầu, (926)

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh, (927)

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh (928)

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. (929)

926) *Nội cỏ* là cánh đồng cỏ.

Nội cỏ dầu dầu là cánh đồng cỏ hơi héo.

927) *Chân mây* và cánh đồng cỏ lẫn với nhau một màu xanh nhạt.

Xanh xanh là hơi xanh, xanh nhạt. Vì cỏ hơi dầu héo nên màu lẫn với màu mây. Vì cánh đồng rộng bát ngát tận chân trời, nên chân mây và mặt đất coi như liền làm một.

928) *Duềnh* là vực sâu, là vụng biển.

Duềnh thường cong cong bình cánh cung, nên gió thổi trên duềnh gặp phải bờ cong, thường cuốn tròn như một trận lốc. Chữ *cuốn* dùng rất đúng. — Nhiều bản đề là : *một gành*, hoặc *một ghềnh* có lẽ sai.

929) Nước duềnh gặp cơn gió cuốn như vậy, thì đổ xô vào mạn bờ, (vì hình cong cong nên nước dễ gặp bờ) thành những làn sóng vỗ tiếng kêu ầm ầm. Tác-giả nhận xét rất đúng. Phải là người đã từng quen thuộc với cảnh ấy mới tả được đúng như thế.

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi : có người cho là văn không sát sự thật. Dù lầu Ngung-Bích gần biển đến đâu thì sóng cũng không thể vỗ quanh ghế ngồi của Kiều được. Điều đó đúng.

Nhưng ở đây, tác-giả không nói sóng vỗ ở quanh ghế Kiều — Tác-giả nói *tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*. Tiếng sóng thật ra không kêu ở ngay quanh ghế ngồi.

Tiếng sóng vỗ kêu ầm-ầm, rất to, Kiều nghe có cảm, tưởng rằng tiếng sóng kêu ở quanh ghế nàng. Tác-giả không lầm mà cố ý viết như thế để làm nổi bật tiếng sóng giữa cái cảnh lặng lẽ bát ngát đó.

Tiếng sóng ở đây cần thiết cho tinh-thần đoạn văn. Tiếng sóng có mấy tác-dụng :

a) Chấm dứt tình-trạng bàng-khuàng nghĩ ngợi của Kiều.

b) Kích-thích tư thơ của Kiều.

Chung quanh những nước non người, (930)
Đau lòng lưu-lạc nên vài bốn câu, (931)
Ngâm-ngùi rủ bức rèm châu, (932)

930) *Nước non người* ; Phong cảnh quê người, tức phong cảnh lạ.

Đoạn trên tả loạn biển với nước, không hề tả núi non. Vậy mà đây nói *nước non*, có người cho tác-giả dùng chữ sai. Thật ra, *nước non* không nhất định phải là *nước* và *non*, *sông* và *núi* ; *nước non* đây chỉ có nghĩa là *phong-cảnh* cũng như tranh vẽ *phong-cảnh*, người ta thường gọi là *tranh sơn thủy*, dù có khi không vẽ đủ cả *sơn* và *thủy*.

931) Vì là *nước non người*, nên Kiều mới cảm thấy *đau lòng lưu lạc*.

Đau lòng lưu lạc là *đau lòng* về nỗi phải *lưu-lạc*. *Lưu lạc* là *trôi nổi*, do chữ *lạc* *hoa lưu thủy* nghĩa là *hoa rụng nước trôi*.

Nên vài bốn câu là làm nên vài bốn câu thơ để tả nỗi *đau lòng lưu-lạc*. Vì bài thơ Kiều làm đây là bài thơ bát cú (8 câu) nên có người nói *vài bốn câu* là hai lần bốn, tức *tám câu*, Không biết có đúng thế không? Hay chỉ là một sự ngẫu nhiên phù hợp?

— Cứ theo như đoạn dưới, thì *nên vài bốn câu* đây là Kiều vịnh một bài thơ bát cú. *Vịnh* tức là vừa làm thơ vừa ngâm đọc to lên. Khi người ta buồn, người ta thường hay hát hổng, nếu Kiều ngâm thơ lúc này, thì cũng không có gì khiến ta ngạc-nhiên.

Ngâm xong bài thơ, Kiều càng cảm thấy buồn thắm-thía. Nàng *ngâm-ngùi*, *buông bức rèm châu* xuống. Lúc trước, nàng cuốn rèm lên để ngắm *phong cảnh*.

Rèm châu là rèm có xâu hạt châu, tức là màn cửa có xâu châu chỉ hột bột, thứ màn hay dùng để che cửa phòng đàn-bà.

Cách tường; nghe có liếng đầu họa vắn (933)

Một chàng vừa trạc thanh xuân. (934)

Hình dong chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng. (935)

933) Ở nhà bên cạnh, cách một bức tường, nghe đầu có tiếng ngâm thơ họa vắn.

Họa vắn là họa theo những vắn thơ người trước làm ra. Thí dụ một bài thơ bát - cú có năm chữ cuối cùng trong những câu 1, 2, 4, 6, 8 cùng theo một vắn với nhau là những chữ *ba, ta, xa, mã, a*, nếu muốn họa vắn thì câu đặt thế nào, ý nói những gì, tha-hở, nhưng bắt-buộc phải nhắc lại đúng thứ-tự trong bài nguyên-xướng, năm chữ vắn kia.

Chưa biết ai họa vắn, nhưng chúng ta cũng như nàng Kiều hẳn phải lấy làm thán-phục cái tài nghe thơ và làm thơ của người ấy. Nghe Kiều vịnh ngâm, nhớ được ngay sau đó lại họa vắn, tài thơ kẻ cũng hiếm có vậy.

934) *Vừa trạc thanh xuân* là vừa trạc tuổi thanh-niên, vừa trạc tuổi trẻ.

Kiều nhìn ra thì nhận thấy người họa vắn là một chàng tuổi trẻ.

Người họa vắn ở cách tường thì Kiều nhìn thấy thế nào được? Có lẽ là Kiều ở trên lầu Ngưng-Bích còn chúng kia thì ở căn nhà một tầng bên cạnh, nên Kiều nhận thấy chẳng? Không thể, thì hai chữ *cách tường* đặt chưa được ổn.

935) *Hình dong chải chuốt* tức là mặt mũi bộ điệu làm dóm, làm dáng, làm cho ra vẻ đẹp trai.

Áo khăn dịu dàng = quần áo ăn bận coi dịu-dàng thanh nhã.

Cứ coi bộ diện và cách ăn bận đã nho-nhã thanh-lịch rồi. Nếu lại kể thêm cái tài văn-chương nữa, thì chàng thanh-niên này kẻ cũng không có gì là đáng ghét. Trái lại có nhiều điểm đáng yêu. Trách nào mà Kiều chả mắc.

Tác-giả trình-bày nhân-vật và sắp đặt tình-tiết chỗ này, đã khéo!

Nghĩ rằng cũng mạch thư-hương, (936)
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở-Khanh. (937)
Bóng nga thấp thoáng dưới màn, (938)

939) Kiều thấy người như vậy, nghe thơ như vậy thì đoán rằng đó là một người trong mạch thư hương.

Mạch thư-hương nghĩa đen là cái mạch hương thơm của sách, nghĩa bóng là dòng dõi nhà nho, nhà học-trò.

Nàng nghĩ vậy là phải. Nếu không là dòng-dõi thư-hương, thì cũng là một nhà thơ có tài xuất chúng.

937) *Hỏi ra* là hỏi dò ra. Kiều hỏi han người khác mới biết tên chàng văn nhân đó là Sở-Khanh. Có lẽ Sở-Khanh chỉ là tên hiệu, hay bút-danh của văn nhân, chứ không phải tên thật. Tần-Đu cũng nhận rằng các sách ít thấy họ Sở.

Câu này bản pháp-văn của M.R. dịch là :

Elle lui demanda son nom et sut qu'il se nommait Sở-Khanh.

Trong câu văn không có gì cho ta nói rằng Kiều đã đường-dột bởi thằng chàng thanh-niên.

938) *Bóng nga* = Bản chú-thích của Bùi-Khánh-Diễn chưa là « *bóng cung giăng* » và cho là bóng của Kiều ; bản của Hồ-đắc-Hàm cho là « *bóng nàng Kiều* » và *giăng nga* là *tổ-nga* ; các bản Pháp-văn của Crayssac, Nguyễn-văn-Vĩnh, M. R., đều nhận là bóng Kiều (Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là *belles silhouette de Kiều*, M. R. dịch là : *il l'avait entrevue comme un rayon de lune* ; Crayssac dịch là *l'ombre svelte...*)

Hiển như các nhà trên, chúng tôi thấy hình như không đúng. Vì những lý-lẽ sau đây :

a) Chữ *Nga*, không thấy dùng theo nghĩa là *Tổ-Nga* bao giờ. Chỉ thấy dùng theo nghĩa là mặt trăng. Thí dụ như :

— *Giương nga chênh-chéch nhóm song*

— *Một mình lặng ngắm bóng nga*

Muốn nói *Nga* là *tổ-nga* người ta viết cả hai chữ *tổ nga* Đầu lòng hai ả *tổ-nga*.

b) Nếu *bóng nga* là bóng Kiều, thì sao *bóng nga* lại thấp thoáng dưới màn? Bóng Kiều chỉ có thể thấp, thấp ở trong màn hay ở bên màn.

c) Nếu *bóng nga* là bóng Kiều thì lúc ấy là lúc nào mà Sở-Khanh thấy rõ được? Khi Kiều ngấm cảnh thì trời đã gần hôm, Ngấm cảnh chán rồi, nàng mới làm thơ, ngâm thơ. Nàng ngâm thơ xong, ngâm-ngủ rủ rèm châu xuống. Bấy giờ mới nghe có tiếng người họa vắn. Nàng nhìn ra thấy chàng. Trong lúc nàng nhìn chàng thì chàng cũng nhìn nàng. Cứ tình phác thì gian các việc xảy ra, lúc đó ít nhất cũng phải là lúc chập tối.

Vào lúc chập tối, Kiều ở bên trong bức màn, thì Sở-Khanh nhìn thế nào được mặt nàng?

d) Nếu *bóng nga* là bóng Kiều, thì vẫn có chỗ thừa. *Bóng nga thấp thoáng dưới màn*
Trông nàng chàng cũng ra tình đeo đai.

Thật vậy, nếu *bóng nga* là bóng Kiều thì câu 6 chữ trên có thể bỏ đi, vì câu dưới đã nói rõ là *trông nàng*. (chữ không nói *trông bóng nga*) và ý câu trên không dính-lưu gì với ý câu dưới.

Bởi những lý-do đó, *bóng nga* không thể hiểu là bóng Kiều. *Bóng nga* chỉ là bóng trắng như nghĩa trong câu :

Một mình lặng ngấm bóng nga ở đoạn đầu sách.

— *Bóng nga thấp thoáng dưới màn*

— Tại sao bóng trắng lại thấp thoáng dưới mình?

Sao không thấp thoáng ngoài màn hay trên màn?

Là vì màn ở trên lầu cao (Lầu Ngưng Bích), mà trời mới chập tối, mặt trăng vừa lên, bóng trắng chỉ mới có thể chiếu chếch lên phía chân màn trên lầu được thôi. Giữa ban ngày, người ở trong màn với người ở ngoài màn, thì chỉ người trong màn thấy rõ người ngoài màn, còn người ngoài màn không nhận rõ được người trong màn.

Người trong mà ở trong tối nhìn ra chỗ sáng

 Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo-dai (939)

cho nên thấy rõ : người ngoài màn ở chỗ sáng nhìn vào chỗ tối cho nên không thấy. Ban đêm, chính nhờ bóng trắng chiếu chếch phía dưới màn lọt vào phòng, mà trong phòng hóa có ánh sáng, người ngoài màn nhìn vào bấy giờ là ở chỗ tối nhìn vào chỗ sáng cho nên nhận thấy rõ người trong màn.

Chữ *dưới* cần thiết cho tình-thần đoạn văn như vậy nên đủ khổ đọc (khó đọc) hơn những chữ *trong* hay *bên* hay *trên* tác giả vẫn phải để Ta thấy tác giả nhận xét rất kỹ càng và dùng chữ rất tinh tế.

Cũng như chữ *dưới*, cả câu này cũng cần thiết cho tình-thần đoạn văn. Câu này có hai tác dụng :

a — Tạo điều kiện cho Sở-Khanh nhận mặt Kiều và Kiều nhận mặt Sở-Khanh;

b — Ấn-dịnh thi-gian của sự việc xảy ra.

939) *Trông nàng* : nếu không có câu « *bóng nga* » ở trên, thì chàng không thể trông thấy nàng. Văn chương cần có mạch lạc, tầng-lớp là thế.

Chàng cũng ra tình đeo dai : *ra tình*, *tình* là tình-hình, sự-tình ; *ra tình* là làm ra, để lộ ra cái bộ-diệu, cái hình dáng : *deò dai*, tiếng cổ, nay miền Nam hay dùng, nghĩa là vương-viu, quyến-luyến không nổi dứt.

Cả câu : Trông Kiều, Sở-Khanh cũng làm ra bộ quyến-luyến không nổi dứt.

— Chữ *cũng* trong câu này, coi tầm thường mà rất hay.

Nói *chàng cũng ra tình đeo-dai* là gián-tiếp nói :

Kiều nhìn chàng đã ra ý đeo dai trước rồi, nay đến lượt chàng, chàng *cũng* ra vẻ đeo dai.

Cái ý Kiều đeo dai, suốt đoạn văn tác giả không nói ra, đến câu này, bằng chữ *cũng*, ý ấy mới đột hiện.

Thật là không nói mà nghe thấy tiếng ; bút hư-tả của tác giả kể đã thần-tình !

- « Than ôi ! sắc nước hương trời, (940)
 « Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây ! (941)
 « Giá dành trong nguyệt trên mây, (942)
 « Hoa sao hoa khéo đọa đầy bấy hoa ! (943)
 « Nỗi gan riêng giận trời già, (944)

940) *Sắc nước hương trời* dịch chữ « Quốc sắc thiên hương » đã chưa ở trên (xem câu đã nêu quốc sắc thiên hương).

941) Ý nói ở vùng đó không có người đẹp như thế, phải là một người ở đâu lạc loài tới,

942) Phẩm giá này hẳn là phẩm giá của Hằng-Nga, Tiên-Nữ. Trong nguyệt là trong cung trăng, ý nói Hằng Nga ở cung trăng.

Trên mây là trên trời, ý nói Tiên-nữ trên trời.

Các bản Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh và M. R, dịch nghĩa đen là *trong mặt trăng trên đám mây*, như vậy không lột được tinh thần câu văn muốn nói bóng đến Hằng-Nga Tiên-Nữ.

943) *Hoa* là người đẹp như hoa

Ba chữ hoa trong một câu nhấn mạnh cái ý ngợi khen người đẹp như hoa,

944) *Nỗi gan* : gan sôi-nổi. Người ta cho rằng *gan tức can* làm nên những cơn tức giận nóng nảy. Khi can sôi-nổi là khi gan bốc hỏa, thì người nóng nảy, bẳn gắt mất bình-tĩnh.

Nỗi gan tức là nỗi giận, nổi nóng.

Riêng giận : giận thầm. Riêng đây dịch chữ *tu*. *Tu* có nghĩa là ăn-bí tức tức thầm kín.

Nói *riêng giận* tức nói giận thầm, giận ngầm ngầm trong tâm người ngoài không biết. Sở-Khanh có ý nói : chàng giận trời mà Kiều không biết cho.

Trời già ; trời lâm-cầm, lâm-lẫn, không công minh sáng suốt. Người già thường lâm-cầm, lâm-lẫn, tinh-thần không sáng suốt.

Gọi trời già là vì trời như người già nua, ngu ý chê trời không sáng-suốt công minh, người đẹp như tiên trên trời mà lại dầy vào nơi nhơ-nhớp.

« Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng ? (945) »

Ngoài ra, chữ *tâu* có chữ *lão vật* 老物 nghĩa là đồ già thường được dùng làm tiếng mắng nhiếc, ý nghĩa cũng gần giống tiếng « đồ lỗ » của ta. Ngờ rằng chữ *giã* trong *trời già* thoát ý từ chữ *lão* trong *lão vật*.

945) *Lòng này ai tỏ cho ta* ? = lòng này tức là lòng giận ngầm-ngầm (nổi gan riêng giận...) cho nên mới hỏi ; *ai tỏ cho ta* ?

Hỡi lòng : Các bản Pháp-văn của Nguyễn-văn - Vĩnh của M.R. và của Crayssac đều dịch là « ô mon coeur » cho rằng hai chữ *lòng* trong câu này đều trở lòng Sở-Khanh. Các nhà trên đều muốn hiểu rằng Sở-Khanh tự hỏi lòng mình xem có ai hiểu cho lòng mình không.

H ề u như vậy, kẻ cũng mới mẻ lắm.

Nhưng theo ý chúng tôi thì hình như chữ *lòng* ở cuối câu không trở lòng Sở-Khanh.

Trong câu này, Sở-Khanh định hỏi lòng mình hay định hỏi ai ?

Hai chữ *lòng này* ở đầu câu không phải là chủ-từ. Chủ-từ câu này là *ai*. Vậy không phải Sở-Khanh định tự vấn tâm mình, mà định hỏi *ai*.

Và chẳng cần đợi cho biết thêm rằng Sở-Khanh định hỏi ai chứ không định hỏi lòng mình.

Đã hỏi *ai*, thì hai tiếng *hỡi lòng* là tiếng kêu gọi người mình hỏi, phải hiểu là *hỡi lòng ai*.

Nếu quả Sở-Khanh định nói một mình, định vấn tâm mình, để một mình mình nghe, thì tiếng *lòng* ở cuối câu có lẽ cũng có giá trị như tiếng *lòng* ở đầu câu.

Nhưng ở đây Sở-Khanh cốt nói cho hoa (ở câu liền trên) hoặc cho *thuyền quyên* (ở câu tiếp dưới) nghe. Như vậy *hỡi lòng* có lẽ không giảng được là *lòng này*, mà phải giảng là *lòng ai* thì mới đúng.

« *Thuyền-quyên vì biết anh-hùng, (946)*
« *Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi. » (947)*

946) — *Thuyền quyên* đã chưa nghĩa ở trên (xem số 715)
Vì biết anh hùng = vì tỏ cho lòng anh hùng.

Trên đã hỏi : *lòng này ai tỏ cho ta ?* đây lại giả thiết
luôn rằng : nếu *thuyền quyên* biết *anh hùng*, như thế thì câu :

Thuyền quyên vì biết anh hùng có thể giảng :
Lòng thuyền-quyên vì biết lòng anh hùng.

Và câu này gián-liếp cho ta biết rằng hai chữ *lòng* ở câu
trên, chữ *lòng* đầu câu trở lòng *anh-hùng*, chữ *lòng* cuối câu
trở lòng *thuyền-quyên*.

947) *Ra tay* nghĩa là làm việc. (Đoạn cuối có câu :
Chiều con mới dây mặc dầu ra tay.)

Tháo cũi sổ lồng = *tháo cũi* là tháo những cái song cũi ;
sổ lồng là phá cái lồng. *Sổ* ở đây không có nghĩa là thoát ra,
mà có nghĩa là phá, là tháo, như *Sổ* trong các thứ : *sổ chỉ*, *sổ*
gấu, *sổ khăn*, *sổ tóc*, *sổ lạt*...

Nghĩa bóng, *tháo cũi sổ lồng* là cứu ra khỏi nơi bị giam
cầm. Đây vì người bị giam cầm như con thú bị nhốt trong
cũi, con chim bị nhốt trong lồng.

Như chơi là như trò chơi, không khó khăn gì.

Sở-Khanh nói ; nếu *Kiêu* biết lòng chàng thì chàng sẽ
cứu thoát ngay ra khỏi thanh lâu không khó gì.

Cứ như lời *Sở-Khanh*, thì hình như chàng đã biết rõ *Kiêu*
là người thế nào rồi. Ai cũng biết lâu Ngưng-Bích là lầu
của nhà mẹ *Tú* chẳng ? Hay vì *Sở-Khanh* là người của mẹ *Tú* ?

Dù sao thì chàng cũng biết đánh vào chỗ yếu của
Kiêu là mong thoát thân. Trách gì *Kiêu* chảnh mắ !

— Khẩu-khi của *Sở-Khanh* toàn một giọng khoác-lác,
anh-hùng rơm. Giá chưa được nghe thơ chàng thì dễ *Kiêu*
cũng khó tin.

Song thu đã khép cánh ngoài, (948)
Tai còn đồng-vọng mấy lời sắt đĩnh, (949)
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình, (950)

948) — *Song thu* = cửa sổ về mùa thu, tức là cửa sổ. Vì bấy giờ về mùa thu nên gọi là « song thu ».

Cứ theo hai chữ « song thu » thì ta biết lúc trước Kiều ngắm phong-cảnh và rủ rèm châu là nhìn qua cửa sổ và rủ rèm châu che cửa sổ. Nàng nhìn thấy Sở-Khanh cũng là nhìn qua cửa sổ.

Cánh ngoài là cánh cửa ở ngoài, ý nói ở ngoài có cánh cửa, ở trong rủ rèm châu.

Song thu đã khép cánh ngoài = ý nói lời khuya-khuya Kiều đã khép cửa sợ lạnh ? hay là nghe Sở - Khanh tán-tĩnh, Kiều e-thẹn đã khép cửa sổ lại ?

949) — *Tai còn đồng vọng* = tai còn vắng - vắng. *Đồng vọng* tiếng cô nghĩa là nghe vắng-vắng, nghe tiếng từ xa vọng lại.

— Chữ còn cho biết Sở-Khanh đã nói nhiều đến nỗi khi Kiều khép cửa sổ, chàng đi nơi khác rồi mà Kiều nghe còn như vắng vắng bên tai lời chàng nói.

2) Hoặc : khi Kiều đã khép cửa, tỏ ý cự-tuyệt mà chàng còn nói mãi. Kiều khép cửa, nên nghe không rõ lắm, chỉ nghe thấy vắng vắng thôi.

3) Hoặc : những lời Sở-Khanh đã ăn sâu vào trí nhớ Kiều, đã đập mạnh vào tâm-não nàng, đến nỗi chàng đi rồi, nàng khép cửa lại, mà vẫn còn như nghe vắng - vắng lời chàng bên tai.

Lời sắt đĩnh là lời quả quyết chắc chắn như chém đĩnh chặt sắt.

940) Kiều nghĩ đến Sở-Khanh rồi lại nghĩ đến thân-phận mình.

Nghĩ đến người như vậy, tức là Kiều đã cảm động mạnh trước tài bộ và ngôn-ngữ của Sở-Khanh. Nàng đã sẵn-sang tin theo lời chàng.

Cảm lòng chua xót, lạt tình chơ-vơ. (951)

Những là lần-lữa nắng mưa, (952)

Kiếp phong-trần biết bao giờ là thôi. (953)

Đánh liều nhả một hai lời. (954)

951) *Cảm lòng chua xót* : cảm động về tấm lòng « người » chua xót cho thân phận mình, ý nói Kiều cảm động về tấm lòng lận mận của Sở-khanh đối với nàng.

Lạt tình chơ-vơ : nghĩ về người thì nghĩ như trên : nghĩ về mình thì nàng cảm thấy cái tình-cảnh chơ-vơ nơi đất khách quê người nó cũng lạt dỡ đi, vì thấy có người tỏ tình thương-hại muốn cứu vớt nàng.

— Thế là Kiều đã tin chắc vào Sở-Khanh !

Nàng vẫn nhẹ dạ dễ tin ? Hay là vì nàng nóng muốn thoát khỏi cảnh nhả chứa ?

952) Câu này nghĩa là : lần-lữa tháng ngày đã lâu rồi.

953) *Phong trần* là gió bụi, theo sự dùng chữ trong văn-chương Tàu, có những nghĩa sau :

a — Thế tục nhiều nhương (gió thổi bụi tung)

b — Đi đường vất vả.

c — Thiên-hạ loạn-lạc.

Kiếp phong-trần đây mượn nghĩa thứ hai, trở cuộc đời vất-vả.

Thối đây nghĩa là hết.

Câu này : biết bao giờ hết kiếp phong-trần ?

Kiều nghĩ vậy là có ý muốn tìm cách thoát kiếp phong-trần cho sớm, tức là nhờ Sở-Khanh cứu cho.

954) *Đánh liều* : đánh bạo, làm liều.

Đánh tiếng cô, đây có nghĩa là làm, thí dụ như : đánh đi, đánh rơi, đánh mất, đánh tráo, đánh võ...

Nhả tức nhả tin, nhả lời, nghĩa là nhờ người chuyển tin, chuyển lời cho ai.

Kiều đánh liều nhả một hai lời là vì nàng chưa biết rõ Sở-Khanh là người thế nào. Nàng còn ngờ vực lòng tốt và khả năng của chàng. Nhưng nàng cũng cứ đánh liều nhả lời xem sao, may ra nên việc chẳng.

Nhờ tay lễ-độ vớt người trầm-luân (955)

Mảnh tiền kẻ hết xa gần (956)

Nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc-loài, (957)

Tan sương vừa rạng ngày mai (958)

Tiền hồng nàng mới nhắn lời gửi sang (959)

955) *Tế độ* là cứu vớt người ở dưới nước lên. Nghĩa hai chữ này được giảng là *vớt ở liền sau*.

Trầm luân nghĩa là đắm đuối ở dưới nước.

Nhờ tay lễ-độ vớt người trầm luân ; nhờ người cứu vớt kẻ đắm đuối,

Kiều tự ví mình như kẻ bị đắm đuối ở dưới nước, và coi Sở-Khanh như người cứu kẻ đắm đuối. Ý nói Kiều muốn nhờ Sở-Khanh cứu thoát.

956) *Mảnh tiền* là mảnh giấy viết thơ. Cả câu ; Kiều biên thư kẻ-lễ hết đầu đuôi truyện mình, vì sao mà phải lạc-loài dầy-dọa,

957) *Kẻ-lễ xa gần* những gì ?

Xa thì kẻ nỗi nhà báo đáp ; gần thì kẻ nỗi thân lạc-loài.

Nỗi nhà báo đáp là nông nỗi việc nàng báo đáp ơn nhà bán mình chuộc cha,

Nỗi thân lạc-loài là nông-nỗi nàng bị lạc-loài thế nào, như bị Mũ-Giám-Sinh lấy làm vợ lẽ, bị Tú-Bà thay bậc đổi ngôi, rồi bị đưa ở cấm-cung tại lầu Ngưng-Bích.

958) Câu này cho biết Kiều biên thư từ đêm trước, đến sáng hôm sau thì gửi.

Tan sương là lúc tan sương, tức là lúc rạng ngày,

959) *Tiền hồng* : tiền có người đưa thư. *Hồng* tức chim Hồng ở đây dùng thay chữ *nhạn* có nghĩa là tin tức thư-từ.

Gửi sang : hai chữ này cho biết Sở-Khanh nhà ở gần và giáp vách chỗ Kiều ở.

- Trời tây lũng-đưng bóng vàng (960)*
Phúc thư đã thấy tin chàng đến nơi (961)
Mở xem một bức tiên mai (962)
Rành rành « Tích-Việt » có hai chữ đề (963)
Lấy trong ý tứ mà suy
Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng (964)

960) *Trời tây* là mặt trời về chiều.

Các bản chép là *Lũng đông*, có lẽ sai. Người ta thường chỉ nói *lũng-đưng* hay nói *lũng-thưng*.

Nói *lũng-đưng bóng vàng* là nói bóng vàng lũng-đưng đi. *Hồng vàng* tức ánh mặt trời về chiều sắc vàng-vàng. Bóng vàng chuyển dịch từ-từ hình như là bóng nắng lũng-đưng đi chậm chậm bước một. Đó cũng là một kiểu nhân-cách-hóa sự vật trong văn chương.

Có người kể : *trời tây bằng lũng bóng vàng* nghe cũng xuôi.

961) *Phúc thư* là thư đáp lại, thư viết trả lời. Thư Kiều gửi đi buổi sáng, thì đến lúc vàng vàng mặt trời được thư trả lời của Sở-Khanh.

Ở gần nhà nhau, mà chậm trả lời như vậy, người ta đoán Sở-Khanh còn suy nghĩ, tính-toán bàn-bạc mưu chước gì với ai chăng ? Chi-tiết này, đến sau xét lại, thấy không phải là không có dụng-ý.

962) *Tiên mai* tức là *mai tiên* nghĩa là giấy viết thư có vẽ hoa mai.

Giấy viết thư có vẽ hoa, gọi chung là *Hoa-tiên*.

963) Thư mới kỳ-lạ làm sao ! Vên vên có hai chữ *Tích-việt*. Sở-Khanh bí-mật đề khỏi lộ truyện chăng ? Hay là chàng muốn trốn trách-nhiệm nếu chẳng may việc vỡ-lỡ ? Hay là chàng có ý định thử thách tài trí của Kiều ?

Hai chữ *Tích-Việt* 昔 遇 cắt rời ra thành những chữ 十一 日 戌 兆 蛸 蛸 nhất nhất tuất tâu nghĩa là ngày 21, giờ tuất, thì chạy trốn.

Tuất thì là giờ tuất, vào khoảng tám, chín giờ tối.

Sở-Khanh bí-mật hẹn với Kiều ngày giờ chạy trốn. Kiều xem thư hiểu được ngay, kẻ đã thông-minh

Chim hóm thoi-thót về rừng (965)

Đóa trà-mi đã ngậm trăng nửa vành (966)

Tường đông lay động bóng cành (967)

965) *Chim hóm* là chim lúc buổi chiều hóm.

Thoi thót là bay thoi-thót, bay lẹ làng vội vã.

Cứ về buổi chiều hóm thì chim-chóc rủ nhau bay vội về tổ.

Câu này tả cảnh chiều tối.

966) *Đóa trà-mi* : hoa trà mi, đã chua ở trên.

Đã ngậm trăng nửa vành : trăng nửa vành, (vì là trăng cuối tháng) đã chiếu rọi vào hoa trà mi ; ban đêm có lẽ cánh trà-mi cup lại nên coi như hoa trà mi ngậm vành trăng.

Ngày 21, trời mới chập tối mà đã có trăng ư ?

Cơ-dao ta đã có câu nói về thời-gian trăng mọc :

Hai mươi giắc tối, hai mươi một nửa đêm.

Tác-giả đã tả cảnh sai, như lời cụ Nguyễn-văn-Vĩnh bẻ ? Hay là trăng ở vùng Lâm-Truy mọc không đúng giờ giắc như ở nước ta ?

967) *Tường đông lay động bóng cành* : Tường đông là tường phía đông, tức tường phía trước nhà, vì nhà bên Tàu hay làm trông về hướng Đông.

Bóng cành : là hình bóng cành cây

Lay động bóng cành : là hình bóng cành cây lay động.

Bản Pháp-Văn của Nguyễn-văn-Vĩnh hiểu câu này là : *Bóng cành cây lay động chiếu rọi vào tường phía đông* và bẻ là văn tả sai. Vì mặt trăng mới mọc thì bóng phải rọi về phía đối lập với phía trăng mọc, (phía đông) tức là chiếu rọi vào tường phía tây mới đúng. Chúng tôi thấy hiểu như vậy hình như sai. Đây có lẽ tác-giả không định nói bóng cây lay động chiếu rọi vào tường phía đông, mà định nói rằng hình bóng cành cây trước cửa nhà thấy lay động.

Các bản Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vĩnh Crayssac, M. R. dịch *bóng cành* là « *Ombre des branches* » có lẽ là dịch sai. *Bóng cành* đây phải dịch là « *Silhouette des branches* » thì mới đúng.

Đầy song đã thấy Sở-Khanh lên vào (968)

— Tại sao lại lay động bóng cảnh ? Có phải tác giả định nói trời có gió không ; tác giả có lẽ không định nói như thế : a) nếu định nói có gió, thì chi tiết đó không lợi ích gì cho việc ấn định thời gian, và cũng không dính-lưu gì đến việc Sở-Khanh « bước vào » (xem câu dưới).

b) Xét theo mạch văn, chi tiết này chưa lộn nghĩa : Câu này giải thích và bổ-túc cho nghĩa câu này. Ý câu này liên hệ với ý câu dưới. Bóng cảnh lay động rồi thấy Sở-Khanh bước vào. Hay là : trước khi Sở-Khanh bước vào thì bóng cảnh lay động.

Ta thấy tác giả có ý muốn nói : Sở-Khanh leo cây vượt tường vào (vì vậy bóng cảnh lay động).

Tả Sở-Khanh leo cây vượt tường vào nhà Kiều, có lẽ tác giả có dụng ý :

1) Dùng chữ sách đề tả tư cách đề tiện của Sở-Khanh. Sách Mạnh-Tử có câu : « *Du động lân nhi lâu kỳ xử tử* » nghĩa là : trèo qua tường sang nhà láng giềng phía đông để dành con gái người ta. Và chẳng chỗ Kiều ở cách chỗ Sở-Khanh một bức tường (cách tường nghe có tiếng đầu họa vắn).

2) Tô rõ ý bí mật trong công việc làm của Sở-Khanh,

3) Cho biết đảm lược (anh hùng) của Sở-Khanh.

968) *Đầy song* cũng gần như *đầy song* là đầy khe cửa sổ cho cánh mở ra.

Cứ theo câu này, thì Sở-Khanh đẩy cửa sổ lầu Ngưng-Bích mà vào, chứ không dùng thang và không đo lối cửa to. Bấy giờ trời tối cửa ngõ đóng cả. Vào công khai thì lộ truyện.

Do lối cửa sổ lên vào lầu cao nhà người ta, tất nhiên là phải leo lên cây rào để chui vào, *Tường động lay động bóng cảnh* chắc chắn là vì Sở-Khanh dùng cây cao làm thang leo lên cửa sổ lầu Ngưng-Bích.

— Suy câu này, ta thấy tường đóng là tường nhà ở phía đông hay tường nhà phía trước mặt, chứ không phải là tường hàng rào như có người muốn hiểu.

Đầy song, có bản viết là rẽ song và giảng là phách chắn

Sượng-sùng đánh dạn ra chào (969)

Lấy thói, nằng mới rí trao ân-cần (970)

Rằng : « Tôi bèo bọt chút thân (971)

song hàng rào mà vào. Giảng thế e không đúng. Đây Sở Khanh *dây* song một cái là vào đến phòng Kiều ngav, Nếu bảo là chàng rẽ song hàng rào thì vào ngay thế nào được buồng Kiều ?

Lén vào là vào một cách bí mật lén-lút không để cho người ngoài biết.

— Leo cây chui cửa lén vào lầu cao. Đối với một nhà thơ (Sở-Khanh) việc đó kể đã là anh hùng.

Sở-Khanh tự xưng anh hùng với Kiều, để thường cũng không phải là nói khoác.

Có tài làm thơ lại có đảm lược như Sở - Khanh, có thể cho là tài kiêm văn - võ. Xét ra không phải là người đáng khinh. Sở - Khanh đáng khinh, là ở chỗ đã đánh lừa Thúy Kiều. Cho hay con người ta ở đời, có tài học, có đảm lược mà không có đạo-đức, cũng không đáng quý.

969).— *Sượng Sùng* tức là e lệ, thẹn thùng Kiều sượng sùng vì Sở-Khanh là một người lạ. Và chẳng bấy giờ Kiều còn là một người con gái hiền lành, chưa thành con người tro tráo đầy dạn của nhà chứa.

Đánh dạn cũng nghĩa như đánh bạo, đánh liều. Đánh dạn là làm ra bộ bạo-dạn: tức là trấn áp về sượng-sùng.

Lấy thói : Kiều chào Sở - Khanh rồi lấy chàng. Cái lấy ngày xưa thông dụng để tỏ ý phục-tông. tôn kính và biết ơn.

Rí trao : rí tai trao gửi ý nghĩ, tức là nói khẽ, nói nhỏ. Nằng *rí* tai vì nói to e người ngoài nghe thấy thì lộ truyện.

Ân cần là khẩn khoản. Cả câu : Kiều lấy Sở - Khanh rồi khẽ nói khẩn- khoản với chàng.

971.— *Bèo bọt* cái bèo, cái bọt nước là hai vật lênh bênh trên mặt nước nổi trôi nay đây mai đó.

« Lạc đàn mang lấy nợ nần yễn oanh (972)

Dám nhờ cốt nhục tử sinh (973)

Bèo bọt chút thân, là chút thân như bèo như bọt, nói chút thân trôi nổi lênh-dênh, chút thân giang-lỗ lưu-lạc.

Câu này chuyển một mạch xuống câu dưới, mới lộn ý.

972) — *Lạc đàn* : Kiều tự ví mình như chim lạc đàn, khi nào phải lìa xa gia-đình, cha mẹ chị em.

Mang lấy nợ nần yễn oanh : Lạc đàn đã là một sự không may, mà lại phải mang lấy cái nợ yễn oanh, tức là nợ làm gái nhà chứa.

Thơ Trương-dưỡng-Hạo có câu :

Hoa liễu xảo vi oanh yễn địa

Quản-huyền giao đệ ỷ la phong :

Ngày nay người ta thường gọi nhà chứa, lầu xanh là *hoa-liễu* và ví gái nhà chứa với *oanh-yễn*.

Nợ nần yễn oanh tức là cái nợ phải làm gái nhà chứa. Đây có lẽ Kiều định nhắc món nợ mấy trăm lạng vàng Mã-phúc.Sinh đã bỏ ra mua nàng, chứ không định nói đến cái duyên nợ hay món nợ tình, nghĩa gì.

Kiều nói đến món nợ đó là có ý mong Sở.Khanh bỏ tiền ra trả nợ giúp để chuộc nàng ra khỏi lầu xanh.

— Nhiều bản chép là *yễn anh* có lẽ sai. Trong văn-chương Tàu không có chữ *yễn.anh* chỉ có chữ *yễn.oanh* hay *oanh-yễn*.

Câu trên và câu này : Kiều nói : cái thân lưu-lạc, xa nhà phải mắc nợ làm gái nhà chứa.

973.) *Nhờ cốt nhục tử sinh* là nhờ ơn to lớn

Sở dĩ có nghĩa ấy là do chữ trong sách « *Quốc-ngữ* » (Ngô-Ngữ)

« *Quân vương chi ư Việt dã : khần khởi tử-nhân nhi nhục bạch cốt dã* » nghĩa là : Nhà vua đối với nước Việt ; nên mau dựng sống lại người đã chết và làm cho xương trắng mọc da lên.

« Còn nhiều kết cở ngâm vánh về sau » (974)

Hoặc do chữ trong sách « Tả truyện » :

« *Sở vị sinh tử nhi nhục cốt dĩ* » nghĩa là ; thế gọi là làm sống lại người chết và làm xương mọc da vậy.

Cốt nhục tử sinh là câu *sinh tử nhục cốt* nói đảo lộn đi cho thành thơ,

Sinh tử nhục cốt là nói công-ơn to-tát như là làm người chết sống lại, xương khô mà làm mọc thịt lên.

Câu trên nói *nợ yền oán*. Câu này nói *nhờ ơn cốt nhục tử sinh*, Hình như Kiều có ý muốn nhờ Sở-Khanh lo trả món nợ yền-oán (lúc mấy trăm lạng vàng) để cứu thoát nàng ra khỏi nơi lầu xanh, là nơi nàng coi như cỏi chết cỏi trăm luan đâm, lướn.

974) *Còn nhiều kết cở ngâm vánh về sau* :

Sau này còn có nhiều dịp-dền ơn trả nghĩa, ý nói : sau này Kiều sẽ tạ ơn Sở-Khanh.

Sở dĩ *kết cở ngâm vánh* có nghĩa ấy là do những tích sau đây :

— Đời Xuân-thu, Ngụy-Thù nước Tấn có một người vợ lẽ đẹp và trẻ, khi Ngụy-Thù sắp chết, dặn con là Ngụy-Khỏa phải đem người vợ lẽ ấy chôn chung vào một áo quan. Ngụy-Thù chết, Ngụy-Khỏa cho người vợ lẽ của cha về, không đem chôn sống.

Sau này, Ngụy-Khỏa làm tướng đi đánh Đổ-Hồi là tướng nước Tấn. Đổ-Hồi là một tướng khỏe mạnh có tiếng, Ngụy-Khỏa đánh đã sắp thua. Tự nhiên Đổ-Hồi vấp ngã, bị Ngụy-Khỏa đâm chết. Đêm về, Ngụy-Khỏa nằm mơ thấy cha người vợ lẽ của bố hiện lên nói rằng : « Tôi cảm ơn ông đã không chôn sống con gái tôi, nên tôi kết cở quẩn vào chân Đổ-Hồi cho nó vấp ngã »

— Đời Đông-Hán, Dương-Bảo đi đường thấy một con chim sẻ vàng bị chim cắt đánh rơi xuống đất, bắt lấy đem về nuôi. Khi chim lành mạnh bèn thả ra. Về sau bỗng có đứa

Lặng nghe lằm-nhằm gật đầu (975)

« *Ta đây, nào phải ai đâu mà rằng ? (976)*

« *Nàng đã biết đến ta chăng, (977)*

« *Bề trăm-luân lấp cho bằng mới thôi (978)*

trẻ mặc áo vàng đem bốn cái vành ngọc (vòng ngọc) đến lễ tạ nói : « Tôi cảm ơn ông cứu tôi, tôi đem vành ngọc đến. tạ, ông được vành ngọc này thì con cháu sẽ đời đời vinh hiển. »

975). — *Lặng nghe* là lẳng lẳng mà nghe.

Lằm nhằm gật đầu : gật đầu tỏ dấu nhận lời và nói lằm-nhằm (sợ người ngoài nghe biết).

Sở-Khanh lẳng-lẳng nghe Kiều nói xong, thì gật đầu lằm-nhằm nói.

976. — *Mà rằng* : mà nói. Nói đây tức là nói đến ơn với huệ.

Sở-Khanh nói : ta đây chứ có phải hạng người nào đâu mà nàng phải nói đến ơn với huệ.

Sở-Khanh gián-tiếp cho biết chàng cứu vớt Kiều là do tấm lòng tốt tự nhiên, là do cái chí - khí anh-hùng của chàng, chứ không phải là mong lấy ơn huệ của Kiều,

977. — *Đã* tức là đã.

Nàng đã biết đến ta ư ?

978. — *Bề trăm luân* là bề dăm đuối, cái bề lằm dăm-duối người, ý nói chỗ truy-lạc của phụ-nữ (là lầu xanh).

Lấp cho bằng tức là lấp cho bề trăm-luân bằng phẳng mặt đất.

Sở-Khanh không chỉ định vớt Kiều ra thoát bề trăm-luân mà thôi. Chàng lại định lấp cho bằng bề trăm-luân, tức là triệt bỏ cả bề trăm-luân, không những cứu riêng Kiều mà cứu thoát tất cả những người bị dăm đuối trong bề đó.

Công việc đó liệu một mình chàng (hay bắt luận một người nào) có làm nổi không ?

Tác-giả dụng ý cho ta thấy lời lẽ khoác-loác của tên anh-hùng rơm,

Nàng rằng : « muốn đổi ơn người, (979)
 Thế nào xin quyết một bài cho xong... » (980)
 Rằng : « Ta có ngựa truy phong (981)
 « Có tên dưới trướng, vốn dòng kiện-nhi : (982)

— Trong thư gửi cho Sở-Khanh, bình như Kiều đã viết « nhờ tay lễ độ với người trăm-luân, » Đây Sở-Khanh nói vậy, có lẽ để trả lời câu đó.

979. — Muốn đổi ơn người tức là đổi ơn người muôn lần, ý nói đổi ơn người nhiều lắm lắm.

Kiều nghe Sở-Khanh nói quả-quyết như vậy trong bụng đã lấy làm mừng thầm. Nàng chắc mẫm rằng Sở-Khanh sắp bỏ tiền bạc ra để chuộc nàng, như các quan viên làng chơi thường dùng cách ấy để cứu vớt kỹ-nữ.

Cho nên nàng tỏ lời cảm ơn.

980) Quyết một bài : quyết một phương-pháp, một cách-thức, một biện pháp.

Cả câu : phải làm như thế nào (để cứu tôi) thì xin quyết định một cách cho nó xong đi. Kiều tỏ ý nóng lòng thoát khỏi lầu xanh. Nàng giục Sở-Khanh hành động mau chóng.

Đến đây, ta cảm thấy Kiều vẫn đinh-ninh hy-vọng Sở-Khanh bỏ tiền bạc ra chuộc nàng. Nàng giục là giục chàng làm việc đó.

981) Truy phong là theo gió.

Ngựa truy phong là ngựa đuổi theo gió, ý nói ngựa tốt đi mau lắm.

982) Tên : tiếng cổ và tiếng địa-phương nghĩa cũng như người, như kẻ, như tên có hàm ý khinh-bĩ. Thi - dụ như . tên này, tên kia, tên tù, tên người nhà...

Dưới trướng dịch chữ trướng hạ nghĩa là đứng hầu dưới màn, trở kẻ đầy tớ.

Có tên dưới trướng ; có kẻ dưới trướng, tức là có kẻ hầu hạ, sai bảo.

• *Thừa cơ lên bước ra đi* (983)

• *Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn ?* (984)

• *Dầu khi gió kếp, mưa đơn* (985)

Kiến nhi là người có sức khỏe,

Cò tên dưới trướng vốn động *kiến* nhi : Sở-Khanh nói y có những tên đầy tớ vốn là những đứa có võ nghệ khỏe mạnh

Câu trên và câu này : Sở-Khanh khoe có ngựa tốt chạy mau, có ý bảo Kiêu đi trốn bằng ngựa ; Sở-Khanh khoe có nhiều đầy tớ khỏe mạnh, có ý bảo Kiêu khỏi phải lo, vì có người hộ vệ chắc chắn.

983) *Thừa cơ* là nhân cơ hội, *lựa cơ-hội*, ý nói nhân dịp không đề phòng, nhân dịp không ai biết.

Lên bước ra đi tức là lên trốn.

984) *Chước* là mưu chước, mưu kế,

Ba mươi sáu chước là nói tất cả các mưu kế, ý nói xét tất cả các mưu kế.

Chước gì là hơn ? Kế gì là hơn hết, kế gì là hay hơn cả trong ba mươi sáu kế) Câu này nhắc câu chữ sách «*Nam sử* » *tam thập lục sách, tẩu vi thượng kế* : 三十六策走为上計

nghĩa là : ba mươi sáu chước- chạy trốn là kế hay hơn cả.

Chước gì là hơn là có ý nói đến việc chạy, vì trong câu chữ sách, nói chạy là chước hay hơn cả.

Ý *chạy trốn* đã có trong câu trên : *lên bước ra đi* ; câu này đặt câu hỏi để nhắc ý chạy ở câu trên.

Sở-Khanh bảo Kiêu chỉ có một bài hay nhất là chạy trốn (Chàng nhắc lại ý hai chữ «*Tích Việt*» trong thư.

985) *Gió kếp mưa đơn* : hai cơn gió, một trận mưa nghĩa bóng là những sự trở ngại lớn nhỏ.

Vì những trở ngại với *gió mưa*, vì gió mưa thường ngăn trở mọi công việc. Trên kia Kiêu đã có lần nói với Kim-Trọng : *Gió bắt mưa* cảm tức là nói những sự trở ngại. Đây nói *gió mưa*, là có ý nói đến những sự *bắt cầm* lại không cho đi.

Sở-Khanh muốn nói : dù có ai đuổi theo bắt giữ lại

« Có ta đây cũng chẳng con cớ gì (986)
 Nghe lời nàng đã sinh nghi (987)
 Song đã quá đổi quân gì được thân (988)
 Cũng liều nhắm mắt đưa chân (989)
 Mà xem con tạo xoay vần đến đâu (990)
 Cùng nhau lên bước xuống lầu

986) Con cớ tức con cớ. (an là can dự, can thiệp. Cớ là biến cố, Can.cớ là biến cố xảy ra can dự đến thân mình.

Có ta đây cũng chẳng con-cớ gì : Sở - Khanh muốn nói, dù ai đuổi theo bắt giữ lại, có ta đây che chở cho, thì cũng không can chi.

987) Sinh nghi là sinh lòng ngờ vực.

Kiều nghi ngờ, vì cái cách cứu vớt của Sở - Khanh nó táo - bạo quá, không biết có thành tựu được chăng. Cũng có thể nàng ngờ không biết Sở-Khanh có thật lòng cứu vớt nàng chăng, hay là chàng dễ dàng cam, bẫy chi để làm hại nàng ?

988) Quá đổi là quá chón, quá mặc. ý nói việc đã đến lúc cần cấp rồi, việc đã trót.

Quân gì được thân : thân mình không còn quân ngại đều gì được nữa, cũng như ta nói lo cũng không được nữa đành phải liều.

Kiều nghĩ vậy là vì nàng nóng lòng thoát khỏi lầu xanh. Khi thất ra lúc này nàng vẫn còn có thể từ chối không nghe lời Sở-Khanh.

989) Cũng liều nhắm mắt làm theo kế-hoạch của Sở-khanh

990) Con tạo cũng như trẻ tạo dịch chữ hóa nhi nghĩa là con Tạo-hóa.

Gọi Tạo-hóa là con Tạo là Hóa nhi, người ta có ý ché Tạo Hóa xoay vần không được đứng đắn công bằng, thất-chuồng, éo le như trẻ con của bỡn.

Khi người ta tôn kính Tạo - hóa thì gọi là Ông Tạo, Khi người ta muốn ngợi khen tài khéo của Tạo - Hóa thì

Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn, (991)

Đêm thu khắc lậu canh tàn, (992)

gọi là Thợ-Tạo. Khi muốn tỏ ý chê-trách hèn-oán thì gọi là *trở tao*.

Có tài có sắc hơn người mà số-phận không ra làm sao, nên Kiều tỏ ý trách Tạo-Hoà.

Con tạo xoay vần đến đâu ; Tạo-Hoà xoay vần đến chỗ nào.

Câu trên và câu này có nghĩa là : cũng liều nhắm mắt hước đi trăm sự nhờ trời, muốn ra sao thì ra.

991) Sở-Khanh và Kiều lên ngựa đi, ngựa đi trước, ngựa đi sau.

Hai chữ *song song* đây dùng không được sát. *Song song* là đi song hàng, đi ngang hàng nhau thành một đôi, một cặp. đây người đi trước kẻ đi sau, chứ có đi *song song* với nhau đâu ?

— Một đoàn dùng cũng không đúng cho lắm. Có hai ngựa đi trước đi sau mà gọi một đoàn ư ? Hay là ngoài hai người đi ngựa còn có bọn gia nhân dắt từ theo hầu ở phía sau ?

— Thì ra Sở-Khanh đã chuẩn bị ngựa từ trước, Thảo nào mà chàng khoe với Kiều có ngựa *truy phong*.

992) Có bản chép là *đêm thâu* và giảng là thâu đêm, suốt đêm, chỉ không phải *đêm thu*. Chép thế hình như sai. Nếu *đêm thâu* là thâu đêm thì những chữ *khắc lậu canh tàn* dùng thừa ư ?

Khắc lậu là giờ khắc qua đi. Đồng hồ xưa là cái hồ bằng đồng trong đựng nước, dưới có lỗ nhỏ để nước rò từng giọt ra ngoài, mỗi khắc đồng-hồ qua thì nước trong hồ vơi đi một ít.

Lậu là rò từng giọt. *Khắc lậu* là khắc rò từng giọt qua đi, ý nói thì-gian cứ từ-từ qua đi.

Canh tàn là trống canh tàn dần, ý nói trời dần dần sáng.

Cả câu : thì-gian từ-từ qua đi trời dần dần sáng. Câu này cho biết Kiều và Sở-Khanh đi suốt đêm,

Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương, (993)

Lối mòn cỏ lợt màu sương, (994)

Lòng quê đi một bước đường một đau, (995)

(993) *Gió cây trút lá* = gió thổi mạnh làm lá rụng như trút xuống. Ban mai bao giờ gió cũng thổi mạnh. Lá cây trút xống là vì mùa thu lá vàng nhiều.

Gió cây trút lá, nếu là văn xuôi thì câu này viết : *gió trút lá cây*.

— Câu này tả cảnh trời gần sáng (có gió), *trăng ngàn ngậm gương* = ngàn (tức núi) ngậm gương là ngậm gương trăng, ý nói trăng lặn ở sau núi.

— Câu này có lẽ tác-giả tả cảnh sai. Cụ Nguyễn-văn-Vĩnh có cho biết rằng đêm 21, trăng mọc lúc nửa đêm và đến sáng trăng vẫn còn ở giữa trời (chờ không lặn sau núi).

— Hay là trăng bên Tàu lặn, mọc khác trăng bên ta ?

994) — *Lối mòn* : lối đi đã nhẵn.

Cỏ lợt màu sương : người đi qua cỏ không mọc được xanh, lại có sương nên màu cỏ coi nhạt sắc.

Câu này cho ta biết :

a) Sở-Khanh đưa Kiều đi trốn theo lối tắt, đường hẻm, chờ không đi đường lớn ;

b) Bấy giờ trời có trăng trông rõ cả lối mòn và màu sương trên cỏ.

995 — *Lòng quê* dịch chữ *hương-tâm* là lòng nhớ quê hương Kiều thấy phong cảnh đồng nội thì nhớ đến quê hương.

Đi một bước đường một đau : đi một bước Kiều đau lòng nhớ quê hương một bước.

Cũng có thể giảng là : đi một bước Kiều nóng ruột đau lòng muốn tới quê nhà một bước; Nàng đi trốn nên chỉ mong chóng về đến quê nhà để được yên thân.

— Có bản giảng *lòng quê* là *lòng riêng ý nghĩ riêng*. Không hiểu căn-cứ vào đâu mà giảng như vậy.

- Tiếng gà xao xác gáy mau, (996)*
Tiếng người đầu đã mái sau đây-dàng, (997)
Nàng càng thồn-thức gan vàng, (998)
Sở-Khanh đã rẽ dây cương lối nào, (999)
Một mình khôn biết làm sao ;
Dặm rừng bước thấp bước cao hỡi-hùng, (1000)

996) — Gà xao-xác gáy con nọ theo con kia, tiếng gáy liên tiếp như (mau là liền, là không thừa) ý nói trời sắp sáng. Càng về gần sáng gà càng gáy mau, tiếng gáy xao-xao liên tiếp.

997) — *Mái sau* là mé sau, phía sau lưng.

Dây dàng = nỗi đây ồn-ào, xôn xao.

Cả câu : phía sau nghe có tiếng người ở đâu nói ồn-ào.

998) — Đoán rằng có người đuổi theo phía sau, Kiều sợ-bãi

Thồn thức gan vàng : cảm động sợ hãi quá — lòng thồn-thức hồi-hộp.

Gan vàng đây cũng có nghĩa như lòng vàng.

Nàng càng thồn thức gan vàng : nàng càng hồi-hộp lo sợ...

999) — *Kiều lại thồn thức lo sợ* vì thấy Sở-Khanh đã rẽ ngựa đi lối nào mất hút.

Nghe có tiếng người nói ở phía sau, nàng đã hồi hộp sợ hãi không thấy Sở-Khanh đâu, nàng lại càng sợ-hãi hồi-hộp-thêm.

Rẽ dây cương : tức là rẽ ngựa, thúc dây cương cho ngựa rẽ sang lối khác. Mấy chữ này cho biết Sở-Khanh tự ý bỏ nàng chờ không phải là Kiều lạc hay Sở-Khanh đi lầm đường.

1000) — *Dặm rừng* = đường rừng lối đi trong rừng.

Bước thấp bước cao : lúc bước xuống chỗ thấp, lúc bước lên chỗ cao, ý nói :

a) Kiều không thuộc đường lối, cứ thúc ngựa đi bừa nên lúc bước lên chỗ cao, lúc sa xuống chỗ thấp.

Hóa-nhi thật có nữ lòng, (1001)

Làm chi giầy tía, vò hồng lấm nau ! (1002)

b) Kiều vội vàng nên đánh ngựa đi liều không chú ý đến đường lối cao-thấp.

Hài hùng : sợ hãi lắm. Vì hãi-hùng nên nàng đi bước thấp, bước cao. Kiều sợ hãi vì đoán rằng có người đuổi theo bắt lại.

1001) *Hóa nhi* nghĩa là trẻ tạo-hóa, con tạo-hóa hay con tạo.

Trong tiếng *Hóa-nhi* có ngụ ý oán trách khinh ghét.

Thật có nghĩa cũng như thật quả, hay quả thật, quả nhiên

Nữ lòng đây dịch hai chữ *nhân tâm* nghĩa là không có lòng thương sót, e ngại, ai khổ-sở đau đớn khóc lóc cũng mặc. *Trẻ tạo nhân tâm* vì tạo-hóa vô-tình có thương sót ai ngại cho tình cảnh của ai đâu.

Nghịch nghĩa với *nhân tâm* là *bất nhân* tức là không nữ, không dành. Thấy trẻ khóc người ta không nữ đánh. Thấy người sắp chết đuối, ta không thể không nhảy xuống cứu hoặc hô hoán. Đó đều do lòng *bất-nhân* của ta.

Cả câu : *Trẻ tạo thật quả là nhân tâm*

Xưa nay người ta vẫn nói *thiên-địa vô tình*. Nay nghiệm ra mới thấy Tạo-Hóa quả nhiên vô tình và nhân tâm.

1002) *Giầy tía vò hồng* : giày vò hồng tía ; giày vò là làm cho nhàu nát ; hời g tía là sắc hồng sắc đỏ sẫm, trở bóng bóng hoa. Người ta vì người đẹp với bông hoa.

Lấm nau : đây cũng như *lấm nao* hay *lấm nào*. Cũng có thể có nghĩa *lấm đau*.

Cả câu : Giày vò bông hoa lấm thế để làm chi ?

Câu trên và câu này có thể lời tác-giả than thay cho Kiều. Cũng có thể là tả ý than-trách ngấm-ngấm của Kiều, lúc thấy nguy-hiểm sắp tới.

- Một đoàn đồ đến trước, sau (1003)*
Vuốt đầu xuống đất, cánh đầu lên trời ? (1040)
Tú-Bà tốc thẳng đến nơi. (1005)
Hầm-hầm áp điệu một hơi lại nhà, (1006)
Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra.
Đang tay vui liễu gặp hoa toi-bời (1007)

1003) *Một đoàn* : một đám đông người.

Đồ đến : đồ xô đến, vừa có ý đông-dúc vừa có ý đột-ngột.

Trước sau : phía trước và phía sau, ngăn không cho Kiều trốn chạy.

1004) *Vuốt* là mỏng sắc của giống thú như vuốt hùm.

Vuốt đầu xuống đất : có vuốt đầu mà đào đất để thụt xuống trốn.

Cánh đầu lên trời : có cánh đầu mà bay lên trời như chim.

Ý nói Kiều thụt xuống đất không được, bay lên trời không xong, không trốn đầu cho thoát.

1005) *Tốc thẳng đến nơi* : chạy học-tốc thẳng một mạch đến chỗ Kiều. Có lẽ Tú-Bà đi sau đám người nhà, nên lúc này chạy vội đến bắt Kiều.

1006) *Hầm hầm* : vẻ tức giận lộ ra đáng điệu và nét mặt. *Áp điệu* cũng như áp giải, đây là tóm lấy điệu đi.

Một hơi lại nhà : một mạch về nhà, ý nói điệu thẳng về nhà, không dừng lại dọc đường. Nhà đây tức là nhà Tú-Bà ngôi hàng của Mụ và họ Mã.

1007) *Đang tay* là không tiếc tay, không ngại tay.

Vui liễu gặp hoa = vui-gặp liễu và hoa ; vui-gặp là làm cho bần-thần, gặp gãy, đây nghĩa là đánh đập ; liễu và hoa là sắc đẹp yếu ớt như hoa như liễu, đây trỏ Kiều.

Toi bời : gặp vui cho hoa liễu toi-bời, xơ-xác, ý nói đánh đập nhiều lắm.

*Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rưng, thắm rời chẳng đau ! (1008)
Hết lời thú phục khần cầu, (1009)*

1008) — Lòng nào : lòng người nào, lòng ai.

Hồng rưng thắm rời : rưng-rời hồng thắm ;

Hồng thắm là sắc hồng sắc thắm, ý nói thịt và máu : thịt sắc hồng hào, máu sắc đỏ thắm. *Hồng rưng thắm rời* là thịt rời máu rưng (máu chảy).

Câu trên và câu này : thịt da, ai cũng là người, không ai là gỗ đá, thần thánh. Bị đánh rời thịt chảy máu, thì lòng ai không đau-dồn ; ý nói Kiều cũng là người, nàng bị đánh đập đến chảy máu rời thịt ra, sao nàng lại không đau. Vì vậy mà...

Các bản pháp-văn Nguyễn-văn-Vĩnh, Crayssac, M.R. đều dịch là : ai trông thấy Kiều bị đánh đập như vậy mà không đau lòng ?

Bản Nguyễn-văn-Vĩnh dịch : *Quel coeur de pierre pourrait ne pas souffrir à la vue de tant de brutalités sur cette créature splendide ?*

Bản Crayssac dịch ; *Or qui donc sans souffrir de cette horrible chose, aurait pu voir ainsi massacrer la fleur rose ?*

Bản M. R. dịch : *quel coeur n'est pas souffert à voir torturer tant de grâce rose et vermeille ?*

Dịch như vậy e không sát tinh-thần câu văn. Tác-giả có ý muốn nói vì đau-dồn quá nên sau đó Kiều phải thú-tội và khần cầu (cầu dúi) chứ không định nói rằng ai trông thấy nàng bị đánh cũng đau lòng.

Mấy dịch-giả trên cũng không dịch hết ý những chữ *hồng rưng thắm rời*. Hồng rưng thắm rời đây không trở về đẹp của Kiều, mà tả sự dữ-dội, sự đau đớn của trận đòn mù Tũ.

1009) — *Hết lời* : dùng đủ lời mềm mỏng khôn khéo, khiêm tốn tự hạ.

Thú phục : thú tội và tỏ ý phục-tòng.

Uốn lưng thịt đồ, giập đầu máu sa, (1010)

Khẩn cầu ; khẩn khoản kêu cầu.

Vì Kiều bị đánh đòn đau quá không chịu được, nên nàng phải thú tội, và khẩn cầu hết lời.

Bằng hai câu trên, tác-giả biện bạch cho Kiều và giải-thích lý-do vì sao Kiều lại hạ mình quì-lụy đến thế.

1010 — *Uốn lưng thịt đồ* : Kiều uốn lưng lấy mãi lâu không dậy tưởng như cây thịt đồ xuống.

Giập đầu máu sa : giập đầu xuống đất nhiều lần quá tưởng đến đầu trán chảy máu ra. Câu này diễn cái ý « *thủ phục khẩn cầu* » ở câu trên. Cứ cái kiêu lay-lục của nàng thì nàng thủ phục khẩn cầu đến nước thật.

— Theo sách *Chu lễ* thì có 9 kiêu lay, một là *khê thủ* lui lảo đốn thủ., *Khê thủ* là kiêu lay tỏ ý chỉ-kính, rất nhẹ-trọng, xưa bầy tôi dùng để lay vua.

Khê-thủ và *đốn thủ* đều là lay đầu chấm đất, duy *khê-thủ* thì đầu chạm đất lâu lâu mới cất lên, *đốn-thủ* thì đầu chạm đất cất lên ngay..

Sách *Tuân-lữ* nói rằng : lay đứng ngay người gọi là *bái* ; lay cúi đầu xuống gọi là *khê-thủ* ; lay đầu chấm mặt đất gọi là *khê-tảng*.

Khê-tảng cũng gọi là *khẩu-thủ* tức *khẩu-đầu* nghĩa là lấy đầu giập xuống mặt đất, (*khẩu đầu* dưới *trương liệu* điều kêu ca).

Đây Kiều lay Tú-Bà theo kiêu *khê-thủ* hay *khê-tảng* hay *khẩu-thủ* (giập đầu máu sa) tức là lay theo kiêu lay kính-trọng nhất là kiêu lay của bầy tôi lay vua, ý nói nàng lay-lục Tú Bà hết sức tôn kính, khẩn-khoãn.

Không rõ Tân-Đà tiên sinh hiểu câu này theo cách nào mà phê : *Câu này lời văn hơi quá,*

— Bản Pháp-văn Nguyễn-văn-Vinh dịch là Kiều cảm thấy thịt rời từng mảnh và máu chảy ở đầu ra. Hình như không đúng. (*Elle sentait tomber des lambeaux de chair, et en frappant le sol de sa tête, elle sentait de sang en couler.*)

- Rằng: « *lời chút phận đàn bà, (1011)*
 « *Nước non lia cửa lia nhà đến đây, ! (1012)*
 « *Bây giờ sống thác ở tay, (1013)*
 « *Thân này đã đến thế này thì thôi, (1014)*
 « *Nhưng tôi có sá chi tôi. (1015)*

— Bản Crayssac thì dịch sai hẳn ý nghĩa câu văn :
Son dos perdait sa chair et le sang de sa tête.

Jaillissait, sous le coup de l'affreuse tempête tức là : thịt
 lung rời ra từng mảnh, máu đầu chảy toé ra.

Câu này không tả trận đòn, mà tả vẻ quí-luy-lấy-lục của
 Kiều. Trên đã có câu tả trận đòn : *hồng rưng thắm rời*. Và
 lại, nếu đúng như lời dịch-giã, thì có lẽ Kiều đã bị đánh
 chết.

1011 — *Chút phận đàn bà* : ý nói yếu-ớt nông nổi ; nhẹ
 dạ, không biết xa thấy rộng, như đàn ông.

Kiều nói thế để gỡ tội.

1012 — *Nước non* ý nói cách trở nước non, tức là ở nơi
 xa-xôi.

Lia cửa lia nhà : ý nói xa nhà cửa, xa người thân-thích,
 không có người bênh vực che chở ?

Đàn-bà vốn đã yếu ớt. Đàn-bà một mình ở nơi quê
 người đất khách thì lại càng yếu-ớt, ai làm gì mà chả
 phải chịu — Ý Kiều muốn nói thế.

1013 — Như vậy thì mụ Tú bắt nàng chết hay cho nàng
 sống cũng được, quyền sinh sát ở cả trong tay mụ, Kiều
 đã biết như thế.

1014 — Thân tôi đã đến như thế này, thì mụ có đánh
 chết tôi cũng thôi, tôi không tiếc gì.

Hai chữ *này* trong câu đọc lên nghe như lời thách-thù
 của kẻ liều-lĩnh.

1015 — Nhưng tôi có kể gì đến thân tôi.

Chữ *nhưng* trong câu này hợp với ý câu dưới hơn là
 ý câu này.

« Phận tôi đành vậy, vốn người đề đầu. (1916)

« Thân lươn bao quản lấm đầu. (1917)

Chút lòng trinh-bạch từ sau cũng chưa. » (1918)

1016) Phận tôi thì chết đi cũng đành vậy không dám tiếc, nhưng (chữ nhưng ở trên chuyển nghĩa xuống đây) còn vốn người thì đề đầu ? Vì nếu đánh chết tôi đi thì vốn người (tiền mua Kiều) sẽ mất.

Kiều biện bạch đến mối lợi của Tú. Bà đề thoát khỏi trận đòn. Đối với bọn ấy chỉ có thể nói đến lợi lộc, chứ không thể nói tình nghĩa, Kiều cũng sáng ý lắm.

1017) Kiều muốn nói nếu được tha đòn, thì ơn ấy to lắm, bảo gì nàng cũng xin nghe. Nàng tự ví mình như thân con lươn, tức là cái thân bèn hạ. Và đã là *thân-lươn* thì *quản gì lấm mắt* (như câu tục ngữ đã nói) tức là bảo làm bất cứ việc gì cũng xin vâng.

1018) Cả đến tấm lòng trinh bạch từ sau nàng cũng xin chưa. Ý nói mục Tú bắt tiếp khách nàng cũng xin tiếp.

Kiều nói tấm lòng trinh-bạch. Nhưng thật ra nàng có còn trinh bạch không ? Có lẽ vì thế mà chỉ một trận đòn cũng đủ làm cho nàng phải chừa cái lòng trinh-bạch (giả-dối) đó !

Dù sao, câu này cũng khiến người ta vừa nực cười vừa thương hại cho Kiều. Nực cười vì một trận đòn cũng đủ làm nàng chừa trinh bạch (tấm lòng trinh bạch ấy liệu có đáng gọi là trinh bạch không) ?

Thương hại vì nàng yếu bóng vía quá, xác thịt mới bị đau một chút, đã mất tình-thần.

Xưa, cụ Nguyễn-Lạng đã phê « Đến sự trinh-bạch mà cũng có khi phải xin hối, xin chừa, thì trò đời nghĩ cũng đáng bật cười thật »

Hai nhà chú giải Bùi - Kỳ và Trần - trọng - Kim thì phê : Câu này có ý mỉa mai, xót xa lắm.

Theo ý chúng tôi, thì mỉa mai, xót xa là mỉa mai xót xa cho lòng người thường vẫn tự phụ là vàng đá, mà nhiều

Được lời mụ mới tùy cơ, (1019)

Bắt người bảo lĩnh, làm tờ cung chiếu. (1020)

Bầy vai có ở Mã-Kiều. (1021)

khi mềm nhũn trước sức thử thách của vọt roi. Và trò đời thật ra không đáng bật cười, bằng tấm lòng trinh bạch của cô Kiều.»

— Kiều sợ chết đến thế. Kiều thú phục khản cầu hết lời đến thế. Trách nào tác giả chẳng phải nói dẫn trước đề bệnh vực nàng :

Thịt da ai cũng là người.

Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau.

Lần trước sắp bị Tú-Bà đánh, nàng đã cầm dao tự sát.

Lần này Tú Bà đánh đập như thế sao nàng chẳng quyền sinh?

Ngẫm nghĩ cho kỹ, thì ra lần trước nàng tự sát, là vì sợ bị đánh đòn. Lần này bị đánh đòn rồi, nàng không dám tự sát có lẽ vì nàng sợ chết.

1019) *Được lời* : Được Kiều ngỏ lời hứa sẽ xin tiếp khách đề thu lại vốn cho Tú Bà.

Hắn mụ Tú lấy làm bằng lòng lắm. Mụ chỉ mong có vậy mà thôi. Mụ bèn tùy theo cơ-hội mà thắt buộc Kiều phải giữ lời hứa.

1020) *Người bảo lĩnh* là người đứng ra đoan nhận trách-nhiệm thay, nếu đương sự không giữ lời cam kết.

Tờ cung chiếu là tờ khẩu cung nhận mọi tội lỗi mình đã phạm.

Mụ Tú muốn thắt buộc Kiều giữ lời hứa, nên bắt nàng phải làm tờ cung chiếu nhận tội và bắt người đứng bảo lĩnh về những lời cam kết của nàng. Như vậy nếu sau này Kiều trái lời thì đã có đủ giấy tờ chứng-tá để mụ đem nàng ra trước cửa công.

1021) *Bầy vai* tức là cùng một hàng ngũ, cùng một trà lúa với nhau, đây tức là bạn đồng nghiệp với Kiều.

Cả câu : Trong bọn chị em có một chị tên là Mã-Kiều.

« Xót nằng, ra mới đánh liều chịu đoan (1022)

Mụ càng kể nhứt, kể khoan (1023)

« Gạn gùng đến mực nòng-nàn mới tha (1024)

Vực nằng vào nghỉ trong nhà

Mã-kiều lại ngỏ ý ra dặn lời :

Thôi dà mắc lạn thì thôi (1025)

Đi đâu chẳng biết con người Sở-Khanh ?

« Bạc tình nổi tiếng lâu xanh, (1026)

« Một tay chón biết mấy cảnh phù-dung (1027)

1022) Thương hại cho nằng, mới đánh liều đứng ra bảo lĩnh giúp.

Chịu đoan là bằng lòng đoan kết chịu trách-nhiệm về Kiều. nếu nằng trái lời hứa, hay trốn đi.

1023) Kể nhứt kể khoan : kể lẽ ơn huệ lời thôi, lúc thì nói lên thoắng, lúc thì nói chậm-rãi.

1024) Gạn gùng đến mực : gạn hỏi, lọc-lựa đến hết mực, hết nước.

Nòng nan : nóng nảy, sôi-nổi.

Cả câu : Mụ gạn hỏi lựa-lọc hết nước làm sôi-nổi lên rồi mới tha cho Kiều.

1025) Mắc lạn tức là mắc lừa.

Tục ngữ có câu : thua lừa mắc lạn.

Mã-Kiều cho biết rằng Thúy-Kiều đã mắc lừa Sở-Khanh.

1026) Bạc tình nổi tiếng lâu xanh : đã nổi tiếng trong lâu xanh ; Sở-Khanh là kẻ bạc-tình. Bạc-tình đây là bạc bội với tình bạc-bội với gái. Bạc-tình đi với lâu xanh, tác-giả dùng thanh Âm để chơi chữ và chơi màu sắc.

1027) Phù dung : là hoa phù-dung. Hoa sen có khi cũng gọi là phù-dung.

Đây phù-dung là hoa phù-dung. Bản của Bùi-Kỷ Trần-trọng-Kim chưa là hoa sen, thì sai. Nếu là hoa sen, tất không có cảnh.

Hoa Phù-dung đây trở con gái đẹp.

Một tay chón biết mấy cảnh Phù-dung : một tay Sở-Khanh mà hại biết bao nhiêu con gái đẹp.

- Đà đao lập sẵn chước dùng. (1028)
 « Lạ gì một cốt một đồng xưa nay... (1029)
 « Có ba mươi lạng trao tay. (1030)
 « Không dùng đâu có truyện này, trò kia. (1031)
 « Rồi ra trở mặt tức thì.
 « Liệu năn nỉ, chớ sần si thiệt đời » (1032)

1028) Đà đao là mẹo giả vờ thua chạy, để người ta đuổi theo rồi thỉnh-linh quay lại dùng đao chém. Đà-dao đây nghĩa là chước lừa, mẹo lừa.

Ý nói : Sở-Khanh dùng mẹo lừa để hại bạn con gái.

1029) Một cốt, một đồng : một bên là bà cốt, một bên là bà đồng, hai bên thường thông-dồng với nhau để bắt người ta về bái thủ-lợi.

Do đó, một cốt một đồng có nghĩa là cùng một đảng thông lưng ăn cánh với nhau.

Câu này và câu trên ; Mẹo lừa đã sắp sẵn, xưa nay Sở-Khanh với Tú-Bà vẫn thông đồng với nhau, ai còn lạ gì.

1030) Ý nói Sở-Khanh nhận ba mươi lạng (vàng hay bạc) của Tú-Bà thuê làm việc đó.

Đọc đến đây, người ta không thể không thở dài mà than : Ôi đồng tiền, người làm cho văn-chương đạo nghĩa mờ ám hết rồi !

1031) Không dùng : nếu không thì tự dùng làm chi có truyện này truyện nọ.

Đây văn-chương đâm-lược của con người làm tội-tờ đồng tiền như thế đấy. Nghĩ có đáng sợ không ?

1032) Liệu năn nỉ : liệu lời năn-nỉ van lạy.

Chớ sần-si thiệt đời : chớ có làm mặt giận-dối đối đáp lại mà bị đánh thiệt đời mình. Mã-Kiều khuyên Thúy-Kiều nên xử năn nỉ không nên xử bướng mà thiệt.

Có bản chép là : liệu năn-nỉ chớ chấy si mà đời, nghe cầu kỳ khó hiểu.

« Nàng rằng : « thề thốt nặng lời, (1033)

« Có đầu mà lại ra người hiềm sâu » (1034)

Còn đương suy trước nghĩ sau.

Mặt mo đã thấy ở đầu dẫn vào, (1035)

1033 — 1034 — Thì ra Sở-Khanh đã thề-thốt nặng lời với Kiều lúc nào, không ai biết. Kiều gián-tiếp cho ta biết Sở-Khanh đã có lúc bí-mặt truyện-trò thề-thốt với nàng.

Hiềm sâu là nham-hiềm, thâm-hiềm, tức bụng dạ khó lường và độc-ác.

Đến lúc này mà Kiều cũng vẫn chưa tin là nàng đã mắc lừa Sở-Khanh. Ngay thơ đến thế là cùng. Và cũng không ai nhẹ dạ cả tin bằng nàng.

(1035) giữa lúc Kiều còn đang phân-vấn suy nghĩ không biết có đúng là Sở-Khanh bày mưu đánh bẫy nàng không, thì đã thấy Sở-Khanh dẫn cái mặt mo vào.

Mặt mo là cái mặt như cái *mo nang* (mo tre) trôi sắp nó phồng lên, tức là cái *mặt dầy*. *Mặt dầy* tức là mặt như đã thành *chui* không biết thẹn-thùng xấu hổ là gì.

Đề nói người không biết liêm-sĩ, người ta thường nói ; *đồ mặt dầy*, hay *đồ mặt mo*.

Trong câu này, tác-giả không nói rõ Sở-Khanh, chỉ nói *mặt mo* mà ai cũng hiểu là nói Sở-Khanh.

Hai chữ *mặt mo* vốn là chữ tục mà ở đây dùng rất hay vì hợp chỗ.

Chữ *dẫn dưng* cũng tài. *Dẫn cái mặt mo tới*, tức là đem cái mặt mo tới. Nhưng, *Dẫn* có hàm ý đi từ-từ như *dẫn rượu*; và nói *dẫn mặt* là nói cái mặt dầy quá, nặng quá phải dẫn vào, chứ không đi mau được. Đồng thời nói Sở-Khanh vênh-vác cái mặt lên làm ra bộ hách dịch.

Không nói người, chỉ nói cái mặt, tác-giả muốn gợi tính lò mò của người ta đối với cái mặt Sở-Khanh, cũng là một cách tỏ ý khinh bỉ.

- Sở-Khanh lên tiếng rêu-rao ;
 « Nghe đồn rằng có con nào ở đây (1036)
 « Phao cho quuyến gió rủ mây, (1037)
 « Hãy xem có biết mặt này là ai ? »
 Nàng rằng : « thôi thế thì thôi,
 « Rằng không thì cũng vâng lời rằng không ! »
 Sở-Khanh quát mắng dưng-dưng
 Bước vào, vừa rắp thị hùng ra tay. (1038)
 Nàng rằng : « trời nhẽ có hay.
 « Quuyến oanh rủ yến sự này tại ai ? (1039)
 « Đem người dầy xuống giếng khơi (1040).

1036 Con nào : đưa con gái nào, có ngụ ý khinh-bĩ xách mé. Câu này ý đi liền một hơi với câu tiếp theo.

1037) Phao là phao tin, tức ném tin ra. Chữ Hán Phao là ném. Phao cho là phao tin cho chàng (Sở-Khanh).
 Quuyến gió rủ mây : quuyến rủ mây gió đi theo mình.

Kinh Dịch có chữ : vân lòng long phong tòng hồ nghĩa là mây theo rồng, gió theo hồ. Nói đến gió mây là nhắc ý đi theo trong câu kinh Dịch.

Câu trên và câu này : nghe đồn ở đây có con nào phao tin cho Sở-Khanh là rủ-rẻ người đi trốn theo.

1038) Thị hùng ra tay : cây khỏe đánh đập người ta.

1039) Trước Kiều xử nhữn không giám cãi lại.

Nhưng Sở-Khanh thấy vậy toan bắt nạt nàng.

Không chịu được, nàng phải kêu trời và kể-lễ lại sự thể để mọi người biết.

Quuyến oanh rủ yến : quuyến rủ oanh yến, đây là quuyến rủ gái lâu xanh. Yến canh đã chua nghĩa ở trên.

1040) Dầy người xuống giếng khơi, dầy người vào chỗ nguy-hiểm, chỗ chết. Kiều muốn nói việc Sở-Khanh lập mẹo giúp Tú-Bà bắt Kiều phải tiếp khách, như vậy tức là dầy nàng vào chỗ chết.

« Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay ! (1041)

« Còn tiền Tích-Việt ở lay.

« Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai ! » (1042)

Lời ngay đông mặt trong ngoài (1043)

Kẻ chê bất nghĩa người cười vô lương (1044)

1041) Ngờ rằng câu này chép lầm một chữ. Có lẽ chép thế này thì phải hơn :

Nói lời rồi lại ăn lời được ngay.

Ăn lời đây nghĩa cũng như nuốt lời, tức là không giữ lời

1042) Kiều giơ mảnh giấy có viết chữ Tích-Việt ra trở vào mặt Sở-Khanh mà nói. Nghe mấy tiếng mặt ấy mặt này, người ta như thấy Kiều vừa xia xoi vào mặt Sở-Khanh vừa nói.

Trên kia, Sở-Khanh lên mặt nói « Hãy xem có biết mặt này là ai » Đây Kiều trở mặt Sở-Khanh mà nói : rõ ràng mặt ấy mặt này... hai bên đối chọi nhau.

Con người ta dù ngày thơ hiền lành đến đâu khi bị oan ức quá, cũng biết vùng dậy phản-đối, chẳng hạn như trường hợp Thủy-Kiều ở đây.

Nhưng cũng may mà Kiều còn giữ được mảnh giấy Tích-Việt làm tang-chứng nếu không có lẽ nàng lại bị một trận đòn nữa không chừng.

1043) Lời ngay : lời nói thẳng-thắn đúng lẽ (vì có tiền Tích-Việt làm bằng).

Đông mặt trong ngoài : đông đủ người trong nhà và người ở ngoài.

Cả câu : Kiều nói lời thẳng-thắn trước mặt đông đủ mọi người nhà và người ngoài đến xem.

1044) Trong đám đông người đó, người thì tỏ ý chê Sở-Khanh là bất nghĩa, kẻ thì chê chàng là vô lương.

Chê và cười đều chung một nghĩa là chế-riếu.

Bất nghĩa là không có nhân nghĩa, không có lòng tin, bịp-bạc lừa đảo.

Vô lương là không lương-tâm, không có lòng tốt, bất nhân, độc-ác.

Người trong người ngoài ai cũng chê cười Sở-Khanh.

Phụ tình án đã rõ ràng, (1045)

Đor tuồng, nghỉ mới kiếm đường tháo lui (1046)

Buồng riêng riêng những sứt sùi, (1047)

Nghĩ thân mà lại ngấm-ngùi cho thân..

Tiểu thay trong giá trắng ngần, (1048)

1045) *Phụ tình* là phản-bội người tình, trái ước với người tình.

Án đã rõ-ràng, việc đã rõ-ràng, chứng cứ đã rõ-ràng. *Án* đây có nghĩa là chứng-cứ.

Đã có đủ bằng chứng tỏ rằng Sở-Khanh là kẻ phụ tình.

1046) *Đor tuồng* : tuồng là vẻ, là trò ; đor là bẩn, xấu ; đor tuồng là vẻ coi xấu, đây có nghĩa là xấu hổ lộ ra mặt.

Nghỉ là nó, hẩn, đây trở ở-Khanh.

Kiểm đường tháo lui : tìm lối lén đi, Sở-Khanh lúc này vừa lấy làm xấu hổ vừa sợ phản ứng của dư luận đồng người nên chàng phải lén trốn.

1047) Kiều ở trong buồng riêng, khóc thầm một mình.

Nàng khóc vì bị mắc lừa và bị trận đòn đau quá.

1048) Đây là những ý-nghĩ của Kiều ngấm ngùi cho thân nàng. Câu trên mở đầu cho những ý-nghĩ ấy :

Bản Bùi Khánh - Diễm và bản Hồ-Đắc-Hàm chưa *trắng ngần* là trắng như bạc, (*ngần tức ngần là bạc*) và *trong giá* là trong như giá, tuyết.

Bản Bùi-Kỷ Trần-Trọng-Kim viện câu phương-ngôn : *trong như giá trắng như ngần* và *giăng ngần* là con cá con trắng như bột. *Trong như giá* không thấy giăng.

Bản Tân Đã thì chép lại các lời chưa trên và nói chưa biết nghĩa nào phải.

Các bản Pháp văn Nguyễn Văn Vĩnh và M. R. đều hiểu *trong giá trắng ngần* là *trong như tuyết trắng như bạc*.

Theo ý chúng tôi thì *trong giá trắng ngần* là lấy chữ ở câu tục-ngữ *trong như giá trắng như ngần*. *Trong như giá* là

Đến phong-trần cũng phong-trần như ai ! (1049)

Tẻ vui cũng một kiếp người, (1050)

Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru ! (1051)

Kiếp xưa đã vụng đường lu, (1052)

Kiếp này chẳng khổ đền bù mới xuôi, (1053)

Dẫu sao bình đã vỡ rồi, (1054)

trong như cái giá đậu chó không phải là tuyết giá : trắng như ngần là trắng như con cá ngần ; Cá ngần là một giống cá nhỏ, dài như chiếc đũa, toàn thân trong suốt như thủy tinh và trắng như bạc, xưa vượn Đa-Ngư ở Thanh Oai Hà-Đông hằng năm vẫn phải đem tiến Kinh.

1049) Đến lúc phải đẩy vào kiếp phong-trần thì cũng phải chịu phong-trần như mọi người khác.

Kiều nghĩ lấy làm tiếc cho mình trong trắng đẹp dễ như vậy mà cũng phải chịu phong-trần như mọi người, không hơn gì. *Phong trần* là gió bụi, đẩy trở cuộc đời trôi nổi vất vả.

1050) Tẻ là buồn. Kiếp người tẻ bay vui thì cũng là một kiếp người. ý nói đời vui hay buồn thì cũng phải sống.

1051) *Hồng nhan* là má hồng, ý nói sắc đẹp.

Sắc đẹp có phải là thứ còn mãi ở đời được đâu.

Kiều nghĩ như vậy để tự an ủi và để khỏi tiếc cái sắc đẹp của mình

1052) Kiếp trước vụng tu ăn ở không ra gì (nên kiếp này chịu khổ) không làm khác được. Kiều lại đem thuyết nhân-quả đạo Phật ra tự an ủi.

1053) Kiếp này chẳng khỏi phải đền bù lại sự vụng tu kiếp trước thì mới xong-xuôi. Kiều tin rằng vì kiếp trước nàng ăn ở không ra gì, nên kiếp này nàng phải chịu cái kết-quả xấu. Kiều nghĩ thầm như vậy để dối lòng mình và để giữ lời cam kết với Tú-Bà.

1054) Dù thế nào thì bình cũng đã vỡ rồi : nàng nghĩ : dù nàng có giữ gìn trinh-bach không chịu ra tiếp khách làng chơi, thì nàng cũng không còn là thân con gái nữa. Nàng đã ăn nằm với Mã giám Sinh rồi.

Lấy thân mà trả nợ đời cho xong, (1055)

Vừa tuần nguyệt sáng gương trong (1056)

Tú-Bà ghé lại thông-dong dặn-dò ;

« Nghề chơi cũng lắm công-phu (1057)

Kiều tìm lý-lẽ kè khỏi tiếc cái thân-hình đẹp-dẽ của nàng, tìm lý lẽ để mạnh bạo bước vào nơi ô trọc. Lòng người lắm lúc cũng nguy thay. Chả trách thánh-hiền xưa đã nói : *nhân tâm duy nguy* : duy lòng người là nguy hại.

1055) Nghĩ đi nghĩ lại, rồi Kiều quyết-định : *lấy thân trả nợ đời cho xong*. Nợ đời đây có hai nghĩa :

a — Nợ từ kiếp trước, kiếp này phải trả (vì kiếp trước không tu,

b — Nợ Tú-Bà mấy trăm lạng vàng.

Dù sao, thì quyết-định của Kiều cũng là kết-quả một trận đòn đau. *Vật làm hại tâm đến thế !*

1056) *Vừa tuần nguyệt sáng gương trong* : câu này lấy bản Pháp-văn Nguyễn-văn-Vĩnh Crayssac. M.R. đều hiểu là vào lúc mặt trăng sáng như gương. Bản Nguyễn văn Vĩnh dịch là sau một tháng trời, *Une lune s'est, écoulée*

Chúng tôi thấy hình như không đúng. Tại làm sao Tú-Bà lại phải đợi đến tuần trăng sáng mới bắt Kiều ra tiếp khách ? Tại làm sao lại đợi đến một tháng ?

Theo ý chúng tôi, *nguyệt sáng gương trong* nghĩa là : mặt trăng ra khỏi đám mây lại sáng, tấm gương sạch bụi lại trong nghĩa bóng nói Kiều sau trận đòn đau đã lạnh mạnh tươi tỉnh như trăng hết mây, gương sạch bụi.

— Tú-Bà đợi Kiều tỉnh dưỡng ít lâu cho lành các vết roi vọt mới đến đây nâng cách tiếp khách.

1057) *nghề chơi* là nghề ăn chơi, nghề tiếp khách kiếm tiền, nghề làm dĩ. Công phu : công-trình. Cả câu ; nghề chơi cũng phải học-hỏi và rút kinh nghiệm tốn nhiều công trình mới thạo.

« Làng chơi ta phải biết cho đủ điều » (1058)

Nàng rằng : « mưa gió dập-diu. (1059)

«Liều thân thì cũng phải liều thể thối» 1 (1060)

Mụ rằng : «Ai cũng như ai,

Người ta ai mất tiền hoài đến đây ?

«Ở trong còn lắm điều hay. (1061)

«Nỗi đêm khép mở nỗi ngày riêng chung. (1062)

«Này con thuộc lấy làm lòng (1063)

1058) Làng chơi là người trong làng ăn chơi.

Đủ điều : đủ mọi cách, đủ mọi thứ.

1059) Mưa gió dập diu: mưa gió qua lại ; mưa gió đây trở lại-tình trai gái : mưa gió dập diu là tình qua ý lại ; Kiều nói nàng sẽ đưa đón khách đi về.

1060) Đã liều thân, thì nàng cũng phải liều đến như thể là chung. Kiều quan niệm việc tiếp khách chỉ thu gọn trong việc thả tình từ ra đón khách và đưa khách.

1061) Ở trong là ở trong nghề chơi.

Còn lắm điều hay là còn có nhiều điều lạ lùng hay hay.

Tú-Bà muốn nói sự tiếp khách còn cần lắm điều hay lạ, chứ không phải chỉ biết niềm nở tình-từ chào đón mà đủ đâu.

1062) Nỗi đêm khép mở : Nỗi khép, mở ban đêm : nỗi đây nghĩa cũng như việc, cách. Khép mở là khép cửa hay mở cửa, khép phòng hay mở phòng, từ chối hay tiếp khách. Tú-Bà dạy Kiều những cách đối xử với khách ban đêm.

Nỗi ngày riêng chung : nỗi riêng chung ban ngày ; tức là việc ngồi nằm riêng một mình và nằm ngồi chung chạ với khách ban ngày. Tú-Bà dạy Kiều những ngón đối xử với khách ban ngày.

1063) Thuộc lấy làm lòng ; Hãy học thuộc lòng, hãy nhớ thuộc lòng. Tú-Bà bảo Kiều phải nhớ thuộc lòng những mảnh khúc mỵ sắp dạy nàng ở dưới.

«*Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề (1064)*
«*Chơi cho liễu chán hoa chế. (1065)*»

1064) *Vành ngoài* : là bề ngoài, các đối đãi với khách ở bề ngoài : lấy bề ngoài để đối với khách.

Bảy chữ tức là bảy việc ghi bằng bảy chữ cho dễ nhớ. Bảy việc này là bảy việc làm bề ngoài để làm cho khách mê, say :

1— *Khấp* là khóc lóc để làm cho khách thương.

2— *Tiền* là cắt tóc thề bồi cho khách tin.

3— *Thích* là thích tên khách vào cánh tay mình giả ý thương yêu.

4— *Thiếu* là đốt hương thề nguyện với khách.

5— *Giá* là hẹn hò lấy khách.

6— *Tầu* là rủ khách đi trốn.

5— *Tử* là làm ra bộ liều chết để khách thương cứu.

Vành trong là bề trong, cách đối đãi ở bên trong, tức là cách ăn nằm với khách.

Tám nghề tức là tám lối ăn nằm với khách làng chơi :

1— tiếp người nhỏ bé, thì dùng lối *kích cò thổi hoa*

2— Tiếp người to béo, dùng lối *kim liên song tỏa*.

3— Tiếp người nóng tính dùng lối *đại xiên kỳ cở*

4— Tiếp người chậm chạp thì dùng lối *mạn đả khinh-khạo*

5— Tiếp người mới chơi dùng lối *khẩn thuyên tam trật*

6— Tiếp người thạo đời dùng lối *tả tri hữu tri*

7— Tiếp người si tình dùng lối *tả tâm truy hồn*

8— Tiếp người lạnh lùng, dùng lối *nhiep thần nhiệm tỏa*.

Đại khái đối với mỗi hạng người, lại dùng một lối tiếp riêng.

Không thể giải-thích cặn kẽ được.

1065) *Hoa liễu* thường được dùng để trở nơi hành lạc từ nơi nhà chứa. Đây dùng để trở chung khách làng chơi.

Chơi là chơi đùa là nô đùa với khách.

Chơi cho liễu chán hoa chế : chơi nô cho khách chơi chán chế mê mệt.

« Cho lẫn lóc đá cho mê mẩn đời, (1066)

« Khi khoe hạnh khi nét ngài (1067)

« Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa. (1068)

1066) Cho lẫn, lóc đá ; làm cho kẻ vô tình như đá cũng phải lẫn-lóc theo mình. Hoặc : làm cho khách chơi say mê lẫn-lóc như hòn đá, mình vẫn đi đâu thì vẫn.

Cho mê mẩn đời : làm cho khách chơi mê-mẩn không còn biết cuộc đời là gì.

Câu trên và câu này : chơi nỏ cho nhiều cho dữ, chơi cách nào cho khách chán chê mê mệt, chơi cách nào cho khách lẫn-lóc say-mê. như thế mới là biết chơi.

1067) Khoe ; nhiều bản giảng là khoe miệng, là mấp, và khoe hạnh là cười nụ. Chúng tôi thấy hình như sai.

Người ta thường chỉ nói khoe mắt không nói khoe miệng bao giờ Cung Oán ngâm khúc có câu : *khoe thu-ba dợn sóng khuyên thành*. Và chẳng đây nói khoe hạnh nét ngài, hình như nói riêng về bộ mắt.

Khoe hạnh là khoe mắt ; mắt sắc như lá hạnh

Khi khoe hạnh là khi liếc mắt đưa tình.

Khi nét ngài là khi chau lông mày ngài, để tỏ vẻ không bằng lòng. Có bản giảng là *đưa tình* thì sai. Vì đưa tình bằng mắt, chứ không thể đưa bằng lông mày.

Cả câu : khi liếc mắt đưa tình với khách, khi thì chau mày tỏ ý chống-cự, không bằng lòng khách.

— Nếu giảng khoe hạnh là cười nụ như các bản Pháp văn và bản Bùi.Kỷ — Trần-trọng-Kim thì ý *cười cợt* sẽ-trùng-diệp, vì ở câu dưới có nói : *cười cợt hoa*. Liếc mắt đưa tình để làm say lòng khách. Chau nét ngài tỏ ý đứng đắn, khiến khách kính-nể và mơ say.

1068) *Khi ngâm ngợi nguyệt* : Khi thì làm thơ ngâm vịnh trăng.

Khi cười cợt hoa :

Khi thì cười đùa bỡn cợt với hoa. Ngâm ngợi nguyệt, cười cợt hoa, tỏ rằng mình là một người thanh-nhã biết thưởng những vẻ nhả đẹp của trăng, hoa. Và cũng để tỏ rằng, mình có tài làm thơ, có tâm-hồn mơ-mộng.

« *Đều là nghề nghiệp trong nhà*, (1069)

« *Đủ ngàn ấy nét mới là người soi!* » (1070)

Gót đầu vàng dây mấy lời.

Dường chau nét nguyệt, đường phai vẻ hồng (1071)

Những nghe nói đã thẹn thùng.

Nước đời lắm nỗi lạ lùng khắt khe! (1072)

Xót mình cửa các buồng khuê. (1073)

1069) Tất cả những mảnh-lời đó đều là những mảnh-lời trong nghề-nghiệp nhà

1070) *Người soi* : soi tiếng cò ghĩa cũng gần như *sỏi, sồi, sành sỏi* ;

Người soi tức là người biết đủ ngón.

1071) *Dường chau nét nguyệt* : nét nguyệt tức là nét lông mày hình bán nguyệt ; Kiều nghe mẹ nói, thì lông mày hình như chau lại, có vẻ chau lại. Vì thật ra nàng không dám chau mày tỏ vẻ, khó chịu, sợ mẹ Tú không bằng lòng. Nhưng lông mày nàng hình như tự nhiên chau lại.

Dường phai vẻ hồng : vẻ hồng tức sắc mặt hồng-hào, sảo hồng hào của nét mặt ; Kiều nghe mẹ nói thì sợ hãi mặt tự nhiên như tái lại, mất sắc đi.

Chi tiết trên nói sự bất-bình, chi tiết dưới tả mối sợ hãi của Kiều, khi nghe mẹ Tú giầy bảo cản kễ.

1072) *Nước đời* : Cũng như nỗi đời, trò đời.

— *Nước đây có lẽ do Nặc là bậc, quăng, chặng biến ra Nước đời là những chặng của đời người, ý nói những bước đời trải qua.*

— *Lạ lùng* : vì lần đầu tiên trong đời, Kiều được nghe những bài học tỉ-mỉ về « *nghề chơi* »

— *Khắt khe* : là ác, Kiều thấy những mảnh-lời Tú-Bà giầy nàng nó ác-nghiệt bất sức đối với khách lang chơi.

1073. — *Xót mình* : thương xót cho mình, đau xót cho mình.

Cửa các buồng khuê : chính là cửa cấp đọc sai ra là các *Cáp* là cửa buồng nhỏ, *Khuê* là cửa buồng to.

Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay ! (1074)

Khéo là mặt dạn mày dày, (1075)

Kiếp người đã đến thế này thì thôi. (1076)

Thương thay thân phận lạc loài.

Dẫu sao cũng ở tay người biết sao ! ? (1077)

Khuê-cáp là buồng kín dành riêng cho đàn bà con gái. Kiều cảm thấy đau xót thắm vì nàng vốn là con nhà Khuê-cáp. (mà nay phải học nghề Tú-Bà).

1074) *Vỡ lòng* là mở lòng, là bắt đầu học : *những nghề nghiệp hay* : những nghề-nghiệp lạ và nực cười. Vì là học vỡ lòng nên Kiều thấy đó là những nghề-nghiệp lạ-lùng tức cười,

Con gái nhà Khuê-cáp, cấm cung nơi kín cổng cao tường mà nay phải học những nghề-nghiệp hay đó, thì nghĩ cũng đau xót thật.

1075)— *Khéo* là đây có nghĩa như *đến là*.

Mặt dạn mày dày tức là mặt dày mày dạn, ý nói da mặt dày lâu không biết xấu - hổ, lông mày dạn (quen) rồi không biết chau lại tỏ vẻ bất bình nữa.

Cả câu : Kiều nghĩ nàng cũng đến là trơ không biết xấu hổ là gì.

1076) Đòi người đã đến như thế, (làm dĩ như thế, vô si như thế) thì thôi còn đáng kể gì nữa. Ý nói đời người mà đến như thế thì sống cũng như chết.

1077) Nghĩ vậy nhưng nàng không liệu được. Vốn là thân phận lạc-loài (ý nói nàng đã bán mình rồi) nên dù sao, thì nàng cũng ở trong tay người, nàng không biết làm thế nào được.

Tư - tưởng bị-động đó đưa Kiều đến chỗ truy lạc hoàn toàn. Kiều cũng biết thế là xấu hổ, là lạ lùng, là mặt dạn mày dày. là sống cũng như chết, song nàng vẫn cứ phải làm. Chỉ vì nàng yếu bóng vía, không dám phản động lại.

Lầu xanh mới rủ trướng đào. (1078)

Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người (1079)

Biết bao bướm lả ong lơi, (1080)

Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm.

Dập dìu lá gió cành chim. (1081)

1078)— *Trướng đào* là màn màu hoa đào, màn đàn bà con gái nằm.

Lầu xanh mới rủ trướng đào : trong lầu xanh Kiều mới kê giường màn nhưng màn còn rủ xuống nghĩa là Kiều chưa chịu tiếp ai. Chữ *rủ* đây rất hay. Nhờ có chữ đó mà ta biết Kiều chưa tiếp khách. Có chữ *rủ* thì câu văn tiếp theo mới có nghĩa.

Đoạn tả chị em Kiều ở đầu sách có câu :

Êm-đềm trướng rủ màn che.

Đến đây lại có chữ *rủ trướng*. Các bản khác không nên được tình-thần chữ *rủ*, thành ra câu tiếp theo có vẻ ngô-nghe.

1079)— Kiều *rủ trướng* chưa chịu tiếp ai. Nàng càng treo cao giá trị nàng lên như thế (tức là nàng càng làm cao) thì cái nhân phẩm nàng càng cao lên, khách làng chơi càng nhiều người khao - khát gặp nàng.

Đó là mảnh lời của Tú-Bà (tiếp khách hay không, có phải là quyền của Kiều đâu ?)

1080)— Vì nhân phẩm của nàng được đề cao, nên trong số các chị em trong nhà, nàng đắt khách nhất.

Biết bao bướm lả ong lơi : bướm ong lơi là kéo đến không biết bao nhiêu, ý nói khách làng chơi kéo đến bên nàng đông lắm, (bướm ong trở khách làng chơi).

1081)— *Lá gió cành chim* là lá đón gió, cành rước chim ý nói đón tiếp lắm khách.

Lá gió cành chim dịch ý câu thơ của nàng Tiết Đào đời Đường : *chỉ nghiêng nam bắc điều, điệp tống vãng lai phong*

Sớm đưa Tống-Ngọc tới tìm Tráng-Khanh (1082)

Khi tỉnh rượu lúc tàn canh. (1083)

Giật mình, mình lại thương mình xót xa. (1084)

Khi sao phong gấm rủ là, (1085)

nghĩa là : cảnh đón chim nam bắc, là đưa gió lại qua.

Dập-dù ý nói qua lại lấp-nấp.

1082) — Buổi sớm thì đưa chàng Tống-Ngọc, buổi chiều thì tìm anh Tráng-Khanh, ý nói sớm chiều đều có khách.

Tống-Ngọc là người nước Sở đời chiến-Quốc.

Tráng-Khanh là tên hiệu của Tư Mã Tương-Như đời Hán. Hai người đều văn hay chữ tốt, đẹp trai và có thói phong tình. Câu này có ý nói : Sớm chiều, Kiều đều phải tiếp khách mà toàn là khách phong lưu tài tử như Tống - Ngọc Tráng-Khanh chứ không phải là khách tầm thường.

Kiều làm cho ngôi hàng của Tú-Bà nổi tiếng.

1083) — Khi say-sưa thì Kiều không nghĩ-ngợi gì.

Nhưng khi rượu tỉnh và khi tàn canh (tức là khi trời sáng) thì nàng lại giật mình.

Khi tàn canh, tức lúc hết đêm, khách ra về.

Những lúc ấy là những lúc Kiều trở-trọi một mình buồn rầu nên nàng nghĩ-ngợi.

1084) — Nghĩ-ngợi, đến cuộc đời nàng đang sống nàng bỗng lấy làm sợ-hãi. Nàng giật mình sợ hãi và thương xót cho thân mình.

1085) — Khi xưa sao nàng như được phong trong gấm và được là rủ che bên ngoài ? Ý nói sao được quý-báu chất chiu nâng giắc như thế.

Kiều nhớ lại khi nàng ở nhà cha mẹ cấm cung trong phòng, sung-sướng sang trọng biết bao nhiêu ?

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường, (1086)

Mặt sao đầy gió dạn sương, (1087)

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân ! (1088)

Mặc người mưa Sở mây Tần, (1089)

Những mình nào biết có xuân là gì ! (1090)

1086) — Bây giờ sao nàng giống như bông hoa bị tan tảo ở giữa đường ?

Hoa tan tác ở giữa đường thì ai dầy xéo lên cũng được và chẳng ai coi ra gì. Kiều nghĩ đến cái thân phận làm gái nhà chứa.

1087) — Mặt sao mà đầy-dạn gió sương tro-tráo không biết liêm.sỉ như vậy ?

1088) — Thân sao mà dễ bướm ong qua lại chán.chường.

Những lúc tỉnh trí nghĩ lại, Kiều lấy làm kinh ngạc (giật mình) mà tự hỏi mình như trên. Nàng tự hỏi như vậy, và ngẫm nghĩ nàng không ngờ rằng nàng lại có khi làm được những việc như vậy.

1089) — *Mưa Sở* : nhắc đến Sở Tương - Vương đi chơi đất Cao-Đường gặp Vu-sơn thần-nữ trong giấc mơ nói : sớm làm mây chiều làm mưa. *Mưa Sở* nói bóng sự trai gái đi lại tình tứ với nhau. (xem lời chưa câu *Bảng khuâng đỉnh Giáp non thần ở trên*)

Mây Tần : không có nghĩa riêng gì, đặt là mây tần cho cân đối với *mưa sở* khiến lời thơ thêm đẹp.

Mưa Sở mây Tần : chỉ có nghĩa là *mây mưa*, là chữ trở bóng ái-linh giữa trai gái, theo điển Vu-Sơn nói trên.

Mặc người mưa sở mây Tần : mặc người ta gái trai ân ái.

1090) — *Những mình* : nững như mình, còn như mình, riêng mình mình.

Nào biết có xuân là gì ; nào biết có gì là tình-ái. *Xuân* đây là *xuân tình* tức là tình yêu, hay ái tình. Kiều đề mặc

Đôi phen gió tựa hoa kè, (1091)

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu. (1092)

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu ? (1 93)

cho người ân-ái với nàng. Riêng nàng chỉ như cái máy, nàng không biết cái gì là ái-tình cả. Ý nói : mặc cho người ta yêu nàng, nàng thì không có lòng yêu ai hết.

1091) — *Đôi tiếng cô*, nghĩa là nhiều, lắm.

Đôi phen là nhiều phen, nhiều khi.

Gió tựa hoa kè : tựa vào gió kè vào hoa, ý nói bóng gió và xem hoa.

Không biết ái-tình là gì, nàng thương nhiều phen tiêu. Khiến bằng cách bóng gió xem hoa.

Bản pháp-văn Nguyễn-văn-Vĩnh dịch *gió tựa hoa kè* là ngồi kè tựa với những khách làng chơi. Dịch thế có lẽ không đúng.

1092. — *Nửa rèm tuyết ngậm* : tuyết rơi xuống ngập đến nửa màn cửa (rèm là màn) câu này tả cảnh mùa đông.

Bốn bề trăng thâu : bốn bề trăng thu, trăng mùa thu chiếu sáng khắp bốn phía. Câu này tả cảnh mùa thu.

Có bản giảng trắng là trắng sáng thâu đêm. Giảng như vậy cũng có nghĩa.

Câu trên và câu này, tác giả cho biết Kiều mùa nào ngắm cảnh mùa ấy làm khuây. Và tác giả đã cố gói ghém trong hai câu thơ cảnh tượng bốn mùa tiêu biểu bằng bốn thứ : *Phong hoa* (câu trên) *tuyết nguyệt* (câu này).

1093) *Cảnh* là những cảnh *phong hoa tuyết nguyệt* nói trên.

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, ý nói những cảnh phong hoa tuyết nguyệt đẹp dễ là thế song không cảnh nào là không đượm vẻ buồn. *Đeo sầu* tức là đeo vẻ buồn, đeo sắc buồn, hay là đượm vẻ buồn.

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ! (1094)

Đòi phen nét vẽ câu thơ,

Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.(1095)

Vui là vui gương kẻ là,

Ai tri-âm đó mặn mà với ai ? (1096)

Thờ ơ gió trúc mưa mai, (1097)

1094) Tại sao những cảnh đó đều đượm vẻ buồn ? Là vì Kiều buồn nên thấy cảnh đều buồn. Người ta khi trong lòng buồn sâu, thì nhìn cảnh-vật bên ngoài cái gì cũng thấy buồn sâu. Câu này giải thích ý câu trên.

1095) *Cung cầm* : cung đàn, ý nói gảy cung đàn. *Trong nguyệt* là trong bóng nguyệt, tức là trước bóng trăng, ở chỗ có ánh trăng. *Nước cờ dưới hoa* : đánh nước cờ ở dưới giàn hoa.

Câu trên và câu này tả được cả bốn thú chơi tao nhã, phong lưu của người trí thức, văn-nhân thuở xưa : *Cầm, kỳ, thi, họa* (đánh đàn, đánh cờ, ngâm thơ, vẽ, tranh).

Kiều buồn định ngắm cảnh làm khuây, nhưng cảnh nào cũng buồn ; nàng phải mượn bốn thú chơi *cầm kỳ thi họa* để mua vui.

Nhưng nàng cũng chỉ vui gương gọi là thôi. (*Kẻ là* tiếng cổ, đây nghĩa cũng gần như *gọi là*) chứ thật ra vẫn không vui. Vì có ai là tri-âm đâu mà vui mặn-mà thành thật được ? Ý nói Kiều vẫn thấy buồn, vì không có bạn.

1096) *Tri âm* chính nghĩa là biết tiếng, có nghĩa là bạn thân thiết tri-kỷ biết được tâm-sự nhau, do điển Bá-Nhạ và Chung Tử-Kỳ đã chầu ở trên.

1097) *Gió trúc mưa mai* : Bản Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim chua là « trúc phong mai vũ, là trúc gặp gió, hoa mai được mưa.

Đây nói cảnh vui và đẹp, mà mình thờ ơ không biết đến ». Các bản Pháp-văn Nguyễn-văn-Vĩnh và M. R. cũng điều hiểu đại khái như bản Bùi-Trần.

Chúng tôi thấy bình như không đúng.

Trên đã nói các cảnh « *phong hoa tuyết nguyệt* » rồi. Đây nếu lại nhắc ý cảnh nữa thì điệp ý. Và trên đã nói « *cảnh nào*

Ngần ngơ trăm nỗi dùi-mài một thân. (1098)

Nỗi lòng đôi đoạn xa gần, (1099)

Chẳng vô mà rồi, chẳng, dần mà đau (1100)

những chẳng đeo sầu » đây nếu chưa là « cảnh vui và đẹp » thì ý trên mâu thuẫn với ý dưới.

Gió trúc mưa mai là gió mưa vào trúc mai. Trúc là cây trúc, mai là cây hương. Gió mưa vào trúc mai thì làm cho trúc mai ngã-nghiêng, nhưng không làm cho trúc mai đổi tiết (tiết là đốt : đốt tre, bương thẳng vì với tiết ngay.)

Kiều thờ ở *gió trúc mưa mai* là nàng thờ ở trước những gió mưa làm nghiêng ngã lòng nàng, không làm nàng đổi tiết được như mưa gió đối với trúc mai. Gió mưa đây nói bóng những lời tán tỉnh, mưa chuốc của làng chơi, dùng để làm lay chuyển lòng nàng cũng như gió mưa làm lay chuyển mai trúc.

Kiều không chú ý đến những lời tán tỉnh mưa chuốc của khách làng chơi.

1098) *Ngần ngơ trăm nỗi* ; nghĩ-ngợi, nhớ nhưng trăm nỗi người cứ ngần-ngơ ra, ý nói lòng nàng nghĩ ngợi nhớ nhưng bối rối vô cùng.

Dùi mài một thân : dùi mài là chăm chút làm việc, dùi mài một thân nghĩ cũng gần như thui thui làm việc một mình ý nói không ai chia sẻ đỡ dần cho (vì nàng không thấy ai là người tri-âm cả).

Đôi đoạn là nhiều đoạn, nhiều khúc.

Nỗi lòng đôi đoạn xa gần là những ý nghĩ trong lòng chia làm nhiều khúc, khúc nghĩ về chỗ xa xôi, khúc nghĩ về chỗ gần cận. Ý nói Kiều nghĩ xa nghĩ gần lẫn nỗi.

Có bản chép : *ôm lòng đôi đoạn*.

1099) Lòng nàng không ai vô mà rồi như mối tơ rồi, không ai đánh đập mà đau đớn như bị dấn.

Ý nói : Kiều nghĩ ngợi nhiều lòng riêng bối rối và đau xót.

Nhớ ơn chín chữ cao sâu, (1100)

Một ngày một ngả bóng dâu tà tà (1101)

Dặm nghìn nước thăm, non xa, (1102)

Biết đâu thân phận con ra thế này (1103)

Dầu là đánh xuống nên xuống nhiều lần và khắp chỗ như :
dầu lươn, dầu rần.

— Mấy câu này mở màn cho những ý nghĩ nhớ nhung sắp tả ở dưới.

1100) *Nhớ ơn chín chữ cao sâu* tức là nhớ ơn lớn lao của cha mẹ ; chín chữ cao sâu là chín việc to tát lớn lao, công ơn cao như trời, sâu như bể, cha mẹ đã làm cho con. Kinh Thi đã ghi chín việc đó bằng chín chữ, gọi là *cửu tự củ lao* chín chữ khó nhọc :

- 1.— *Sinh* là đẻ ra
- 2.— *Cúc* là nâng giắc
- 3.— *Phủ* là vuốt ve
- 4.— *Súc* là nuôi cho bú mớm
- 5.— *Trưởng* là nuôi cho lớn
- 6.— *Dục* là nuôi, dạy dỗ
- 7.— *Cổ* là trông nom săn sóc
- 8.— *Phục* là khuyên răn
- 9.— *Phúc* là giữ gìn che chở

Câu này ý nói Kiều nhớ cha mẹ.

1101) *Một ngày cha mẹ một già* thêm Sở dĩ có nghĩa ấy là do chữ *tang du vân cảnh* là cái cảnh chiều mặt trời xế vào cây và chữ *nhật lạc tang du* là mặt trời lặn ở ngán dâu. Mặt trời sắp lặn, ánh vàng chiều rớt lại trên ngọn dâu. Người ta lấy cảnh đó để ví cảnh già.

1102) *Dặm nghìn nước thăm non xa* : nước non xa thăm nghìn dặm. ý nói cha mẹ cách xa quá.

1103) Ở nơi xa xôi như vậy, cha mẹ biết đâu rằng thân phận nàng ra như thế. Ý nói cha mẹ nàng yên trí rằng nàng lấy Mã giám. Sinh chớ có ngờ đâu nàng phải làm gái nhà chứa.

Sân hòe đôi chút thơ ngây, (1104)

Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình (1105)

Nhớ lời nguyện-ước ba-sinh, (1106)

Xa-xôi ai có biết tình chẳng ai ? (1107)

1104) *Sân hòe* là sân có trồng cây hòe, đây tức sân nhà cha mẹ. Đời Bắc-Tống, Vương-Hựu trồng ba cây hòe ở sân, nói rằng : « con cháu ta thế nào cũng có người làm đến chức Tam-ống ». Sau quả nhiên con ông là Vương-Đán làm quan to trong Triều. Vương-Hựu trồng hòe trước sân nói như vậy là vì đời xưa ở phía ngoài sân chầu nhà Vua hay trồng cây hòe.

Do điển đó, sau người ta dùng chữ *Hòe đình* tức *sân hòe* để nói nhà có con làm nên. Đây, *sân hòe* có nghĩa là nhà cha mẹ.

Đôi chút thơ ngây đây nói Thúy-Vân và Vương Quan.

Cả câu : cha mẹ còn hai người con ngây thơ.

— Câu này tả ý Kiều nhớ các em.

1105) *Trân* đây trở các thức ăn ngon; *cam* trở các vị ăn ngọt ngon. *Trân cam* nói gồm các thức ăn ngon ngọt, ý nói các thức ngon ngọt hiểu kính cha mẹ.

Cả câu : ai dâng các thức ăn ngon ngọt lên cha mẹ thay mình (ai phụng dưỡng cha mẹ thay mình).

Kiều nghĩ lo như vậy là vì hai em nàng còn thơ ngây chưa biết gì.

1106) *Lời nguyện ước ba sinh* tức là lời thề ước, lời tề nguyện đời đời kiếp kiếp có nhau. Chữ *ba sinh* đã chưa nghĩa ở trên.

Câu này tả ý Kiều nhớ đến Kim-Trọng, là người đã thề ước với nàng.

Nhớ người đã thề thốt với mình, nhưng chỉ nói là nhớ lời thề thốt, đó là một cách nói bóng-bẩy kín đáo trong văn chương cũng như *nhớ cha mẹ* mà nói là *nhớ ơn chín chữ*.

1107) Kiều hỏi : Ở nơi xa-xôi Kim-Trọng có biết sự tình của nàng không ?

— Ai đây trở Kim-Trọng.

Khi về hỏi liễu Chương-Đài (1108)

— *Tình đây là sự tình là tình hình chứ không phải là ái tình hay cảm tình.*

— Bản Pháp-Văn Nguyễn-văn-Vĩnh hiểu *tình* là *tấm lòng* có lẽ không đúng. (*De loin, sait-il seulement tout ce qui se passe dans mon coeur ?*)

— Bản Pháp-Văn của M. R. dịch câu này ra làm :

« *Il est loin, mais qui connaîtrait mon coeur mieux que lui ?* »

Dịch như vậy, có mấy điểm sai :

Ai đây không có nghĩa là người nào, mà có nghĩa là người ấy, người mình đã quen biết nhưng không muốn nói tên ra. Ai dịch là *qui* là hiểu lầm nghĩa chữ *ai*.

Tình dịch là *mon coeur* không đúng. *Tình* đây là tình-hình sự tình.

Qui connaissait mon coeur mieux que lui ? là ai biết lòng ta hơn chàng.

Nguyễn văn không có nghĩa như thế.

1108) *Khi về* là khi Kim-Trọng đi Liễu-Dương hộ tang trở về.

Hỏi liễu Chương-Đài là hỏi thăm cây liễu ở đường Chương Đài, đây có nghĩa là hỏi thăm người tình-nhân cũ (tức Kiều).

Sở dĩ có nghĩa ấy là do điển sau này lấy ở sách *Tình-sử* : Đời Đường, Hàn-Hủ chung tình với một nàng họ Liễu ở đường Chương-Đài trong kinh-đô Trường-An. Khi đi làm quan ở xa, Hàn có biên thơ về hỏi thăm rằng :

Chương-đài liễu, Chương-đài liễu

Tích nhật thanh thanh kim tại phủ ?

Túng sử trường điều tự cựu thù

Dã ưng phan chiết tha nhân thủ

lược dịch :

Liễu ơi, hỏi liễu Chương-đài

Xưa xanh xanh biếc, hỏi nay có còn ?

Vì tơ hương vẫn xanh rờn

Cũng vào tay khác khó còn nguyên xưa !

Cảnh xuân đã bể cho người chuyên tay ! (1109)

Tình sâu mong trả nghĩa dày, (1110)

Hoa kia đã chấp cảnh này cho chưa ? (1111)

1109) *Cảnh xuân* là cảnh xanh non, đây là cảnh liễu nói trên, tức *Kiều*.

Chuyên tay là chuyên sang tay người khác.

Câu trên và câu này : Khi chàng trở về, hỏi thăm người tình nhân cũ, thì người tình-nhân ấy đã sang tay kẻ khác mất rồi : ý nói *Kiều* đã phải đi lấy người khác.

Kiều tưởng-tượng ra ngày *Kim-Trọng* trở về hỏi thăm tin nàng.

1110) *Tình sâu* : tức *tình thâm* tức *cốt nhục tình thâm* nói tắt ; *cốt nhục tình thâm* là *tình sâu ruột thịt* đây trở tình máu mủ chị em, tức là *tình máu mủ* nói ở trên (sót *tình máu mủ* thay lời nước non) ; *Kiều* muốn nói tình chị em giữa nàng và *Thúy-Vân*, *Nghĩa dày* tức là *nghĩa nặng*, *nghĩa lớn*, đây là cái *nghĩa vợ chồng* giữa *Kiều* và *Kim-Trọng*.

Cả câu : mong lấy tình máu mủ ruột thịt để trả *nghĩa lớn* ; ý nói mong nhờ *Thúy-Vân* trả *nghĩa Kim-Trọng* giúp.

Tình sâu : bản Pháp-văn của Crayssac dịch là « *amour empressé* » các bản Pháp-văn của M.R. và Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là « *amour profond* ». Chúng tôi thấy hình như đều không sát *tình thâm* nguyên văn. *Tình sâu* đây không phải là *ái-tình* giữa *Kiều* với *Kim-Trọng*.

1111) Mong như thế, nhưng không biết *Thúy-Vân* có lấy được *Kim-Trọng* không ?

Hoa kia là bông *hoa kia*, chỉ *Thúy-Vân*.

Chấp là ghép, là nối liền.

Cảnh này trở *Kim-Trọng*.

Mấy chữ *hoa kia đã chấp cảnh này* nhắc chữ trong câu thơ của *Bạch-cư-Dị* đời *đường* .

Tại địa nguyên tác liền lý chí.

nghĩa là : ở dưới đất, nguyên làm cây ghép liền *cảnh*.

Câu trên và câu này tả ý *Kiều* lo lắng cho cuộc nhân-duyên giữa *Thúy-Vân* và *Kim-Trọng*.

Mối tình đòi đoạn vô tơ (1112)
 Giấc hương-quan lưỡng mầu mơ canh dài ! (1113)
 Song sa vô vô phương trời, (1114)
 Nay hoàng-hôn đã lại mai hôn-hoàng ! (1115)

1112) Mối tình cảm của Kiều rồi ren như tơ vô nhiều đoạn : trên đã nói :

Nỗi lòng đầy đoạn xa gần
 Chẳng vô mà rồi chẳng dần mà đau
 Đây lại nói :

Mối, tình đòi đoạn vô tơ
 Tác-giả cố ý nhắc lại như thế để làm nổi bật cái tâm trạng ngồn ngang bối rối của Kiều ?

Hay là vẫn đã phạm lỗi điệp-ý ?

1113) Hương nghĩa đen là làng
 Quan nghĩa đen là cái cổng lớn,
 Hương quan nghĩa bóng là quê hương.
 Giấc hương quan là giấc mộng về quê hương.
 Mầu mơ lúc là mơ-mầu, mơ-màng.

Canh dài tức là canh trường, tức suốt canh trường từ suốt đêm.

Cả câu : suốt đêm Kiều mơ-màng đến quê-hương.

1114) — Song sa là cửa sổ che màn bằng lụa, bằng sa, ý nói cửa phòng đàn bà, nơi ở của đàn bà.

Vô vô : là thui-thui, trơ-trọi một mình.

Phương trời là ở phương trời xa cách quê-hương.

Cả câu : vô-vô một mình trong buồng ở nơi phương trời xa thăm,

1115) Hoàng-hôn và hôn-hoàng đều là lúc mặt trời vàng vàng, lúc mặt trời sắp lặn.

Nay hoàng-hôn đã lại mai hôn-hoàng : hết buổi vàng, vàng mặt trời hôm nay đã lại tới buổi vàng-vàng mặt trời

Lần lần thổ bạc, ác vàng, (1116)

ngày hôm sau ; ý nói hết chiều nay rồi lại đến chiều mai, ngày nay kế tiếp ngày kia qua đi, đều đều như nhau không có gì khác cả.

— Mấy chữ *hoàng-hôn hôn-hoàng* làm cho câu văn cân đối đều đều một dịp, và làm nổi bật cái ý *hoàng-hôn* buồn tẻ kế tiếp nhau.

— Trong một ngày buồn tẻ nhất và gọi cảm nhất là buổi hoàng hôn. Đối với kẻ lữ thứ tha hương, cảnh hoàng - hôn càng buồn càng gọi cảm. Đề là tâm-trạng nhớ quê - hương và nỗi buồn vô-vô phương trời của Kiều, tác giả nói đến những buổi hoàng - hôn, thật là đắc thiế.

Đọc câu này, chính người đọc cũng cảm thấy một nỗi buồn man-mác bàng khuâng như nỗi buồn của những buổi chiều tà nơi nước non xa lạ.

Ngoài ra, mấy chữ *hoàng-hôn* còn ấn-định thời - gian Kiều « đòi đoạn vô-tơ » và « mơ hương quan. » Nàng nghĩ ngợi bối rối, nhớ nhà nhớ người yêu vào buổi hoàng-hôn và buổi hoàng hôn nào cũng nghĩ nhớ như thế.

1116) *Lần lần* là hết lần này đến lần khác.

Thổ bạc ác vàng : Các bản Pháp văn Nguyễn - văn - Vĩnh, Grnyssac, M.R. đều dịch là *con thổ bằng bạc chim ác bằng vàng* là những chữ mặt trắng, mặt trời, (lune d'argent, soleil d'or — lièvre d'argent, corbeau d'or — l'argent du lièvre lu. noire, l'or du corbeau solaire)

Chúng tôi thấy dịch như vậy hình như không đúng.

Thổ bạc, ác vàng là mặt trắng bạc di mặt trời vàng đi.

Mặt trắng bạc đi, tức là mặt trắng về sáng ánh phai nhạt, tức đêm qua đi.

Mặt trời vàng đi, tức là mặt trời về chiều ánh vàng vàng, trở ngày sắp hết.

Bạc và vàng đây là những *động tự* chứ không phải là *danh tự*.

Xót người trong hội đoàn-tràng đòi con, (1117)

Đã cho lấy chữ hồng nhan, (1118)

Làm cho, cho hại, cho tàn cho cân, (1119)

Lần lần thổ bạc ác vàng nghĩa là lần lượt đem tàn, ngày hết ; đem ngày lần lượt qua đi.

1117) *Xót tức là thương xót.*

Người trong hội Đoàn tràng : đây tức là Thúy-Kiều. Đạm Tiên cho Kiều biết nàng là người trong hội Đoàn tràng. Đây tác giả không nói tên Kiều, chỉ nói *người trong hội Đoàn tràng*, người ta cũng đoán biết là ai; Vì ngoài Đạm Tiên đã chết, trong truyện ta chỉ biết rõ có Kiều là người trong hội đoàn tràng.

Đòi con tức là nhiều con, nhiều lúc, nhiều phen.

Câu này tác giả tỏ ý xót thương cho Kiều. Các bản Pháp văn Nguyễn-văn-Vĩnh và M.R. hiểu là Kiều thương xót cho các bạn có lẽ không đúng.

(Nguyễn-văn-Vĩnh dịch : *Sa pitié se portait vers ses compagnes de misère et maintes fois elle sanglotait.*

M.R. dịch : *Sans cesse, elle s'apitoyait sur ses compagnes aux entrailles déchirées.*

Kiều thương cho mình chưa nổi, nàng còn thương được cho ai ?

1118) *Đã cho tức là trời đã cho.*

Chữ hồng nhan tức là cái sắc đẹp,

Hồng nhan là chữ Hán nghĩa là mặt đỏ, là má hồng trở nên bà đẹp.

Chữ hồng nhan vừa có nghĩa là chữ Hồng-Nhan trong sách tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh, vừa có nghĩa bóng là vẻ đẹp của người đàn bà.

1119) *Làm cho tức Trời làm cho.*

Câu trên và câu này :

Trời đã cho ai cái sắc đẹp, thì Trời làm cho người ấy phải thiệt hại phải điêu tàn cho cân với cái sắc đẹp ấy ;

Đã đầy vào kiếp phong trần (1120)
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi (1121)
Khách du bồng có một người, (1122)

ý nói trời đã cho ai cái sắc đẹp, thì trời bắt phải chịu cực nhục đủ điều.

Cũng như câu « *thương người trong hội đoạn trường...* », câu này là-lời tác-giả diễn tả ý « *hồng nhan bạc mệnh* » Các bản Pháp văn Nguyễn-văn-Vĩnh, M.R. cho là lời Kiều nói, huy ý Kiều nghĩ thì sai.

1120) *Đã đầy* : Trời đã đầy.

Kiếp phong trần : đời gió bụi, tức là cuộc đời trôi giạt như bụi cát bị gió thổi đi.

Cả câu : Trời đã đầy người ta vào cuộc đời trôi giạt.

1121) Thi thế nào trời cũng làm cho sỉ-nhục một lần mới thôi.

Cũng như mấy câu trên, câu này là ý-kiến của tác-giả, chứ không phải ý nghĩ của Kiều.

1122) *Khách du* ; các bản Pháp văn đều muốn hiểu là *người khách chơi*. (Bản Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là : *habitué de la maison*, — bản Crayssac dịch là *Client* — bản của M.R. dịch là *hôte*)

Hiểu như vậy hình như không đúng.

Khách du không phải là người khách chơi. Nếu muốn nói người khách chơi thì phải viết *du khách* hoặc nói nôm là *khách chơi*, chứ không viết *khách-du* được.

Vì *khách-du* và *du-khách* chữ Hán mỗi chữ có một nghĩa khác nhau.

Khách-du là chơi nơi quê người đất khách, là lênh-dênh nơi đất khách, *khách* đây không phải là người khách, mà là nơi xa quê hương tức nơi quê người đất lạ.

Kỳ-Tâm họ Thúc cũng nói thư-hương; (1123)

Vốn người huyện Tích châu Thường (1124)

Theo nghiêm-đường mở ngôi hàng Lâm-truy (1125)

Du-khách là người khách đi chơi. *Khách ở đây* mới là người khách.

Khách-du bằng có một người : là trong số người ở phương xa đến lập nghiệp tại đất Lâm-Truy có một người hoặc có một người ở miền khác đến cư-ngụ miền này.

Đây mới nói lai-lịch Thúc-Sinh chứ chưa nói Thúc-Sinh đến chơi ngôi hàng Tú-Bà.

Chữ *khách* đặt ở trên động-tự chữ Hán. đều có nghĩa là ở nơi xa quê-hương, ở nơi đất lạ. Thí dụ như :

Khách-cư là ở nơi đất khách

Khách-trú là ở trú ngụ nơi đất khách

Khách-thương là buôn bán ở nơi đất khách.

1123) *Kỳ-Tâm họ-Thúc* : người ấy là người họ Thúc, tên gọi Kỳ-Tâm.

Nói thư-hương : giống thư-hương, giọng thư-hương, giọng giỏi thư-hương, tức là giọng giỏi nhà đọc sách, giọng-giỏi nhà nho.

Thư hương nghĩa đen là mùi thơm của sách vở, nghĩa bóng là nhà học trò.

1124) *Huyện-Tích* tức huyện Vô-Tích, đời Minh thuộc Thường-Châu, nay thuộc đạo Tô-Thường tỉnh Giang-Tô.

Câu này kể quê-quán Thúc-Kỳ-Tâm, đồng thời giải-thích hai chữ « *khách-du* » ở trên.

1125) *Nghiêm-đường* trở người bố, vì đạo làm bố quý nghiêm. Mẹ thì gọi là *từ đường*

Thúc Kỳ-Tâm theo bố đến mở hiệu buôn ở Lâm-Truy.

Hoa-khôi mộ tiếng Kiều nhi, (1126)

Thiếp hồng tìm đến hương-khuê gửi vào. (1127)

Trướng tô giáp mặt hoa đào, (1128)

1126) *Hoa khôi* là đứng đầu các hoa, chính là chữ chỉ hoa Mai, vì hoa Mai nở trước mọi thứ hoa (*tiên chiếm bách hoa khôi*) đây mượn đề nói người con gái nhan sắc đứng đầu bọn con gái.

Mộ là hăm mộ.

Kiều-nhi tiếng tàu nghĩa cũng như nói nàng Kiều có Kiều.

Chữ *Nhi* của tàu có nhiều nghĩa khác nhau, dùng cho cả người, loài vật, đồ vật, giá trị gần như mạo - tự *le, la* của Pháp và gần như mạo-tự *con* hay *cái* của ta.

Thi dụ như *Nữ-nhi* là con gái ; *nam-nhi* là con trai ; *yến-nhi* là chim én ; *oanh-nhi* là chim oanh ; *hoa-nhi* là bông hoa ; *trà-nhi* là cây trà ; *nguyệt-nhi* ; là mặt trăng.

1127) *Thiếp hồng* do chữ Hồng Tiên là thứ thiếp đề tên để gửi vào thăm Kỹ-nữ hay Phụ-nữ.

Nguyên đời Đường kinh đô Tràng-An có xóm Bình-khang, là xóm Kỹ-nữ. Hằng-năm, các vị tiên-sĩ tân khoa sau kỳ thi thường hay dùng danh thiếp giấy dó gửi vào chơi bời với các kỹ nữ ở xóm đó.

Sách *Toàn Đường thi thoại* chép rằng Bùi-tư-Khiêm sau khi đỗ tiến sĩ, lấy giấy dó làm mấy chục danh-thiếp giắt trong mình, tới chơi xóm Bình-Khang. Do đó, sau người ta dùng chữ Hồng - Tiên để trở thiếp danh hoặc thư tín gửi cho phụ nữ.

Hương khuê là cửa buồng thơm, đây trở buồng thơm là nhỏ ở cửa đàn bà con gái.

1128) *Trướng Tô* dịch chữ *lưu tô trướng* là thứ màn có tua kết chân chỉ hột bột, tức là màn đàn bà, dùng đề nói buồng đàn bà ở.

Vẻ nào chẳng mặt, nét nào chẳng ưa ? (1129)

Hải-đường mơn mớn cảnh tư, (1130)

Ngày xuân càng gió, càng mưa càng nồng ! (1131)

Mặt hoa đào tức là mặt người gái đẹp, hồng hào xinh tươi như hoa đào. Đây trở mặt Kiều.

Nghĩa lấy do câu thơ Thôi-Hộ đời Đường ;

Khử niên kim nhật thử môn trung

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Nghĩa là :

Năm ngoái ngày này ở cổng đây

Hoa đào với mặt đỏ hây hây

Ý nói : mặt người dọi vào hoa đào, hoa đào chiếu về hồng vào mặt người, hai bên đều nhờ nhau mà hồng - hào xinh tươi. 1429) *Vẻ nào chẳng mặt* : vẻ nào cũng mặt mà có duyên.

Nếu là văn xuôi thì câu này phải viết ;

Không vẻ nào là vẻ chẳng mặt,

Không nét nào là nét không ưa.

Nét nào chẳng ưa : Không nét nào là nét chẳng ưa, nghĩa là nét nào cũng ưa cả.

Vẻ là màu sắc đáng-dấp.

Nét là nét lông mày, (nét ngài) nét mặt...

Cả câu : Thúc Ky-Tâm thấy Kiều xinh đẹp vẻ nào cũng mặt mà đáng yêu.

1130) Kiều trẻ đẹp như cảnh hoa hải-đường mơn mớn đang xuân.

Cảnh tư là cảnh non, cảnh đang xuân.

Vẻ đẹp của Kiều với sắc đẹp của hải đường rất đúng vì Kiều đẹp một cách lồ lộ lộng lẫy sắc sảo như vẻ đẹp của hải đường.

1131) Hoa hải đường về mùa xuân càng gặp mưa gió coi càng đẹp thêm.

Nguyệt hoa, hoa nguyệt nảo nùng, (1132)
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng ! (1133)
Lạ gì thanh khí lẽ hằng, (1134)

Càng nồng tức là sắc đẹp càng nồng mặn càng đậm thắm, đây tác-giả có ý ví Kiều với hoa Hải-đường. Hải-đường càng gặp gió mưa mùa xuân, sắc càng đẹp cũng như Kiều càng gặp những nỗi dầy vò khó chịu, người càng xinh tươi.

Mưa gió đây không dùng theo nghĩa mây mưa trai gái trong điển Vu-Sơn.

1132) *Nguyệt-hoa* hay *hoa-nguyệt* trở gồm những truyện trắng-hoa trai gái ;

Nảo-nùng đây nghĩa là thắm-thía say-sưa.

Kiều và Thúc truyện-trò trắng-hoa say sưa với nhau.

1133) *Đêm xuân* đây vừa là đêm mùa xuân, vừa là đêm xuân ái. Ai dễ cầm lòng được chẳng ? tức là không ai cầm lòng được, không ai có thể giữ gìn trái tim sắt đá được, Ý nói Kiều trước kia thờ ơ gió trúc mưa mai, những mình nào biết có xuân là gì, thì nay gặp lúc đêm xuân truyện-trò trắng-gió với họ Thúc, nàng không cầm lòng nổi nữa : lòng nàng đã xiên rồi, nàng đã coi họ Thúc là tri âm.

Câu này, tác-giả viện lý để giải thích cái thái-độ mới mẻ Kiều đối với một người khách làng chơi.

1134) *Thanh khí lẽ hằng* : lẽ thường của những kẻ đồng thanh đồng khí.

Hai chữ *thanh-khí* nhắc câu kinh Dịch : *Đồng thanh tương ứng đồng-khí tương cầu* » nghĩa là : Cùng một thứ tiếng thì đáp nhau, cùng một thứ hơi thì tìm hợp với nhau.

Câu này có ý nói : Kiều và Thúc Kỳ-Tâm yêu đương nhau say sưa nhau cũng không có chi lạ vì hai bên cùng *thanh-khí* với nhau, tức là cùng trẻ như nhau, cùng có tài

*Một dây, một buộc, ai giăng cho ra ?
Sớm đào tối mạn lán-la (1035)*

như nhau. Cũng như câu trên, câu này tác-giả viện lý để bênh vực cho mối tình của Kiều đối với Thúc-Sinh.

Tác giả phải bênh vực Kiều như vậy, là vì đến đây nàng quả đã quên Kim-Trọng để đem tình yêu cho người khác.

1135) *Sớm đào tối mạn lán-la* : các bản Pháp-văn Nguyễn-văn-Vĩnh và của M. R. đều hiểu *sớm đào tối mạn* là sớm cho nhau quả đào tối cho nhau quả mạn, theo chữ « *Đào đào báo lý* » : (đầu ngã dĩ đào, ngã báo dĩ lý ; cho ta quả đào ta trả lại quả mạn) trong kinh Thi.

Hiểu như vậy có lẽ không đúng. Vì hiểu như vậy thì bỏ mất ý « *lán-la* ».

Bản Pháp-văn của Crayssac dịch « *e'taient des pêchers le matin, et le soir pruniers* » (sớm là những cây đào, chiều là những cây mạn) nghe không ra sao.

Theo ý chúng tôi, giăng là sớm cho nhau đào, tối cho nhau mạn, hoặc sớm ôm đào, tối ấp mạn, đều không xuôi

Sớm đào tối mạn lán-la có lẽ chỉ có nghĩa là : *sớm tối lán-la đi lại*.

Hai chữ *Đào lý* ở đây chỉ dùng để gợi ý đi lại lán-la mà thôi.

Sở dĩ có nghĩa ấy là do câu ngạn-ngữ Tàu chép trong « *Hán-thư* » ;

Đào lý bất ngôn hạ tự thành hề

Nghĩa là *Đào mạn không nói mà gốc tự thành lối đi*.

Nhan sư-Cổ đã chua nghĩa câu ngạn-ngữ trên như thế này :

« *Hề* là đường tắt, ý nói vì cây đào cây mạn có hoa có quả, nên dù chẳng chào mời ai, mà người ta cũng cứ tranh nhau qua lại không ngót dưới gốc, tự nhiên thành lối đi, »

Trước còn trắng gió, sau ra đá vàng. (1136)

Dịp đầu may mắn lạ đường :

Lại vừa gặp khoảng xuân-đường lại quê, (1137)

Sinh càng một tỉnh, mười mê, (1138)

Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân. (1139)

Khi gió gác, khi trắng sân,

1136) *Trước còn trắng gió* ; Lúc trước chỉ nói truyện trắng gió nhân tình nhân nghĩa với nhau. Trai gái phải lòng nhau (thường hay truyện trò bằng quơ về trắng về gió.

Sau ra đá vàng : đến sau, thì Kiều và Thúc Sinh thề nguyện quyết lấy nhau làm vợ chồng.

Đá vàng đây có nghĩa là lời thề-nguyên kiên-quyết như lời ghi tạc trên bia đá, đỉnh đồng chuông đồng.

Vàng dịch chữ Kim là kim loại. kim thuộc là chất thuộc loài kim. chứ không có nghĩa là vàng.

Ban đầu Kiều và Thúc Sinh bắt nhân tình nhân nghĩa với nhau, đến sau thì hai người tính việc lấy nhau.

1137) *Xuân đường lại quê* : ông hồ trở lại quê hương. Gặp lúc ông bố về nhà quê (Vô tích) Thúc Sinh được tự do chơi bời.

1138) *Một tỉnh mười mê* : một phần tỉnh mười phần mê, ý nói Thúc Sinh say mê say một cô Kiều.

1139) *Ngày xuân* : ngày mùa xuân. Bấy giờ vào mùa xuân.

Đi về với xuân : đi về với tỉnh. *xuân* đây có nghĩa là xuân tình tức tình yêu trai gái, hay ái tình nghĩa này do câu chữ tàu trong kinh Thi : *Hữu nữ hoài xuân : có cô con gái nhớ xuân tình.*

Cả câu : Ngày xuân. lắm lúc Thúc-Sinh đi về qua lại với Thủy . Kiều, sở dĩ chàng đi về lắm lúc như vậy là vì ông bố về quê vắng, chàng được tự do.

Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ, (1140)

Khi hương sớm, khi trà trưa,

(1140) *Khi gió gác khi trăng sân* : khi bóng gió ở trên gác (lầu) khi ngấm trăng ở ngoài sân, Ý nói Thúc - Sinh và Kiều quần quít với nhau, một bước không rời, đi đâu cũng cùng đi với nhau.

Bầu tiên chuốc rượu : chuốc bầu rượu tiên.

Câu thần nối thơ : nối câu thơ thần.

Chuốc tức là chước nghĩa là rót rượu mời nhau.

Bầu là cái bình, cái lọ làm theo hình quả bầu nậm, đây là cái be, cái nậm làm theo hình quả bầu nậm.

Rượu tiên : rượu ngon, quí, hình như là rượu trường sinh trên cõi tiên, cũng có nghĩa là Thúc Sinh và Kiều cùng nhau vui miệng uống nhiều rượu mà không say, tưởng như là rượu tiên.

Nối tức là chấp liền, nối liền ; *nối thơ* là cùng nhau *liên ngâm*. *Liên ngâm* tức là ngâm thơ nối liền câu với nhau. Đó là một lối chơi thơ của thi nhân thời xưa : người này nghĩ đọc lên một câu thơ, người kia liền nghĩ đọc tiếp theo một câu thơ khác, rồi người đọc trước lại đọc luôn câu thơ nữa, và người thứ hai lại đọc kế tiếp luôn một câu, mỗi người lần lượt nghĩ một câu, cho tới khi nào thành một bài thơ trọn lời trọn ý mới thôi.

Thí dụ, hai người ước định với nhau liên ngâm một bài thơ thất ngôn bát cú (mỗi câu 7 chữ, một bài 8 câu) thì người thứ nhất phải nghĩ làm những câu 1, 3, 5, 7, người thứ hai phải nghĩ làm những câu 2, 4, 6, 8. Lối chơi thơ này phải là những người có tài thơ, và có tài làm thơ mau chóng mới chơi được. Vì người trước đọc một câu thì người sau đọc nối luôn câu khác ; câu ấy không những phải hợp vần hợp điệu với câu trên, mà ý từ lại phải hoặc ăn khớp, thừa tiếp, quán xuyên, hoặc phải đối chọi với ý câu trên.

Có bản chưa là *họa thơ* thì không đúng.

— Câu này gián tiếp cho biết Thúc-Sinh là một văn-nhân có thi tài, ít ra cũng xứng đáng với tài-hộ Thúy - Kiều.

Bàn vầy điếm nước, đường tơ hòa đàn(1141)

1141) Khi thì cùng nhau xong hương (cũng như ngày nay dùng nước hoa trang điểm) buổi sớm; khi thì cùng nhau uống trà buổi trưa. Khi thì cùng nhau đánh cờ, khi thì cùng nhau hòa nhạc.

Bàn vầy điếm nước : *bàn vầy* là bàn cờ vầy, dịch chữ Hán *Vĩ kỳ* 圍棋 là đánh cờ vầy, một lối chơi cờ của người Trung Hoa thời trước, khác lối chơi cờ tướng của ta hiện giờ.

Điếm nước là thỉnh thoảng đi một nước cờ, như kiểu xem ván chằm điếm, ý nói nghĩ,ngợi tính-toán thỉnh-thoảng mới đi một nước. Hai chữ *điếm nước* rất gợi hình và rất sát thực. Chơi cờ thỉnh thoảng người ta nhắc quân cờ lên đặt vào nước mới, coi như hạ bút chằm điếm bài văn.

Bàn vầy điếm nước đây chỉ có nghĩa là đánh cờ.

Đường tơ hòa đàn : hòa đàn sống nhau trên những đường dây tơ. Hòa đàn thì trước hết mỗi người cầm một cây đàn, so dây nắn phím, lựa cho cung-bạc, âm thanh ăn khớp nhau, rồi mới cùng nhau cũng đờn một bài, khiến hai cây đàn nhịp-nhàng hòa trộn với nhau, người ngoài nghe như tiếng một cây đàn.

Các bản đều chép là *họa đàn*. Chúng tôi cho là chép sai. Người ta chỉ *họa thơ* với nhau không ai *họa đàn*. Người ta thường chỉ nói *hòa đàn*, *hòa nhạc*. Chữ *họa* với chữ *hòa* chữ nôm viết như nhau, nên ngờ rằng các bản trước đã chép nhầm *hòa* làm *họa*.

— Trở lên bốn câu tác giả đã gói ghém được bốn thú chơi thanh nhã của văn-nhân tài-tử thời xưa. : *cầm*, *kỳ*, *thi*, *tửu*, (đánh đàn, đánh cờ, ngâm thơ, uống rượu) và đủ tả gồm được cả những cảnh, những vật khiên hứng tiêu-sầu *phong nguyệt hương trà*.

Miệt mài trong cuộc truy-hoan (1142)
Càng quen thuộc nết, càng dần dịu tình. (1143)
Lạ cho cái sóng khuynh thành, (1144)
Làm cho đồ quán, xiêu đình như chơi ! (1145)

— Bằng bốn câu này, tác-giả muốn nói trong các cuộc tiêu sấu khiến húng bằng cảnh vật hay bằng thú chơi lúc nào và ở đâu Thúc-Sinh và Kiều cũng bận bịu sát cánh nhau, rất thân mật tương đắc. Tác-giả lại gián-tiếp cho biết Kiều và Thúc-Sinh là những tao nhân mặc-khách, say nhau vì sắc, yêu nhau vì tài. Ái-tình giữa hai người khác hẳn ái-tình những người phạm phu tục tử; ái-tình ấy phát lộ ra bằng những thú chơi thanh-nhã, trong những buổi gió mát trăng trong, qua mùi hương, qua vị trà, một ái-tình thanh-cao giữa giai-nbân tài-tử vậy.

1142) *Miệt-mài* là *mài miệt*, say mê không nghĩ đến việc khác.

Truy hoan là theo đuổi sự vui chơi. Cuộc truy hoan gồm những thú vui gì, ở trên đã tả (xem những câu trên).

1143) *Càng quen thuộc tính nết* nhau, hai người càng dần dần yêu nhau.

Dần-dần là *ràng buộc, dính-liu, quấn quít* với nhau.

1144) *Sóng khuynh thành* : *Sóng* đây chỉ con mắt của đàn-bà đẹp. *Mắt* đàn-bà đẹp người ta thường ví như *nước thu* như *sóng thu* (nhõn như *thu thủy* — làn *thu thủy* — khoe *thu-ba*) ; *Khuynh-thành* là nghiêng thành, đây ám chỉ cái liếc nhìn của đàn-bà đẹp. Thơ Lý-duyên-niên tả đàn-bà đẹp có câu :

Nhất lộ khuynh nhân thành (liếc một cái làm đổ thành người ta).

Hai chữ *khuynh thành* nhắc tóm tắt câu thơ trên. *Mắt* và cái liếc *mắt* đây tượng-trưng cho sắc-đẹp quyến-rũ, say-sưa, mê hồn của người đàn-bà.

1145) *Đồ quán xiêu đình như chơi* : nhắc câu ca-dao của ta : *chơi cho đồ quán siêu đình*.

*Thúc-Sinh quen thói bốc rời (1146)
Trăm nghìn đồ một trận cười như không ! (1147)*

Trên có chữ *khuyh* là nghiêng, dưới nói đồ và xiêu ý trên dưới ăn khớp nhau, vẫn thật có màu vậy.

— *Sóng khuyh* thành lẽ ra làm đồ thành, đồ nước. Đây chỉ nói đồ quán xiêu đình, có lẽ vì Thúc-Sinh là thường dân, không có thành có nước, mà chỉ có cái cửa hàng to như quán như đình là cùng.

1146) *Bốc rời* : bốc cả đồng tiền rời mà tiêu, không đếm là bao nhiêu, ý nói ăn tiêu hoang-phí, rộng rãi không tiếc tiền.

Nhiều bản chép là *bốc giới* hay *bốc trời* và giảng là dịch chữ *thao thiên công tử* tức công tử ngắt trời, ý nói chơi ngông, cũng như ta nói « bán trời không bán tự » Chúng tôi thấy câu-ký quá, và hình như không hợp với tinh-thần câu văn. Theo tinh-thần câu văn thì *bốc rời* đây phải nói về sự không tiếc tiền thì chuyển xuống ý *trăm nghìn* ở dưới mới hợp. Và chẳng tiếng thông tục ta thấy vẫn có tiếng *bốc rời*. Vậy tưởng đề *bốc rời* đúng hơn.

1447. — *Trăm nghìn* tức là trăm lạng vàng, nghìn lạng vàng, ý nói nhiều tiền.

Trăm nghìn đồ một trận cười như không : Đồ trăm lạng vàng nghìn lạng vàng ra mua lấy một trận cười mà vẫn như không có sự gì xảy ra, ý nói không tiếc gì.

Chủ từ của *động-tự* đồ trong câu này là Thúc-Sinh ở câu trên chuyển xuống.

Câu này nhắc ý câu thơ của Vương-tăng-Nhự.

Nhất tiểu thiên-kim mãi nghĩa là mua một cái cười mất nghìn vàng.

Câu trên và câu này : Thúc-Sinh vốn người ăn tiêu hoang-phí, bỏ ra bao nhiêu tiền mua lấy trận cười của Kiều cũng không tiếc.

Mụ càng tô lục chuốt hồng, (1148)
 Máu tham hẽ thấy hơi đồng thì mê. (1149)
 Dưới trăng, quỳnh đã gọi hè,
 Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bóng (1150)
 Buồng the phải buổi thong dong,
 Thang lan rủ bức trướng hồng tẩm hoa.(1151)

1148) — Tô lục chuốt hồng : Tô điểm mái tóc màu lục, chải chuốt má hồng môi son, ý nói Tú-Bà thấy Thúc-Sinh bỏ ra nhiều tiền, Mụ càng chải-chuốt tô-diềm, may mặc phần sấp cho Kiều thêm óng-ả xinh-đẹp để làm say-mò Thúc-Sinh.

1149,) Hơi đồng tức Đồng-xu 銅臭 là hơi tiền tức hơi đồng là mùi tiền bạc.

Câu này giải thích ý câu trên. Mụ Tú tô lục chuốt hồng là vì Mụ có máu tham thấy tiền thì tối mắt lại.

Thật tâm Mụ không yêu mến gì Kiều.

1150) Ban đêm đã có tiếng quốc kêu. Quỳnh tức chim đố quỳnh là chim quốc. Quỳnh đã gọi hè là quốc đã kêu như gọi mùa hè tới.

Ở đầu tường, tức là giáp tường, góc tường, cây thù-lựu đã nở hoa đỏ chói như lửa ? Hoa lựu đỏ chói và nở về mùa hè.

Hai câu này tả cảnh mùa hè, để chuyển xuống việc Kiều tẩm ở dưới.

Mỗi câu văn tả cảnh của tác-giả đều có một dụng ý riêng, chứ không tả cảnh đề mà tả cảnh hoặc gây dư-ba cho đoạn văn

1151) Buồng the là buồng che màn bằng the tức buồng phụ-nữ, đây là buồng Kiều.

Buổi thong-dong là buổi rỗi-rảnh, ý nói lúc rỗi việc

Buồng the phải buổi thong dong : gặp buổi rỗi việc buồng the.

Thang lan là nước hoa lan nấu lên, cho thơm để tẩm : tẩm thang lan cũng như ta tẩm nước lá mùi hay nước lá bưởi

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà, (1152)
Dày-dày sần đúc một tòa thiên-nhiên (1153)
Sinh càng tỏ nét càng khen, (1154)

Trương hồng : màn đỏ ; vậy màn đề tắm.

Tắm hoa là tắm cho hoa, đây là tắm cho người đẹp như hoa.

— Các bản trước đều chép là *tắm hoa*, có lẽ không đúng. *Tắm hoa* là ngâm cho nước thấm vào hoa. *Tắm hoa* là gọi rửa cho sạch hoa.

Kiều tắm mà gọi là *tắm hoa* thì không đúng.

Chữ *tắm* và chữ *tầm* chữ nôm có thể viết giống nhau, nên các bản chép lầm.

Câu trên và câu này : gặp buổi thong thả, Kiêu buông màn tắm nước nóng.

1152) *Trong ngọc trắng ngà* : thân thể Kiêu trắng như ngà, trong như ngọc, không có một vết tí ố nào. Việc Thúc Sinh tò mò vào trong màn hồng để thấy « rõ ràng trong ngọc trắng ngà », cho ta biết giữa chàng và Kiêu, mối tình đã mật-thiết, nồng nhiệt đến mức nào.

1153) *Dày dày nghĩa cũng như lồ lộ*.

Sần đúc một tòa : một tòa là một tòa tượng, tức là một pho tượng, đúc sần. Nói tòa người ta biết là nói tượng. vì ngày xưa người ta thường gọi tượng bằng tòa, như *tòa Cửu long* *tòa Tam thế*. Tác-giả muốn nói thân-thể nàng Kiêu lồ-lộ như một pho tượng do trời đúc sần. Người đời thân-thể ai cũng có chỗ đáng chê, hoặc về phương diện này hoặc về phương diện khác. Duy có tượng đúc là thân-linh hoàn-toàn, vì khiên-cứu sửa chữa đến chỗ hoàn-mỹ mới đúc. Cái thân-hình đều đặn, trong trắng không vết của Kiêu, coi như một pho tượng trời đúc sần ra, ý nói trần gian không có thân hình nào đẹp như thế.

1154) *Tỏ nét* là biết rõ những nét thân-thể như nét cong, nét lượn... ý nói biết rõ thân-hình Kiêu.

Ngụ tình tay thảo một thiên luật đường, (1155)

Nàng rằng: «vàng biết ý chàng,

«Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu (1156)

« Hay hèn lẽ cũng nổi điều (1157)

Các bản trước phần nhiều phép là *nết*, e không đúng. Đây nói về thân-hình Kiều, không nói về đức-tính nàng. Nếu đề là *nết* thì ra nói về tính-nết, đức hạnh của nàng ư? Và chẳng trên đã nói đến *nết* rồi (càng quen thuộc *nết*) nếu nói *nết* nữa thì điệp ý.

Cả câu: Thúc-Sinh thấy rõ người nàng càng khen ngợi (vì nàng có một thân hình tuyệt-mỹ, coi như một pho tượng thiên-nhiên).

1155) *Ngụ tình* là ngụ những cảm-tình, những tình ý đem tình ý cảm tình ngụ vào thơ. *Tay thảo* là tay viết ra.

Một thiên luật đường là một bài thơ luật đường. Từ thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt. Đây là Thúc-Sinh thảo một bài thơ luật đường bát cú vịnh Kiều lắm — đề ngụ ý khen ngợi sắc đẹp nàng, câu này cho biết thêm về tài-hoa của Thúc-Sinh.

1156) *Lời lời châu ngọc*, lời nào cũng là lời quý đẹp như châu như ngọc, Kiều khen từ thơ hay.

Hàng hàng gấm thêu: hàng chữ nào cũng đẹp như gấm thêu. Kiều khen chữ Thúc-Sinh viết tốt.

1157) *Nổi điều* Nổi lông đuôi điều. *Điều* 貂 là một loài chuột lớn hơn con sóc, đuôi to lông dài đến một tấc, sắc vàng hoặc đen tía, hay ở rừng núi miền lạnh. Đời Hán các quan Ngự Sử dùng lông đuôi con điều làm chòm mũ. Đến cuối đời Tấn chức ngự-sử đặt ra quá nhiều, lắm người không có tài đức gì cũng được sung chức ấy. Nhân dân thời ấy không phục, thường có câu *Điều bắt tặc cần vỹ tục* 貂不足狗尾續 nghĩa là lông đuôi điều không đủ thì lấy lông đuôi chó mà nối vào, có ý chế-nhạo các ông Ngự-sử. Nhân câu đó, sau này, phạm làm việc gì học đòi người khác, người ta thường nói nhưn *tục điều* tức nổi đuôi điều: hai chữ *nổi điều* đây dịch chữ *tục điều*

« *Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang-ngang !* (1158)

« *Lòng còn gửi đám mây Hàng* (1159)

« *Họa vắn xin hãy chịu chàng hôm nay* » (1160)

cũng là lời Kiều tự nhủ, có ý ví thơ của Thúc-Sinh như đuôi diều, thơ của mình như đuôi chó : nỗi điều ở đây tức là hợp thơ.

Cả câu : Dù hay hay dở, đáng lẽ Kiều cũng phải họa vắn thơ của Thúc-Sinh.

1158) *Nỗi quê* tức nỗi lòng quê, nghĩa là nỗi lòng nhớ quê-hương, nhớ nhà.

Ngang-ngang : chan chán . không ra buồn, không ra lo trong lòng nghĩ cứ chan.chán thế nào, không muốn làm gì cả.

Cả câu : Vì nhớ quê-hương nên lòng cảm thấy đôi điều chan.chán làm sao

1159) *Mây Hàng* là mây trên núi Thái-Hàng. Đời Đường Dịch-nhân Kiệt được bổ làm Pháp-Tào Tham-Quân ở thành Tĩnh-Châu. Cha mẹ thì ở đất Hà-Dương, xa Tĩnh-Châu những mấy ngày đường.

Một hôm Dịch lên núi Thái-Hàng nhìn thấy một chòm mây trắng bay một mình (bạch vân cô phi) bèn bảo tả hữu :

(*Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây đó* » Dịch ngắm-ngồi giờ lâu, đợi đám mây bay khuất mới về Do điển này, nay trong văn-chương người ta thường dùng những chữ *Bạch vân*, *mây trắng*, *Mây Hàng*, *Mây bạc* để nói ý nhớ nhà, nhớ cha mẹ.

Lòng còn gửi đám mây Hàng là lòng còn đề vào nơi nhà cha mẹ, ý nói nhớ nhà.

— Có bản chép là *mây vàng* và viện câu thơ cổ *Thiên-thương hoàng vân ảnh du tít hà thời qui* (Trên trời bóng mây vàng gã xa nhà bao giờ về) để nói rằng *mây vàng* hàm ý nhớ nhà. Cũng có lý. Nhưng nhiều người quen kể là *mây hàng*.

1160) *Họa vắn* là họa vắn thơ, họa thơ theo vắn nguyên-xương Thi dụ bài thơ nguyên-xương có 8 câu năm vắn (năm chữ vắn với nha ở cuối câu) là *án, cần, lân, ngừn, thần*, thì

Rằng: « sao nói lạ-lùng thay !

« Cảnh kia chẳng phải cõi này mà ra ? » (1161)

Nàng càng ử rột thu ba, (1162)

bài thơ họa cũng phải có 8 câu và những câu 1, 2, 4, 6, 8, cũng phải tận cùng bằng những chữ *án, cần, lần, ngàn, thân, như* bài nguyên xướng.

Chịu : đây nghĩa là *chịu lại*, chưa trả, khát đến sau sẽ trả (nợ).

Hai người chơi thơ với nhau, người này làm một bài đưa cho người kia, thì người kia có phận-sự phải họa vần trả lại, cũng như ta đáp lễ theo phép xã-giao. Nhận được thơ người ta mà chưa họa vần được, tất phải khát đến khi khác và như thế tức là *chịu* người ta một bài thơ, chưa trả cũng như là *chịu* một món nợ vậy.

Kiều khát với Thúc-Sinh việc họa vần đến hôm khác cũng như Kiều khát nợ.

Câu trên và câu này mới nghe bình như là điệp ý với hai câu « Hay hèn. . . Nỗi quê » ở trên. Thật ra, hai câu này giải thích và làm sáng thêm ý hai câu trên.

1161) *Cảnh kia* ám chỉ nàng Kiều : *Cõi này* ám chỉ Tú Bà Thúc-Sinh vẫn tưởng Kiều là con đẻ của Tú-Bà. Vì Tú-Bà tự xưng là mẹ, và nhất là thấy Kiều được Tú-Bà chiều chuộng hơn hết bọn con em trong nhà (Mụ càng tô lục chuốt hồng.)

1162) *Ử rột* là kém tươi, béo sầu.

Thu ba là sóng mùa thu, đây trở con mắt trong dợn như ánh nước mùa thu.

Nghe Thúc-Sinh hỏi câu ấy, mắt Kiều bỗng kém tươi,

— Có lẽ vì nàng cảm thấy nỗi đau lòng phải ở vào hoàn cảnh làm con em Mụ Tú.

— Hai chữ *ử rột* ở đây dùng không được sát. Người ta chỉ nói *ử rột nét hoa*, hay *ử rột mặt hoa*, có ý ví gương mặt

Đoạn-trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh. (1163)

**Thiếp như hoa đã lìa cành, (1164)*

**Chàng như con bướm lượn vành mà chơi. (1165)*

với bông hoa ; và nét mặt lúc buồn cũng như bông hoa ử héo không tươi. Những chữ ử héo, ử rột là những chữ dùng riêng để nói về hoa, lá.

Vậy mà ở đây, tác-giả lại nói ử rột thu ba. Thu ba hay róng mùa thu thì tươi như thế nào ? và ử rột như thế nào ? Có ai hình dung được không ? Vả chẳng ử rột héo rầu, kém tươi là nét mặt kém tươi, chứ đâu phải là cặp mắt ử rột kém tươi ?

Ngờ rằng tác-giả viết ử rột nét hoa mà sau chép sai làm ử rột thu ba.

Nhất là ở dưới, Kiều lại nói *thiếp như hoa đã lìa cành*. nếu đề ử rột nét hoa thì vẫn lại ý càng liên lạc quán thông.

1163) *Đoạn trường lúc ấy* : đau lòng lúc ấy ; ý nói lúc ấy nỗi đau lòng như đứt một cửa Kiều lộ ra nét mặt.

Nghĩ mà buồn tênh : người ngoài trông thấy vậy nghĩ mà buồn tênh, thay cho nàng.

Buồn tênh là buồn một cách lặng lẽ.

Hoa đã lìa cành tức là hoa rụng. Lời Kiều có thể hiểu ra hai cách :

a) Nàng đã bị lìa xa cha mẹ, làm con nuôi Tú.Bà.

b) Nàng như bông hoa rụng, không đáng qui như hoa ở trên cành (vì nàng là gái lầu xanh)

Hình như Kiều có ý nói lửng như vậy để tùy Thúc.Sinh muốn hiểu ra thế nào thì hiểu ;

1165) *Lượn vành* là bay lượn theo hình vòng tròn ở xung quanh (bông hoa) lượn vòng thì chốc lát lại bay đi nơi khác chờ không đậu hẳn vào hoa.

«Chúa xuân dành đã có nơi, (1166)»

Chơi là đùa chơi, bỡn cợt.

Câu trên và câu này :

Kiều nói : Tôi như bông hoa rụng quí báu nổi gì, chàng thì như con bướm lượn xung quanh mà chơi đùa thôi (ý nói chơi lúc nào nên lúc ấy chớ bông hoa rụng thì đáng giá gì mà nói truyện vợ chồng)

1166) *Chúa Xuân* : là chủ xuân tình, chủ tình yêu.

Chúa xuân dành đã có nơi nghĩa là ông chủ ái tình tức người đàn ông đã có nơi yêu rồi, ý nói Thúc Sinh đã có vợ.

Bản của Hồ-dắc-Hàm cho *Chúa xuân* là Hoạn-Thư là vợ Thúc Sinh.

Bản Pháp-xân Nguyễn-văn-Vĩnh cho *Chúa xuân* đây là Hoạn - Thư. Bản Pháp-văn của Crayssac và M. R. cũng đều hiểu như vậy.

Chúng tôi thấy hình như không đúng, Ở đoạn dưới Thúc Sinh có nói :

Đã cam chịu bạc với tình

Chúa xuân để tội một mình cho hoa

Rõ ràng là Thúc-sinh tự nhận cái lỗi bội bạc với tình và tự xưng là *chúa xuân*, như vậy *chúa xuân* ở đây tất cũng trở người đàn ông là Thúc-sinh.

Hai chữ *Chúa xuân* ở câu dưới, cụ Nguyễn-văn-Vĩnh cho là ông Trời (Dieu du Printemps) M.R. cho là Hoạn.Thư ; Crayssac thì cho *Chúa xuân* ở dưới là Thúc.sinh (chúa xuân trên là Hoạn.Thư).

Chúng tôi nghĩ rằng *Chúa xuân* ở đây và ở dưới phải có nghĩa giống nhau. Và theo tính-thần câu văn (ở đây cũng như ở đoạn dưới) *Chúa xuân* nhất định không trở Hoạn.Thư.

Ngắn ngày thói chớ dài lời làm chi ! (1167)

Sinh rằng : «Từ thuở lương tri. (1168)

Tắm riêng riêng những nặng vì nước non ! (1169)

«Trăm năm tính cuộc vương tròn. (1170)

1167) *Ngắn ngày* là ít thì giờ, là ngày giờ chóng vánh Kiều nói thế, vì nàng nghĩ rằng Thúc-Sinh như *Con bướm lượn vành*, tất chỉ lượn ít vòng trong một thời-gian ngắn rồi bay đi nơi khác.

Dài lời : nói nhiều lời, kéo dài câu truyện

Cả câu : chơi với nhau trong chốc lát, nói nhiều lời làm chi !

Kiều viện lẽ để khỏi phải nói dài-dòng về lai-lịch nàng.

Cũng là một cách nhún mình để dò xét thử-thách ý-từ chàng Thúc.

1168) *Tương tri* là biết nhau, quen nhau.

1169) *Tắm riêng* : tắm lòng riêng, tắm lòng kín đáo,

Riêng : thăm kín, không tỏ lộ người ngoài biết.

Nước non : là sông núi, đây trở bóng lời thề nguyên-Thúc - sinh muốn nói chàng vẫn định lấy Kiều làm vợ chứ không chỉ chơi bời chốc lát.

Câu trên và câu này : từ ngày biết nhau, lòng vẫn âm thầm nặng vì những lời non nước : Thúc-Sinh vẫn đinh ninh trong dạ sẽ lấy nàng Kiều.

Hai chữ *Riêng* trong câu này nhấn mạnh cái ý thăm vụng, kín đáo trong tư-tưởng chàng Thúc.

1170) *Trăm năm tính cuộc vương tròn* ; tính cuộc trăm năm vương tròn, tức là tính cuộc trăm năm cho chu đáo đầu vào đó *Trăm năm* dịch chữ *Bách niên* trong thành-ngữ *bách niên giai lão* và có nghĩa như câu thành ngữ đó, là cùng nhau già đến trăm năm, ý nói cùng nhau ăn ở suốt đời.

Thúc-Sinh muốn tính toán việc *bách niên giai-lão* cho chu - đáo.

«Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông» (1172)

Nàng rằng : «Muôn đời ơn lòng.

«Chút e bên thú bên lòng để đầu ! (1172)

«Bình-khang nấn ná bấy lâu, (1173)

« Yêu hoa yêu được một màu diễm-trang, (1174)

Cho nên phải hỏi dò cho biết rõ lai lịch gốc tích nàng Kiều.

Câu trên và câu này Thúc-Sinh đáp lại ý Kiều trong câu ;
« Ngẩn ngàng thời chờ dài lời làm chi »

1172) *Muôn đời ơn lòng* : đời ơn lòng muôn lần ;
muôn phần dịch ý vạn bội chữ hán, cũng như nói
đời ơn lắm lắm.

Chút e ; chỉ e một chút

Bên thú là lấy vợ ; bên thú về phía Thúc - Sinh.

Bên lòng : lòng là theo, đây là lòng phu, tức theo chồng
lấy chồng : bên tông là về phía Kiều.

Ý nói hai bên đều có chỗ khó khăn. Bên Thúc Sinh lấy
vợ thì mắc đã có vợ cả. Bên Kiều lấy chồng, thì mắc vào nợ
lầu-xanh.

Kiều đã gián tiếp tỏ ý ưng lấy Thúc-Sinh, Nàng đưa ra
những nói khó khăn để thử ý Thúc-Sinh, để thúc dục chàng
dàn xếp những khó khăn đó.

1172) *Bình-khang* là tên một xóm ở kinh-đô Tràng-An
đời Đường gái diễm thường ở xóm đó Nên sau *Bình*
Khang được dùng làm tên trở xóm gái chơi.

Nấn ná : nghĩa là ở đồn lại.

Bấy Kiều nói : *Thúc Sinh nấn ná bấy lâu*.

Mấy bản Pháp-văn dịch là *Kiều nói nàng ở xóm Bình*
Khang đã lâu dịch thể hình như không sát.

Theo tinh thần đoạn văn này, thì chủ từ câu « *Bình*
khang nấn ná » và chủ từ câu « *yêu hoa* » phải là một. Như
vậy thì *Nấn ná* là Thúc-Sinh *nấn ná*, chứ không phải Kiều,

1174) *Yêu hoa* chỉ yêu được có màu diễm-trang, của
hoa. Ý nói : Chỉ yêu phần sấp sắc đẹp bề ngoài.

Rồi ra lạt phấn phai hương, (1175)

« Lòng kia giữ được thương thương mãi chẳng ?
(1176)

« Vả trong thềm quế cung trăng, (1177)

« Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong (1178)

1175) *Lạt phấn phai hương* tức là khi hoa tàn, hết vẻ đẹp. Kiều muốn nói gái Bình-khang khi về già người xấu đi

1176) *Lòng kia* : lòng yêu kia.

Giữ được thương thương : giữ được nguyên vẹn lúc nào cũng thế.

Trở lên bốn câu : Kiều nói người đến chơi xóm Bình-khang chỉ yêu cái sắc đẹp, đến khi gái già xấu, thì ai yêu ?

Nàng nói vậy để giải-thích thêm ý « ngắn ngày » và *bướm lượn vành* ở trên.

1177) *Thềm quế cung trăng* : thềm quế là thềm có trồng cây quế cung trăng là cung điện Quảng-hàn ở trên mặt trăng.

Thềm quế cung trăng đều trở mặt trăng. Sách *Dậu Dương tạp* chép rằng : trong mặt trăng có cây quế cao 500 trượng dưới gốc có người đứng chặt quế luôn luôn, chặt đến đâu, cây lại liền đến đấy. Người chặt quế tên là Ngô-Cương người đất Tây hà học đạo thành tiên phạm lỗi nên phải đẩy xuống mặt trăng chặt quế. Do tích ấy mà thềm quế có nghĩa là mặt trăng.

Đời Đường Vua Minh-Hoàng được đạo-sĩ dùng phép đưa lên chơi cung trăng đêm trung-thu.

Cả câu có một ý : trong cung-trăng, đây nói bóng trong nhà Thúc-Sinh.

1178) *Chị Hằng* là ả Hằng Nga hay Thường-Nga vợ Hậu-Nghệ đời cổ tương-truyền nàng ăn vụng thuốc trường sinh bất tử của chồng, thành tiên trốn lên ở cung trăng. Đây chị Hằng ám chỉ vợ cả Thúc-Sinh.

« Bấy lâu khăng khít dải đồng, (1179)

« Thêm người, người cũng chia lòng riêng tày (1180)

Ở trong là ở trong cung-trăng, tức ở trong nhà Thúc-Sinh. Câu trên có một chữ *trong* câu này một chữ *trong*, như thế văn kém hay. Chữ *trong* câu trên giả đổi là *trên* thì có lẽ hay hơn.

Bắt đầu từ câu trên trở xuống, Kiều giải thích rõ ý : « Bên thú bên tông dễ đầu.

Nghe lời-lẽ nàng, người ta thấy nàng cũng khôn-ngoaan lắm chứ không hờ nước gì.

(1179) *Dải đồng* tức *dải đồng tâm* dịch chữ Hán *đồng tâm kết* 同心結 nghĩa là cái dây lưng đồng tâm. Vợ chồng người Tàu hay có tục lấy hai cái dải lụa thắt nút lại với nhau cho chặt, gọi là *đồng tâm kết* (nút đồng tâm) để tượng trưng lòng khăng khít với nhau.

Câu này nghĩa là : bấy lâu vợ chồng Thúc-Sinh khăng khít âu yếm nhau.

(1180) *Thêm người* : thêm một người vợ nữa, (Kiều định nói thêm nàng).

Người cũng chia lòng riêng tày : thì người vợ thêm ấy cũng chia mất lòng riêng tư (tức lòng yêu dấu) của vợ chồng Thúc-Sinh (Kiều muốn nói thêm nàng thì nàng cũng sẽ chia sẻ mất lòng yêu dấu riêng tày giữa vợ chồng Thúc-Sinh).

Hai chữ *người ở* đây đều trở một người, tức là Kiều.

— Bản Pháp-văn của Nguyễn-văn-Vinh cho chữ *người* thứ nhất trở Kiều, chữ *người* thứ hai trở Thúc-Sinh.

(Qu'une autre femme vienne s'ajoutre à votre ménage, vous vous seriez forcé de partager votre coeur et d'entretenir des rivalités déloyaux)

Bản của M. R. dịch thế này :

S'il en vient une autre, couperez vous en deux votre coeur tout expres ?

« Về chỉ chút phận bèo mây (1181)
« Làm cho bề ai khi đầy khi vơi (1182)

Crayssac cũng cho hai chữ *người* trở hai người, và dịch *Si vous en introduisez une dans votre intérieur. Je vous faudra scinder en deux parts votre cœur.*

Chúng tôi thấy dịch như vậy, hình như không sát.

Câu trên nói về vợ chồng Thúc-Sinh (bấy lâu khăng khít đôi đồng).

Câu sau nói về người vợ thêm, tức vợ lẽ. Vậy *chia lòng riêng tây* là người vợ thêm ấy *chia*, chứ không phải Thúc-Sinh *chia*. Trên nói cả hai vợ chồng Thúc-Sinh, thì sao đây người lại chỉ riêng chàng Thúc?

Và chẳng từ câu « *thêm người* » đến câu « *thân sau* » toàn là lời Kiều tự nói về mình, chủ-từ những câu đó phải là Kiều, chứ không thể là Thúc-Sinh hay ai khác. Từ câu « *nư chàng* » trở đi Kiều mới nói đến Thúc-Sinh.

Lòng riêng tây là lòng riêng tây của vợ chồng chàng Thúc, do ý câu trên chuyển xuống (*khăng khít giải đồng*). Chứ không phải là lòng riêng tây của Thúc-Sinh. Ở trên nói cả hai vợ chồng, ở dưới sao lại tách ra nói riêng chàng Thúc được?

1181) *Chút phận bèo mây* : chút phận lưu-lạc, chút phận lạc loài trôi nổi như bèo trôi mây dạt. Kiều tự hạ mình, và thực ra nàng cũng là người như thế. Câu này giải thích thêm nghĩa chữ *người* ở trên.

Người ở trên là Kiều.

1182) *Bề ai* là bề tình yêu, tức là tình yêu giữa vợ chồng chàng Thúc.

Làm cho bề ai khi đầy khi vơi là làm cho tình yêu giữa vợ chồng chàng Thúc khi thắm khi phai khi nồng khi nhạt.

Câu này giải thích và làm sáng thêm ý « *Chia lòng riêng tây* » ở trên kia.

Vì *người* (tức Kiều) *vợ thêm* chia lòng riêng tây giữa vợ chồng chàng Thúc cho nên tình yêu giữa vợ chồng chàng khi nồng, khi nhạt, khi thắm khi phai.

Do câu này người ta biết chắc chủ từ câu *chia lòng riêng tây* ở trên là Kiều và hai chữ *người* ở trên đều trở Kiều.

■ *Trăm đường ngang ngựa vì tôi, (1183)*
« Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ? ... »

1183) *Ngang ngựa* : cái đề ngang, cái đề ngựa, lộn xộn không có thứ tự, ý nói việc rắc rối không ổn thỏa.

Kiều tự thấy rằng nếu thêm nàng vào, thì cảnh gia-đình Thúc.Sinh sẽ mất vẻ êm đềm gọn gẽ, và nàng nhận rằng bao nhiêu sự ngang ngựa trong gia-đình chàng Thúc đều là do nàng mà ra.

— *Thân sau* dịch chữ *thân hậu* 身後 là sau cái thân hiện giờ, tức nói sau khi đã chết (*tử hậu*) Trong sách Tấn-thư, Trương Hàn có nói :

Sử ngã hữu thân hậu danh

Bất như tức thời nhất bối tửu

nghĩa là :

Cho ta cái danh sau khi chết

Không bằng cho ta một chén rượu ngay bây giờ

— Nhiều người hiểu *thân sau* là cái thân sau này, hoặc là sau này thân mình, hoặc là kiếp sau (vie future) ; hiểu như vậy đều sai.

Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ? khi chết xuống âm phủ thì ai chịu cho cái tội ấy ?

Sở dĩ Kiều nói khi chết đi mới phải chịu tội, là vì người bấy giờ tin rằng : *tội đương* tức là tội trước pháp luật nhà nước thì phải chịu ngay lúc còn sống, còn *tội âm* tức tội trời, tức là cái tội trước lương tâm con người, là tội phạm với trời (tội trời) thì khi thác xuống âm-phủ mới phải vào địa-ngục chịu tội.

Kiều tự xét rằng trước pháp-luật, nàng lấy Thúc.Sinh không có chi là phạm pháp, nhưng lấy Thúc.Sinh làm đồ vỡ hạnh-phúc gia-đình nhà chàng, Kiều cho là nàng sẽ không tránh khỏi tội trời.

1184) Như tức nếu như, nghĩ cũng như vì, nếu.

Tay co là cái đóng vào đề co, kéo. Hiện giờ người ta vẫn thường đóng thanh gỗ ngang vào thùng sắt tây, vặn danh khay vào thanh gỗ đó dùng làm thùng gánh nước. Thanh gỗ đó gọi là *tay co*.

- « *Như chàng có vừng tay-co, (1184)*
 • *Mười phần cũng đắp điểm cho một vài, (1185)*
 • *Thế trong dầu lớn hơn ngoài, (1186)*
 « *Trước hàm sư-lữ gửi người dăng-la (1187)*

Vừng tay co là có cái tay co vừng, ý nói có thể lực mạnh, có quyền thế to.

— Nhiều người cho *vừng tay co* là tay co kéo vừng, hiểu như vậy hình như sai.

1185) *Đắp điểm tức che chở.*

Câu trên và câu này :

Nếu chàng có thể lực mạnh (đối với vợ cả) thì mười phần cũng chỉ đắp điểm che chở cho được một vài phần thôi. (Ý nói dù người chồng cứng đến đâu cũng chỉ bênh-vực vợ lẽ được một đôi phần thôi, chứ không thể tước hết quyền của vợ cả được).

1186) *Thế là thế-lực quyền thế.*

Trong là nói về người đàn bà, người vợ.

Ngoài là nói về người đàn ông, người chồng.

Luân lý xưa chủ-trương « *nam ngoại nữ nội* » đàn ông việc ngoài, đàn bà việc trong nhà, nên vợ gọi *nội nhân* là người trông nom việc trong nhà.

Thế trong dầu lớn hơn ngoài nghĩa là : thế lực người vợ nếu lớn mạnh hơn thế-lực người chồng.

1187) *Hàm* là hàm răng, tức là nói cái miệng.

Sư-lữ là con vật dữ tợn nhất các loài thú, đây trỏ người vợ hung hãn dữ tợn lấn áp cả quyền chồng. Sở dĩ có nghĩa ấy là do điển sau đây.

Đời Tống, Trần-quý-Thường ngày đêm say mê Phật-giáo quên cả vợ. Vợ là Liễu-thị lấy thế làm nhục mình, thường day nghiêng mắng trách chồng. Nhiều lúc khách đến chơi nhà, gặp Liễu thị đang mắng nhiếc chồng xa xả. Chồng cứ ngồi lẳng lẳng tung kinh, làm như không nghe thấy. Trần-quý-Thường hiệu là Long-Khẩu cư-sĩ, bạn thân với thi-hào Tô - đông - Pha. Tô biết truyện có làm mấy câu thơ đùa Trần :

Thù tự Long Khẩu cư-sĩ hiền

Đàm không thuyết pháp dạ bất miên

« Cúi đầu luồn xuống mái nhà, (1188) »

Hối vãn Hà-Đông sư - tử hống
 Trượng-tự lạc thủ tâm mang nhiên

Lược dịch :

Ai hiền bằng thầy đồ Long-Klâu ?
 Tung kinh thuyết pháp suốt đêm thâu
 Bỗng nghe Hà - Đông - sư-tử rống
 Sợ quá tay rơi gậy lúc nào !

Có người bảo Liễu-thị quán tỉnh Hà-Đông nhưng không phải. Đông-Pha dùng chữ Hà-Đông trong câu thơ của Đỗ - Phủ đề ám chỉ họ Liễu :

Hà - đông nữ-nhi thân tính Liễu
 (có gái Hà-đông người họ Liễu)

Sư-tử-hống nghĩa đen là sư tử rống. Đông - Pha lấy tên quyền kinh nhà Phật tên là « Sư-tử hống liễu nghĩa kinh » nói riêng về việc tu tỉnh của dân bà con gái, đề trở những lời mắng nhiếc răn bảo của Liễu thị. Trượng-trụ tức là gậy xích-trượng của nhà sư.

— Người *đăng la* ; *đăng la* 藤羅 là thứ dây leo, thường phải leo bám vào các cây lớn khác, dây vì người vợ lẽ mọn.

Trước hàm sư-tử gửi người *đăng la* : gửi người vợ lẽ vào miệng người vợ cả hung dữ như sư-tử cái.

Câu trên và câu này :

— Nếu thế người vợ lại lớn mạnh hơn thế người chồng thì (chàng Thúc lấy Kiều) là đem gửi người *đăng la* vào miệng sư-tử.

— Câu này xét ra vì không được sát. Người ta thường nói đem *thịt* đến miệng hàm, hoặc đem *mồi* đến miệng sư-tử. Đây không nói *mồi*, nói *thịt* mà nói người *đăng la*. *Đăng la* là dây leo, đem *dây leo* vào hàm sư-tử, nói thế không có nghĩa, sư-tử có ăn *dây leo* đâu ?

1188) *Mái nhà* đây không phải là cái mái nhà thật sự. Mái nhà thì ai mà chả phải cúi luồn ? cứ gì là Kiều lấy lẽ Thúc Sinh !

« Giấm chua lại tội bằng ba lửa nòng ! (1189)

« Ở trên còn có nhà thông, (1190)

Mái nhà đây dịch chữ thất nghĩa đen là nhà, nghĩa bóng là người vợ cả.

Kinh Lễ có câu Tam thập viết tráng, hữu thất 三十 有 室 nghĩa là ba mươi tuổi là người lớn, có vợ.

Sách tả truyện có câu : Nữ hữu gia, nam hữu thất, thất gia vi phu phụ giả nghĩa là : gái có chồng, trai có vợ, thất gia là vợ chồng vậy.

— Cúi đầu luôn xuống mái nhà nghĩa là cúi luôn người vợ cả.

1189) Giấm chua đây nghĩa là sự ghen tuông của người vợ cả.

Trong văn-chương Tàu, người ta thường dùng những chữ hữu thất (có giấm) hay Khiết thất (ăn giấm).

Về nguyên lai nghĩa ăn giấm, sách « Tại Các tri tân lục » viết rằng : Người đời vi người vợ cả ghen với con sư-tử. Sách Tục văn Hiến thông khảo nói rằng sư-tử mỗi ngày uống tới một bình giấm một bình bỗng. Thuyết ăn giấm có lẽ ở đó ra. »

Lại tội : lại tội nợ, lại khổ sở, khó chịu.

Bằng ba : gấp ba lần, ý nói khổ sở khó chịu hơn nhiều.

Lửa nòng là lửa đang cháy ; đây dịch ý chữ Hỏa Khanh 火坑 tức là hang lửa.

Trong Diệu-pháp liên hoa kinh có câu : « Giả sử hưng hại ý, suy lạc đại hỏa khanh », nghĩa là : nếu cái ý làm hại người nổi dậy, thì phải xô xuống cái hang lửa lớn ».

Sau này để nói cái cảnh cực khổ khổ, người ta thường dùng hai chữ « hỏa khanh ». Cảnh trụy lạc của phụ-nữ vào nơi lầu xanh lầu hồng, người ta cũng gọi là hỏa khanh.

Do đó lửa nòng đây trở cảnh khổ ở lầu xanh.

— Câu trên và câu này : luôn cúi người vợ cả, thì cái cảnh ghen tuông của vợ cả còn tội nợ gấp mấy cái cảnh lầu xanh.

Nhà thông chính là nhà xuân tức xuân đương là ông bố. Vì chữ Xuân với chữ Thông gần giống nhau, nên nhiều người

« *Lòng trên trông xuống biết lòng có thương?* (1191)

« *Sá chi liễu ngô hoa tường,* (1192)

« *Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh,*

« *Lại càng dơ dáng đại hình,* (1193)

« *Đánh thân phận thiếp, ngại danh giá chàng.* (1194)

lầm là thông đường. Sự đọc sai đó rất là phổ biến, khiến cụ Nguyễn-Du khi túng văn thơ, đã phải hạ bút viết theo sự đọc sai đó là nhà thông. Nhưng chúng ta vẫn phải hiểu theo nghĩa là nhà xuân.

Cứ nghe lời Kiều nói, thì nàng đã biết tường tận gia cảnh nhà Thúc-Sinh. Hẳn anh chàng si-tình này đã cời gan ruột với nàng nhiều lần. Còn Kiều thì đến lúc ấy, Thúc-Sinh cũng chưa hiểu rõ lai-lịch của nàng ra sao. Đàn ông nông nổi giềng khơi, đàn bà sáu sắc như coi dưng trâu, câu này đem áp-dụng với đàn ông si-tình thì không đúng.

1191) Đứng ở chỗ cao xa trông xuống biết lòng thương tình cho không ?

Kiều e ngại tự hỏi như vậy, vì nàng cho rằng ông bố Thúc-Sinh ở chỗ cao xa thì hiểu thế nào được tình-cảnh đáng thương của nàng.

1192) *Sá chi* : đáng kể chi, ý nói không thêm đếm xỉa tới, coi làm thường không thêm đề ý.

Liều ngô hoa tường dịch chữ Hán *Trường hoa liễu hạp* là bông hoa mọc chia ra ngoài tường, cành liễu rủ ra ngoài ngõ, ý nói ai cũng vịn hái được, ví như gái lầu xanh. Nếu ông cụ bố Thúc-Sinh không có lòng thương không thêm chú ý đến Kiều là gái lầu xanh, thì nàng vốn ở lầu xanh, nàng lại phải đến trả về lầu xanh mất.

1193) *Dơ dáng đại hình* : đáng coi dơ, hình coi ngầy. đại, ý nói xấu xa lắm. Nếu bị ông cụ phú về trả lầu xanh, không cho Thúc-Sinh lấy thì Kiều lại càng xấu mặt lắm.

1194) *Thân-phận* tôi thì dù xấu xa thế nào cũng đành chịu vậy, nhưng ngại cho danh-giá của chàng. Vì nếu do việc xảy ra như vậy thì Thúc-Sinh sẽ mất danh mất giá với thiên hạ.

«Thương sao cho vẹn thi thương.

« Tinh sao cho trọn mọi đường thi vâng » (1195)

Sinh rằng : Hãy nói đề chừng. (1196)

«Lòng đây lòng đấy, chưa từng hay sao, (1197)

« Đường xa nhớ ngại Ngô, Lão, (1198)

« Trăm điều hãy cứ trông vào một ta ! (1199)

1195) Yêu thế nào cho trọn vẹn chu đáo thi yêu, tinh sao cho mọi đường êm-ấm, thi xin vâng (xin lấy).

Sau khi trình bày mọi lễ « bên thù bên tông dễ dàu » Kiều thúc-dục Thúc-Sinh tính-toán sao cho vượt được mọi sự khó khăn đó thì sẽ lấy nàng.

1196) Nói đề chừng : nói phỏng chừng, đoán phỏng giữa chừng. Thúc-Sinh muốn nói : Kiều hay nói thử-thách dò dón có ý nghi ngờ lòng chàng.

1197) Lòng đây lòng đấy, lòng đây đối với lòng đấy xưa nay như thế nào.

Chưa từng hay sao ? chưa từng biết rõ rồi hay sao ?

Câu này giải-thích và làm lộn ý câu trên. Còn phải dò dón nghi ngờ nổi gì ? lòng đây với lòng đấy xưa nay như thế nào để chưa từng biết hay sao ?

1198) Xưa người ta cho nước Ngô (nước tầu) nước Lào là xa-xôi lắm.

Đường xa đây không phải là đường đất mà là đường lối đời nàng, nỗi đời xa xôi.

Thúc-Sinh có ý khuyên Kiều không nên lo ngại những nỗi xa xôi dàu mắt như tận nước Ngô nước Lào.

Trong lời Kiều nói trên có hàm những nỗi lo lắng thắc mắc xa-xôi. Cho nên Thúc-Sinh muốn giải những nỗi thắc mắc ấy. Kiều có sợ đường đất xa xôi dàu ? cho nên đường xa đây không nên hiểu là đường đất xa xôi.

1199) Thúc-Sinh bảo Kiều trăm điều cứ trông cậy vào chàng (chàng lo liệu tính-toán và chịu hết trách nhiệm).

Lời nói quả quyết và hùng dũng như thế thì ai chẳng phải tin.

« Đã gần chi có điều xa ? (1200)

« Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều. (1201)

Cùng nhau cần vắn đến điều, (1202)

Chỉ non thề bề nặng gieo đến lời.

1200) Đã gần nhau thì làm chi còn có truyện xa nhau. Thúc-sinh muốn nói : Đã lấy nhau thì làm chi còn có truyện bỏ nhau. Vì trên Kiều nói tỏ ý sợ rồi lại phải phụ về lâu xanh, nên Thúc-sinh cam-kết với nàng như thế.

— Có bản đề là...*chi có đường xa*.

Bản Pháp văn của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch *đường xa* là *Obstacles lointains* ; của M. R. dịch là *ne regardez pas au loin* » Dịch như vậy không sát tinh thần câu văn.

1201) *Đá vàng* đây là khi-giới như gươm giáo...

Đá vàng dịch chữ *bán kim thạch xa* Kim thạch đây thổ các thứ khi giới bằng kim-loại và đá dùng làm đạn nổ trời xưa.

Sách *Chu Lễ* có câu :

« *Phàm quốc hữu đại cố nhi dụng kim thạch, tắc chương kỳ lệnh* » 凡國有大故而用金石則掌其令 nghĩa là :

Phàm nước có việc biến cố lớn mà dùng đến khi - giới (tức chiến tranh) thì giữ quyền chỉ huy. Đời xưa, võ - khí thô-sơ chỉ có mũi lao mũi giáo bằng kim-khi và những viên đạn bằng đá đề bắn nổ, nên kim-thạch được dùng để nói chung các thứ võ-khi.

Đá vàng cũng quyết phong-ba cũng liều là dù có phải đâm chém, (bằng võ khí kim-thạch) cũng quyết cứ lấy nhau (gần nhau) dù có gặp phải sóng gió nguy-hiểm cũng liều với nhau.

Câu này giải thích và làm lộn thêm ý : « *chi có điều xa* » ở câu trên.

Các bản dịch Pháp-văn và các bản chú thích ra trước đây đều hoặc giảng lầm *đá vàng* ra *lời thề*, là nhân duyên ; hoặc bỏ qua không giảng nghĩa hai chữ *đá vàng*.

1202 — *Cả vắn* : gọn lời kỹ càng.

Đến điều : đến lời, tức hết lời. *Đến tiếng cò*, có nghĩa là rất, là chỉ là hết sức.

Nữ non đêm ngắn, tình dài. (1203)

Ngoài hiên, thỏ đã non đoài ngậm gương, (1204)

Mượn điều trúc-viện thừa lương, (1205)

Chỉ non thề bề : dịch chữ *Hải thề sơn minh*, tức là trở non trở bề mà thề thốt với nhau.

Nặng gieo đến lời : gieo nặng hết lời, hoặc gieo hết lời nặng, tức là dùng hết lời độc địa mà thề với nhau.

Câu trên và câu này : Kiều và Thúc-Sinh gạn hỏi nhau hết lời và dùng hết lời độc địa thề thốt với nhau.

1203. — *Nữ non* là tình-tự, *nữ-non* tức truyện trò ôn-ôn than vãn thì thăm với nhau,

Đêm ngắn là đêm ngắn lại

Tình dài là tình dài ra

Cả câu : Hai người nữ-non tình-tự với nhau như thế, thành ra đêm cứ ngắn dần lại mà tình cứ dài ra, càng nói càng dài thêm truyện. Ý nói thì gian cứ qua đi, mà truyện thì kéo dài mãi không hết.

1204. — *Thỏ tức ngọc thỏ* trở mặt trắng.

Non đoài là núi phía tây. Đối chiếu với Bát-Quái các nhà thiên văn cổ cho phương Tây thuộc quẻ Đoài, cho nên trước đây, người ta gọi tỉnh Sơn-Tây là xứ Đoài, tỉnh Đoài. Phương Tây là phương Đoài.

Thỏ đã non đoài ngậm gương : non tây đã ngậm gương thỏ, núi phía tây đã ngậm lấy gương nga, núi phía tây đã ngậm lấy vầng trăng, ý nói trăng đã lặn ở sau dãy núi phía tây tức đêm đã tàn, trời đã sáng.

Câu này cho biết Kiều và Thúc-Sinh nữ-nhơn tình-tự với nhau thâu đêm suốt sáng chưa hết truyện : hai bên tương thân, tương-đắc; ý hợp tâm đầu vô cùng.

1205. — *Mượn điều* : mượn lời, mượn tiếng, tạ sự

Trúc-viện : nhà tre ; đây có lẽ là tên nhà mát ở gần đầu dãy.

Thừa lương : hóng mát, nghỉ mát. Thúc-Sinh mượn cơ đem Kiều đi nghỉ mát ở trúc-viện. Bấy giờ là tiết mùa hè.

Rước về, hãy tạm giấu nàng một nơi. (1206)

Chiến hoa sắp sẵn hai bài, (1207)

Cậy tay thầy thợ, mượn người dò-la, (1208)

Bắn tin sang mộ Tú-Bà,

Thừa cơ mộ cũng cầu hoà dám sao. (1209)

1206. = Rồi chàng đem Kiều tạm giấu ở một nơi. Chàng không đem Kiều về nhà sợ Tú-Bà sinh truyện.

1207. — *Chiến* là đánh là tấn công là đối địch, là dùng võ, lực, bạo lực đây có nghĩa là dùng lý-sự đối phó với Tú-Bà.

Hòa là cầu hòa, giảng hòa, là dùng phương-sách hòa-bình dùng cách mềm-mỏng, đây có nghĩa là dùng cảm-tình đối-phó với Tú-Bà.

Hai bài : hai cách, hai biện pháp.

Thúc-Sinh đã chuẩn bị sẵn hai cách đối-phó với Tú-Bà một cách chiến là dùng lý-sự đem việc đến cửa quan kiện cáo Tú-Bà : một cách hòa là dùng cảm-tình, nhờ người nói-nặng đàn-xếp với Tú-Bà để chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh.

1208. — Về bài *chiến* thì Thúc-Sinh cậy tay thầy-thợ để chạy-chọt dứt lốt các nơi quan-tư : về bài *hòa*, Thúc-Sinh mượn người quen thuộc dò la ý-tư Tú-Bà.

1209. — Người dò-la ấy bắn tin cho Tú-Bà biết ý-định của Thúc-Sinh.

Thừa cơ, mộ cũng đánh phải cầu hòa chờ còn dám làm sao nữa.

Thừa cơ là thừa cơ mưu, thua mẹo. Mụ thua mẹo Thúc-Sinh, vì Thúc-Sinh, đã đem Kiều giấu biệt một nơi rồi. Mụ đánh phải cầu hòa tức là dùng cách đàn-xếp cho ổn truyện, là vì nếu dùng cách cứng-rắn đối phó, thì có khi mất cả vốn lẫn Kiều.

*Rõ ràng của dẫn tay trao,
Hoàn-lương một thiệp thân vào cửa công (1210)
Công tư đôi lẽ đều xong, (1211)
Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai (1212)*

1210) — Nghĩa là Mụ đánh bằng lòng cho Thúc-Sinh bỏ tiền chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh.

Cửa dẫn là tiền của đem đến, ý nói tiền bạc Thúc-Sinh đem đến.

Tay trao : trao tay, ý nói Thúc-Sinh trao tận tay Tú-Bà.

Hoàn lương 還 欠 là trả về đời lương-thiện. Con gái nhà chứa bỏ nghề ăn chơi, trở về làm ăn lấy chồng, gọi là *hoàn lương* :

Một thiệp là một tờ thiệp, một tờ giấy.

Thân là thân-trình, nghĩa cũng như trình-báo để làm bằng chứng.

Cửa công là cửa công-đường tức cửa quan nha.

— Đem tiền bạc trao tay cho Mụ Tú, chàng Thúc bèn lấy thiệp hoàn-lương (do Tú-Bà ký-kết) đem trình quan trên làm bằng. Chàng làm như vậy để Tú-Bà không thể lật lọng được.

1211) — *Công* là lẽ công, lý lẽ đối với pháp-luật.

Tư là lẽ tư, lý lẽ đối với tư-nhân

Đối với lẽ công ; đã thân-trình thiệp hoàn-lương.

Đối với lẽ tư, đã dẫn của trao tay Tú-Bà. Thế là hai lẽ công tư đều xong xuôi.

1212) — *Gót tiên* là gót chân tiên, đây là gót chân Kiều.

Thoát vòng trần ai ; thoát vòng bụi bậm, ý nói thoát nơi khổ-sở.

Kiều đã thoát khỏi chốn lầu xanh

Trên nói *gót tiên*, dưới nói *trần ai*, *tiên* đối với *trần*, văn rất có màu. Trước kia, gót tiên phải dẫm vào vòng trần-ai, bây giờ gót tiên đã thoát khỏi vòng trần ai, nghĩa là tiên lại được ở nơi tiên-cảnh, ý nói Kiều thoát khỏi lầu xanh lại được ở nơi sung-sướng.

Một nhà xum họp trúc mai, (1213)
Càng sâu nghĩa bề càng dài tình sông. (1214)

1213) — Trúc mai đây không phải là cây tre và cây mơ, cũng không phải là cây tre và cây bương, chính là Mai-Trúc 梅竹 đảo ngược Mai-Trúc là tre làm mai làm mối. Sở dĩ có tên Mai-trúc là do điển sau này chép trong sách « *Lưỡng ban thu vũ am tùy bút* »

Ở cửa sông Liêu. Khê huyện Long-Môn, tỉnh Quảng-dông có một cái đầm (tức là hồ) tên là *Đồ-phụ đầm* nghĩa là đầm đánh đổ được vợ. Tương truyền xưa có hai cô, cậu bé con chơi đánh đổ nhau, chẻ một đống tre ra làm đôi, mỗi người cầm một mảnh liệng xuống giếng nước nguyên với nhau rằng hễ hai thanh tre ấy mà trôi khớp lại làm một, thì hai bên kết làm vợ chồng. Lát sau, quả nhiên hai mảnh tre trôi xuôi và khớp liền với nhau như đống tre chưa chẻ. Hai cô cậu lấy nhau, cho nên đặt tên là « *Đồ-phụ đầm* » Giếng tre mọc ở trên bờ đầm gọi là *mai-trúc* nghĩa là giếng tre làm mối vợ chồng.

Đời Thanh, thi-hào Khuất Ông-Sơn có thơ vịnh mai-trúc,
Lưỡng biên sinh trúc hợp vô ngần
Sinh trúc nững thành phu. phụ ân
Đàm thượng chi kim mai trúc mỹ
Chi chi từ hiếu cánh đa lân

Lược dịch :

Một đôi thanh trúc khớp như in
Thanh trúc xe nên duyên bách niên
Mai trúc trên đầm nay vẫn tốt
Rượu-ra cánh chánh cháu con hiền

Một nhà xum họp trúc-mai là mai trúc xum họp một nhà tức vợ chồng xum họp

— Mấy bản Pháp-văn đều dịch trúc mai là cây tre và cây mơ (bambou et abricotier) bính như không đúng.

1214) Vì điển *mai-trúc* có đầm nước, nên câu này nói đến nghĩa bề tình sông, cho khớp với điển.

Hương càng đượm, lửa càng nồng, (1215)
Càng sôi vẻ ngọc, càng lồng màu sen ! (1216)

Càng sâu nghĩa bề *càng* dài tình sông ; nghĩa bề *càng* như tình sông *càng* dài, hay là : nghĩa *càng* sâu như bề tình *càng* dài như sông ; ý nói tình nghĩa sâu xa, nồng mặn đắm thắm.

1215) — *Hương lửa càng nồng đượm*. Hương lửa hay lửa hương dịch tắt chữ *Tam sinh hương-hỏa* (ba đời hương lửa) là chữ dùng nói số kiếp tiền định ; đây *hương lửa* trở duyên hương lửa, tức duyên vợ chồng tiền định.

Hương lửa nồng đượm là duyên vợ chồng nồng mặn đắm thắm đượm.

1216) — *Sôi* là *sôi nổi*, *sinh-sôi*, đây dùng theo nghĩa là *nổi là lộ*.

Càng sôi vẻ ngọc là vẻ trắng đẹp của ngọc *càng* lộ lộ ra ý nói nước da của Kiều *càng* trắng đẹp thêm. Vẻ với Thúc Sinh, Kiều *càng* trắng đẹp lộ lộ.

Lồng là *lồng-lộng*, *lộng-lẫy*, là *lồng bóng*, đây dùng theo nghĩa là óng-ánh, bóng bẩy, bóng-lộng như ánh gương.

Càng lồng màu sen là màu sen *càng* óng-ánh bóng-lộng ý nói má hồng môi son của Kiều *càng* bóng lồng-lộng đẹp thêm. *Màu sen* tức màu cánh sen là màu đỏ thắm như màu của cánh hoa sen. *Màu sen* đây trở màu đỏ thắm của môi son, má hồng.

Câu này cho biết Kiều về ở với Thúc Sinh mỗi ngày một trắng-trẻo hồng-hào, xinh đẹp thêm ra.

Bản Pháp-văn Nguyễn-văn-Vĩnh dịch *màu sen* là *mùi hương của hoa sen* (le lotus répandait un parfum plus subtil) hình như sai nghĩa.

— Từ khi hước chán ra khỏi nhà cha mẹ, đến bây giờ Kiều mới được nếm mùi sung-sướng thanh-nhân không bị dày vò, lo lắng. Có thể nói bây giờ nàng mới thật là có chồng, bây giờ nàng mới biết cái hạnh-phúc làm vợ. Và tính ra thì năm ấy Kiều tuổi mới độ 16, chính là tuổi đây thì Cho nên nàng trắng-trẻo, hồng-hào, đẹp lộ-lộ.

Nửa năm hơi tiếng vừa quen, (1217)
Sân ngô cánh biếc đã chen lá vàng. (1218)
Giậu thu vừa nẩy rỏ sương, (1219)
Cởi yên đã thấy Xuân-đường đến nơi (1220)

1217) — *Hơi tiếng* lấy chữ câu thành-ngữ « *Quen hơi bên tiếng* » nghĩa là âu yếm thân mật với nhau (ngủ hơi nhau nghe tiếng nhau đã quen).

Câu này nghĩa là : âu yếm thân cận với nhau vừa được nửa năm trời.

1218) — *Sân ngô* là sân có trồng cây ngô-đồng, tức cây trâu.

Cánh biếc là cánh lá xanh biếc, ngô-đồng cánh lá xanh biếc nên gọi là *bích-ngô* tức là cây ngô xanh.

Đã chen lá vàng : lá vàng đã chen vào giữa đám lá xanh biếc trên cánh, ý nói ngô-đồng đã đâm một đôi lá vàng, trời đã sang thu.

1219) — *Giậu thu* là giậu hoa mùa thu

Vừa nẩy là vừa nở

Rỏ sương là rỏ hoa trắng như sương, tức là hoa cúc trắng ; hoặc là rỏ hoa chịu được sương, tức là hoa cúc.

— Có bản chép là *chồi sương*, e sai,

Rỏ sương tức là rỏ hoa chịu sương. *Nầy là nầy rỏ sương* tức nở hoa chứ không phải *nầy chồi sương* là nở cành cây hoặc gốc cây.

— Chính ra *rỏ sương*, không có nghĩa là hoa cúc. Nhưng nở về mùa thu, chỉ có hoa cúc mà thôi, cho nên giảng *rỏ sương* là rỏ cúc.

— Câu trên và câu này tả cảnh mùa thu, vừa đề-án định thời gian, vừa đề chuyển sang việc mới.

1220) — *Cởi yên* là cởi yên ngựa ra, ý nói vừa mới tới, vừa mới tháo yên ngựa.

— Có bản viết *gối yên* và giảng là ông lão gối dựa vào cái yên ngựa, cũng có nghĩa, nhưng hơi cầu kỳ.

Thúc-Sinh lấy Kiều được nửa năm trời, thì ông thân-sinh ra chàng bấy lâu vắng nhà, vừa về.

Phong-lôi nổi trận bời bời, (1221)

Nặng lòng e ấp, tính bài phân chia. (1222)

Quyết ngay biện bạch một bề; (1223)

Dây cho má phấn lại về lầu xanh, (1224)

Thấy lời nghiêm-huấn rành rành (1225)

1221) — *Phong lôi* là gió và sấm.

Nổi trận phong lôi là nổi trận sóng gió, ý nói nổi trận lôi đình, giận-dữ như sấm sét gió bão. Ông cụ nổi giận dùng dùng, là vì thấy con trai tự tiện lấy Kiều làm vợ.

1222) — *Nặng lòng* là nghĩ-ngợi lo-lắng, trong lòng như thấy nặng-nề canh-cánh.

E ấp : e là e-dè, ấp là ấp . ứng, e dè ngại-ngùng : ấp-ùng khó nói.

— Bản của Bùi.Kỷ Trần-trọng-Kim chưa là *e-lệ sợ hãi* thiếu nghĩa.

— Bản của Hồ-dắc-Hàm chưa là « *lòng đóng lối thôi và giảng đây nói nếu Thúc Ông cứ lòng đóng để cho Thúc Sinh say mê Thúy Kiều, thời nặng nề trong lòng lắm cho nên tình bắt phải lia nhau ra* »

Nghe cũng chưa thông. Theo ý chúng tôi, *nặng-lòng e-ấp* có nghĩa là Thúc.Ông trong lòng lo nghĩ thấy ngại ngùng khó nói (với Hoạn.Thư hoặc nhà Hoạn.Thư, nếu việc vô lễ) cho nên tính việc phân chia.

Tính bài phân chia là tính việc phân chia, tính việc bắt hai người phải chia lia nhau không được lấy nhau.

— Sở dĩ Thúc.Ông *nặng lòng e-ấp* là sợ sau này mang tiếng là nuông chiều con để nó chơi bời đàng điếm.

1223) *Biện bạch* là phán-bảo trắng ra ; nói trắng ra.

1224) Thúc.Ông bảo Thúc-Sinh trả Kiều về lầu xanh, không cho lấy.

Má phấn là đàn-bà đây trở Kiều.

Má phấn đối với lầu xanh, lời vẫn có màu và trang nhã thay.

1225) *Nghiêm huấn* là lời dạy bảo nghiêm-nghị, hoặc lời dạy bảo của ông bố, (Bố cũng gọi là *nghiêm-phụ* hay *nghiêm-đường* ; bố mình gọi là *gia-nghiêm*)

Đánh liều, Sinh mới lấy tình nài kêu : (1226)

Rằng ; « Con biết tội đã nhiều

« Dầu rằng sấm sét búa rìu cũng cam. (1227)

« Trót vì tay đã nhúng chàm. (1228)

« Đại rồi còn biết khôn làm sao đây ?

▪ Cùng nhau vả tiếng một ngày, (1229)

▪ Ôm cầm ai nỡ rút dây cho đành (1230)

1226) *Lấy tình lấy tình - cầm, dùng tình - cầm, không dùng lý-sự.* Theo lý thì việc Thúc.Sinh lấy Kiều không thể tha-thứ được, cho nên chàng phải lấy tình mà kêu nài với bố.

1227) *Sấm sét* đây trở sự giận dữ chửi mắng. Chữ Hán con giận gọi là *lời đình* nghĩa là sấm sét, Thúc.Sinh nói « *sấm sét* » để đối lại với *phong-lôi* ở trên.

Búa rìu dịch chữ *Phủ Việt* là hai thứ vũ khí thời cổ dùng để chém giết. Trong Ngũ-hình của Hoàng-Đế thời xưa thì hình-phạt thứ tư là *Phủ Việt*. *Búa rìu* đây dùng theo nghĩa là hình phạt nặng. Thúc.Sinh nói : chàng biết chàng có tội nhiều, tội ấy dù chửi mắng hay giết chết chàng cũng xin chịu.

1228) Nhưng tay đã trót nhúng vào chàm dù rút tay ra, thì cũng bị nhuộm xanh rồi, không rửa sạch được. Thúc.Sinh ví việc chàng lấy Kiều với việc nhúng tay vào chàm, biết là đại nhưng không lấy lại được. Chàng nói khéo cốt làm ông cụ ngơ đi cho, chứ thực ra vị tất chàng đã nhận là mình đại !

1229) Nếu là văn xuôi thì câu này viết :

Vả cùng nhau đã mang tiếng là vợ chồng một ngày.

1230) *Ôm cầm* tức là ôm đàn, *dây* nghĩa là lấy nhau chữ « *bả li ba* » đã chưa ở trên.

Ai nỡ rút dây cho đành : ai nỡ lòng rút đứt dây đàn, Do ý nói ai nỡ bỏ nhau.

« *Lượng trên quyết chẳng thương tình*
 « *Bạc đen thôi có tiếc mình làm chi* » ! (1231)

Câu này và câu trên : Và chẳng đã cùng nhau làm vợ chồng một ngày mà thôi, cũng không nỡ lìa bỏ nhau.

— Thúc-Sinh có ý nói với bố rằng chàng ăn ở với Kiều đã nửa năm trời, thì lại càng không thể bỏ nhau. Hai chữ *một ngày*, cốt làm nổi bật thi-gian 6 tháng Thúc-Sinh ăn ở với Kiều.

1231) *Bạc đen* : có bản chép là *bạc diên* và giảng *bạc* là trăm mình, *diên* là thất cớ ; có bản giảng *Bạc Diên* là tên hai con sông có nhiều người trăm mình. Có bản giảng « *bạc đen* » là chết sống cũng liều. Chúng tôi thấy đều câu kỳ và không hiểu câu cứ vào đâu mà giảng như thế.

— Có bản Pháp-văn lại dịch *bạc đen* là *blanc ou noir* nghĩa là trắng hoặc đen. Chúng tôi thấy hình như cũng không sát nghĩa.

— Tần-Đà tiên-sinh thì chua rằng : chưa tường.

— Chúng tôi cho rằng *bạc đen* đây nghĩa cũng như *đen bạc*. Và *đen bạc* là do chữ Hán *đơn bạc* hoặc *đan-bạc* biến ra. *Đơn bạc* nghĩa là mỏng-mảnh tức ăn ở thiếu nhân hậu, không đầy-đặn, không có nghĩa gì là trắng với đen. Cũng như chữ *bạc* trong *mệnh bạc*, *phận bạc* không có nghĩa gì là trắng.

Bạc đen, thôi có tiếc mình làm chi, nghĩa là cái thân này thôi cũng liều mang tiếng là ăn ở đơn-bạc với cha mẹ.

Thúc-Sinh muốn nói : nếu lượng người trên quyết không thương tình, cứ bắt chàng bỏ Kiều, thì chàng chẳng tiếc gì thân nữa, đành liều mang tiếng là *bạc đen*, nghĩa là không tuân lời cha, cứ lấy Kiều dù mang tiếng là *bạc đen* với cha cũng xin chịu vậy. Chàng không tiếc là không tiếc mình phải chịu tiếng *bạc đen*, chứ không phải là chàng liều chết không tiếc gì đời. Chết thì còn lấy thế nào được Kiều ?

Thấy lời sắt đá tri tri, (1232)

Sốt gan, ông mới cáo quỳ cửa công. (1233)

Đất bằng nổi sóng dùn dùn, (1234)

1232) *Lời sắt đá tri-tri*: hầu hết các bản Pháp-văn đều muốn hiểu là lời nói sắt đá tri tri của Thúc-Sinh. Bản M, R, dịch thế này :

« *Devent ces discours d'entété durs comme le fer et la pierre* ».

Thật ra lời đây không phải là lời Thúc-Sinh, mà là lời dèy của Thúc-Ông.

Thấy lời sắt đá tri tri: là Thúc-Ông thấy lời nói của mình gặp phải chỗ sắt đá tri tri trịnh thích, tức là thấy lời mình nói không chuyển cái lòng sắt đá tri tri của Thúc-Sinh.

Lời Thúc-Sinh thật ra không phải là lời cứng rắn như sắt đá, trái lại, chính là lời nói mềm mỏng « *lấy tình này kêu* »

Chính vì thấy nói không chuyển lòng sắt đá của con, mà Thúc-Ông phải nhờ đến công-lý.

1233) *Sốt gan* là nóng gan, là gan bốc hỏa, tức là *nổi giận*.

Cáo quỳ : là quỳ đệ đơn trình. *Cáo* là thưa trình. *Quỳ* là quỳ đầu gối xuống đất. Lệ xưa bất cứ già trẻ lớn bé ai vào quan thưa trình việc gì đều phải quỳ trước công đường, đầu đội là đơn. *Của công* tức công-môn là tiếng trỏ công-đường hay quan nha.

Bảo con không ăn lời, Thúc-Ông phải đem việc lên nhờ quan trên xét xử.

Bố mà phải đi kiện con ! quyền . hành ông bỏ ở thời Minh mà đã sút kém đến thế ư ?

Về một việc lấy vợ lẽ, mà con phải dè bố trình quan ! Ở thời Minh người con đã dám bướng bỉnh đến thế kia ư ?

Ở thời Minh, ai ngờ người ta đã sinh kiện-tung đến thế ?

1234) Do chữ *Bình địa ba đào* 平地波濤 nghĩa là việc xảy ra đột-ngột không ngờ như trên mặt đất bằng mà nổi lên sóng lớn, xem lời chua : *Bình địa ba đào* ở trên (gặp con bình địa ba đào).

Phủ-đường sai lá phiếu hồng thối tra, (1235)

Cùng nhau theo gót sai-nha

Song song vào trước sân hoa lạy quý (1236)

Trông lên mặt sắt đen sì, (1237)

Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời :

« Gã kia đại nết chơi bời.

« Mà con người thế là người đong đưa (1238)

(1235) *Phủ đường* là dinh quan Phủ (Đây là huyện Lâm-Truy, sao lại gọi là Phủ-đường ? Tác-giả sơ ý chăng ?)

Phiếu hồng là tờ phiếu sắc đỏ, tức là tờ trát của quan. Trát việc quan thường viết trên giấy trắng, hoặc viết trên hời bài bằng gỗ sơn. Đây trát lại viết bằng giấy hồng. Thời Minh việc quan dùng giấy hồng ? Hay tác-giả túng vắn ?

Thối tra là đòi hỏi.

Quan Phủ cho trát về đòi lên công đường hỏi kiện.

Ngày xưa người dân thường sợ phải tới cửa quan. Cho nên thấy trát quan đòi mà cho là « *đốt bằng nổi sóng* ».

(1236) *Song song* là đi song hàng thành một đôi, một cặp. đây trò Thúc-Sinh và Kiều.

Sân hoa là sân có trồng hoa, hoặc sân có tường hoa, hoặc chỉ là sân phủ đường, dẽm thêm chữ hoa cho đẹp lời.

(1237) *Mặt sắt* dịch chữ *thiết diện*. Thiết diện là mặt cứng dãn như sắt, không gì khuất-phục, lay chuyển nổi, mượn để trỏ ông quan chính-trực vô tư và về người nghiêm nghị. *Thiết diện* lại có nghĩa là mặt đen như sắt.

Sắc đen trong văn nghệ Trung-Hoa đã được dùng làm màu vẽ tượng trưng lòng bọc-trực, thẳng thắn, thủy chung nhất vật không đổi dạ thay lòng Trương-Phi, Uất-trì-Cung, Bào-Công... mấy nhân vật trung-trực có tiếng trong lịch-sử Trung-Hoa, đều được vẽ mặt đen sì.

Ở đây *mặt sắt* cũng dùng theo nghĩa là mặt đen và được giải-thích ngay trong câu văn.

(1238) *Gã kia* trỏ Thúc-Sinh.

Con người ấy trỏ Thúy-Kiều.

Tuồng gì hoa thái hương thừa.

« *Mượn màu son phấn đánh lừa con đen* (1239)

« *Suy trong tình trạng bên nguyên* (1240)

« *Bề nào thì cũng chưa yên bề nào* (1241)

« *Phép công chiêu án luận vào* (1242)

« *Có hai đường ấy muốn sao mặc mình ;*

« *Một là : cứ pháp gia hình.* (1243)

Đong đưa : là lừa gạt. Nguyên chữ *đong đưa* trở việc *đong* lường xong *đưa* tay một cái cho hột thóc gạo ở thưng dẫu rơi vãi xuống, khiến thưng dẫu rơi bớt đi, tức lừa gạt trong việc *đong* thóc gạo.

1239) *Mượn màu son phấn* là lấy son phấn tô-diêm cho đẹp (chớ thật ra không đẹp vì là hoa thái, hương thừa, Kiều là gái lâu xanh)

Đánh lừa giải thích cho rõ thêm nghĩa chữ *đong đưa* ở trên.

Con đen là dân đen đầu, tức dân thường dân ngu.

Tân-Đà phê : *Con đen* là nói thẳng dân ngu, đặt vào lời ông quan Phủ càng đắt lẫn.

Quan Phủ kết Kiều vào tội lừa gạt dân ngu.

Trước mặt Quan, Thúc-Sinh đã bị coi là một nạn-nhân bị Kiều lừa gạt vậy.

1240) *Tình trạng* là tờ trạng kể rõ tình-hình. *Trạng* tiếng riêng dùng về việc quan, là một tờ giấy kể rõ tình hình việc gì ; nay vẫn dùng những tiếng ; *cáo trạng*, *ủy-nhiệm trạng*.

Bên nguyên tức nguyên đơn, trở Thúc-Ông là người đứng ra đệ đơn kiện. Thúc-Sinh và Thúy-Kiều là những bị-cáo.

1241) Ý nói xét theo bề nào thì Kiều và Thúc-Sinh cũng không yên ổn lấy nhau được. Kết về bề vợ, thì Thúc-Sinh đã có vợ cả rồi ; về bề bố, thì Thúc-Ông không ưng cho Thúc-Sinh lấy Kiều.

1242) *Cứ* chiêu vào pháp luật mà luận mà luận cái án này.

1243) Thì có hai cách xử-đoán, tùy ý bị-cáo muốn chọn cách nào thì chọn.

Một là « *cứ pháp gia hình* »

« Một là lại cứ lâu xanh phó về » (1244)

Nàng rằng : « Đã quyết một bề.

Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần. (1245)

« Đục trong thân cũng là thân, (1246)

« Yếu thơ vằng chịu trước sân lồi - đình, » (1247)

Cứ pháp gia hình 拮法加刑 là y theo pháp-luật mà làm tội. Bốn chữ này là bốn Hán, thường dùng trong việc quan, tự miệng ông quan nói ra, rất là hợp.

Các bản ra trước đều chép « Cứ pháp gia hình », có lẽ chép sai, Bốn chữ đó là chữ liền trong danh - từ việc quan nào lại đọc riêng chữ pháp ra tiếng nôm (phép) ?

1244) Phó về, danh-từ quen dùng trong việc quan, nghĩa cũng như cho về, thả về, trả về, Thế là Kiều được phép chọn một cách xử đoán trong hai cách :

a/ chịu hình phạt.

b/ trả về lâu xanh.

Chịu tội thì khỏi phải về lâu xanh. Về lâu xanh khỏi phải chịu tội.

Luật-pháp đời Minh có khoan hồng như thế ? Hay đó chỉ là một cách xử đoán riêng, quan đặt ra, để xét thử tư-cách Thúy-Kiều ? Nếu nàng quả là con « người dong đưa » thì tất nàng sợ tội và tất xin trở về lâu xanh.

1245) Nàng đã quyết một bề lấy chồng. Nàng tự ví mình như con nhện và không muốn vương lấy tơ kia nữa. Nàng muốn nói không thích trở về lâu xanh. Nàng ví lâu xanh với tơ nhện, có lẽ vì nàng cho mắc vào đấy thì rắc rối loanh quanh khó lòng ra thoát, cũng như con nhện loanh quanh mắc mứu trong lưới tơ mình dăng ra.

1246) Đục là không trong sạch ; trong là trong sạch.

Đục trong thân cũng là thân Kiều muốn nói dù trước nàng ở lâu xanh (đục) hay không (trong) thì thân nàng nay cũng là thân người vợ, cũng là thân gái có chồng.

1247) Yếu là yếu ớt, vì là con gái.

Thơ là thơ ngây vì còn ít tuổi

*Dậy rằng ; « Cừ pháp gia hình »
 Ba cây chấp lại một cánh mẩu-đơn ! (1248)
 Phận đành chi dám kêu oan
 Đào hoen quện má, liễu tan-tác mày ! (1249)
 Một sân lấm cát đã đầy, (1250)
 Gương lơ nước thủy, mai gãy vóc xương. (1251)*

Dù nàng thơ, yếu nàng cũng vàng, chịu tội trước công-đường ; ý nói không ưng trở lại lầu xanh.

Lời đình nghĩa đen là sấm sét, đây trở hình pháp oai nghiêm đáng sợ như sấm sét.

1248) *Ba cây dịch chữ tam mộc* 三木

Tam mộc là một thứ hình cụ thời xưa, gông cùm và kẹp cả chân tay.

Một cánh mẩu đơn là một đóa hoa mẩu đơn ; mẩu đơn là thứ hoa đẹp nhất trong các thứ hoa, đây ví Kiều với hoa mẩu đơn.

Cả câu : Theo lời quan truyền, Kiều bị đem ra làm tội.

Ba cây đây có lẽ chỉ có nghĩa là làm tội. Tội ấy có thể là dăng nọc Kiều ra đánh, chứ không nhất định phải là gông cùm.

1249) *Đào hoen quện má* : má đào hoen quện, ý nói Kiều tái mặt thất sắc, hoặc nước mắt nàng tuôn rơi hoen quện cả má đào.

Liễu tan tác mày : mày liễu tan tác, ý nói Kiều chau mày nhăn rãnh chịu đau, lông mày lá liễu coi không còn ra hình lá liễu nữa.

Câu này tả nỗi đau đớn sợ hãi lộ ra nét mặt Kiều. Nỗi đau đớn ấy nàng cắn răng chịu vậy, không dám kêu oan, nên lộ ra nét mặt rỗ rệt.

1250) *Sân công-đường cát bụi* lấm lên, có lẽ vì Kiều bị đánh đòn, cát bụi tung lên, hoặc vì Kiều đau đớn, lăn-lộn lấm lấm cát.

1251) *Mặt* nàng bị cát bụi dính vào, khó nhận ra được giống như tấm gương bị lơ nước thủy, soi không rõ nữa.

Thân thể nàng liễu tụy gãy vóc xương-xấu như cành mai.

*Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy, lòng càng xót xa.
Khóc rằng : « Oan khốc vì ta ! (1252)
« Có nghe lời trước, chớ đã lụy sau (1253)
« Nóng lòng chẳng biết nghĩ Sầu (1254)
« Đề ai trắng túi, hoa sầu vì ai ? » (1255)
Phủ đường nghe thoảng vào tai.
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây. (1256)
Xụi-xụi chàng mới thưa ngay :*

Câu này tác-giả cực tả cái hình thù tiều-tụy của nàng Kiều khi bị làm tội. Thật ra, Kiều không thể gầy vồ đi mau chóng như vậy được.

1252) *Oan khốc* cũng như *oan khổ*, nghĩa là oan-uổng một cách đau đớn, oan-uổng quá đời.

Chính vì Kiều lấy Thúc-Sinh mà bị đánh oan như vậy, Nàng có tội gì đâu ?

Có bản giảng *oan khốc* là *khốc oan* thì sai.

1253) Nếu chàng nghe lời nàng nói tức trước (tức là không lấy nàng) thì sau đã chẳng đề lụy cho nàng như vậy.

1254) *Nóng lòng* là lòng nóng nổi, không nghĩ sâu-xa. Thúc-Sinh tự trách chàng nóng nổi, không nghĩ kỹ.

1255) *Trắng túi hoa sầu* : túi với trắng, sầu với hoa, ý nói Kiều phải tủi thẹn với cảnh vật. Đối với vật vô tri còn tủi thẹn thì đối với ai không tủi thẹn ?

Chữ *ai* trên trở Kiều. Chữ *ai* dưới Thúc-Sinh tự trở mình. Chàng tự nhận lấy trách nhiệm làm Kiều phải tội.

1256) *Gạn* là hỏi tỉ mỉ, kỹ lưỡng, từng li từng tí. *Lời riêng tây* là lời nói riêng với nhau.

Đây là lời Kiều nói riêng với Thúc-Sinh ngày trước.

Vì Thúc-Sinh nói : « Có nghe lời trước chớ đã lụy sau » Nên quan Phủ gạn hỏi xem trước nàng nói thế nào.

Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân (1257)

Nàng đã lĩnh trước xa gần,

Từ xưa nàng đã biết thân cô rày

« Tại tôi hứng lấy một tay, (1258)

« Đề nàng cho đến nỗi này vì tôi.»

Nghe lời nói cũng thương lời, (1259)

Giệp uy mới dậy cho bài giải vi. (1260)

Rằng : « Như hửn có thể thì... (1861)

1257) Cầu thân là cầu làm thân, đây là hỏi Kiều làm vợ, đồ. Kiều lấy mình, Thúc-Sinh kể rõ đầu đuôi câu truyện khi chàng định lấy Kiều, chàng nói sao và nàng nói sao.

1258 — *Hứng lấy* là đón lấy, đỡ lấy, nhận lấy.

Tiêu-Sinh nói tại chàng đứng ra chịu hết mọi trách nhiệm các việc sẽ xảy ra thì nàng mới ưng lấy chàng Thành ra việc đến nỗi này là tại chàng cả.

1259) — *Thương lời* không phải là thương lời nói mà là thương kẻ nói lời ấy. Trong văn-chương ta thường có những câu nói phải hiểu ngầm như vậy. Thí dụ như *thương tài* là thương kẻ có tài, chứ không phải thương cái tài. Nếu cứ hiểu theo cách đặt câu của văn Tây thì nhiều khi lầm.

1260 — *Giệp uy* là giệp bỏ vẻ oai-nghiêm đi, nét mặt và lời nói dịu ngọt hiền từ.

Dậy là bảo cho, dùng cho người trên nói với người dưới.

Bài giải vi là cách-thức giải vi. *Giải vi* là giải vòng vây, phá bỏ vòng vây, tháo vòng vây. Đây nghĩa là tìm lối thoát, tìm lối gian xếp cho xong xuôi công việc.

1261) — Ý câu này đi liền một mạch xuống câu dưới mới lộn. Xét câu văn này, thì lối *giảng câu* hay lối *nhảy ý* (enjambement) trong thơ mới không có gì mới.

• *Trăng-hoa song cũng thị phi biết điều.*» (1262)

Sinh rằng : « chút phận bọt bèo,

« Theo đòi và cũng ít nhiều bút nghiên. » (1263)

Cười rằng « Đã thế thì nên, (1264)

« Mọc-già hãy thử một thiên trình nghề» (1265)

Nàng vàng, cất bút tay đề, (1266)

1262) — *Trăng hoa* trở sự ăn chơi dăng điểm. Ông quan muốn ám chỉ Thúy-Kiều tuy là gái lầu xanh song cũng biết điều thị phi.

Thị phi biết điều là biết điều thị phi, biết phận biết điều phải điều trái.

1263) — Và chẳng nàng cũng có theo đòi ít nhiều bút nghiên. Thúc-Sinh nói khiêm tốn rằng Kiều cũng có biết làm văn làm thơ. Ở thời ấy đàn bà có theo đòi bút nghiên, là truyện hiếm có. Cho nên Thúc-Sinh trình quan Phủ biết có ý mong quan xét-thương cho.

1294) — Mặt sắt đen sì, mà đến đây đã phải cười, thì công việc của Kiều và Thúc-Sinh đã có cơ xong được.

Duy không hiểu cái cười của quan Phủ có nghĩa như thế nào ? Quan thấy Kiều có tài văn-chương mà thích chỉ chẳng ? Quan ngờ vực lời Thúc-Sinh mà cười chẳng ? Quan thấy vẻ thành thực ngây thơ của chàng Thúc si-tình mà bật cười chẳng ? Hay là cái cười ấy biểu lộ sự thỏa-mãn của quan về cách giải-quyết văn - đề quan đã sắp đặt ngầm trong trí ?

Đã thế thì nên : đã vậy thì được. thì hay

Quan Phủ ngỏ ý khen ngợi Thúy-Kiều.

1265) — *Mọc già* 木加 là cái gông.

Một thiên là một bài, đây là một bài thơ.

Trình nghề là trình cho biết cái tài nghề văn thơ.

Quan Phủ ra đầu đề « mọc già » bảo Kiều làm đề thử tài (tức là làm thơ cái gông). Kiều vừa bị gông xong,

1266). *Cất bút* là *cử bút* tức là nâng bút lên đưa đi đưa lại, ý nói nàng cầm bút viết.

Tiên-hoa trình trước án phê, xem tường, (1267)

Khen rằng : « Giá lợp Thịnh-Đường, » (1268)

« Tài này, sắc ấy, nghìn vàng chưa cân ! (1269)

« Thật là tài-tử giai-nhân, (1270)

Tay đề : tay viết,

Kiền vàng lời tay cầm bút đề thơ.

Như vậy thì ra lúc này Kiêu đã được tha hình-cụ rồi không phải gông cùm nữa.

1267) — *Tiên hoa* là tờ giấy hoa-tiên, tức giấy viết thư vó vẽ hoa. Đây có lẽ chỉ là tờ giấy thường, nói *Tiên hoa* cho đẹp lời văn.

Án phê là bàn quan ngồi phê chữ vào giấy tờ, tức là bàn giấy quan phủ.

— Ngay lúc đó Kiêu làm xong bài thơ « cái gông » trình lên quan xét, Tài làm thơ của nàng cũng miễn tiếp thay.

1268) — *Giá lợp* : giá trị trùm lợp, giá cao hơn, ý nói thơ hay hơn.

Thịnh-Đường, là thời kỳ thơ Đường toàn thịnh. Thơ đời Đường có tiếng là hay hơn các đời khác: Thời kỳ đầu gọi là *Sơ Đường* tức khi nhà Đường mới nổi, thơ bắt đầu hay, thời kỳ thơ Đường hay nhất có Lý-Bạch, Đỗ-Phủ, gọi là *Thịnh-đường* ; thời kỳ cuối gọi là *Mạt Đường* hay *Vãn-đường* thơ đã kém hay.

— Quan Phủ khen thơ Kiêu hay hơn cả thơ Thịnh Đường ý nói hay lắm.

1269) — Có tài học như vậy lại có sắc đẹp như vậy thì nghìn vàng cũng chưa cân với Kiêu.

Ý nói nghìn vàng mua nàng còn là rẻ.

Người xưa thường lấy vàng bạc đánh giá con người. Ngày nay lối đánh giá ấy có lẽ không hợp thời nữa.

1270) *Tài tử* là người con trai có tài, đây trở Thúc-Sinh, *Giai-nhân* là người con gái có sắc có tài, đây trở Thúy-Kiều. Quan Phủ khen hai người tốt đôi vừa lứa.

« Châu, Trần còn có Châu, Trần nào hơn ! (1271)

« Thôi đừng rước dữ, cuu hờn (1272),

Làm chi lỡ dịp Cho đờn ngang cung ! (1273)

« Đã đưa đến trước cửa công (1274)

« Ngoài thì là lý, song trong là tình. (1275)

1271)— Châu Trần là họ Châu và họ Trần ở huyện Phong Châu. Từ đời xưa, hai họ này đời-đời làm thông - gia với nhau. Cho nên sau hai chữ Châu Trần được mượn để trở sự lấy vợ lấy chồng.

Tại-tử sánh với Giai - nhân, quan Phủ khen không còn cuộc nhân-duyên nào tốt đẹp hơn cuộc nhân - duyên này nữa. Quan Phủ này đến hay ! Không xử theo ý bên nguyên mà lại tán thành cho bị-cáo lấy nhau !

1272)— Rước dữ cuu hờn là mua rước lấy điều giận dữ hờn oán. Câu này quan Phủ nói với Thúc - Ông là bên nguyên đơn.

1273)— Quan khuyên Thúc-Ông không nên làm cho lỡ dịp đàn cho cung đàn ngang ra nghe không hay. Ý nói không nên rẽ duyên đôi lứa Thúc.sinh và Kiều.

Quan có ý cho cuộc nhân-duyên giữa hai người êm đẹp như cung đàn. Rẽ duyên hai người ra là làm cho đàn ngang cung.

1274)— Đã đưa việc đến trước công môn, ý nói việc Thúc. Ông kiện con trai và con dâu.

1275)— Ngoài thì là lý : ở bề ngoài thì là lý sự giữa nguyên bị, ý nói coi bề ngoài thì việc kiện cáo.

Song trong là tình : Song bề trong vẫn là tình bố con ruột thịt một nhà.

Lý là lý trí, là pháp-lý, là lý sự.

Tình là tình cảm, là tình diện, là tình nghĩa.

Lấy pháp lý mà xét việc là dụng-lý. Lấy tình cảm mà xét việc là dụng tình. Vụ này bên ngoài là lý, bên trong là tình. Và quan Phủ đã xử đoán theo tình - cảm chứ không theo pháp lý.

« Dâu con trong đạo gia-đình (1276)
 « Thời thì đẹp nổi bất bình là xong » (1277)
 Kíp truyền sắm sửa lễ công (1278)

1276) — Dâu, con là con dâu và con trai, tức Thúc-Sinh và Thúy-Kiều.

Đây là lời quan Phủ nói với Thúc-Ông.

Do lời quan Phủ nói người ta biết Thúc-Ông lúc đó cũng có mặt ở công đường. Đó cũng là một ngón hư-tả quen dùng của tác giả.

1277) — Quan Phủ khuyên Thúc-Ông nên dẹp bỏ nổi bất-bình là việc xong. Tất cả vụ này là do Thúc-Ông bất-bình về việc Thúc-Sinh lấy Thúy-Kiều. Nay nếu Thúc-Ông người giận thì việc tự khắc xong.

1278) — Lễ công tức công lễ, lễ chính-thức. Lễ đây là lễ thành hôn tức lễ cưới.

Quan Phủ truyền sắm-sửa làm lễ thành-hôn chính-thức cho Thúc-Sinh lấy Kiều.

Như vậy là Thúc-Ông bị thua kiện to. Chẳng những ông không được hài lòng mà Thúc-Sinh và Thúy-Kiều lại được quan Phủ đứng ra làm chủ hôn cho lấy nhau chính thức. Hôn lễ lại được quan truyền sắm sửa và do người nhà quan phục-dịch thi-hành; vụ kiện kết thúc thật là lung ngoai sự tưởng tượng của mọi người và nhất là đối với hai, nam-nữ bị cáo.

Đời xưa ông quan là phụ mẫu của dân cho nên quyền hành rất rộng. Ông quan xưa là người thay mặt Vua, mà Vua là Thiên-tử thay trời trị dân, nên quyền hạn vô-tận. Đối với ông quan xưa việc chủ-hôn cho đám cưới này không có gì là lộng-quyền, và chỉ là một truyện thường thôi. Nhưng trước con người thời nay thì việc này là việc ngoài phạm-vi quyền-hành của ông Quan; và người ta phải đặt câu hỏi: căn-cứ vào luật-pháp nào mà ông Quan xử-đoán như vậy?

Kiếp hoa cất gió, đuốc hồng điểm sao (1279)

Bầy hàng cỏ-xúy xôn-xao (1280)

Song song đưa tới trượng đào sánh đôi (1281)

Thương vì hạnh, trọng vì tài (1282)

1279) — *Kiếp hoa cất gió* : Kiếp hoa cất lên vai đi nhanh như gió, ý nói kiếp đi mau lắm.

Đuốc hồng điểm sao ; Đuốc hồng điểm những chấm lửa lên nền trời sao, ý nói hôn-lễ cử-hành trong đêm tối. Theo cổ tục Tàu, lễ cưới xin rước dâu bao giờ cũng cử-hành vào ban đêm. Chính chữ Hôn trong *hôn-nhân* nghĩa là đêm tối.

Thế là đám rước dâu này do Quan Phủ truyền tổ-chức ; kiệu và đồ hành ngoi, đều thuộc của công, phu kiệu là người nhà quan.

Chỉ vì thấy Thúy-Kiều có tài làm thơ mà quan Phủ nhiều nuông đến thế : ta thấy thời xưa, văn-chương được khi-trọng đề-cao nhường nào.

Đến đây nghĩ lại, ta hiểu rõ vì sao mà Kiều đã mắc lừa Sở-Khanh. Sở-Khanh làm thơ mãi tiếp như vậy được Kiều coi là người đáng tin cậy là phải lắm.

1280) *Bầy hàng* là bày ra thành hàng, bày ra thành hai hàng.

Cỏ-xúy : cỏ là trống, xúy là sáo. Cỏ xúy là nhã-nhạc bát âm.

Đám rước dâu này cũng cử-hành theo đúng nghi-thức hôn-lễ thường-lệ, có đủ cả nhã-nhạc bát âm.

(*Quần-huyền dân đã giục người sinh ly.*)

1281) *Song-song* là cả đôi, cả cặp. Thúc-Sinh cũng được đi kiệu rước về nhà cùng một lượt với Kiều.

1282) *Hạnh* là nết-na, tính-hạnh. Chắc là từ khi ở phủ ở trong về, Thúy-Kiều hết sức ấn ở cho ra người hiếu-hạnh đối với bố chồng nên Thúc-ông lúc ấy lại thương nàng vì hạnh. Tài đây là tài văn-chương. Thúc-ông đã được thấy nàng làm thơ trước mặt quan phủ, không những Thúc-ông thương nàng lại trọng nàng, vì là có tài. Thì ra lúc trước ông cụ chỉ thấy nàng là gái lầu xanh nên không ưa.

Thúc-ông thôi cũng giúp lời phong ba (1283)

Huê lan sức nức một nhà (1284)

Từng cay đắng lại mặn-mà hơn Xưa (1285)

Mảng vui rượu sớm trà trưa (1286)

Đào đà phai thắm, sen vừa nảy xanh (1287)

Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh (1288)

1283) *Giúp lời phong ba* : giúp lời bất bình. Có phong ba tức là có sóng gió tức trời đất có sự bất-bình không phẳng-lặng. Đây ví sự bất-bình với cơn phong-ba.

1284) *Huê lan* là hoa bệ hoa lan, đây mượn đề nói sự xum-hợp vui-vẻ. *Sức nức một nhà*, ý nói hoa huê lan thơm nức cả nhà, tức là xum hợp vui hòa, không có điều kia tiếng nọ.

1285) *Từng cay đắng* : từng phen chịu cay đắng, ý nói từng đưan nhau đi kiện quan.

Cả câu : cảnh nhà lại dầm-ấm mặn-mà hơn xưa, hơn khi xưa xảy ra vụ kiện.

1286) *Mảng vui* cũng như mãi vui.

Rượu sớm trà trưa tả cái cảnh phong lưu nhàn-nhĩ sáng uống rượu trưa uống trà, không có gì vội-vã phiên lụy. Trong cảnh phong lưu thì-gian trôi đi rất chóng, vì người ta không đề ý tới thì-gian.

1287) *Đào đà phai thắm* : hoa đào đã phai sắc thắm, ý nói mùa xuân đã qua.

Sen vừa nảy xanh : lá sen vừa mọc xanh ý nói mùa hạ bắt đầu.

Vụ kiện giữa Thúc-ông và Thúc-Sinh xảy ra từ mùa thu năm ngoái. Nay đã mùa hè năm sau. Nghĩ là Kiều với Thúc-Sinh xum hợp với nhau đã được non năm trời.

1288) *Trướng hồ* là trường gián bằng hồ, đây trở nơi buồn khe.

Đêm thanh tức là đêm thanh vắng, ý nói chỉ có vợ chồng với nhau, không có người ngoài hay biết. Vợ chồng nói kín với nhau.

E tình, nằng mới bày tình riêng chung (1289)

« *Phận bỏ từ vẹn chữ lòng (1290)*

Đổi thay nhận gấm đã hồng đầy niên (1291)

« *Tin nhà ngày một vắng tin*

« *Mặn tình cát-lũy, lạt tình tao-khang (1292)*

1289) *E tình* : là e sợ sự tình xảy ra, ý nói e sợ những việc xảy tới.

Bày là giải bày.

Tình riêng chung : tình riêng và tình chung. Tình riêng là tình giữa Kiều với Thúc-Sinh ; Tình chung là tình giữa Thúc-Sinh với Kiều và vợ cả Thúc-Sinh.

1290) *Phận bỏ* là phận lờ liễu tức phận yếu ớt (xem chữ Bỏ-liễu đã chua ở trên, số 650).

Từ vẹn chữ lòng từ khi ăn ở trọn vẹn đạo tông. *Tông* đây là tông phu một trong Tam-tông của phụ-nữ.

Câu này ý nói phận hèn yếu từ khi về làm vợ Thúc-Sinh

1291) *Đổi thay nhận gấm* ; Chim nhận thì mùa thu đến mùa xuân đi, chim én thì mùa xuân đến, mùa thu đi, hai giống chim này hình như thay phiên đi, lại, ý nói hết mùa nọ sang mùa kia.

Đã hồng đầy niên : đã mong, đã sắp đầy năm, ý nói đã gần được một năm.

1292) *Cát lũy* là sắn bìm, loài dây leo, vì phận làm vợ lẽ.

Tao khang là bồng và cám, ý nói người vợ cả lấy lúc hàn-vi, cùng ăn bồng ăn cám với nhau. Chữ *Tao khang* là do Tống-Hoảng đời Hán dùng để trỏ người vợ cả. Vua Quang-Vũ nhà Hán có người chị gái mới góa chồng là Hồ-Dương Công-Chúa muốn gả cho triều-thần là Tống-Hoảng.

Vua hỏi ý Hoảng. Hoảng tâu :

Tao.khang chỉ thế bất khả hạ đường. 糟糠之妻不可下堂 nghĩa là người vợ cám bồng không thể dễ xuống dưới thềm. Vua biết ý, bỏ việc ấy đi.

— Chữ *tinh* trong câu này không vần với chữ *tin* ở câu trên, ngờ rằng chép lầm chăng ?

« Nghĩ ra thật cũng nên rường (1293)
 Tắm hơi ai kẻ giữ giòng cho ta (1294)
 Trộm nghe kẻ lớn trong nhà (1295)
 Ở vào khuôn phép, nói ra mối rường (1296)
 « E thay những dạ phi-thường (1297)
 Dễ dò rốn bề khôn lường đáy sông (1298)

Hay là người Trung-Bộ đọc tin là tỉnh nên tác-giả đã theo dạng đọc ấy mà hạ vần.

Cả câu ; mặt tỉnh với vợ lẽ mà nhạt tỉnh với vợ cả. Kiều nói câu này cũng biết mình biết người lắm.

1293) *Thật cũng nên rường* : Rường tức là rường mối. Rường đây có nghĩa là : mối tức là mối lo. Ý Kiều muốn nói : nghĩ ra thật cũng nên cho là mối đáng lo.

1294) *Tắm hơi* là tin tức.

Giữ giòng là giữ gìn. Ý Kiều muốn nói ai giữ gìn cho ta để tin tức khỏi đến tai Hoan-Thư.

1295) *Trộm nghe* là nghe lỏm được, nghe trộm được, vì chưa biết rõ.

Kẻ lớn trong nhà đây nói vợ lớn, của Thúc-Sinh.

1296) *Ở vào khuôn phép* : ăn ở vào khuôn vào phép, ý nói ăn ở căn-cơ nghiêm-ngệ.

Nói ra mối rường : ăn nói thì ra rường ra mối, ý nói ăn nói có gang có thép, nói có sách mách có chứng. Cả câu : vợ lớn Thúc-Sinh là người ăn ở căn - cơ, nói năng đánh thép, đáng sợ.

1297) *Dạ phi thường* : bụng dạ khác người thường, ý nói bụng dạ thâm độc.

1298) *Dễ dò rốn bề* : dễ mà dò được rốn bề, chẳng ?

Khôn lường đáy sông khó mà lường được đáy sông.

Ý nói bụng dạ người không dò biết được như rốn bề, đáy sông. Câu này lấy chữ câu phương-ngôn :

« Sóng sâu còn có kẻ dò

Lòng người hồ dễ ai đo cho cùng »

Mà ta suốt một năm ròng
 Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào
 Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao (1299)
 «Hoặc là trong có làm sao chàng là (1300)
 Xin chàng liệu kíp lại nhà,
 * Trước người đẹp ý, sau ra biết tình (1301)
 Đêm ngày giữ mực giấu quang.
 «Rầy lần mai lửa như hình chưa thông ? (1302)
 Nghe lời khuyên nhủ thông-dong,

1299) Bấy chầy từ bấy đến nay, từ độ ấy đến giờ.
 Chưa tỏ tiêu hao : chưa biết rõ tin-tức vợ cả ở nhà.
 Ý nói trong thời-gian Kiều lấy Thúc-Sinh không được
 tin tức vợ cả Thúc-Sinh.

1300) Trong tức trong nhà.

Hoặc là trong nhà có truyện làm sao đó. Kiều nói vậy,
 vì nàng nghĩ rằng trong một năm chung-chạ với Thúc-Sinh
 tin ấy nhất định Hoạn-Thư đã biết rõ nhưng vì có làm sao,
 đó, nên chưa thấy tin gì.

Như vậy tất là trong nhà có truyện thế nào chứ không
 không.

Nghĩ như vậy, kể Kiều cũng là người cơ cảnh sáng-
 suốt lắm, chứ không chủ-quan mù-quáng chút nào.

1301) Người đây trở vợ cả Thúc-Sinh.

Đẹp ý tức đẹp lòng, vui lòng, bằng lòng.

Biết tình : biết rõ tình ý Kiều giục Thúc-Sinh kíp về nhà
 quê thăm vợ cả, trước là đề nàng đẹp lòng (vì một năm ròng
 chàng không hỏi đến vợ cả) sau là đề biết rõ tình-ý vợ cả
 đối với việc chàng lấy Kiều.

1302) Đêm ngày Có bản chép là vì bằng.

Rầy lần mai lửa là nay lần may lửa. Có lẽ Thúc-Sinh
 trần-trụi nhiều lần chưa quyết cho vợ cả biết việc mình
 lấy Kiều, nên nàng nói vậy.

Đành lòng, sinh mới quyết lòng hồi-trang (1303)

Rạng ra gửi đến xuân-đường (1304)

Thúc-ông cũng với giục chàng ninh-gia (1305)

Tiền đưa một chén quan hà, (1306)

Xuân-đình thoát đã dạo ra Cao-đình (1307)

Chưa thông tức là chưa xuôi, còn gặp ngang trở.

Kiều thúc giục chàng Thúc thú thật với vợ cả đề việc mình lấy Thúc-Sinh được chính thức công nhận. Theo chỗ độ luân-lý gia-đình cũ, vợ lẽ phải được vợ cả công nhận thì mới chính thức.

Kiều nguyên-tắc và biết thân phận lắm.

1303) *Hồi trang* 回堂 là đồ hành lý về quê.

Quyết lòng hồi trang: quyết lòng thu xếp hồi trang. Về kỹ thuật đặt câu, câu này đặt hơi cưỡng ép.

1304) *Rạng ra*: rạng ngày ra, ý nói sáng sớm hôm sau.

Gửi tiếng cò nghĩa là thưa trình.

Xuân đường: ông bố (đã chưa nghĩa ở trên) sáng sớm hôm sau, Thúc-Sinh thưa truyện với ông bố về việc đó.

1305) *Ninh gia* 寧家 là về thăm nhà.

Thúc-ông cũng cho là phải và giục chàng về quê.

Từ trước ông không nói gì, bây giờ ông nói theo ý Kiều giục chàng về quê, điều này cho biết Thúc-ông quá thương Kiều nên tán-thành ý kiến của nàng.

1306) *Chén quan hà*: quan là cửa ải, hà là sông. *Quan hà* ý nói đường xa xa xói cách trở sông núi. *Chén quan hà* là chén rượu tiễn biệt người đi xa.

1307) *Xuân đình* 春庭 là nhà ở của cha chính nghĩa là sân trồng cây xuân.

Cao đình 皋亭 đây trở nơi tiễn biệt. Thơ cổ có câu: *Cao đình tương biệt xứ*; *cao đình* là nơi chia tay nhau.

Có mấy bản giảng *xuân đình* là nhà chơi hình như không đúng, hai chữ *đình* trong câu này là hai chữ khác nhau. Tác giả chơi chữ. Câu này nói đang ở nhà cha thoát đã tới chỗ chia tay nhau, ý nói Thúc-Sinh đi mau chóng vội vàng.

Sông Tần một dải xanh-xanh, (1308)

Loi thoi bờ liễu, mấy cảnh Dương-quan, (1309)

Cầm tay dài thở, ngẩn than. (1310)

Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời, (1311)

1308) *Sông Tần* ý nói nơi chia tay nhau, người ở bên này sóng người ở bên kia sông. Lấy ý câu thơ cổ : *Dao vọng tần xuyên, can trường đoạn tuyệt* : rồi trông nước sông Tần mà gan ruột như đứt từng khúc.

Có bản giảng *sông Tần* là sông Tần-Hoài là con sông chảy ở miền Giang-Tô quê hương Thúc-sinh, giảng thế nghe cũng có lý.

1309) *Loi thoi bờ liễu* : bờ liễu buông cảnh loi thoi dài ngắn không đều. Hai chữ *loi thoi* hàm ý chề cảnh bờ liễu không đẹp mắt, vì tiễn người đi xa thì lòng buồn, đây nói lên đề tả ý chia tay nhau. Thời xưa, người ta tiễn bạn : bẻ cành liễu đưa cho người đi.

Mấy cảnh Dương-Quan : mấy cảnh liễu tiễn biệt người đi xa, *Dương-quan* là một cửa ải ở biên giới tỉnh Thiểm-tây là nơi chia địa giới nước Trung-Hoa. Vương - Duy thi - gia đời Đường tiễn bạn là Nguyễn-Nhị đi xứ nước An-tây có thơ rằng :

Vị thành triêu vũ ập khinh - trần

Khách xa thanh thanh liễu sắc lân

Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu

Tây xuất Dương-quan vô cố nhân

Mấy cảnh Dương-quan tức mấy cảnh liễu nói trong bài thơ trên. Tác giả mượn ý thơ cổ đề tả ý tiễn biệt chờ sự thật nơi tiễn biệt Thúc-sinh vì tất đã có bờ liễu, vì tất đã có sông Tần.

1310) Cả hai người cầm tay nhau thở ngẩn than dài vì sắp phải xa nhau. Quấn quít với nhau đến thế là cùng. Về quê mà làm như đi Sứ vậy.

1311) *Chia phôi ngừng chén* ; chén là chén rượu tiễn biệt. Ở chỗ tiễn-biệt nhau có làm tiệc tiễn hành. Vì buồn, hai người không nuốt nổi rượu, cho nên ngừng chén lại.

Nàng rằng: « Non nước xa khơi,
 « Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm, (1312)
 « Dễ lừa yếm thắm, tròn kim, (1313)
 Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng ! (1314)
 « Đói ta chút nghĩa đeo bông. (1315)
 « Đến nhà trước liệu nói song cho mình, (1316)

Hợp tan ghen lời : ghen - ngio không nói nên lời, vì hai người đều buồn về cái cảnh đang hợp (xum họp) mà tan (chia ly).

1312) *Trong ấm thì ngoài mới êm* : ở trong nhà êm-ấm thì ở ngoài truyên mới êm-ấm : truyên với vợ cả nhà ở có giàn-xếp được êm-ấm thì truyên ở với Kiều ở ngoài mới thoải mái.

1313) *Tục-ngữ có câu : dễ lừa yếm thắm, khó lừa được tròn kim* » nghĩa là yếm đỏ thắm tuy rõ lồ-lộ nhưng không chú ý thì có khi không trông thấy, cái tròn kim tuy nhỏ bé song chú ý thì nhìn vẫn thấy.

Sách Tàu có câu : « *Mạc hiền hồ vi* » nghĩa là không có gì rõ-rệt bằng sự nhỏ bé. Cũng một ý ấy. Câu này mượn chữ tục-ngữ nhưng không theo hẳn nghĩa tục-ngữ mà có nghĩa rằng *Dễ mà lừa được yếm thắm và tròn kim hay sao ?* Ý nói việc tu việc nhỏ đều khó lòng giấu kín được. Kiều có ý khuyên Thúc-sinh cứ nói thật mọi việc cho vợ cả biết.

1314) *Bưng mắt bắt chim* là làm một việc bất khả. Kiều khuyên Thúc-sinh không nên làm việc bất khả như bưng mắt bắt chim. Việc bất khả đây là việc « *dễ lừa yếm thắm tròn kim* » việc giấu kín truyên chàng lấy vợ lẽ.

1315) *Ca-dao có câu Đã trót đa mang nên phải đeo bông* » *Đói ta chút nghĩa đeo bông* là chút nghĩa đeo bông của đôi ta tức việc hai bên lấy nhau.

1316) *Nói song* tức nói ngay, nói thẳng ra. *Cho mình là cho rõ ràng*

Tất cả những lời lý-luận của Kiều chỉ cốt đi đến ý câu

- « *Dù khi sóng gió bất-linh, (1317)*
 « *Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi, (1318)*
 « *Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,*
 « *Lại mang những việc tây trời đến sau (1319)*
Thương nhau xin nhớ lời nhau (1320)

này. Sở dĩ Kiều phải lý-luận nhiều như vậy là vì nàng e Thúc-Sinh giấu-giếm việc lấy nàng không nói cho vợ cả biết, thì địa vị nàng không thể vững vàng lâu-bền được.

1317) *Bất linh* là không rõ trước, không ngờ trước, bất-thình-linh. *Sóng gió bất linh* là những việc lời thối giận-dữ thình-linh xảy ra.

Kiều cũng biết trước rằng Thúc-Sinh nói thật mọi điều với vợ cả thì thế nào vợ cả cũng nổi cơn ghen tuông và sinh sự lời thối.

1318) *Lớn ra uy lớn* : Vợ lớn ra oai quyền vợ lớn.

Nếu xảy ra những truyện như thế, thì vợ cả cố nhiên có oai-quyền của vợ cả, còn nàng thì nàng cam đành cái phận lẽ-mọn, nghĩa là nàng sẽ phải phục tùng vợ lớn.

Có lẽ Kiều yên trí rằng nếu vợ lớn ra oai thì nàng sẽ có cách làm cho vợ lớn nguôi lòng và băng lòng cho nàng làm vợ bé.

Kiều mới biết cái hạnh phúc làm vợ lần đầu tiên, nên nàng chỉ mong được làm vợ bé Thúc-Sinh, dù phải chịu cái luân thế nào nàng cũng cam. Và chẳng nàng đã ghé tởm cái đời trụy lạc nhơ nhớp của gái lầu xanh.

1319) — *Việc tây trời* là việc to lớn quá, Kiều muốn nói việc lời thối to do vợ cả Thúc-Sinh có thể gây ra.

Kiều không muốn Thúc-Sinh cứ giấu ngược giấu xuôi vợ sau có thể xảy ra những việc lời thối lớn.

1320) — *Thương nhau* ; thương đây dùng theo nghĩa ở miền Trung, là yêu ; *thương nhau* tức yêu nhau Kiều phải viện tình yêu giữa hai người để dẫn dò Thúc-Sinh chớ quên lời nàng. Đủ biết nàng quan-tâm về việc cả lẽ như thế nào.

« Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy, (1321)

« Chén đưa nhớ bữa hôm nay, (1322)

« Chén mừng xin đợi ngày này năm sau ! » (1323)

Người lên ngựa, kẻ chia bào, (1324)

Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan-san (1325)

1321) — Chầy là dài. Kiều muốn nói dù phải đợi chờ nhau hàng năm nàng cũng không cho là chầy. Cốt sao cho vợ cả đẹp lòng là được.

1322) — Chén đưa là chén rượu tiễn đưa, chén rượu tiễn bành.

Nhớ bữa hôm nay chính là nhớ bữa tiệc tiễn biệt ngày hôm nay, nhưng ý Kiều không muốn nói là nàng hay Thúc-Sinh nên nhớ bữa rượu tiễn-hành. Nàng có ý khuyên Thúc-Sinh nên nhớ những lời nàng dặn trong bữa tiệc hôm nay. Cái ý đính ninh dặn dò của Kiều thật là rõ rệt.

1323) — Chén mừng là chén rượu mừng mặt nhau, tức là chén rượu mừng Thúc-Sinh trở về.

Xin đợi ngày này năm sau : tức là đợi đúng một năm nữa sẽ gặp nhau; Kiều có ý khuyên Thúc-Sinh cứ ở nhà cho vợ cả đẹp lòng, không nên nhớ nàng mà vội vã ra đi, e vợ cả ghen tuông.

Câu này nhắc lại cái ý « năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy » ở trên.

1324) Người lên ngựa là Thúc-Sinh lên ngựa ra đi.

Kẻ chia bào ; là Kiều buông áo để Thúc-Sinh đi không giết lại nữa. Bào tức là áo. Kẻ ở lại níu lấy áo người đi để tỏ ý không nỡ chia tay. Chia bào tức là buông áo người đi không níu nữa. Nếu người đi quả quyết ra đi không bịn-rịn thương nhớ thì nói rút áo ra đi.

1325) — Phong 楓 là một giống cây lá to mọc thành tán, xưa đời Hán hay trồng ở sân nhà vua. Vì thế điện Vua thường gọi là Phong đình, phong-điện hoặc Đền-phong.

Cây phong ngò là cây bàng bên ta.

Dặm hồng, bụi cuối chinh-an. (1326)

Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh (1327)

Thu đã nhuộm màu : sang mùa thu, thì lá bàng vàng và đỏ dần sang màu đỏ sẫm. Màu ấy đặt vào đám rừng cây xanh thì nổi bật lên, rất dễ nhận. Có lẽ vì thế mà tác-giả thích lá rừng phong chẳng ? Hay là ở Lâm-Truy có nhiều rừng phong ?

Quan san : là cửa ải và núi.non, ý nói cách núi.non, tức xa-cách.

Màu quan san tức là cái màu núi rừng xa-xôi.

Tác giả muốn nói màu lá phong về thu nhuộm cho rừng núi thêm cái vẻ xa-xôi cách trở.

— Chữ *nhuộm* (có bản viết là *nhuộm*) dùng với chữ *màu* rất có ý vị. Nhất là lá Bàng (tức là P.ong) hay dùng để nhuộm vải lụa.

1326) — *Dặm hồng* tức là đường lối có bụi đỏ. Chữ *hồng* ở đây ẩn với chữ *bụi* ở dưới Bụi đỏ hay bụi hồng dịch chữ *Hồng trần* 紅塵 là tiếng trỏ cuộc đời gió bụi vất vả.

Bụi cuốn chinh-an : Bụi hồng ở đường trường cuốn theo bám vào yên ngựa của người đi xa.

Chinh an là yên ngựa của kẻ đi đường trường.

Câu này nói Thúc.Sinh đi đường vất vả. Cũng dùng làm nguyên nhân cho ý câu dưới. Vì có bụi hồng cuốn lên mù-mịt, nên người khuất nẻo không nhìn thấy nữa.

1327) — *Kiều đứng trông theo* nhưng Thúc.Sinh đã khuất mau mấy ngàn dâu xanh rồi.

Có lẽ đây là cây rừng, chứ không ắt là cây dâu.

Tác giả dùng *ngàn dâu xanh* để nói *ngàn cây xanh* cho đẹp lời và hình như đã lấy ý ở câu thơ *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn.

Tương cổ bất tương kiến, thanh thanh mạch thượng tang.

相 願 不 相 見 青 青 陌 上 桑

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy, thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.

Người về, chiếc bóng năm canh.(1328)
 Kẻ đi muốn dăm, một mình xa-xôi. (1329)
 Vầng trăng ai sẽ làm đôi (1330)
 Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường?
 Kề chi những nỗi dọc đường, (1331)
 Buồng trong, nầy nỗi chủ-trương ở nhà. (1332)
 Vốn dòng họ Hoạn danh-gia. (1333)

1328) — Người về là Thúy-Kiều.

Chiếc bóng năm canh là suốt đêm bóng chiếc. Bóng chiếc là bóng lẻ một mình, bóng không thành đôi (vợ chồng). Kiều về, suốt đêm năm một mình.

1329) — Kẻ đi là Thúc-Sinh.

Muốn dăm một mình xa xôi : muốn dăm đường xa - xôi đi có một mình. Kẻ về và kẻ đi đều lẻ loi một mình. Câu trên và câu này tả cảnh buồn - bã tịch-mịch của cặp vợ chồng xa cách nhau.

1330) — Vầng trăng vốn tròn dùng để biểu-trưng sự đoàn-viên xum-hợp. Nay vợ chồng chia lìa nhau thì vầng trăng tròn như bị chia sẻ ra làm hai.

Câu này tả nỗi nhớ nhung của Kiều. Chiếc bóng năm canh, nàng trần-trọc không yếm, mãi khi ánh trăng chiếu dọi vào gối, tức là khuya lắm, mà nàng cũng còn thức. Nhìn trăng nàng hồi nghĩ thơ như vậy và tưởng tượng như thấy Thúc-Sinh cười ngửa đi dưới ánh trăng ở trên con đường ngàn dặm.

1331) — Đây chỉ tả lòng nhớ nhung buồn bã của Kiều. Còn những nỗi-nỗi dọc đường của Thúc-Sinh thì không kể đến.

1332) Buồng trong nói bóng buồng người vợ.

Chủ trương là đứng chủ một việc gì, đây dùng theo ý là chủ nhà, và là vợ cả.

1333) — Danh-gia là nhà có danh tiếng, tức là quan sang có tiếng.

Con quan Lại-bộ tên là Hoạn-thư (1334)

Duyên Đẳng thuận nẻo gió đưa, (1335)

Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày, (1336)

Ở ăn thì nét cũng hay.

Nói điều giảng buộc thì tay cũng già, (1337)

1334)— Lấy được con gái quan Lại Bộ Thượng. Thư thì Thúc-sinh tất là người trẻ tuổi đẹp trai và có chân khoa-mục chứ không phải người thường.

Và Thúc-Ông tuy là nhà buôn song tất phải là nhà buôn lớn thì mới làm thông gia được với quan Lại Bộ Thượng thư.

Tác giả không nói rõ, nhưng sự thế bấy giờ tất phải như thế.

Hoạn Thư chỉ là cô họ Hoạn hoặc tiền thư họ Hoạn chứ không phải là tên thật của vợ cả Thúc-sinh.

1335)— *Duyên đẵng* tức là duyên may.

Nghĩa ấy do câu thơ cổ ; *Thời lai phong tống Đăng Vương* các nghĩa là vận tới thì gió đưa lên gác Vua Đăng, nhắc lịch Vương-Bột xưa tuổi trẻ đi thăm cha, dọc đường may được dự lễ ở Đăng-Vương-Các rồi làm bài Đăng-Vương-Các tự mà nổi tiếng thiên tài.

Duyên Đẳng nếu quả lấy chữ câu thơ cổ thì nói về Thúc-sinh đúng hơn là nói về Hoạn - Thư. Vì cứ xét gia thế hai bên, thì không phải Hoạn-Thư may lấy được Thúc - sinh mà chính là Thúc-sinh đã may mắn lấy được tiền - thư con quan Lại Bộ.

1336)— *Kết tóc xe tơ* : tức là kết làm vợ chồng. Nghĩa do câu thơ của Tô-vũ đời Hán :

Kết phát vi phu thê : Kết tóc làm vợ chồng. Và do điển Quách Nguyên Chấn rút sợi tơ đỏ lấy được con gái thứ ba nhà Tề-Tướng Trương gia Chính (đã chưa ở trên).

Những ngày : những từ lâu ngày rồi.

1337)— *Nói điều giảng buộc* là nói điều thắt vào lý sự.

Tay cũng già . cũng già tay, cũng giỏi.

Từ nghe vườn mới thêm hoa. (1338)

Miệng người đã lăm, tin nhà thì không, (1339)

Lửa tâm càng giập càng nồng, (1340)

Giận người đen bạc ra lòng trắng hoa, (1341)

« Ví bằng thú thật cùng ta.

Câu trên và câu này ; Tình nết Hoạn-Thư đứng đắn đảm-đang và người riết - róng lý-sự.

Nguyên người đàn bà như vậy không có gì đáng chê. Ngày nay người ta thường lấy tên Hoạn-Thư làm tiếng chê nhau, là lấy cái tình ghen tuông thâm-độc của.

1338) — *Vườn mới thêm hoa* ý nói Thúc-sinh lấy thêm vợ lẽ.

1339) — *Miệng người* ; nghe miệng người nói. Ý nghe chuyền từ câu trên xuống.

Tin nhà thì không : Không nghe được tin nhà báo cho biết ý nói chưa được tin Thúc-sinh cho biết việc lấy Kiều.

Có lẽ vì vậy mà Hoạn-Thư ghen tức. Giả Thúc-sinh ở nghe lời Kiều từ đầu thì dễ. Hoạn-Thư cũng sẽ vui lòng. Đến đây, ta thấy Kiều thật đã « sắc sảo khôn ngoan » thấu tình đạt lý hơn Thúc-sinh.

1340) « *Lửa tâm tức tâm hỏa* 心火 là hơi nóng ở trong tâm bốc lên. Thuyết y-học cổ cho tâm là *quần hỏa*, (thận 1 *tướng hỏa*, Thợ Bạch Cư Dị có câu :

Ưu hỉ giai tán hỏa buồn vui đều do tâm hỏa mà ra.

Lửa tâm đây mượn nghĩa câu thơ trên, trở sự tức giận.

Càng giập càng nồng : càng giập xuống lửa tâm càng bùng lên. Ý nói Hoạn-Thư càng muốn khuấy đi lòng càng thấy tức giận.

1341) *Giận* : chữ này giải nghĩa hai chữ *lửa tâm* ở câu trên, *Đen bạc* tức là đơn-bạc hay đen-bạc nghĩa là mỏng-mảnh, ăn ở đơn-bạc là ăn ở không được đầy đặn phúc hậu.

Ra lòng trắng hoa ; ra ý chơi bời trai gái.

Người đen bạc đây trở Thúc-Sinh.

- « Cũng dong kẻ dưới, mới là lượng trên, (1342)
 « Đại chi chẳng giữ lấy nền. (1343)
 Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình, (1344)
 « Lại còn bưng bít giấu quanh,
 » Làm chi những thói trẻ ranh nực cười. (1345)
 « Tính rằng cách mặt khuất lời,
 « Giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho I
 « Lo gì việc ấy mà lo,
 « Kiến trong miệng chén có bỏ đi đâu. (1346)
 « Làm cho nhìn chẳng được nhau
 « Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên. (1347)
 « Làm cho trông thấy nhớn tiền, (1348)

1342) Kẻ dưới đây trở người vợ lẽ. Lượng trên là lượng người ở địa-vị trên. Ý nói cũng dong cho vợ lẽ thì mới là người vợ cả có lượng.

1343) Giữ lấy nền là giữ lấy nền-nếp hiền lành tử tế.

Đại chi chẳng giữ lấy nền : câu này Hoạn-Thư tự nhủ mình.

1344) Hoạn-Thư bản tâm không muốn mang tiếng ghen tuông vào mình.

1345) Thói trẻ ranh cũng như ta nói thói trẻ con, trẻ con.

Hoạn-Thư có ý nói ; Thúc-Sinh còn bưng bít giấu quanh làm cái trò trẻ con ấy làm chi cho buồn cười.

1346) Hoạn-Thư cho Kêu cũng như con kiến bò trong miệng chén không trốn thoát đâu được.

1347) Cất đầu chẳng lên là ngẩng đầu lên, nhắc đầu lên không nổi, ý nói đầy-đọa nặng nề.

1348) Nhớn tiền là ngay trước mắt.

Làm cho Thúc-Sinh và Kiều trông thấy việc trả thù ở ngay trước mắt.

- « Cho người thăm ván, bán thuyền biết tay ! (1349)
 Nổi lòng kín chẳng ai hay (1350)
 Ngoài tai, để mặc gió bay mái ngoài (1351)
 Tuần sau bỗng thấy hai người,
 Mách tin, ý cũng liệu bài tăng công (1352)
 Tiểu-thư nổi giận dùng dùng :
 Góm tay thêu-dệt ra lòng treu người (1353)
 Chồng tao nào phải như ai.
 Điều này hẳn miệng những người thị phi ! (1354)
 Vội vàng xuống lệnh ra uy,
 Đưa thi vả miệng, đưa thi bẻ răng (1355)

1349) Thăm ván bán thuyền là câu ngạn-ngữ tỏ ý chê người chưa có mối đã nói cũ ra. người thăm ván bán thuyền đây chỉ Thúc-Sinh.

1350) Hoạn-Thư tức giận mà tính toán thăm trong bụng như vậy thôi, chớ nàng giữ kín không cho ai biết.

1351) Nghĩa là không nghe lời người ta mách bảo đồn đại. Ta có câu : để ngoài tai tức là không cho lọt vào tai, không nghe, không tin.

1352) Tăng công là tăng bậc nịnh hót để lấy công.

1353) Thêu dệt là đặt-tiền, vẽ-vời ra một truyện gì không có thật.

Hoạn-Thư chẳng những không thưởng công cho kẻ mách tin mà còn nổi giận cho là họ thêu-dệt để chọc tức nàng. Nàng đóng tuồng kẻ đã khéo.

1354) Người thị phi : người lấy trái làm phải, lấy dở làm hay., ý nói người không biết gì, Giọng Hoạn-Thư nói giống giọng Tú-Bà.

1355) Kẻ cũng độc ác thật. Đóng tuồng mà đóng hết đến thế thì ai chẳng phải kinh ? Hoạn-Thư làm ra như vậy để tỏ rằng nàng không tin là chồng có vợ lẽ và không ghen tuông. Chắc hẳn nàng có âm-mưu gì ghê-gớm lắm nên mới phải giữ bí-mật như thế.

Trong ngoài kín mít như bụng (1356)

Nào còn ai dám nói năng một lời.

Buồng đào khuya sớm thanh-thời (1357)

Ra vào một mực, nói cười như không (1358)

Đếm ngày lòng những giận lòng (1359)

Sinh dả về đến lầu hồng xuống yên (1360)

1356) *Kín mít như bụng* tức là bí-mật hết sức. *Kín mít* bí-mật là ý-ngĩ và ý-định của Hoạn-Thư. Nàng sợ lộ âm mưu nên phải giữ bí-mật.

1357) *Buồng đào* là buồng quét vôi màu hồng, tức là buồng phụ-nữ.

Thanh thời là ung-dung, nhàn-nhã không tỏ vẻ nóng nảy bức tức.

1358) *Ra vào một mực* : lúc đi ra lúc về nhà vẫn theo mực thường mọi ngày, không thay đổi gì trong cách đi, đứng cử-chỉ.

Nói cười như không : Nàng vẫn nói cười vui vẻ như không có chuyện gì xảy ra.

Phải nhận rằng Hoạn-Thư thật có bản lĩnh hơn người, nên mới trấn-tĩnh được đến mực ấy.

— Cứ xét tư-tưởng và ý-định của Hoạn-Thư thì nàng vốn là một người khôn ngoan đủ điều. Và nếu đem đối chiếu với lời Kiều (nói với Thúc-Sinh) thì ta có thể nói hai người vợ cả vợ lẽ ấy đều là người biết điều, có thể chung sống tâm đầu ý hợp.

Sau ngày xảy ra bao nhiêu câu chuyện không hay cho Kiều đều là do Thúc-Sinh si-rgốc không thấu tình đạt lý bằng người đàn-bà.

1359) *Chữ lòng trên* là lòng Hoạn-Thư, *chữ lòng dưới* là lòng Thúc-Sinh. Hoạn-Thư giận lòng ăn ở đen bạc của Thúc-Sinh.

1360) Giữa lúc ấy thì Thúc-Sinh trở về.

Lầu hồng tức *hồng lâu* nguyên là chữ trở chỗ ở các nhà sang trọng quyền quý, rồi sau mượn đề dùng chỗ ở của phụ-nữ.

Lời tan hợp nỗi hàn huyên (1361)
 Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng (1362)
 Tây-trần vui chén thông dong. (1363)
 Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra ? (1364)
 Chàng về xem ý tứ nhà,
 Sự mình cũng rắp lân la giải bày, (1365)
 Mấy phen cười nói linh say,
 Tóc tơ bất động mấy-may sự tình (1366)

Mãi sau này Hồng-lâu mới có nghĩa là nhà kỹ nữ.

Lầu hồng đây dùng theo nghĩa là lầu phụ-nữ, tức là chỗ ở của Hoạn-Thư.

1361) *Lời tan hợp* : Lời nói về những nỗi buồn xa cách nhau và nỗi vui mừng xum họp với nhau tức là *lời buồn vui*.

Nỗi hàn huyên là nỗi lạnh, ám tức là nỗi khỏe mạnh hay yếu đau. Vì thời tiết ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

1362) Vợ chồng tỏ ra yêu-đương nhau nồng-mặn thăm-thiết hơn xưa. Có lẽ vì Thúc-Sinh muốn vợ cả khỏi nhọc nhàn, nên tỏ vẻ yêu-đương nồng-mặn như vậy.

1363) *Tây trần* là rửa bụi, ý nói rửa sạch bụi đường trường tục. Tâu người đi xa về thì đặt rượu mừng, gọi là tiệc rượu tây trần.

Chén tức chén rượu tây trần.

1364) *Nỗi lòng* tức là những ý nghĩ trong lòng hai người. thì ai ở trong lòng ai mà biết được. Ý nói Hoạn-Thư và Thúc-Sinh đều không biết rõ lòng nhau. Hai bên đều giữ kín những ý nghĩ trong lòng.

1365) *Sự mình* tức là sự mình lấy vợ lẽ.

Thúc-Sinh đã toan giải bày sự mình lấy Kiều cho Hoạn-Thư biết.

1366) Nhưng, đây thiếu chữ nhưng, song ý thì có chứ nhưng, mấy lần Hoạn-Thư cười nói lúc tỉnh cũng như lúc say nàng không động chạm đến mấy-may tơ-tóc sự tình, tức là sự thể Thúc-Sinh lấy vợ lẽ.

Nghĩ đã bưng kín miệng bình (1367)
Nào ai có khẩu mà mình lại xưng (1368)
Những là e-ấp dùng-dăng (1369)
Rút dây, sợ nửa động rừng lại thôi (1370)
Có khi vui chuyện mua cười (1371)
Tiểu-thư lại dở những lời đầu đầu (1372)
Rằng : « Trong ngọc đá vàng thau (1373)

1367) *Bưng kín miệng bình* do chữ *Thủ khẩu như bình* là giữ miệng kín như miệng bình, miệng lọ, dây dùng theo nghĩa là việc đã giấu kín.

1368) Tục-ngữ có câu : « Ai khẩu mà xưng » tức là ai khẩu đã, đánh đập mà xưng tội, thường dùng theo nghĩa *ai hời mà nói*.

Thúc-Sinh nghĩ Hoạn-Thư có hời hạn chỉ đến việc đó mà mình lại nói ra.

1369) *E ấp dây* có nghĩa là e-lệ, e-dè.

Dùng dang : do dự, không quyết ; Thúc-Sinh cứ e-dè, do dự toan nói lại thôi.

1370) Tục ngữ có câu : *Rút dây động rừng*, ý nói làm một việc nhỏ mà gây ảnh hưởng to : hoặc làm việc ở nơi này mà gây ảnh hưởng đến một chỗ khác.

Thúc-Sinh sợ nói thật ra thì sinh truyện lời thôi to, nên lại không nói.

1371) Có khi vợ chồng nói đùa nói bông với nhau để mua vui.

1372) Thì Hoạn-Thư lại nói những truyện ở đầu đầu, chớ không tỏ ý ngờ-vực chồng lấy vợ lẽ.

1373) Phong-dao có câu : « *Thực vàng chẳng phải thau đầu, đừng đem thử lửa cho đau lòng vàng* ».

Ngọc đá tức ngọc hay là đá.

Vàng thau tức vàng hay là thau.

Ý nói đã nhận rõ được lòng nhau và tin nhau cả mười phần.

Hoạn-Thư nói rằng vợ chồng đã tin bụng nhau lắm, không bao giờ lại có bụng ngờ-vực nhau hay nói dối nhau.

Mười phần ta đã tin nhau cả mười
 Khen cho những miệng đồng dài,
 Bướm ong lại đặt những lời nọ kia (1374)
 Thiếp dầu vụng chằng hay suy, (1375)
 Đã dơ bụng nghĩ, lại bìa miệng cười ! (1376)
 Thấy lời thủng thỉnh như chơi, (1377)

1374) Là thay cho những kẻ nói đồng-dài đặt điều ong bướm nọ kia Ý nói truyện Thúc-Sinh lấy vợ lẽ hoặc chơ, bởi trai-gái. Hoạn.Thư gạt đi cho là lời bịa-dặt của những kẻ đồng-dài, nàng không tin.

1375) — Nếu mà thiếp vụng nghĩ, không hay suy xét cho kỹ, thì...

1376) Thì những chuyện đó đã làm cho thiếp bị người ta nghĩ bụng chê là dơ-dàng, và lại làm cái bìa cho thiên-hạ cười chê.

Có câu phong dao ; Trăm năm bìa đá thì mòn, nghìn năm bìa miệng hãy còn trơ trơ.

Có bản Pháp văn dịch là « *thiếp sẽ nghĩ ngờ buồn cười* » (j'en aurai conque des soupçons ridicules) hình như không sát tinh thần câu văn.

Hoạn.Thư muốn nói nếu nàng không suy-nghĩ kỹ, thì những truyện đó đã làm cho nàng bị thiên-hạ chê là dơ-dàng và nên làm cái trò cười.

1376) — *Thủng-thỉnh* ý cũng như *đúng-đỉnh* nghĩa là không vội-vàng nóng nảy,

Thấy Hoạn.Thư nói lời *thủng-thỉnh*, Thúc.Sinh cho là nàng không biết việc chàng lấy vợ lẽ. nên nàng mới không tỏ vẻ nóng-nảy, giận-dữ, nàng bình-tĩnh như nói chơi nói đùa.

Thuận lời chàng cũng nói xuôi dờ đòn (1378)

Những là cười phẩn cợt son (1379)

Đêm khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai (1380)

1378) — *Thuận lời* : thuận theo đà lời nói của Hoạn-Thư, ý nói Thúc-sinh nói chiều theo ý Hoạn-Thư.

Đờ đòn đây không phải là dờ trận đòn, mà có nghĩa là dờ miếng. Đòn đây là miếng.

Hoạn-Thư nói vậy tức là đưa một miếng đòn ra thử thách Thúc-sinh, chàng liền cũng lựa lời để chống đỡ lại miếng đòn đó.

— Có bản giảng : *đờ đòn* cũng như *đờ đầu* e không sát nghĩa.

— Nhiều bản chưa là « *nói làm cho qua việc đi* » e cũng không đúng.

1379) — *Cười phẩn cợt son* : Cười đùa bốn cợt với nhau về việc tô điểm phẩn son, ý nói Thúc-sinh và Hoạn-Thư nô đùa bốn cợt với nhau về truyện nhan sắc, về truyện làm đom làm dáng của Hoạn-Thư.

Cũng có thể giảng là hai vợ chồng Thúc-sinh cười-cợt với nhau ở giữa chỗ son phẩn, điểm trang tức là nhân việc điểm trang mà cười đùa bốn-cợt với nhau, vợ chồng yêu đương vui vẻ lắm.

1380) — *Đêm khuya* hai vợ chồng ngồi liền sát với nhau trước ngọn đèn; hai vợ chồng sánh vai nhau, sát cánh nhau ngắm trăng tròn.

Hai câu này cho biết Thúc-sinh và Hoạn-Thư yêu đương nhau rất mực; không gì tỏ ra có sự nghi-ngờ hay trái ý nhau.

Do hai câu này tác-giả cho ta biết thêm về đức tính Hoạn-Thư. Giữ được vẻ bình tĩnh, khi trong lòng chứa-chất nỗi uất-ức bất bình, như Hoạn-Thư, phải là người kín đáo, thâm hiểm tới mực nào.

Thú quê thuần hức, bén mùi (1381)

1381) *Thú* là nhà, Nhiều bản Pháp-văn dịch là vui thú (plaisirs) thì sai. Chính Thúc-Sinh ở nhà quê không cảm thấy vui-thú chút nào. Câu này cho biết chàng chán nhà quê.

Thú quê là nhà ở quê, tức nhà-quê, (giấu thú quê là giấu nhà quê).

Thuần là tên một thứ rau ; *hức* là tên một thứ cá ở Trung-Hoa.

Đời Tấn, ông Trương-Hàn làm quan ở Kinh nhân thấy cơn gió thu, sức nhớ đến vị thức ăn là rau *thuần*, cá *lô* miền Ngô. Giang là nơi quê nhà, rồi bỏ quan về.

Điền Trương Hàn nói rau *thuần*, cá *lô*, đây nói rau *thuần* cá *hức*, so với điền không hẳn đúng, nhưng cũng mượn được chữ *thuần* ở điền Trương-Hàn. Ý nói : ở nhà quê đã quen vị ăn nhà quê. *Bén mùi* nghĩa là quen mùi (tục ngữ : quen hơi bén tiếng) có ý nói ăn không thấy ngon nữa.

— Câu này có mấy tác-dụng :

a) Cho biết Thúc-sinh ở nhà quê lâu đã chán đã-vị có ý muốn ra đi (đến chỗ Kiều).

b) Ấn - định thời gian : bấy giờ trời đã sang thu. Vì mùa thu mới có rau *thuần* (theo điền Trương Hàn) đồng thời mượn ý trong điền Trương-Hàn nói Thúc-sinh thấy gió thu nổi lên; thì nhớ chỗ ở cũ.

c) Gián tiếp cho biết trăng tròn ở câu trên là *trăng thu*, Người Tàu xưa tin rằng trăng rằm tháng 8 tròn nhất trong một năm.

— Câu trên tận cùng bằng vần *vai*, câu này hạ vần *múi*, như vậy là lạc vận. Lạc vận là một bệnh của thơ xưa.

Giá viết *vui* (thay *vai*) thì vần thơ mới ăn khớp nhau.

Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô (1382)
Trạnh niềm nhớ cảnh giang-hồ, (1383)

1382) *Giếng vàng* dịch chữ Hán Kim tỉnh 金井 là cái giếng xây đẹp-đẽ, lòng lầy, cầu kỳ hình như là xây bằng vàng, ngọc, *Giếng vàng* tức là giếng đẹp.

Bản Tản-Đà chưa *giếng vàng* là lá ngô đồng vàng rụng xuống giếng.

Bản Pháp-văn Crayssac dịch giếng vàng là *giếng trước gió thu* (les puits, sous les vents de l'automne).

Bản Pháp-văn M.R. thì hiểu *giếng vàng* là giếng có rụng lá ngô-dồng sắc vàng như vàng. Bản Pháp-văn Nguyễn Văn Vĩnh dịch vàng là giếng sắc vàng (puits de couleur jaune d'or) — hình như đều không sát nghĩa. Mỗi rụng, có một vài lá ngô thôi, thì giếng đã thành giếng sắc vàng thế nào được ?

Đã rụng một vài lá ngô : một vài lá ngô đồng đã rụng ý nói đã sang thu.

Có câu thơ cổ : *ngô đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu* nghĩa là một lá ngô đồng rụng, thiên hạ đều biết mùa thu sang.

— Câu này làm sáng thêm nghĩa câu trên về thi gian.

1383) *Nhớ cảnh giang-hồ* đây không phải là Thúc-Sinh nhớ những cảnh sông hồ ở đâu đâu. Giang-hồ đây chỉ có nghĩa là nơi đất khách. Và nơi đất khách mà Thúc-Sinh trạnh nhớ đó là Lâm-Truy, vì ở đó có Thủy-Kiều

Năm trước, tiền Thúc-Sinh về quê, Thủy-Kiều đã dặn chàng :

Chén mừng xin đợi ngày này năm sau tức là một năm sau. Ngày Kiều tiễn biệt Thúc-Sinh về quê là mùa thu năm trước cho nên ở nhà quê một năm trời, nghe thấy gió thu nổi (thuần hức bèn mùi) và trông thấy lá ngô đồng rụng Thúc-Sinh liền trạnh nhớ lời Kiều, nhớ Kiều và nơi Kiều ở.

Một màu quan tái, mấy mùa gió trắng (1384)

Tác-giả không nói Thúc-Sinh nhớ lời Kiều và nhớ Kiều chỉ nói nhớ « cảnh giang-hồ » là để cho hợp với tâm-trạng Thúc-sinh lúc bấy giờ. Chàng nhớ Kiều mà không dám nghĩ rằng mình nhớ Kiều, chàng chỉ dám nghĩ rằng sẽ cho Hoạn-Thư biết rằng chàng muốn đi xa, giang-hồ buôn bán (Tức là tới Lâm-Truy trông nom cửa hàng của cha). Giấu sự thể lấy Kiều không nói cho Hoạn-Thư biết, chàng hết sức giữ bí mật, cả đến cái ý nghĩ thầm kín trong lòng cũng sợ người ta nhìn thấy. Cho nên chàng đã phải nói dối cả lòng mình dù nghĩ thầm trong bụng, cũng nghĩ một cách che đậy, giấu giếm.

Thực ra Thúc-sinh nhớ là nhớ Kiều.

1384) *Quan tái* đều có nghĩa là cửa ải, dùng để trở nơi đất khách xa xăm.

Một mùa quan tái xưa nay người ta vẫn giảng là một màn đất khách cũng như *mấy mùa gió trắng* xưa nay người ta vẫn giảng là mấy mùa gió trắng qua đi.

Theo ý chúng tôi thì câu « *một mùa quan tái mấy mùa gió trắng* » tả tâm trạng nhớ nhung giang-hồ của Thúc-sinh, có thể hiểu theo mấy nghĩa :

a) Thúc-sinh nhớ (chủ từ Thúc-sinh chuyển ở câu trên xuống) màu quan tái một phần, còn nhớ mùa gió trắng tức mùa chơi bời với Kiều thì nhớ mấy phần.

b) Hoặc : Thúc-sinh nhớ màu quan tái nơi Kiều tiễn biệt chàng và nhớ mấy mùa gió trắng chung chạ với Kiều.

c) Hoặc : Thúc-sinh nhớ đến cái cảnh quan tái, chàng trải qua để về quê tức là nhớ ngày về quê và nhớ rằng gió trắng mấy mùa (ý nói một u ám) đã qua đi rồi. Thúc-Sinh nhớ đến cảnh giang-hồ, là vì chàng sợ nhớ đến ngày chàng về quê và nhớ rằng chàng ở quê đã một năm.

Câu này gián-tiếp cho biết Thúc-Sinh nhớ lời hẹn hò của Kiều ngày năm trước.

Tình riêng chưa dám rỉ rã (1385)

Tiêu-thư trước đã liệu chừng nhủ qua (1386)

« Cách năm mây bạc xa xa (1387)

Lâm-truy cũng phải tính mà thần-hôn (1388)

1385) *Tình riêng* tức sự tình riêng, hay ý nghĩ thâm kín trong lòng. *Tình riêng* đây là cái *niềm nhớ cảnh giang hồ* của Thúc.Sinh. Thúc.Sinh chưa dám rỉ rã ra nói với Hoạn Thư là chàng muốn đi Lâm-Truy, có lẽ sợ nàng nghi-ngờ chẳng.

1386) Nhưng Hoạn-Thư là người tinh ý đã liệu chừng đoán phỏng được ý muốn của chàng, nên nàng giục chàng đi Lâm-Truy, chớ không đợi chàng phải ngỏ ý. Thì ra Hoạn-Thư đã đi guốc lên đầu Thúc.Sinh mà chàng không hay biết.

1387) *Cách năm* đây là cách một năm, tức là xa cách đã một năm trời.

Mây bạc dịch chữ *Bạch-vân*, lấy chữ trong điển *Địch-nhân Kiệt*, đã chưa ở trên (chữ *Bạch vân có phi*) và mượn để tro ông bố.

Cả câu : xa cách ông thân-sinh (tức Trúc.Ông) đã một năm trời.

— Có bản giảng *mây bạc* là ý nhớ nhà, hoặc xa nhà thì không đúng, vì Lâm-Truy có phải là quê nhà Thúc.Sinh đâu ?

1388) Cũng phải tính đi Lâm-Truy mà thăm nom săn sóc ông bố,

Thần hôn đã chưa nghĩa ở trên.

— Hoạn-Thư thúc-giục, bắt-buộc (nghĩa chữ *phải*) Thúc.Sinh phải đi Lâm-Truy tìm cha, như vậy là thả hổ về rừng, là gãi đúng chỗ ngứa. Lễ tất nhiên là Thúc.Sinh mừng rơn. Và tất nàng có dự-mưu kế gì, nên mới « *đuổi* » chồng đi Lâm-Truy như vậy.

Chủ-quan, kình địch, nên Thúc.Sinh mù-quáng chẳng nhìn thấy gì !

Được lời như cỏi tấm son (1389)

Vó câu thẳng ruồi nước-non quê người.

Long-lanh đáy nước in trời.

Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng, (1390)

1389) *Cỏi tấm son* : cỏi tấm lòng, tức cỏi lòng cỏi ruột, mừng quá. Thúc-Sinh mừng là phải, vì tự nhiên chàng được « thả » về với Thủy-Kiều.

1390) Nền trời trong vắt in xuống đáy nước long-lanh, thành xây trong đám khói biếc, non phơi ra trước bóng mặt trời vàng vàng.

Thật là một bức « *son thủy lâu đài* » chấm phá rất thanh thú, nên thơ, khá dễ gọi được là « *son thủy hữu tình* » (là đây là *tình thú* nghĩa cũng gần như xinh đẹp, thích mắt)

Hai câu này tác giả tả cảnh thu.

Năm trước chuyển chàng về quê, cũng vào ngày thu.

Cảnh thu năm ngoái trước mắt Thúc-Sinh đã được tác giả mô-tả thế này :

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.

Cũng là cảnh thu nhưng sao lần này tác-giả cho Thúc-Sinh thưởng thức cái cảnh mùa thu xinh đẹp, và nên thơ như một bức tranh tàu ?

Long lanh đáy nước in trời.

Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.

Hai câu này, chủ ý tác-giả không cốt ấn-định thời-gian, hoặc tả lời-thời những cảnh nhìn thấy dọc đường ; mùa thu thì trên đã được ấn-định rõ rồi. Và cảnh dọc đường thì tả sao cho xiết.

Chủ ý tác-giả có lẽ cốt mượn phong-cảnh để tả tâm-trạng con người. Lúc này Thúc-Sinh sung-sướng như cỏi lòng cỏi ruột. Chàng mừng rỡ vô cùng, lòng tràn trề ước mơ, hy-vọng. Nếu phải vẽ tâm-trạng chàng lúc ấy, thì có thể hình-dung ra bằng một bức tranh màu sắc tươi-tắn, nét bút thanh-thanh nhẹ.

Roi cầu vừa gióng dặm trường.
Xe hương nằng cũng thuận đường qui ninh. (1391)
Thưa nhà huyền hết mọi tình.
Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen (1392)

nhàng, trời mây, non-nước, lâu-dài nét nào, màu nào cũng nhịp-nhàng êm-địu ăn khớp với nhau, trong cái tương xứng, quân-bình, của màu sắc như một khúc nhạc du dương.

Tác-giả đã vẽ một bức tranh thanh-thanh nên thơ như thế, không hẳn để hình-dung tâm-trạng Thúc-Sinh, nhưng để cho ta biết rằng bấy giờ lòng chàng lâng-lâng thư thái, bình-tĩnh vui tươi vô cùng, cho nên trước mắt thấy cảnh nào cũng nên thơ, cũng mơ-mộng.

Vì tác-giả như đã nêu làm nguyên-tắc tương quan giữa cảnh-vật và lòng người cái công-lệ :

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu.

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?

Và ở đây tác-giả đã chứng-minh bằng một phản-tỷ-lệ (rapport inverse) :

Người vui cảnh có buồn đâu bao giờ ?

— Thành xây khói biếc, có người giăng là khói biếc bốc lên coi như cái thành, hoặc khói biếc xây nên bức thành. Chúng tôi thì cho rằng thành xây cũng như non phối đầy đều là thực cảnh. Non đã là non có thực, thì thành tất cũng là thành có thực.

1391) *Xe hương tức hương-xa* là cái xe thơm, dùng để nói xe đàn bà dùng. Ngay trong văn-chương Tàu ngày xưa phẩm cái gì của đàn bà dùng đều được nêu bằng những phẩm tự quý, đẹp như ngọc, hương hoa, v. v. . Ai bảo văn-chương Âu-mỹ mới có sự « *ninh dâm* » (galanterie) ?

Quý ninh là về thăm nhà, dùng riêng để nói đàn bà ở nhà chồng về thăm bố mẹ đẻ.

— Thúc-Sinh vừa ra đi, thì Hoạn-Thư cũng về thăm nhà cha mẹ nàng.

Hai vợ chồng cùng đi một lúc, mà mỗi người ở một thế-giới khác nhau !

1392) *Hết mọi tình* : hết mọi sự tình, hết mọi sự thế, tức là tất cả đầu đuôi câu truyện Thúc-Sinh lấy vợ lẽ mà giấu nàng.

Nghĩ rằng : « ngựa ghê hờn ghen, (1393)
 « Xấu chàng, mà có ai khen chỉ mình !
 « Vậy nên gánh mặt làm thính.

Nỗi chàng ở bạc . nông nổi Thúc Sinh ăn ở bạc bội Bạc nghĩa là mỏng, chữ Hán là đơn bạc ý nói ăn ở không được đầy đặn phúc - hậu.

Nỗi mình chịu đen ; nông nổi Hoạn Thư phải chịu sự đơn bạc đó. Đen chính là mỏng, chữ Hán là đơn hay đơn, nói tránh ra là đen Chữ Hán có chữ đơn bạc và ta thường nói đơn sai.

Chịu đen tức chịu đơn (hay đơn) nghĩa đen là chịu phận nếm đơn một mình, nghĩa bóng là chịu ảnh hưởng xấu lòng của đơn bạc.

Vì tác giả thích chơi chữ, như hầu hết các nhà thơ xưa nên đặt chữ đen đối với chữ bạc để gây nên một ấn tượng về màu sắc, chứ thật ra hai chữ đó không có một nghĩa gì về màu sắc cả.

Có người cho rằng đen bạc đây là chữ trò màu sắc và viển câu thành ngữ « đổi trắng thay đen » để giải thích.

Mọi nghe hình như cũng có lý, nhưng suy xét, phân tích kỹ ra, thì hiểu bạc đen là trắng đen có nhiều chỗ văn nghĩa bất thông.

Vả chăng « đổi trắng thay đen » nói cái cử chỉ của người lừa-bịp, chứ không có nghĩa là bạc tình bạc-bội.

Mà cũng không từng thấy người ta ngắt bốn chữ « đổi trắng thay đen » ra làm hai vế mà dùng bao giờ. Cho có ngắt ra làm hai được thì ý nghĩa vẫn hợp làm một là « đổi trắng thay đen » nghĩa là lừa-bịp chứ không có thể đổi trắng có nghĩa cử-dộng và thay đen hàm nghĩa bị động ; đoạn trên đoạn dưới không thể nào lại có nghĩa trái ngược nhau.

Sau hết, ở đây tác giả có nói « đổi trắng thay đen » đâu, chỉ nói ở bạc và chịu đen.

1393) Ngựa ghê hờn ghen : tục-ngữ có nghĩa là gãi ngựa ghê và hờn ghen là hai việc coi không được đẹp như nhau.

- Muru cao vốn đã rắp-ranh những ngày, (1394)*
« Lâm-truy đường bộ thẳng chầy (1395)
• Mà đường hải-đạo sang ngay thì gần. (1396)
« Dọn thuyền, lựa mặt gia-nhân. (1397)
• Hãy đem dây xích buộc chân nàng về. (1398)

Ý nghĩa câu này chuyển liền một mạch xuống câu dưới. Cách « giảng câu » này trong văn Kiều có khá nhiều.

1394) *Rắp-ranh* : rắp tức là sắp.sửa. Chữ ranh đây chỉ là chữ đệm không có nghĩa gì riêng. Rắp-ranh là sắp.sửa ; ở thời tác-giả và trong câu văn này lại có nghĩa là sửa-soạn, sắp-đặt, chứ không có nghĩa là sẽ làm, sắp làm.

Những ngày là những từ ngày đủ lâu.

Hoạn.Thư bắt đầu kể lại cái « muru cao » của nàng định đối xử với Kiều, cho bà mẹ nghe (trên có nói : nhà Huyền).

1395) Đi từ nơi Hoạn.Thư ở đến Lâm-Truy bằng đường bộ. Thì phải chầy hằng thẳng mới tới. Ý nói đi đường bộ thì xa.

1396) Đi đường hải, thì đường thẳng cho nên gần hơn.

Sang ngay đây là sang thẳng, sang theo lối đường thẳng. Ngay không có nghĩa ngay tức thì.

1397) *Gia nhân* là người nhà, tức đây tỏ trong nhà.

1398) *Dây xích* tức là cái xích sắt, đây dùng theo nghĩa là dây trói.

— Có bản không đề *dây xích*, mà đề là *dây trói*, *dây trói* hay *dây trảm*.

Như thế là Hoạn.Thư đã sắp đặt muru cao cho người nhà đem thuyền đến « bắt cóc » Kiều về trừng trị.

Hèn nào mà nàng chẳng giục Thúc.Sinh đi Lâm-Truy.

Nếu chàng cứ ở nhà thì muru của nàng e khó thực-hiện và khó giữ bí-mật.

« *Làm cho cho mệt cho mê.* (1399)

« *Làm cho đau.đớn, ê-chề cho coi.*

« *Trước cho bỏ ghét những người.* (1400)

« *Sau cho để một trò cười về sau* » (1401)

Phu-nhân khen chước rất mầu. (1402)

Chiều con mới dậy mặt dầu ra tay.

1399) *Cho mệt cho mê* : làm cho mê mệt.

Lại có nghĩa là Hoạn-Thư mưu đánh thuốc mê để bắt Kiều.

1400) *Bỏ ghét những người* : bỏ với lòng căm ghét những người như thế, tức là Thúc.Sinh và Kiều.

1401) *Để một trò cười cho thiên.hạ sau này.* Hoạn-Thư đã để một trò cười cho thiên.hạ về sau thật. Chỉ tiếc rằng nàng không nghĩ đến truyện để lại tiếng Hoạn-Thư về sau.

Trở lên bốn câu, có tất cả 7 chữ cho.

Những chữ cho ấy nhắc đi nhắc lại một hơi dài nghe như những lời day-nghiến của một người căm-hờn vừa nghiêng răng vừa rít lên một tràng nguyên rủa ghê gớm. Người đọc có cảm giác như thấy Hoạn-Thư vừa thở hồng hộc vừa nói đóng một, cho mẹ nàng biết những ý.định trả.thù ghê gớm của nàng.

Tần-Đà tiên-sinh dẫn ta xem lại các câu :

Đã cho lấy chữ hồng.nhan, làm cho cho hại cho tàn cho cân. Đã đẩy vào kiếp phong trần, sao cho si-nhục một lần mới thôi » và phê rằng : *Cũng là một giọng văn riêng của tác-giả, cái tài riêng về chữ « cho ».*

1402) *Chước* là mưu.chước, mưu mẹo.

Rất mầu là rất mầu-nhiệm, tức diệu-kế, là mưu kế hay, lạ, người ta không lường được.

Nghe con mưu tính như vậy, bà mẹ Hoạn-Thư tức cụ Thương.Bà (Lại Bộ) tỏ ý ngợi khen, không ngăn-cấm phản-đối gì.

Sửa sang buồm gió lèo mây, (1403)
Khuyển, Ưng lại lựa một bày cón-quang, (1404)
Dẫn dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá vượt sang bến Tề, (1405)
Nàng từ chiếc bóng song the, (1406)

Có con gái như thế, tất có bà mẹ như thế ; con hư tại mẹ, tục-ngữ nói không sai.

1403) *Buồm gió lèo mây* : buồm để đi gió ; lèo tức dây cột buồm cao ngất mây.

Ý nói sửa.sang đủ lệ-bộ cho thuyền đi mau lẹ chóng vánh.

1404) *Khuyển, Ưng* nguyên nghĩa là con chó và con chim cất, đây là tên hai đứa đầy tớ khỏe mạnh đặc lực của nhà Hoạn.Thư.

Một bày cón-quang : cón quang 悤悤 là gây gộc khi giới tức như ta nói một bọn du côn. Đứng đầu bày cón quan, là hai tên Ưng, Khuyển do Hoạn.Thư lựa.

1405) *Thuận phong* thuận theo chiều gió, ý nói thuyền xuôi gió, đi nhanh.

Một lá tức là một cái thuyền nhẹ

Bến Tề là bến Lâm-Truy. Ngày xưa, Lâm-Truy là kinh đô nước Tề. Tức là theo đường hải đạo như nói ở trên.

1406) *Nàng* đây trở nàng Kiều. Chữ nàng chỗ này dùng hơi tối nghĩa. Mới đọc người ta có thể lầm là Hoạn.Thư vì trên tác.giả cũng gọi Hoạn.Thư là nàng : xe hương nàng cũng thuận đường qui-ninh

Giả đề là Kiều thì rõ hơn.

Chiếc bóng song the : một mình một bóng ở nơi buồng the
Song the là cửa sổ có căng màn the tức cửa buồng phụ nữ.

Đường kia nổi nọ như chia mỗi sầu, (1407)

Bóng dàu đã xế ngang đầu. (1408)

Biết dàu ấm lạnh, biết dàu ngọt bùi ? (1409)

Tóc thề bả chấm ngang vai. (1410)

Nào lời non nước nào lời sắt son, ? (1411)

1407) — *Như chia mỗi sầu* : mỗi sầu như chia sẻ về đường kia nổi nọ, mỗi thứ một ít. Ý nói Kiều buồn rầu về nhiều nỗi chớ không riêng về nỗi phải xa Thúc-sinh mà thôi.

1408) *Bóng dàu đã xế ngang đầu* : bóng mặt trời đã xế ngang ngọn (dầu) cây dàu, tức là trời đã xế chiều. Người ta thường dùng những chữ « *tang du vãn cảnh* » để tả cảnh già như cảnh trời chiều chiều xế ngọn dàu. Cho nên nói bóng dàu đã xế ngang đầu, tức là nói tuổi già và là tuổi già của cha mẹ. Trống kinh thì có chữ *Duy tang dĩ tử, tất cung kính chỉ* nghĩa là cây dàu và cây tử là do tay cha mẹ trồng cho nên phải kính trọng, do đó mà nói *bóng dàu đã xế* có nghĩa là cha mẹ về già, Kiều nghĩ nhớ cha mẹ.

1409) *Biết dàu ấm lạnh* : nghĩa cũng gần như câu *quạt nồng ấp lạnh* những ai đó giờ. *Biết dàu ấm lạnh* là biết sao được cha mẹ ấm lạnh thế nào.

Biết dàu ngọt bùi là biết việc phụng dưỡng cha mẹ ra làm sao. Kiều lo lắng cho sức khỏe của cha mẹ và lo lắng về việc phụng dưỡng cha mẹ.

1410) *Tóc thề* là chỗ tóc cắt đi một năm để thề nguyện, với Kim-Trọng ngày trước.

Tóc thề đã chấm ngang vai : chỗ tóc cắt ngắn đi ngày ấy nay đã mọc dài đến ngang vai rồi.

Thấy chỗ tóc cắt thề trước nay đã mọc dài Kiều nhớ đến Kim Trọng cách xa đã lâu ngày.

1411) *Lời non nước*, là lời thốt chỉ non thề nước.

Lời sắt son là lời hò hẹn quả quyết lâu dài như ghi vào sách sắt và viết bằng chữ son. Do chữ *thiết khoán đơn thư* là tờ khoán bằng sắt chữ viết bằng son.

Sắn, bìm chút phận con-con. (1412)
 Khuôn duyên biết có vương tròn cho chẳng. (1413)
 Thân sao lắm nỗi bất bằng,
 Liễu như cung Quảng, Ả Hằng nghi nao ? (1414)
 Đêm thu gió lọt song đào. (1415)

Nào lời non nước nào lời sắt son : đâu là lời non nước, đâu là lời sắt son.

Tự hỏi như vậy, vì Kiều không giữ được trọn vẹn những lời non nước và những lời sắt son.

Khi say mê chết mê, Thúc-Sinh chắc Kiều không còn biết trước kia có một chàng Kim-Trọng. Bây giờ Thúc-Sinh đi vắng, nàng buồn rầu một mình, mới lại nhớ đến Kim-Trọng.

Như vậy có thể cho Kiều là giữ được thủy chung với Kim-Trọng hay không ?

1412) Sắn bìm là dây leo, là cát lữ, đây vì phận lẽ mọn.

1413) Khuôn duyên tức là duyên trời. Khuôn dịch chữ khung tức thiên khung hay huyền khung là khuôn trời.

Biết có vương tròn cho chẳng ? biết có trọn vẹn (vương ra vương tròn ra tròn) được không ?

Kiều nghĩ đến phận nàng làm vợ lẽ Thúc-Sinh và lo-lắng không biết việc đó có trọn vẹn cho không.

Nghĩ như Kiều lúc này thật cũng đáng thương hại ! một người tài sắc như vậy ai ngờ có lúc phải lo-lắng rằng không biết có được làm lẽ mọn người ta không ?

1414) Cung Quảng là cung Quảng-Hàn tức cung trăng.

Ả hằng tức chị Hằng-Nga, vợ Hậu Nghệ đã trốn chồng lên ở cung Quảng-Hàn trên mặt trăng.

Nghĩ nao thử nghĩ xem nào. Kiều nghĩ thử liêu sống cô độc như chị Hằng trên cung trăng xem ra làm sao.

1415) Song đào là cửa sồi, bên ngoài có trồng cây đào, Đêm thu gió lọt vào, một mình lạnh lẽo,

Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời. (1416)

Nén hương đèn trước Thiên-đài. (1417)

Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân-vân, (1418)

Dưới hoa, dậy lũ ác nhân (1419)

Ầm ầm khốc-quỉ, kinh thần mọc ra ! (1420)

Đầy sân gươm tuốt sáng lòe,

Thất kinh, nâng chữa biết là làm sao.

Thuốc mê đầu đã tước vào. (1421)

Mơ-màng như giấc chiêm-bao biết gì ?

Vực ngay lên ngựa tức thì,

1416) Có bản chưa là lời tả cảnh đêm thu tịch-mịch buồn bã.

Có bản chưa là ngày 23 tháng 8 (?); có bản lại cho là tác giả tả chữ Tâm coi như một vành trăng khuyết và ba ngôi sao ở giữa, ý nói Kiều nhớ Thúc-Kỷ Tâm.

Có bản chưa ba sao là sao Tâm trong nhị thập bát tú và nói là trời mới tối, Tên Thúc-Sinh là Tâm.

Theo ý chúng tôi câu này chỉ là câu tả cảnh đêm thu lúc trời đã khuya, trăng sao đã mọc giữa trời.

Kinh Thi có câu : *Tuệ bĩ tiểu tình tam ngũ tại đồng*. Ba sao mượn chữ câu đó.

1417) Kiều đốt nén hương ra lễ trước Thiên-đài. Thiên-đài có lẽ là cái đài thờ lộ thiên ở ngoài sân.

— Có bản chép là *Phật đài*

1418) Kiều chưa khẩn hết lời.

1419) *Dậy lũ ác nhân* : lũ gian vùng dậy, chúng nấp ở dưới đám cây hoa từ lúc nào.

1420) Chúng như ở đầu mọc ra, đông quá, ầm.ầm tưởng làm quỷ cũng phải khốc (vì sợ) thần cũng phải kinh ý nói Kiều sợ hãi quá.

1121) Thi ra Hoạn-Thư nói : « làm cho, cho mệt, cho mê » là nghĩa thế.

Phòng đảo viện sách, bốn bề lửa giông; (1422)

Săn thầy vô chủ bên sông. (1423)

Dem vào đề đó, lộn sông ai hay ? (1424)

Tôi đòi phách lạc, hồn bay,

Xông pha bụi cỏ, gốc cây ăn mình,

Thúc-ông nhà ở gần quanh,

Chợt trông ngọn lửa thất-kinh rụng rời,

Tớ thầy chạy thẳng đến nơi. (1425)

Tôi bơi tước lửa, tìm người lao-xao.

Gió cao ngọn lửa càng cao.

Tôi đòi tìm Đủ, nằng nào thấy đâu !

Hót hơ, hót hải nhìn nhau.

1422) Phòng đảo tức là phòng điều, phòng quét với hồng dành riêng phụ-nữ, đây là phòng Kiều.

Viện sách tức thư-viện, là phòng đọc sách, đây là phòng của Thúc-Sinh.

Bắt cóc Kiều xong, chúng giông lửa đốt nhà Kiều ở 1423) Lập mưu từ trước nên chúng đã tìm sẵn được thầy ma vô chủ.

Bên Tàu xưa thường vẫn có như thế. Xác vô chủ để phơi đấy, người ta không ai thêm chôn.

1424) Chúng đem thầy vô chủ vất vào dòng lửa để đánh lộn sông, khiến mọi người tưởng là thầy Kiều bị chết cháy.

Lộn sông là đánh lửa, đánh tráo.

1425) Tớ là tôi tớ, tôi đòi,

Thầy đây trở Thúc-Ông.

Thấy cháy nhà, Thúc-Ông và bọn tôi-tớ trong nhà chạy vội sang chữa cháy và tìm người.

Giếng sâu, bụi dậm, trước sau lìm quàng, (1426)
 Chạy vào chốn cũ, phòng hương,
 Trong tro, thấy một đồng xương cháy tàn. (1427)
 Ngay tình, ai biết mưu gian. (1428)
 Hồn nằng, thôi lại còn bàn rằng ai ? (1429)
 Thúc-ông xúi-xục ngăn dãi,
 Ngại con vắng vẻ, thương người nết-na. (1430)
 Di-hải nhặt lấy về nhà,

1426) Họ thọc cả bụi rậm, mò cả giếng sâu, xem rõ hấy Kiều không. Tức là tìm quàng chờ Kiều đâu lại lặn vào những chỗ đó.

1427) Chốn cũ phòng hương là chỗ phòng hương ở nơi cũ ; phòng hương tức phòng thơm, trở phòng Kiều.

Lửa đã tắt. Trong tro thấy một đăm xương người cháy tàn. Đó là xương thầy vô-chủ bên sông.

1428) Ngay tình tức là tình ngay, ý nói lòng người ngay thật, thẳng-thắn.

Mưu gian tức là mưu gian-giảo của bọn ác-nhân.

Ngờ là tình ngay, viết lầm thành ngay tình. Tình ngay đối với mưu gian thì chính hơn.

1429) Còn bàn rằng ai : còn nói là ai nữa. Ý nói không còn ngờ là người khác nữa.

1430) Các bản trước đều chép là Nghĩ con vắng vẻ...

Chúng tôi thấy có lẽ chép là ngại con vắng vẻ thì mới đúng. Ngại con vắng vẻ đối với thương người nết na mới chính. Chữ ngại và chữ nghĩ tiếng nôm viết gần như nhau, nên người ta có thể đọc lầm ngại ra nghĩ.

Thúc-ông lo ngại Thúc-Sinh từ đây chịu vắng vẻ một mình vì Kiều đã chết cháy. Thương người nết na là thương Kiều ngoan-ngoãn như thế mà bị chết thiêu.

Nào là khám-liệm, nào là tang trai. (1431)

Lễ thường đã vẹn một hai (1432)

Lục-trình, chàng cũng đến nơi bấy giờ ; (1433)

Bước vào chốn cũ, lâu xưa,

Tro than một đồng nắng mưa bốn tường (1434)

Sang nhà cha, tới trung-đường (1435)

Linh sàng bài vị, thờ nàng ở trên (1436)

Hỡi ơi, nói hết sự duyên

Tơ tình đứt ruột lửa phiền cháy gan (1437)

1431) Khám liệm là lấy vải bọc thây người chết, trước khi nhập quan. Tang trai là đưa đám tang và làm chay.

Lễ thường là lễ theo thường lệ ; đã vẹn một hai là một hai lễ đã trọn vẹn xong xuôi. Tức là lễ khám liệm và lễ tang trai nói ở câu trên. Ý nói mọi lễ nghi về việc mai táng đã xong.

1433) Lục trình là đi đường hộ.

Mọi tang lễ vừa xong thì chàng Thúc đi đường hộ từ nhà quê vừa tới nơi.

1434) Ở nơi nhà cũ, lâu xưa, chỉ còn trơ lại một đồng tro than với bốn bức tường trơ với mưa nắng. Thúc-Sinh tới chỗ ở của Kiều trước.

1335) Trung đường là căn giữa nhà. Bàn thờ người chết ở Trung Hoa và Việt Nam thường lập ở gian giữa nhà.

1326) Linh-sàng là cái giường thiêng, tức giường thờ người đã mất.

Bài-vị tức thếp vị, tức mộc chủ, tức thần vị, là tấm gỗ trên có đề tên họ người chết để thờ trên bàn thờ.

Đây là bài vị thờ Kiều.

1337) Tơ tình đứt ruột là ruột như đứt ra với tơ tình ; lửa phiền cháy gan là gan như bị cháy vì lửa phiền, ý nói Thúc-Sinh đau lòng và buồn phiền lắm,

Gieo mình vật vã khóc than :
 Con người thế ấy thác oan thế này !
 Chắc rằng mai trúc lại vầy, (1438)
 Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau (1439)
 Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau
 Dễ ai rắp thăm, quạt sầu cho khuây !
 Gần miền nghe có một thầy,
 Phi phù, trí quý, cao tay thông-huyền (1440)
 Trên Tam-đảo, dưới Cửu-tuyền (1441)
 Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng (1442)

(1438) Mai trúc 竹 媒 là cây trúc làm mai làm mối, đi chùa nghĩa ở trên (số 213).

Mai trúc lại vầy là thanh tre lại khớp lại làm một, ý nói vợ chồng chia lìa nhau lại xum họp với nhau.

(1439) Vĩnh quyết 永訣 là nói lời từ giã nhau mãi mãi.

Câu câu : ai hay ngày đưa tiễn nhau lại là ngày nói lời vĩnh quyết với nhau. Ý nói không ngờ buổi tiễn biệt nhau lại là buổi nói với nhau lời cuối cùng.

(1440) Phi phù trí quý là đốt bùa cho bay đi mà gọi được quỷ-thần đến.

Cao tay thông huyền là cao tay thông cảm với cõi huyền bí, ý nói thầy phù-thủy cao tay.

(1441) Tam đảo là ba ngọn núi liên : Bồng-lai, Phương-trượng và Doanh-châu.

Cửu tuyền là chín suối, Âm-phủ.

Câu này cho biết thầy phù - thủy có thể làm phép xuống địa-phủ và lên cõi tiên (tìm người)

(1442) Tìm người ở đâu, ở địa phủ hay trên cõi tiên, cũng biết được tin tức rõ ràng.

Sấm sanh lễ vật rước sang,
 Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han,
 Đạo-nhân phục trước linh-dân. (1443)
 Xuất thần giây phút chưa lán nén hương.
 Trở về mình - bạch nói tường ;
 « Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra, (1444)
 • Người này nặng kiếp oan gia, (1445)
 « Còn nhiều nợ lắm, sao đã thác cho ! (1446)

1443) Đạo nhân là người tu theo Đạo-giáo (đạo Lão) tức thầy phù thủy nói trên.

Phục là nằm phục.

Tinh-dân là dân thờ thánh-sư phù thủy. Ta thường gọi vòm là tinh hay cửa tinh.

Xuất-thần là để cho tinh-thần xuất ra khỏi xác-thịt, ý nói ngồi đồng thiếp để thần-hồn xuất ra ngoài đi tìm các nơi.

Lối này bên ta xưa gọi là đánh đồng thiếp. Khi xuất thần, thì người nằm thẳng-cứng như xác chết, chỉ khác còn thoi thóp thở.

1444) Trở về tức thần-hồn trở về, ý nói thầy phù-thủy tỉnh dậy.

— Tuy không gặp được mặt nàng, song đã tra được sổ thọ-toán của nàng. Sổ thọ-toán là sổ ghi tuổi thọ của loài người ; người theo Đạo-giáo thường tin rằng tuổi thọ của con người đều có ghi sẵn trong sổ thọ-toán trên tiên cung.

1445) Người này trở Kiêu.

Nặng kiếp oan-gia là nặng kiếp tai-ách, oan-nghiệp.

1446) Nợ đây tức là nợ oan-gia phải trả bù cho kiếp trước.

Hết trả hết nợ kiếp trước, thì mới chết được. vì bây giờ mới hết nợ. Những âm-dương-gia hoặc người theo Đạo-giáo thường tin rằng : người ta sống ở đời là vì duyên-

- « *Mệnh cung đang mắc nạn to*, (1447)
 « *Một năm nữa, mới thăm dò được tin ;*
 « *Hai bên giáp mặt chiến-chiến* (1448)
 « *Muốn nhìn mà chẳng được nhìn lạ thay !*
 Nghe lời nói, lạ đường này !
 • *Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin ?*
 • *Chẳng qua đồng cốt quảng xiên,*
 • *Người dẫu mà lại thấy trên cõi trần ?*
 « *Tiệc hoa, nhừng ngậm ngùi xuân* (1449)
 « *Thân này để lại mấy lần gặp liền ? »* (1450)

hay vì nợ, vì duyên thì sống ở đời để hưởng-thu cho hết phần hạnh-phúc được hưởng ; vì nợ thì sống ở đời để trả cho sạch nợ kiếp trước để lại.

Còn duyên, còn nợ, đều chưa thể chết.

1447) *Mệnh cung* là cung mệnh đứng đầu trong 12 cung số của con người, theo các nhà tính-số.

Mệnh cung đang mắc nạn to là bản thân đang mắc nạn lớn, ý nói Kiều chưa chết nhưng đang gặp sự không may.

— Cứ nghe lời đạo-nhân nói, thì phương-ph thuật của đạo nhân quả đã cao hay.

Đời Minh Đạo-giáo thịnh-hành đến thế ư ? Hay là tào-giả say-mê Đạo-giáo nên cố ý nâng phương-ph thuật lên một địa-vị cao trong truyện Kiều ? (dưới này Tam hợp Đuê Cô cũng là người theo Đạo giáo).

1448) *Hai bên giáp mặt* : Thúc-Sinh và Kiều giáp mặt nhau. *Chiến chiến* ; cũng như luôn luôn, hay nhiều phen.

1449) *Ngậm ngùi xuân* : ngậm ngùi cho mối tình yêu.

Xuân đây là xuân-tình.

1450) *Gặp liền* là gặp người đẹp như tiên. Thúc-Sinh nghĩ bụng đời chàng dễ được gặp người đẹp như vậy đến mấy lần)

VII

Nước trời, hoa rụng đã yên. (1451)
 Hay đâu địa ngục ở miền nhân-gian, (1452)
 Khuyển, Ưng đã đất miru gian,
 Vực nằng, đưa xuống để an dưới thuyền.
 Buồm cao, lèo thẳng cánh xuyến, (1453)
 Đẻ chừng huyện Tích bằng miền vượt sang.
 Rõ đồ lên trước sảnh-đường,
 Khuyển, Ưng hai đứa nộp nằng dâng công.
 Vực nằng tạm xuống môn-phòng, (1454)
 Hãy còn thiêm-thiếp giấc nồng chưa phai (1455)
 Hoàng-lương chợ lĩnh hồn mai (1456)

1451) Nước trời tức lưu thủy.

Hoa rụng tức lạc hoa

Lạc hoa, lưu thủy thường dùng để vi vớ với người chết đi, như hoa rụng trời theo dòng nước vậy.

1452) Địa ngục là ngục dưới âm phủ.

Nhân gian là cõi đời người. Thúc-Sinh yên trí rằng: thế là Kiều đã chết, có ngờ đâu rằng nàng đang bị dây dọa trong cái địa ngục ở nhân-gian này ?

1453) Buồm cao là buồm treo lên cao, ý nói giương to cánh buồm.

Lèo thẳng là dây buộc thuyền căng thẳng, ý nói gió thổi mạnh buồm phồng to, dây lèo căng thẳng.

Cánh xuyến : cánh là cánh buồm ; xuyến là đi nhanh ; cánh buồm giương cao, gió thổi leo căng thẳng thuyền đi mau.

1454) Môn phòng là phòng của những người môn hạ, tức phòng đầy tớ người nhà.

1455) Lúc ấy nàng vẫn còn say thuốc mê chưa tỉnh.

1456) Hoàng lương tức hoàng lương mộng là giấc mộng kẻ vàng, giấc mộng của Lữ -sinh đời Đường; Lữ -Sinh gặp ông khách họ Lữ ở hàng cơm đưa cho mượn cái gối nằm ngủ. Chàng mơ thấy mình vinh hoa phú quý trong bao nhiêu

Cửa nhà đâu tá ? Lầu đài nào đây !
 Bàng hoàng giờ tỉnh giờ say,
 Sảnh-đường vắng tiếng, đòi ngay lên hầu. (1457)
 A-hoàn liền xuống giục mau,
 Hãi hùng nàng mới theo sau một người !
 Nhắc trông tòa rộng dãy dài, (1458)
 «Thiên-quan chủng tề» có bài treo trên. (1459)
 Ban ngày sắp thấp hai bên, (1460)

năm trời. mà khi thức dậy thì nỗi kẻ nhà hàng quấy lúc chàng mới vào vẫn chưa chín. Đây hoàng-lương chỉ có nghĩa là giấc mê.

Hồn mai là hồn hoa mai, ý nói hồn cô gái đẹp mơ. Xưa có người gặp người đẹp trong rừng cùng uống rượu say nằm ngủ. Sáng dậy thấy nằm dưới gốc cây mai.

(1457) Sảnh đường là nhà khách, cũng như ta nói nhà trên tức là căn nhà chính chỗ người chủ ở.

Đây là người trên sảnh đường.

Mảng tiếng là thoáng nghe tiếng Kiều tỉnh dậy.

Người sảnh-đường nghe tiếng Kiều tỉnh lại bèn đòi ngay lên hầu.

Đòi tiếng cổ nghĩa là gọi dùng để nói người trên gọi người dưới.

(1458) Tòa rộng : tòa nhà lớn rộng.

Dãy dài : dãy nhà dài, nhiều gian.

Ý nói cửa nhà đồ-xộ, vừa to tát vừa nhiều gian tức tòa lầu dài nói trên

(1459) Thiên quan chủng tề : chữ trong Kinh Lễ, trở chức Tề-Tướng. Xưa chức Lại Bộ thượng-thư đứng đầu các thượng-thư, quyền-hạn như Tề Tướng.

Bãi là bằng hay biển treo, đây là bức hoành - phi treo ở trên chỗ ngồi.

(1460) Sắp tức nền bạch lập làm bằng sáp ong. Ban ngày trời không tối, mà hai bên chỗ ngồi thấp nền sáp xa xỉ đến thế là cùng. Tác giả cực-tả cái cảnh phú-quí của nhà quan Tề Tướng.

Giữa giường thất bảo, ngồi trên một bả (1461)

Gạn-gùng ngọn hồi ngành tra

Sự mình, nằng đã cứ mà gửi thừa,

Bất tình nổi trận mây mưa : (1462)

« Tuồng chi những giống bơ thờ quen thân ! (1463)

« Con này chẳng phải thiện-nhân, (1464)

«Chẳng phương trốn chúa thì quân lộn chồng (1465)

1461) *Giường thất bảo* là giường nạm bảy chất quý-báu : ngọc, vàng, lưu-ly, sa-cừ mã-nã, trân-châu, san-hò, đây có thể chỉ là cái giường khảm.

Ngồi trên một bả : Hai bên thấp bậc lạp, trên giường thất-bảo có một bả ngồi bề-vệ. Thật như một bả Tiên-sur. Cảnh này có lẽ Kiều mới thấy lần đầu tiên trong đời, nên không quên được. Cũng có lẽ nàng đã từng trông thấy cái cảnh tương-tự, nhưng là một pho tượng hay một bức tranh, chứ không phải người bằng xương bằng thịt.

1462) *Bất tình* là bất ngờ, bất thành linh.

Nổi trận mây mưa : cơn phong vũ nổi lên. Tức là cơn giận dữ nổi lên. Mây mưa đây không có nghĩa là ái-ân trai gái như trong điển Vu-sơn mà có nghĩa như *phong ba* hay *phong-lôi*

« Phong-lôi nổi trận bời-bời »

1463) *Giống bơ-thờ* cũng như ta nói dở ngay xương, lười không chịu làm việc. *Bơ-thờ* vừa hàm ý lười, vừa hàm ý trắng hoa, không dùng dẫn.

1464) *Con này* tức đứa con gái này. *Con* đây là một loại-tự trở con gái, với giọng khinh-bĩ.

Thiện nhân là người tốt, người hiền lành.

1465) *Phương trốn chúa* : bọn trốn chủ nhà mà đi : ý nói đây tờ bất-lương.

Quân lộn chồng : quân chính nghĩa là quân lính, dùng theo nghĩa rộng trở bọn người đáng khinh ; *lộn chồng* là

« Ra tuồng mèo mả gà đồng, (1466)

« Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào !

« Đâu đem mình bán cửa tao,

Lại còn khùng-khỉnh làm cao thế này ! (1467)

« Nào là gia pháp nọ bay, (1468)

bỏ chồng này lấy chồng khác, thay đổi chồng luôn-luôn. Ý nói gái hư thân.

Lộn có lẽ do chữ lộn (thua lừa mắc lộn) biến ra, hàm nghĩa lừa lọc. Để nói đùa trẻ đẻ ra không nuôi được, người ta thường bảo nó lộn vào nhà, hoặc nó lộn vào nhà này nhà khác; ý nói nó « đầu thai » vào để đánh lừa người sinh đẻ ra nó.

1466) Mèo mả gà đồng : mèo sống ở ngoài mồ mả, gà sống ở ngoài đồng ruộng, là những giống không có số-cư nhất-định. Ý nói Kiều là gái giang-hồ nay đây mai đó không có số-cư

Ra tuồng là ra cái bộ, ra cái vẻ.

1467) Khùng-khỉnh làm cao : là tỏ vẻ khinh bỉ làm bộ, không chịu hạ mình.

Hình như Kiều không xup xuống lấy trước « bà » này, nên bà mới bảo Kiều khùng khỉnh làm cao.

Nghe câu trên và câu này, người ta tưởng như nghe lời Tú-Bà mắng Kiều.

Điều đáng chú ý là đàn-bà đời Minh từ mẹ Tú trở lên Bà Lộn Lại Bộ đều có những ngôn-ngữ cử-chỉ tương-tự nhau. Hay là riêng đối Kiều, người ta mới có những cử chỉ, ngôn-ngữ như thế ?

Đời Minh tục bán nô lệ có lẽ rất thịnh hành. Cho nên Bà này mới trâng tráo nói dựng đứng là Kiều đã đem mình bán « cửa tao »

1468) Gia pháp là phép-tắc trong nhà, phép tắc để trị người nhà.

Nó nghĩa cũng gần như Đâu.

Bản Kinh chép là : nào là rơi vọt đầu bay !

— Khi trước mẹ Tú, đã nạt Kiều :

Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây.

« *Hãy cho ba chục biết tay một lần !* » (1469)

A-hoàn trên dưới dạ rân, (1470)

Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào, (1471)

Trúc-côn ra sức đập vào. (1472)

Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh, (1373)

Xót thay đào lý một cảnh, (1474)

Đến đây bà mẹ Hoạn-Thư lại ra oai !

Nào là gia pháp nọ bay.

Đời bấy giờ *Gia-pháp* đã thành một khi-giới đề hiếp người ngoài và là một cái nhãn hiệu gián đề lên trên đả-tâm-con người ý giàu ý thế. Chớ không phải, là phép tắc đề dạy con cái trong nhà ăn ở cho có nhân hậu. Có lẽ chỉ nghe hai tiếng *Gia-pháp* Kiều cũng đã mất vía rồi, vì nàng đã có dịp biết thế nào là gia-pháp.

1469) *Ba chục* đây là ba chục roi. Bà mẹ Hoạn-Thư truyền cho tôi tờ đánh Kiều ba chục roi.

— *Đấy gia-pháp*

1470) *A-hoàn* 丫環 là con đòi, đứa ở. Thường đọc lầm là *liêu Hoàn* hay *À Hoàn*.

Trên dưới dạ rân : ở nhà trên nhà dưới dạ vang lên. Uy-quyền bà chủ lớn lắm.

1471) Dù có trăm miệng cũng không phân-trần được lẽ phải, trái, oan hay ung. Kiều không thể cãi làm sao được, trước cái oai-thế của bà chủ nhà.

1472) *Trúc côn* 竹竿 là gậy tre. *Đập* tức đánh. Chúng lấy gậy tre đánh Kiều, chứ không lấy roi da như Tú-Bà.

1473) Dưới sức của gậy tre thì thịt nào mà chẳng phải nát, gan-góc đến đau mà chẳng phải sợ.

1474) *Xót thay* : thương thay, đây là lời tác-giả than cho Kiều.

Đào-lý một cảnh : một cảnh đào-lý. *Đào* là cây đào, *lý* là

Một phen mưa gió tan tành một phen. (1475)

« Hoa-nô » truyền đây đổi tên, (1476)

Buồng the đây ép vào phiên thị-lý, (1477)

Ra vào theo lũ thanh y (1478)

Dãi-dầu tóc rối, da chì quần bao l (1479)

cây mạn. Sách Tàu có câu sắc diễm như đào lý nghĩa là ; sắc đẹp như cây đào cây mạn.

Đào lý một cảnh đây nói một người con gái xinh đẹp (tức Kiều).

1475) *Mưa gió* là những sự không may, những nỗi khổ cực phải chịu, cũng như đào, lý bị mưa gió lay chuyển giập vùi.

Cơn mưa gió đây nói bóng việc Kiều phải đôn.

1476) *Hoa-nô* 花奴 là đứa ở gái. Đây bà chủ nhà truyền đặt tên cho Kiều là *on hoa*, cũng như ta gọi đứa ở là *oan Sen* vậy.

1477) Bà chủ ép Kiều nhập vào bọn con đòi hầu hạ ở nương buồng the.

Thị tỷ 侍婢 là đứa hầu gái.

1478) *Thanh y* là áo xanh. Đồi xưa, bọn đầy tớ nhà vua, quan đều mặc áo xanh để dễ phân biệt.

1479) Kiều cam chịu phạt bèn tóc để rối da để sạm đen, (không có thì giờ và không được phép trang diễm) nàng vẫn không quản ngại. Ý nói nàng cam đành phạt tội đời, không dám tỏ vẻ oán giận.

Nghĩ như Kiều, lúc này kẻ cũng hay ! Tự-nhiên bị bắt cóc đưa đến một nhà quan, rồi bị bắt buộc phải làm con hầu đứa ở, mà nàng vẫn cam chịu một bề, không dám tìm cách cưỡng lại.

Nàng yếu bóng vía, chịu đựng đã quen ? hay là bà chủ trúc-côn đã ảnh-hưởng đến thái độ nàng như vậy ?

Quần gia có một mụn nào
 Thấy người thấy nết ra vào mà thương
 Khi chẻ chén, khi thuốc thang, (1480)
 Dem lời phượng-tiện, mở đường hiếu sinh, (1481)
 Dạy rằng : « May, rủi đã đành. (1482)
 « Liễu-bồ mình giữ lấy mình cho hay
 Cũng là oan nghiệp chi đây (1483)
 « Sa cơ mới đến thế này chẳng dừng.
 « Ở đây tai vách mạch dừng. (1484)

1480) Mụ quần-gia thương nàng ngoan-nết và có sắc đẹp thường khi cho nàng chén nước, thường khi sẵn sọe thuốc-thang cho nàng, Kiều bị đánh đau như vậy, tất phải thuốc-thang rịt vào chỗ đau.

1481) Phượng-tiện 方便 là lời nói giúp ích cho người ta ; hiếu sinh 好生 nghĩa đen là thích sự sống, muốn cho người ta sống, nghĩa bóng là nhân-ái không thích đánh giết. Mụ quần-gia đem lời ích-lợi dẫn Kiều để mở cho nàng con đường hiếu-sinh, tức để nàng khỏi phải đánh đòn.

1482) Liễu bồ tức cây bồ liễu đã chua nghĩa ở trên.

Ý nói mình là phận hèn yếu thì cốt giữ cách lấy phận mình cho khỏi bị đòn.

Cho hay tức cho tốt, ý nói cho khỏi bị đau đớn khổ thân.

1483) Oan nghiệp tức tiền oan nghiệp chương nghĩa là oan thù, nghiệp báo từ trước, nên nay mới xảy ra truyện thế này.

Ảnh-hưởng Phật-giáo đã ăn sâu vào đầu óc nhân-dân đến nỗi mụ quần gia cũng biết nói oan nghiệp.

Sa cơ là sa vào mưu-cơ, mắc phải mưu mẹo.

1484) Tai vách là tường vách có tai nghe.

Mạch dừng là dừng có mạch hở, Dừng là những thanh tre dừng vào vách để trát vữa lên trên.

Vách và dừng đều có tai để nghe, ý nói chỗ nào cũng có người nghe ngóng rình mò, dù nói năng ở chỗ vắng vẻ

« Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi. (1485)

« Kẻo khi sấm sét bất kỳ (1486)

« Con ong cái kiến kêu gì được oan ! » (1487)

Nàng càng giọt ngọc chứa chan.

Nỗi lòng luống những bàn-hoàn niềm tây (1488)

« Phong trần kiếp đã chịu đầy

« Lắm than lại có thứ này bằng hai ! (1489)

chỉ có đừng với vách cũng sẽ có người nghe biết.

Phương-ngôn ta có câu « Đừng có mặt vách có tai » Câu này lấy chữ ở câu phương-ngôn đó.

1485) Người cũ dịch chữ cổ nhân 故人, nghĩa là bạn cũ, người quen cũ người thân yêu ngày xưa.

Nhìn đây có nghĩa là nhìn nhận. Mụ quản-gia dẫn Kiều hồ thấy người quen cũ thì chớ có nhận, cứ làm lơ như không quen biết bao giờ.

Đến đây có lẽ Kiều mới hiểu vì sao nàng bị bắt cóc và đẩy dọa làm tội-tử. Và nói cổ-nhân, có lẽ nàng đã hiểu cổ-nhân là ai rồi.

1486) Sấm sét bất kỳ : là nói chung sự giận-dữ đánh đập hình linh xảy ra.

1487) Con ong cái kiến tức nói phận làm tội-tử. Ong và kiến nguyên vẫn có nghĩa vua tôi, đây mượn đề nói phận tội-tử. Nếu nhìn nhận người quen lỡ xảy ra những việc đánh đòn thì mình là phận tội-dối, kêu oan cũng không được.

1488) Bàn-lạc 盤樂 là nghĩ quanh quẩn, nghĩ vo-vàn,

Niềm tây : niềm riêng, tình riêng, ý nghĩ thầm kín.

Kiều nghe nói thì khóc, trong lòng nàng nghĩ-ngợi quanh quẩn thăm-kín nhiều điều. Có lẽ nàng đã đoán biết cái cơ nàng bị bắt cóc và hành hạ.

1489) Thứ này là lần này, chuyến này.

Bằng hai tức gấp đôi, ý nói lắm than gấp đôi trước kia.

Cả câu : lại có chuyến này bị lắm than khổ sở bằng hai cái chuyến trước,

« Phận sao bạc chẳng vừa thôi (1490)
 « Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan
 (1491)

« Đã đành túc trái tiền oan, (1492)
 « Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi !
 Những là nường nấu qua thì.,
 Tiều thư phải buổi mới về ninh gia (1493)
 Mẹ con trò chuyện lãn la,
 Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời ;
 « Tiều thư dưới trướng thiếu người (1494)

1490) Bạc là mỏng là xấu.

Chẳng vừa thôi : chẳng vừa vừa thôi lại bạc quá đến thế.

Kiều nghĩ thầm : phận mình sao chẳng mong manh vừa thôi, lại mong manh quá như thế ?

1491) Kiêu có ý oán trách cái phận bạc khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan tức là buộc người gái đẹp phải chịu đựng mãi những nỗi gian truân.

Câu này nhắc ý câu « « Hồng nhan bạc phận »

1492) Cố nhiên là do túc trái tiền oan.

Túc trái tiền oan là nợ xưa, oan trước, tức nợ và oan từ kiếp trước để lại, biết vậy sao không tìm cách lánh đi nơi khác mà lại chỉ biết có một việc liều mình ?

1493) Tiều thư Nghĩa cũng như tiếng nôm là có. Phàm con trai các quan lớn thì gọi là công-tử, con gái thì gọi là tiều thư. Công tử và tiều thư bắt đầu là tiếng gia nhân gọi con ông chủ làm quan.

Đây nói tiều thư vì Kiêu là tội tở tất phải xưng hô với con gái bà lớn là tiều thư.

Phải buổi cũng như gặp buổi.

Ninh - gia là về thăm nhà nghĩa cũng như chữ quy ninh đã chưa ở trên.

Gặp buổi tiều thư con gái bà lớn ở nhà chồng về thăm nhà cha mẹ đẻ.

1494) Dưới trướng là hầu hạ dưới màn ; tiều - thư thiếu người hầu hạ.

« Cho về bên ấy, theo đòi lầu trang »
 Linh lời nằng mới theo sang.
 Biết đâu địa-ngục thiên đàng là đâu ? (1495)
 Sớm khuya, khăn mặt lược đầu, (1496)
 Phận con hầu, giữ con hầu dám sai,
 Phải đêm êm-ả chiều trời,
 Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày, (1497)
 Linh lời nằng mới lựa dây,
 Nỉ non, thánh thót dễ say lòng người ! (1498)
 Tiểu thư xem cũng thương tài,

1495) Chưa biết ở nơi ấy sung-sướng, hay khổ-sở thế nào thấy phu-nhân bảo đi thì nằng cứ đi.

Đến đây, ta thấy Kiều hình như vẫn chưa hiểu biết truyện gì. Không lẽ nằng lại kém thông-minh đến thế ? Hay là nằng không còn làm khác được, nên đành ngoan-ngoãn vâng theo ?

1496) *Khăn mặt* : hầu khăn rửa mặt.
Lược đầu lấy lược chải đầu hầu tiểu-thư.
 Kiều được hầu cận tiểu-thư như vậy.

1497) *Trúc tơ* : trúc tức là tre, ý nói cái sáo làm bằng ống tre ; tơ là dây tơ, ý nói dây đàn.

Trúc tơ đây chỉ có nghĩa là âm nhạc. Tiểu thư hỏi đến nghề âm nhạc của Kiều.

Nghề chơi mọi ngày : cứ như câu này thì ra trong khi làm tôi - tớ trong nhà, Kiều thường ngày vẫn hơi đàn. nên tiểu-thư mới hỏi đến « nghề chơi mọi ngày »

Nếu quả vậy, thì Kiều thật đã cam chịu phận tớ đòi, đến nổi vẫn còn bụng dạ để chơi âm nhạc. Những lúc dọa-dây như vậy mà vẫn còn chơi đàn được, thì Kiều phải là một người rất vô tâm.

1498) *Linh lời* cũng như vâng lời.
Lựa dây tức so dây đàn.

Khôn-uy nhường cũng bớt vài bốn phần. (1499)

Cửa người đầy dọa chút thân,

Đêm than thở bóng, ngày ân-hận lòng. (1500)

Tiếng đàn nàng gảy nghe nỉ-non, thánh thót dễ làm lòng người phải mê-say.

Ý nói Tiểu.Thư nghe đàn lấy làm mê muốn nghe mãi.

1499) Các bản ra trước đều chép là *khuôn uy*, chép thế hình như sai.

Khuôn uy nghĩa là khuôn bớt cái oai đi.

Nếu đề *khuôn uy* thì nói *bớt vài bốn phần* không có nghĩa, hoặc nói lấp.

Chắc là *khôn-uy*, các bản trước đọc chữ *khôn* tiếng nôm là *khuôn*.

Khôn là khuê khôn, chỗ ở của đàn-bà, dùng theo nghĩa rộng, là thuộc về đàn-bà.

Khôn đức là đức-hạnh đàn-bà.

Khôn uy 威 là cái oai-thế của đàn-bà tức là vẻ nghiêm-khắc oai dữ của đàn-bà.

Khôn-uy nhường cũng bớt vài bốn phần nghĩa là mười phần *khôn-uy* thì nhường như, *tiểu-thư* đã bớt đi vài bốn phần. Ý nói sau khi nghe Kiều đánh đàn, *tiểu-thư* nghe đã từ-tế với nàng một đôi chút. Nghe chừng *Tiểu.Thư* cũng thương nàng là người có tài.

1500) Bản Bùi Kỳ Trần trọng Kim chép : *sớm nắn nỉ bóng đêm ngo-ngằn lòng*. Chép *ngo-ngằn lòng* thì lạc vận, vì câu trên là :

Cửa người đầy dọa chút thân,

Các bản khác đều chép;

Sớm nắn nỉ bóng đêm ân hận lòng.

hoặc :

Sớm than thở bóng đêm ân-hận lòng.

hoặc :

Lâm-truy chút nghĩa đeo bông, (1501)
Nước non đề chữ tương phùng kiếp sau. (1502)
Bốn phương mây trắng một màu (1503)

Sớm than thở bóng, đêm năn nỉ lòng.
Chúng tôi thấy hình như đều sai,
Theo ý chúng tôi có lẽ chép thế này mới đúng :
Đêm than thở bóng, ngày ân-hận lòng.

hoặc :

Hôm than thở bóng, sớm ân hận lòng.

Nói bóng tức là nói ban đêm. Ban đêm dưới ánh đèn, Kiều một mình với một bóng. Nàng thở than với bóng nàng. Ban ngày nàng cũng không dám oán-trách ai, nàng chỉ ân-hận riêng trong lòng. Ý nói ngày đêm Kiều âm-thầm đau khổ; không dám nói với ai.

1501) Chút nghĩa đeo-bông ở Lâm-Truy, ý nói chút nghĩa vợ chồng với Thúc-Sinh.

Kiều ân hận trong lòng khi nhớ đến Thúc-Sinh. Lúc này nàng đã quên Kim-Trọng rồi.

1502) Có bản chép là : *nước bèo đề chữ tương phùng...* và viện cớ *Bình thủy tương phùng* để giải nghĩa. Nhưng *Bình thủy tương phùng* là nói sự ngẫu-nhiên gặp gỡ buổi mới, không hợp với cảnh ngộ lúc này.

Có lẽ đề *nước non* thì hơn. *Nước non* đây nhắc lời thề-thốt chỉ non thề nước.

Đề chữ *tương phùng* có lẽ cũng bất thông, Vì Kiều và Thúc-Sinh đã *tương phùng* rồi.

Chúng tôi cho đề là *trùng phùng* 重逢 nghĩa là gặp gỡ lần thứ hai, lại gặp nhau lần nữa, thì mới hợp với cảnh ngộ Kiều.

Kiều nghĩ thầm: Kiếp sau họa mới lại gặp được Thúc Sinh.

1503) *Mây trắng* dịch chữ *Bạch-vân* trong tích *Địch-thần-Kiệt đời-Đường* (đã chưa ở trên) mượn đề nói ý nhớ nhà, nhớ cha mẹ.

Trông vời cổ-quốc biết đâu là nhà ? (1504)

Lần lần tháng trọn ngày qua,

Nỗi gần, nào biết đường xa thế này ! (1505)

Làm-Truy từ thuở uyên bay, (1506)

Buồng không, thương kẻ tháng ngày chiếc thân
(1507)

Mày ai trăng mới in ngần, (1508)

1504) *Trông vời* là trông vời ra xa xa.

Cổ quốc là nước cũ, tức nước nhà mình. Thời xưa nước Tàu chia ra làm vạn quốc. Mỗi quốc chỉ rộng như một quận. Vì thế sau đề nói quê nhà, người ta thường nói cổ-quốc. Hiểu theo nghĩa ngày nay, thì không nói cổ-quốc được.

Biết đâu là nhà tức biết đâu là nhà cha mẹ. Lấy ý Dịch - nhân - Kiệt nói « Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây trắng kia ».

Hai câu này nói Kiều nhớ nhà nhớ cha mẹ.

1505) Nàng chỉ biết nông-nỗi ở gần nàng, chứ có biết đâu nông-nỗi ở nơi xa-xôi nó như thế này.

Câu này là lời tác-giả nói.

Từ câu sau trở đi tác-giả tả những nông-nỗi ở nơi xa-xôi. (nơi Thúc-sinh)

1506) *Từ thuở uyên bay* ; từ thuở uyên - ương bay mỗi con một ngã, ý nói từ thuở Thúc-Sinh mất Kiều.

Uyên tức là *uyên - ương* là một giống chim về loại vịt, ẩn dưới nước, bao giờ con trống con mái cũng đi thành đôi, người ta mượn để ví vợ chồng.

1507) *Thương kẻ tháng ngày chiếc thân* : thương Thúc-Sinh tháng ngày một mình trong buồng vắng.

Đây là tác-giả tỏ ý thương thay.

1508) Nhớ Kiều, Thúc-Sinh nhìn vầng trăng mới (tức trăng đầu tháng lưỡi liềm), chàng tưởng như thấy nét

Phấn thừa hương cũ, bội phần xót xa. (1509)

Sen tàn, cúc lại nở hoa, (1510)

Sầu dài, ngày ngắn, đông đã sang xuân (1511)

Tìm đâu cho thấy cố-nhân? (1512)

Lấy câu vận - mệnh khuấy dần nhớ thương, (1513)

lòng mây của ai. Ai đây trở Kiều.

Nhìn trắng lưỡi liềm mà tưởng như lòng mây người yêu, tấm lòng Thúc - Sinh thương nhớ người yêu khổ đã thấm thiết nồng nhiệt.

1509) Xem đến chỗ phấn, hương của Kiều dùng ngày xưa còn lại, Thúc - Sinh càng thương xót bội phần. Vì chàng yên trí rằng Kiều đã chết trong đám cháy.

1510) Hết mùa hạ sang mùa thu.

1511) Hết mùa đông sang mùa xuân.

Mỗi sầu thì cứ dài-dặc mãi, mà ngày giờ thì như ngắn cứ lần - lần qua đi.

Hai câu này tả thì - gian một năm qua đi chóng vánh, để diễn cái ý « ngày ngắn ». Đồng thời cũng để diễn cái nghĩa « sầu dài » vì trải hết bốn mùa mà sầu vẫn chưa hết cho.

1512) *Cố nhân* là người bạn cũ, người thân yêu cũ. Thúc - Sinh gọi Kiều là cố-nhân.

Trên kia mẹ quản-gia dặn Kiều :

Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi

Tức là chớ nhận cố-nhân.

Rõ ràng cố-nhân hay người cũ ở đây dùng theo nghĩa là người thân yêu xưa.

1513) Thúc - Sinh đành lấy thuyết số - mệnh tự an ủi cho lòng khuấy dần nỗi nhớ thương Kiều, (chàng đổ cho Kiều chết như vậy là tại số) Mỗi khi gặp việc không thể giải - thích được, mỗi khi gặp phải những gian - truân những thất - vọng, người Á - Đông và riêng người Tàu người Việt - nam ta hay đổ cho số - mệnh. Đến nỗi đã có một nhà văn viết rằng : « Ở đời việc thành bại quá nửa

Tranh niềm nhớ cảnh gia hương. (1514)
 Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê
 Tiêu-thư đón cửa đã đề,
 Hàn-huyên vừa cạn mọi bề gần xa
 Nhà hương cao cuốn bức là, (1515)
 Bường trong, truyền gọi nàng ra lay mừng (1516)
 Bước ra một bước một dừng (1517)
 Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa ; 1518)
 « Phải rằng nắng quáng đèn lò, (1519)

như về số mệnh », cho việc đời là việc rủi may. Thuyết số mệnh đã ăn sâu vào đầu óc người ta đến thế !

1514) Một năm sau, Thúc-Sinh lại nghĩ nhớ nhà. Có lẽ vì mất Kiều, nên chàng mới năng nhớ nhà như vậy.

1515) Nhà hương tức hương khuê là phòng thơm, trở chỗ đàn-bà ở.

Cao cuốn bức là : bức màn bằng là cuốn cao lên, vì Thúc-Sinh về. Khi chàng đi vắng thì bức là rủ xuống che kín cửa bường.

1516) Nàng đây trở Kiều.

Tiêu-Thư truyền lệnh gọi Kiều ra lay mừng ông chủ mới về.

1517) Hình như Kiều đã dò biết ông chủ nhà là ai rồi cho nên nàng mới « một bước một dừng » vì e-lệ.

1518) Hay là vì nàng ở xa trông ra, đã « tỏ chừng nẻo xa » (thấy rõ ở nơi xa) nên nàng « một bước một dừng » ? Nàng cảm-động chẳng ? Nàng e-thẹn chẳng ? Nàng sợ-hãi chẳng ? Hay là lòng nàng cảm bằng ấy thứ một lúc ?

1519) Có phải là nắng quáng hay đèn lò mắt đau mà không trông rõ ?

Ý nói trông thấy rõ ràng.

- « Rõ-ràng ngồi đó chẳng là Thúc-Sinh ?
 Bây giờ tỉnh mới tỏ tình, (1520)
 « Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai ! (1521)
 « Chước đâu có chước lạ đời, (1522)
 « Người đâu mà lại có người tình-ma ? (1523)
 « Rõ ràng thật lừa dối ta,
 « Làm ra con ở, chúa nhà đôi nơi !
 « Bề ngoài thơn-thớt nói cười, (1524)

1520) Bây giờ mới tỏ rõ sự-tình là thế đấy.

Hai chữ tỉnh đây chỉ có giá-trị như một chữ. Tác-giả đặt thêm một chữ tỉnh ở trên, theo hô-khởi-pháp, để nhấn mạnh ý văn.

1521) Đến bây giờ Kiều mới thắc là nàng đã mắc phải vành? Bình-sinh nàng khôn-ngoan sắc-sảo như thế, nay sao nàng u-mê đến thế? họa lại thân ám? hay đương-cực giả mặt?

1522) Chước là mưu-chước, mưu-mẹo.

Lúc này Kiều mới tỉnh ngộ đó là mưu mẹo của Hoạn-Thư.

Thì ra từ lúc vào nhà họ Hoạn và đến lúc sang nhà Hoạn-Thư hầu hạ, nàng vẫn không biết nhà chủ tên là gì, gia-thế ra sao !

Chẳng có lẽ Kiều lại dần-độn đến thế. Chỗ này tình-thiết sắp đặt còn vụng-về.

1523) Người đây ám chỉ Hoạn-Thư.

Bây giờ Kiều mới biết Hoạn-Thư tình-ma ư? Trước nàng đã trộm nghe kẻ lớn trong nhà :

Ở vào khuôn phép nói ra mối rường rồi kia mà !

1524) Ghen với Kiều, bắt nàng « khấn mặt lạy đầu » cho mình, bắt nàng đánh đàn cho nghe, lệnh không đánh-đập hành hạ chi. Bình-tĩnh, thân-nhiên như vậy, « đời xưa mấy mặt đời này mấy gan ». Hoạn-Thư quả là người nham-hiềm ít thấy.

Mà trong nham hiểm giết người không dao (1525)

« Bầy giờ đất thấp trời cao, (1526)

« Ăn làm sao nói làm sao bây giờ ? »

Càng trông mặt càng gần ngọc (1527)

Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời,

Sợ uy, dám chẳng vàng lời, (1528)

Cúi đầu, nép xuống sân mai một chiều, (1529)

1525) Nham hiểm là thâm độc.

Giết người không dao tức là cái cười giết người.

Lý-Lâm-Phủ đời Đường bị người ta chê là *tiểu trung hữu dao* nghĩa là trong cái cười có con dao, ý nói cười nham-hiểm.

Câu này mượn ý chữ « *tiểu trung hữu dao* ».

1526) Đất thấp, trời cao là một bên ở dưới đất thấp, một bên ở trên trời cao, ý nói hai bên cách-biệt nhau như trời với đất Thúc-Sinh với Kiều vốn là vợ chồng (rõ ràng thật lừa dối ta) nay hai người cách biệt nhau như trời với đất, là vì một bên là con ở (Kiều) một bên là chủ nhà (Thúc-Sinh).

1527) Trông mặt là trông mặt Thúc-Sinh.

Ngần ngọc là Kiều ngần ngọc ý nói hoảng hốt như kẻ ngây dại ngần ngọc.

1528) *Sợ uy* ; Kiều sợ oai-thế Hoạn-Thư.

Dám chẳng vàng lời ; dám dẫu không vàng lời, sợ Hoạn-Thư Kiều đành phải ra lạy mừng Thúc-Sinh.

Sợ uy Hoạn-Thư đến thế, thì Kiều kẻ cũng yếu bóng vía quá. Nhất là bấy giờ đã có Thúc-Sinh ở nhà. Hoạn-Thư từ bấy đến nay có hành-hạ đánh đập nàng đâu mà nàng khiếp sợ đến thế ?

1529) *Cúi đầu* : Kiều cúi đầu lạy mừng Thúc-Sinh theo lễ con đòi lạy mừng ông chủ. Đây là Kiều lạy theo lễ *Bái-thủ*, nên chỉ cúi đầu, còn người vẫn đứng ngay (bình thân).

Sinh đã phách lạc hồn xiêu ; (1530)

« Thương ôi ! chẳng phải nàng Kiều ở đây ? (1531)

Nhân làm sao đến thế này ?

• Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi ! » (1532)

Sợ quen dám hở ra lời (1533)

Cúi đầu lay xong, nàng nép mình một chiều xuống sân mai không ngẩng lên. Nép là nem-nép, tỏ ý sợ-hãi, hổ thẹn. Cũng có thể là nàng cảm động quá nên nép người vào cây mai ngoài sân, để khỏi ngã ra.

Sân mai là sân có trồng cây mai ;

1530) Thúc-Sinh sợ-hãi mất vía. Việc xảy tới một cách quá đột ngột bất ngờ.

1531) Than ôi ! há chẳng phải nàng Kiều ở đây ư ? Chẳng thấy Kiều rồi, trong lòng còn chưa muốn tin, nên mới vấn tâm như vậy.

1532) Bây giờ Thúc-Sinh mới biết chàng đã mắc vào tay ai rồi. Ai trở Hoạn-Thư. Dù sao thì chàng cũng đáng chê ở chỗ chủ quan khinh địch và không sáng suốt xét tình ý vợ.

— Đoạn trên tả sự kinh-ngạc đau lòng của Kiều.

Đoạn này tả sự kinh ngạc đau lòng của Thúc-Sinh.

— Thật đúng như ý-định của Hoạn-Thư :

Làm cho nhìn chẳng được nhau.

Làm cho trông thấy nhỡn liền.

Làm cho đau đớn cốt đầu chẳng lên.

1532) *Sợ quen* tức là sợ vợ cả biết. *Quen* đây dùng theo nghĩa là biết. Thúc-Sinh sợ Hoạn-Thư biết truyện, nên không dám hở ra lời nào.

Kiều thì sợ uy Hoạn-Thư, Thúc-Sinh thì sợ Hoạn-Thư biết, Hoạn-Thư đáng sợ thật. Giá Thúc-Sinh nói thật từ trước thì đâu đến nỗi này ?

Khôn ngăn giọt ngọc xụi xụi rỏ sa, (1534)

Tiểu thư trông mặt hỏi tra.

« Mới về, có việc chi mà động dong ? (1535)

Sinh rằng ; « Hiếu phục vừa xong (1536)

« Suy lòng trắc Di đau lòng chung thiên » (1537)

1534) Thúc-Sinh tuy không dám hé răng nói gì, song chàng không thể nào ngăn được nước mắt.

Thúc-Sinh phải nhỏ nước mắt là vì bấy lâu chàng thương nhớ đã nhiều. Nay thấy nàng đến nông nỗi ấy mà chàng không làm chi được, chàng khóc vì thương Kiều phải khổ, hay khóc vì thương mình bất lực trước cảnh đầy dọa của người yêu ?

Còn Kiều thì ta không thấy nàng sa nước mắt. Một là nàng sợ phải đòn. Hai là vì nàng đã dạn dày với những cảnh cực nhục.

1535) *Động dong* : nét mặt thay đổi buồn bã. Tiểu thư thấy mặt Thúc-Sinh rầu rĩ thì hỏi vì cớ sao mà buồn.

1536) *Hiếu phục vừa xong* : Vừa hết tang. Hiếu-phục là ăn mặc đồ tang.

1537) *Trắc dĩ* là trèo lên núi Dĩ, ý nói nhớ thương mẹ. Kinh Thi có câu : *Trắc dĩ Dĩ hề: chiêm vọng mẫu hề nghĩa* là trèo lên đỉnh núi Dĩ, ngóng nhìn người mẹ. Sau người ta dùng chữ *trắc dĩ* để nói ý xót thương mẹ đã chết.

Chung thiên : là hết đời. Tang chế cha mẹ thì có kỳ hạn, nhưng nỗi buồn nhớ cha mẹ thì dài đặc suốt đời. *Chung thiên* nghĩa đen là hết trời là nói tắt câu *chung thiên bảo hạn* nghĩa là suốt đời ôm hận hoặc *chung thân chi tang* tức là cái tang suốt đời

Thúc-Sinh nói rằng chàng buồn bã vì nhớ đến mẹ vừa mới đoạn tang.

Buồn - bã vì thấy Kiều, mà nói dối là thương xót mẹ chết, kẻ cũng buồn thay ! Chàng bị kể nên nói liều, Hay là chàng vốn là người ngờ-nghệch chỉ tài ăn chơi tiêu tiền

- Khen rằng : Hiếu-tử đã nên, (1538)*
« Tầy trần mượn chén giải phiền đêm thu » (1539)
Vợ chồng chén tạc, chén thù (1540)
Bắt nàng đứng chực trì-hồ hai nơi (1541)
Bắt khoan bắt nhặt đến lời, (1542)
Bắt qui tận mặt, bắt mời tận tay, (1543)
Sinh càng như đại như ngày,
Giọt dài, giọt ngắn, chén đầy, chén vơi (1544)
Ngánh đi chợt nói, chợt cười. (1545)

1538) Hoạn-Thư khen chàng là người con có hiếu. Ngâm nghĩ cho kỹ, ta thấy lời Hoạn-Thư có ngụ ý hài-hước sâu cay, mạt mẽ vô cùng. Nàng định bụng điều Thúc-Sinh như vậy.

1539) Nàng sai bày tiệc rượu tầy trần để cho Thúc-Sinh khuây khỏa.

1540) *Chén tạc chén thù* : chén rượu rót ra mời và chén rượu rót mời trả lại, ý nói rót rượu mời lẫn nhau.

1541) *Trì hồ* là cầm hồ rượu để rót rượu hầu (cho hai vợ chồng).

1542) *Khoan* là thông-thả từ-dễ ; *nhặt* là mau chóng gấp bách, Hoạn-Thư lúc bảo Kiều (thư thả, khoan thai, lúc (lạ) nàng vội vã.

1543) Hoạn-Thư bắt Kiều qui xuống trước mặt và cầm chén đưa tận tay Thúc-Sinh.

1544) Thúc-Sinh lã chã nước mắt, đành phải uống hết chén đầy đến chén vơi. Chàng như ngày như đại, uống rượu như cái máy không vui vẻ sung-sướng chút nào.

1545) *Ngánh đi* : Thúc-Sinh ngánh mặt nơi khác, không nhìn Kiều.

Chợt nói chợt cười : Nói cười thất thổ, không tự nhiên, thiếu mạch lạc và thiếu bình-tĩnh.

Câu này diễn tả ý « như đại như ngày » ở trên.

Cáo say, chàng đã tỉnh bài lảng ra : (1546)

Tiêu-thư vội thét : « Con Hoa !

« Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đôn ! » (1547)

Sinh càng nát ruột, tan hồn,

Chén mời phải ngậm bồ-hồn ráo ngay. (1548)

Tiêu-thư cười nói, tỉnh say, (1549)

Chừa tan cuộc rượu, lại bày trò chơi,

Rằng : « Hoa-Nó đủ mọi tài.

« Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe ! » (1550)

Nàng đã choáng-váng tê-mê, (1551)

Vàng lời ra trước bình the vắn đàn. (1552)

1546) Cáo say : Cáo lỗi là say để định tránh đi nơi khác.

1547) Hoạn-Thư bắt Kiều phải khuyên mời Thúc-Sinh uống cạn chén rượu. Nếu không thì nàng bị đánh đòn.

Hoạn-Thư cố ý kéo dài cái hình-phạt tinh-thần ấy đối với Thúc-Sinh và Kiều.

1548) Ngậm bồ hồn : tục ngữ ta có câu : ngậm bồ-hồn làm ngọt, hay ngậm bồ hồn làm ngon, nghĩa là nuốt cay đắng mà đành phải chịu vậy

Ráo ngay : uống cạn chén ngay.

Thúc-Sinh bắt buộc phải nuốt cay đắng uống cạn chén rượu. Chàng sợ Kiều bị đòn.

1549) Cười nói tỉnh say : cười nói lúc như tỉnh lúc làm như say : làm ra bộ say, thực thì Hoạn-Thư vẫn tỉnh.

1550) Bản đàn có bản chép là ngón đàn

1551) Có bản chép tán hoán tê mê.

Kiều nghe người choáng-váng mê-mẩn như bị cơn gió độc. Nàng bị xúc-động mạnh quá, vì những sự hành hạ mát mẻ của Hoạn-Thư.

1552) Bình the là bình-phong căng bằng the.

Vắn đàn là vắn trực đàn để so dây trước khi đánh.

Bốn dây như khóc, như than,
 Khiến người trên tiệc cũng tan-nát lòng (1553)
 Cùng trong một tiếng tơ đồng. (1554)
 Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm, (1555)
 Giọt châu lã-chã khôn cầm, (1556)
 Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt sương (1557)
 Tiểu-thư lại thét lấy nang ; (1558)

1553) Tiếng đàn buồn thảm như tiếng khóc, tiếng than, bộc lộ nỗi buồn thăm vô hạn trong lòng Kiều bấy giờ.

Người trên tiệc đây trở Thúc-Sinh. Có bản chưa là cả hai vợ chồng Thúc Sinh có lẽ sai. Hoan-Thư thì bản là không tan nát lòng khi nghe Kiều đánh đàn. Nàng cười nụ. Nói trên tiệc vì Kiều là tôi tớ ngồi ở phía dưới đánh đàn.

1554) Tơ đồng : tơ là dây tơ ; đồng là gỗ ngô-đồng, tức là cây đàn làm bằng gỗ ngô đồng.

Tiếng tơ đồng tức là tiếng đàn.

1555) Người ngoài là người đứng ngoài cuộc, đây trở Hoan-Thư.

Người trong là người ở trong cuộc, đây trở Thúc-Sinh. Nghe đàn, Hoan-Thư cười nụ ; nàng bả dạ khi thấy Thúc-Sinh đau buồn, Còn Thúc-Sinh thì khóc thầm trong lòng. Chàng không dám khóc, e Hoan-Thư biết,

1556) Tuy nhiên nước mắt cứ lã chã trào ra, ngăn không được. Cầm đây nghĩa là ngăn lại, giữ lại.

1557) Giọt sương là giọt lệ như sương.

Có bản chép là giọt Tương và nhắc đến Nga Hoàng Nữ Anh khóc chồng là vua Thuấn ở trên bờ sông Tương.

1558) Hoan-Thư thấy Thúc-Sinh ứa nước mắt bèn thét mắng Kiều.

Thét lấy tức thét lấy thét đẽ, ý nói thét trần, thét bừa bới, không cho biện-bạch phân-trần.

- « Cuộc vui gây khúc đoạn-tràng ấy chi ? (1559)
 Sao chẳng biết ý - tứ gì ?
 Cho chàng buồn-bã tội thì tại người ! »
 Sinh càng thắm - thiết bồi hồi,
 Vội vàng gương nói, gương cười cho qua, (1560)
 Giọt rồng canh đã điểm ba, (1561)
 Tiêu-thư nhìn mặt, dường đã cam lâm. (1562)
 Lòng riêng lấp-tênh mừng thắm ; (1563)
 « Vui này đã bỏ đau ngăm xưa nay ! » (1564)

1559) Hoạn-Thư làm ra bộ không biết Thúc-Sinh ứa nước mắt vì Kiều ; Nàng vờ cho là vì bài đàn buồn thảm quá, nên mắng Kiều.

1560) Sự Kiều bị mắng, đánh, Thúc-Sinh phải gương cười gương nói cho qua lúc này.

1561) Giọt rồng là giọt đồng-hồ, Đồng-hồ xưa làm bằng cái hồ đồng, có lỗ nhỏ để nước trong hồ rỏ ra từng giọt, do sự vơi đầy trong bình mà ấn-định thì giờ. Đồng-hồ thường chạm khắc hình rồng nên gọi là giọt rồng.

Canh đã điểm ba là đã tới canh ba, tức nửa đêm.

Tiệc rượu kéo dài đến nửa đêm, cố ý để kéo dài cuộc hình phạt Kiều.

1562) Nhìn mặt Kiều và mặt Thúc-Sinh, Hoạn-Thư lấy làm cam lòng. Nàng hả dạ vì đã trả thù được một cách mát mẻ thâm độc.

1563) Hoạn-Thư lấp-tênh mừng thắm. Vui với cái đau khổ của người khác. Tâm địa thâm-hiềm độc-ác đến thế là cùng Tác-giả dùng chữ « lấp tênh » có ý chế bụng nhỏ-nhen như trẻ con.

1564) Hành-hạ Kiều và Thúc-Sinh như vậy, Hoạn-Thư cốt mua lấy cái vui bù vào nỗi đau-đớn ngăm-ngăm bấy lâu. Không trách người ta nói « giết người không dao ».

- Sinh thì gan héo ruột đầy, (1565)
 Nỗi lòng càng nghĩ càng cay-đắng lòng, (1566)
 Người vào chung gối loan phòng, (1567)
 Nàng ra tựa bóng đèn giòng canh dài :
 « Bây giờ mới rõ lắm hoi, (1568)
 « Máu ghen đầu có lạ đời nhà ghen ! (1569)
 « Chúc đầu rẽ thủy chia uyên, (1570)
 « Ai ra đường ấy, ai nhìn được ai ? (1571)

1565) Gan héo-hon, ruột đầy lên vì uất-ức.

1566) Càng nghĩ, càng càng lấy làm cay đắng trong lòng vì không thể nói ra làm sao được. Ta thường nói : chứt cay chết đắng trong lòng.

1567) Người là người ngoài, đối lập với mình, đây trở Thúc-Sinh và Hoạn-Thư.

Loan-phòng là phòng đàn bà, Loan là con phượng mái, tượng-trưng người vợ. Phòng đàn bà xưa hay vẽ chim loan, hoặc treo màn thêu chim loan.

1568) Bây giờ mới rõ, thì muộn quá. Suốt thi-gian ở nhà Phu-Nhân và ở hầu Tiểu-Thư, ít nhất Kiều cũng phải biết qua lai-lịch và gia-thế nhà chủ mới phải. Họa lại thần-ám, Kiều tự nhiên hóa ngu muội ? Hay là tác-giả sắp đặt tình-tiết có chỗ vụng về ?

1569) Nhà ghen tức cũng như người ghen. Câu này nghĩa là : máu ghen đầu lại có người ghen lạ đời đến thế ?

Kiều ngạc-nhiên là phải. Vì ghen kiêu Hoạn - Thư thật thiên thu mới có một người.

1570) Chúc : mưu chước, mưu mẹo của Hoạn-Thư.

Rẽ Thủy chia uyên : Chia rẽ chim uyên - ương, chim phi - thủy là những giống chim hay đi đôi như vợ chồng.

Đây nói chia rẽ lứa đôi vợ chồng (Kiều và Thúc-Sinh)

1671) Chia rẽ ai ra đường ấy, kẻ nào ra đường kẻ nấy, không ai nhìn nhận được ai. Bởi vì « lứa đôi ta » đã bị làm ra « con ở chúa nhà đôi nơi »

- « *Bảy giờ một vực, một trời*, (1572)
 « *Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi* (1573)
 « *Nhẹ như bắc, nặng như chì*, (1574)

1572) Kiều so sánh mình với Hoạn-Thư thấy bảy giờ hơn kém nhau như một người ở dưới vực sâu, một người ở trên trời cao, không còn ra vợ cả vợ lẽ nữa.

1573) *Hết điều khinh, trọng* ; một bên hết điều khinh một bên hết điều trọng, ý nói một bên bị khinh hết chỗ nói (Kiều con ở) một bên ở địa-vị cao trọng hết chỗ nói (Hoạn-Thư chủ nhà). Cũng có thể giảng : không còn so-sánh được khinh trọng nặng nhẹ giữa hai người nữa.

Hết lời thị phi ; một bên thuận là *thị* (phải) một bên thuận là *phi* (trái). *Thị phi hết lời* cũng như *Thị phi hết điều* là *thị* và *phi* hết chỗ nói Chủ nhà thì nói gì mà chẳng phải (*thị*) con ở thì nói gì mà chẳng trái tai khó nghe (*phi*) câu này diễn tả ý *một vực một trời ở trên*, một người ở địa-vị tối khinh, một người ở địa-vị tối trọng cho nên so-sánh như một vực một trời. Cũng có thể giảng : hết không còn truyện ghen tuông lời thối giữa cả, lẽ nữa.

Nhiều bản Pháp-văn và Việt-văn chưa nghĩa câu này là : từ đây hết không còn những điều khinh trọng trao đổi giữa Kiều và Thúc-Sinh, từ đây không còn những lời Kiều và Thúc-Sinh bình-phẩm về những lẽ dở hay phải trái ở đời.

Giảng như vậy vừa sai tinh-thần câu văn, vừa làm cho câu văn hóa mới mẻ quá như lời nói của người miền Nam : *hết đau, hết buồn*... Trên kia Kiều so mình với Thúc-Sinh. Lúc này Kiều so mình với Hoạn-Thư.

1574) *Nhẹ như bắc nặng như chì*. — Cái gì nhẹ và cái gì nặng ? Mấy bản Pháp-văn dịch là lời nói (*propos*) của Hoạn-Thư lúc thì nhẹ như bắc lúc thì nặng như chì, luôn luôn dẫn-vật Kiều. Các bản ấy có ý cho câu này diễn-đạt thêm ý *điều khinh trọng ở câu trên*. *Khinh* là nhẹ, thì nhẹ như bắc ; *trọng* là nặng, thì nặng như chì.

Ý nói Kiều phải chịu đựng những tiếng chì tiếng bắc của Hoạn-Thư.

« Gỡ cho khỏi nợ, còn gì là duyên ! (1575) »

Giảng như vậy, chúng tôi thấy hình như không sát tình. thần đoạn văn. Kiều có phải chỉ đau khổ vì những tiếng bắc tiếng chì mà thôi đâu ? Riêng những tiếng bắc tiếng chì chưa thể tạo nên mối đau khổ của Thúy-Kiều. Và nếu hiểu như thế, thì câu dưới sẽ thành vô nghĩa. Theo ý chúng tôi, *nhẹ* và *nặng* câu này là những tính-tự (adjectif) phẩm-định danh-từ *nợ* ở câu dưới. Cái *nợ* của Kiều phải mang ở đây, bề ngoài coi nhẹ như bắc, mà bề trong thì nặng như chì (ý nói cái hình-phạt mà Hoạn-thư bắt nàng phải chịu tương nhẹ như bắc (nhẹ lấm) mà thật ra thì nặng như chì (nặng nề lấm)

Người ta thường nói : *nhẹ nợ* và *nặng nợ*.

1575) Nhiều bản chép là :

Gỡ cho khỏi nữa, còn gì là duyên. Chép như vậy, thì câu văn trở nên ngờ-ngẩn và câu trên hóa vô nghĩa, vì không ăn nhập vào đâu.

Kiều muốn nói : Cái *nợ* nhẹ như bắc mà thật thì nặng như chì, gỡ ra cho khỏi cái *nợ* ấy, còn gì là duyên nữa. Ý nói thoát khỏi cái *nợ* Hoạn-Thư thì hết đời mất ; Kiều quan-niệm việc thoát *nợ* khó khăn vô cùng và chưa biết đến bao giờ thoát được, cho nên mới nghĩ « *Còn gì là duyên* »

Duyên tức là tình-duyên với Thúc-Sinh. Gỡ ra khỏi *nợ* Hoạn-Thư, thì mối tình duyên giữa Thúc-Sinh với Kiều có lẽ cũng bị đứt đứt mất. Kiều tự hỏi như vậy không phải không có lý-do.

— Về kỹ thuật văn-chương, nếu đề là *nữa* thì câu văn sẽ khập khiễng, hai vế không cân đối nhau. Mà cân đối là chất căn-bản của văn tác-giả. Chép là *nợ* thì câu văn cân đối thăng-bằng. *Nợ* đối với *Duyên* rất hợp.

Ngoài ra, hai chữ *Duyên Nợ* xưa nay thường được dùng song-song hay ghép liền nhau để trở cái tình *duyên may* và cái tình *duyên không may* (*nợ*).

« *Lỡ làng chút phận thuyền-quyên*, (1576)

« *Bề sâu sóng cả có tuyền được vơi ?* » (1577)

Một mình âm-ý dêm chầy, (1578)

Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy nằm canh.

Sớm khuya hầu hạ dài-dinh (1579)

Tiểu-thư trông mặt dề tình hỏi tra. (1580)

Trần-Tế-Xương có câu một rằng duyên hai thì rằng nợ
Sợ xich thằng ai gỡ cho ra.

Ta có câu cửa miệng : lấy vợ thì ít lấy nợ thì nhiều. Lấy
vợ trở tình duyên, đối lập với Nợ là tình duyên không
may, không hợp.

1576) *Chút phận thuyền quyên* : Chút phận đàn bà đẹp.
Thuyền quyên đây dùng theo nghĩa là đàn-bà khác hẳn vợ,
nguyên nghĩa. Xem lời chua ở trên.

1577) *Âm ý* : những ý nghĩ thắc-mắc trên âm-ý trong lòng
như than âm-ý trong lò. Vì Kiều không tỏ lộ được ý-nghĩ ra
với người thứ hai : Những ý-nghĩ của nàng âm-ý đốt cháy
tâm-can suốt đêm dài.

1578) *Đĩa dầu vơi* đi, nước mắt cứ đầy mãi ràn ra.
Ý nói Kiều chong đèn, khóc suốt đêm.

1579) *Hầu hạ dài dinh* : Dinh là trang dài, là dài các,
tức nhà cao, lầu cao ; *dinh* là dinh thự, nơi ở các quan.
Nhà Thúc Ông tuy không phải nhà quan, nhưng Hoạn-Thư
là Tiểu-Thư con quan Tề-Tướng nên có thể dùng chữ dài
dinh được.

Kiều khuya sớm hầu-hạ ở dinh lầu Hoạn-Thư.

1580) *Tiểu Thư trông mặt* : Kiều thức suốt đêm khóc-lóc
guơng mặt tất nhiên đổi khác, và hẳn có in những ngấn
nước mắt, Tiểu-Thư trông thấy lấy làm ngạc nhiên và *dề*
tình hỏi tra.

Dề tình : đoán phỏng tình-hình, sự thế, cũng như ta nói
« đoán-già » hay « bắt nọn ».

Hỏi tra xem vì cớ gì Kiều khóc-lóc. Bà chủ nhà có
quyền vặn hỏi con ở điều đó.

Lựa lời nàng mới thưa qua :
 Phải khi mình lại xót-xa nỗi mình (1581)
 Tiều-thư hỏi lại Thúc Sinh
 « Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao (1582)
 Sinh dả ruột rất như bào, (1583)
 Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang (1584)

1581) Hoạn-Thư trông thấy ngấn lệ ở trên mặt Kiều, hỏi duyên-cớ. Kiều liệu lời nói cho qua câu truyện. Nàng nói gặp khi nàng đau xót vì nông-nỗi riêng.

Cũng như ta nói : buồn vì truyện riêng.

Có lẽ Kiều nghĩ rằng nỗi riêng của mình thì mình có quyền đau xót, người ngoài, dù là bà chủ chẳng nữa, cũng không có quyền xen vào, cho nên mới nói như thế.

1582) Không dè Hoạn-Thư cũng cứ xen vào truyện riêng của Kiều: Nàng không tra hỏi Kiều, Nàng cậy Thúc-Sinh tra hỏi giúp duyên-do. Hoạn-Thư vừa đồ tiếng ác-nghiệt cho Thúc-Sinh, vừa tìm cách để trả thù Thúc-Sinh với Kiều. Nàng bày cái trò tra khảo như vậy để làm đau khổ Thúc-Sinh và Kiều mà chơi. Kế hoạch đánh ghen của Hoạn-Thư sắp đặt đã chu đáo lắm.

1583) *Ruột rất như bào* : ý nói đau lòng lắm, đau như có người lấy bào mà bào vào ruột.

Ta thường nói « *rát ruột* » để tỏ ý đau xót một cách thực sự, chẳng những đau xót tinh-thần, mà đau vót đến cả vật-chất.

1584) *Nói ra chẳng tiện* : Thúc-Sinh nghĩ bụng chàng tra khảo Kiều thì không tiện.

Trông vào chẳng đang : ngồi im mà trông (diễm-nhiên tọa thị) Hoạn-Thư hành hạ tra khảo Kiều thì không đang tâm.

Có bản Pháp-văn dịch nói ra là nói thật sự tình (của Thúc-Sinh với Kiều) ra. Dịch như vậy không sát với nguyên-văn.

*Nhưng e lại lụy đến nàng
Đánh liều mới khê liệu dằng hỏi tra
Cúi đầu quỳ trước sân hoa, (1585)
Thân.cung nàng mới dâng qua một lờ (1586)*

Nói ra đây chỉ có nghĩa là hỏi tra Kiều, và trông vào chỉ có nghĩa là ngồi nhìn Hoạn-Thư tra Kiều.

Đặt nói ra, trông vào cho cân đối nhau, song nghĩa chỉ là : nói và trông mà thôi.

— Câu dưới cho ta biết chắc « nói ra » không có nghĩa là nói thật sự tình.

Đánh liều sinh mới liệu đường hỏi tra : Ban sơ, Thúc.Sinh nghĩ tra hỏi Kiều thì không tiện, sau lại sợ làm lụy cho Kiều, nên e ngại đánh liều hỏi-tra nàng. Như vậy thì « nói ra » có nghĩa là « hỏi tra », chứ không có nghĩa là « thú thật ra » như một vài bản đã chú thích.

1585) *Cúi đầu* : đây nghĩa là lạy.

Kiều quỳ và lạy trước sân hoa. Làm thân phận tôi tớ mà tôi tớ nhà con quan lớn, Kiều phải tuân theo những lễ tắc của nhà quan. Vả chăng khi bị hỏi tra, thì Kiều đã bị coi như kẻ phạm tội. Cho nên nàng quỳ lạy trước sân.

Sân hoa chỉ là sân thường. Nói sân hoa cho đẹp lời. Cũng có thể là sân có trồng hoa.

1586) *Thân.cung* là khai trình.

Kiều không trả lời miệng. Nàng viết một tờ cung.chiêu trình lên.

Không rõ tờ cung chiêu này Kiều làm bằng văn xuôi hay làm bằng thơ. Nhưng theo lời Hoạn-Thư ở dưới; thì tờ ấy tất văn.chương lắm.

Tờ này bấy giờ Kiều mới viết đưa trình. Nàng có ngờ đầu truyện tra vấn này mà làm tờ cung.sản từ trước ?

Diện-tiền trình với tiểu-thư (1587)

Thoạt xem đường có ngần-ngor chút tình (1588)

Liền tay trao lại Thúc Sinh

Rằng : « Tài nên trọng mà tình nên thương » (1589)

« Vì chẳng có số giàu sang,

1587) Ai trình với tiểu thư? Xem kỹ đoạn văn này thì đó là Thúc-Sinh diện tiền trình với tiểu thư. Kiều dâng tờ cung lện Thúc-Sinh, Chàng đưa trình ngay tiểu-thư. Diện tiền là ngay trước mặt bấy giờ. Câu này cho ta thấy Thúc-Sinh lễ phép khúm-núm trước mặt vợ, như trước mặt người trên. Thúc-Sinh vốn có thói sợ vợ hay là lúc đó chàng cảm thấy bị nhào vào trông nên dấm ra rút-rút khúm-núm như vậy?

Cứ xét hay chữ «diện tiền» thì bình như Thúc-Sinh không nhìn qua vào tờ cung của Kiều. Tiếp được, nàng trình ngay Hoạn-Thư. Chàng làm ra bộ vô-tư? Hay là chàng không đang tâm nhìn vào chữ Kiều?

1588) Ngần-ngor chút tình : tình đây là cảm-tình hay tình cảm, dùng để nói tấm lòng. Ngần-ngor chút tình là chút lòng ngần-ngor, hay là lòng ngần-ngor một chút.

Hoạn-Thư mới thoạt xem mà lòng đã nhường như ngần-ngor, như vậy tờ cung của Kiều tất phải viết bằng những lời văn hay lắm, thấm thía cảm-động lắm, thì mới có sức làm ngần-ngor người đang thù ghét Kiều. Chi-tiết này làm nổi bật tài văn-chương của Kiều, cũng như việc Kiều làm thơ ở trước công đường quan Phủ.

1589) Mới xem qua mà Hoạn-Thư đã phải khen như vậy, đủ biết Kiều có tài văn-chương như thế nào.

1590 — 1591) Hoạn-Thư cho rằng cái số Kiều không may, cho cứ tài sắc của nàng, thì dù đúc nhà vàng cho ở cũng đủ.

Điền nhà vàng (kim ốc) :

Xưa Hán-Vũ Đế còn nhỏ tuổi, phụ-hoàng là vua Cảnh-Đế hỏi : — Có muốn lấy vợ không. Vũ-Đế đáp có. Chị ruột Cảnh-Đế là Trưởng Công-Chúa liền trở một người con gái, hỏi Vũ-Đế :

- *Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên ! (1591)*
« Bề trần chìm nổi thuyền-quyển !
- *« Hữu tài, thương nổi vô duyên lạ đời ! » (1592)*
Sinh rằng : « Thật cũng như lời,
« Hồng-nhan bạc-mệnh một người nào vay ! (1593)
▪ Nghìn xưa âu cũng thế này, (1594)
▪ Từ-bi, âu liệu bớt tay mới vừa ! » (1595)

— Cháu có thích cô A-Kiều này không ?

Vũ-Đế nói : Nếu lấy được A-Kiều thì sẽ đúc nhà vàng cho ở.

— Nghe lời Hoạn-Thư, người ta lại nhớ lời quan Phủ :

Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân.

— Quan đang làm tội, xem thơ phải khen và dừng ra làm chủ hôn, Vợ cả đang đánh ghen, xem thơ phải khen và tha cho khỏi phải làm đũa ở.

Không trách người xưa nói « Nhất tự thiên quân ». Văn tài năng Kiều kể đã vào bực ! Đồng thời ta lại biết Hoạn-Thư không phải là người không biết thưởng thức văn chương.

1592) Đến đây, Hoạn-Thư không căm ghét Kiều nữa, mà trở lại thương Kiều vô duyên, tức không có số giàu sang.

Thì ra đối với người có tài, bao giờ người ta cũng sẵn lòng tha thứ.

Và biết « thương tài ». Hoạn-Thư hẳn cũng phải là người có tài. Tác-giả không tả tài văn chương của Hoạn-Thư, mà thực ra đã tả rồi vậy.

1593) — Theo đà, Thúc-Sinh lúc này mới dám xen vào vài câu đề gỡ khéo cho Kiều.

Xem từ cung của Kiều chàng bảo lời Hoạn-Thư nói rất đúng : *tài nên trọng, tình nên thương.*

1594) Có phải riêng một ai « hồng nhan bạc mệnh » đâu ? Từ vạn cổ đến nay, mọi người đều như vậy cả.

1595) Thúc-Sinh khuyên Hoạn-Thư liệu bớt tay, nên từ-bi một chút.

- Tiêu-thư rằng : « Ý trong tờ, (1596)
 « Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa Không, (1597)
 « Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
 « Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra, (1598)
 « Sẵn Quan-âm-các vườn ta, (1599)

Ý nói không nên quá tay, nên nhân hậu một chút.
 Không có sẵn đà thì bao giờ Thúc-Sinh dám khuyên Hoạn-Thư như vậy ?

1596)—1597) Theo ý-từ trong tờ cung-chiều thì Kiều muốn xin đi tu.

Cửa không tức không môn 空門 là cửa Phật. Vì Phật Giáo chủ trương tịch-đuyệt hư-vô, cho rằng sắc là « không », « không » là sắc, tất cả vũ-trụ rút lại đều là « không »

Hoạn-Thư quả thương tài thương tình Thúy-Kiều. Nàng không phản đối ý kiến Thúc-Sinh, dù nàng biết rằng Thúc-Sinh dùng lời nói khéo để gỡ cho Kiều. Ta thử tưởng tượng nếu không xem tờ cung của Kiều, thì Hoạn-Thư liệu có đủ yên cho Thúc-Sinh không ? Cái sức cảm-hóa của văn-chương lớn mạnh biết bao !

1598) Cũng cho bước ra thoát khỏi vòng lụy.

Có bản chép : Cũng cho nghỉ nghỉ trong vòng bước ra.

Câu này chỉ có nghĩa là Hoạn-Thư chiều lòng Kiều ưng cho nàng thoát khỏi vòng hệ lụy.

1599) Quan-âm-các là lầu thờ đức Phật Quan-âm. Ở vườn nhà Hoạn-Thư có lầu thờ Phật Quan-âm, tức là chùa riêng của nhà.

Ta thấy cơ-nghiệp nhà Thúc-Sinh quả là cơ-nghiệp một nhà đại-phủ. Ở vườn nhà có riêng một ngôi chùa. Đến sự lễ bái, người trong nhà cũng không phải lễ Phật chung với người ngoài. Đến lòng tin-ngưỡng cũng được biểu-lộ riêng-liệt thì còn cái gì phải chung-đụng với thiên-hạ nữa !

Đạo Phật ở Trung-Hoa chia làm nhiều Tông-phái. Mỗi Tông thờ-phượng một khác. Bên Nhật-Bản ngày nay cũng

« *Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa : (1600)*

« *Có cỏ thụ, có sơn hồ, (1601)*

« *Cho nắng ra đó giữ chùa tụng kinh » (1602)*

Tàng-tàng trời mới bình-minh, (1603)

vậy, mỗi chùa thờ một khác tùy theo từng Tông, chứ không như các chùa bên ta thờ kiêm chỉ tất cả chư Phật.

Thí dụ như ở Nhật-Bản các chùa thuộc Tịnh-Độ-Tông chỉ thờ riêng có Phật A Di - đà ; các chùa thuộc Thiên-Tông chỉ thờ có tượng Thích-Ca mâu-ni ; các chùa thuộc Nhật-Liên — Tông thờ riêng Phật Quan-Âm

Ta không lấy làm lạ thấy chùa nhà Thích - Sinh gọi là « Quan âm các » và thờ riêng Phật Quan-Âm

1600) *Cây trăm thước* : cây cao trăm thước, ý-nói cây to lắm ; có lẽ đây trở cây Bồ-Đề, tức cây Đa cây Đề bên ta. Trong Kinh Phật có câu : *Bồ Đề bách xích thụ* cây Bồ-Đề cao trăm thước.

Hoa bốn mùa là hoa nở quanh năm, ý nói có đủ các thứ hoa, mùa nào thức ấy, cũng có người cho là hoa sen trên tòa, do câu kệ trong kinh Phật : *Liên tọa tứ thời* hoa là trên tòa sen có hoa bốn mùa.

1601) *Có lẽ cây trăm thước hoa bốn mùa trên tả tượng Phật và phước nhà Phật*, Câu này mới tả cảnh cây cối núi non.

Cỏ thụ là cây to sống lâu năm.

Sơn hồ là núi (giả) và hồ nước.

Khu vườn làm chùa Quan-âm như vậy rộng-rãi lắm, nên cảnh chỉ mới như thế.

1602) Như vậy thì ra chùa này trước đây không có ai trông nom đèn hương.

1603) *Tàng-tàng* tức tang.tàng sáng, ý nói trời còn sớm lắm, vừa mới rạng sáng.

Bình-minh là rạng đông.

Hương hoa ngũ cúng sấm sanh lễ thường, (1604)

Đưa nàng đến trước Phật-đường

Tam qui, ngũ giới cho nàng xuất-gia (1605)

Áo xanh đổi lấy cà-sa, (1606)

Tại làm sao Hoạn-Thư vội vàng sấm sửa cho Kiều đi tu sớm sửa như vậy?

Có lẽ tục Tàu lễ Phật hay lễ vào buổi sáng sớm? Cũng có lẽ Hoạn-Thư muốn « tống » Kiều đi tu cho sớm, để khỏi bận lòng.

— Hai chữ *Tàng-tàng* có bản chép là *táng-táng* hay *táng bâng*.

1604) *Ngũ cúng* là năm thứ đồ lễ cúng Phật. Theo kinh « Nghiêm Tắt Địa Kinh, cúng dạng phẩm », thì năm thứ đồ lễ đó là : hương nước, tràng hoa, hương thắp, cơm và đèn nến ; theo các nhà chùa bên ta, thì ngũ cúng là Hương, hoa, đăng trà, quả, lục cúng là : hương, hoa, đăng, trà, quả thực.

Tam qui là qui-y, (tức hết lòng trông cậy) về ba chỗ : quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng.

Ngũ giới là năm điều răn cấm, nhà chùa không được phạm vào : sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu.

Xuất-gia là ra khỏi nhà, tức là đi ở chùa.

— Hoạn-Thư đưa Kiều ra chùa làm lễ xuất-gia. Trong lễ xuất-gia này, người ta lấy làm ngạc nhiên không thể có vị sư nào đứng làm chủ. Theo luật nhà chùa hiện giờ, người xuất-gia phải được một vị sư đứng ra đỡ đầu, trao giới-pháp chứng minh cho thời mới được.

Hay là thời Minh lệ đó chưa thi-hành ? Hay đây là một việc dùng quyền lâm-thời của Hoạn-Thư ? Hay là tác-giả sơ ý ?

1606) — *Áo xanh*, tức thanh-y là y-phục của bọn tôi tớ nhà quan.

Cà-sa là áo của nhà chùa.

Kiều bỏ áo xanh bận cà-sa.

Pháp-danh lại đổi tên ra Trạc-Tuyền (1607)

Sớm khuya tỉnh đủ dầu đèn, (1608)

Xuân, Thu cắt sẵn hai lên hương trà. (1609)

Nàng từ lánh gót vườn hoa,

Dường gần rừng tia, đường xa bụi hồng, (1610)

Theo luật nhà chùa hiện giờ, việc đổi áo tục lấy cà-sa đối với cả một nghi-thức phiền-phức, chứ không dễ-dàng như vậy.

1607) *Pháp-danh* là tên đặt theo pháp-luật nhà chùa.

Trạc-Tuyền là tên pháp-danh của Kiều.

Theo luật nhà chùa, pháp-danh của người xuất-gia phải do một vị sư cao niên đỡ đầu nhận là sư-phó, đặt cho. Ở đây tên Trạc - Tuyền hình như do Hoạn - Thư đặt cho Kiều.

Nếu Kiều xuất-gia theo cách ấy, thì thủy chung nàng vẫn là tội-tử Hoạn-Thư. Chỉ khác là bận áo xanh thì Kiều hầu-hạ Hoạn-Thư trong phòng the, mà bận cà-sa thì Kiều hóa ra đũa ở giữ chùa cho nhà Hoạn-thư. Thật ra nàng có được đi tu đâu?

1508) Dầu đèn tỉnh đủ số đề dùng trong chùa buổi sớm và buổi tối. ý nói dầu đèn dùng trong chùa chuẩn-bị sẵn sàng cả.

1609) Hoạn-Thư cắt hai con hầu tên là Xuân-Hoa và Thu-nguyệt trông coi việc đèn hương và đun trà.

Thật ra Hoạn-Thư cắt hai con hầu ở luôn luôn bên cạnh Kiều để canh giữ không cho nàng liên-lạc với Thúc-giình và không cho nàng lên trốn.

Nói là Hoạn-thư giam lỏng Kiều ở Quan-âm-các thì đúng hơn.

1610) *Rừng tia* tức cảnh Phật, do chữ *Tử trúc lâm* là rừng trúc tia, nơi tu-hành của Phật Quan-âm.

Bụi hồng là cuộc đời trần-tục, phần hoa gió bụi.

Từ khi Kiều ra ở Quan-âm các, thì hình như nàng gần với cảnh Phật mà xa với cuộc đời.

Ý nói nàng ở nơi tĩnh-mịch xa cách cuộc đời.

Nhân-duyên đầu lại còn mong ?(1611)
Khỏi điều then phần tử hồng thì thôi, (1612)
Phật-liền thăm lấp, sâu vùi (1613)
Ngày pho thủ-tự, đêm nổi tâm-hương (1614)
Cho hay giọt nước cảnh dương (1615)
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần-duyên (1616)

1611) Nàng không còn hi-vọng xum họp với Thúc-Sinh nữa.

1612) *Then phần* là then mặt phần, *tử hồng* là tử mã hồng, môi son.

Nàng không dám mong sự nhân duyên, chỉ mong sao cho khỏi then phần, tử hồng là may mắn rồi.

Ý nói thoát khỏi làm con hầu dứa ở là tốt rồi.

1613) *Thăm lấp sâu vùi* : vùi lấp nỗi thăm sâu, ý nói khuấy khuấy.

1614) Ban ngày thì vùi lấp nỗi buồn bã bằng pho thủ-tự, ban đêm thì bằng nỗi tâm hương.

Pho thủ-tự là pho sách viết bằng tay, đây tức là quyển kinh chép bằng tay.

Nổi tâm hương tức là bát hương. *Tâm hương* là hương lòng, tức là hương thành tâm, chữ dùng riêng trong việc lễ bái đạo Phật, để tỏ lòng thành kính tín ngưỡng.

Ban ngày thì Kiều chép kinh, ban đêm thì Kiều thấp hương tụng kinh, vì vậy nỗi buồn cũng khuấy khuấy.

1615) *Giọt nước cảnh dương* là giọt nước ở cảnh dương-liếu. Xưa Phật Quan-âm dùng cảnh dương-liếu vào nước cam-lô rảy vào chúng sinh để rửa sạch phiền-não cho chúng-sinh đây dùng để nói ảnh-hưởng của lòng tín đạo Phật. Kiều ở Quan-âm-các, do lòng tín-trưởng đạo Phật nên lửa lòng cũng tắt nguội dần-dần. Ở Quan-âm các mà nói « Giọt nước cảnh dương » thì hợp cảnh lắm.

1616) *Lửa lòng* tức tâm hỏa 心火 đây trở những sự mong muốn trong lòng bốc lên như lửa cháy.

Nâu sồng từ giờ màu thuyền (1617)
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu, (1618)
Quan-phòng then nhứt lưới mau (1619)

Lửa lòng tưới tắt là giọt nước canh dương tưới tắt lửa lòng cùng mọi đường trần-duyên.

Trần-duyên là những mối ràng-buộc với trần-tục. Kiều nhờ Phật Quan Âm mà lòng hầu như lạnh nguội không còn nghĩ-ngợi, mơ-tưởng gì đến những việc trần-tục nữa.

1617) *Nâu* là màu vải nhuộm bằng củ nâu. *Sồng* là màu vải nhuộm bằng lá sồng (nâu sẫm).

Màu thuyền là màu ăn bận của nhà chùa, màu quần áo của người đi tu.

— *Thuyền* nghĩa là thanh-tĩnh, dùng để trở đạo Phật vì đạo Phật lấy thanh-tĩnh làm chủ.

Người đi tu ăn bận quần áo màu nâu sồng.

Giờ là giờ ra, là xoay ra.

Từ khi Kiều xoay ra bận quần áo nhà chùa.

1618) *Trắng đã vài phen đứng đầu* : trắng đã tròn vài phen ở trên đầu, ý nói thi-gian qua đi được vài tháng.

— Nói sân thu trắng đã vài phen đứng đầu, tác-giả có ý cho biết ở Quan-âm-Các những tuần trăng. Kiều thường thơ-thần ngoài sân ngắm trăng thu. Và tất nhiên là nàng không thể không nghĩ-ngợi, buồn, nhớ.

Câu này mở màn cho những ý-nghĩ ở mấy câu dưới.

1619) *Quan phòng* là canh giữ phòng bị và đóng khóa. Hoạn - Thư tổ-chức việc quan phòng cẩn-mật để Kiều khỏi trốn thoát, chẳng hạn như cất hai con hầu ở luôn luôn Quan-âm-các với Kiều.

Có bản chép là : *cửa thuyền then nhứt*.

— *Then nhứt* là then cài cẩn mật, nghiêm-nhặt, ý nói cửa đóng cẩn-thận.

Lưới mau là lưới dăng ra mau mắt lắm, không lọt ra khỏi được.

Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người, (1620)

Gác kinh, viện sách đổi nơi, (1621)

Trong gang tấc lại gấp mười quan san, (1622)

Những là ngậm thở, nuốt than, (1623)

Câu này gián tiếp cho biết Kiều cũng có ý muốn trốn khỏi nơi này, nhưng Hoạn-Thư canh phòng cẩn mật lắm, không có lối thoát.

1620) Trước mặt là trước mặt người ngoài, thì Kiều vẫn làm bộ ăn nói tự nhiên không tỏ vẻ gì buồn bã. Nhưng sau lưng người hay lúc vắng người thì Kiều khóc thầm một mình.

Ta hiểu vì sao nàng khóc.

Ta cũng có thể hiểu ý nghĩ nàng khi nhìn trăng thu ở ngoài sân.

Và chẳng, nàng nghĩ thế nào, nàng rơi châu vì sao, dưới đây tác giả sẽ cho biết rõ.

1621) *Gác kinh tức kinh các*, tức Quan-âm-các, nơi Kiều bị giam lỏng cũng như ở lầu Ngưng-Bích xưa,

Viện sách tức thư viện là phòng đọc sách của Thúc-Sinh. Ý câu này, chuyển một mạch xuống câu dưới mới lộn,

1622) Kiều và Thúc-Sinh cách nhau không xa bao nhiêu, thế mà mỗi người như ở một thế giới riêng, cách-biệt hẳn. Hai người cách nhau chỉ một gang một tấc mà nghe như gấp mười lần, xa cách núi sông. Bởi vì hai người không thể nào gặp được mặt nhau. Hoạn-Thư tỏ chức canh phòng nghiêm ngặt lắm (Quan phòng then chặt tước mau) chẳng những canh phòng Kiều mà canh phòng cả Thúc-Sinh nữa. Câu này dịch ý câu chữ Hán: *Tương thân chỉ xích nhi điều nhược hà sơn* gần nhau gang tấc mà xa như cách núi sông.

1623) Ngậm nuốt than thở, ý nói không dám than thở. Động từ câu này lần, mỗi câu dưới mới xuất hiện, là Thúc-Sinh. Thúc-Sinh ám thầm thương xót cho thân phận Thúy-Kiều, không dám mở miệng than thở. Chàng e Hoạn-Thư biết và ghen.

Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà, (1624)

*Thừa cơ Sinh mới lên ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng
Xụt - xụt kể nỗi đoạn-tràng,*

Giọt châu lằm - lã dẫm tràng áo xanh : (1625)

*« Đã cam chịu bạc với linh,
« Chúa xuân để lại một mình cho hoa. (1626)*

1624) *Phải* : có lẽ xưa dùng theo nghĩa như gấp hay được hay giờ.

Nhân gặp buổi Hoạn-Thư về vấn an cha mẹ đẻ.

Vấn an là hỏi thăm sức khỏe; sau này ta sẽ biết đây chỉ là cái mẹo lừa của Hoạn - Thư, thật ra nàng không về nhà thăm cha mẹ đẻ.

1625) *Áo xanh* đây dịch chữ Thanh sam 青衫 là thứ áo đơn màu xanh.

Cuối bài *Tý bà hành* của Bạch-Cư-Dị có câu :

*Từ trung khắp hạ thù tối đa ?
Giang-châu Tư-mã thanh sam thấp.
Trong đám ai khóc nhiều hơn cả ?*

Có quan Tư-mã Giang-Châu ướt cả vạt áo xanh.

Tư-Mã Giang-Châu đây là Bạch-Cư-Dị tự xưng.

— Câu này ý nói Thúc - Sinh khóc ướt dẫm cả tràng áo

Có bản chép là *đượm tràng áo xanh*, có lẽ sai.

Đẫm là ướt dẫm, ý nói nước mắt tuôn rào.

1626) *Chúa xuân*, bản Hồ-Đắc-Hàm bản pháp văn M. R. cho là Hoạn-Thư; bản Nguyễn-văn-Vĩnh dịch là ông chúa mùa xuân (Dieu du Printemps) có lẽ muốn nói ông Trời; bản Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu thì chưa nghĩ chỉ vì chữ hoa mà đặt ra, là một lời nói tự nhiên » (có lẽ Tân-Đà định nói chúa xuân không có nghĩa gì).

Hiền như trên chúng tôi thấy đều chưa ổn-đáng.

« Thấp cơ thua trí đàn bà, (1627)

« Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời ; (1628)

« Vì ta cho lụy đến người

Chúa xuân đây không thể là Hoạn-Thư.

Nếu là Hoạn-Thư, thì sao Hoạn-Thư lại đề tội một mình cho hoa ? Hoạn-Thư đáng lẽ cũng phải chịu tội chung với hoa ư ?

Chúa xuân phải là người tự thú « đã cam chịu bạc với tình » tức Thúc-Sinh.

Thúc-Sinh có ý nói đáng lẽ chàng phải chia sẻ nỗi đau khổ cực nhục với Kiều mới phải, nay chàng lại đề tội một mình cho Kiều, vì thế chàng đã nhận lỗi « đã cam chịu bạc với tình »

Chúa xuân là chủ vườn xuân, là chủ vườn hoa, là chủ xuân-tình, là chủ bông hoa xuân, chỉ có thể là người đàn ông, đối với hoa là người đàn bà.

Nghĩa ấy thấy rõ rệt trong Cung - oán ngâm - khúc của Nguyễn-Gia-Thiều :

Muôn hồng nghìn lía đua tươi.

Chúa xuân riêng hái một hai bóng gần...

...Khoảnh làm chi mấy chúa xuân.

Chơi hoa cho rửa nhị dần lại thói.

1627) Thấp cơ : là cơ-mưu thấp, không địch nổi với mưu cao.

Thua trí đàn bà : thua cái tài-trí khôn ngoan của người đàn bà. Đàn bà đây ám chỉ Hoạn-Thư.

Thúc - Sinh tự nhận chàng đã thua mưu trí của vợ, (đồng Kiều phải mắc vào vịnh).

Nói câu này, hẳn Thúc-Sinh cũng cảm thấy hổ thẹn với Kiều, với mình lắm.

1628) Trông vào đau ruột: Ngồi im mà trông vào cái cảnh Kiều bị đẩy dụa thì chàng lấy làm đau lòng; mà nói rõ sự tình ra để cứu vớt Kiều thì chàng lại ngại lời, không dám nói

« Cát lằm ngọc trắng thiết đời xuân xanh ! (1629)

« Quân chi lên thác xuống ghềnh, (1630)

« Cũng toan sống thác với linh cho xong, (1631)

« Tông-đường chút chứa cam lòng, (1632)

« Nghiễn răng bẻ một chữ Đồng làm hai, (1633)

Đứng vào cái thế lưỡng-nan như vậy, chỉ vì Thúc-Sinh sợ vợ mà thôi.

1629) Vì Thúc-Sinh mà Kiều mang lụy. Nàng bị vùi - dập như viên ngọc trắng bị lằm cát phí cả đời trẻ-trung.

Thúc-Sinh nói đúng. Nếu chàng nghe lời Kiều nói thật với Hoạn-Thư thì sự thế đâu đến nỗi.

1630) *Lên thác xuống ghềnh* : là vượt những nỗi khó-khăn, hiểm trở.

1631) Chàng cũng toan liều một sống một chết với người tình, với mối tình cho xong. Thúc-Sinh cho biết chàng cũng toan liều hy-sinh mọi thứ, vượt mọi hiểm trở để cứu vớt Kiều,

1632) *Tông đường* 宗堂 là nhà tổ tiên, đây dùng theo nghĩa câu thành-ngữ « nối dõi tông đường ». Thúc-Sinh nói đúng lẽ chàng đã liều chết với Kiều, nhưng vì chàng chưa có chút con trai để nối dõi tông đường, cho nên chàng chưa thể liều chết được.

Nghĩ như vậy chẳng trách Thúc-Sinh sợ vợ !

1633) *Nghiễn răng* là cố sức làm một việc gì; lại có nghĩa là cố làm mất thần nhiên vô tình trước một việc nó làm cho mình đau đớn.

Bẻ một chữ đồng làm hai là bẻ chữ đồng-tâm làm hai tức là không giữ mối đồng tâm với nhau nữa.

Vì Thúc sinh chưa có con trai nối dõi tông - đường nên chàng phải sống, và phải bỏ Kiều.

- « Thẹn mình đá nát vàng phai, (1634)
 « Trăm thân dễ chuộc một lời được sao » (1635)
 Nàng rằng; « Chiếc bách sóng dào, (1636)
 « Nỗi chim cũng mặc lúc nào rủi may,
 « Chút thân quẩn - quai vũng lầy,
 « Sống thừa còn tưởng đến rầy nữa sao? (1637)
 « Cũng liều một hạt mưa rào, (1638)

1634) Đá nát vàng phai là đá vàng phai nát; Thúc Sinh không giữ lời thề thốt ước hẹn với Kiều như thế là chàng đã cho lời vàng đá phai nát.

Phụ tình bối cảnh như vậy, chàng lấy làm xấu hổ với Kiều

1635) Dù có trăm cái thân cũng khó chuộc lại được lời thề. Ý nói dù có chết đi sống lại một trăm lần cũng không chuộc lại được lời nguyện. Thúc Sinh biết rằng bỏ lời thề thốt với Kiều như vậy là có tội to lắm.

« Trăm thân » lấy chữ trong Kinh Thi :

Như kẻ thực hễ, nhân bách kỳ thân nghĩa là nếu có thể chuộc (những người hiền bị chết) thì mỗi người đều muốn có trăm cái thân để chuộc.

1636) Chiếc bách là chiếc thuyền gỗ bách.

Sóng dào là ba đào, lúc sóng lớn

Ý nói chiếc thuyền nhỏ ở giữa dam sóng lớn vì như phản đàn bà yếu ớt ở giữa những khó khăn lớn-lao của đời.

1637) Sống thừa cũng như nói sống sót. Kiều không tưởng rằng nàng được sống sót đến lúc đó. Nàng tỏ ý oán trách Thúc Sinh một cách mát mẻ. Được chàng bồi hân đến, thì có lẽ nàng đã chết từ đời nào rồi.

1638) Phương-ngôn có câu :

« Đàn bà (hoặc thân em) như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa » Kiều có ý nói nàng cũng liều mình như hạt mưa rào, muốn sa vào đâu thì sa, « nỗi chim cũng mặc lúc nào rủi may » nàng không cần gì thân đời nữa.

«Mà cho thiên - hạ trông vào cũng hay! (1639)

«Xót vì cầm đã bén dây, (1640)

«Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta, (1641)

«Liệu bài mở cửa cho ra, (1642)

«Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu» (1643)

1639) Nàng liễu mình đề thiên hạ trông vào cái cảnh ngộ nàng, như thế có lẽ hay. Hay đây nghĩa là lạ kỳ, gọi tình lò mò của mọi người. Kiều to ý gian dối mắt mẽ với Thúc Sinh. Nàng muốn đề thiên-hạ trông vào, mà cười chê Thúc Sinh.

1640) Cầm đã bén dây: Bén dây nghĩa là hợp, cũng nghĩa như trong thành-ngữ *Bén duyên* (thiếp bén duyên chàng có thể thôi — Hồ Xuân Hương)

Cầm đã bén dây là đàn với dây đã hợp nhau, ý nói hai bên đã thành vợ chồng, hai bên đã yêu nhau. Người ta dùng chữ Cầm để nói bóng duyên chồng vợ là mượn chữ và ý trong Kinh Thi:

Yêu điệu thực nữ cầm sắt hữu chi người gái đẹp tha thướt như tiếng đàn cầm đàn sắt êm hoà

Thê tử hảo hợp như cò sắt cầm; vợ con vui vầy như gảy đàn cầm đàn sắt

Kiều nói: Đau lòng vì nỗi đã làm vợ chồng với nhau rồi. Ý nói: nếu không cùng Thúc Sinh đã làm vợ chồng thì cũng hều *một hạt mưa rào* gặp sạo chịu vậy, không dám oán thán.

1641) Duyên ta chưa được trăm năm với nhau, nhưng dù một ngày làm vợ chồng với nhau, thì cũng là duyên vợ chồng. Kiều có ý nhắc đến *án* nghĩa vợ chồng, đề cầu Thúc Sinh tìm cách cứu nàng thoát khỏi tay Hoạn Thư.

1642) Kiều bảo Thúc-Sinh liệu tìm cách mở cửa cho nàng thoát ra khỏi chốn ấy, tức là bảo Thúc-Sinh kiếm cách cứu nàng.

1643) Lúc này tình nặng ơn sâu của Thúc Sinh đối với Kiều, Kiều chỉ ước mong tỏ lộ bằng cách ấy mà thôi.

- Sinh rằng : « Riêng lưỡng bấy lâu, (1644)
 « Lòng người nham hiểm biết đâu mà lưỡng (1645)
 « Nửa khi giông-tổ phũ-phàng, (1646)
 « Thiệt riêng đây, cũng lại càng cực đây, (1647)
 « Liệu mà xa chạy, cao bay,
 « Ái ân ta có ngần này mà thôi ! (1648)

Đồng thời Kiều muốn nói với Thúc Sinh rằng mở cửa cho nàng ra khỏi chỗ này, là Thúc Sinh yêu nàng lắm và làm ơn to cho nàng.

1644) *Riêng lưỡng* tức là nghĩ thầm trong bụng chớ không dám nói ra.

1645) Bấy lâu chàng nghĩ thầm : lòng người sáu hiểm không sao mà lưỡng được *Lòng người* đây, Thúc Sinh ám chỉ lòng Hoạn Thư. Chàng có ý nói lòng Hoạn Thư nham hiểm lắm không biết đâu mà dò biết được, đến cái việc cho Kiều ra ở Quan Âm các người ta cũng không hiểu Hoạn Thư có dụng ý gì, định bụng đối xử với Kiều như thế nào.

1646) *Giông tố* là cơn mưa gió lớn.

Giông tố phũ phàng là giông tố đột ngột mạnh bạo. Thúc Sinh có ý nói e nữa xảy ra những chuyện không hay cho Kiều, như cơn giông tố xảy đến.

Chàng gián tiếp cho Kiều biết Quan Âm các chưa thể là chốn yên thân của nàng. Hoạn-Thư thâm hiểm lắm biết đâu nàng chẳng cho Kiều tạm ở đây để chờ những cơn giông tố sau này.

1647) *Thiệt riêng đây* là thiệt riêng cho Kiều.

Cực đây là đau lòng, tủi cực cho Thúc-Sinh.

Ý nói cứ ở đây nhỡ xảy ra những chuyện không may thì khổ cho cả hai người.

1648) Bằng câu trên và câu này, Thúc-Sinh khuyên Kiều nên trốn khỏi Quan - âm các. Chàng nói ái-ân của chàng với Kiều đến đây đành phải chấm dứt.

Kiều bảo Thúc-Sinh liệu bài mở cửa cho nàng. Thúc-Sinh

- « *Bây giờ kẻ ngược người xuôi,*
 « *Biết bao giờ lại nổi lời nước non?* (1649)
 « *Dẫu rằng sông cạn đá mòn,* (1650)
 « *Con lằm đến thác cũng còn vương lơ lửng* (1651)

không liệu được hải gì, chàng chỉ biết bảo Kiều trốn đi, và cam đành chấm dứt tình nghĩa với Kiều từ lúc này.

Kề một người như Thúc-Sinh, cũng tầm-thường thay một người đàn ông như thế mà lấy được Hoạn-Thư và lấy được Kiều, âu cũng là một sự lạ lùng hiếm có.

1649) *Nổi lời nước non* : chấp nối lại lời thề-nguyên với nhau. Sở dĩ phải nối, là vì đã trải một thi-gian ăn-ái gián-đoạn giữa Kiều với Thúc-Sinh.

Trên đã nói : *ai ăn chỉ có ngần này mà thôi*.

Đây lại còn nói *bao giờ lại nổi lời nước non*. Thật là lời nói dài-đuôi. Lúc này cách nhau có gang tấc mà chẳng tìm cách nào *nổi lời nước non* được, thì khi đã *kẻ ngược người xuôi* còn *nổi lời nước non* thế nào được?

Nói thế chẳng biết Thúc-Sinh có ngượng mồm? Và hẳn Kiều cũng lấy làm khinh ngăm trong bụng.

1650) *Sông cạn đá mòn*; sông cạn nước, núi mòn đá ý nói vật đổi sao dời, non sông biến chuyển, sau một thi-gian lâu lắm

Thúc-Sinh có ý nói dù rằng non sông chuyển biến cuộc đời thay đổi đến như thế nào...

1651)... Con lằm đến lúc chết đi mà lòng vẫn còn vương luyến tiếc. Ý nói dù cuộc đời biến-chuyển ra làm sao, thì từ nay đến lúc chết, Thúc-Sinh cũng vẫn còn vương vấn nghĩ nhớ tới Kiều.

Câu này mượn ý câu thơ cổ :

Xuân tằm đằm tử tí phương tận là con tằm mùa xuân đến lúc chết mới hết tơ.

« Cùng nhau kê-lễ sau xưa, (1652)
 Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời; (1653)
 Mặt trông, tay chẳng nở rời, (1654)
 Hoa tỳ đã động liếng người nẻo xa,
 Ngại ngừng nuốt lửa lẳng ra, (1655)
 Tiền-thư đầu đã rẽ hoa bước vào; (1656)
 Cười cười nói nói ngọt ngào, (1657)
 Hỏi rằng : «Chàng ở chốn nào lại chơi ? »
 Đối quanh, Sinh mới liệu lời :

1652) Ngoài lời nói như trên, Thúy - Kiều và Thúc-Sinh còn kê-lễ với nhau truyện cũ truyện mới nhiều lắm.

Sau xưa tức là sau trước, việc sau và việc trước, truyện mới và truyện cũ.

1653) Hai người nói truyện mãi, nói đi nói lại, mà như chưa nói được hết lời.

Hai người lâu ngày mới được trò truyện với nhau, và lần này sắp từ giã nhau mãi mãi, cho nên bao nhiêu tâm sự giãi cả ra.

1654) Mặt trông: hai người trông mặt nhau; Tay chẳng nở rời : hai người cầm tay nhau, không nở rời ra.

1655) Ngại ngừng nuốt lửa lẳng ra : Thúy-Kiều và Thúc-Sinh nghe tiếng con đòi ở nẻo xa đi tới, liền ngại-ngùng nuốt sâu tái, buông nhau ra, lẳng mỗi người một nơi.

1656) Hoạn-Thư ở đầu rẽ đám hoa bước vào Quan-âm-cực, Chữ đầu tỏ vẻ bất thành lịnh, không ngờ, khiến Kiều và Thúc-Sinh ngạc-nhiên.

1657) Bất quả tang chồng đang tình tự với Kiều, mà Hoạn-Thư vẫn cười cười nói nói ngọt ngào, như vậy nàng là người gan-góc, sắt-đá và thâm hiểm đến bậc nào.

Điều đó chẳng những khiến Kiều phát sợ, mà khiến người đọc truyện cũng phải giật mình.

« *Tim hoa quá bước xem người viết kinh.* » (1658)

Khen rằng : « Bút-pháp đã tinh, (1659)

« So vào với thiếp Lan-Đình nào thua ! (1660)

1658) Thúc-Sinh kiếm cớ nói dối rằng chàng ra vườn mãi tìm hoa, đi quá bước nên ghé vào chùa xem Trạc - Tuyền chép kinh.

Người đây trở Thủy-Kiều.

1659) *Khen rằng đây là Hoạn-Thư khen.* Bản Pháp văn Nguyễn văn Vĩnh dịch là Thúc-Sinh khen, hình như không đúng. Trước mặt Hoạn-Thư nếu Thúc-Sinh khen Kiều như thế, thì chẳng hóa ra chàng chọc tức và coi khinh Hoạn-Thư sao?

Bút-pháp là phép viết. *Bút pháp đã tinh* là bút-pháp đã tinh-thạo. Hoạn-Thư xem qua bản kinh Kiều đang chép (khi Hoạn-Thư tới thì Kiều chắc lảng ra giả bộ lui-húi chép kinh và khen chữ nàng viết tốt.

1660) *Thiếp Lan đình tức Lan đình thiếp* là một bản bút thiếp của Vương-Hi-Chi đời Tấn truyền lại, chữ tốt lắm. Vương-H -Chi người đời Tấn, tên tự là Dật-Thiếu, làm quan đến Hữu quân Tướng quân, nên thường gọi là Vương-Hữu-quân. Tương truyền Vương tập viết chữ ở bên bờ ao, mà sau nước ao đen ngòm những mực.

— Lối chữ thảo và chữ lễ của Vương được người đời cho là tốt nhất từ xưa tới nay.

Người ta thường khen bút thể của Vương-Hữu-quân « *lướt như mây bay mạnh như rắn lộn* ». Trong các bản bút-thiếp của Vương để lại có bản « *Lan đình tập tự* » viết ngày 3 tháng 3 năm Vĩnh Hoà thứ 9 đời Tấn được hậu thế quý-trọng cho làm mẫu-mực để tập theo. Bây giờ cũng lưu-hành những bản « *Lan đình tập tự* » nhưng có lẽ đó là những bản phỏng theo; bản chính thất lạc từ sau đời Đường.

Ngày nay trong các lối viết chữ Hán có lối chữ Lan-đình; đó tức là lối viết chữ phỏng theo chữ Vương Hi-Chi trong « *Lan đình tập tự* ».

So với thiếp Lan-đình nào thua ý nói chữ viết tốt ngang với chữ Vương-Hữu-Quân.

« Tiếc thay lưu-lạc giang-hồ,

« Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài. (1661)

Thuyền trà cạn nước hồng mai, (1662)

1661) Bỏ ra nghìn vàng mua lấy cái tài của Kiều cũng nên, ý nói tài Kiều đáng quý trọng lắm. Thời xưa toàn lấy vàng đánh giá tài sắc con người.

Quan phủ xử vụ kiện Thúc-ông Thúc-Sinh trước cũng khen Kiều :

Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân

Có lẽ thời bấy giờ, tục xúc-nô, mỗi nô thịnh hành ; các nhà quyền quý thường bỏ vàng bạc ra mua nàng hầu, vợ lẽ đến việc hôn- nhân cũng nặng tính chất mua bán. Cho nên người bấy giờ thường lấy vàng làm thước đo sắc người đàn bà.

Cái ý niệm mua bán người đó còn rớt lại đến ngày nay trong những lời nói về việc dựng vợ gả chồng: gả bán, mua bán con vè, mất tiền mua mả. . .

Hoạn-Thư muốn nói cứ xem tài Kiều thì có bỏ ra nghìn vàng mua về làm vợ cũng nên Nàng có ý trêu tức Thúc-Sinh, vì nàng biết Thúc-Sinh đã bỏ tiền ra chuộc Kiều về làm vợ lẽ.

Những lời khen ngợi trên Thúc-Sinh quyết không bao giờ dám thốt ra trước mặt Hoạn-Thư Nàng đã biết rõ câu truyện giấu giếm lén lút của Thúc-Sinh và đã bắt Kiều về nhà hạ, Thúc-Sinh đời nào dám tỏ ý ngợi khen thương mến Kiều Vì như vậy khác gì « tự thú » ?

1662) Thuyền-trà là nước trà nhà chùa. .

Nước hồng-mai là nước nấu bằng gỗ mai già tức gọi « lão mai », sắc nước đỏ hồng. Cũng có người cho là nước trà ướp hoa hồng-mai, là một thứ hoa mai sắc đỏ, hương rất thơm. Giàng thể cũng có nghĩa.

Hoạn-Thư và Thúc-Sinh uống cạn nước hồng-mai.

Thong dong nổi gót thư-trai cùng về, (1663)

VIII

Nàng càng e lệ, ủ ê. (1664)

Rì tai hỏi lại hoa tỳ trước sau,

Hoa rằng : « Bà đến đã lâu, (1665)

« Rón chân đứng nấp độ đầu nửa giờ, (1666)

« Rành rành kẽ tóc chân tơ, (1667)

« Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường. (1668)

1663) *Thư - trai* nghĩa cũng như *thư-viện* là phòng đọc sách.

Uống cạn chén thuyền-trà, *Thúc-Sinh* và *Hoạn-Thư* kể trước người sau, nổi gót về phòng sách *Thúc-Sinh*.

1664) *Nàng* đây là *Thúy-Kiều*.

E-lệ là thẹn thùng, e sợ.

Ủ-ê là buồn rầu không tươi.

Kiều e-lệ ủ-ê là vì bị *Hoạn-Thư* bắt gặp giữa lúc tình-tự với *Thúc-Sinh*.

1665) *Bà* đây là bà chủ, tức *Hoạn-Thư*.

1666) Giờ đây là giờ cổ. Thời xưa ngày, đêm chia làm 12 giờ, so với giờ ngày nay, giờ cổ dài gấp đôi.

Nửa giờ cổ dài bằng một giờ ngày nay. *Hoạn - Thư* nấp đợi trong một tiếng đồng hồ, như thế kể cũng lâu quá. Có lẽ tác-giả cố ý cực-tả cái thái-độ bình tĩnh hiem có của người đàn - bà thâm - hiem. Đợi trong một tiếng đồng - hồ, nghe hết mọi truyện mới bước vào, mà vẫn giữ được vẻ bình-tĩnh, « *cười cười nói nói ngọt ngào* » đàn - bà như thế ngạo thu mới có một người.

1667) *Hoạn-Thư* nghe rõ-ràng rành-mạch từ kẽ sợi tóc tới chân sợi tơ, ý nói nghe hết mọi điều nhỏ nhất tí-mỉ.

1668) *Dư tỏ-tường* ý nói thừa biết, thừa rõ câu truyện giữa hai người.

- « Bao nhiêu đoạn khổ linh thương,
 « Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thở than, (1669)
 « Ngăn tôi đứng lại một bên,
 « Chán tai rồi mới bước lên trên lầu. » (1670)
 Nghe thôi kinh hãi xiết đau :
 « Đàn bà thế ấy thấy ầu một người ! (1671)
 « Ấy mới gan, ấy mới tài.
 « Nghĩ càng thêm nỗi sồn gai rụng rời ! (1672)

1669) Do lời hoa-tì nói, ta biết thêm rằng lúc bấy giờ Thúc-Sinh vật-vã khóc-lóc kể-lẽ tâm sự với Kiều. Tác-giả hay dùng bút hư tả như vậy để tả thêm những điều bút thực-là chưa nói hết.

1670) Ta nên nhớ đây là Quan-âm-các. Chùa làm tròn tầng gác, cho nên nói « bước lên trên lầu ». Điều này khiến ta ngạc nhiên : Thúc Sinh và Kiều tình-tự với nhau ở trên gác kinh. Hoạn-Thư đứng nấp nghe trộm nửa giờ, rồi mới bước lên gác. Ấy thế mà nàng nghe được rành-rành kể tóc chân tơ và « dư tử tượng ». Không hiểu Hoạn Thư đứng nấp ở đâu mà nghe được rõ ràng như thế? Theo lời văn thì nàng đứng đợi ở bên dưới lầu, và khi vào nàng phải « rẽ hoa bước vào ». Đứng nấp ở dưới lầu mà nghe rõ ràng rành mạch mọi truyện. Như thế, lầu tất phải thấp lắm, hoặc tai phải tinh lắm, hoặc câu truyện giữa Kiều và Thúc-Sinh đã thốt ra bằng những lời lẽ to-tát lắm? Hay là tác-giả bố-trí câu truyện còn có chỗ chưa khéo?

1671) Thấy ầu một người : ầu chỉ thấy có một người thôi, danh chỉ có một người thôi. Ý nói đời không thấy có người thứ hai nào như vậy nữa. Chẳng những Kiều nghĩ vậy, ngay người đọc truyện đời sau cũng phải nghĩ như vậy.

1672) Nghĩ đến cái gan-góc, cái tài giữ bí-mật ý nghĩ của Hoạn-Thư, Kiều phát sợ đến sồn gai ốc và rụng rời cả chân tay. Người trong cuộc như Kiều, thì sợ đến thế cũng phải.

« *Người đầu sáu sắc nước đời, (1673)*

« *Mà chàng Thúc phải ra người bó tay! (1674)*

« *Thực tang, bắt được dường này*

« *Máu ghen ai cũng chau mày nghiêng rặng, (1675)*

« *Thế mà im chẳng dãi-dăng. (1676)*

1673) *Sáu sắc nước đời* : Nước đời là mặc thước ăn ở, ở đời (cũng như nước bài là mặc thước đánh bài) cái nước đời của Hoạn-Thư sáu-sắc lắm, ý nói cách thức cư-xử của Hoạn-Thư thâm-hiểm, khó lường được.

Người đầu sáu sắc nước đời : người ở đầu mà nước đời sáu-sắc đến thế?

1674) Câu này, tác-giả chơi ---

Chữ Thúc 束 nghĩa là bó đi với Thúc - Sinh.
vì Thúc-Sinh quả đã chịu bó tay trước Hoạn-Thư. *Bó tay* chữ Hán là *thúc thủ* 束手 nghĩa là chịu phép không giở tay làm trò gì được, chịu bất lực trước sự xảy ra.

Trước mọi hành-động của Hoạn-Thư, quả nhiên Thúc-Sinh đã chịu *thúc thủ* thật. Chàng hoàn toàn đóng vai thụ động, không hề chủ-động được mây-may nào.

Câu này gián tiếp cho biết trước kia Kiều ngấm-ngấm oan giận Thúc-Sinh, khi gặp Thúc-Sinh ở Quan-âm-các nàng còn tin cậy ở chàng một phần (liệu bài mờ của cho ra), đến đây thì nàng đã thấy rõ Thúc-Sinh hoàn-toàn bất-lực và sẵn sàng tha thứ cho sự bất-lực của chàng.

1675) *Bắt được thực-tang* chồng đang tình - tự với gái, thì đàn bà vốn sẵn máu ghen, ai chẳng phải căm giận bực-tức.

Chau mày nghiêng rặng tả nét mặt căm hờn giận dữ

1676) *Dãi - dăng* : đây nghĩa cũng như nói-năng.

Ca-dao có câu : cá buồn cá lội tung - tăng, em buồn em biết dãi-dăng cùng ai?

Dãi-dăng đây dùng theo nghĩa dãi-dăng ở câu ca dao

Thế mà im chẳng dãi-dăng : thế mà im không nói năng gì đến sự ghen lòng.

« Chào mời vui-vẻ nói năng dịu dàng ! (1677)

« Giận dầu ra mặt thể thương, (1678) ;

« Cười này mới thật khôn lường hiểm-sâu.

« Thân ta ta phải lo âu.

« Miệng hùm, nọc rắn ở đâu chốn này ! (1679)

1677) Trái lại, Hoạn-Thư vẫn chào mời vui vẻ nói năng dịu-dàng, lời nói, cử chỉ, nét mặt vẫn bình thản như không có truyện gì trái ý cả.

1678) Hai câu này nhiều bản chép là :

Giận dầu ra da thể thương,

Cười dầu mới thật khôn lường hiểm sâu.

Bản Tân-Đà giảng «dầu» là tiếng đệm, không có nghĩa gì,

Chúng tôi chép theo lời nhân-dân thường kể :

«Giận dầu ra mặt thể thương»

«Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu»

và cho như vậy là đúng hơn. Giận mà buồn dầu, hoặc dầu béo ra nét mặt là truyện thường thấy ở đời. Đấng này giận mà lại tươi cười thì thực là khó lường được lòng hiểm sâu ra thế nào.

Nếu chép như trên kia và dù giảng nghĩa theo Tân-Đà tiên-sinh (dầu là tiếng đệm) thì câu văn cũng vẫn bất thông.

1679) Kiền nghĩ thầm: ta có thân thì ta phải lo, chớ ở chốn này lòng đàn bà độc dữ quá miệng hùm, nọc rắn, nếu không lo xa e có ngày nguy to.

Miệng hùm nọc rắn mượn ý trong câu thơ cổ :

猛 號 口 中 劍
Mãnh hồ khẩu trung kiếm
長 蛇 尾 上 針
Tràng xà vĩ thượng châm
兩 般 猶 未 毒
Lưỡng ban do vị độc,
最 毒 婦 人 心
Tối độc phụ-nhân tâm

«Vi chẳng chấp cánh cao bay» (1680)

«Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa» (1681)

Nghĩa là :

Hồ dữ nanh như kiếm

Rắn dỏi nọc tựa kim

Hai thứ đó chưa độc

Độc nhất dạ đàn bà

1680) Vi chẳng tức là vi chẳng, vi không, nếu không

Chấp cánh cao bay mượn cánh mà bay cao, ý nói tìm cách để trốn thoát.

1681) Có bản chép là «Trèo cây lâu...»

chúng tôi thấy chép là «rào cây» có lẽ đúng hơn

Rào cây là rào dậu xung quanh gốc cây, ngăn đôn, chặn lối không cho người ta tới gốc cây, ý nói Hoạn-Thư tìm cách rào đôn ngăn giữ không cho Thúc-Sinh tới gần Kiều, hay là Hoạn-Thư giam hãm Kiều mãi, lâu ngày tất thế nào cũng có ngày Hoạn-Thư bẻ hoa, tức là làm hại Kiều.

Kiều nghĩ thầm Hoạn-Thư giam lỏng nàng ở Quan-âm-các lâu ngày, tất thế nào cũng có ngày Hoạn-Thư hạ thủ nàng. Mục đích của Hoạn-Thư không phải là cho Kiều đi tu mà cốt giam hãm Kiều đợi ngày thì hãnh độc-kế. Sự bình tĩnh thân nhiên của Hoạn-Thư tố cáo cho Kiều biết Hoạn-Thư đang ấp-ù một âm mưu gì ghê gớm lắm. Không thể tài năng đã ghen âm ý khi bắt được quả tang Thúc-Sinh tự tình với Kiều.

Hoạn-Thư biết Kiều là một người thông minh có tài nên nàng ấp ù âm mưu gì thì âm mưu đó tất phải cao lắm khó lường lắm, mới bấy nỗi Kiều. Kiều có lẽ đã nghĩ như vậy và moi nghĩ ngợi như vậy là Kiều đã mắc mưu Hoạn-Thư rồi.

Xét đoạn văn này và đoạn văn dưới (sau khi Kiều trốn khỏi Quan-âm-các) ta có thể hiểu được âm-mưu của Hoạn-Thư khi ngầm cuo con đòi thuật lại truyện Hoạn-Thư nấp rình cho Kiều biết; ta đoán chắc rằng việc hoa-tý thuật lại truyện Hoạn-Thư đúng nấp nghe trộm nửa giờ là do buồn-lệnh bí-mật của Hoạn-Thư.

« Phận bèo bao quản nước sa (1682)

« Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh! (1683)

Đó là một màn kịch do Hoạn-Thư giăng xếp sẵn. Hoa-ti tất nhiên là người của Hoạn-Thư, bao giờ cũng vì Hoạn-Thư hơn vì Kiều, nếu chuyện bất lợi cho Hoạn-Thư hoặc cho âm-mưu gì của Hoạn-Thư, thì tất nó không cho Kiều biết. Điều nó cho Kiều biết tất phải là điều có lợi cho âm-mưu của chủ nó. Dĩ nhiên là con người ta thường có tính bép xép. Nhưng tôi-dòi của Hoạn-Thư và tôi-dòi thân tín của Hoạn-Thư hẳn ở ngoại-lệ; thầy nào tớ ấy.

Vậy thì âm mưu đó thế nào?

Âm mưu đó là uy hiếp tinh thần Thúy-Kiều, khiến nàng kinh sợ mà phải trốn đi nơi khác. Sự hiện diện của Kiều ở Quan-âm-các, dĩ nhiên là một mối nguy hiểm cho Hoạn-Thư.

Là người khôn ngoan, nàng không muốn mang tiếng là không dong nổi Kiều, nàng không công khai đuổi Kiều ra khỏi Quan-âm-các. Nàng lập mưu để Kiều phải tự trốn. Như vậy vừa nhẹ được cái gai trước mặt vừa khỏi mang tiếng là hẹp lòng. Và như vậy Kiều đã mắc mưu Hoạn-Thư mà có lẽ chung thân nàng vẫn không ngờ là mình mắc mưu.

1682) Bèo là thân phận cái bèo thì có quản gì nước phủ-sa. Nước phủ sa tức là nước vùn lẩn cát, như nước sông Hồng-Hà ở Bắc-Việt hoặc nước ở mạn ngược (Việt-Bắc) đổ về những mùa nước lũ. Kiều nghĩ rằng: mình vẫn là cái bèo trôi nổi lênh đênh thì gặp chỗ nước trong hay nước phủ sa cũng không quản ngại gì. Vì bèo có lựa chọn được nước trong và tránh khỏi nước đục dầu?

Kiều có ý nghĩ cam đành chịu đựng mọi sự khổ cực đó hoàn cảnh xui nên.

1683) Đã là bèo, thì vẫn chịu kiếp trôi nổi; lênh đênh trôi đến chốn này, hay lênh đênh trôi đến đâu nữa thì cũng vẫn là lênh đênh. Ở đâu thì bèo vẫn hoàn bèo, không ở đâu hơn không ở đâu kém. Kiều nghĩ như vậy để rồi quả quyết làm theo ý định của nàng là «chấp cánh cao bay» thoát khỏi nơi «miệng bùm nọc rắn»

« Chín e quẻ khách một mình, (1684)
 « Tay không chưa dễ tìm vành ấm no! (1685)
 Nghĩ đi nghĩ lại quanh-co,
 Phật-tiền sẵn có mọi đồ kim-ngân : (1686)
 Bên mình giắt đề hộ-thân,
 Lăn nghe canh đã một phần trống ba, (1687)

1684) Chín e nhiều bản giảng chín là chỉ là những là nhưng mà là song le: có lẽ sai; chín dịch chữ Cửu 九 nghĩa là rất, là đặc biệt; chín, e nghĩa là rất e rất sợ.

Kiều rất lo một mình bơ vơ nơi quê người đất khách không ai thân thuộc đề nhờ vả.

Nghĩ như Kiều lúc này giá có một chàng Sở Khanh nào nữa, thì có lẽ nàng cũng sẵn sàng theo ngay.

1685) Tay không là tay trắng, không có vàng bạc tiền của mang theo.

Vành ấm no là vòng ấm no tức là chỗ ấm no.

Kiều trong mình vốn mang sẵn tài bút thiếp tài văn chương như vậy không hẳn là tay không. Cứ cái tài ủa nàng thì tưởng vành ấm no không thành vấn đề. Nàng có thể viết mướn dạy thuê hay đánh đàn ngâm thơ để kiếm miếng ăn được. Làm sự Kiều dăm mớ không nghĩ đến cái vốn quý báu của nàng? Hay là đời bấy giờ tài của nàng không có đất thì thổ? hay nàng là con gái nên không được người ta nhờ «Viết mướn» như Vương-Quan?

1686) Phật tiền là trước tượng Phật, ý nói đồ thờ Phật có những thứ làm bằng vàng bạc (Kim-ngân)

Chi-tiết này cho biết thêm về gia nghiệp của Thúc-Sinh. Đồ thờ Phật mà làm bằng vàng bạc thì nhà Thúc-Sinh giàu có, xa xỉ tới mức nào, người ta có thể đoán biết được.

Một người như Kiều mà có khi phải giữ thủ đoạn trộm cắp như vậy, đủ biết ảnh-hưởng hoàn-cảnh mạnh-mẽ nhường nào, ảnh-hưởng của vật-chất đối với tâm-hồn to lớn nhường nào.

1687) Đã một phần trống ba ý nói trống canh ba mới sang được một phần tức là mới gần nửa đêm

Cất mình qua ngọn tường hoa. (1688)

Lần đường theo bóng trăng tà về lách. (1689)

Kiều đợi đến trống ba mới thực hiện ý định là vì lúc bấy giờ là lúc mọi người đã ngủ say, chắc chắn không bị người nhà Hoạn-Thư bắt gặp.

1688) *Cất mình qua ngọn tường hoa* Kiều vượt tường ra khỏi vườn hoa nhà Hoạn Thư. Tường hoa là tường có trồng hoa ở chân tường, hoặc là tường có đắp hoa ở trên cho đẹp. Chắc là khác với tường hoa là kiểu tường thấp đến ngang thắt lưng, bên ta vẫn xây để ngăn cách sân nhà với bể nước hoặc với rêu đất trồng cây cảnh ở trước nhà. Nếu là thứ tường hoa thấp đó thì Kiều không phải «*cất mình*», nói cất mình là nói dùng sức đưa mình vượt tường cao.

Kiều vốn là con gái yếu-ớt ẻo lả, thế mà lúc này cũng có thể «*cất mình qua ngọn tường hoa*»! Ta thấy hễ làm đến lúc gấp bách, thì người ta ai cũng có thể liệu được, ai cũng có thể trở nên mạnh được. (

1689) Kiều lần mò tìm đường đi nhờ bóng trăng tà soi sáng. Nàng không rõ đường lối và không phân biệt được phương hướng, nên cứ đi liều về phía Tây là phía trước mặt có trăng sắp lặn.

Nàng tiến về phía ấy là vì phía ấy có bóng trăng, đường lối dễ đi hơn.

Câu này tác-giả bừa tả cảnh đêm khuya thanh vắng vừa tả vẻ bờ ngõ lẩn mò của Kiều, đồng thời muốn mượn bóng trăng tà để hình dung nỗi mang-mang buồn-buồn của lòng Kiều lúc bấy giờ.

Kiều lúc này vừa thoát khỏi tay Hoạn-Thư là ra trong lòng khắp khởi mừng thầm mới phải. Song đứng giữa cái cảnh bao la mịt mù của trời đêm, nàng không khỏi cảm thấy mang-mang buồn-buồn (hơi buồn) trong lòng, tâm trạng nàng lúc này nếu có thể vẽ ra được thì nó cũng na ná như cái cảnh trời khuya dưới bóng trăng tà - tà.

«*Bóng trăng tà*» rất cần thiết cho đoạn văn này, không có chi tiết đó, Kiều không thể phân - biệt đường lối, và tác-giả

Mịt mù dậm cát, đồi cây. (1690)

Tiếng gà diêm nguyệt dấu giầy cầu sương (1691)

Canh khuya, thân gái, dậm trường. (1692)

Phần e đường xá, phần thương dãi dầu (1693)

Trời đông vừa rạng ngàn dâu. (1694)

cũng không tả được cảnh ban đêm để nói những nỗi lo sợ dãi dầu của Kiều

1691) *Dậm cát* là lối đi đất cát. *Dậm cát, đồi cây* dưới bóng trăng tà coi mịt mù, đầy vẻ bí mật đáng sợ.

1691) Đằm vào cái cảnh trời khuya ấy cho đỡ tỉnh mịch và thêm sinh khí, có tiếng gà gáy ở diêm cỏ dưới trăng và những vết giầy người đi in hằn trên mặt cầu sương ướt.

Câu này mượn ý hai câu thơ của Tầu :

Kê thanh mao diêm nguyệt 鷄聲茅店月

Nhân tích bản kiều sương 人跡板橋霜

Nghĩa là : tiếng gà gáy ở cái diêm cỏ dưới trăng, vết chân người in trên cái cầu gỗ có sương ướt.

Nhưng đối với người lữ-hành thì chính tiếng gà gáy và vết chân người lại làm cho phong-cảnh đêm tăng phần cô-lịch khách cảm thấy mình càng bơ-vơ khi nghĩ nhớ quê hương và cảnh gia đình đoàn viên dưới túp lều cỏ

1692) Sáu chữ này nói hết được nỗi lo sợ của Kiều. Đồng thời tả được tất cả sự liêu lẩn, mạo-hiểm của Kiều.

Một mặt khác, câu này cho ta biết cái cảnh đêm khuya thân gái dậm trường tuy đáng sợ nhưng còn không đáng sợ cho-Kiều bằng cái cảnh gửi thân ở dưới bàn sư-tử.

1693) Phần thì e sợ đường xá vắng vẻ lữ-gặp ác thú hoặc quan gian-phi. Phần thì thương cho mình phải chịu dãi sương giãi gió.

1694) *Trời đông* là mặt trời hướng đông.

Vừa rạng ngàn dâu ánh mặt trời vừa soi rạng lên ngọn bãi dâu, ý nói mặt trời mới mọc, trời mới sáng. Câu này mượn ý câu chữ Hán :

Bơ-vơ nào đã biết đâu là nhà ? (1695)

Chùa đâu trông thấy nẻo xa, (1696)

Rành rành «Chiêu-Ẩn-Am» ba chữ bài (1697)

Xăm xăm gõ mái cửa ngoài, (1698)

Trụ-tri nghe tiếng vội mời vào trong, (1699)

Thấy mẫu ăn mặc nâu sồng,

« Nhật xuất phù-tang » 日出扶桑 nghĩa là mặt trời lên ngàn đầu. Lúc nhật xuất phù-tang là lúc giờ mao, tức khoảng 6, 7 giờ sáng.

1695) Kiều bơ-vơ ở nơi đất khách chưa biết lấy đâu làm chỗ ở, chưa biết định trú trọ vào nhà ai. Vì nàng chưa nhận thấy nhà cửa đâu cả.

1696) Giữa lúc ấy thì nàng bỗng nhận thấy ở nẻo xa-xa có một ngôi chùa.

Thì ra suốt đêm, Kiều toàn len-lỏi đường rừng, không đi qua làng mạc nào cả. Đến nay mới thấy xa xa có một ngôi chùa.

1697) Chiêu ẩn am 招隱庵 là tên ngôi chùa.

Nghĩa đen ba chữ ấy là chùa chiêu-nạp những người ẩn dật, nương náu.

Ba hữ bài là ba chữ nêu trên biển. Bài là bảng hay biển nêu hay treo lên cho mọi người trông thấy.

1698) Mái cửa ngoài tức mé cửa ngoài, phía cửa ngoài Phần lớn những chữ mé trong Kiều đều viết là mái. Người sao chữ nôm ra quốc ngữ đầu tiên đã sao lầm ? Hay là thời tác-giả và ở quê hương tác-giả, người ta gọi mé là mái ?

1699) Trụ-tri là nhà sư giữ chùa và tu hành ở đó.

Trụ-tri ngôi chùa nghe tiếng gõ cửa, vội ra mời vào trong nhà.

Cửa chùa là cửa phương tiện, mở ra đón tiếp mọi khách thập phương, cho nên có người đến là tiếp, không đợi hội-han.

Giác-duyên sư-trưởng lành lòng liền thương (1700)

Gan-gùng ngành ngọn cho tường,

Lạ lòng nàng hãy tìm đường nói quanh : (1701)

« Tiều thuyền quê ở Bắc-kinh (1702)

1700) *Giác-Duyên* 覺緣 là tên bà sư trụ-trì chùa » Chiêu ân am ».

Sư-trưởng là sư đứng đầu chùa đó.

Bốn chữ « *lành lòng liền thương* » mới nghe hình như có vẻ ngây-thơ ngờ ngẩn làm sao ?

Dễ thường Kiều ăn mặc khác thì Giác-Duyên không thương chẳng ? Mà sao lại thương ? Giác-Duyên đã biết Kiều là người như thế nào mà thương ? Và sao Giác-Duyên sư-trưởng lại « *lành lòng* » ?

Nhưng xét ra có lẽ tác-giả muốn cho ta biết bấy giờ có những vị sư dữ lòng, những vị sư hồ mang ? Và chữ *thương* đây dùng theo nghĩa là yêu. Giác-Duyên vốn là nhà sư có thiện tâm lại thấy Kiều ăn mặc lối tu-hành, nên nhìn thấy đem lòng yêu mến ngay.

1701) Vì là buổi đầu gặp gỡ chưa biết bụng Giác-Duyên là người như thế nào, nên Kiều đành phải tìm cách nói dối quanh, không dám nói thật.

Trong câu này ta thấy tác-giả đã viện lý để bênh-vực Thúy-Kiều. Nàng vẫn không phải là con người nói dối. Song vì hoàn-cảnh, nàng đành hãy tạm nói dối lúc bấy giờ, (để sau có dịp sẽ nói thật).

Người ta thấy tác-giả săn-sóc, triu-mến nhân-vật của mình luôn-luôn, không một lúc nào để cho nhân-vật của mình bị hiểu lầm.

1702) *Tiều thuyền* là người đi lu cấp dưới, địa-vị còn nhỏ bé ; Kiều tự xưng là « *tiều* » của sư thầy nàng.

Quê ở Bắc-Kinh. Điều này Kiều không nói dối. Quê nàng ở Bắc-Kinh thật. Có lẽ vì ở bên Tàu, người ở miền nào nói tiếng riêng miền đó, nói dối cũng không xong ;

« Qui sư qui Phật lu hành bấy lâu. (1703)

« Bản sư rồi cũng đến sau, (1704)

Dạy đưa pháp-bảo sang hầu sư-huynh » (1705)

nên Kiều phải nói thật. Cũng có thể nàng nói Bắc-Kinh để tỏ rằng nàng ở nơi xa xôi tới, khiến Giác-Duyên sẽ lưu lại ít lâu, và cũng để Giác-Duyên khó kiểm điểm lại xem lời nói thật hay dối. Về quê-quán Kiều, ta biết nàng ở Bắc-Kinh, vì đoạn sau có nói :

Tứ.Bà cùng Mã-Giám-Sinh

Đi mua người ở Bắc-Kinh đem về.

1703) *Qui sư, qui Phật* : tam qui là : qui Phật, qui Pháp, qui Tăng. Đây lại nói là qui sư ! Chính là qui tăng mà chép lầm ra qui sư chăng ? Hay là tác-giả cố ý viết *qui sư* để tránh sự hiểu lầm của người đọc và của Giác-Duyên, cho là Kiều đi tu với sư tăng ? Sư tăng tức là sư đàn ông, đối với sư ni là sư đàn bà.

1704) *Bản-sư* 本師 là sư thầy của mình, hay là sư ở chùa mình tu. Kiều tự nhận là «*tiều*» nên nói dối rằng sư thầy đến sau, cho *tiều* đến trước.

1705) *Pháp bảo* 法寶 chính nghĩa là những của báu của Phật pháp, tiếng nhà chùa trở gồm những đồ dùng đồ cúng Phật như *tiêu, cảnh, chuông trống*... Cũng như văn-phòng tứ bảo của nhà Nho là bút nghiên mực giấy.

Pháp-bảo Kiều đem biếu Giác-Duyên đây là những đồ kim ngân ở Quan-âm-Các, tức là chuông vàng khánh bạc lấy cấp của nhà Hoạn-Thư.

Sư-huynh 師兄 là vị sư đàn anh, bề trên. Sư-huynh là tiếng một nhà sư tôn-xưng một nhà sư bạn. Kiều gọi Giác-Duyên là sư-huynh thì không được. Đây nàng thuật lại lời dặn của Bản-sư tức người ngang hàng với Giác-Duyên.

Sao chỗ này Kiều trí-tra, biến-báo tài thế ?

Trái lại nhiều lúc nàng u-mô đến-đến đến nỗi người đọc cũng phải bực mình.

Rày vàng diện hiển rành-rành, (1706)
Chuống vàng, khánh bạc bên mình giở ra.

Xem qua sư mới dạy qua:
« Phải nơi Hằng-Thủy là ta hậu-tình (1707)

1706) Diện-hiển đem biểu tạ mặt, đem dâng tận nơi Kiều nói năng vàng lời bản-sư đem pháp-bảo đến dâng tận nơi Giác-Duyên.

— Bản Kiều Kinh (Huế) chép 8 câu này như sau:

Chuống vàng khánh bạc bên mình.
Kính dâng gọi chút vì tình xin thu.
Nguyên xưa sư-trưởng vân-du.
Quen thầy Hằng-Thủy ở chùa Bắc-Kinh.
Thấy người thấy của rành-rành.
Nói đã phải đáp, không tình hồ-nghĩ.
Dạy rằng « Thuyền-hữu tương tri,
Sư đâu chưa đến, tiễn thì hãy đờy ».

Lời văn nghe nôm-na, non yếu ngờ rằng không phải là văn tác-giả.

1707) Giác-Duyên nói: nếu phải bản-sư (của Kiều) là Hằng-Thủy thì vốn là chỗ hậu-tình.

Hậu tình 厚情 nghĩa đen là tình dày, nghịch nghĩa với *bạc tình* 薄情 là tình mỏng; nghĩa bóng *Hậu tình* là ăn ở dày-dặn, có lòng tốt với nhau.

Giác-Duyên cho biết Bà với sư Hằng-Thủy ăn ở rất tốt với nhau.

Cũng may mà sư Giác-Duyên cũng có một bạn sư ở Bắc-Kinh là Hằng-Thủy, nếu không thì không rõ lời nói dối của Kiều kết-quả sẽ ra sao.

Có lẽ Kiều cũng chắc trước rằng ở Bắc-Kinh là nơi Kinh đô chùa nhiều sư lắm, thế nào Giác-Duyên chẳng quen biết ít nhất một chùa và một nhà sư. Hơn nữa nàng tin rằng các chùa ở trong nước phần nhiều đều thuộc các sơn-môn (chốn tở) ở Kinh-đô, nên nàng mới nói dối là do sư Bắc-Kinh phải

« *Chín e đường xá một mình.*

« *Ở đây chờ đợi sư - huynh ít ngày.* » (1708)

Gửi thân được chốn am mây (1709)

Muối dưa đắp dồi tháng ngày thông dong; (1710)

Kệ kinh câu cũ thuộc lòng. (1711)

đến, Vả chẳng què nàng ở Bắc-Kinh chắc nàng có quen biết một vài nhà sư, nếu chẳng may Giác-Duyên không nhận, thì nàng sẽ có cách biến-báo.

1708) Giác-Duyên bảo Kiều lưu lại đó ít ngày để đợi bản sư (tức Sư-huynh của Giác-Duyên) vì e rằng đường xa xa-xôi nàng trở về Bắc-Kinh một mình e gặp những sự không may ở dọc đường chẳng.

Chính là điều Kiều mong ước. Cũng có lẽ vì mong ước như vậy mà nàng đã nói dối rằng nàng ở Bắc-Kinh tới.

1709) *Gửi thân tức thê thân* 棲身 nghĩa cũng như nương thân.

Am mây mượn ý chữ Vân phòng 雲房 là phòng mây trở nơi tu-hành của các sư.

1710) *Đắp dồi* cũng nghĩa như thay đổi.

Muối dưa đắp dồi là bữa thì ăn cơm với dưa bữa thì ăn cơm với muối, hết muối đến dưa, bữa nọ thay bữa kia luôn luôn như thế.

Tháng ngày thông dong : ngày tháng nhàn-rỗi không bận rộn gì.

1711) *Kệ* là câu thơ tóm tắt những giáo-lý của đạo Phật hoặc ý-nghĩa một bộ Kinh.

Kinh là một bộ sách chép giáo-lý nhà Phật.

Khi ở Quan-am-các nhà Hoạn-Thư, Kiều đã có dịp tụng kinh đọc kệ và đã thuộc lòng nên lúc này kinh kệ đối với nàng đều là những câu cũ đã thuộc, ý nói công việc nhà chùa không có gì khó khăn đối với nàng.

Hương đèn việc cũ trai phòng quen tay, (1712)

Sớm khuya, lá bối, phước mây, (1713)

*Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chầy nện sương,
(1714)*

Thấy nàng thông-tuệ khác thường,

Sư càng nề mặt, nàng càng vững chân,

1712) *Hương đèn việc cũ* : việc đèn hương thờ Phật ở chùa là việc cũ của nàng, nàng thông thạo rồi.

Trai phòng quen tay : *trai phòng* là phòng chay, phòng tịnh-mịch đây tác-giả muốn nói các công việc thu dọn trai phòng nàng cũng quen tay rồi.

Hai câu này tả cái cảnh nhàn-nhẽ dễ chịu của Kiều ở Chiêu-ân-am.

1713) *Lá bối* dịch chữ *bối diệp* 貝葉 là lá cây bối-đa xưa nhà chùa dùng để chép kinh, đây dùng theo nghĩa là chép kinh.

Phước mây là cây phước cao ngất từng mây ; có bản xưa là lá phước vẽ mây ở viên.

Câu này cho biết công việc của Kiều đêm ngày gồm có chép kinh, treo phước, hạ phước.

1714) *Ngọn đèn khêu nguyệt* là khêu ngọn đèn lúc đêm trăng, ý nói thấp đèn lúc đêm khuya, trăng đã mọc.

Tiếng chầy nện sương là tiếng dùi đánh chuông khi trời có sương, tức là đánh chuông lúc sâm sâm tối và lúc tang tang sáng, (chuông chiều mờ).

Mấy câu này tả công việc của Kiều ở chùa Chiêu-ân-am chép kinh, treo phước, lên đèn hương, đánh chuông Chiêu-mộ dọn-dẹp phòng kinh (trai phòng) tụng kinh, toàn những việc Kiều đã quen làm ở Quan-âm-Các.

Kiều làm mọi công việc đó thông thạo như một chú tiểu thực thụ, nên lời nói dối của nàng, Giác-Duyên không chút nghi-ngờ, dù sư Hằng-Thủy mãi không thấy tới.

Cửa thuyền vừa cũ cuối xuân, (1715)
 Bóng hoa đầy đất, về Ngân ngang trời; (1716)
 Gió quang mây lạnh thanh-thơi
 Có người đàn - việt lên chơi cửa Già, (1717)
 Giờ đồ chuông khánh xem qua,
 Khen rằng: khéo giống cửa nhà Hoạn - nương,
 (1718)

1715) Cũ nghĩa cũng như tuần-tiết. Cuối xuân là tháng ba. Tuần-tiết cuối xuân, theo câu-tiếp theo, hình như là tuần rằm tháng ba.

1716) *Bóng hoa đầy đất* : vì trời sáng trắng nên bóng hoa dội xuống đầy mặt đất.

Về ngân ngang trời : về ngân tức là ánh bạc ; ánh bạc ngang trời tức là ánh trắng sáng lung trời.

Câu này tả một đêm trăng tỏ. Vì vậy mà ngờ rằng cũ cuối xuân nói trên là tuần rằm tháng ba.

Ban đêm mà có người đến chùa lễ, tất phải là đêm rằm. Vì nhà chùa mỗi tháng đôi tuần có cúng Phật, Vào ngày mùng một và ngày rằm.

1717) *Gió quang mây lạnh* : không có gió to, trời quang mây, ý nói sáng : trắng tỏ lắm.

Thanh-thơi đêm êm đẹp trong sáng.

Người Đan việt là người có công-đức với nhà chùa, dùng rộng nghĩa là người văn cảnh, đi lễ chùa.

Cửa Già là cửa Già-lam. Tiếng Ấn-Độ chùa gọi là Già-lam. Cửa Già tức là nhà chùa.

Nhân đêm rằm tháng ba, trăng sáng tỏ, trời êm đẹp, có người đến vắng cảnh chùa.

1718) Có lẽ người Đan-Việt này vốn là người quen thân với nhà chùa, cho nên Giác-Duyên mới cho xem đồ chuông khánh, có ý để khoe khoang.

Người Đan-Việt xem rồi khen rằng chuông khánh

Giác-Duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau, (1719)
Nghĩ rằng khôn nổi giấu mầu, (1720)
Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay :
« Bấy giờ sự đã dường này,
« Phận hèn dầu rủi dầu may tại người. »
Giác-Duyên nghe nói rụng rời,
Nửa thương nửa sợ bồi hồi chẳng xong, (1721)
Rỉ tai mới kể sự lòng : (1722)
« Ở đây cửa Phật là không hẹp gì,

tao mà giống chuông khánh của nhà Hoạn-Thư như thế.

Cứ lời khen, ta biết người Đan-Việt này thông-thạo mọi nơi. Và tất người ấy cũng thường lui tới Quan-âm-cáo nên mới biết nhà Hoạn-Thư có chuông vàng khánh bạc.

1719) Giác-Duyên lo lường vì ngờ chuông khánh là của nhà Hoạn-Thư mà Hoạn-Thư là con gái quan Tể Tướng lớn nên biết mà sinh truyến thì lời-thôi to.

Đợi lúc đêm khuya thanh vắng (đêm thanh) Giác-Duyên mới hỏi lại Kiều về lai lịch chuông khánh.

1720) *Giấu mầu* có bản giảng là giấu vẽ, giấu màu sắc, hình như không đúng

Mầu là mầu-nhiệm, là huyền-bí, là bí-ẩn, hàm nghĩa kín đáo bí mật.

Giấu mầu là giấu kín.

1721) *Rụng rời* là sợ hãi quá người bủn rủn ra.

Giác-Duyên nửa thương số phận Kiều, nửa sợ hãi về việc nàng lấy cắp chuông vàng khánh bạc nhà Hoạn-Thư. Lòng sợ hãi muốn yên tĩnh khuấy khoa đi mà không xong.

1722) *Sự lòng* là ý-nghĩ xuất tự đáy lòng. Giác-Duyên rỉ tai kể rồi thật cho Kiều hay.

- « E chẳng những sự bất kỳ, (1723)
 « Đẻ nằng cho đến thế thì cũng thương (1724)
 « Lánh xa trước liệu tìm đường,
 « Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê (1725)
 « Có nhà họ Bạc bên kia
 « Am mây quen lối đi về đầu hương.»
 Nhấn sang dấn hết mọi đường,
 Dọn nhà hãy tạm cho nằng trú chân.
 Những mằng được chốn yên thân.
 Vội vàng nào kịp tình gần tình xa,
 Nào ngờ cũng lỡ bọm già,
 Bạc bà học với Tú-Bà đồng môn (1726)

1723) Ở đây cửa Phật thì không hẹp gì, đề Kiều ở cũng không chật chỗ. Nhưng có e chẳng là e những sự bất kỳ xảy ra. Giác-Duyên có ý nói đến những truyện lời thối có thể xảy ra do việc Kiều lấy cắp chuông vàng khánh bạc nhà Hoạn-Thư.

1724) Nếu đề nằng ở đây cho đến lúc xảy ra những truyện như thế thì thương hại cho nằng quá.

1725) Giác-Duyên khuyên Kiều liệu tìm đường lánh xa đi nơi khác từ trước thì hơn. Nếu đợi khi « nước đến chân mới nhảy » thì coi cũng quê-kệch khờ-khạo lắm.

Phương ngôn có câu « Nước đến chân mới nhảy » tỏ ý chê người không biết lo xa.

Giác-Duyên khuyên nằng nên lánh đi nơi khác, rồi nhả nhà họ Bạc dọn nhà cho nằng tạm trú. Còn chỗ chuông vàng khánh bạc của nhà Hoạn-Thư thì không thấy nói gì đến. Hay là chiếm làm của chùa? Điều đó đến nay chưa ai biết rõ.

1726) Đồng môn là cùng một cửa, tức là cùng học một thầy. Đây dùng để trở việc cùng làm một nghề nghiệp như nhau.

Thế mà Giác-Duyên lấy họ Bạc làm chỗ tin cậy và

Thấy nàng mận phấn tươi son, (1727)

Mừng thăm được món bán buôn có lời, (1728)

Hư không đặt đề nên nhờ, (1729)

Nặng đá nhơn-nhạc rụng - rời lằm phen (1730)

gửi Kiều sang tạm trú chân, thì kẻ sư cũng kém sáng suốt. Có lẽ sư cho người nằng đi lại dầu hương lễ bái là người mộ đạo đáng tin. Nếu xét người cách ấy thì quả sư là một người tầm thường.

Vì sư kém sáng suốt mà người ta có thể qui cho sư cái trách-nhiệm đem Kiều đẩy vào lầu xanh lần thứ hai này.

1727) *Mận phấn* là mặt phấn coi mịn mà có duyên. *tươi son* là môi son đỏ tươi xinh đẹp. Phấn và son đây không phải là phấn xoa mặt, son bôi môi. Lúc này ở chùa ra, Kiều ăn vận nâu sồng có tô son điểm phấn gì đâu. Đây nói Kiều là gái có nhan sắc.

1728) *Món tức món hàng.*

Bạc-Bà thấy Kiều có nhan sắc thì lấy làm mừng thầm rằng vì được món hàng hời, không mất vốn bao nhiêu mà chắc được lãi lớn.

Thời bấy giờ sao mà nghề « buôn phấn bán hương », thịnh hành ở Trung-Hoa đến thế ?

Thời Minh xã-hội Trung - Hoa là xã-hội phong - kiến, lý-học của Tống-nho đang thịnh-hành, chưa phải là xã - hội tư-sản. Thật là mỉa - mai vô cùng khi nhà nho nhai lại đạo-lý của Tống-nho « *Chết đói là truyện nhỏ, thất tiết là việc to* » thì lầu xanh nhà chứa mọc lên khắp nơi ở Trung-Hoa như nấm !

1729) *Hư không* là bồng dung, tự-nhiên.

Bạc-Bà đặt đề ra nhiều câu truyện nghe như có thực để đe-dọa Kiều.

1730) Khiến nàng nhiều phen sợ hãi rụng - rời, tưởng như sắp phải sa vào lưới Hoạn-Thư lần nữa.

Bạc-Bà cố ý làm ra như vậy để uy-hiếp tinh-thần Kiều và để xô nàng vào lưới của mụ.

Mụ càng xua đuổi tru lên (1731)

Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu, Trần. (1732)

*Rằng : « Nàng muốn dạm một thân,
Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa. (1733)*

1731) Các bản ra trước đều chép :

Mụ càng xua đuổi cho liền hoặc *Mụ càng xui giục cho liền*. Và nhiều bản giảng nghĩa cho liền là *đến luôn luôn, đến liên tiếp*. Chúng tôi thấy khiến cưỡng làm sao. Và cố tìm mọi cách giải thích mà không sao giải thích hai chữ *cho liền* cho thông được.

Chúng tôi ngờ rằng người ta đã sao lầm chữ *nôm*. Có lẽ đó là *tru lên* mà chép là *cho liền*, vì *tru lên* chữ *nôm* có thể đọc làm được ra là *cho liền*. Chữ *nôm*, tiếng *tru* và *cho* viết cùng một chữ. *Tru lên* tức là *tru-tréo lên*, làm *âm-ỹ lên*.

Mụ càng xua đuổi tru lên là *mụ càng tru treo lên làm bộ xua đuổi* Kiều không chứa.

Xét lại đoạn dưới thuật lời Bạc-Bà:

« Khéo oan gia của phá gia.

Còn ai giám chứa vào nhà nữa đây ».

Ta thấy hai tiếng « *tru lên* » rất đắt. Đọc hai câu trên đây ta cảm như nghe thấy tiếng Bạc-Bà *tru-tréo lên* xua đuổi Kiều

1732) *Lời hung - hiểm* là *lời hung-dữ* nguy hiểm đáng sợ, tức *lời dọa-dẫm*

Ép duyên Châu Trần tức ép phải lấy chồng. Hai chữ *Châu Trần* trên đã chưa nghĩa.

1733) *Phương-ngôn* có câu : *tiếng lành đồn xa tiếng dữ đồn xa* nghĩa là tiếng xấu hay tiếng tốt đồn-đại đi ai nấy đều biết cả.

Câu này lấy chữ ở câu *phương-ngôn* trên. Ý nói Kiều bị mắc cái tiếng xấu là trốn khỏi nhà Hoạn-Thư và lấy cặp chồng khánh nhà họ Hoạn. Bạc-Bà dùng lời *hung-hiểm* để ép Kiều lấy chồng. Nói cho đúng, để Kiều bằng lòng cho *mụ đem nàng bán đi lấy lời*.

«*Khéo oan gia, của phá gia!* (1734)

«*Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây?*

«*Kíp toan kiếm chốn xe dây.* (1735)

«*Không dung chưa dễ mà bay đảng trời.* (1736)

1734) *Khéo oan gia của phá gia*, có bản giảng là khổ sở biết bao đây với cái cửa ghê gớm này (quel malheur d'avoir affaire à des gens si terribles); có bản chép là:

Giống oan-gia của phá gia

Và giảng: « *Oan gia* là nhà bị oan; *phá gia* là làm tan nhà. Những tiếng ghê - gớm, ý trở vào sự ăn trộm chuông vàng khánh bạc và những vật ấy để làm cho Kiều phải sợ Khốn khổ ».

Chúng tôi thấy hình như chưa được ổn.

Khéo đây là không *khéo* lại chẳng hoặc *khéo* lại chẳng nói tắt, nghĩa là không cần-thận thì.

Oan gia chính nghĩa là kẻ oan thù, đây dùng theo nghĩa là tội oan, bị sự hiềm-nghèo.

Của đây là tiếng thông tục, dùng theo nghĩa là người.

Khéo oan gia của phá - gia nghĩa là: khéo lại chẳng oan-gia vì cái của phá-gia này?

Bạc-Bà có ý nói: khéo lại chẳng bị tội oan vì Kiều? (gọi Kiều là của phá-gia, cái đồ phá-gia).

Bạc-Bà muốn xua đuổi Kiều đi, không chứa.

1735) *Kíp toan* là mau toán-tính. *Toan* đây là lo toan. *Kiểm chốn xe dây* là kiếm nơi lấy chồng.

Bạc Bà dọa Kiều cốt để thúc-giục nàng lấy chồng.

1736) Nếu không lấy chồng, tự dung chưa dễ bay lòn trời được. Theo ý Bạc - Bà duy có việc lấy chồng là khả dĩ cứu thoát được Kiều mà thôi.

Bạc-Bà tỏ ra toàn một dụng dọa-nạt.

- « Nơi gần thì chẳng liên nơi,
 « Nơi xa thì chẳng có người nào xa,
 « Nay chàng Bạc-Hạnh cháu nhà,
 « Cũng trong thân thích ruột-rà chẳng ai.
 « Cửa hàng buôn bán Châu Thai; (1737)
 « Thực-thà có một, đơn sai thẳng hề, (1738)
 « Thế nào nàng cũng phải nghe.
 « Thành thân rồi sẽ liệu về Châu Thai, (1739)

Thất buộc kể đã khéo, nhất là lý-luận vợ vào cho « Bạc Hạnh cháu nhà » thì lại càng khéo lắm.

1737) Bạc-Bà bảo rằng Bạc Hạnh có cửa hàng buôn bán ở Châu Thai; cũng như ta nói: cháu có cửa hiệu ở ngoài tỉnh. Đó là một cách khoe-khoang giấu có, đứng - đắn

Châu Thai tức Thai Châu 泰州 xưa thuộc tỉnh Chiết Giang nay ở huyện Lâm-Hải.

1738) Thực-thà có một là thực-thà quá sức, tưởng ở đời không có ai thực-thà như thế nữa, ý nói người hiền lành.

Đơn-sai chẳng hề: chẳng hề nói sai lời bao giờ.

Bạc Bà khoe - khoe đức-linh của cháu, nghe như lời quảng-cáo vậy. Tại sao mẹ lại khoe-khoang cháu hiền lành thực thà? Mẹ sợ Kiều ngờ rằng cháu mẹ không thực-thà. Tại sao mẹ lại sợ Kiều ngờ vực sự thành-thật của Bạc-Hạnh? Rõ-ràng mẹ và Bạc - Hạnh vốn là những người kém thật thà, và nghĩ rằng ai cũng biết rõ điều đó, nên phải rào trước đón sau, khoe-khoang như vậy.

Hình như chính Kiều cũng đã ngờ như thế.

1739) Thành thân là lấy nhau thành vợ chồng.

Bạc Bà đặt sẵn kế - hoạch cho cháu: cưới Kiều xong rồi đem Kiều về cửa hàng ở Châu Thai.

Mẹ nói nghe như thật.

- « Bấy giờ ai lại biết ai? (1740)
 « Dầu lòng bề rộng sóng dài thành thênh. (1741)
 « Nàng dầu quyết chẳng thuận linh,
 « Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau ! » (1742)
 Nàng càng mặt ủ mày chau,
 Càng nghe mụ nói, càng đau như dằm ;
 Nghĩ mình túng đất sầy chân, (1743)
 Thế cùng nàng mới xa gần thở than : (1744)
 « Thiếp như con én lạc đàn, (1745)

1740) Đã lấy chồng làm bà chủ hiệu ở Cáo - Thái rồi thì lúc ấy ai còn nhận biết được Kiều là ai nữa. Ý nói bấy giờ thì Kiều khỏi lo bị Hoạn-Thư tìm kiếm bắt - bớ

1741) Bấy giờ thì dù lòng muốn đi sông đi bể, đi đâu cũng cứ thênh-thênh tự - do không còn phải sợ gì ai nữa.

1742) Nếu như nàng không thuận, hề cưỡng lời phía trước, là cái lụy đến ngay phía sau lưng, không thể tránh được.

Uy-hiếp tình - thần đến mực ấy là cùng. Kiều vốn là người nhẹ dạ và yếu bóng vía, liệu còn dám cưỡng lại chăng ?

1743) *Túng đất* là thiếu đất dung thân.

Sầy chân là lỡ bước vào chỗ ấy.

Kiều lại sắp đề cho hoàn-cảnh chi-phối và lời-cuốn đi một chuyện nữa.

1744) *Thế cùng* tức là thế bí, cùng đường, không còn lối thoát.

Xa gần thở than : thở than bóng gió ; nói xa nói gần không giám nói thẳng, nói thật e Bạc-Bà giận-dữ chẳng.

1745) *Én* là một loài chim gần như chim nhạn, thường bay từng đàn, bay từ phía Bắc xuống phía Nam hay từ phía Nam về phía Bắc, tùy theo từng mùa. Xem lời chưa câu « *Đổi thay nhạn yển đã hồng đầy niên* ».

« *Phải cung rầy đã sợ lẩn cây cong.* (1746)

« *Cùng đường dầu lỉnh chữ Tòng.* (1747)

« *Biết người biết mặt biết lòng làm sao?* (1748)

« *Nữa khi muốn một thế nào.* (1749)

Kiều nói nàng như con én lạc-dàn, bơ-vơ một mình nơi quê người đất khách không có chỗ tựa nương, không có người giúp đỡ. Kiều mong gợi lòng thương xót của Bạc-Bà.

1746) Con én lạc-dàn đó đã có lần cung tên bắn phải, nay thấy cành cây cong lấy làm sợ hãi, tưởng cành cây cong cũng là vòng cung.

Câu này mượn ý câu chữ sách Tàn:

Thương cung chi điều kiến khúc mộc nhi cao phi 傷弓之鳥見曲木而高飛: con chim đã phải cung bắn bị thương, thấy cây cong cũng sợ mà bay cao.

Ý Kiều muốn nói nàng, đã khổ sở vì lấy chồng nay nó đến lấy chồng nàng phát sợ, e lấy chồng rồi lại phải khổ sở như trước.

1747) Nếu không còn kể gì khác, bắt buộc phải lấy chồng, thì nàng cũng phải lấy.

Chữ lòng nói bóng việc lấy chồng.

Trong *tam tòng* có *lòng phu* là theo chồng tức lấy chồng.

1748) Biết mặt người nhưng không biết được lòng người ra làm sao.

Kiều muốn nói nếu phải lấy chồng thì được người lòng dạ ăn ở tốt mới chịu lấy.

Câu này mượn ý câu chữ Hán: *Tri nhân tri diện bất tri tâm* 知人知面不知心 biết người, biết mặt chứ không biết được lòng người.

Kiều nói vậy là vì nàng nhớ lại truyện Mã-Giám-Sinh, Nàng sợ lại mắc phải bọn người lừa-lạc như thế.

1749) Muốn một thế nào trong muôn phần lỡ một phần xảy ra thế nào. Muôn phần tử-tế, lỡ có một phần lừa-lạc

« Bán hùm buôn sói chắc vào lưng đầu? (1750)

« Dầu ai lòng có sở cầu, (1751)

« Tâm mình xin quyết với nhau mọi lời. (1752)

« Chứng mình có đất, có trời.

Muôn phần chắc-chắn, lỡ có một phần bấp-bênh cũng như nó ngộ lỡ ra, lỡ không may ra; dịch chữ *vạn nhất*. Rút kinh-nghiệm mọi lần trước, Kiều đã hiểu rõ rằng chỉ có một phần trong muôn phần (1/10.000) không may thì đời nàng cũng sẽ chẳng ra gì. Thí-dụ như nàng lấy lẽ Thúc - Sinh. Nàng dẫn-đo lo lắng là phải.

1750) *Bán hùm, buôn sói*, nếu gặp kẻ chuyên môn bán hùm buôn sói, thì còn tin làm sao được? Ý Kiều muốn nói lỡ gặp tay buôn bán người (như Tú Bà, Mã Giám Sinh) thì còn nương tựa được vào đâu.

Lưng đây không phải là lưng vốn. *Lưng* đây dùng theo nghĩa là người, là chỗ tựa nương; chắc vào lưng đầu là chắc vào người nào, chắc vào chỗ nào; ý nói không có chỗ chắc chắn mà nương tựa.

Nghe lời Kiều dẫn-đo, rào trước đón sau, nói xa nói gần người ta thấy hình như nàng cũng đã nghi-ngờ lời Bạc-Bà, giới-thiệu và khoe-khoang đức-linh của người cháu mụ là Bạc-Hạnh. Nếu vậy thì có khi người ta vẫn biết trước, vẫn lo xa, mà lâm sự vẫn không đối-pho kịp, bởi thiếu phương-tiện và thiếu khả-năng.

1751) *Sở cầu* 所欲 cầu xin điều gì, ý nói muốn lấy Kiều làm vợ

1752) Kiều đặt điều-kiện cho kẻ nào muốn lấy nàng. Điều kiện đó như thế này :

Thề-nguyên với nhau một cách thành-thực.

Tâm mình 心盟 là lấy lòng thành-thực mà thề nguyên với nhau.

Ý Kiều muốn người nào lấy nàng thì phải thành-thực thề nguyên với nàng (thí dụ như thề không phụ nàng chẳng hạn).

« Bấy giờ vượt bể ra khơi quãng gì ! (1753)

Được lời, mẹ mới ra đi,

Mách lin, họ Bạc tức thì sắm sanh.

Một nhà dọn dẹp linh đình.

Quét sân, đặt trác, rửa bình, thắp nhang (1754)

Điều-kiện quá ư giản-dồn. Và Kiều đã quá ư ngây-thơ khi ra điều-kiện như thế. Mã-Giám-Sinh, Tú-Bà, Sở-Khanh Thúc - Sinh trước đã chẳng thề nguyện với nàng đấy ư ? Và chính nàng nữa, nàng đã chẳng thề nguyện nặng lời với Kim-Trọng trước tiên và Thúc-Sinh sau này ư ? Kết-cục những lời thề nguyện ấy có giá-trị như thế nào ? Nàng đã hiểu một cách thấm-thía chua-chát. Vậy mà nàng còn tin ở giá-trị một lời thề !

1753) *Vượt biển ra khơi*, Kiều nói bấy giờ nàng sẽ không quản-ngại gì vượt biển ra khơi với người chồng mới. Nói *vượt biển ra khơi* là vì nàng biết đi châu Thai thì phải vượt biển, và cũng để đáp lại lời Bạc-Bà (dầu lòng bề rộng sông dài thênh-thênh)

- Kiều gián-tiếp cho Bạc-Bà biết nàng ưng lấy vậy Bạc-Hạnh, khi Bạc - Hạnh chịu thề nguyện thành - thực với nàng.

Bạc-Bà chỉ mong có thế. Bao nhiêu lời dọa dẫm, bao nhiêu cơ-muù của mẹ cốt đi đến chỗ đó mà thôi.

Còn thề nguyện, thì không thành vấn-đề.

1754) *Thì ra câu truyện toàn do Bạc-Bà sắp đặt cả.*

Bạc-Hạnh có biết gì đâu. Khi được Bạc-Bà cho biết, Bạc-Hạnh mới vội vàng dọn-dẹp cửa nhà.

Đặt trác, là kê bàn, *Rửa bình* là rửa bát hương, Câu này tả cảnh nhà Bạc-Hạnh dọn-dẹp linh-dinh để cưới Kiều nào quét sân, đặt trác, nào rửa bình, thắp nhang. Cứ xét các việc dọn-dẹp của nhà họ Bạc, ta thấy nhà này là một nhà tằm - thường, ít khi có những việc to-tát như

Bạc-Sinh quì xuống vội vàng (1755)

Quá lời nguyện hể Thành-hoàng Thỗ-công (1756)

Trước sân lòng đã giải lòng (1757)

cưới hỏi Gia-cảnh nhà họ Bạc khác hẳn nhà Thục - Sinh Bạc - Hạnh là một kẻ trung-lưu ở nhà quê không có tài đức gì để Khoe-khoang với Kiều, ngoài mấy đức tính Bạc-Bà tưởng-tượng ra :

Thục-thà có một đơn sai chẳng hề

1755) Hai chữ « *vội vàng* », cho ta biết Bạc-Sinh được tin thì mừng quýnh, đồng thời tổ-cáo cái vẻ cầu-thả, không suy-nghĩ tính-toán, tức là vẻ đối-trá trong hành-dộng của Bạc-Sinh. Việc hôn-nhân ở xã-hội nào cũng vậy, đều được coi là một việc quan trọng trong đời người. Vậy mà Bạc-Sinh vội vàng quì xuống thề nguyện ngay, để được lòng tin của Thúy Kiều, không suy-nghĩ tính-toán gì, điều đó tỏ rằng Bạc-Sinh coi việc cưới Kiều như một dịp may không nên bỏ lỡ, hơn là một việc có ảnh-hưởng lớn trong cuộc đời. Về đối-trá, tính-chất lừa-lọc buôn-bán lộ ra chỗ đó.

1756) Mọi lần trước, trong những cuộc thề-thốt, ta thấy đương-sự viển ra hoặc sông, núi, hoặc nhật nguyệt, hoặc đất trời. Lần này ta thấy Bạc-Sinh khấn đến cả Thành-Hoàng, Thỗ-Công. Chi-tiết này cho ta biết Bạc-Sinh là một gã quê mùa ít học, khấn-khứa như đàn bà nhà quê. Tuy là tự-sự song đồng-thời tác-giả miêu tả thêm cho ta biết về tư-cách của Bạc - Sinh. Cũng có thể cho rằng Bạc-Sinh cố ý thề-thốt kỹ lưỡng quá lời, viển hết Thần Thánh thiêng-liêng ra để làm chứng, cốt mua chuộc lòng tin cậy của Thúy-Kiều. Vì họ Bạc biết rõ rằng Kiều chỉ đòi hỏi có một điều-kiện đó.

1757) Bạc-Sinh làm lễ thề-nguyện ở ngoài sân. Chàng đã giải lòng ra cho lòng Kiều tin tưởng. Ta biết rằng ở đây duy có Bạc-Sinh thề nguyện. Kiều ở vào cái thế không phải thề nguyện với ai, trái lại đợi người ta phải thề - nguyện thì nàng mới chịu lấy.

Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên (1758)

Thành thân mới rước xuống thuyền (1759)

Thuận buồm một lá xuôi miền Châu Thai (1760)

Thuyền vừa đỗ bến thành-thời,

Bạc-Sinh lên trước tìm nơi mọi ngày (1761)

1758) Sau khi thề-nguyên ở ngoài sân, Bạc-Sinh cùng Kiều làm lễ tơ-hồng kết duyên ở trong màn. Lễ tơ-hồng là lễ ông Nguyệt hạ lão-nhân (Nguyệt-lão) phụ trách việc buộc dây tơ đỏ vào trai gái phải làm vợ chồng với nhau.

Có điều lạ là ở đây lại làm lễ Tơ-Hồng ở trong màn? Tục Tàu bấy giờ có như thế? Hay là tác-giả tả sai?

1759) Thành thân là thành vợ chồng với nhau. Sau khi Bạc-Sinh và Kiều thành vợ chồng rồi, thì Bạc-Sinh rước dâu xuống thuyền đi châu Thai; theo lời Bạc-Bà nói trước ở châu Thai, Bạc-Sinh có mở một ngôi hàng, nay chàng đưa Kiều đến đó để trông nom cửa hàng chẳng?

1760) Thuận buồm lúc thuận buồm xuôi gió, ý nói thuyền đi mau.

Một lá là một chiếc thuyền nhẹ. Có lẽ Kiều hẳn yên trí là đi châu Thai để trông nom coi sóc cửa hàng buôn của Bạc-Sinh.

1761) Thuyền tới nơi, đỗ ở bến, Bạc-Sinh dắt nàng ở thuyền, chàng lên trước một mình, tìm đến nơi mọi ngày.

Kiều có lẽ cũng không nghi ngờ gì. Rất có thể Bạc-Sinh lên trước để báo người nhà tới thuyền đón cô dâu mới.

Mấy chữ « nơi mọi ngày » đã kín hờ cho ta biết cái nơi đó là nơi tới lui quen thuộc của Bạc-Sinh. Và tác-giả nói úp-mở như vậy, khiến chúng ta phải đánh dấu hỏi trong trí: nơi mọi ngày đó là nơi thế nào?

Có lẽ đó chính là dụng-ý của tác-giả. Tác-giả cố ý

Cũng nhà hành-viện xưa nay (1762)

Cũng phường bán thịt, cũng lay buôn người (1763)

Xem người định giá vừa rồi (1764)

Mỗi hàng một đũa ra mười thì buông (1765)

kiích-thích tính hiếu-kỳ của người đọc khiến người đọc phải theo dõi mạch-văn xem nơi mọi ngày đó là nơi thế nào. Đó cũng là một ngón hấp dẫn, lôi kéo độc-giả trong nghệ-thuật tự-sự.

1762) *Hành-viện* 行院 là chữ thanh nhã trở nhà thanh-lâu. Chữ Hán việc vợ chồng ân-ái gọi là *Hành-phòng* 行房.

Chữ cũng cho biết Bạc-Sinh xưa nay có việc với nhà hành-viện đã nhiều rồi. Đồng thời nhắc độc-giả nhớ đến nhà hành-viện của Tú-Bà.

1763) *Pường bán thịt* là bọn bán thịt người, trở bọn người làm nghề bán dâm, cũng như ta thường nói «bán hàng trắng.»

Tay buôn người là kẻ buôn người, trở bọn mụ dâm ma cô như Tú-Bà, Bạc-Hạnh.

Tiếng «cũng» nhắc lại hai lần gây nên cho người đọc một ấn tượng bức mình, oán ghét ghê tởm.

1764) Tuy tác-giả không nói rõ, song ta cũng đoán biết rằng Bạc-sinh lên chỗ mọi ngày, đưa người đến xem mặt Kiều rồi định giá cả mua bán ngầm với nhau, không cho Kiều biết ; Vừa rồi là vừa xong xuôi.

Tuy nhiên ta thấy lời văn chỗ này chưa được chu-đáo. Người đọc cảm thấy như việc xem người định giá diễn ra ngay trước mặt Kiều, mà nàng không nói-năng gì.

1765) *Mỗi hàng* đây tức là Kiều.

Một đũa ra mười, vốn có một mà đã bán lên gấp mười. ý nói được nhiều lời.

Thì buông thì buông mỗi hàng ra, nghĩa là bằng lòng bán.

Ý nội Bạc-Hạnh được giá hời bằng lòng bán Kiều cho nhà hành-viện.

— Có bản chép là: *mỗi hàng một đũa ra mười thì buông*

Mượn người thuê kiệu rước nàng (1766)
Bạc đem mặt bạc kiếm đường cho xa (1767)

1766) Rồi Bạc-sinh mượn người thuê kiệu rước nàng đến nhà hành-viện. Đó là Bạc-sinh mượn người thuê kiệu, chứ không phải là người nhà hành-viện. Nếu người nhà hành-viện thuê kiệu đưa nàng đi, thì có lẽ nàng sinh nghi.

1767) Thuê kiệu rước nàng rồi, Bạc-sinh lấy tiền chuồn thẳng.

Bạc đem mặt bạc là Bạc-sinh đem số bạc bán Kiều đi thẳng. Hai chữ *Bạc* trong câu này chỉ có giá trị như một chữ. Chữ *Bạc* trên tác-giả thêm vào theo phép hô-khởi (aspostrophe) cho người ta chú ý đến số bạc Bạc-Sinh đem đi. Số bạc ấy là tất cả mục-đích mọi hành-dộng của Bạc-Bà và Bạc-Hạnh từ trước tới giờ. Nó là kết-quả cụ-thể của âm-mưu họ Bạc, cho nên tác-giả nhấn mạnh đến số bạc, để gây nên cho người đọc một ấn-tượng khinh ghét, ghê tởm đối với bọn buôn người.

Mấy hần Pháp-văn và một vài bản chú thích hiểu là « *Bạc-Hạnh đem cái mặt bạc-bẽo kiếm đường trốn đi* » (Thí dụ như : *Bạc s'éloigna portant ailleurs sa face infame*).

Hiểu như vậy hình như không đúng tinh-thần nguyên-văn.

Trong tiếng Việt, *mặt bạc* không có nghĩa là *mặt bạc-bẽo*. Để nói cái mặt bạc tình của Sở-Khanh, cụ Nguyễn-Du đã dùng tiếng « *mặt mo* ». Nhân dân lại thường nói « *mặt dầy* » nghĩa cũng như *mặt mo*. Ít khi nghe thấy, hoặc chưa từng nghe thấy người ta dùng *mặt bạc* để tỏ ý chê kẻ bạc-tình. Bởi vì *mặt bạc* (dĩ nhiên không phải là *mặt trắng* dịch chữ Bạch-diện có nghĩa khác hẳn) không gọi hình chút nao. Mà tiếng Việt ta thường-thường, đều gọi hình như: *mặt trắng dã*, *môi thâm xi*, *mặt mo*, *mặt dơi*, *tai chuột mặt mẹt*, *mồm chuột chù*, *mặt lợn ỉ* v.v.

Mặt bạc có nghĩa là số bạc, số tiền hiện thấy ; cũng như nói *mặt cửa* : *một mặt người mười mặt cửa*. Không nên lầm *mặt bạc* là số bạc với *bạc mặt* là số bạc trả ngay lúc ấy.

Kiểu hoa đặt trước thêm hoa (1768)

Bén trong thấy một mụ ra vôi vàng. (1769)

Trong câu này, tác-giả đã dùng phép hó-khởi để thêm chữ *Bạc* lên đầu câu, cho nên nhiên người làm tưởng rằng chữ *Bạc* ở đầu câu trở *Bạc-sinh* là chủ từ của động từ *đem* còn chữ *bạc* ở dưới là bổ-túc-từ cho động-từ *đem*. Thật ra chủ-từ của câu này cũng như của câu trên là *Bạc-Sinh* ở trên chuyển xuống.

Ngoài ra, trong câu này tác-giả cũng có ý chơi chữ lấy đi lấy lại chữ *Bạc* là tiền bạc, để gọi cho độc-giả nghĩ đến họ *Bạc* là bọn buôn người. Cũng vì thế mà có người đã hiểu lầm chữ *Bạc* trong câu này là họ *Bạc*, là bạc-bội.

1768) *Kiểu hoa* tức kiểu cô dâu có kết hoa. Có lẽ đây chỉ là cái kiểu thường, đem thêm chữ hoa cho đẹp lời và cho phân biệt là kiểu phụ-nữ.

Đặt là đặt xuống, đỡ xuống. Nhưng trong chữ *đặt* có ngụ-y đỡ kiểu một cách mạnh mẽ, nặng-nề, tỏ vẻ bất tốn vô-lẽ đối với người ngồi trên kiệu. Vì đây là phu kiệu thuê mượn; hơn nữa lại khiêng một người con gái đến nhà hành-viện, nên chúng tỏ ý coi khinh khách hàng và khinh ngay ra cử chỉ đỡ kiệu.

Thêm hoa là thêm có trồng hoa ở bên. Đây có lẽ chỉ là thêm nhà thờ cúng thôi, đem thêm chữ hoa cho đẹp lời và cũng để cho biết là thêm nhà chứa con gái.

1769) Đọc câu này, hình-ảnh Tú-Bà lại như hiện ra trước mắt.

Rèm trong bỗng thấy một người bước ra. Đối với Tú-Bà, Kiều còn lạ-lùng bỡ ngỡ chưa biết là người thế nào, nên tác-giả chỉ nói trống bỗng thấy một người bước ra.

Ở đây, Kiều đã có kinh-nghiệm rồi, thấy một mụ đàn bà bước ra vôi-vàng, có lẽ nàng đã đoán là hạng người thế nào rồi, nên tác-giả nói ngay bằng giọng khinh-bí: *một mụ ra vôi-vàng*.

Đưa nàng vào lạy gia-đường. (1770)

Cũng thần mây trắng, cũng phường lầu xanh (1771)

Thoạt trông nàng đã biết tình, (1772)

Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao. (1773)

Chém cha cái số hoa đào (1774)

Hai tiếng *vội-vàng* cho biết mẹ đó đã đợi chờ sẵn để đón Kiều, đồng thời cho biết mẹ đó có ý mừng-rỡ đã mua được món hàng tốt.

1770) Mẹ này khác mẹ Tú, không hỏi han lời (thời-gi), có lẽ mẹ yên-trí rằng Kiều đã biết rõ nàng bị bán cho hành-viện rồi. Mẹ đưa luôn nàng vào lễ (lạy) trước bàn thờ ở giữa nhà.

Gia-đường đây là *Hương-hỏa* *Gia-đường* nói tắt, tức là nơi thờ cúng ở trong nhà.

1771) Trông lên bàn thờ, thấy cũng thờ thần mây trắng, Kiều hiểu ngay đây cũng là phường lầu xanh. Nàng không ngỡ như khi vào nhà mẹ Tú nữa.

1772) Trông qua Kiều đã hiểu ngay tình-hình mọi việc.

Biết tình là biết rõ tình-hình.

— Tiếc thay khi nàng biết thì đã quá muộn.

1773) Kiều tự thấy mình như con chim bị nhốt vào lồng, khó lòng cất cánh bay thoát được.

Sao lại chịu ép một bề, không phản-trấn phản-đối được một câu? Chẳng có lẽ tới nhà mẹ Tú, là lần đầu nên nàng phản-trấn, còn ở đây nàng đã quen rồi nên không nói-những chi hết!

— Ô hay! Kiều không thân-thích ruột-rà gì với họ Bạc, nay tự dưng bị họ Bạc đem bán cho lầu xanh, ấy thế mà nàng lại nghĩ rằng như chim vào lồng không sao bay thoát! Vậy ra thời Minh việc buôn-bán người dễ-dàng, giản-đơn như vậy ư? Luật-pháp đề đâu nhỉ? Kiều lại không thể đem việc đến cửa công được ư?

1774) *Số hoa-đào* là số đào-hoa. Theo các nhà tính-học (xem số Tử-Vi) số đầu bà có sao *Đào-hoa* *thù-mệnh* (ở cung mệnh) thì phải lấy nhiều đời chồng, hoặc phải làm gái giang-hồ.

Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi. (1775)

Nghĩ đời mà ngán cho đời,

Tài tình chi lắm cho giờ dất ghen (1776)

Kiều tức mình quá, nhưng nàng không tỏ ý oán giận ai, nàng lại yên trí cho là tại số-mệnh nàng xui nên như thế. Và tỏ ý căm giận cái số-mệnh nàng; nàng văng tục chửi rửa số-mệnh: chi-tiết này cho ta biết thêm về tâm-tính nàng Kiều:

Quá tin tưởng vào số-mệnh, đến đổi hóa nhu-nhược không bao giờ dám cưỡng lại hoàn-cảnh cùng tổ-giác những sự bất-công của xã-hội mà nàng nhiều lần là nạn-nhân.

Câu này là một lời chửi rửa. Nó tỏ được cái ý căm-hờn từ -bực cực-độ của Kiều lúc bấy giờ. Một người tài-hoa phong nhã như Kiều mà phải mở miệng nói « chém cha » thì ý căm-hờn phải vượt ra ngoài cái mực thường-lệ nhiều lắm.

Trong văn-chương dùng được lời chửi rửa, phải là nhà văn có biệt-tại. Vì lời chửi rửa vốn thô-tục, dùng làm sao cho nó hóa thanh? Trong văn-chương nước nhà, người ta mới thấy có Nguyễn Du và Hồ-xuân-Hương dùng được lời chửi rửa.

(Hồ-xuân-Hương: Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!)

1775) Kiều vừa gỡ mình ra khỏi kiếp giang-hồ (lấy Thúc Sinh) thì số-họa đào lại buộc nàng vào kiếp giang-hồ dễ như bỡn.

Thật ra có như thế không? Số-họa đào buộc nàng? Hay là tại nàng nhu-nhược nhắm mắt chịu cho hoàn-cảnh lời-cuốn đi như lá thu theo gió?

1776) Kiều nghĩ lấy làm ngao-ngán cho cuộc đời của nàng. Nàng cho rằng tại nàng tài-hoa quá, tình-cảm giàu quá nên trời dất ghen-ghét, bắt phải chịu khổ-cực như thế?

Ý này mượn ý câu « *Tạo hóa liêu nhân* » nghĩa là trời dất trêu người tài, hoặc câu « *Tạo hóa đồ tài* » nghĩa là trời dất ghen người tài-hoa. Người Trung-Hoa xưa cho rằng kẻ người tài-tình quá, thì trời dất thường không cho hưởng cuộc đời bình-thản, êm-đềm mà bắt phải chịu đựng những nỗi gian-truân vất-vả cho bù với cái tài-tình. Do quan-niệm ấy mà có những câu:

- *Anh hùng đa nạn, hồng nhan đa truân*
(anh hùng lắm nạn, gái đẹp nhiều gian nan)
- *Phong vu thử sắc vu bì*
(hơn cái này thì kém cái kia)
- *Cồ lai tài mệnh lưỡng tương kiến*
(chữ tài chữ mệnh xưa nay vẫn ghét nhau)

Và cả truyện Kiều viết ra là để chứng-minh cái quan-niệm đó.

Thật ra quan-niệm đó có đúng vưng không ?

Trước hết, khoa-học cho ta biết rằng không có ông trời can-thiệp v o công việc của con người ta. Cuộc đời là do con người tự tạo ra. Thất-bại là vì vụng tính, thiếu kế-hoạch, kém tổ-chức, hành-dộng không đúng thời, không đúng chỗ, không sát hoàn-cảnh, không có chí tiến-thủ, kém tích-cực, kém bền bỉ Người xưa thiếu óc khoa-học, thiếu trí phán-đoán, hành-dộng mò-mẫm, làm ăn luộm thuộm gặp sai hay vậy, nên thành, bại, giàu, nghèo, sướng khổ đều cho là do số-mệnh, do Trời định sẵn, do sự rủi may.

Người tài-tình lại thường hay tự-dĩ, tự phụ, cho rằng bề có tài là được hưởng thụ nhiều hơn mọi người, nên luôn luôn đòi hỏi, luôn luôn tỏ vẻ bất mãn về địa-vị và phần hưởng-thụ của mình, cho là chưa xứng đáng. Bởi vậy mà thương thất ra những lời oán-thán như *Tao hóa liễu nhân, Trời xanh ghen-ghét, tài tình chỉ làm cho trời đất ghen*.

Họ không biết rằng ở đời có tài chưa đủ. Còn phải có nhiều cái khác nữa, (thí dụ như đức kiên-nhẫn, đức chịu khó chắt chiu) để có thể hưởng hạnh-phúc. Người được hưởng thụ có phải toàn là người vô tài đâu ?

Thí dụ như trường-hợp Thúy-Kiều đây nếu nàng cứng bóng vĩa không sợ lời dọa-nạt của Bạc-Bà, không nghe lời ép-uống của mẹ, không tin lời thề của Bạc-Sinh, không chịu nhận cái kiếp gái lầu-xanh một cách giản đơn như vậy, quyết đem việc đến cửa công, thì hỏi ai bắt được nàng phải ở lầu xanh lần thứ hai ?

Rút lại người ta thường không chịu xét mình, không chịu nhận rằng mình mắc lỗi lầm không chịu rút kinh nghiệm để sửa chữa khuyết-diểm và khắc phục nhược-diểm của mình, cho

Tiệc thay nước đã đánh phen, (1777)

Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần !

Hồng-quân với khách hồng-quân (1778)

nên gặp việc bất như ý hay đổ tội cho Trời. Đó chỉ là một cách tự bào chữa để trốn tránh trách-nhiệm về những việc mình làm mà thôi.

Quan niệm «*Tạo hóa liêu nhân*» hay «*Tạo hóa đổ tội*» hoặc là «*Tái, Mệnh tương đối*» không đứng vững được.

1777) Có bản chép là *Nước đã đánh phen*.

Chép như vậy hình như không đúng. Khi bỏ nhà ra đi bán mình cho Mã-Giám-Sinh, Kiều đã nói :

Lỡ làng nước đục bụi trong

Kiều đã tự ví mình như nước đục. Khi được Thúc-Sinh cứu thoát lầy xanh, và sống cuộc đời lương thiện của một người vợ, có lẽ Kiều đã thấy mình như nước đục đã được đánh phen : gột tiền phát đã thoát vòng trần ai

Nay tự nhiên vô cớ nàng lại bị ném vào lầy xanh một lần nữa, sau khi đã ra thoát một lần rồi, nên nàng than tiếc cho bản nàng như nước đã đánh phen thành trong rồi, mà lại để cho bùn vẫn đục lên; mấy lần, ý Kiều muốn hỏi không biết bùn vẫn lên đến mấy lần nữa mới thôi ?

Nước đã đánh phen là nước đục đã được đánh phen cho hóa trong.

1778) *Hồng quân* 洪鈞 nghĩa đen là bàn xoay lớn. *Hồng* là lớn như *Hồng chung* là chuông lớn, *Hồng phúc* là phúc lớn *Hồng thủy* là nước lớn. *Quán* là cái bàn xoay của thợ nặn đồ gốm. Thợ nặn đồ gốm để đất sét lên bàn rồi chân đạp cho bàn xoay tít, bàn cứ xoay, tay cứ uốn-nắn cho đất thành hình cái bát, cái chén v. v..

Người ta ví bộ máy chuyển-văn của Tạo Hoá với cái bàn xoay của thợ nặn đồ gốm, và gọi là *Thiên Quán* là bàn xoay của trời, hay *Hồng-quân* là bàn xoay lớn-lao tức như ta nói máy tạo hoặc cơ trời.

Đã xoay đến thế còn vẫn chưa tha ! (1779)

Nhớ từ lạc bước, bước ra. (1780)

Nhiều bản Pháp-Văn dịch *Hồng-quần* ra làm *Ciel rouge* (trời đỏ) hay *seigneur rouge* (vua đỏ). Dịch như thế sai hoàn-toàn vì biểu làm *Hồng* trong *Hồng quần* là sắc đỏ.

Khách hồng quần là người bạn quần đỏ. Xưa phu nữ Trung Hoa có thời mặc toàn quần đỏ nên *Hồng quần* sau mượn để trở đàn bà con gái.

Hồng-Quần với *khách hồng quần* là cơ tạo (máy tạo hoặc trời) đối với người con gái, ý nói một sức lớn mạnh vô cùng đối với một con người yếu ớt

1779) Máy tạo đã xoay vẫn người con gái đến thế rồi mà còn cứ xoay vẫn mãi chưa tha cho. Ý nói Kiều đã lưu lạc giang hồ đến thế rồi mà vẫn chưa được tha.

Trong câu này chữ *xoay* vẫn đã được ngắt ra làm đôi cho thành thơ. Và ngắt ra như vậy lại càng gợi hình thêm. Người đọc có cảm giác như thấy người con gái bị trời xoay như chong chóng rồi lại bị trời vẫn lăn đi như quả bóng tròn.

Trên nói *Hồng quần* là bộ bàn xoay lớn, dưới hạ hai chữ *xoay* và *vẫn* ý trên ý dưới rất ăn khớp nhau.

Kiều nghĩ như người đương thời rằng nàng bị máy tạo xoay-vẫn mãi. Thật ra đó chỉ là hoàn-cảnh thúc đẩy lời oán nàng đi, chứ không phải cơ trời. Nếu là cơ trời, thì người ta có lẽ không cưỡng lại được. Đây là hoàn-cảnh, nên người ta có thể cưỡng lại hoặc xoay hoàn-cảnh theo hướng lợi ích cho mình. Kiều luôn-luôn giữ thái độ bị động nên tin đó là cơ trời. Hoặc nàng tin đó là cơ trời, nên luôn luôn giữ thái độ bị động.

1780) Các bản ra trước đều chép là:

Lỡ từ lạc bước, bước ra

Chúng tôi thấy hình như chép sai. *Lạc bước* tức cũng như *lỡ bước*. Nói: *lỡ từ lạc bước, bước ra* theo văn lý tất phải giảng là *Lỡ từ khi lỡ bước bước ra*, hoặc *lỡ bước từ khi lạc bước bước ra* giảng như vậy hoặc giảng cách nào, thì ý văn cũng có chỗ trùng điệp: đã *lỡ* lại còn *lạc*; hoặc đã *lạc* lại còn *lỡ*. Theo ngụ ý thì có lẽ chính là: *Nhớ từ lạc bước, bước ra*.

Cái thân liễu những từ nhà liễu đi. (1781)

Đầu xanh đã tội tình gì?

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi! (1782)

(Kiều nhớ lại từ khi lỡ bước, bước chân ra khỏi nhà. Khi ra quốc-ngũ, có lẽ người ta đã sao lầm nhớ ra nhớ, vì hai chữ này, (nhớ nhớ) tiếng nôm viết giống nhau. Rồi sau này theo giọng trong Nam, những chữ khởi đầu bằng nh đổi ra, người ta viết nhớ ra lỡ như ngày nay, và vì thế văn-lý có chỗ lằng, điệp *Nhớ từ lạc bước, bước ra* Kiều nghĩ nhớ lại từ khi lỡ bước, bước ra khỏi nhà. Chép như vậy thì văn lý mới thông và ý mới quán xuyên xuống câu dưới.

1781) Các bản ra trước hầu hết đều chép là :

Cái thân liễu những từ nhà liễu đi

Thiết tưởng chép như vậy thì câu văn chưa lộn nghĩa. Cái thân liễu những từ nhà liễu đi, liễu thế nào? liễu những gì? liễu làm sao? Trong câu chưa nói rõ và trong những câu tiếp theo cũng không thấy diễn-đạt cái ý «liệu» đó ra làm sao.

Chữ nôm chữ liễu 料 và chữ liễu cũng viết như nhau, ngờ rằng người ta đã sao lầm liễu ra liệu khiến câu văn mất nghĩa.

Cái thân liễu những từ nhà liễu đi

Từ khi còn ở nhà Kiều đã liễu bán mình để chuộc cha. Bước chân ra khỏi nhà, nàng đã mang theo một chữ liễu rất lớn. Cho nên lần này dù có bị eo trời xoay vần lần nữa, nàng cũng dành liễu.

Và chẳng, sau khi nghĩ-ngợi liên-miên, Kiều đã tóm-tắt mọi ý-nghĩ của nàng bằng một chữ liễu, nó cũng là ý-kiến kết-thúc đoạn văn này. (xem ở dưới)

Vậy, chép là : ... liễu những từ nhà liễu đi.

1782) *Quá nửa thì* là quá nửa thì đầu xanh, tức già nửa tuổi trẻ. Ý đầu xanh chuyển từ câu trên xuống.

Má hồng tức Hồng nhan là mặt người con gái đẹp.

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi, là chưa thôi cái gì? chưa thôi làm sao?

Trong câu này, tuy không có chữ *bạc mệnh* nhưng ý thì phải có chữ *bạc mệnh*, văn-lý mới thông. Nói «*má hồng*»

*Biết thân tránh chẳng khỏi trời, (1783)
Cũng liều mặ phần cho rồi ngày xanh. (1784)*

IX

Lần thu gió mát trắng thanh, (1785)

tác-giả có ý nhắc đến ý «bạc mệnh» hay «bạc phận», nói lần đi

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi phải hiểu là: má hồng phận bạc đến già nửa thì tuổi trẻ mà chưa thôi, ý nói thân phận con gái đến già nửa chừng xuân, mà vẫn bị gian - truân vất vả

1783) Hỏi vậy, rồi Kiều lại nghĩ thầm rằng chẳng qua muôn việc đều do mệnh Trời định sẵn cả, mà đã là số Trời thì không tránh đâu cho thoát khỏi.

(Mỗi lúc Kiều định cưỡng lại hoàn-cảnh, thì cuối cùng nàng lại tin tưởng vào số mệnh và lại cam tâm đóng vai trò bị-động như cũ, chẳng dám hành-động gì. Tại số-mệnh hay lại nàng nhu nhược ?)

1784) Nghĩ đến số mệnh, Kiều lại đắm mặ liễu mặ cho số-mệnh lỗi-cuốn.

Trên kia Kiều nghĩ:

Nhớ từ lạc bước bước ra

Cái thân liễu những từ nhà liễu đi

Đến đây Kiều lại nghĩ:

Cũng liều mặ phần cho rồi ngày xanh

Y trên dưới hô-ứng đối đáp nhau.

Liều mặ phần cho rồi ngày xanh là liễu cái mặ ra chịu dạn dày cho hết thì tuổi trẻ.

Khi người ta định đem chữ *liều* ra đối chọi với đời, thì còn việc gì mà chẳng dám làm ?

Duy cái liễu của Kiều là cái liễu tiêu-cực của kẻ bị-động, giẽc thay !

1758) Các bản ra trước đều chép là :

Lần thâu gió mát trắng thanh

Có bản giảng lần *thâu* là hết đêm ấy đến đêm khác (Cũng có bản chép: *lần lưa gió mát trắng thanh*) Theo ngụ ý, chép

Bổng đầu có khách biên đình sang chơi. (1786)

Râu hằm, hàm én, mây ngài (1787)

Vai năm tấc rộng thân mười thước cao (1788)

và giảng như vậy bèn như Không thông. Căn-cứ vào đầu mà giảng lần đầu là hết đêm ấy sang đêm khác ?

Chúng tôi cho rằng phải chép thế này mới đúng :

Lần thu gió mát trăng thanh.

Lần thu là lần-lần sang thu. Vì là mùa thu nên mới có *gió mát trăng thanh*. Và Từ-Hải nhân dịp đi chơi trăng thu nên mới đi chơi qua nơi Kiều ở.

1786) *Khách biên-đình* là người ở miền biên-thùy đến chơi đây nói ở miền xa xôi giáp biên giới nước khác.

1787) *Râu hằm* là râu dữ như râu hùm.

Hàm én là cái hàm phía dưới tức địa-các nở rộng như hàm chim én. Hàm chim én so với cái đầu cái mỏ rất to rộng.

Râu hằm hàm én là tướng người anh-hùng. Ông Ban-Siêu một danh tướng đời Hán có tướng *gần hàm hồ đầu* = *hàm* như *hàm én* đầu như *đầu hùm*.

Mây ngài là *nga mi*, lông mày nhỏ và cong như râu con ngài ; hai chữ này tác-giả đã dùng lầm ; vì *mây ngài* là lông mày con gái đẹp Tả Thúy-Vân : *Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*. Tả nhà Tú-Bà *Bén thì mây ả mây ngài* ; lông mày người anh hùng không thể là *mây ngài* được.

Chắc chắn là tác-giả định nói *ngọa tâm mi bát tự* là *lông mày xẻch chữ bát* và to bản như con *tằm năm*, như *lông mày Quan-Công* thời Tam-Quốc. Xưa nay người ta vẫn cho *kiểu lông mày* đó là *lông mày kẻ anh hùng*.

Nhưng *tâm mi* không thể dịch là *mây ngài* được. *Mây ngài* là *nga mi* khác hẳn *kiểu tâm mi*. *Tâm mi* nếu dịch nôm phải dịch là *mây tằm* thì mới đúng.

1788) *Vai rộng năm tấc tức nửa thước*

Thân cao mười thước

Đường-đường một đấng anh-hào (1789)
Côn-quyền hơn sức lực-thao gồm tài. (1790)

Thước đây là thước cổ của Tần chưa biết đích-xác dài bao nhiêu nhưng chắc chắn không giống thước ta ngày nay là thước hai gang dài độ 0m44. Nếu là thước ngày nay thì thời xưa Quan-Công thân cao 9 thước tức 3m66 Văn-Vương nhà Chu và Từ-Hải thân cao 10 thước tức 4m40. Đời làm chỉ có những người khổng lồ như vậy.

Dù sao thì ta cũng thấy người Từ-Hải, nếu xét tỉ-mỉ theo kích-thước tác-giả đưa ra, không tầm-thước một chút nào. Vai năm tấc rộng thì lưng rộng có 1 thước mà người cao 10 thước thành ra chỉ có chiều cao mà không có chiều ngang chẳng có vẻ chỉ vững vàng khỏe mạnh hết.

Ta nên biết rằng những con số đưa ra đây chỉ có tính-cách tượng-trưng, cốt gây cho người đọc một ý niệm về sự cao-lớn của nhân-vật chứ không nên tin đó là những con số đích xác.

Tác-giả đưa ra những chi-tiết trên là để tả cái tướng anh-hùng của Từ-Hải. Và người có cái tướng khác người ấy tất có những hành-động khác người.

1789) *Đường đường* là cái dáng-diệu đường bệ chừng chập đứng đĩnh nghiêm trang khiến người ta phải kinh nể.

Anh hào là người anh hùng hào kiệt tức là người tài giỏi, khỏe mạnh, và chí-khí hơn người thường bội phần. Đây tác-giả muốn nói cái bề ngoài đường bệ anh hào.

1790) *Côn quyền* 棍拳 là môn võ đánh bằng gậy và môn võ đánh bằng tay, đây nói chung các môn võ nghệ.

Côn quyền hơn sức là về các môn võ nghệ thì sức lực của Từ-Hải hơn mọi người, ý nói Từ võ nghệ cao cường.

Lực thao 力挑 tức lực thao tam lực. *Lực thao* là tên bộ binh thư của Khương-tử Nha đời Chu. Sách chia làm sáu phần lấy tên là : Long, Hồ, Văn, Võ, Báo, Khuyển nói toàn về chiến lược chiến thuật.

Tam lực là tên một bộ binh-thư do Hoàng-thạch Công ăn-sĩ đời Tần soạn. Sách chia làm ba phần : Thượng, Trung, Hạ nói về ba cách dùng binh, dùng kẻ.

Đội trời đạp đất ở đời (1791)

Họ Từ tên Hải, vốn người Việt-Đông (1792)

Giang-hồ quen thú vầy vùng (1793)

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo (1794)

Lược thao gồm tài là gồm tài thao lược, ý nói có tài đông binh, bố trận theo như các sách binh-pháp. Từ-Hải vừa có sức khỏe, có võ-nghệ, vừa có mưu lược dùng binh, chứ không phải là người chỉ có sức khỏe, hữu dũng vô mưu như phần đông các võ - tướng thời cò.

1791) *Đội trời đạp đất ở đời*, con người ta ai không đội trời đạp đất ở đời? Riêng gì Từ-Hải? Tác-giả có ý nói: Từ-Hải ở đời chỉ biết có trời ở trên đầu, đất ở dưới chân chứ không biết trong khoảng trời đất có ai nữa. Ý nói Từ không chịu thua kém ai, khuất phục ai.

1792) Người anh-hào ấy, tên là Từ-Hải quê-quán ở Việt Đông tức tỉnh Quảng-Đông bây giờ. Quảng-Đông là tỉnh ở miền cực nam nước Trung-hoa nên trên gọi Từ Hải là khách biên đình.

1793) *Giang hồ là sông lớn hồ to.*

Thú giang hồ là cái thú vui chơi nơi giang hồ, ý nói thú tự do phóng khoáng.

Từ Hải quen cái thú vầy vùng nơi giang hồ không chịu buộc chân vào vòng danh lợi tầm thường.

1794) Đi đâu thì quây theo một nửa gánh, tức một quây gươm và đàn, với một mái chèo, là đủ không cần đem theo các đồ hành lý tiền bạc kỉnh cang. ý nói nơi giang hồ Từ Hải chỉ cần có một thanh gươm, một cây đàn một mái chèo là đủ sống và đủ chơi.

Tác giả cho ta biết Từ Hải không những là một nhà võ, mà còn là một nghệ sĩ, một tài tử. Ngoài việc múa kiếm Từ còn biết đánh đàn. Từ không phải là một kẻ phàm phu tục tử, chỉ biết còn quyền mà thôi.

Cũng bởi thế mà Từ tìm đến thăm Kiều là người nổi danh tài sắc,

Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều (1795)

Tấm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng (1796)

— Câu này thoát ý câu thơ của Hoằng Sào một tướng giặc đời Đường.

Bán kiên cung kiếm bằng thiên tằm,

Nhất trạo giang sơn tận địa duy.

Nửa vai cung kiếm do trời cho, một mái chèo đi khắp non sông mặt đất.

— Hai câu này, tác giả tả tính tình, tư cách Từ Hải,

— Từ Hải chỉ là một nhân vật phụ trong truyện, thế mà được tác giả tả rất kỹ càng;

a) — Dong mao (râu bằm...)

b) Năng lực (còn quền hơn sức...)

c) Khí phách (đường đường, đội trời đạp đất)

d) Tính tình (giang hồ, grom đàn)

Và tả bằng tất cả mối thiện cảm nồng nhiệt và ý thần phục chân thành. Điều đó chứng tỏ:

a) Tác giả mơ ước một cuộc đời giang hồ vùng vẫy như Từ Hải.

b) Tác giả chia sẻ nhân sinh quan của Từ Hải.

c) Tác giả tả Từ Hải là tả người anh hùng lý tưởng của mình.

d) Tác giả định đề cao Từ Hải đề đề cao Thúy Kiều và mặt sát Hồ Tõ Hiên.

Trong khi tả Từ Hải tác giả đã đề lộ cái chân-tướng của « Hồng Sơn liệt hộ » và tính chất cổ truyền của người dân Hà Tĩnh.

1795) Đến đây ta mới biết rằng ở Hành - Viện chùa Thai, Thúy Kiều đã nổi danh tài sắc.

Nói truyện Từ Hải mà nói luôn được cả thanh giá Thúy Kiều ở Hành viện chùa Thai, tác giả vẫn có biệt tài về môn hư tả.

1796) *Tấm lòng nhi nữ* là tấm lòng người con gái đầy có nghĩa là tấm lòng mộ người con gái.

*Thiếp-danh đưa đến lầu hồng
Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa (1797)
Từ rằng : Tâm-phúc tương-cờ (1798)
« Phải người trắng-gió vật.vờ hay sao ?
« Bấy lâu nghe tiếng má-đào*

Cũng xiêu ảnh hùng làm cho ảnh hùng cũng xiêu lòng.

Câu này hình như mượn ý câu :

Nhĩ nĩ tình trường anh hùng khi đoản.

Nghĩa là : mối tình dài của người con gái làm ngắn cái khi-phách của kẻ anh hùng.

(1797) Các bản ra trước đều chép :

Hai bên cùng liếc hai lòng cũng ưa.

Chúng tôi thấy hình như chép sai. Sao lại cũng liếc, cũng ưa ?

Ngờ rằng đã sao lắm chữ nôm cùng ra cũng.

Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa là Từ-Hải và Kiều cùng liếc mắt đưa tình cho nhau, lòng hai người cùng ưa nhau. Ý nói không những Từ-Hải bằng lòng Kiều, mà chính Kiều thấy Từ-Hải cũng lấy làm kính-mộ.

Chi-tiết này vừa đề-cai Từ-Hải vừa đề-cai Thúy Kiều. Từ-Hải tất là người khi-phách anh-hùng thế nào, cho nên mới gắp, Kiều đã ưa ngay. Thúy-Kiều tất phải là người biết người biết của thế nào cho nên mới biết Từ-Hải là đáng anh-hùng.

(1798) *Tâm phúc tương cờ* 心腹相期 là lấy lòng-dạ hẹn nhau, ý nói lấy tấm lòng thành-thật mà xử-đối với nhau.

Cái khi-phách anh-hùng lộ ra câu nói. Đã giả-đối thì đừng chơi. Mà chơi với nhau thì phải chơi bằng tất cả tấm lòng thành-khân ; Người anh-hùng muốn cái gì cũng phải trắng, đen rõ-rệt, thái-độ phải rứt-khoát, không ưa sự giả-đối, sự úp-mở và thái-độ nửa-chừng.

Từ-Hải cho biết chàng đâu phải là người trắng gió vật.vờ, chơi-bời lãng-nhăng ? Từ có ý muốn lấy Kiều làm vợ Từ không muốn chỉ làm người khách chơi lầu xanh.

« *Mắt xanh chẳng đề ai vào có không ? (1799)*

« *một đời được mấy anh-hùng.*

« *Bỏ chỉ cá chậu, chim lồng mà chơi ! (1800)*

Nàng rằng : « Người dấy quá lời.

« *Thân này còn giám coi ai làm thương !*

« *Chút riêng chọn đá thử vàng. (1801)*

« *Biết đâu mà gửi can-tràng vào đâu ? (1802)*

1799) *Mắt xanh* : đời Tấn Nguyễn-Tịch liếp khách thấy ai hợp ý mình, thì mắt xanh, ai không vừa ý mình thì mắt trắng. Do điển đó, mà sau người ta dùng chữ *mắt xanh* để nói sự bằng lòng, vừa ý.

Từ-Hải hỏi Kiều : nàng chưa thấy ai là người vừa ý phải không ? (nàng chưa tiếp ai bằng mắt xanh).

Thấy Kiều tài sắc nổi danh mà vẫn cứ ở nhà hành-viện nên Từ-Hải hỏi vậy ? Hay là Từ-Hải chủ quan tự-phụ rằng mình là người thứ nhất được Kiều đề vào mắt xanh ?

Không biết có phải tác-giả định mượn chi-tiết này để tả thói chủ-quan, tự-phụ của Từ-Hải không ? chính thói ấy giết chết Từ-Hải sau này.

1800) Một đời có được mấy người anh hùng ? Ý nói đời phần nhiều là hạng tầm thường, chi-khí nhỏ bé như cá trong chậu, chim trong lồng, thì bỏ gì mà chơi.

Từ-Hải tán thành việc Kiều chưa ưng ý ai. Đồng thời có ý đề cao cá-nhân mình.

1801) Làm gái thanh-lâu, nàng có dám coi thường ai đâu ? Duy nàng chọn đá thử vàng một cách kín đáo thì có *Chút riêng* là chút lòng riêng. ý nói thầm kín trong lòng. *Chọn đá thử vàng* là kén chọn người tốt, cũng như lấy đá thử xem vàng lõi xấu.

1802) Kén chọn, thử thách nhưng đã biết gửi can-tràng vào đâu ? Ý nói chưa tìm được người tri-kỷ có thể trao tấm lòng.

« Còn như vào trước ra sau, (1803)

« Ai cho kén chọn vàng thau tại mình » (1804)

Từ rằng : « lời nói hữu tình,

* Khiến người lại nhớ cầu Bình - Nguyên Quân.

(1805)

« Lại đây xem lại cho gần. (1806)

1803) Vào trước là đón người vào lối cửa trước.

1804) Ra sau là tiễn người ra lối cửa sau.

(Đưa người cửa trước rước người cửa sau). Nói chung việc đưa đón khách làng chơi. Việc đó, Kiều nói, nàng có được tự quyền kén chọn đâu ? ý nói mục chủ bắt buộc nàng phải tiếp bất cứ khách nào.

1805) Từ-Hải nói tiếp ý Kiều ở trên : « Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu » Câu này mượn ý câu thơ Đường :

Bất tri can đảm hướng thủy thị ? Linh nhân khước ức Bình Nguyên-Quân nghĩa là : Chẳng biết tỏ gan mật cùng ai được, khiến người lại nhớ Bình-nguyên-Quân.

Bình-nguyên-Quân tên thật là Triệu-Thắng công tử con vua Vũ-linh-Vương nước Triệu, đời Chiến-Quốc được phong đất Bình-Nguyên nên gọi là Bình-Nguyên-Quân. Bình-nguyên-Quân vốn người hào hiệp thích giao-du với các anh-hùng, nghĩa-sĩ trong thiên hạ trong nhà thường có mấy nghìn khác ăn.

— Hai câu thơ Đường, Kiều đã lấy ý câu trên rồi.

Bất tri can đảm hướng thủy thị ?

(Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu ?)

Nay nói tiếp ý câu dưới là Từ nói nốt ý Kiều còn bỏ lửng. Đồng thời Từ có ý tự ví mình với Bình-Nguyên-Quân. Ngoài ra, chi-tiết này cho ta biết thêm về tài năng của Từ-Hải, Từ không những tài thao lược mà lại còn am hiểu văn-chương, rất nhớ chữ sách.

Đó cũng là một tao-nhân, chứ không chỉ là một hảo-hán

1806) Từ-Hải bảo Kiều lại gần bên chàng mà xem tướng chàng cho kỹ.

« Phỏng tin được một vài phần hay không? (1807)

Thưa rằng : « lượng cả bao dong. (1808)

« Tấn-Dương được thấy mây rồng có phen. (1809)

« Rộng thương cổ nội hoa hèn. (1810)

« Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau ! » (1811)

1807) Xem có thể tin chàng được một vài phần hay không.

Tin được một vài phần là tin được cái gì ? Tin được Từ-Hải có thể làm Bình-nguyên-Quân, có thể làm nên nghiệp lớn.

1808) Kiều đáp : Từ-Hải quả có độ lượng bao-dong mọi người như Bình-nguyên-Quân.

1809) Nàng tin rằng có phen chàng làm nên được nghiệp lớn như vua Cao-Tổ nhà Đường.

Tấn-Dương là nơi vua Cao-Tổ nhà Đường dựng nghiệp đồ. Câu này tác-giả quá tin ở sự-nghiệp Từ-Hải và vô-tình đã tỏ ý tán thành hành-dộng của Từ. Hình như vua Dục-Tông duyệt tới, lấy làm không bằng lòng, đã chữa câu này như bản Kinh biên chép :

Rồng mây rõ mặt anh hùng có phen

1810) Cổ nội là cổ ngoài nội, ngoài đồng, mượn để nói phận nhỏ mọn, tiểu nhân.

Sách Luận-Ngữ có câu :

Quân-tử chi đức phong, tiểu-nhân chi đức thảo, thảo thượng chi phong tất yên.

nghĩa là : đức quân tử như gió, đức tiểu nhân như cỏ gió thổi qua cỏ tất lướt xoảng.

Chữ cổ nội mượn ý câu sách Luận-Ngữ để suy-tôn đức lớn của Từ-Hải lúc làm nên.

Hoa hèn là bông hoa hèn mọn, ý nói phận hèn mọn của người nàng hầu.

Kiều có ý nói Từ-Hải thương cho cổ nội hoa hèn rộng phần nào được nhờ phần nấy.

1811) Chớ chút thân trời nổi của nàng dâu dám phiền đến Từ sau này. Ý Kiều muốn nói cái thân bèo bọt của nàng không xứng đáng lấy Từ.

Nàng như mình đề thử ý Từ:

Nghe lời vừa ý gật đầu, (1812)

Cười rằng : « Tri-kỷ trước sau mấy người ! (1813)

« Khen cho con mắt tinh đời

1812) Thấy Kiều nói hợp ý mình lắm, Từ-Hải gật đầu tỏ đầu bằng lòng.

Không đáp lại lời-thôi, không ba-hoa khuếch-khoác, chỉ gật đầu.

Rõ ra đáng-diệu một kẻ cả, một kẻ anh-hùng đáng ngẫm mới chi-lớn.

Ta có thể so-sánh cuộc đối-thoại giữa Kiều và Từ-Hải với cuộc đối thoại giữa Kiều và Sở-Khanh. Sở-Khanh trông-trải và khuếch-khoác bao nhiêu thì Từ-Hải lại kín đáo dè dặt bấy nhiêu.

Sở-Khanh thì :

Lặng ngồi lăm nhăm gật đầu

Ta đây nào phải ai đâu mà rằng ?

Nông đâu biết đến ta chẳng ?

Bề trâm luận lấp cho bằng mới thôi.

Từ-Hải thì :

Nghe lời vừa ý gật đầu

Cười rằng : tri-kỷ trước sau mấy người ?

Khen cho con mắt tinh đời

Anh hùng đoán giữa trần ai mới già.

Một bên thì dè cao bản ngã luôn luôn làm bộ « ta đây ». Một bên thì dè cao tình tri-kỷ, còn bản ngã mình để hé ra một cách kín đáo.

Một bên khuếch-khoác ba hoa.

Một bên thành khẩn kín đáo.

So-sánh khẩu-khi, người ta phân biệt được anh-hùng với anh hùng rơm.

1813) Từ-Hải gật đầu và cười không phải là vì nghe Kiều tâng bốc mình, nếu nàng có ý tâng bốc.

Chàng gật đầu và cười đặc ý là vì chàng sung-sướng tìm thấy ở Kiều một người tri-kỷ. Chàng vui mừng như Bình-nguyên-Quân được thêm một thực-khách.

« Anh-hùng đoán giữa trần - ai mới già ! (1814)

« Một lời đã biết đến ta

• Muốn chung nghìn tứ cũng là có nhau ! (1815)

1814) Từ-Hải khen Kiều có con mắt tinh đời.

Chàng nói : Đoán được người anh hùng khi người anh hùng ấy còn ở giữa đám trần ai, như vậy mới là tay đoán già.

Trần ai nghĩa là bụi bặm, mượn để nói lúc hàn vi sự nghiệp chưa rạng-rỡ.

— Chữ già cuối câu đi với chữ đoán rất đắt. Đoán già là đoán chắc chắn.

— Tiếng đoán khiến ta nghĩ rằng Từ-Hải khen Kiều đoán tướng chàng.

Lại đây xem lại cho gần.

Bảo Kiều xem lại có phải Từ-Hải bảo nàng coi lại tướng chàng không ?

Kiều vốn vẫn có tài coi tướng người. Trước kia nàng đã đoán tướng Kim-Trọng :

Trộm liếc dung quang.

Chẳng sần Ngọc-Bội cũng phường Kim-Môn.

Nếu đúng như vậy, thì người ta muốn trách nàng sao không coi tướng Sở-Khanh và Bạc-Hạnh đã rồi hãy quyết-định thái-độ ?

1815) Muốn chung là dịch chữ Vạn chung 萬鍾 Chung là tên một đồ đồng lường cổ của Tàu, thường dùng để đóng thóc gạo. Mỗi chung đựng được 6 hộc 4 đấu, cũng có khi đựng được mười hộc, Đời xưa quan lại ăn lương bằng thóc. Muốn chung là ăn lộc được muôn chung thóc nghĩa là làm nên sự - nghiệp công-hầu.

Nghìn tứ dịch chữ thiên tứ 千車. Tứ là xe đóng bốn ngựa, Sách Luán-Nhữ nói Tề Cảnh-Công có nghìn cỗ xe tứ. Có tới nghìn cỗ xe tứ tức là 4000 con ngựa phải là nhà cực phú quý, ít nhất cũng là nhà Vương-bầu.

Muôn chung nghìn tứ đây dùng để nói làm nên sự nghiệp cực phú-quí. Từ-Hải có ý nói sau này dù làm

Hai bên ý hợp tâm đầu. (1816)
Khi thân chẳng lựa là cầu mới thân !
Ngỏ lời nói với băng-nhân (1817)

nón sự-nghiệp phú-quí đến đâu chẳng nữa, cũng sẽ cùng hưởng với Kiều. Từ nhất quyết lấy nàng.

Ta thử so-sánh khầu-khí ba người đã hứa hẹn với Kiều :

Sở-Khanh nói :

Nàng đã biết đến ta chẳng
Bề trâm-luân lấp cho bằng mới thôi

Thúc-Sinh nói :

Đường xa chớ ngại Ngó Lào
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta

Từ-Hải nói :

Một lời đã liết đến ta
Muốn chung nghìn từ cũng là có nhau.

Khầu-khí Sở-Khanh khinh bạc, đại ngôn, viên-vông to tát quá, rõ ra kẻ anh hùng rơm.

Khầu-khí Thúc-Sinh hồ đồ liêu-lĩnh, rõ ra một công-tử bậc rời.

Khầu-khí Từ-Hải biền-ngang, quảng-bác, muốn bao-dong người, rõ ra một anh hùng hảo-hán.

Người hạng nào có khầu-khí hạng ấy, tác-giả miêu-tả thật tài-tình.

1816) *Ý hợp tâm đầu.* 意合心投 ý hợp nhau, lòng trao cho nhau, ý nói hai bên tình ý rất tương đắc. Chẳng những Từ-Hải say Kiều mà Kiều cũng mộ Từ-Hải.

Không hiểu mộ Từ-Hải vì biết Từ là đáng anh-hùng hay là vì Kiều muốn Từ cứu thoát khỏi hành-viện ? Hay là vì cả hai lý-do đó một lúc ?

1817) *Băng nhân* là người đứng giữa làm mối. Đã chưa nghĩa ở trên.

Từ-Hải nhờ người đứng trung - gian nói với chủ nhà thanh lâu bằng lòng cho chàng chuộc Kiều hoàn-lương.

Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn. (1818)

Buồng riêng sửa chốn thanh-nhàn. (1819)

1818) Nguyên-ngân 原銀 là số tiền cũ tức số vốn đã bỏ ra mua Kiều. Phát hoàn 發還 là đưa ra trả.

Nhà hành-viện khi mua Kiều ở tay Bạc-Sinh chắc là có bắt Bạc làm văn-tư, trong nói rõ số tiền bán Kiều là bao nhiêu. Nay Từ-Hải cứ chiếu số tiền vốn đó mà xia tiền ra trả để « xé giấy » cho Kiều. Ta thử xét hành động của ba nhân-vật đã đưa Kiều ra khỏi lầu xanh :

1.) Sở-Khanh rủ Kiều lên trốn giữa lúc đêm khuya. Dù là mưu mẹo với Tú-Bà, song hành-dộng của Sở-Khanh vẫn là hành-dộng âm mưu của tụi còn-đồ bợm-bãi.

2.) Thúc-Sinh mượn cơ đưa Kiều đi nghỉ mát rồi giấu biệt nàng đi một nơi bắt bí Tú-Bà, phải ưng cho chàng chuộc. Dù là hành-dộng của gã si-tình, song mưu-mô vẫn là mưu-mô xảo-quyệt của bọn lái buôn. Chỉ tài những khỏe ranh vặt.

3.) Từ-Hải muốn chuộc Kiều, tội nhờ người trung-gian hỏi mụ đầu xem mua Kiều hết bao nhiêu tiền, chàng bỏ ra bấy nhiêu để chuộc. Từ xử-sự đường-hoàng, rút khoát, thẳng thắn : Từ lại tỏ ra khinh-thường những chuyện dân-xếp, mặc cả đắt rẻ. Đồng thời Từ lại tỏ vẻ anh hùng hiên-ngang ở chỗ không cần biết mụ chủ thanh-lầu có ưng cho Kiều hoàn-lương không, cũng không cho mụ chủ cái quyền bán lại Kiều lấy lãi. Từ cứ chiếu theo văn-tư cũ, trước họ mua bao nhiêu nay Từ lại trả đúng bấy nhiêu để chuộc Kiều, không chịu để mụ đầu bắt bí làm cao, mà cũng không thêm cướp không Kiều ra khỏi hành-viện, (dù Từ-Hải có dư điều kiện để làm việc đó).

Tác-giả thật đã tốn nhiều công - phu lựa chọn cho mỗi nhân-vật một hành-dộng phù-hợp với tư-cách và tính-tình của nhân-vật ấy, khiến người ta có thể chỉ xét việc mà biết người.

1819) Chuộc Kiều xong, Từ-Hải lập nhà riêng cho Kiều ở. Chốn ấy là chốn thanh-nhàn tức như căn nhà nghỉ mát, hoặc biệt-thự vậy.

Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên. (1820)

Trai anh-hùng, gái thùy-giận-quyên (1821)

Phỉ nguyên bối phượng, đẹp duyên cưới rờng (1822)

1820) Trong phòng trang-trí rất lịch-sự, đủ cả giường thất bảo (đã chưa ở trên) và màn bát tiên. *Màn bát tiên* là màn có thêu tám vị tiên thời cổ. Chung li Quyên, Lã động Tân, Trương Quả, Lý-thiết-Quái, Lam thái Hòa, Tào quốc cửu Hân Tương, Hà tiên cô.

Màn bát tiên đây là màn thêu lịch-sự cũng như giường thất bảo là giường lịch-sự sang trọng như ngày nay ta nói : màn tuyền, giường Hồng-Kông.

1821) *Gái thùy-giận-quyên* tức gái xinh-đẹp (đã chưa nghĩa ở trên)

Câu này ý nói hai vợ chồng xứng đôi vừa lứa lắm.

1822) Các bản trước đều chép là :

Phỉ nguyên sánh phượng...

Chúng tôi thấy hình như không đúng.

Có lẽ phải chép là *bối phượng* mới đúng nguyên văn.

Bối phượng có nghĩa là kén được chồng tốt.

Nghĩa ấy do điển sau :

Sách Tả-Truyện chép rằng Trần-kính-Trọng chạy sang nước Tề được vua nước ấy cho coi việc công-chính. Quan đại Phu nước Tề có ý muốn gả con gái cho Trọng.Kính. Vợ quan đại Phu bối quả bảo việc đó rất nên, vì quả bối nói :

« *Phượng hoàng vu phỉ, hòa minh tương tương* » nghĩa là phượng-hoàng cùng bay cùng hát vang vang.

— Chép là *sánh phượng* thì không có điển.

Cưới rờng cũng có nghĩa là kén được chồng tài giỏi.

Xưa Hoàng-Thượng và Lý-Ứng cùng làm quan Tư-Đồ nước Ngụy. Cả hai đều lấy con gái quan Thái-úy Hoàn-nguyên-Thúc. Người thời bấy giờ khen hai con gái Nguyên-Thúc đều *cưới rờng*.

— Cứ theo nghĩa trong điển, thì câu này nói riêng việc Kiều phỉ-nguyên lấy được người chồng xứng-đáng.

Nửa năm hương lửa đương nồng, (1823)
 Trương phu thoát đã động lòng bốn phương. (1824)
 Trông vời trời bề mệnh mang
 Thanh gươm, yên ngựa lên đường thẳng rong (1825)

Nhưng theo văn-lý câu trên chuyển xuống, thì việc *phỉ* nguyên, đẹp duyên là nói chung cả *trai* anh hùng gái *thuyền* quỳn.

Phỉ nguyên là phỉ lòng ước nguyện.

1823) Vợ chồng ăn ở với nhau được nửa năm trời, giữa lúc *ân-tình* đang nồng-mặn, *hãm-thiết*.

— *Hương lửa* đang nồng là *ân-tình* đang nồng mặn.

(Xem lời chua câu *hương* càng *đượm* *lửa* càng *nồng* ở trên).

1824) *Trương phu* là người đàn-ông, cũng có nghĩa là người chồng, đây trỏ *Từ-Hải*.

Động lòng bốn phương là bụng nghĩ đến việc tang bồng hồ thỉ tung hoành ở bốn phương trời, ý nói nghĩ đến việc lớn thiên-hạ.

Nghĩa ấy do câu trong kinh Lễ :

Thiên địa, tứ phương giả, nam-tử chi sở hữu sự dã

天地四方諸男子之所有事也

Nghĩa là : trời đất, bốn phương là chỗ người con trai phải có việc vậy.

Sau nửa năm trời, *Từ-Hải* nghĩ đến việc làm trai ở bốn phương, tức là chàng muốn ra đi làm sự-nghiep.

Câu này đối với *Từ-Hải* rất hợp. Sự *ân-tình* nơi buồng the không át nổi chí bốn phương của người con trai.

Bản sắc anh hùng ở chỗ đó.

1825) *Trông vời* là trông vời ra xa xa.

Giữa khoảng trời bề mệnh-mang, ra đi với một thanh gươm một yên ngựa, đối với người tâm-thường thì thời là đi vu-vơ, và không biết có làm nên truyện gì

Nàng rằng : « Phận gái chữ tòng. (1826)
« Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi » !

Tác-giả dụng ý tả cái khí-phách anh-hùng của Từ-Hải ; chỉ một mình một ngựa với một thanh gươm cũng đủ lấp chỗ trống của khoảng mệnh-mang trời bể. Cồ nhân có câu : *hùng khí tắc lưỡng gian* là khí hùng chứa đầy cả lòng trời đất. Hai câu này tả cái hùng-khí của Từ-Hải lúc ra đi.

— So sánh với cuộc ra đi của Thúc-Sinh chẳng hạn, ta thấy cuộc ra đi của kẻ anh-hùng khác xa.

Sau khi xum họp với Kiều một năm trời, Thúc - Sinh về thăm nhà quê. Vậy mà nào tiệc tiễn hành, nào lời叮 ninh hò hẹn, làm như là một chuyến đi Sứ ; *Người lên ngựa kẻ chia bào*., Quanh quần chỉ thấy cái thương-tình nhi nữ.

Đầy Từ Hải *thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong* không tiệc tiễn-hành, không có lời dặn-dò lời-thôi. Lúc ở thì nhân-nhĩa phong-lưu, lúc đi thì hiên-ngang quả-quyết, không bịn-rịn không miễn-cưỡng, không khách-sáo giả-dối, cử-chỉ rõ ra kẻ phi-thường.

— *Trống vơi trời bể mệnh-mang*

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.

Hai câu này vẽ nên một bức họa man-mác, hùng - vĩ biết bao ? Khung-cảnh bao la rất hợp với chí-khí của nhân vật.

1826) *Chữ tòng* tức là chữ *tòng-phu* nghĩa là đạo theo chồng, một trong đạo Tam-tòng của phụ-nữ trong xã - hội nho.giáo.

Kiều cũng xin đi theo Từ-Hải.

Trước kia nàng có xin đi theo Thúc-Sinh về quê đâu ?

Nay nàng xin đi theo Từ-Hải là vì nàng tin tưởng ở Từ-Hải, ở chí khí chàng, ở sự nghiệp tương-lai của chàng.

Nàng tuyệt nhiên không tỏ ý ngăn giữ, cũng không dám bịn-rịn, hẹn-hò lời-thôi điều gì. Điều đó tỏ rằng sau nửa năm chung sống. Kiều đã hiểu rõ tính khí người anh-hùng

- Từ rằng : « *Tâm-phúc tương tri*, (1827)
 « *Sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình ?* (1828)
 « *Bao giờ mười vạn tinh-binh.* (1829)
 « *Tiếng loa dậy đất, bóng tinh rợp đường* (1830)
 « *Làm cho rõ mặt phi-thường,*

và chịu ảnh-hưởng tinh khí ấy, lòng dạ nàng hình như cũng cứng rắn thêm một chút. Cho nên nàng đã dám xin đi theo.

1827) *Tâm-phúc tương-tri* 心腹相知 là hiểu rõ lòng dạ nhau rồi.

Cái ông võ tướng này mở miệng ra là nói « chữ » ! Có lẽ tác-giả muốn nhấn mạnh cho ta biết rõ rằng Từ Hải là một bậc anh-hùng văn võ toàn tài ; đó là một kiếm khách tao nhân, chứ không phải là một vũ-phu lỗ-mù.

1828) Từ-Hải có ý trách Kiều sao còn bắt chước thói thường tình nhi-nữ, khi nàng đã biết rõ chàng là người như thế nào.

1829) *Tinh-binh* là binh-linh tinh-thực khỏe mạnh.

Mười vạn tinh binh trở quân-lực hùng mạnh.

Từ-Hải có ý nói bao giờ trong tay chàng có một quân lực hùng mạnh.

1830) Câu này nhiều bản chép :

Tiếng chiêng dậy đất...

Thiết tưởng chép *tiếng loa* có lẽ đúng hơn. *Tiếng loa* là tiếng truyền hiệu - lệnh. *Tiếng loa dậy đất* là hiệu lệnh vang dậy khắp nơi, vừa nói hiệu-lệnh được tôn trọng vừa nói có quân-lực hùng mạnh. *Tiếng loa* gọi hình hơn *tiếng chiêng*. Và chẳng ở dưới, khi Từ-Hải cho quân đến đón Kiều cũng có *tiếng loa*, y như lời hẹn. Vậy tưởng dễ *tiếng loa* hơn. *Bóng tinh rợp đường* là bóng cờ che râm cả đường, ý nói quân số đông lắm. Quân-đội chia ra từng bộ, từng đội, mỗi bộ, mỗi đội, có một hiệu ới

- « Bấy giờ ta sẽ rước nường nghi gia (1831)
 « Bằng nay bốn bề không nhà (1832)
 « Theo càng thêm bạn, biết là đi đâu ? (1833)
 « Đánh lòng chờ đó ít lâu,
 « Chầy chẵng là một năm sau vội gì ? » (1834)

riêng. Bỗng tình rợp đường, thì quân đội phải đóng - đảo lăm.

Câu này diễn tả cho rõ thêm ý « mười vạn tinh binh » ở câu trên.

1831) Rước là đón, nhắc ý rước dâu.

Nghi gia chữ kinh Thi, nói việc con gái về nhà chồng.

Từ-Hải hẹn với Kiều bao giờ chàng làm nên nghiệp lớn sẽ rước nàng về.

1832) Chưa biết có chỗ ở nhất định. Vì Từ-Hải lúc bấy giờ chưa làm nên, chưa chiếm cứ được chỗ nào làm căn cứ dịn.

1833) Từ bảo Kiều theo chàng bấy giờ càng thêm bạn cho chàng, vì đã biết đi đâu mà theo đi. Người vợ muốn theo đi mà người chồng bảo rằng « theo càng thêm bạn ». Có ý bảo vợ đi theo làm bạn chán mình. Giá vợ chồng nhà khác, thì câu ấy có lẽ khiếm nhã và có thể làm cho người vợ giận hờn. Nhưng ở miệng Từ-Hải nói ra, thì đó là một lời nói thẳng-thắn, thành-thật. Từ-Hải vốn là người đường đường hiên ngang nghĩ sao nói vậy, không ưa khách sáo, giả dối. Ta tin rằng Từ-Hải rất có thể nói thật với Kiều như vậy. Bằng chi - tiết này, Tác - giả hình như muốn giới - thiệu cho ta biết thêm về tính-tình tư-cách Từ-Hải. Ngay đối với Kiều là người vợ yêu - quý mà Từ - Hải còn không kiêng nói thẳng, không sợ nàng mất lòng, thì đối với ai mà Từ không nói thẳng, và Từ còn sợ ai mất lòng ?

1834) Tuy không nói cho Kiều biết, nhưng Từ - Hải chắc đã có kế - hoạch dẫu vào đó rồi. Từ tự tin ở tài trí mình và ở kế-hoạch hành-động của mình, cho nên mới hẹn chắc với Kiều như thế.

Quyết lời rút áo ra đi. (1835)

Cánh bằng tiện gió cất lìa dậm khơi, (1836)

Nàng thì chiếc bóng song mai (1837)

Đêm thâu dằng-dẵng, nhật cái then mây. (1838)

1835) *Rút áo ra đi* đây không có nghĩa là rút áo thật đâu. Đối với Từ-Hải hình như Kiều không hề tỏ ý bịn-rịn giữ-rịt không muốn cho đi.

Nàng chỉ tỏ ý muốn đi theo chàng.

Rút áo ra đi đây chỉ có nghĩa là ra đi mà thôi.

1836) Câu này mỗi bản chép một khác.

Bản thì chép :

Gió đưa bằng tiện đã lìa dậm khơi.

Bản thì chép :

Gió mây bằng đã đến kỳ dậm khơi.

Chưa biết câu nào đúng với nguyên-văn hơn. Nhưng dù viết thế nào thì cũng là lấy chữ trong sách *Trang-Tử Bằng phi cửu vạn lý* 騰飛九萬里 chim bằng bay chín vạn dặm, ý nói chim bằng bay cao lắm. Người ta thường ví người anh-hùng với chim bằng.

Dậm khơi là dậm xa.

Câu này vừa nói chí lớn của Từ-Hải ví như chim bằng, vừa nói việc Từ-Hải đi tới chỗ xa thăm người thường không biết chỗ nào.

1837) *Chiếc bóng* là một mình một bóng.

Song mai là cửa sổ bên ngoài có trồng cây mai.

1838) Có bản chép là *đêm thu*, thì sai. Từ-Hải gặp Kiều vào mùa thu (*gió mát trăng thanh*). Hai bên ở với nhau nửa năm trời, thì Từ-Hải ra đi. Vậy lúc này phải vào cuối mùa xuân, đầu mùa hè năm sau, chứ không phải mùa Thu.

Đêm thâu là thâu đêm, suốt đêm.

Sân rêu chẳng vẽ dấu giày. (1839)
Cỏ cao hơn thước, liễu gãy vài phần, (1840)
Đoái trông muôn dặm tử phần (1841)

Đêm thâu đằng đẵng là suốt đêm dằng-dẵng, ý nói đêm dài ; vì vắng Từ-Hải, chắc Kiều mong nhớ không ngủ được, nên thấy đêm dài dằng dẵng.

Nhật cài : là cài chặt, cài kín.

Then mây : then phòng mây : phòng mây tức vân phòng là phòng vắng-vẻ tĩnh mịch như phòng nhà tu.

1839) *Sân rêu* là sân mọc rêu vì ít người qua lại.

Chẳng vẽ dấu giày : không có dấu giày vẽ hằn lên trên sân rêu. Ý nói Kiều đóng cửa không tiếp ai, không có vết chân người qua lại. Câu này cho biết lòng trung thành giữ tiết của Kiều đối với Từ-Hải. Nàng vốn là con nhà tử-tế, chứ không phải là gái chuyên-nghiep của lầu xanh dẫu ?

1840) *Ngoài sân cỏ mọc cao đến hơn một thước, cây liễu coi gãy đi vài phần.*

Câu này có mấy tác-dụng.

a) Tả cảnh thâm-cư của Kiều ; nàng không tiếp ai và không ra ngoài, đến nỗi sân cỏ cao hơn thước ;

b) Ấn-định thì-gian, bây giờ là mùa hè, cỏ mọc xanh tốt, tơ liễu thưa đi một vài phần liễu xanh tốt về mùa xuân).

c) *Ngoài sân cỏ mọc cao, trong nhà Kiều coi gãy đi một vài phần như cây liễu mùa hè (có lẽ nàng buồn vì ở một mình).*

d) Trình bày cảnh trí để gợi tình-cảm Thúy-Kiều, mở màn cho những ý nghĩ ở đoạn dưới.

1841) *Đoái cảnh sinh tình*, Kiều nghĩ nhớ quê-hương và trông về phía quê-hương cách xa muôn dặm đường.

Tử phần là cây tử và cây phần, xưa nhà quê nước Tàu hay trồng cây phần cây tử — cũng như nhà quê nước ta hay trồng tre, — nên *tử-phần* mượn để nói nơi quê-hương bản quán.

Hồn quê, theo ngọn mây Tần xa xa ;)1842)

Xót thay huyền cỗi xuân già. (1843)

Tấm lòng thương nhớ, biết là có người, (1844)

Chốc là mười mấy năm trời (1845)

Còn ra khi đã da mồi tóc sương. (1946)

Tiểu thay chút nghĩa cũ càng, (1847)

1842) Hồn theo đám mây Tần về nhà quê ở nơi xa xa
Câu này mượn ý câu thơ Hàn-Dũ :

Vân hoành Tân lĩnh gia hà tại ? mây kéo ngang núi Tần
không biết nhà mình ở đâu ?

Mây Tần là mây trên núi Tần.lĩnh. Tác.giả mượn chữ
mây Tần để nhắc ý câu thơ nói về sự nhớ nhà.

1843) *Xuân cỗi, huyền già* cha mẹ già yếu có tuổi. Kiều
thương cha mẹ già.

1844) Nàng tự hỏi : không biết đến bây giờ cha mẹ nàng đã
ngươi lòng thương nhớ nàng chưa ? (Hay là vẫn cứ thương
nhớ như lúc nàng mới đi ?

Kiều nhớ cha mẹ và thương cha mẹ vì nàng mà đau
lòng.

1845) Mười mấy năm trời xa cách cha mẹ rồi mà nghe chông
ván như trong một chốc vì việc đời lôi cuốn nàng đi rất mau.

Như vậy thì lúc này Kiều đã hơn hai mươi tuổi rồi.

Trong khoảng hơn mười năm trời đó, Kiều đã nếm trải
lắm nỗi đắng cay, có lẽ nàng phải làm gái lầu xanh (hai lần)
đến quá nửa thì gian đó.

1846) Kiều nghĩ nếu cha mẹ nàng còn sống thì chắc đã
già lắm rồi.

Da mồi là da mốc như da dổi-mồi, ý nói da người già
không săn mịn nữa.

Tóc sương là tóc bạc trắng như sương.

1847) *Chút nghĩa cũ càng* là chút nghĩa cũ đối với Kim.
Trọng. Hễ có lúc rồi một mình, bất cứ là ở đâu khi buồn

Dấu lila ngó ý còn vương tơ lòng ! (1848)

Duyên em dầu nổi chỉ hồng, (1849)

May ra khi đã tay bông tay mang. (1850)

là Kiều lại nghĩ đến Kim-Trọng. Không biết có phải vì nàng chung tình với Kim-Trọng không ? Điều chắc chắn là mỗi tình dầu bao giờ cũng để lại hình ảnh bền lâu trong trí nhớ.

1848) Câu này mượn ý câu : *Ngẫu đoạn nhi ti liên* 斷而絲連 cái ngó sen tuy đứt gãy, nhưng tơ nó vẫn liền.

Tác giả ví ý như cái ngó, lòng như sợi tơ. Ý đây hình như tác giả định hiểu nó là *lý trí* hay *ý chí*. Và lòng thì định hiểu là *tình cảm*. Kiều đã quyết ý hoặc cố chí bỏ Kim-Trọng để bán mình chuộc cha. Nhưng *tình cảm* của nàng đối với Kim-Trọng thì vẫn như sợi tơ của ngó sen, không hề đứt đoạn. Ý nói Kiều đã quyết thôi Kim-Trọng (nhường cho Vân) nhưng nàng vẫn không quên được chàng.

1849) *Duyên em* là duyên của Thúy-Vân.

Nổi chỉ hồng là nổi chỉ hồng với Kim-Trọng. Kiều nghĩ : Thúy-Vân nếu lấy được Kim-Trọng..

1850) Thì may ra Vân đã được mấy con rồi, không chừng.

Hình như nghĩ đến chỗ đó, nên Kiều lấy làm tiếc : « *tiếc thay chút nghĩa cũ càng* ».

Kiều nghĩ nhớ đến Kim-Trọng cũng như nhớ đến Thúy-Vân.

Căn cứ vào tấm lòng nhớ đó mà bảo rằng Kiều vẫn chung tình với Kim-Trọng thì có lẽ sai.

Chỉ những lúc ngồi buồn vắng vẻ, nhớ nhà, nhớ thời ấu thơ Kiều mới nhớ tới Kim-Trọng. Còn những lúc vui-vầy với Thúc-Sinh tâm đầu ý hợp với Từ-Hải, Kiều có còn để lại một góc lòng nào dành cho Kim-Trọng đâu ?

Hình ảnh Kim-Trọng và mối tình đầu của nàng năm thì mười họa mới lại hiện ra trong óc nàng như một bóng ma trong chốc lát rồi lại biến đi ngay. Chung tình đâu lại thế ?

Tắc lòng cố quốc tha nhang. (1851)
Đường kia nổi nọ ngồn-ngang bởi bởi.
Cánh hồng bay bằng tuyết vời. (1852)

1851) Các bản chép ; *tắc lòng cố quốc tha hương* thì lạo vắn, chép là *tha nhang* thì mới đúng với vắn câu trên (mang) và câu dưới (ngồn ngang). *Tha nhang* tức cũng là *tha hương*. *Hương* người ta thường dịch nôm là *nhang* như *đèn hương* thì nói *đèn nhang*. Đây tác-giả theo tiếng dịch nôm chữ *hương* là *hương hoa*, Chữ *hương* trong *tha-hương* có nghĩa là *làng* ít khi hoặc không thấy dịch nôm là *nhang* như chữ *hương* là *nén hương*. Vì lúng vắn nên tác-giả đã phải mượn âm của chữ *hương* là *hương hoa* để thay chữ *hương* là *làng*. Đó cũng là sự bất đắc dĩ.

Tắc lòng cố quốc tha nhang là lòng nhớ nhà của kẻ xa nhà.

Cố quốc là nước cũ, quê nhà.

Tha hương là ở làng khác, làng lạ.

Câu này tả nỗi nhớ nhà của Kiều.

1852) *Cánh hồng* là cánh chim hồng.

Chim hồng đây không phải là chim hồng chim nhạn là giống chim nhỏ hay bay từng đoàn, lớn trước bé sau.

Chim hồng đây là chim Hồng Học 鴻鵠 cũng gọi là Hoàng Học, hay Thiên Nga ; cũng có sách gọi là chim Hạc. Đó là một giống chim lớn, bay rất cao kêu rất to. Bài Sở Từ của Khuất Nguyên, bài Hồng-Học-Ca của Hán Cao-Tổ đều nói hồng-Học một khi cất cánh bay là bay cao ngàn dặm (nhất cử thiên lý).

Do đó, người ta thường ví chí-lớn của người anh-hùng với chí con Hồng-Học (Hồng-Học chí) cánh hồng đây là cánh hồng-học, mượn để nói Từ-Hải với cái chí lớn của kẻ anh hùng.

Tuyết vời là hết vì, hết chỗ. ý nói cao lắm. Câu này vừa nói Từ-Hải đi xa, vừa nói chàng có chí lớn như chim Hồng Học.

— Theo ngụ-ý, giá câu này đề *Cánh bằng* thì đắt hơn, vì trên đã có nói *cánh bằng* : *cánh bằng tiện gió cái lìa dấm khơi*.

Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm, (1853)
Đêm ngày luống những âm-thầm, (1854)
Lửa binh đâu đã âm-âm một phương, (1855)
Ngất trời sát-khí mờ màng, (1856)
Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh (1857)
Người quen kẻ thuộc xung quanh.
Nhủ nằng hãy tạm lánh mình một nơi.

1853) *Đăm dăm* nhìn về một phương trời đã mòn con mắt.
 Ý nói Kiều *dăm-dăm* mong ngóng Từ-Hải đã lấy làm sốt ruột.
 Kiều nghĩ nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ Kim-Trọng, Thúy-Vân, nhưng nàng vẫn *dăm dăm* mong tin Từ-Hải, là người chồng biền thời của nàng.

1854) *Đêm và ngày* Kiều luống những âm thầm mong đợi; nàng đã lấy làm nóng ruột, nhưng không biết nói và cũng không muốn nói với ai.

1855) Giữa lúc đó, thì nạn binh lửa bùng lên âm-âm một phương.

1856) *Sát khí* là cái khi dữ-dội của sự chém giết người. Người xưa thường tin rằng ở nơi có việc binh lửa, người chết nhiều, không khí như có vẻ gì dữ-dội, đáng sợ của sự chém giết.

Đề nói về mặt người dữ-dội có ý sắp đánh giết người, người ta cũng thường nói « *mặt đầy sát khí* ».

Ngất trời sát khí mờ-màng là cái không khí giết người dữ-dội đáng sợ dâng lên mù-mịt ngất trời: ý nói thế binh-lửa lớn mạnh lắm, người chết rất nhiều:

1857) *Kinh ngạc* là tên hai thứ cá dữ tợn mạnh mẽ thuộc loại cá nhà táng, thường mượn để trở quân-sĩ hùng hồ khỏe mạnh.

Giáp lĩnh là áo giáp và khí giới.

Binh vốn có nghĩa là khí-giới.

Trên thủy, trên bộ quân lính, gươm giáo đông lắm.

Câu này diễn tả ý « âm-âm » và ý « *ngất trời sát khí* » ở trên.

Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời. (1858)
 « Dẫu trong nguy-hiểm dám rời ước xưa ». (1859)
 Còn đương dùng-dăng ngăn ngại, (1860)
 Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng loa (1861)
 Giáp-binh kéo đến quanh nhà
 Đồng thanh cùng hỏi ; « nào là phu-nhân ? » (1862)
 Hai bên mười vị tướng-quân.

(1858)— 1859) Thấy binh hỏa lan tới, người quen thuộc xung quanh khuyên nàng cùng đi lánh nạn. Nàng không nghe, nói rằng Từ-Hải trước đã hẹn với nàng là cứ ở đó đợi chàng nay dù gặp nguy-hiểm nàng cũng không dám trái lời hẹn. Điều đó có thật. Trước khi ra đi, Từ-Hải đã dặn nàng :

« Đánh lòng chờ đó ít lâu »

1860) Có người muốn cho là Kiều đoán biết binh lửa đó là do Từ-Hải gây nên, cho nên nàng ở lại nhà, không chịu chạy loạn. Và cho lời Kiều nói trên đây chỉ là kiếm cớ để ở lại mà thôi.

Thật ra không phải, câu này chứng minh rằng Kiều chưa biết đó là quân-dội của Từ-Hải. Nàng còn đương dùng-dăng và ngăn-ngại,

Dùng-dăng là do sự chưa quả quyết nên chạy loạn hay nên ở lại.

Ngăn-ngại là bờ-ngõ chưa biết binh lửa thế nào do quân, nào gây nên.

Nếu đã biết chắc là quân quyền của Từ-Hải thì tất nàng không dùng-dăng, ngăn ngại như thế.

1861) Mái ngoài là mé ngoài, bên ngoài căn nhà.

Bóng cờ, tiếng loa, trước Từ-Hải đã hẹn với Kiều rằng ngày chàng rước nàng nghi gia là ngày « tiếng loa dậy đất bóng linh rợp đường ». Nay Kiều quả nhiên thấy bóng cờ (bóng linh) tiếng loa, chắc nàng đã ngầm đoán đó là quân của Từ-Hải, và đến lúc này hẳn nàng hết dùng-dăng ngăn-ngại.

1862) Phu nhân là tiếng tôn - xưng vợ các bậc tôn - quý. Đây là tiếng quân-sĩ tôn xưng vợ ông chủ-tướng.

Đặt gươm, cỡi giáp, trước sân khấu đầu, (1863)

Cung-nga, thề-nữ nối sau. (1864)

Rằng : « Vàng lệnh-chỉ rước châu vu-qui » (1865)

1863) Mười vị tướng-quân đứng ra hai bên. Họ đặt gươm ra một bên, bỏ áo giáp ra, khấu đầu trước sân.

Khấu đầu là lạy, đầu chạm mặt đất, đó là kiểu lạy tôn-kính nhất, tức kiểu bễ tôi lạy vua.

Các vị tướng-quân đặt gươm ra một bên, để tỏ ý tôn-kính hàng phục ; bỏ áo giáp ra để làm lễ khấu đầu. Bỏ áo giáp thì không lạy được vì áo giáp bó chặt lấy người, khó cử-động lên gối xuống gối.

Từ-Hải tỏ ý yêu quý, trọng vọng Kiều lắm. Chẳng có ý làm cho nàng đẹp lòng. Cho nên đã phái tới mười vị tướng-quân đem quân đi rước nàng. Cũng có lẽ Từ-Hải muốn nhân dịp này để phô-trưng cái uy thế của mình cho Kiều và mọi người biết.

1864) *Cung nga* 宮娥 là gái đẹp hầu trong cung.

Thề nữ 彩女 là con gái ăn vận quần áo hoa-mỹ để hầu-hạ

Mấy tiếng « *cung nga thề nữ* » cho biết tác-giả có nhiều thiện-cảm đối với Từ-Hải, và hình như đã đề cao Từ một cách hơi quá đáng. *Cung nga* là gái đẹp hầu trong cung. *Cung* là tiếng gọi nhà ở của Vua. Dùng tiếng *cung-nga* tức gián-tiếp nhận Từ-Hải là một ông vua có cung-diện, hẳn hoi. Thật ra, Từ-Hải đã làm vua đâu ? Hoặc giả lúc này Từ-Hải tự xưng là Đại-Vương, và đã kiến-lập cung-diện ? tác-giả dùng chữ « *cung nga* » là dùng danh-từ của Từ Đại-Vương ?

— Có bản chép : *cung nga thề nữ theo hầu.*

1865) Cả bốn tướng-quân tâu rằng họ vàng lệnh-chỉ rước châu bà vu-qui.

Lệnh chỉ 令旨 là lệnh của nhà chúa ban ra. Theo chế-lệ đời Lê-Trịnh, thì sắc chỉ là lệnh của Hoàng-Đế tức vua Lê ; *lệnh chỉ* là lệnh của Vương-thượng tức Chúa Trịnh ban ra ; *truyền-chỉ* là lệnh của các tướng võ ra cho quân sĩ.

Vì vậy mà thời bấy giờ có câu : *quan cứ lệnh (lệnh chỉ) linh cứ truyền (truyền chỉ).*

Săn sàng phượng-liễn loan-nghi. (1866)
Hoa-quan pháp phối hà-y rõ ràng. (1867)
Dựng cờ, nổi trống lên đàn. (1868)

Có lẽ tác-giả đã dùng hai chữ *lệnh-chỉ*, theo như thần thần thể chế đời Lê.

Ông cha tác-giả là cựu thần nhà Lê ; và tác-giả dùng hai chữ *lệnh-chỉ*, không dùng hai sắc *chỉ*, là tỏ ý tôn-kính đối với nhà vua thời bấy giờ. Tác-giả chưa dám cho Từ-Hải lên ngôi Hoàng-Đế, mới coi Từ như một vị Vương-tước như chúa Trịnh nước ta, nghĩa là vẫn ở dưới quyền nhà Vua.

Rước đây là rước thật sự.

Chầu tức là chầu bà hoặc *Đức chầu* nghĩa cũng như *đức bà*, là tiếng tôn xưng vợ các ông Chúa, ông Hoàng, thời xưa.

Vu-qui chữ kinh Thi, nghĩa là rước dâu về nhà chồng.
 — Nghe nói vậy, Kiều hẳn biết ngay sự thể như thế nào rồi.

1866) *Phượng liễn loan nghi* : là kiệu đòn chạc hình chim phượng, xung quanh vây màn thêu chim loan hoặc trên kiệu có làm con chim loan ngậm màn trường.

Thời xưa các bậc vua chúa thì dùng kiệu rồng (long đình) các bậc Hoàng-Hậu Vương-Phi thì dùng kiệu phượng.

Nghi-vệ rước Kiều tả ở đây là Nghi-vệ Vương-Phi, Hoàng-Hậu. Có lẽ Từ-Hải đã xưng Vương, nên dùng Nghi-vệ Vương-Phi để rước Kiều.

1867) *Hoa quan* là mũ hoa, đây là mũ đại tráo của Kiều, Từ-Hải sai đem đến sẵn cho nàng đội.

Hoa quan pháp phối mũ hoa óng ánh pháp phối.

Hà y 霞衣 là áo sắc đỏ tía như sắc ráng trời.

Hà y rõ ràng là áo tía rực-rỡ.

Những thứ y-phục đó đều do Từ-Hải phái đưa đến.

1868) Lúc nghỉ thì quân sĩ hạ cờ ngả xuống hay cuộn ở lại. Khi tiến quân thì dựng thẳng cờ lên.

Trúc tơ nổi trước, kiệu vàng kéo sau (1869)

Hỏa bài tiền lộ ruồi mau (1870)

Nam đình nghe động trống chầu đại-doanh (1871)

Nổi trống là tiếng trống nổi hiệu tức đánh to mấy hồi trống cái để làm hiệu tiến quân.

1869) *Trúc* là tre, *đây* trò cái sáo làm bằng ống tre ;

Tơ là dây đàn, dùng để trò cây đàn. *Trúc tơ* trò gồm âm nhạc. Âm nhạc giàn bày phía trước, kiệu vàng của Kiêu đi theo sau.

Có bản chép là : *đào vàng kéo sau*, và giảng là các sắc, áo của cung nga thể nữ. Nghe có vẻ cầu kỳ thiếu tự nhiên. Không từng nghe nhân dân kể như vậy bao giờ.

1870) *Hỏa bài* là một thứ thẻ làm bằng gỗ hình yuong chữ nhật có chuỗi cầm, trên có chỗ để viết chữ, dùng vào việc quan, giá trị cũng gần như trát sức. Duy hỏa - bài thường dùng vào việc cần cấp (nóng như lửa).

Tiền lộ là quãng đường phía trước.

Hỏa bài tiền lộ ruồi mau : quân cầm hỏa bài đi trước để báo cho nhân dân địa phương ra phục dịch hoặc lấy mừng hay bài vọng.

— Có bản giảng hỏa bài là quân kỵ mã báo tin trước Không hiền căn cứ vào đâu !

1871) *Nam đình* là Triều đình phương Nam, do Từ - Hải lập ra.

Trống chầu là trống thiết lập phiên chầu, tức phiên họp với các quan.

Đại doanh là dinh trại lớn, tức là nơi Từ-Hải lập đại bản doanh.

Nhìn qua đám rước râu Kiêu và nghe qua hiệu trống chầu người ta thấy Từ-Hải là một người vừa có tài dùng binh vừa có tài tổ chức chính sự. Thật không hổ với lòng hăm mộ của cụ Nguyễn-đu.

Kéo cờ lũy, phát súng thành (1872)

Từ công ra ngựa, thân-nghênh cửa ngoài (1873)

Lừa mình, lạ vẻ cần đai (1874)

Hãy còn hàm én mây ngải như xưa (1875)

1872) *Kéo cờ lũy* là kéo cờ trên lũy. Lũy là tường thành đắp bằng đất bao quanh một dinh-trại.

Phát súng thành là bắn súng trên mặt thành, kéo cờ, bắn súng để tỏ dấu vui mừng.

1873) *Từ-Công* là ông họ Từ tức Từ-Hải. Lúc này Từ đã làm nên, quân quyền rất lớn, thống trị cả một vùng đất đai, nên tiếng xưng hô cũng đổi thay cho hợp với địa vị.

Thân nghênh là đích thân ra đón tiếp, tỏ ý quý trọng. Vì lúc này Từ-Công địa vị đã tôn quý, các việc thường phần nhiều do các tướng-sĩ phân công phụ trách.

Từ lại cưỡi ngựa ra tận cửa thành ngoài nghênh tiếp. Kiều như vậy là dùng đại lễ rước Kiều, tỏ ý quý trọng Kiều rất mực.

1874) *Lừa mình* là quen mình lắm rồi ý nói Kiều đã biết rõ Từ-Hải lắm rồi.

Lạ vẻ cần đai nhưng Từ ăn bận cần đai y phục đại trào, nên trông có vẻ lạ lạ đi một chút. Ý nói Kiều nhìn Từ-Hải thấy khác trước vì Từ ăn bận quần áo đại trào. Cần là khăn là mũ, Đai là cái đai vòng bên ngoài áo đại trào.

— Câu này có bản chép là .

Rõ mình là vẻ cần đai

Có bản chép là :

Lừa mình là vẻ cần đai

1875) Kiều mới nhìn thấy vẻ cần đai hơi lạ, nhưng nhìn kỹ thấy Từ vẫn hàm én mây ngải như xưa, người vẫn người cũ. Hai câu này, tác-giả tả cảm tưởng của Kiều khi nhìn thấy Từ Hải ra ngựa đón.

Có bản lại cho là ý nghĩ riêng của Từ, thì sai.

Trong câu này, chữ *mây ngải* cũng dùng sai như đoán là hình dong Từ-Hải. Phải viết là *mây tằm* mới đúng,

« Cười rằng : » Cá nước duyên ưa, (1876)
 « Nhớ lời nói những bao giờ hay không ? (1877)
 « Anh-hùng mới biết anh-hùng, (1878)

1876) *Duyên cá nước tức duyên vợ chồng vui vậy.*

Chính Phụ-Ngâm có câu :

Những mong cá nước vui vậy

Phong - dao có câu :

Như cá gặp nước như rồng gặp mây

Lại có câu :

Nhờ ai như vợ nhớ chồng

Như cá nhớ nước như rồng nhớ mây

— Cái cười của Từ-Hải lúc này là cái cười thành-thật, hồn nhiên của kẻ đắc ý.

Có cái cười ấy thì hình ảnh Từ-Công mới đồ trang nghiêm dữ dội và mới hợp với lễ cưới Kiều. Tác-giả tỏ ra rất tinh-tế trong việc giãi bày cảnh trí nhân vật.

1877) Từ-Hải hỏi Kiều có nhớ lời chàng nói lúc trước không ? (Trước từ đã hẹn Kiều : *Bao giờ mười vạn tình binh... bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia*).

Từ-Hải hẹn như vậy và bây giờ quả đã làm được như vậy nên chàng hỏi Kiều như thế : trong lời nói có ngụ ý tự hào, tự phụ của kẻ thành công

— Từ-Hải ra ý thỏa mãn về kết-quả đã thu lượm được và muốn chia sẻ cùng Kiều sự thỏa mãn đó.

Kể ra thì cũng kiêu ngạo thật. Nhưng không có cái kiêu ngạo đó thì Từ không thành được anh hùng. Vả chẳng điều đó rất hợp tính tình con người ta, nhất là tính tình Từ-Hải.

1878) Dịch ý câu : *anh-hùng nhiên hậu thức anh-hùng* nghĩa là : mình có là người anh-hùng thì sau mới biết được người ta là người anh-hùng.

Nói câu này, Từ-Hải có ý khen Kiều cũng là người anh-hùng, vì nàng đã biết Từ-Hải là người anh-hùng, từ khi chàng

« Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? (1879)

Nàng rằng : Chút phận ngày thơ,

« Cũng may dày cát được nhờ bóng cây, (1880)

« Đến bây giờ mới thấy đây,

« Mà lòng đã chắc những ngày một hai ». (1881)

Cùng nhau trông mặt cả cười,

còn chưa làm nên sự nghiệp (anh hùng đoán giữa trần-như mới già),

Từ-Hải căn cứ vào một câu thơ cổ đề tặng mình Kiều, Thưa anh hùng đâu có phải dễ dàng như thế ? Và Kiều mà là anh hùng thì Từ-Hải anh hùng gấp trăm nghìn lần, phải gọi là gì cho xứng ?

Đó chỉ là một cách đề cao người đề tự đề cao mình.

1879) Từ-Hải hỏi Kiều xem nàng đã lấy làm bằng lòng chưa ?

Tuy là câu truyện giữa vợ chồng, nhưng lời nào nói ra cũng được ý tự hào, tự đắc. Có lẽ bản chất của Từ-Hải như thế chăng ?

1880) Câu này mượn ý câu thơ trong Kinh-Thi :

Nam hữu cử mộc, cát tỹ tỹ chi

Nghĩa là : ở núi Nam-Sơn có cây to, dây sắn bìm leo lên cây đó. Ý nói người vợ được nhờ vả người chồng. Vì Từ-Hải là một vị anh-hùng nho nhã, nên Kiều lấy chữ sách nói với chàng.

1881) Kiều nói : bây giờ mới thấy ông làm nên, nhưng ngay ngày thứ nhất ngày thứ nhì gặp nhau lòng tôi đã chắc rằng thế nào ông cũng làm nên.

Vừa tỏ ý ngợi khen, tin tưởng Từ-Hải, Kiều vừa đề-cao tài xét người của mình.

Hai bên đều đầy lòng tự-hào, tự-phụ, thật là một cặp vợ chồng xứng đôi.

Dan tay về chốn trướng mai tự-tình, (1882)

Tiệc bày thưởng tướng khao binh,

Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân, (1883)

Vinh-hoa bổ lúc phong trần, (1884)

Chữ linh ngày lại thêm xuân một ngày, (1885)

Trong quân có lúc vui vầy,

1882) Hai bên nhìn mặt nhau cả cười.

Vừa là cái cười vui-sướng của cặp vợ chồng lâu ngày gặp nhau. Vừa là cái cười của cặp tri-ký hiểu biết lòng nhau.

Hai người dan tay nhau về chốn trướng mai để truyện trò tâm-sự.

Trướng mai là màn thêu hoa mai, đây trở nơi buồng khe của vợ chồng.

Tự tình là truyện trò bày tỏ tình ý, tâm sự.

1883) Có bản chép :

Thì thùng trống trận rập rình nhạc quân,

Trống trận là trống đánh kiêu nhà binh tiến quân ra trận.

Nhạc quân là âm-nhạc nhà binh.

Câu này tả cái cảnh náo nhiệt, vui-vẻ trong dinh-trại nhân ngày Từ-Hải rước Kiều.

— Cảnh náo nhiệt, vui-vẻ trong quán ngũ nó khác hẳn cảnh náo nhiệt vui vẻ trong dân gian. Hết trống trận đến nhạc-quân, thật vui vẻ, náo nhiệt một cách hùng dũng khỏe mạnh:

1884) *Vinh hũa* là vẻ vang sung sướng.

Phong trần là gió bụi, vất vả.

Vợ chồng Từ-Hải lúc này tận hưởng sự sung sướng vẻ-vang cho bù vào những ngày gian truân vất vả.

1885) Mỗi tình ân ái giữa hai người mỗi ngày lại một thêm tươi, thêm trẻ, như là mỗi tình ngày mới gặp nhau. Ý nói mỗi ngày vợ chồng một yêu nhau thêm trái với trường hợp thường lệ là vợ chồng ăn ở với nhau lâu, tình-ái thường cứ phai nhạt dần dần.

- Thong-dong mới kể sự ngày hàn-vi : (1886)
 « Khi Vô-Tích, khi Lâm-Truy. (1887)
 « Nơi thì lừa-đảo, nơi thì xót thương. (1888)
 « Tấm thân rày đã nhẹ-nhàng,
 « Chút còn ăn-oán đôi đường chưa xong ».
 Từ-công nghe nói thủy chung,
 Bất bình nổi trận bùng-bùng sấm vang. (1889)
 Nghiêm-quân tuyển tướng sẵn sàng (1890)

1886) Ngày hàn vi là ngày còn chưa làm nên.

Theo đoạn văn tiếp theo, thì đây là Kiều kể sự ngày hàn-vi chứ không phải Từ-Hải.

1887) Khi Vô-Tích là khi Kiều bị Hoạn-Thư hành hạ dọa dẫm ở huyện Vô-Tích quê Thúc-Sinh.

Khi Lâm Truy là khi Kiều bị Mã-Giám-Sinh đưa đi Lâm Truy làm con em nhà mẹ Tú.

— 1888) Kiều bị Mã-Giám-Sinh, Tú-Bà, Sở-Khanh, Bạc-Bà, bạc-Mạnh lừa đảo làm gái lầu xanh mấy lần.

Kiều được nhiều nơi tỏ tình thương xót nàng. Nàng thực tình kể lại mọi sự tình thuật trước cho Từ-Hải nghe. Nàng nêu những kẻ thù và những ân-nhân của nàng cho Từ-Hải biết. Cốt ý muốn nhờ oai-thế Từ-Hải để báo oán và trả ơn.

1889) Từ-Công nghe Kiều nói hết đầu đuôi mọi truyện thì nổi giận bùng bùng như sấm như sét.

Bất bình nổi trận bùng bùng sấm vang là nổi trận giận dữ bùng bùng như sấm vang.

Trận bất bình là trận giận dữ không bằng lòng

1890) Nghiêm quân là chính bị quân sĩ.

Tuyển tướng là lựa chọn cất cử tướng sĩ.

Tức giận bùng bùng Từ Hải liền ra lệnh nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng để trừng phạt những kẻ đã lừa đảo làm hại đời Kiều.

Dưới cờ một lệnh vôi-vàng ruổi sao. (1891)

Ba quân chỉ ngọn cờ đào, (1892)

Đạo ra Vô Tích, đạo vào Lâm-Truy, (1893)

1891) *Dưới cờ* là *huy hạ* tức là trong chốn quân-doanh
Một lệnh là truyền ra một mệnh lệnh.

Ruổi sao dịch chữ *trình tri* 星馳 là đi nhanh như sao dời ngôi, ý nói quân lệnh thì hành rất gấp.

1892) *Ba quân* : mấy bản dịch Pháp.văn đều giảng là chung quân, tả quân, hữu quân (le centre, la droite, la gauche) cũng có bản giảng là trung quân, tiền quân; hậu quân.

Giảng như vậy đều không đúng.

Ba quân là tiếng trở gồm quân-lực một nước chư-hầu.

Theo quân-chế cổ nước Tàu, một nước chư-hầu lớn chỉ được quyền có *ba quân* tức là ba đạo quân.

Ba đạo quân không phải là trung quân, tả quân, hữu quân.

Theo sách Chu-Lễ, thời xưa mỗi *quân* gồm có một vạn hai nghìn 5 trăm người. Lễ nhà Chu đã định rằng vua Thiên-Tử nhà Chu có sáu quân (lục quân) tức $12,500 \times 6 = 75000$ binh-sĩ.

(Bài Trường-hận-Ca của Bạch-cư-Di có câu :

Lục quân bất phát vô nãi hà ?

Sáu quân chẳng tiến biết làm sao ?

Sáu quân tức là quân lực của Thiên-Tử).

Nước chư-hầu lớn được có ba quân tức 37.500 binh-sĩ. Nước chư hầu lớn vừa có hai quân, nước nhỏ có một quân.

Tác-giả nói *Ba quân*, là có ý coi Từ-Hải như ông vua một nước chư-hầu lớn.

Cờ đào là cờ sắc hồng. Xưa nay các quân khởi nghị hay dùng cờ hồng. Có lẽ vì màu hồng là màu máu, tượng trưng sự chiến đấu, và màu hồng là màu dễ nhận biết.

1893) Một toán quân đi Lâm-Truy, một toán quân đi Vô-Tích. Vì những ân-nhân và thù-nhân của Kiều đều ở hai miền đó.

Mấy người phụ-bạc xưa kia,
 Chiếu danh tâm-nã, bắt về hỏi tra, (1894)
 Lại sai lệnh tiền truyền qua. (1895)

Xét địa-bàn hoạt-dộng của quân lính Từ-Hải, người ta thấy phạm-vi đất đai thuộc quyền thống-trị của Từ cũng khá lớn rộng, chẳng kém gì một nước chư-hầu to,

Có người hỏi rằng ba quân mà đây mới có hai quân còn một quân nữa đâu ? Hỏi như vậy là không hiểu nghĩa ba quân là tiếng nói chung quân lực.

1894) *Chiếu danh* là chiếu theo tên họ chiếu theo danh sách, *Tâm nã* là tìm bắt. Đây là tìm nã những người phụ-bạc tức thù nhân của Kiều.

1895) *Lệnh tiền* nhiều bản giảng là cái tên cầm đi làm tin hoặc cái tên tượng trưng quyền lực. Giảng như vậy là sai, *Lệnh tiền* 令 箭 không có nghĩa gì là cái tên bắn cả. Đó là tên gọi lá cờ lệnh. Cờ này do Bộ Binh chế và ban phát cho các tướng lĩnh dùng để ra lệnh. Không rõ *lệnh tiền* đời Minh chế theo-kiểu cách nào. Đời Thanh thì lệnh tiền của các Đại tướng quân, Tướng-quân, Tổng-Đốc, Tuần-Phủ, Đề-Đốc, Tổng-Trấn là một lá cờ nhỏ hình tam giác, tức lá cờ đuôi nheo ; các đô-thống, trú phòng tướng-quân thì dùng cờ nhỏ vuông. Trên cờ có thêu chữ *lệnh* bằng chỉ kim-tuyến. Ở dưới chữ lệnh có thêu một hàng 12 chữ trở các giờ từ Tý, Sửu đến Tuất, Hợi, bằng chỉ bạc. Trên ngọn cán cờ làm hình mũi giáo tam giác bằng sắt, mạ bạc.

Mỗi khi sai tướng tá đi công-cán đặc biệt người ta đưa cho một lệnh tiền làm bằng.

Lệnh tiền là cờ lệnh. Trước đây ở Huế người ta vẫn thấy bày tại điện Thái-Hòa lá cờ đuôi nheo có thêu chữ Lệnh. Ngày nay tại các đình điện ở Hà-Thành thường vẫn thấy thờ ở hậu-cung những lá cờ kiền ấy. Đó chính là *lệnh tiền* vậy.

Truyền là truyền lệnh, truyền bảo, chứ dùng riêng của vua quan.

Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên, (1896)

Mụ quản-gia, vãi Giá - Duyên, (1897)

Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời,

Thệ-sư kể hết mọi lời. (1898)

Lòng lòng cũng giận, người người chấp uy ! (1899)

1896) Nhà họ Thúc được giữ giàng chớ không bị tầm nã. Đó là trường-hợp đặc biệt ; chưa biết đó là thù-nhân hay ân nhân của Kiều.

1897) Mụ quản-gia là mụ quản-gia nhà phu-nhân mẹ đẻ Hoạn Thư. Khi Kiều bị bắt về đó, mụ quản-gia tỏ ý thương hại nên sóc và dặn-dò mọi lẽ.

Quản gia có một mụ nào.

Thấy người thấy nét ra vào mà thương.

— Kiều đã nhớ đến ơn của mụ quản-gia nhà họ Hoạn sao nàng lại quên Hoạn phu nhân là người đã vô cớ sai đánh nàng ba mươi trúc cón ?

— Vãi Giác-Duyên tức là sư tự-trì chùa « *chiêu ân am* » đã cho Kiều trú chân ít lâu, sau khi nàng trốn khỏi Quan-Âm các !

Hai người này Kiều coi là ân-nhân nên sai quân đi rước mời.

1898) *Thệ sư* 誓師 có bản giáng là lễ tế cáo trời đất trước khi kéo quân đi. Giáng thế là sai;

Lệ xưa, trước khi cất quân đi, chủ-tướng tập hợp tướng sĩ lại khuyên răn dặn bảo mọi lẽ. Việc biếu bảo tướng-sĩ như vậy gọi là *thệ sư*. Theo văn-lý ở đây khi thệ-sư, chủ tướng hình như có nói rõ lý-do các cuộc tầm nã cho quân-sĩ biết.

1899) Cho nên người nào cũng nổi lòng công-phấn và ai nấy đều giữ về oai-nghiêm.

Chấp uy là giữ về oai-nghiêm.

Đạo trời báo phục chửn ghê, (1900)
 Khéo thay! Một mẻ tóm về đầy nơi, (1901)
 Quân trung gươm lớn giáo dài (1902)
 Vệ trong thị-lập, cơ ngoài song phi (1903)
 Sẵn-sàng lễ-chính uy-nghi,
 Bác-đồng chạt đất, tinh kỳ rợp sân, (1904)

1900) Đạo trời ; cũng như lễ trời.

Báo phục 報服 cũng nghĩa như báo cừu, báo thù.

Chửn ghê : rất ghê, rất đáng sợ.

1901) Khéo thay : có ý khen sự tầm nã, bắt bớ đã tiến hành rất tài khéo, không thoát đám nào.

Một mẻ tóm về đầy nơi : một mẻ lưới tóm về chứa đầy một nơi. Một mẻ mướn ý câu nhất vãng dĩ tận 一網打盡 nghĩa là một mẻ lưới tóm được hết.

1902) Quân trung là trong chỗ ba quân, trong chỗ đình quân.

1903) Vệ trong thị-lập : vệ trong là nội-vệ, vệ quân trông coi việc canh phòng nơi nội-cung, đó là toàn quân thân tín, tâm phúc của chủ-tướng. Thị-lập là đứng gác hầu. Quân nội-vệ đứng gác hầu.

Cơ ngoài là cơ binh chuyên việc đi đánh dẹp ở ngoài. Song phi 雙飛 là giàn thành hai hàng. Tả cái cảnh quân đội giàn bày lễ chỉnh oai nghiêm.

1904) Bác đồng là súng đại bác bằng đồng.

Bác đồng chạt đất : là súng lớn bằng đồng dàn bày ra chạt cả mặt đất.

Tinh-kỳ là các loại cờ xí. Tinh-kỳ rợp sân : cờ xí nhiều quá che rợp cả sân.

Tả cái cảnh lễ-chính uy-nghi của võ khí và kinh-kỳ.

Trở nên bốn câu, tác-giả dụng ý tả nổi bật cái tài tổ chức quân đội của Từ-Hải, đồng thời cho biết quân lực của Từ Hùng hậu là nhường nào. Sở dĩ chính bị quân-đội, võ khí, kỳ xí oai nghiêm như vậy, là vì lúc đó, tổ chức một cuộc lễ đề Kiền trả ân, báo oán, một cách long trọng công-khai.

Trướng hùm mở giữa trung quân, (1905)
Từ.Công sánh với phu-nhân cùng ngồi, (1906)
Tiền-nghiêm trống chưa dứt hồi, (1907)
Điền danh trước dẫn chực ngoài cửa viên, (1908)

1905) *Trướng hùm* là dịch chữ *Hồ trướng* nghĩa là trướng hay nơi bàn việc của võ tướng.

Trướng cũng như cái « bát » ngày nay, đóng quân ở đâu, thì căng trướng lên làm dinh trại. Xưa có ông vua ra trận dùng đa hùm làm thành trướng để họp tập tướng tá bàn việc nên sau người ta dùng chữ *Hồ trướng* để trở nơi bàn việc của các võ tướng.

Trướng hùm mở giữa trung quân là thiết lập chỗ ngồi của chủ tướng tức như ghế chủ tọa ở giữa trung quân. *Trung quân* là đạo quân đóng ở trung ương, nói thế để phân biệt với các đạo quân đóng ở các phía tiền hậu, tả, hữu. Trung quân thường là đạo quân chủ lực nên chủ tướng thường lập nơi bàn việc ở trung-quân.

1906) *Phu nhân* đây tức là Thúy-Kiều. Gọi Từ-Hải là Từ.Công tất phải gọi Kiều là phu nhân. Và chẳng lúc đó, trước mặt ba quân, không có Thúy-Kiều mà chỉ có phu nhân cho nên tác-giả phải nói theo tiếng gọi của họ.

— Trong chốn quân ngũ, mà phu nhân cũng ngồi với chủ tướng như vậy, thời bấy giờ là một truyện ít thấy.

Có lẽ đây là một cuộc lễ đặc-biệt, nên có truyện đặc biệt đó.

1907), 1908) *Tiền nghiêm* là hồi trống đầu tiên đánh thông thả, đồng-dục, để nghiêm biệu lệnh.

Hồi trống tiền nghiêm chưa dứt hẳn, thì bọn tội-phạm đã được dẫn chực ở ngoài cửa viên, tức là cửa dinh trại.

Cửa Viên tức Viên Môn 門 là cái cửa làm bằng cang xe. Viên là gỗ cang xe. Nguyên thời xưa, đánh trận xa dùng nhiều xe vận tải, đóng quân ở đâu thì lấy xe bao quanh làm hàng rào, châu cang xe vào nhau làm công ra vào. Cho nên sau người ta gọi cửa nha.môn các tướng chỉ-huy là Viên-môn

Từ rằng ; « Ân, oán hai bên

« Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình » (1909)

Nàng rằng ; « Nhờ cậy uy-linh, (1910)

« Hãy xin báo đáp ân-tình cho phu (1911)

Trước khi dẫn vào chực ở viên-môn, bọn quân lính phụ trách việc giải tù đã diêm danh từng người xem thiếu đủ thể nào. Đó là theo phép-tắc nhà binh, việc gì cũng phải có qui-tắc.

— Chi tiết này cho biết là mọi việc sắp đặt sẵn sàng đâu đó cả rồi, quân lính chỉ chờ hiệu-lệnh là hành-động theo chương-trình định sẵn.

1909) *Xử quyết* là xử trí quyết đoán về những người có ân cần phải trả, có oán cần phải báo thù.

Báo đền là báo đền ơn đức những người ân nhân.

Cho mình là cho rõ ràng, sáng suốt : cho mình bạch xứng đáng.

Từ.Hải để toàn-quyền cho Kiều xử-trí việc đền ơn báo oán. Có lẽ vì Từ không biết rõ ai là thù ai là bạn, và cũng không rõ thù oán nặng nhẹ thế nào, ân đức lớn nhỏ làm sao, e xử-đoán không được công minh chẳng, nên ủy toàn-quyền cho Kiều việc đó.

1910) *Uy linh* là cái oai thiêng-liêng như oai của thần-thánh, ý, nói cái oai thế lớn lao màu nhiệm.

Kiều coi oai Từ.Hải là uy linh, oai thiêng là đúng lắm, vì nàng cầu xin Từ điều gì là được như ý điều đó.

1911) Kiều xin phép Từ.Hải hãy báo ân trước đã.

Cho phu là cho bố, cho xứng đáng.

Cung Oán có câu :

Cho phu công kẻ nhúng tay thùng chàm.

Báo ân rồi sẽ trả thù

Từ rằng : việc ấy phó cho mặc nàng

Cho gươm mời đến Thúc-lang (1912)

Mặt như chàm đỏ, mình như ong giẽ run (1913)

Báo ân rồi sẽ trả thù.

Từ rằng : việc ấy phó cho mặc nàng.

Kiều đặt câu văn lục bát trong hai câu này, thật là mới mẻ như những câu văn lục bát mới nhất ngày nay. Nhưng theo kỹ thuật văn lục-bát cổ, thì hai câu này có người chê là có bệnh.

1912) *Cho gươm mời đến Thúc-lang.*

Ài cho gươm? Theo văn-lý đoạn văn này thì đó là Từ-Hải cho gươm. Từ nói xong, rồi *cho gươm*. *Cho gươm* là đưa thanh gươm vĩa (gươm ra lệnh) cho quân cầm đi làm tin. Gươm là gươm của Từ-Hải và Từ-Hải là chủ tướng, vậy theo lý cũng à Từ-Hải cho gươm mời. Điều chắc chắn là Từ - Hải hành-dộng, ra lệnh mọi việc do sáng-kiến và ý-định của Kiêu, như một kẻ thừa hành vậy.

Thúc lang tức chàng Thúc.

1913) Chàng Thúc được mời, chớ không bị trắng trời điệu giải ấy thế mà chàng sợ, mặt tái xanh như đồ chàm, người run lên như chim giẽ bị tên.

Tại sao chàng sợ hãi quá đến như thế? Chắc chàng sợ bị Từ Hải giết? nhất là chàng lại được mời trước tiên, chưa hiểu câu truyện lành dữ, hay dở ra thế nào. Chàng là người văn nho có lẽ chỉ nhìn thấy thanh gươm lệnh của tẹn quân ra mời, cũng đã đủ chết khiếp rồi.

Chi tiết này tác-giả đưa ra rất đúng.

Một người nhu-nhược, nhút nhát đến vợ cũng còn sợ thì đến chỗ ba quân gươm giáo như rừng cũng đủ khiếp đảm rồi. Huống chi chàng lại có thể nghĩ thăm trước kia chàng đã dám lấy Kiêu, có lẽ nay, Từ-Hải gọi tới trừng phạt chăng? Hoặc Từ-Hải sẽ hạch tội chàng sao lại dung túng cho vợ hành hạ đây dọa Kiêu.

Dù sao thái-độ sợ hãi nhút nhát này cũng rất hợp với tư-cách Thúc-Sinh, một công-tử nhà buôn chỉ khoẻ tiêu tiền còn rất yếu bóng vĩa.

- Nàng rằng: « Nghĩa trọng nghìn non (1914)
 « Lâm-Truy người cũ, chàng còn nhớ không ?
 (1915)
 « Sấm Thương chàng vẹn chữ lòng. (1916)
 « Tại ai, há dám phụ lòng cố-nhân ? (1917)

1914) Ôn Nghĩa nặng bằng nghìn quả núi, ý nói ơn nghĩa nặng lắm.lắm.

Có lẽ Kiều cảm cái ơn nghĩa Thúc-Sinh đã chuộc nàng ra khỏi lầu xanh cho nên mới nói như vậy.

Người ta thấy Kiều lúc này vẫn có ý yêu-kính Thúc-Sinh như trước,

Câu này bình như lạc vận, vì vần câu trên là run mà đây hạ vần non.

1915) Kiều hỏi Thúc-Sinh có còn nhớ người cũ ở Lâm-Truy không ?

Người cũ tức cố-nhân là người bạn thân yêu xưa.

Câu này nhắc lại tất cả quãng đời Kiều chung sống với Thúc-Sinh ở Lâm-Truy. Hỏi thế hẳn nàng cũng thấy rạo rạo trong lòng. Và Thúc-Sinh tất cũng Không khỏi xúc động.

1916) Sấm Thương 參商 là sao Hóm và sao Mai. Người xưa tin rằng sao Hóm và sao Mai, là hai ngôi sao khác nhau một gọi là sao Sấm, một gọi là sao Thương hai ngôi sao đó không bao giờ gặp nhau. Đây mượn đề nói sự xa cách.

Chàng vẹn chữ Tông là chàng trọn vẹn đạo tông-phu, ý nói Kiều không trọn đạo làm vợ Thúc-Sinh.

Cả câu : Kiều không trọn đạo làm vợ Thúc-Sinh phải xa cách chàng.

1917) Là tại ở ai, chớ nàng không bao giờ dám phụ lòng Thúc-Sinh. Câu này lại nhắc chữ cố-nhân. Trong chữ cố-nhân ấy như có chứa-chất nhiều ý nghĩ thương yêu nhớ tiếc lắm. Kiều nhắc đến chữ ấy bằng tất cả mỗi cảm-tình nồng-hậu của người cũ lâu ngày gặp nhau. Xét cho kỹ, Kiều với Thúc-Sinh thủy chung vẫn không ai phụ ai, khi ở Lâm-Truy cũng như khi ở Quan-Âm các, tình nghĩa hai bên vẫn thăm-thiết mặn-mừng

-
- « Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân,
 « Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là !
 « Vợ chàng quý quái tình ma,
 « Phen này kẻ cấp bà già gặp nhau ! (1918)
 « Kiến bỏ miệng chén chưa lâu, (1919)
-

Lời Kiều nói rất thành-thực. Tại ai ? chứ nàng thì không bao giờ nỡ bỏ Thúc-Sinh mà đi

Ái đây, Kiều muốn nói bóng đến Hoạn-Thư là người đã phá cuộc tình-duyên êm-đẹp của nàng với Thúc-Sinh. Kiều coi Thúc-Sinh là ân nhân số 1 của nàng, điều đó cũng không có chi lạ. Chính nhờ Thúc-Sinh mà Kiều đã được nếm trái, lần đầu tiên trong đời cái hạnh-phúc làm vợ, và được sống lần đầu cuộc đời ấm cúng của gia đình. Với Thúc Sinh nàng đã được hưởng những ngày tươi đẹp êm dịu nhất của tuổi xanh. Có lẽ đến giờ phút này, nàng vẫn thương yêu, nhớ tiếc chàng Thúc. Mỗi tình của nàng đối với chàng Thúc có lẽ còn nồng nàn hơn là đối với họ Từ và hẳn là khó quên hơn là mối tình đối với Kim-Trọng.

Đúng như lời Kiều nói, nghìn cân bạc trăm cuốn gấm chỉ là tổ chút lòng báo ân, chứ đối với Thúc-Sinh, thực Kiều không biết tìm cách gì để tạ lòng cho xứng đáng được.

1918) Ngạn-ngữ có câu : « Bà già bắt được kẻ cấp ý nói một việc không ai ngờ là có thể xảy tới,

Việc Kiều đòi Hoạn-Thư lên phản hỏi tra vết cũng như việc bà già bắt được kẻ cấp, là việc không ai ngờ là có thể có được.

1919) Trên kia Hoạn-Thư đã nói về Kiều :

« Kiến trong miệng chén có bỏ đi đâu »

Nay Kiều lại nói về Hoạn-Thư bằng động-diện tương-tự :

Kiến bỏ miệng chén chưa lâu

Hình như là được lúc Kiều day nghiêng lại để trả miếng Hoạn-Thư.

« Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa » (1920)

1920) Câu này bản Kinh chép :

Nghĩa sâu đánh trả ơn sâu cho vừa.

Chép như vậy, bình như sai với tinh thần đoạn văn.

Nói như vậy, chẳng hóa ra Thúy-Kiều định trả ơn Hoạn-

Thư ư ?

Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.

Mưu sâu tức mưu thâm. Mưu thâm thì họa diệt thân, mưu sâu đáng lẽ tai và cũng sâu mới phải ?

Đây Kiều lại nói lấy *nghĩa sâu* mà trả cho vừa *mưu sâu*

Vậy ý Kiều định trả ơn hay định trả thù Hoạn-Thư ? Nội vài bản dịch Pháp văn hiểu *nghĩa sâu* là trả thù, là báo đáp lại. Chúng tôi không hiểu căn cứ vào đâu mà giảng như thế.

Theo ý chúng tôi thì Kiều không hề có ý định trả ơn Hoạn-Thư. Nàng đã báo với Thúc-Sinh.

Vợ chàng quý quá tính ma.

Và dưới đây ta sẽ thấy :

Chinh danh thủ phạm tên là Hoạn-Thư.

Hoạn-Thư được coi là kẻ thù số 1 hoặc tội phạm số 1. Cố nhiên Hoạn-Thư không phải là người mà Kiều mời đến để trả nghĩa.

Nói : *Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.*

Kiều không nói lầm, mà tác-giả cũng không nói lầm.

Đó chỉ là nói một cách nói trào lộng mà thôi. Được dịp thì miếng nhau, bình như lúc này Kiều cố ý dùng lời chua cay mát mẻ để chọc tức Hoạn-Thư cho bỏ hờn. Bởi vì trước kia Hoạn-Thư cũng dùng lối chua cay mát-mẻ ấy để đánh ghen với Kiều. Nàng dụng ý nhắc lại lời Hoạn-Thư trước kia (có lẽ câu này là câu nàng đã nghe lỏm được ai thuật lại chẳng ?)

Kiến bỏ miệng chén chưa lâu.

Nàng cố ý pha trò một cách mát mẻ :

Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.

Nàng tự nhận là bà già và gọi Hoạn-Thư là kẻ cắp.

*Thúc-sinh trông mặt bấy giờ,
Mồ-hôi chàng đã như mưa ướt đầm. (1921)
Lòng riêng mừng sợ khôn cầm
Sợ thay mà lại mừng thăm cho ai. (1922)*

Nàng nói mát mẻ với Thúc.Sinh rằng nàng sẽ phải *trả nghĩa Hoạn thư* cho xứng đáng với mưu sâu của ả.

Hai tiếng *trả nghĩa* đây hàm một ý vị mai mỉa sâu cay, chứ không phải là lời nói thành thật.

Cũng như người ta thường nói bằng giọng trào-lộng khi đi đưa ma một người bình sinh hay làm những điều độc ác, chết đi không ai thương tiếc !

«Đi đưa đám đề *trả nghĩa* ông ta một chút!»

1921) Chính vì nghe Kiều nói bằng giọng mỉa-mai mát-mẻ đó, mà Thúc.Sinh phát sợ, và mồ hôi ra ướt đầm cả người

Chàng chưa hiểu Kiều định xử-trí với Hoạn Thư như thế nào. Giá nàng cho biết rõ ý định của nàng, thì chàng cũng bớt sợ, vì biết trước việc sẽ xảy ra. Đầu này Kiều lại nói lững lơ, mát mẻ như đùa, khiến Thúc.Sinh hoang mang không hiểu ra thế nào, nên càng lo cho Hoạn-Thư.

1922) Tuy nhiên chàng cũng lại lấy làm mừng nữa.

Chàng lo thay cho ai (tức Hoạn-Thư) vì chưa biết Hoạn-Thư sẽ bị trừng phạt như thế nào.

Chàng mừng thăm cho ai (tức Kiều) vì thấy Kiều hiện giờ được sung sướng, oai quyền, thấy Kiều sắp *trả* được mối thù cũ.

Sợ thay mà lại mừng thăm cho ai

Trong câu này lần đi hai chữ *cho ai* ở về trên.

Sợ thay tức là *sợ thay cho ai* đối với *mừng thăm cho ai* ở về dưới.

Thúc-Sinh, có thể gọi Hoạn-Thư và Kiều là « ai » được. Vì thật ra hai người đàn bà đó trước đều là vợ chàng.

Bản Tản-Đà chưa « *sợ thay* » là Thúc.Sinh sợ cho chàng chứ không phải sợ thay cho ai Chưa thể hình như sai.

Mụ già, sư trưởng thứ hai (1923)

Thoắt đưa đến trước vội mời lên trên ; (1924)

Dắt tay mở mắt cho nhìn :

« Hoa-Nô kia với Trạc-Tuyền cũng lời, (1925)

Lúc mới vào hầu việc, chàng sợ đã đành. Nay được Kiều ơn-tồn kẻ-lề ơn nghĩa và lại tặng bạc tặng gấm trả ơn thì chàng còn sợ hãi nỗi gì nữa ?

Chàng sợ đến vậy mờ hơi chính là vì nghe lời nói mát của Kiều mà sợ thay cho số phận Hoạn-Thư.

1923) *Mụ già* tức mụ quản-gia nhà Hoạn phu-nhân.

Sư trưởng tức sư Giác-Duyên.

Thứ hai là vào lượt thứ hai. Thúc-Sinh vào đầu tiên. Thứ hai đến mụ quản-gia và sư Giác-Duyên vào cùng một lúc.

1924) Hai người vừa được đưa vào thì Kiều liền mời ngồi ngay lên phía trên, tức lên địa-vị cao như những quý khách. Kiều tỏ vẻ tôn kính hai vị này.

Trước đó, Thúc-Sinh sao không được nàng mời ngồi ? Thúc-Sinh là đàn ông người còn trẻ và lại là chồng trước của Kiều, nên dù quý mến bao nhiêu nàng cũng không tiện mời ngồi. Hai người này là đàn bà và lại có tuổi nên Kiều tỏ vẻ tôn kính và bã lã thân mật hơn, không, sợ người ngoài dị-nghị.

Xử đối như vậy, kẻ nàng cũng tinh-tế sáng suốt thay.

1925) *Dắt tay mở mắt cho nhìn* Kiều dắt tay hai bà già mở mắt ra cho hai bà nhìn rõ mặt mình. Chỉ mới thân mật làm sao !

Theo năn lý câu này thì hình như thời bấy giờ đàn bà khi ra trước công chúng thường che mặt bằng chàng mạng để thôn hạ khỏi nhìn thấy.

Điều đó không biết có đúng không ; điều chắc chắn là đời Minh có dấu khi về nhà chồng mặt có che một vuông vóc điều như thấy tả trong các tiểu thuyết thời ấy.

Hoa nô là tên Kiều khi hầu hạ ở nhà Hoạn Phu-nhân, Kiều xưng tên với mụ quản gia. vì trước mụ biết Kiều với cái tên đó.

- « Nhớ khi lỡ bước xây vời, (1926)
 « Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương, (1927)
 « Nghìn vàng gọi chút lễ thương,
 « Mà lòng Phiếu-mẫu mấy vàng cho cân? » (1928)
 Hai người, trông mặt tần-ngần.
 Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui. (1929)

Trạc-Tuyền là pháp danh của Kiều, Nàng xưng danh với Giáo-Duyên như thế, vì Giáo-Duyên trước đây chỉ biết nàng là tiểu Trạc-Tuyền.

1926) *Lỡ bước* là khi Kiều trốn khỏi Quan-Âm-Các bơ vơ chưa biết đâu là nhà, may được Giác-Duyên cho nương náu ở Chiêu ân-Am.

Sây vời là ngã khỏi địa vị mình *Vời* tức là *Vị* đọc tranh ra. *Vị* dịch chữ *Vị* là ngôi, chỗ ở, địa vị. *Sây vời* là đang ở địa vị mình té nhào xuống, ý nghĩa cũng gần như sa cơ thất thế. *Sây vời* là khi Kiều bị đánh thuốc mê điệu về làm tôi tớ nhà Hoạn phu-nhân. Kiều nói câu này cho cả hai bà già nghe một lúc.

1927) Tấm lòng thương xót của hai bà đối với Kiều, giá có núi vàng đền đáp cũng chưa xứng đáng, Kiều nói ơn đức hai bà to tát quý hóa hơn vàng.

1928) Kiều tặng mỗi người nghìn lạng vàng và bảo đó là chút lễ xoàng. Chớ tấm lòng phiếu-mẫu thì đền bao nhiêu vàng cũng chưa đủ.

Phiếu mẫu hay *Xiếu mẫu* 孝母 là mẹ thợ giặt. Không phải tên riêng của người nào Đời Hán khi Hàn-Tin còn hàn-vị đi cầu ở chân thành, có một bà lão thợ giặt thương tình Hàn-Tin đói, gọi về cho ăn cơm. Sau Hàn-Tin giúp Hàn-Cao Tổ dựng nước được phong Sở-Vương, mời bà thợ giặt ấy đến biếu nghìn lạng vàng để tạ ơn.

Trong ba câu, có 3 chữ *vàng*, có người chê là trùng điệp.

Chúng tôi cho rằng tác giả dụng ý nhắc đi nhắc lại chữ *vàng*, để gây cho người đọc một ấn-tượng mạnh mẽ về *vàng*. Vì thật ra lúc ấy, trước mặt hai bà, có hai đồng vàng, mỗi đồng nghìn lạng, như thế kể đã nhiều vàng. Ba chữ *vàng* trong ba câu dù sao cũng khiến độc giả chú-ý đến hai đồng vàng đồ xỏ đó.

1929) Hai bà mặt lộ vẻ tần-ngần. Có lẽ vì không biết nghĩ ra làm sao, không biết nói thế nào, không biết có nên

Nàng rằng : « Xin hãy đón ngồi,
 « Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù ! » (1930)
 Kíp truyền chư tướng hiển phù, (1931)
 Lại đem các tích phạm . tù hậu tra, (1932)

nhận vàng không, và cũng không ngờ lại gặp Kiều ở chỗ quân-trung oai nghiêm đáng sợ như vậy.

Vì thế mà nửa phần khiếp sợ nửa phần mừng vui.
 Khiếp sợ vì bị mời đến chỗ quân ngũ.
 Mừng vui vì thấy Kiều được sung sướng.
 Và mừng vui vì được Kiều biểu vàng.

1930) Kiều mời hai bà ngồi đón lại để xem nàng báo thù
 « Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù »

Lời nói của Kiều được ý khi tự-đắc, tự-hào.

Đọc đến đây có người chê nàng tầm thường. Điều đó đúng. Kiều chỉ là một người con gái đa tài, đa tình, còn ngoài ra nàng vẫn là một người tầm thường như bao người con gái khác. Nàng có phải là một nhà đạo đức hay một bậc anh hùng đâu ? Nàng cũng có những cái nhỏ nhen của người đời.

1931) *Hiển Phù*. *Hiển* là đánh. *Phù* là những quân địch bắt được trong khi đánh trận, cũng như bây giờ ta gọi là *tù binh*. *Hiển-Phù* nguyên là một cuộc lễ. Sau khi cất quân đánh giặc, dắt thắng trở về, người ta đem những địch-quân bắt được (tù binh) đến tế cáo thành công trước ban Trời Đất Tò-Tiên. Lễ ấy gọi là lễ *Hiển Phù*.

Đấy *phù* trở những người mà quân lính đã bắt được. Hình như đây Từ-Hải và Kiều cũng truyền cho quân - sĩ đem những người đã bắt được về, làm lễ *Hiển-Phù* trước bàn thờ Trời đất Quý Thần, trước khi đem làm tội.

Bởi thế câu dưới khởi đầu bằng chữ « *lại* » ý nói ngoài lễ *hiển-phù* hoặc làm lễ *hiển-phù* xong, mới lại đem xét cáo tích phạm-tù.

1932) *Các tích* cũng như nói các việc, các vụ. *Phạm-tù* tức là *phù* trở những người bị bắt cầm tù vì phạm tội.

Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,
 Chính danh thủ-phạm tên là Hoạn-thư, (1933)
 Thoạt trông nàng đã chào thưa :
 « Tiểu-thư cũng có bấy giờ đến đây ? (1934)

Hậu tra 候查 là đợi để tra xét ý nói các tù-phạm đứng đợi để được tra xét.

1933) Chính danh thủ-phạm tức là tên tù-phạm chính.

Hoạn-Thư bị liệt làm thủ phạm số 1. Điều này bình như chưa được công-minh cho lắm. Xét cho kỹ, Kiều bị mười mấy năm lưu lạc giang hồ là do thằng bán tơ và viên quan xử vụ kiện thằng bán tơ. Hai người này vì nhiều lý do chưa bắt được ; người có trách-nhiệm lớn thứ nhì về cuộc đời giang-hồ của Kiều là Mã-Giám-Sinh và Tú-Bà. Hoạn-Thư xét ra chỉ phá cuộc tình-duyên giữa Kiều và Thúc-Sinh chứ thật ra không làm hại đến cuộc đời con gái của Thúc-Kiều. Vả chẳng nếu cuộc tình duyên giữa-Kiều và Thúc-Sinh được trọn vẹn, thì Kiều làm sao trả được ân, oán như lúc này ? Kiều sẽ suốt đời làm vợ lẽ Thúc-Sinh dưới quyền Hoạn-Thư.

Dù sao thì Hoạn-Thư cũng chỉ là một người vợ cả đánh ghen với vợ lẽ. Bản tâm nàng không muốn thế. Chỉ vì Thúc-Sinh đêm ngày giữ mực giấu quan, khiến nàng phẫn-nộ rồi đánh ghen.

Đành rằng Hoạn-Thư sau được miễn tội, song riêng việc liệt nàng làm kẻ thù số 1, đã chứng tỏ sự kém công-minh sáng-suốt của Kiều. Nàng đã vâng theo tình-cảm (yêu ghét) hơn là lý-trí.

1934) Vừa trông thấy Hoạn-Thư, Kiều đã chào trước rồi Tiểu-Thư cũng có bấy giờ đến đây,

Nàng chào hỏi một cách mỉa-mai mát-mẽ. Trong lời nói của nàng có ngụ ý kiêu-ngạo, tự-đắc. Tiểu-Thư mà bấy giờ cũng đến đây ư ? Trượng Tiểu-Thư thì bao giờ lại phải đến đây như thế này ? Kiều muốn hỏi Hoạn-Thư như vậy.

- « Đàn bà dễ có mấy tay,
 « Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan ?
 « Dễ dàng là thói hồng-nhan,
 « Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều ».
 Hoạn-Thư hồn lạc phách xiêu,
 Khẩu đầu dưới trướng, liệu điều kêu ca : (1935)
 Rằng : « Tôi chút phận đàn-bà,
 « Ghen tuông thì cũng người ta thương tình,
 « Nghĩ cho khi gác viết kinh, (1936)
 « Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo, (1937)

Dù Kiều dùng lời mát - mẻ chào hỏi Hoạn - Thư, song cái ý khi kiều ngạo đả >chí của nàng vẫn lộ ra lời nói. Nếu so - sánh với Hoạn - Thư, thì dù muốn làm ra thâm hiểm đến đâu, bụng dạ Kiều cũng vẫn nông-cạn. Có lẽ là vì cái bản chất của Kiều là đa cảm, đa tình chẳng »

Mấy lời Kiều khen Hoạn-Thư. Kiều muốn làm ra những lời chưa chất mát mẻ. Song nó vẫn cứ đứng đắn, thật thà, chẳng có chi là trào lộng, rí rỏm. Điều đó chứng tỏ rằng dù sao Kiều cũng không thể học đòi Hoạn Thư : Thúy chung Kiều vẫn là Kiều.

1935) Hoạn-Thư khẩu đầu trước mặt Kiều. Khẩu đầu là lay đầu chạm mặt đất, lay hết sức tôn kính. Trước kia, nàng được Kiều lay nhiều rồi.

Nay nàng mới phải lay Kiều một lần. Kề ra cũng chưa có gì đáng hổ-thẹn cho lắm.

1936) Hoạn-Thư có ý nhắc lại lần nàng bắt gặp quả tang Thúc-Sinh đang tình tự với Kiều ở Quan-âm-Các, mà nàng không hề nói năng giận dữ gì. Trái lại nàng đã ngợi khen Kiều hết lời.

1937) Hoạn-Thư nói sau khi Kiều trốn khỏi Quan - Âm - Các nàng cô ý bỏ qua việc đó. (dứt tình) không cho người đuổi theo bắt bớ.

- « Lòng riêng riêng những kinh ghê; (1938)
 « Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai, (1939)
 « Trót lòng, gây việc chồng gai,
 « Còn nhờ lượng bề thượng bái nào chẳng ? » (1940)
 — « Kheo cho thật đã nên rằng.
 « Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời, (1941)

1938) Hai việc đó, chứng tỏ rằng Hoạn-Thư, vẫn kính yêu thăm Thúy-Kiều;

1939) Nếu Thúy-Kiều gặp Hoạn-Thư trong những trường-hợp khác thì có lẽ không xảy ra những việc đáng tiếc như trước. Nhưng vì hai người đã lấy chung một chồng. Mà lấy chồng chung thì ở đời dễ đã ai chiều ai? Có ý nói ngay Kiều mà ở vào địa vị Hoạn-Thư thì nàng cũng sẽ ghen tuông như thế.

1940) *Lượng bề* là lượng rộng như bề.

Dịch ý chữ *Hải hàm chi lượng* là cái lượng bao-dung rộng như lượng bao dung của bể cả. Xét lời kêu ca của Hoạn-Thư, ta thấy văn tắt mà đầy đủ, lời ít mà ý nhiều.

Đàn bà thì ai không có tính ghen? Chồng chung thì ai đã chiều ai? Nàng lại nhắc hai việc nàng tha thứ cho Kiều trước kia để chứng tỏ rằng ngoài việc chồng chung ra, nàng không thù ghét gì Thúy-Kiều.

Thật là đủ cả tình lý. Cầu xin mà không khúm-núm. Khiêm-tốn mà không nịnh-bót. Cứng-cỏi mà không khiến người ta giận. Cúi lạy mà không dễ người ta khinh. Thái độ bình-tĩnh mà chừng-chắc. Nói năng lễ độ mà danh-thếp. So với thái độ nhút-nhát hoang-mang của Thúc-Sinh, khác nhau một vực một trời.

Hoạn-Thư đáng trọng bao nhiêu, thì Thúc-Sinh đáng khinh bấy nhiêu.

1941) Kiều khen Hoạn-Thư rất mực khôn ngoan, nói năng phải lẽ.

« Tha ra thì cũng may đời,
 « *Làm ra mang tiếng con người nhỏ nhen*, (1642)
 « *Đã lòng tri quá thì nên...* » (1943)

— Có lẽ tác-giả cố ý liệt Hoạn-Thư vào thủ-phạm số 1 để định đề-cao lượng cả bao-dung của Kiều. Vì nghe lời khai của Hoạn-Thư mà sao Kiều tha tội cho nàng.

Nhưng chúng tôi nhận thấy rằng chính việc liệt Hoạn-Thư làm thủ-phạm số 1 đã vô tình đề-cao Hoạn-Thư, và hạ thấp Kiều. Một tên chính-danh thủ phạm mà sau khi dùng ba tấc lưỡi, đã khiến người thù phải ngợi khen và tha tội cho. Một người hành-động như thế, nói năng như thế, thái-độ như thế, mà Kiều lại liệt làm kẻ thù số 1, chả hóa nàng kém sáng suốt lắm sao? Chả hóa nàng chỉ căn cứ vào sự ghét riêng mà làm tội sao?

1942) Nhiều bản chép :

Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.

Một câu hai chữ *ra*, hai câu liền ba chữ *ra* nghe kém hay. Nên chúng tôi tưởng chép *mang tiếng con người nhỏ nhen, thì hơn*.

— Kiều nói đúng lắm. Tha hay làm tội lúc này là quyền tuyệt đối của Kiều. Dù không có tội mà giết cũng vẫn được. Song còn có công luận phẩm-bình sau này.

Tha Hoạn-Thư thì kẻ cũng may cho nàng thật.

Nhưng làm tội (làm ra) nàng thì Kiều sau này sẽ *mang tiếng là người nhỏ-nhen*. Chính việc liệt Hoạn-Thư làm kẻ thù số 1 đã làm Kiều nhỏ nhen một phần rồi. Việc Kiều tha Hoạn-Thư xét kỹ ra không phải là một việc làm ơn. Mà cũng không phải một việc rộng lượng.

Đó chỉ là một việc Kiều, tự cứu vãn danh-dự mình. Ý nghĩa cũng phẳng-phất giống ý nghĩa câu :

« *Đuổi chẳng được tha làm phúc* »

1943) *Tri quá* 知過 là biết lỗi mình, biết mình có lỗi. Kiều bảo Hoạn-Thư đã biết lỗi thì tốt.

Thật ra, trong lời kêu ca của Hoạn-Thư, nàng không hề nhận là nàng có tội. Nàng đã tự bào-chữa và viện cớ đỡ

Truyền quân lệnh xuống trước-tiền tha ngay
(1944)

Tạ lòng lay trước sân mây, (1945)

chứng minh rằng nàng vẫn kính-yêu Thúy-Kiều. Nàng chỉ nói « Trót lòng g'ý việc chông gai », ý nói nàng trót gây nên những việc rắc-rối. Nàng nhận nàng có gây nên những việc « Chông gai ». Nhưng thủy-chung nàng vẫn không nhận đó là tội-lỗi của nàng.

Đã lòng tri quá thì nên

Chẳng qua, thấy không có lý do gì có thể làm tội Hoạn-Thư được, Kiều đành phải đưa lý-do ra tha nàng. Lý-do đó Kiều tự tìm, tự tạo, chớ thật ra Hoạn-Thư không hề nhận lỗi.

1944) *Quân lệnh* là lệnh trong quân, lệnh của Chủ-tướng truyền cho quân sĩ.

Trước-tiền là ngay ở trước trước, ngay trước chỗ xử việc.

Trước-tiền tha ngay : là tha ngay tại chỗ.

1945) *Sân mây* ý nói sân cao, đây có thể chỉ là sân thường, đem-thêm chữ mây cho đẹp lời văn và cho hợp vần. Cũng như « sân hoa » hay « sân mai ».

Sân mây có lẽ mượn ý ở chữ Hán « vân đài » hoặc « vân mao ».

Vân đài 雲臺 là tên một cái đài cao ở trong cung vua Hán. Đài cao ngất mây nên đặt là *Vân-Đài*. Có lẽ đây mượn ý mây ở *Vân đài* để so.sánh cung-diện Từ-Hải với cung điện nhà Hán.

Cũng có thể là mượn ý chữ « *Vân mao* » là một chức võ-lương « *Vân mao tướng quân* » đời Lương, đời Đường. Có lẽ mượn chữ mây để nói sân nhà quan tướng-quân (Từ-Hải.).

Hoạn-Thư được Kiều tha tội, liền lay tạ ở trước sân. Thế là mất hai lay, Hoạn-Thư được vô can.

— Cử chỉ này của Kiều tội nay được thiên-hạ khen là cao đẹp, biểu-lộ cái lượng rộng rãi bao-dong.

Cửa viên lại dặt một dây dẫn vào,
 Nàng rằng : « Lồng-lộng trời cao, (1946)
 Hại nhân, nhân hại sự nào tại ta ?
 Trước là Bạc-Hạnh, Bạc-Bà
 Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở-Khanh.

Thật ra, Kiều làm việc đó là một sự vạ bất đắc dĩ. Không lẽ Hoạn-Thư kêu ca phải lời như vậy mà lại làm tội nàng không lẽ trả ơn Thúc-Sinh bằng cách giết vợ chàng. Dù thì ghét Hoạn-Thư vô cùng, Kiều cũng không thể đem nàng chém giết được.

1946) Lồng - lộng trời cao mượn ý câu « Trăm trăm thanh thiên bất khả khi » 湛湛青天不可欺 lồng-lộng trời xanh không thể dối được ; hoặc mượn ý câu : thiên võng khổi khổi, sơ nhi bất lậu » lưới trời lồng-lộng, thưa mà chẳng lọt ra được.

Hại nhân nhân hại 害人入害 mình làm hại người ta. người ta làm hại mình, ý nói việc công-băng và việc đời là do quả-báo.

Kiều bảo tội vạ đều do các « người » gây nên, chứ không phải « tại ta ». Nếu các người không làm hại người ta. thì khi nào người ta làm hại các người ? Nếu cho người chỉ làm hay làm đẹp cho người thì bao giờ người ta làm hại các người được.

Kiều nhắc đến lý công-băng và nguyên nhân tội ác của bọn tội-phạm.

Xét kỹ ra thì lý-luận đó vị tất đã đúng-xác. Kiều thì dĩ-nhiên là từ thuở bé đến khi lớn lên chưa từng làm hại ai, ấy thế mà sao ra đời nàng bị bao nhiêu người làm hại ? !

Và vừa mới lúc trước đây, Hoạn-Thư đã làm hại Kiều sao nàng lại được miễn tội ?

Vả chẳng, nếu nguyên-tắc « hại nhân nhân hại » được áp-dụng triệt-đề thì đời chỉ còn là một trường tranh đấu trả - thù ghê - gớm, làm chi còn có những tình - cảm cao thượng đẹp đẽ như bác-ái, từ-bi, nhân-đức... ?

*Tú-Bà cùng Mã-giám-sinh
Các tên tội ấy đáng tình còn sao ?
Lệnh quân truyền xuống nội đao (1947)*

1947) Có bản chép là *truyền xuống khai đao* nghĩa là truyền đem xuống chém đầu, chép thế thì vội-vàng quá, có lẽ không hợp với thực-trạng bấy giờ.

Nội-đao là quân đao-phủ hầu-hạ hộ vệ nơi nội cung, tức là đội quân đao phủ tâm-phức của chủ tướng.

Lệnh quân tức là quân-lệnh, lệnh của chủ-tướng ra cho quân sĩ.

Tuy rằng việc xử đoán do Kiều chủ-tọa song mọi mệnh lệnh đều do Từ-Hải theo ý Kiều truyền ra gọi là *quân-lệnh* và *lệnh quân*.

— Trong số tội-phạm ấy người ta thấy có mấy tên hình như không « *đáng tình* ». Như Ung, Khuyển. Tú-Bà Ung. Khuyển là đầy-tó nhà Hoạn-Thư. Chúng hành-dộng theo mệnh-lệnh chủ, như Thiên-lôi chỉ đâu đánh đấy. Có phải là bản-tâm chúng định tác ác đâu ?

Chủ mưu việc bắt Kiều là Hoạn-Thư và bà mẹ Hoạn-Thư.

Vậy đáng lẽ mọi tội-lỗi phải qui vào kẻ âm-mưu thủ xướng mới phải.

Đầu này Hoạn-Thư đã được Kiều tha tội cho rồi. Chính danh thủ phạm đã được tha, thì không có lý nào lại đi làm tội bọn đồng-lỏa, nhất bọn đồng-lỏa này chỉ là bọn tội tở thừa hành mệnh lệnh của chủ nhà.

Tú-Bà vốn làm nghề mổ lâu xanh. Bạc-Hạnh, Bạc-Bà không công khai làm nghề đó mà lại đi dụ dỗ con gái đem bán cho lâu xanh kiếm lời thì đáng tội đã đành. Còn Tú Bà thì vốn là một mẹ đầu như bao nhiêu mẹ đầu khác. Đối với Kiều, tuy mẹ đã mất tiền mua, song mẹ đã tỏ ý trọng-đãi đặc-biệt, như việc cho Kiều tĩnh dưỡng tại lầu Ngưng-Bích. Mẹ đã thề với Kiều rằng không bắt Kiều tiếp khách. Và mẹ đã không dám trái lời thề. Việc mẹ bày

mụn với Sở-Khanh thuê ba mươi lạng bạc để Sở-Khanh rủ Kiều đi trốn giữa ban đêm, để rồi mụ đuổi theo bắt Kiều, để rồi Kiều tự ý đoan với mụ « *phận tôi đành vậy vốn người đi đâu* » và « *tấm lòng trình-bạch từ sau cũng chưa* », việc đó chứng tỏ rằng Tú-Bà không hề dám trâng-tráo « nuốt » lời thề. Trái lại mụ vẫn còn giữ được chút liêm-sĩ; nếu mụ bắt cổ liêm-sĩ, thì can chi mụ phải thuê tiền Sở-Khanh? Mụ cứ bắt Kiều phải ra tiếp khách có được không?

Đến khi Kiều ra tiếp khách rồi, Kiều được mụ « *tò lục chuốt hồng* » coi quí coi trọng nhất nhà, đến nỗi Thúc-Sinh tưởng là con đẻ của mụ. Đành rằng Tú-Bà quí báu Kiều là vì Kiều làm nôi đình đám nhà mụ, song ít nhất cũng phải nhận rằng như vậy là mụ biết của biết người.

Kiều bắt tội Tú-Bà thật oan cho mụ.

Tú-Bà bị làm tội, thì mụ chủ hành-viện ở châu Thai, mụ chủ đã nhận tiền Từ-Hải chuộc Kiều sao lại được ngừ đi không hỏi tội?

Hay là Kiều tội Tú-Bà về trận đòn mụ đã hành Kiều? Nếu vậy trận đòn « *ba chục tróc cón* » của Hoạn phu-nhân cũng cần được báo-phục mới phải. Sao bà mẹ đẻ Hoạn-Thư lại được vô can?

Sau hết, sao Kiều cho phép chính-danh thủ phạm là Hoạn-Thư được quyền lên tiếng bào chữa cho mình, mà không cho phép bọn Ung, Khuyển, Tú Bà ... tự bào chữa? Vì lời bào-chữa của Hoạn-Thư mà Kiều tha tội cho. Biết đâu nghe lời bào chữa Tú-Bà của Ung, Khuyển, Kiều lại không miễn-tội cho họ? Chính-danh thủ-phạm còn được lên tiếng bào chữa thì sao bọn thủ-phạm hạng nhì hạng ba lại không được hưởng đặc quyền ấy hay đặc ân ấy?

Tóm lại việc báo ân báo oán của Thúy Kiều, bề ngoài tuy là theo nguyên-tắc « *dĩ đức báo đức, Dĩ trực báo oán* » 以德報德以直報怨 của đạo Khổng, song bề trong chưa áp dụng chưa được đúng tinh-thần nguyên tắc ấy.

Dĩ đức báo đức, lấy ân, trả ân thì dĩ dĩ trực báo oán lấy lẽ công-bằng thẳng-thắn mà trả oán, là một việc đòi hỏi nhiều tế-nhị và một tri-phán-đoán thật sáng suốt.

Thề sao thì lại cứ sao gia-hình (1948)

Nếu không thì quan-niệm về chữ « *trục* » rất dễ bị tình cảm và chủ quan làm sai lầm. Như trường hợp Kiều xử tử Ung Khuyển và Tú Bà chẳng hạn.

1948) Bản Hồ-đắc-Hàm giảng là *Thệ-sự* thề thế nào thì gia hình thế ấy. Giảng như vậy là sai.

Thề sao thì lại cứ sao gia hình nghĩa là bọn tội phạm trước kia đã thề với Kiều thế nào thì nay lại cho quân chiểu theo thế mà gia hình ; thí dụ như Mã-giám-Sinh trước đã thề với Thúc.ông và Kiều :

Mai sau dầu có thế nào.

Kìa gương nhật nguyệt nọ dao quỉ thần.

Có điều đáng chú ý là trong bọn tội phạm đó có những người xưa nay chưa từng thề bởi gì trước mặt Kiều hoặc với Kiều, như bọn Ung, Khuyển, Bạc Bà. Vậy không hiểu đối với bọn đó, gia hình theo cách thức nào ?

— Họ thề làm sao nay lại cứ theo lời thề mà hành binh ? Xử lý như vậy liệu có hợp lẽ công bằng không ?

Họ thề « nếu sai lời thì chịu trời chu đất diệt » chẳng hạn, mà nay mình đi xử tử họ, thì mình tự nhận là trời đất, làm cái việc chu diệt kia ư ?

Nếu *Dĩ trục báo oán*, lấy lẽ công bằng chính trực mà trả oán, thì phải chiểu theo luật lệ thời bấy giờ, xem dụ đồ gái tơ làm nghề lầu xanh, hoặc lừa người đem bán, chẳng hạn, thì phải tội tình như thế nào ? Rồi tùy từng tội trạng mà xử đoán,

Đầu này Kiều ra lệnh cho nội-dao chém đầu tất cả bọn kẻ thù, không phân biệt nặng nhẹ tình tiết có chỗ tội đáng täng đáng giảm khác nhau. Như vậy chỉ là *dĩ oán báo oán* mà thôi. *Dĩ oán báo oán* là lấy oán trả oán, người ta đã làm điều không hay cho mình, mình lại làm điều không hay trả người. Ăn miếng trả miếng như vậy, là mình hành-dộng như người, mình đi theo lối chân kẻ làm tội ác.

Luật pháp cho tội xử tử, là tội nặng nhất chỉ áp dụng với kẻ sát nhân « *sát nhân giã tử* » : bọn tội phạm có phạm tội « *sát nhân* » cả đâu ?

Vả chẳng, mục đích của pháp luật và của sự trừng phạt có phải là thủ tiêu những người làm bậy đâu ? Chính là cốt thủ tiêu những thói làm bậy, tức là cải tiến lòng người và cải tiến xã hội. Giết một Tú-Bà một Sở-Khanh có phải là giải được hết bọn Tú-Bà, Sở-Khanh trong xã hội đâu ? Phải làm cách nào cho nghề lầu xanh, nghề buôn phấn bán hương không có điều kiện phát triển và hết lý do tồn tại, thì tự khắc không còn bọn Tú Bà Sở-Khanh.

Dù sao, hình phạt áp dụng đối với bọn tội phạm trên cũng quá nặng và chỉ nhằm mục đích trả thù cá nhân. Nói cách khác, việc báo ân báo oán này, đã làm cho người sau coi thường Thủy-Kiều, và bớt một phần lớn thiện cảm đối với nàng. Đồng thời những việc cam đành chịu đựng của Thủy-Kiều từ trước đến nay, trước ánh sáng vụ này, đã thành những việc bất đắc dĩ, chứ không phải là vì Kiêu có tính thần hy sinh cho đạo hiếu, hoặc có lòng tin tưởng ở thuyết số mệnh hay thuyết nghiệp báo. Thái độ bị động của Kiêu từ trước đến giờ, không phải là thái độ của người « *an thường thủ phận* » « *bất oán thiên, bất ưu nhân* » của đạo Khổng, cũng không phải thái độ của người tín đồ đạo Phật tin ở « *túc trái tiền oan* ». Đó chỉ là thái độ của tâm-hồn nhu nhược uốn mình theo hoàn - cảnh, như cánh hoa theo gió đưa đi. Đến đây gặp gỡ Từ-Hải nhờ cậy binh quyền. Kiêu lại nhu nhược vâng theo tình cảm, dương dương tự đắc bảo với mẹ quản gia, vãi Giác-Duyên :

« *Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù* »

Báo thù lúc này thì ai không báo thù được ? Nếu tự mình có tài có trí, có năng lực, thì đối phó với hoàn - cảnh, tranh đấu với thiên hạ bằng những khi giới tương đương, bằng những lực lượng ngang nhau. Như thế mới tỏ được tài, trí và mới nên tự hào. Đàng này nhờ « *cậy uy linh* » của Từ-Hải, thì có gì mà tự hào tự - đắc ?

Có người nói : « *suốt truyện chỗ nào Kiêu cũng đáng thương : duy chỗ báo ân báo oán là Kiêu đáng ghét* ».

Lời nói chỉ lý thay.

Máu rơi thịt nát tan lành,
 Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời,
 Cho hay muốn sự tại trời,
 Phụ người, chẳng bỏ khi người phụ la !
 Mấy người bạc ác tính ma,
 Mình làm mình chịu kêu mà ai thương, (1949)
 Ba quân đông mặt pháp-trường,
 Thanh thiên, bạch nhật rõ ràng cho coi, (1950)
 Việc nàng báo phục vừa rồi,
 Giác-Duyên vội đã gửi lời từ qui (1951)

1949) Mình làm nên tội thì mình phải chịu tội dù có kêu ca cũng không ai thương.

Tiếc rằng bọn đó chưa được lên tiếng kêu ca như Hoạn-Thư. Nếu được lên tiếng kêu ca, thì may Kiều cũng động lòng thương đấy.

1950) Pháp trường 法場 là chỗ thi-hành pháp-luật, đây trở chỗ làm tội người, chỗ chém đầu các tội phạm.

Ba quân đứng gần bày đông-dủ ở pháp-trường để chứng kiến cuộc hành-hình.

Việc hành-hình tội phạm đã diễn ra công-khai dưới trời xanh, trước ánh sáng mặt trời, mọi người cùng biết. Ý nói pháp-luật thi-hành công-minh không có điều gì oan-uổng hay ám-muội.

— Tác-giả hình như tỏ ý tán-thành việc báo ân báo oán của Kiều và hết sức tìm lời đề cao việc đó.

Người đọc truyện không cho là phải.

1951) Báo phục tức là báo thù.

Đã gọi là thù thì luật-pháp chỉ đóng vai trò phụ thuộc. Vai trò chính trong việc báo-thù là tình-cảm cá-nhân. Đã là tình-cảm cá-nhân thì dễ sai lầm, mù-quáng. Vì yêu nên tốt, ghét nên xấu, không ưa, cái dựa hóa dôi, không có mặc-thước đứng-dẫn để đo thiện, ác nữa.

Nàng rằng: « *Thiên tải nhất thì*, (1952)
 « *Cổ-nhân đã dễ mấy khi bàn-hoàn*, (1953)
 « *Rồi đây bèo hợp, mây tan*, (1954)
 « *Biết đâu hạc nội, mây ngàn là đâu* » ? (1955)

Sau khi dự kiến cuộc báo-phục của Kiều, sư Giác-duyên vội vàng thưa gửi với Kiều xin cáo-từ ra về.

Từ qui là cáo-từ ra về.

— Không hiểu chứng-kiến cuộc hành-hình bọn Tú-Bà, Mã-Giám-Sinh., Giác-Duyên có nghĩ-ngợi gì không ? Theo giáo-lý nhà Phật, cuộc báo thù đó có được công nhận không ? Còn theo Đạo Lão, thì phải *Đi đức báo oán* lấy ơn mà trả oán.

1952) *Thiên tải nhất thì* 千載一時 là nghìn năm mới có một lần, ý nói dịp gặp nhau hiếm có lắm.

1953) *Cổ nhân* là người cũ, bạn cũ. *Bàn hoàn* là quanh quẩn, quẩn-quít vui vẻ với nhau.

Ý nói bạn thân ít có dịp được gần gũi vui vẻ với nhau.

1954) *Bèo hợp mây tan* bèo hợp nhau rồi lại tan đi, mây tụ lại rồi lại tản đi, ý nói hai bên chia lìa, xa cách. Cũng có ý nói sư Giác-Duyên đi đây đi đó không nhất định ở một nơi nào. Nhà sư ngày xưa thường hay đi chu du các nơi gọi là « *vân du* » tức là đi chơi các nơi như cưỡi mây mà đi, Chợt mây đây cũng có ý nhắc đến truyện sư đi vân-du.

1955) *Hạc nội* là hạc ở ngoài đồng nội, ý nói hạc tự do phóng túng ở nơi đồng ruộng bao la, vì với nhà sư tu hành sống ngoài vòng cương tỏa của danh-lợi.

Mây ngàn là đám mây trên ngàn.

Cả câu nói cái tung tích vô-dịnh của người tu hành không biết đâu là sở-cư mà tìm kiếm.

Kiều viện cớ để giữ Giác-Duyên lại chơi. Nhưng sư cho là lời nói thật. Nếu đáp lại rằng trong năm năm nữa hai bên lại có dịp gặp nhau.

Chi-tiết này sẽ cho biết rằng tuy bảo Kiều lánh đi khỏi Chiêu-An-am song Giác-Duyên lúc nào cũng chú ý theo dõi cuộc đời của Thúy-Kiều.

Sư rằng : « Cũng chẳng mấy lâu.

• Trong năm năm lại gặp nhau đó mà !

« Nhớ ngày hành cước phương xa, (1956)

• Gặp sư Tam-Hợp vốn là tiên-tri,

« Bảo cho hội hợp chi kỳ. (1957)

« Năm nay là một, nửa thì năm năm, (1958)

1956) *Hành cước* 行脚 là chân đi, tiếng của nhà chùa, nghĩa như ta nói đi chơi, đi lữ hành. Giác-Duyên nhớ ngày xưa hành-cước phương xa, gặp bà sư Tam-Hợp vốn là người tiên-tri.

Tiên tri 先知 là biết trước việc sẽ xảy ra cho người ta.

1957) *Hội hợp chi kỳ* 會合之期 là kỳ hẹn hội-hợp với nhau, thời kỳ gặp gỡ nhau.

Chỗ này bình như tình-tiết không được tự-nhiên, sát hực.

Giác-Duyên với Kiều xum-hợp với nhau trong có một thời-gian ngắn, rồi Giác-Duyên đuổi kiêu Kiều đi nơi khác vì sợ Hoạn-Thư sinh truyện lời thôi. Tình nghĩa đôi bên xét ra không có gì là khăng khít. Nhất là từ khi Kiều sang trú chân ở nhà Bạc-Bà thì Giác-Duyên không hề đoái hoài tới thăm viếng khiến Bạc-Bà tự do dọa nạt nàng và ép nàng lấy Bạc-Hạnh để Bạc-Hạnh đem nàng bán cho lầu xanh.

Giác-Duyên không tỏ ý gì thân-mật với Kiều, như vậy mà khi hành cước phương xa, sư lại bồi bà Tam-Hợp về truyện nàng, thì kẻ cũng là một sự lạ.

Hướng chỉ người tu-hành chân-chính vốn không hay tọc-mạch đến truyện đời, truyện riêng của người ta.

Tình-tiết này tác-giả sắp-đặt còn có chỗ vụng-về, giả-tạo

1958) Sư Tam-Hợp cho biết trước rằng sư Giác-Duyên năm nay sẽ gặp Kiều và năm năm sau lại gặp nàng lần nữa.

Chi-tiết này chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ ở sông Tiền-Đường như lời Đạm-Tiên đã báo mộng. Điều khiến người đọc phải chú ý là tác-giả hay đưa ra những lời thần mộng, những lời nói tiên-tri, những lời đoán tương số, những lời đồng

- « Mối hay tiền định chẳng lành,
 « Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau, (1959)
 « Còn nhiều ân ái với nhau,
 « Cơ duyên nào đã hết đâu? Vội gì ! »
 Nàng rằng : « Tiền định tiên tri,
 « Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai,

cốt và luôn luôn dành cho những lời đó một sự dùng - xáo tuyệt đối, phù-hợp với việc xảy ra ở đời.

Tác-giả là một nhà nghiên-cứu kho tàng số, khoa tiên-tri, khoa hư-linh học ? Hay tác - giả là một tin - đồ trung thành của Đạo - Giáo, cố ý lấy những thứ đó, để đề cao Đạo Giáo ?

Điều chắc-chắn là tác-giả ít nhất cũng tin-tưởng phương-thuật, cho nên muốn nhân-vật trong truyện và độc-giả cũng tin-tưởng như mình. Người ta thấy tác-giả tin-tưởng Đạo Giáo hơn là Nho-Giáo và Phật-Giáo.

Có lẽ vì thế mà tác-giả muốn nhân-vật của mình hành động theo tình-cảm hơn là theo lý-trí hay đạo lý thánh hiền, và coi Phật-Giáo là một phương-tiện giải khuây tạm thời chứ không phải là một cứu cánh giải thoát.

1959) Tác-giả mượn lời Giác Duyên để tán-dương khoa tiên-dịnh là không lành. Điều trước đã tin được, thì điều sau ắt cũng phải đúng. *Nhằm* tiếng Trung Nam-Bộ nghĩa là đúng.

Tác-giả tin-tưởng hoàn-toàn vào những lời thần mộng, lời tiên-tri, lời đoán tương số, cho nên đã dành cho những lời đó một vai-trò nếu không chính-yếu thì cũng rất quan-hệ cho tình-thần quyền truyện.

Ta thử tưởng-tượng nếu không có một Đạm-Tiên một sự Tam-Hợp thì đời Kiều rồi sẽ kết-cục ra làm sao ?

Bởi vậy người ta muốn cho rằng truyện Kiều là do cảm-hứng Đạo-Giáo tạo nên, và viết ra để chứng-minh ưu-thế của Đạo-Giáo, so với các đạo Khổng, đạo Phật.

« *Họa bao giờ có gặp người,*
 « *Vì tôi cậy hỏi một lời chung - thân ».* (1960)
Giác-Duyên vâng dẫn ân-cần,
Tạ từ thoát đã dời chân cỏi ngoài,
Nàng từ ân oán rạch rồi,
Bề oan đường đã vui-vời cạnh lòng, (1961)
Tạ ân lấy trước Từ-công :
 « *Chút thân bồ- liễu nào mong có rầy ?*
 « *Trộm nhờ sấm sét ra tay* (1962)

1960) Tác - giả muốn Kiều cũng tin - tưởng như Giác Duyên. Muốn lời Kiều, tác-giả nhấn mạnh lần nữa rằng lời sư Tam Hợp đã dạy *ắt thì chẳng sai*, bởi vì có thể *tiên tri* được việc *tiền định* của Tạo-Hóa.

— Không những Kiều tin lời *tiên-tri* của sư Tam Hợp Kiều lại nhờ Giác Duyên, bao giờ gặp lại sư Tam Hợp thì làm ơn vì nàng hỏi giúp *một lời chung-thân*.

Một lời chung thân là một lời *tiên-tri* về kết-cục cuộc đời, tức như ta nói về « *hậu vận* » vậy.

Chung thân 終身 thường có nghĩa là một đời, đây dùng theo nghĩa là kết-cục của đời mình.

1961) Từ khi Kiều trả ơn báo oán rạch rồi đầu vào dấy, thì lòng nàng nhẹ-nhàng, dễ-chịu, dường như trước đây bề oán thù tràn ngập bên lòng thì nay đã như vui-vui đi

Nói cách khác, sau khi ân, trả oán Kiều lấy làm sung-sướng dễ chịu.

Kiều cũng chỉ là một người như mọi người thôi. Cho nên nàng có những tình-cảm tầm-thường như vậy.

1962) *Trộm nhờ sấm sét ra tay* là trộm nhờ tay Từ-Hải ra cái oai sấm-sét.

Trộm nhờ là nhờ một cách lén-lút, kín đáo không dám nhờ ra mặt ; Kiều nói khiêm-tốn là nàng không dám nhờ

«Tắc riêng như cất gánh đầy đồ đi (1963)

«Khắc xương, ghi dạ xiết chi, (1964)

Dễ đem gan óc đền nghì trời mây ! » (1965)

thằng Từ.Hải làm việc đó, e hành động đó không xứng với người anh-hùng ; cũng có thể giáng là Kiều không dám nhờ thằng Từ.Hải e làm phiền lòng Từ vì những việc nhỏ.nhất.

1963) *Tắc riêng* là lòng riêng ; nghĩ thầm trong bụng.

Như cất gánh đầy đồ đi, trước kia nặng-nề như là gánh đầy, nay thì như cất được gánh đầy đồ đi, ý nói trong lòng nghe nhẹ-nhàng thư-thái (vì đã trả được ân, báo được thù).

Do câu này, ta thấy rõ lòng dạ Kiều. Báo ân báo oán xong, nàng thấy khoan khoái nhẹ nhàng như đã làm một việc rất hay, rất đặc-ý. Nàng không tỏ một vẻ chi gọi là ăn năn hối hận về việc đó.

Khắc xương ghi dạ là khắc cái ơn vào xương, ghi cái ơn vào lòng, ý nói ghi ơn một cách sâu-sa vĩnh-viễn. *Khắc xương ghi dạ xiết chi* là ghi ơn sâu-sa vĩnh-viễn như vậy cũng không xuể, không hết được cái ơn, ý nói ơn to.tát quá

1965) *Gan góc đầy mượn ý chữ « can não đồ địa »* 肝膽塗地 là đem gan và óc trát đất ý nói chết đi.

Dễ đem gan óc đền nghì trời mây là chết đi dễ cũng chưa đền nghì được công-ơn cao cả như trời mây. Ý nói công ơn to.tát quá khó lòng báo lại được.

— Nghĩ thật luan quẩn quá, Kiều nhờ oai Từ.Hải để trả ơn những người đã « *xót thương* » nàng. Do việc đó mà Kiều lại mang ơn to của Từ.Hải. Ơn Từ.Hải to.tát như vậy sau này Kiều định nhờ vào oai-thế gì mà báo đáp lại ? Và nếu nhờ oai thế gì để trả ơn, thì rồi nàng lại mang ơn.. Cứ như vậy thì đời nào cho trả được hết ơn đức ?

Đại khái chịu ơn người phiền phức như vậy đó. Có lẽ bởi thế mà người xưa thường chỉ cầu ở mình, không chịu ý.lại vào người ngoài, chẳng ?

- Từ rằng : « Quốc-sĩ xưa nay, (1966)
 « Chọn người tri kỷ một ngày được chẳng ? (1967)
 « Anh-hùng tiếng đã gọi rằng,
 « Giữa đường dấu thấy bất-bằng mà tha,
 « Huống chi việc cũng việc nhà,
 « Lựa là thâm tạ mới là tri ân (1968)
 « Xót nàng còn chút song thân,
 « Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa, (1969)

1866) Quốc-sĩ 國士 là người con trai tài giỏi bậc nhất nước. Hàn-Tin được khen là Quốc-sĩ vô song. Từ-Hải tự nhận là Quốc-sĩ. Xét kỹ ra, thì nhận như vậy, là Từ-Hải tự khiêm lắm đấy. Từ chỉ tự nhận là một quốc sĩ — cũng phư Hàn-Tin nhà Hàn — chưa ngạo nghề xưng Bá xưng Vương. Mà Từ quả thừa điều-kiện mang danh Quốc-sĩ.

1967) Xưa nay người Quốc sĩ dễ một ngày mà tìm chọn được người tri-kỷ hay sao ?

Việc lựa chọn tri-kỷ đòi nhiều thì-gian và nhiều công nhu.

Từ có ý muốn nói : bởi vậy mà chàng quý báu Thúy Kiều, là tri-kỷ của chàng.

Tri kỷ 知己 là biết mình, tức là người bạn biết rõ tâm sự, chí nguyện của mình.

Từ-Hải nhận Kiều là tri-kỷ, vì trước đây khi gặp Từ ở lầu xanh. Kiều đã đoán chắc rằng Từ sẽ làm nên nghiệp lớn dù bấy giờ Từ còn « bốn bề không nhà ».

1968) Cứ gì phải thâm tạ mới là biết ân ?

Thâm tạ 深謝 là tạ ơn sâu, tạ ơn kỹ. Từ có ý bảo Kiều không phải tỏ lời cảm ơn nhiều quá kỹ quá như vậy, vì việc của Kiều cũng là chung trong nhà, đâu phải việc riêng của Kiều ?

1969) Từ-Hải thương cho Kiều còn cha mẹ mà bấy lâu cách xa nhau, như kẻ ở nước Tần, kẻ ở nước Việt.

« Sao cho muôn dặm một nhà, (1970)

« Cho người thấy mặt là ta cam lòng ». (1971)

Vội truyền sửa tiệc quân trung.

Muôn binh nghìn tướng hội đồng tầy oan, (1972)

Ý Từ-Hải muốn rước cha mẹ Kiều về ở chung cho Kiều khỏi nhớ.

Từ-Hải tuy là một nhà võ song đa tình, đa nghĩa, ngôn ngữ, hành-dộng, rất hợp-nhân-tâm, không đợi Kiều nói, Từ-Hải đã tự mình nhắc tới việc đó, điều ấy chứng tỏ rằng, Từ xét tâm lý rất sành,

1970) *Muôn dặm một nhà* là người cách xa nhau muôn dặm xum họp với nhau ở một nhà. Ý Từ-Hải muốn tìm cách đón rước cha mẹ Kiều ở nơi xa xôi muôn dặm về ở chung với nàng một nhà.

1971) *Cho người thấy mặt* là cho các người thấy mặt Kiều. ý nói cha mẹ (song thân) Kiều được thấy mặt nàng đề khỏi lo lắng về nàng. Làm được như vậy nữa, là Từ-Hải sẽ cam lòng.

Có lẽ bình-nhật Kiều đã cho Từ biết nàng còn cha mẹ ở quê nhà và nàng tỏ ý nhớ thương cha mẹ, nên nay Từ mới nói rằng sau việc giúp Kiều trả ân trả oán, Từ cần làm một việc nữa là đón rước song-thân Kiều về xum họp một nhà.

Chi tiết này cho ta biết Từ-Hải đối đãi với Kiều rất là trọng hậu. Từ yêu quý Kiều, tìm đủ cách mong làm vui lòng nàng và định ninh cùng nàng tính cuộc chung sống lâu dài.

Con người anh-hùng khi đã yêu thì cũng yêu một cách nồng-nhiệt thành-thật, mạnh-mẽ, khác hẳn người thường. Đó là trường-hợp của Từ-Hải.

1972) Sau việc báo oán, tức là rửa oan thù cho Kiều, Từ-Hải sai mở tiệc trong quân cho binh tướng cùng dự, gọi là tiệc « *Tầy Oan* ».

Tầy Oan là rửa oan-thù, ý nói ba quân ăn mừng Kiều đã rửa được oan-thù.

Thừa cơ trúc chẻ ngói tan, (1973)
Bình uy từ đấy sấm ran trong ngoài, (1974)
Triều đình riêng một góc trời,
Gồm hai vắn, võ, rạch đôi sơn hà, (1975)

Cũng như đặt tiệc mừng người đi đường xa mời tới, thì gọi là tiệc Tầy trần nghĩa là rửa bụi đường trường.

1973) *Thừa cơ* là nhân cơ-hội. Cơ-hội đây là cơ-hội thắng thế quân sĩ đang hăng hái.

Trúc chẻ do chữ *Phá trúc* 破竹 là chẻ tre, ý nói thế quân đang mạnh đánh đâu được đấy như chẻ tre, chẻ mấy đóng đầu, đến những đóng sau chỉ đưa dao qua tre, cũng bửa ngay ra, tức là thủ thắng rất dễ. *Ngói tan* là do chữ *ngõa liệt* là ngói vỡ ý nói đối phương tan vỡ như ngói rơi xuống đất; tức là chưa đánh mà tự vỡ.

Hoặc do chữ *ngõa giải* là tự giải tán như là ngói vỡ (ngõa liệt) ý nói quân địch chưa bị đánh đã tan, như ngói tự rơi xuống mà vỡ.

Có bản chưa *ngõa giải* là ngói sụt, và giảng: một mái ngói đã có mấy viên sụt thì cả mái sụt.

Giảng như vậy là không căn cứ vào nghĩa chữ sách.

Câu này nói thừa lúc quân đang thắng thế, Từ-Hải đánh tràn đi, đánh đâu được đấy rất dễ dàng (trúc chẻ) có chỗ chưa đánh đã thắng (ngói tan).

1974) *Bình uy* 威 là oai thế của quân lính.

Từ đấy oai thế quân Từ-Hải vang dậy như sấm khắp trong ngoài

Trong là trong triều đình.

Ngoài là ngoài quận huyện.

Ý nói tiếng tăm Từ-Hải vang dậy khắp nước, cả trong Triều đình cũng biết.

Chữ *trong* này dùng để chuyển xuống việc nhà vua đặc sai tổng đốc Hồ-tôn-Hiến đi đánh giặc.

1975) Từ Hải lập riêng một Triều đình.

Triều đình 朝政 triều là bầy tôi chầu vua; đình là sân, là nơi; *Triều đình* là nơi ông vua ngự để bầy tôi chầu.

Đời cơn gió quét mưa sa, (1976)

Bao nhiêu chính-sự trong nước đều do nơi đó mà ra, cho nên triều-đình dùng để trở chính phủ trung-uơng một nước quân chủ.

Cứ xét nghĩa chữ *Triều-đình* và căn cứ vào việc *Từ-Hải* lập triều-đình, ta thấy *Từ-Hải* hình như không chỉ tự lập vì vương xưng làm chúa tể một phương như một tước vương chư-hầu mà thôi (theo chữ lệnh chỉ ở trên, người ta thấy bấy giờ *Từ* mới xưng chúa tức tước vương) bấy giờ *Từ* lại tự xưng *Hoàng-Đế* nữa.

Có tự xưng *Hoàng-Đế* thì mới lập *Triều-đình*. Và *Triều-đình* cũng gồm đủ hai ban văn quan, võ quan như tổ-chức hành chính một nước. Có tự xưng *Đế* thì mới có việc chiếm « *riêng một góc trời* » và mới rạch sơn-hà ra làm đôi với vua *Minh*, mà chiếm lấy một nửa.

Nếu *Từ* chỉ xưng làm chúa (Vương) thì *Từ* mặc nhận làm chư-hầu vua *Minh*, thần phục vua *Minh*. Đầu này, *Từ* lập « *Triều đình riêng một góc trời* » và rạch đôi sơn-hà mà thống trị. Như vậy là *Từ* không chung cả trời với vua *Minh*, nói chi truyện thần phục nữa. Khi nói rạch đôi sơn hà, tức là nói đứng làm một ông vua ngang hàng với vua *Minh*.

Có lẽ khi rước *Kiều vu-qui*, *Từ* lực lượng còn có hạn nên mới chỉ xưng chúa, nay lực lượng mỗi ngày một bành trướng *Từ* mới xưng *Đế* và lập riêng *Triều-đình*.

Điểm này có lẽ nhân-dân đọc truyện *Kiều* đã nhận thấy rõ cho nên trước khi giờ truyện *Kiều* ra bói (?) nhân dân thường vẫn khấn rằng :

« *Lạy vua Từ-Hải, lạy vãi Giác-Duyên, lạy Tiên Thủy-Kiều* v v, . . »

1976) *Đời cơn* là nhiều lúc, lắm phen cũng.

Gió quét mưa sa là đánh ào đi, thủ thắng dễ dàng, như gió quét bụi cát, như mưa đổ xuống âm âm, không phòng ngừa kịp.

Có bản chép là : *gió táp mưa sa*.

Huyện-thành đập đổ năm tòa cõi nam. 1977)

Phong-trần mãi một lưới gươm, (1978)

Diễn tả cái thế hùng mạnh của quân Từ-Hải, kéo tới đâu thì làm mưa làm gió ở đó.

1977) Đập đổ năm tòa huyện-thành ở phía Nam, tức là chiếm cứ được năm huyện miền Nam Trung-Hoa.

Chưa rõ năm huyện đó là những huyện nào, đại khái có thể biết là mấy huyện thuộc Triết-Giang, Phúc-Kiến ở bờ phía nam sông Dương Tử.

(Sau này có câu : *Sóng yên Phúc Kiến lùa tàn Triết-Giang*)

Tuy rằng mới làm chúa được năm huyện song thế lực thật ra đã lớn lắm. Vì huyện ở Trung-Hoa không nhỏ hẹp như huyện bên ta, diện tích một huyện ở Trung-Hoa có khi lớn bằng diện tích một tỉnh bên ta.

Dù sao mới chiếm cứ được có năm huyện mà bảo rằng : « *rạch đôi sơn hà* » thì kẻ cũng khi quá. Có lẽ tác giả không định nói *rạch đôi sơn hà* là chia sơn hà ra làm hai phần đều nhau mà chỉ định nói tách lấy một phần sơn-hà làm đất thống-trị. *Rạch đôi* là rạch đôi cái thế lực, cái chủ quyền chứ không phải là rạch đôi đất đai.

Vả chăng ta thấy tuy là làm chúa có năm huyện, song ảnh hưởng của Từ-Hải đã vượt ra ngoài cương thổ rất xa. Từ-Hải đã phái quân từ Châu.Thai (Triết-Giang) đi Lâm-Truy, thuộc tỉnh Sơn-Đông để bắt bọn Tú.Bà, Mã.giám-Sinh., Và oai thế của Từ đã vang dậy cả lời triều đình vua Minh.

1978) *Phong trần* trở đời nhiều-nhưong, gió bụi.

Mãi một lưới gươm là Từ-Hải mãi một lưới gươm.

Cả câu nghĩa là :

Từ-Hải mãi một lưới gươm ở buổi đời phong trần : ý nói gặp đời nhiều-nhưong Từ-Hải mãi một lưới gươm, dùng võ-lực dựng nên sự nghiệp.

Có bản giảng là : Từ-Hải mãi một lưới gươm mà làm cho thiên hạ rối loạn. Giảng như vậy thì có ý mạt sát Từ-Hải, không hợp với tinh thần đoạn văn này.

Những phường giá áo túi cơm sá gì ! (1979)

Ở đây tuy là lời tác giả, nhưng là lời tả ý chí kiêu - hùng tả quan niệm lập thân ở buổi đời phong trần của Từ-Hải, tức như thay Từ-Hải mà bày tỏ tư tưởng. Giảng như trên chả hòng ra tác-giả có ý chê Từ-Hải làm loạn ư? Người ta thấy tác-giả luôn luôn nuôi một thiện-cảm nồng nhiệt đối với họ Từ, đến lúc họ Từ chết mà còn tỏ ý tôn kính. Như vậy không có lý gì tác-giả chê trách Từ-Hải, ở đây.

— Bản Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu thì chưa nghĩa thế này :

« Theo thiển nghĩ, sáu chữ đó tức là nói về hạng người giá áo túi cơm, mà có bởi ở chữ 書劍老風塵 *thư kiếm lão phong trần* (sách và gươm giá với phong trần) nghĩa là chỉ mãi một lưỡi gươm trong cảnh phong trần mãi mà không làm nên vương tướng gì, thời những loại giá áo túi cơm ấy đáng kể chỉ Hai câu này nên đọc suốt làm một. »

Giảng như vậy, chúng tôi thấy có mấy điểm bất thông :

a) Theo văn-phạm, chữ *từ* của *động tự mới* (mãi gươm) cũng là chữ *từ* của *động tự đập* (đập đồ) và *động tự sá* (sá gì). Như vậy là Từ-Hải mãi gươm chớ không phải là những phường giá áo túi cơm.

b) Những kẻ mãi một lưỡi gươm trong đời phong - trần mãi không làm nên vương tướng gì, không ai bảo đó là những phường giá áo túi cơm. Chắc tác giả và Từ-Hải cũng không cho đó là những phường giá áo túi cơm. Con người mà đã như giá áo túi cơm thì đâu còn biết *thư* và *kiếm* là gì mà Tản-Đà Tiên Sinh lấy câu « *Thư kiếm lão phong trần* » gán cho họ?

1979) *Giá áo túi cơm* dịch chữ *g.giá phạn nang* là cái giá (cái mắc) treo áo, cái túi đựng cơm, mấy chữ này dùng để chê bọn người ngu xuẩn không biết gì, không có chí khí lớn, suốt đời chỉ biết ăn, biết mặc mà thôi.

Tản-Đà Tiên-Sinh có ý cho những người chỉ biết mãi một lưỡi gươm trong cảnh phong trần mãi mà không làm nên vương tướng gì, là những phường giá áo túi cơm.

Nhận định như vậy có lẽ sai lầm.

Nghênh-ngang một cõi biên-thùy. (1980)

a) Trước hết, người đã biết mài một lưỡi gươm trong cảnh phong - trần, không phải là người chỉ biết có ăn, có mặc, tức không phải là phường giá áo túi cơm. Biết mài một lưỡi gươm tức là biết nuôi một chí nguyện. Biết nuôi một chí nguyện, tức là biết nhiều rồi, chứ không phải chỉ biết ăn no mặc ấm.

b) Mài gươm mãi không làm nên vương tướng gì, là phường giá áo túi cơm. Nghĩa là người anh hùng là người mài gươm làm nên vương tướng. Như vậy là căn cứ vào thành bại mà luận anh hùng.

Căn cứ vào thành bại mà luận anh hùng thì sai vô cùng. Anh hùng là anh hùng ở khí phách, anh hùng ở chí - nguyện, anh hùng ở chỗ hy-sinh cho nghĩa vụ, hy-sinh cho lý - tưởng : thành hay bại là truyện khác.

Nếu căn cứ vào thành, bại mà luận anh hùng thì Hồ-tôn. Hiến anh hùng hơn Từ-Hải vì Hồ đã thành công, Từ đã thất bại

Cho nên người xưa đã nói, không nên đem thành bại luận anh hùng.

Và tây triết đã có câu : chỉ có sự nỗ lực là đáng kể.

Câu trên và câu này :

Từ-Hải nghĩ thầm : gặp buổi đời phong - trần thì mài một lưỡi gươm mà kiến tạo sự nghiệp ; còn những phường chỉ biết ăn cho no mặc cho ấm, ngoài ra không biết việc đời là gì, thì có sá kể chi !

Có ý chê bọn người tầm thường không, biết mài gươm lập thân.

Cũng có thể giảng như thế này : Từ-Hải kinh thường bọn địch thủ cho họ là phường giá áo túi cơm, không thể chống chọi được với lưỡi gươm của Từ.

Ý khí thật biền ngang tự đắc.

1980) Nghênh ngang là tự-do ngang-dọc, không chịu khuôn khổ,

Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương ! (1981)

Một cõi biên thù một cõi đất ở chốn biên-thù.

Biên thù là nơi tận cùng địa giới một nước.

Phần đất đai thuộc quyền thống-trị của Từ-Hải ở giáp biên và miền cực Nam nước Tàu, nên gọi là « cõi biên thù ».

1981) Có chính nghĩa là cô-độc một mình, Các bậc Bá-Vương thường tự xưng là cô, nói nhưn mình : cô đức, tức ít đức có ý mong quần thần giúp đỡ cho ; quả tức quả nhân nghĩa là người quả đức tức là ít đức ; các bậc bá-vương thường tự xưng như vậy, có ý nhưn mình ít tài đức, mong quần thần giúp đỡ.

Dùng quen, những tiếng cô và quả nhân lâu lâu biến thành tiếng tự-xưng của các bậc Bá-vương, vua chúa chư hầu (vua Thiên-Tử thì xưng Trẫm) những người ở địa-vị dưới, không được phép tự xưng như vậy.

Thiếu gì cô quả là thiếu gì người tự xưng là cô quả, tức là thiếu gì bá vương

Trong câu này, bốn chữ dưới giải-thích nghĩa bốn chữ trên

Cứ theo văn-lý, thì trong cõi biên thù của Từ-Hải có nhiều người được phong là bá-vương, là chư-hầu. Như vậy là Từ-Hải đã xưng Đế và đã phong cho bảy tôi mình các tước Vương Công-Hầu... để cai-trị các quận huyện. Có người lại quả quyết rằng Từ-Hải chưa xưng Đế, và muốn chữa hai chữ *Thiếu* trong câu này làm chữ *Kém*.

Kém gì cô quả, kém gì bá-vương.

Có ý nói Từ-Hải xưng làm vương-tước quyền-thế chẳng kém gì những bậc bá-vương chư-hầu bảy tôi của Hoàng-Đế nhà Minh.

Hiểu như vậy thì Từ-Hải khiêm-tốn quá chỉ dám đo với hàng bảy tôi của vua Minh. Xét ra không hợp với khí-phách của Từ-Hải (dọc ngang nào biết trên đầu có ai, sức này đã đủ làm gì được nhau). Hiểu như vậy thì không ăn khớp với ý nghĩa mấy câu trên :

Triều-đình riêng một góc trời

Gồm hai vắn võ, rạch đôi sơn-hà.

*Trước cờ ai dám tranh cường,
Năm năm hùng-cử một phương hải-lân, (1982)
Có quan Tổng-đốc trọng thần, (1983)*

1982) *Trước cờ* tức là trước hiệu cờ của Từ-Hải Tương xuất quân thường cho cờ hiệu đi trước để cho mọi người biết. *Trước cờ*, bởi vậy, có nghĩa là trước mặt ông tướng.

Trước mặt Từ-Hải không ai dám tranh cường, ý nói Từ-Hải kéo quân đi đến đâu là thắng trận đấy, không ai dám đua tranh sức mạnh đối địch lại.

Năm năm là 5 năm. Tính từ ngày cưới Kiều đến ngày có quan Tổng-Đốc Hồ-Tôn-Hiến vàng chỉ đi giúp Từ-Hải, vừa đúng 5 năm.

Điềm thi-gian này ám hợp với lời sư Tam Hợp tiên tri về cuộc gặp gỡ thứ hai giữa Giác-Duyên và Thúy-Kiều:

Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.

Năm nay là một nữa thì năm năm

— Có người muốn hiểu là Từ-Hải hùng-cử một phương hải-lân hết năm ấy đến năm khác. *Năm năm* là hết năm nọ sang năm kia.

Hiệu như vậy thì sai Tác-giả cố ý đưa điềm thi-gian này ra để sửa soạn cuộc gặp gỡ Kiều — Giác-Duyên và để chứng-minh rằng lời sư Tam-Hợp tiên tri rất đúng.

Hùng cử là chiếm-cử một cách oai-hùng không ai giành lại được.

Hải lân là men bể, man bể.

Phương hải lân đây là cõi biên-thùy Từ-Hải chiếm giữ ở miền duyên hải Triết-Giang, Phúc-Kiến.

1983) Được 5 năm thì Triều-đình sai quan Tổng-Đốc Hồ-tôn-Hiến đem quân ra đánh-giẹp.

Trong 5 năm ấy, cơ sở của họ Từ chắc đã vững vàng lắm.

Tổng-Đốc đây là *Tổng Đốc quân vụ* cũng như chức Nguyên soái hay Tư-lệnh, không nên hiểu lầm là chức quan Hành chính đầu tỉnh như bọn ta hồi trước đây.

Là Hồ-lôn-Hiến kinh luân gồm tài, (1984)

Đầy xe, vâng chỉ đặc sai, (1985)

Tiền nghi, bát tiểu việc ngoài đồng-nhung (1985)

Biết Từ là đáng anh hùng,

Biết năng cũng dự quân-trung luận bàn.

Trọng thần 重臣 là vị bầy tôi giữ trọng-nhiệm tức là một vị quan to, được Triều-đình ý-trọng.

1984) Tên vị trọng-Thần đó là Hồ-lôn-Hiến.

Kinh luân 經綸 nghĩa đen là gỡ mối tơ.

Kinh là gỡ mối tơ rối, *luân* là lựa tơ sống đề kết thành con. Phạm công việc sửa-sang, điều-chỉnh chính-trị cũng gọi là *Kinh-luân* có ý vì việc chính sự với việc gỡ mối tơ.

Hồ-tôn-Hiến là ông quan có tài chính-trị, khéo gỡ những mối rắc-rối trong việc cai trị quốc gia.

1985) *Đầy xe* do chữ *thối-cổc* nghĩa là đầy bánh xe, *đầy* dùng theo nghĩa là được lựa chọn ủy-thác việc đánh giặc.

Xưa vua sai tướng đi đánh giặc, thường làm lễ « *thối-cổc* » vua thân mở tay vào bánh xe ông tướng ngồi, đẩy đi, tỏ ý tin nhiệm, trọng đại, cầu cho ông tướng hết lòng với nhiệm-vụ cho xứng lòng tin dụng của nhà vua.

Vâng chỉ : là phụng chỉ, tuân theo sắc chỉ nhà vua.

Đặc sai 特使 là sai riêng, sai đi công vụ đặc biệt, ý nói được nhà vua lựa chọn sai làm riêng việc đó. Trong hai chữ *đặc sai* có ngụ ý việc hệ-trọng và được vua tin nhiệm.

Vâng chỉ Đặc sai tuân theo sắc chỉ nhà vua sai riêng làm việc gì.

Sáu chữ này diễn đạt ý « *trọng thần* » ở trên.

Hồ-tôn-Hiến được nhà vua tin dụng như vậy nên gọi là « *trọng thần* ».

Tiền nghi 筵 là được tùy tiện tùy nghi mà hành-dộng, tức như nói được toàn quyền hành-dộng.

Bát tiểu là điều động quân lính đánh giặc giết giặc.

Đóng quân làm chức chiêu - an, (1986)
Ngọc vàng găm-vóc sai quan thuyết hàng, (1987)
Lại riêng một lễ với nàng, (1988)
Hai lên thê-nữ, ngọc vàng nghìn cân, (1989)

Việc ngoài là việc ở ngoài chốn triều-đình, việc ở các quận huyện.

Đồng nhung 董戎 là cánh đảng, làm chủ việc hành quân Hồ - tôn - Hiến được phong làm Đồng - nhung tức như (Nguyên-soái) có toàn quyền trong việc cầm quân đánh giặc giã ở ngoài.

Câu này nói rõ quyền hạn to tát của Hồ-tôn-Hiến.

Hồ-tôn-Hiến biết Từ-Hải là đảng anh hùng và biết Kiều cũng được dự bàn việc quân. Việc tình báo của hồ tổ chức đã chu đáo ! Biết người là một điều cần thiết của nhà làm tướng. Đã biết Từ-Hải và Kiều như vậy tất nhiên là Hồ sẽ tìm được cách công phá.

— Kiều mà cũng được dự bàn việc quân, thì cơ-nghiệp Từ Hải ta biết trước là khó được vững-vàng.

1986) *Đóng quân* tức là *án binh bất động* đóng quân yên một chỗ không đánh giặc gì.

Chức chiêu an 招安 là mưu kế dụ hàng ; Hồ-tôn-Hiến không vụ đánh giết, chỉ cốt làm sao phá được quân Từ-Hải

Và chẳng Hồ biết Từ là đảng anh-hùng có đem quân tấn công vị tất đã thủ thắng được.

Không những Hồ biết mình biết người, Hồ lại biết dùng chính-trị nữa.

Đó là một dịch-thủ đáng sợ của Từ-Hải.

1987) *Thuyết hàng* là dùng lời nói khéo đề dụ cho kẻ địch đầu hàng.

Quan đến thuyết hàng Từ-Hải đem theo ngọc vàng găm vóc làm lễ tặng Từ-Hải.

Ngọc vàng găm vóc vị tất đã làm xiêu lòng anh hùng.

1988) - 1989) Nhưng Hồ lại khôn khéo đem đồ lễ riêng tặng Kiều, đồ lễ gồm hai tên thê-nữ và nghìn cân ngọc

*Tin vào gửi trước trung-quân,
 Từ.Công riêng hây mười phân hồ-đồ. (1990)
 Một tay gậy dựng cơ - đồ,
 Bấy lâu bề Sở sông Ngô tung-hoành, (1991)
 Bỏ thân về với Triều-đình, (1992)
 Hàng-thần lơ lảo, phận mình ra đâu ! (1993)
 Áo xiêm trời buộc lấy nhau,*

vàng. Ngày xưa người ta thường lấy con gái đẹp làm quà tặng nhau. Thời Minh xã-hội Trung-Hoa vẫn là xã-hội phong kiến, nên tục đó vẫn còn.

Món lễ vật tặng Kiều này mới thật là nguy hiểm đây. Có lẽ theo kế Hồ-tôn-Hiến, viên quan thuyết hàng chỉ cốt lọt vào dinh trại Từ.Hải đem đồ lễ tặng Kiều và thuyết nàng ; việc thuyết và tặng lễ vật Từ.Hải chỉ là việc làm lấy lệ hay mượn cớ mà thôi.

1990) *Mười phân hồ đồ* là hoàn-toàn lơ-mờ chưa rõ sự thế nên làm ra sao. Riêng Từ.Hải thì chưa có định-kiến.

1991) Từ còn mười phân hồ đồ là vì Từ có những ý nghĩ như tả trong đoạn này.

Một tay gậy dựng nên cơ-đồ, bấy lâu tung hoành khi bề Sở, khi sông Ngô tự do vùng vẫy.

Bề Sở đây là mạn bề thuộc bãi phận tỉnh Triết-Giang.

Triết-Giang ngày xưa thuộc địa hạt nước Sở

Sông Ngô đây là con sông thuộc huyện Vô-Tích tỉnh Triết-Giang. Ngày xưa huyện Vô-Tích thuộc địa hạt nước Ngô Sở

1992) *Bỏ thân* là tự trời mình.

Bỏ thân về với Triều-đình tức là tự trời mình ra hàng Triều-đình (nhà Minh.)

1993) *Hàng thần* là người bày tôi mới về hàng.

Kẻ hàng thần lấy làm hồ thẹn, ngượng ngùng nên mặt mũi lơ lảo. Đã vậy danh-phận cũng chưa chắc đâu vào đâu.

Vào luồn ra cúi, công-hầu mà chi ? 1 (1994)

Sao bằng riêng một biên-thùy (1995)

Sức này đã dễ làm gì được nhau ?

Chọc trời, quấy nước, mặc dầu... (1996)

Đọc ngang nào biết trên đầu có ai ?

Nàng thì thật dạ tin người, (1997)

1994) Áo xiêm là nói lễ-phục các quan-lại triều-đình.

Áo xiêm trời buộc lấy nhau ý nói vì xiêm áo, phẩm trật quan lại mà mình bị trời buộc vào trong khuôn khổ, không được tung hoành tự do.

Có bản chép là : ràng buộc lấy nhau. Lại có bản chép là : dùm bọc lấy nhau dùm bọc thì sai, vì trái với tính-thần câu văn.

Vào luồn ra cúi uốn mình theo nghi lễ, theo khuôn phép triều-đình, thì dù có được phong tước Công tước Hầu là những tước hiên quý nhất chẳng nữa, thì cũng không làm chi.

Ý nói phú-quý cũng không bằng tự do phóng-tung.

1995) Sao bằng làm chúa riêng một cõi biên-thùy. Cừ sức này thì đã làm gì được nhau, ?

Ý nói sợ gì mà phải hàng ?

1996) Riêng một biên - thùy thì tha-hồ tự-do hành-động, muốn làm gì thì làm, đến chọc trời quấy nước cũng không ai ngăn cấm.

Tha hồ muốn ngang thì ngang muốn dọc thì dọc, mình làm chủ mình, không phải chịu theo pháp luật của ai.

Trở lên là những ý nghĩ của Từ-Hải. Thật đúng là tư-tưởng của người ham mến tự-do và của bậc anh-hùng không muốn uốn mình theo trật tự hiện hữu của xã-hội.

1997) Từ-Hải thì quyết không bao giờ đầu hàng.

Nhưng ý Kiều lại nghĩ khác.

Bởi nàng xưa nay vốn là người nhẹ dạ dễ tin, dù có nhiều kinh-nghiệm đau đớn về tính nhẹ dạ và dễ tin.

Bởi vì lần này nàng có việc với vị trọng-thần của Triều-đình.

Lễ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu, (1998)

Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,

Đã nhiều lưu - lạc lại nhiều gian - truân,,

Bằng nay chịu tiếng vương thần, (1999)

Thánh-thánh đường cái thanh-vân hẹp gì, (2000)

Công tư vẹn cả hai bề, (2001)

Có lẽ nàng nghĩ bụng rằng ai chớ quan tổng đốc Hồ-tôn Hiến thì hẳn là khác những kẻ tầm thường, hẳn là người đáng tin cậy.

Có lẽ nàng nghĩ thăm đường đường một vị Khâm-sai. Đại thần như vậy bao giờ lại nói lừa nói dối nàng. Ở vào địa vị nàng, có lẽ ai cũng phải nghĩ như nàng.

1998) Huống chi quan thuyết hàng lại đem đồ lễ hậu và nói nghe ngọt ngào xuôi tai lắm, thì làm gì mà nàng không xiêu lòng?

Mấy chữ *lễ nhiều nói ngọt* là mượn ý chữ sách Tả Truyện

Tệ trọng ngôn cam nghĩa là tiền bạc nhiều mà lời nói ngọt.

1999) — 2000) Kiều bắt đầu xiêu lòng rồi. Vốn có ý định sẵn nên bao nhiêu tình cảm, tư-tưởng nàng đều xoay quanh ý định đó. Kiều đã định ý khuyên Từ đầu-hàng nên nàng tìm mọi lý-lẽ để bênh vực ý định của nàng.

Tư-tưởng và suy-luận một chiều nguy hại là thế.

Nàng nghĩ rằng nếu Từ-Hải chịu làm bầy tôi nhà vua, thì con đường công danh thánh thánh mở rộng chẳng hẹp hòi gì với từ. Đầu hàng rồi, thế nào mà Từ không được nhà vua ban cho quan-chức xứng đáng.

Vương thần 王臣 là bầy tôi nhà vua.

Thanh vân 青雲 là mây xanh, đây dùng để nói đường công danh dễ dàng không gặp trở ngại.

2001) Đầu hàng nhà vua, thì không những trọn vẹn việc công mà lại trọn vẹn cả việc tư nữa.

Việc công là việc Từ-Hải được Triều đình ban cho quan chức, ân-huệ, việc non-sông khỏi loạn. Việc tư là việc riêng của Kiều.

Dần dà rồi sẽ liệu về cố-hương, (2002)

Cũng ngôi mệnh-phụ đường-đường, (2003)

Nở nang mày mặt, rõ-ràng mẹ cha.

Trên vì nước, dưới vì nhà,

Một là đặc hiếu, hai là đặc trung,

Nàng thấy việc Từ-Hải đầu hàng không những có lợi ích cho nước, mà lại lợi ích cả cho nàng,

2002) Khi Từ-Hải được Triều đình ban cho quan chức rồi thì dần dà nàng sẽ liệu về thăm quê nàng. Lúc này chắc là Kiều nhớ nhà lắm, nên mong tạo nên cơ-hội để về thăm quê.

Đó là việc tư của Kiều vậy.

Cố hương 故鄉 là làng cũ tức quê nhà mình,

2003) Bấy giờ trở về quê, thì Kiều sẽ là một bà quan lớn đường hoàng. Chính nàng sẽ đẹp mặt mà mẹ cha nàng cũng được vẻ vang lấy.

Mệnh phụ 命婦 là vợ quan to trong Triều được vua ban cho danh mệnh.

Như thế là việc đầu hàng của Từ-Hải có hai lý do chính

Vì nước, vì nhà

Và thực hiện được ý định đó là làm tròn được hai nhiệm vụ: *Hiếu và Trung*

Đặc hiếu là tròn được đạo hiếu với cha mẹ.

Đặc trung là làm tròn đạo trung với vua.

Có người căn cứ vào mấy ý nghĩ này của Kiều mà lý luận rằng Kiều lấy Từ-Hải nhưng trong bụng lúc nào cũng nghĩ đến vua, nhớ đến chữ Trung.

Thật ra Kiều có biết vua là ai đâu ? có nghĩ đến chữ trung bao giờ đâu ?

Nàng suy luận trong trí óc như vậy là để tìm mọi lý lẽ bảo vệ cho ý định khuyên Từ-Hải đầu hàng.

Khuyên Từ-Hải đầu hàng không phải là vì Kiều định giữ chữ Trung với vua mà thật ra chỉ vì mấy lý-do thiên cận sau đây :

Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng, (2004)
E dè sóng đập, hải hùng sóng va.

Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nằng mới bàn ra nói vào.

Rằng: « Ôn thánh để dỗi-dào.
« Tươi ra đã khắp thấm vào đã sâu, (2005)

a) xiêu lòng trước « lễ nhiều nói ngọt »

b) muốn làm bà mệnh-phụ

c) muốn yên thân

d) muốn có dịp về thăm quê hương cha mẹ.

Tóm lại vì lợi ích cho bản thân nằng mà nằng khuyên Từ Hải đầu hàng.

2004) Chiếc bách giữa dòng là chiếc thuyền gỗ bách ở giữa dòng sông. Kiều muợn vì cái cảnh đời hiện tại nằng sống với Từ-Hải nó bấp bênh nguy-hiểm như chiếc thuyền ở giữa dòng sông, luôn luôn e sợ sóng gió bất trắc.

Có bản chép là e dè cỏ hoa có lẽ sai, vì không ăn khớp với cảnh chiếc bách giữa dòng.

Nghĩ vậy, rồi thừa cơ hội thuận tiện, nằng mới bàn ra nói vào lúc bảo không nên hàng, lúc lại nói nên hàng.

Bàn ra nói vào như vậy tỏ ra mình có suy nghĩ tính toán và không có sẵn dự kiến gì.

2005) Ôn Thánh Đế là ôn nhà Vua. Thánh-Đế là ông vua thánh triết, tức ông vua thông minh sáng suốt.

Kiều nói ôn Thánh-Đế dỗi dào như mưa móc tưới ra khắp chốn và thấm nhuần sâu-sa vào muôn dân.

Ý nói cả dân nước chịu ơn đức nhà vua rất sâu sa.

Người ta thường ví ơn nhà vua ban cho nhân - dân như mưa-móc thấm-nhuần vào cây cỏ ; cây cỏ gặp mưa móc thì hơn hở xanh tươi, nhân dân đời ơn nhà vua thì vẻ - vang sung sướng.

- « *Bình-thành công đức bấy lâu*, (2006)
 « *Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao*. (2007)
 « *Ngấm từ khởi việc binh đao*, (2008)

Thật ra Kiều có quan-niệm được rõ ràng « *ơn thánh để đời dào* » ra làm sao đâu.

Nàng mượn lời sáo cũ để khuyên Từ-Hải ra hàng.

Nếu biết xét chính-lệnh nhà Vua và Triều-đình qua thực-trạng xã-hội và chính-sự các ông quan, thì có lẽ Kiều không bao giờ nói :

Rằng ơn Thánh Để đời dào.

Vì nàng đã bao lần phải làm nạn nhân những bất công của quan lại và của xã-bội bấy giờ, thì dụ như vụ án Bán-Tơ, vụ Hoạn-phu-nhân bắt cóc nàng về đánh ba chục thiết cốn và huộc làm tội tử... vụ Bạc Sinh đem nàng bán cho hành-viện ở châu Thai...

2006) *Bình thành* : Lấy chữ trong kinh Thư : *Bình thiên thành địa* ; 平天成地 là làm cho trời đất hòa-bình (*Bình* là làm cho hòa-bình ; *thành* đây cũng có nghĩa là *bình*) ý nói giúp yên thiên hạ. *Công đức bình thành* là công đức của nhà Vua đã trị yên thiên-hạ.

2007) *Bấy lâu*, công-đức bình-thành của nhà Vua, mọi người đều đội trên đầu biết bao nhiêu. Ý nói bấy lâu nay, mọi người đều đội ơn binh trị của nhà vua. Không biết bao nhiêu mà kể. Kiều cố ý đề-cao công-đức nhà Vua đối với nhân-dân, mục đích làm cho Từ-Hải phải bái-phục nhà vua mà giúp bớt ý-khi kiêu-căng tự-dã, để có thể đầu hàng Triều-đình. Kiều mượn những lời sáo-ngữ cổ-truyền đề cao-tung công-đức nhà Vua, vì thật ra nàng không quan-niệm rõ ràng được công-đức ấy như thế nào.

2008) *Từ khởi việc binh .đao* là từ khi Từ-Hải đẩy quân phản lại Triều-đình.

Đống xương Vô-dịnh đã cao bằng đầu. (2009)

« Làm chi đề tiếng về sau ?

Ngàn năm ai có khen đầu Hoàng-Sào ? (2010)

2009) Nếu chất lại thành đống, thì số người chết vì nạn binh-đao, đã cao bằng đầu rồi. Ý nói Từ-Hải đã chém giết nhiều người lắm.

Đống xương vô-dịnh là đống xương người chết traten ở bờ sông Vô-Định.

Sông *Vô-dịnh* là con sông chảy từ tỉnh Tuy-Viễn qua phủ Diên-An tỉnh Thiểm-Tây ăn vào sông Hoàng-Hà. Ngày xưa bên bờ sông này đã có nhiều trận giao-phong giữa quân Trung-Hoa và quân Hung-Nô người chết nhiều lắm.

Thơ Trần-Đào đời Đường có câu :

Khả lân vô định hà biên cốt

可憐無定河邊骨

Nghĩa là : Đáng thương cho đám xương ở bờ sông Vô-Định.

Đống xương vô định trong câu này là mượn ý câu thơ của Trần-Đào.

Kiều kể những tội-ác Từ-Hải đã gây nên, có ý đề Từ-Hải mà ăn-năn hối tội.

2010) Chém giết nhiều người như vậy, tất người ta thù oán và tiếng xấu của mình lưu lại đời sau.

Hậu thế sẽ chê trách mình, cũng như chê trách Hoàng-Sào. Hoàng-Sào tài giỏi như thế mà ngàn năm chẳng được ai khen. Hoàng-Sào là một nhà nho đời Đường, thi Tiến sĩ trượt, uất ức, nổi quân làm phản. Sào lần lượt công phá các tỉnh Hà-Nam, Giang-Tây, Phúc-kiến, các châu Tích-Đông, Quảng-Nam, Kinh-lương, thừa thắng lấy thành Lạc-Dương, phá ải Đồng-Quan, vây hãm kinh-đô Tràng-An Vua Hy-Tông nhà Đường phải chạy vào đất Thục lánh nạn. Sào chiếm kinh-đô, lên ngôi Vua, xưng là Tề-Đế, tung hoành trước sau trong 10 năm trời. Sau Sào bị quân Triều-Đinh đánh thua hết trận ấy trận khác, cuối cùng bị thủ-hạ mưu-hại,

«Sao bằng lộc trọng quyền cao, (2011)
 « Công-danh ai dứt lối nào cho qua ! » (1012)
 Nghe lời nàng nói mận-mà.
 Thế công, Từ mới đổi ra thế hàng. (2013)

Kiều lấy Hoàng Sào ra để nói cho Từ-Hải biết rằng dù Từ có tài-giỏi đũng-lược như Hoàng-Sào chẳng nữa, thì cũng chỉ lưu lại đời sau cái tiếng làm giặc mà thôi.

Kiều cố ý làm cho Từ-Hải chán nghề làm giặc giết người, để có thể đưa Từ về con đường chính là làm bầy tôi nhà Vua.

3011) Làm giặc như Hoàng-Sào thì sao bằng làm quan Triều-đình, vừa được hưởng lộc-trọng, quyền cao, vừa khỏi đề tiếng xấu lại hậu thế.

Kiều tin chắc rằng về hàng Triều-đình thế nào Từ-Hải cũng được quan cao lộc hậu, phú-quí vinh hoa như các ông quan khác, nên nàng hết sức lý luận để Từ-Hải ưng làm tôi Triều-đình.

Lộc trọng quyền cao là lương bổng nhiều, quyền thế to, tức là ông quan lớn.

2012) Kiêu cho rằng đầu hàng Triều-Đình là một cách lập công danh, lập công danh thì chỉ có một lối theo Triều-Đình

Kiều nói bằng cả lòng tin-tưởng, bằng cả ý thành-khân, lý luận có vẻ xác đáng lắm, đến người ngoài nghe cũng muốn tán-thành, huống chi Từ-Hải là người yêu quý Kiêu và tất nhiên không muốn trái ý nàng.

2013) Nghe Kiêu nói cũng mận mà ý vị, Từ-Hải bèn nghe theo.

Đang ở thế Công tức là thế đánh, Từ liền xoay ra thế Hàng tức là thế hàng-phục Triều-Đình. Nghĩa là đang hăng hái chống đánh lại quan quân, Từ-Hải dăm ra uể-oải muốn xin ra hàng.

Lực-lượng của Từ không phải non yếu, nhưng lời nói

Chỉnh-nghi, tiếp sứ vội vàng, (2014)

Hẹn kỳ thúc-giáp, quyết đường giải binh. (2015)

Tin lời thành hạ yếu minh. (2016)

đàn bà mạnh hơn. Không phải Từ không chống nổi quân Triều-đình. Nhưng Từ không chống nổi ý Kiều,

Việc quân mà cho đàn bà dự vào, tai hại như thế đấy
Xưa các Vua Kiệt, Trụ, U, Lệ đều mất nước vì đàn bà.
Từ-Hải há không đọc Sử ?

2014) *Chỉnh-nghi* là chỉnh bị các nghi-lễ, các đồ hành-ngoi
Tiếp sứ là tiếp kiến sứ-giả của Triều-đình.

Việc chỉnh-nghi tiếp sứ được tiến-hành gấp bách vội-vàng.
Hai tiếng « *Vội vàng* » cho biết Từ Hải hấp tấp, không
kịp suy tính kỹ càng.

1015) *Hẹn kỳ* là hẹn ngày.

Thúc giáp 夾甲 là bó áo giáp lại ra hàng, ý cũng như nộp
nộp khi giới; *Giải binh* là thoái bỏ việc binh, hoặc giải tán
quân đội.

Thế là Từ Hải đã hoàn toàn hành động theo ý Kiều —
Từ đã hẹn với sứ giả ngày nào thì nộp khi giới đầu hàng
và đã quyết giải tán quân đội, thôi không chống lại Triều-
Đình.

2016) *Thành hạ yếu minh* 城下要盟 là dưới chân thành xin
thề với nhau, đây dùng thao nghĩa là làm lễ xin đầu hàng.

Thành hạ yếu minh lấy chữ trong sách *Tả truyện* có
nghĩa là : bị địch quân đánh gấp đến chân thành, lực mình
không chống đỡ nổi, xin hàng phục, phải thề ước với địch
quân ở ngay chân thành, thề không dám phản đối nữa,
rồi bãi quân, tức là chịu thua một cách nhục nhã, mất
danh dự. Sách *Tả Truyện* chép rằng : nước Sở đánh nước
Giáo, nước Giáo cả thua, Sở bắt Giáo phải làm lễ minh
thệ ở chân thành rồi rút quân về.

Ngọn cờ ngợ-ngác, trống canh trề-tràng, (2017)

Tiền - nbo rằng : *lễ thành hạ minh* là cái sĩ - nhục của nước chư-hầu, ý nói chịu thua cách ấy là một điều đại nhục.

— Đây quân Hồ-Tôn-Hiến không đánh rát, không vây hãm thành-trị của Từ-Hải, quân của Từ-Hải không hề lâm vào thế cực-dịch không nổi, Từ-Hải chưa đến nước phải mở cửa thành thề xin hàng vì kiệt sức. Ấy vậy mà Từ bằng lòng làm lễ minh-thệ ở chân thành (thành hạ minh). Là vì Từ tin ở lời sù-giả. Có lẽ sù-giả của Hồ đã hứa hẹn với Từ nhiều điều hay, đẹp, nên Từ xiêu lòng và bằng lòng làm lễ đầu hàng, như là kẻ bại trận.

— Mượn chữ *thành hạ yếu minh* để nói việc Từ-Hải xin đầu hàng, tác-giả muốn mượn lịch-sử để chê Từ-Hải và Hồ-tôn-Hiến.

a) Không bị đánh gấp, không bị kiệt sức mà Từ-Hải đã nhận làm lễ xin hàng lễ ấy vốn là một điều đại sĩ-nhục. Như vậy Từ-Hải đã quá nghe lời đàn bà, không nghĩ đến danh-dự kẻ làm Tướng.

b) Lễ thành-hạ-minh tuy là một lễ thậm sĩ nhục cho vua chư.hầu nhưng nhờ lễ ấy vua chư.hầu bảo toàn được đất đai quân-lực, và thân-gia Từ-Hải tin.tưởng ở lễ *thành hạ minh.*, mà sau thân bị hại, thành bị phá, quân bị vỡ. Hồ-Tôn-Hiến đã áp dụng lễ *thành hạ minh* một cách đối trá khác hẳn cổ nhân.

— Tần-Đà tiên.sinh, đọc đến câu này, đã phê Hai câu này tác giả có ý thương cho Từ-Hải, mà một chữ « *tin* » trong câu đây, tác có nghĩa mất mát họ Hồ ».

2017) *Ngọn cờ ngợ-ngác, trống canh trề-tràng*, ý nói hiệu-lệnh trong quân không được nghiêm-chỉnh, công việc phòng-thủ sơ-khoảng, không được nghiêm-mật.

Cờ trống tức kỳ cờ 旗鼓 là những thứ dùng làm hiệu lệnh trong quân.

Sách *Tả-truyện* có câu *Sư chỉ nhĩ mục tại ngó kỳ cờ*, 師之耳目在吾旗鼓 tai mắt của ba quân ở cờ trống của ta,

Việc binh bỏ chẳng giữ giàng.

Vương-sư dòm đã tỏ tường thực hư, (2018)

Vậy mà đây ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trê trắng tức là hiệu-lệnh trong quân không được nghiêm-minh cho nên ngọn cờ coi mới có vẻ ngơ-ngác và trống canh gáo mới trê trắng.

Ngọn cờ ngơ ngác là ngọn cờ nghiêng-ngheo, xiêu vẹo, không ngay ngắn, coi như ngơ-ngác nhún bèn nọ ngó bên kia.

Trống canh trê trắng là tiếng trống canh thừa thót không đúng giờ đúng mực.

Câu này tả quân dung của Từ-Hải chán-nản uể-oải, mềm yếu như lòng Từ-Hải lúc này.

Cũng vì Từ tin ở lời thành hạ yếu mình nên không chú trọng đến việc quân ngũ như thế.

Thế của quân Từ-Hải lúc này rõ ràng đã chuyển ra thế hàng.

2018) Tin ở lời sư-giả của Hồ, Từ bỏ không giữ gìn việc binh. Đó là một khuyết điểm lớn của Từ-Hải. Sở dĩ Hồ phải sai quân thuyết hàng là vì binh thế của Từ-Hải mạnh. Nay nhất đán binh-thế của Từ sút kém, thì Hồ còn coi Từ vào đâu. Dù lỗi phần lớn ở Thúc-Kiều đã khuyến-khích Từ-Hải, song cũng một phần lỗi ở Từ-Hải chủ quan khinh địch, không biết giữ gìn việc binh thân trọng đến phút cuối cùng.

Vương Sư 王師 là quân nhà Vua, tức quân của Hồ Tôn-Hiến

Dòm tức là dòm-dò. Chữ dòm cho biết Vương-Sư vẫn cho người dòm-dò dò xét quân tình Từ-Hải. Tài kinh-luân của Tôn-Hiến đã biểu-lộ ra ở chỗ biết tổ-chức cơ quan tình-báo ngay từ phút đầu, để dò xét tình hình quân sự của Từ-Hải. Có bản chép là nghe.

Thực hư 實虛 là tình hình thực, giả ra làm sao. Hồ Tôn-Hiến dò-xét đã biết rõ ràng tình hình quân đội của Từ-Hải.

Hồ-Công quyết kế thừa cơ. (2019)
Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ tập-công. (2020)

Trái lại, Từ Hải thì mờ-mịt chẳng hiểu tình hình Vương-Sur ra làm sao. Riêng về điểm này, người ta có thể nói rằng giá không đầu hàng, cứ đánh thì Từ - Hải sau cũng đến bị thua mà thôi. Vì dùng binh, không biết rõ địch quân là một khuyết - điểm rất lớn.

2019) *Quyết kế* là quyết định mưu kế. Hồ-công lập kế để lừa Từ-Hải.

Thừa cơ là nhân cơ hội, đây là nhân cơ-hội Từ Hải không phòng bị.

Ông Hồ này kể cũng tiêu - nhân thay ! đã sai người dụ hàng rồi, lại còn dùng kế để hại người ta. Đánh rằng *binh dĩ trá lập, binh bất yếm trá*, việc binh đứng lên trên sự đối trá, việc binh không kiêng sự đối-trá, nhưng Hồ có dùng binh đâu ? Hồ dùng chính trị chứ không dám tiến quân. Dù sao thì Hồ cũng không phải là một người quân tử theo quan niệm nhà Nho. Không - Tử đã nói :

Khử thực, khử binh, tin bất khả khử

去食去兵信不可去

Nghĩa là ; Bỏ được lương thực, bỏ được quân đội, chữ Tin không thể bỏ được.

Ngay như bây giờ, trong các cuộc giao thiệp quốc - tế, chữ Tin cũng vẫn được coi là một yếu tố căn bản bảo đảm cho nền hòa bình, trật tự chung. Không có tin nghĩa làm gốc, thì các hiệp ước, các tổ chức quốc tế hỏi còn có giá trị gì ?

— *Lễ tiên binh hậu* là trước thì lấy lễ mà dụ hàng sau thì phục binh mà đánh.

— *Khắc cờ* là khắc định kỳ hạn, ấn định ngày giờ.

— *Tập công* là đánh úp, tức là đánh lúc quân địch bất ngờ.

Mưu kế của Hồ-Công rút lại chỉ là mẹo đánh lừa. Lấy lễ dụ hàng đánh lừa cho người ta không phòng bị ; lấy đánh

Kéo cờ chiếu-phủ tiên phong (2021)
Lễ nghi giàn trước, bác-đồng phục sau. (2022)

nghĩa đem quân đến chiếu an đánh lừa người ta ra ngênh tiếp rồi cho quân mai phục nổi dậy đánh bất thành linh.

Chẳng những đánh lừa Từ - Hải, Hồ lại đánh lừa cả Kiều. Kiều thì phải lừa gạt nhiều lần đã quen rồi. Duy Từ-Hải lần này phải lừa lần đầu tiên và cũng là lần trót.

— Hai câu này dùng toàn chữ Nho, nhưng tác - giả khéo lừa chữ ghép câu, khiến nhiều người không chú ý và không ngờ rằng hai câu đó là hai câu thuần chữ nho :

Hồ Công quyết kế thừa cơ

胡公決計乘機

Lễ tiên binh hậu bắc cờ tập công

禮先兵後刻期襲攻

(2021) *Chiếu phủ* 招撫 là chiêu dụ và vỗ yên.

Tiên phong là toán quân đi đầu.

Toán quân đi đầu kéo cờ đề chữ « *Chiếu Phủ* » đề cho mọi người biết rằng toán quân đó không cốt đi đánh nhau mà cốt đi dụ giặc và vỗ về yên ủi giặc ra hàng.

Hồ tôn Hiến nêu cao biện cờ *Chiếu Phủ* cốt cho quân Từ-Hải tin rằng không có sự đánh nhau và không chuẩn bị đối phó cho Hồ để thi hành mưu kế.

Lễ nghi giàn trước là các đồ hành nghi theo nghi lễ dụ hàng giàn bày ra phía trước đề đánh lừa Từ-Hải.

Bác đồng phục sau, còn ở phía sau thì phục sẵn súng lớn bằng đồng (bác đồng) đợi tấn công.

Lễ nghi giàn ra phía trước chỉ là đề che đậy quân lực mai phục phía sau, đồng thời dụ cho Từ-Hải ra mà đánh bất ngờ.

Câu này diễn đạt cho rõ thêm ý mấy chữ *Lễ tiên binh hậu* ở trên.

— Tất cả mọi sửa soạn, dàn cảnh của Hồ đều nhằm mục đích đánh lừa Từ-Hải. Vậy mà thủy chung Từ - Hải vẫn

Từ-Công hờ hững biết đâu, (2023)
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên. (2024)
Hồ-Công ám hiệu trận tiền. (2025)

không hay biết tí gì, xét như vậy thì Từ tuy là bậc anh hùng năng-văn (hay chữ) thật đấy, song vẫn nặng về chữ *Dũng* mà nhẹ về chữ *Mưu*, nếu không phải là « hữu dũng vô mưu.

2023) Hờ hững không biết đâu mưu-mẹo của Hồ-Tôn-Hiến. Đó không phải lỗi ở Thủy-Kiều hay của thời vận hoặc số-mệnh mà lỗi của kẻ làm tướng khinh-địch chủ quan, chỉ biết mình, không biết người.

Xét ra thì Từ-Hải bị chết về tay Tôn-Hiến cũng chỉ oan có một phần nào thôi.

2024) *Đại quan* 大関 là mũ lớn, tức là thứ mũ đại-trào dùng vào các cuộc trọng lễ, chứ không dùng khi ra trận cầm quân.

Lễ phục 禮服 là quần áo đại-lễ, tức là y-phục đại-trào, thứ y-phục dành riêng để tiếp rước hay yết kiến, chứ không tiện dụng cho việc cầm quân.

Riêng *Đại quan* và *lễ phục* để làm cho Từ-Hải nếu gặp biến cố, hóa lúng túng không tiện đối phó.

Đầu 投 là đầu hàng.

Cửa viên là cửa dinh trại.

Từ-Công yên trí là Hồ-Công đem quân đến chiêu-phủ, nên không phòng bị gì, cứ thần-nhiên đội mũ. bận áo đại-trào, ra đầu hàng ở ngoài cửa thành.

2025) Thấy Từ, Hồ-Công liền ra ám hiệu cho quân-lính ở ngay trước trận.

Ám hiệu là dấu hiệu riêng. dấu hiệu ngầm, chỉ quân sĩ được dặn bảo trước là hiểu được. Mưu kế Hồ đã bàn tính dặn bảo trước với quân-lính rồi. Chúng chỉ đợi ám hiệu của Hồ là thi-bành.

Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ. (2026)

Đang khi bất ý chẳng ngờ. (2027)

Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn. (3028)

Tử sinh liều giữa trận tiền (2029)

Dạn dầy cho biết gan liền tướng-quân. (2030)

2026) Ba bề phát súng là ba phía bắn súng vào Từ-Hải. Có bốn phía, thì một phía là dinh trại của Từ-Hải, cho nên ba phía bắn súng, vào Từ-Hải : phía tả, phía hữu, phía trước mặt.

Bốn bên kéo cờ là bốn phía quân-sĩ mai phục kéo cờ nổi dậy xông lại đánh Từ-Hải.

Súng thì ba phía bắn lại, còn quân mai phục thì có lẽ cả phía sau lưng. Từ-Hải cũng có sẵn, cho nên « bốn bên kéo cờ » Âm-hiệu của Hồ vừa ra tức thì súng ba phía bắn lại, quân bốn phía kéo cờ đổ ra vây.

2027) Bất ý 不意 là không đề ý, không ngờ, vô-tình.

Như vậy là Hồ-Công xuất kỳ bất ý đem quân đánh giữ lúc Từ-Công không ngờ. Đánh như vậy thì đối phương khó mà đối phó lại được.

2028) Hùm thiêng là hùm dữ đã thành tinh có phép thiêng liêng. Hùm thiêng vốn đáng sợ, nhưng khi đã sa vào cơ mưu, (sa vào cạm bẫy) thì cũng hóa hèn, không làm chi được.

Tác giả ví Từ-Hải lúc này như hùm thiêng mắc bẫy. Vì thật ra Từ-Hải đã mắc phải bẫy củ Hồ-Tôn-Hiến. Đã mắc bẫy, thì hùm thiêng cũng hóa hèn, Từ-Hải tuy kiêu dũng, anh hùng, lúc này cũng không giở tay kịp.

2029) Từ-Hải đánh liều sống liều chết ở giữa trận. Vì lui không kịp tiến không xong:

2030) Từ-Hải không lẩn tránh, không chạy trốn, không van xin, cứ dầy dạn chống đỡ giữa trận, cứ lẳng lẳng chịu các vết thương tỏ ra cái gan góc của ông Tướng.

Khí thiêng khi đã về thần. (2031)
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng! (2032)

Gan liền tướng quân là ông tướng quân gan liền, không biết sợ là gì ?

Gan liền là gan liền với người, ý nói lúc nào người cũng gan góc can-đảm.

2031) *Khí thiêng* lúc linh khí 靈氣 là cái khí thiêng-liêng của sông núi. *Khí thiêng* đây là nói người anh-hùng, vì xưa người ta thường cho rằng khí thiêng của sông núi nung - đúc nên bậc anh hùng.

Về thần tức là chết. Do những ý chữ sách sau này ghép lại; *sinh ký tử quy* sống là gửi thác là về; *sinh vi tướng tử vi thần* sống thì làm tướng chết thì làm thần.

— Tác-giả đã dùng những chữ rất tôn kính cao cả để nói về cái chết của họ Từ; đối với họ Từ tác giả tỏ một thiện-cảm nồng-bậu, và lòng kính mộ sâu xa mãi đến lúc họ Từ chết. Điều đó tỏ rằng giữa Từ-Hải và tác giả đã có một luồng thông cảm sâu xa. Hoặc giả Từ-Hải chỉ là cái biểu-liệu của khí-phách anh-hùng đã chết trong lòng tác-giả, khi tác-giả phải « *bỏ thân về với triều đình* » mới chẳng?

2032) Từ-Hải chết đứng giữa vòng vây của quân quân.

Từ-Hải chết rồi điệu bộ coi vẫn cứ nhơn nhơn không khác gì lúc sống, chẳng biết sợ là gì.

Tác-giả tả Từ-Hải chết đứng có lẽ để nói kín đáo cho ta biết mấy điều sau này :

a — Người anh-hùng sống khác người mà chết cũng khác người, sống hiên ngang mà chết cũng hiên ngang.

b — Từ-Hải chết một cách oan ức bất ngờ. Ta thường dùng chữ *chết đứng* để nói bị oan ức không thể nói ra được.

c — Từ-Hải vì phần uất-căm hờn về ngón lừa gạt tiền-nhân của Hồ-Tôn-Hiến mà chết, chứ không chết vì tên, đạn bắn phải người.

Trơ như đá, vừng như đồng.
 Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời,
 Quan quân truy-sát đuổi dài. (2033)
 Âm ầm sát-khi ngất trời ai đang ! (2034)
 Trong hào, ngoài lũy tan hoang. (2035)
 Loạn quân vừa dất tay nâng đến nơi, (2036)

2033) *Truy sát* là đuổi theo đánh giết. Từ-Hải chết rồi, quan quân liền đuổi theo đánh giết bọn tướng-tá quân-sĩ của Từ-Hải.

Chủ-tướng của họ bị hại rồi, quân Từ bây giờ như rắn không đầu, làm gì quan quân chẳng truy sát được. Trước chỉ sợ có Từ-Hải là đáng anh hùng, nay Từ đã chết, quan quân còn sợ gì mà chẳng đuổi dài. Câu này có ngụ ý mỉa mai mát mẻ.

— Có bản chép là : *thừa thể đuổi dài*.

2034) Giữa lúc quân tướng Từ-Hải sửa soạn ra nghênh tiếp quan-quân đến chiêu phủ, mà quan-quân lại trở mặt xông vào chém giết, trong khi bất ý ai còn đối phó kịp, làm chi **chả**.
Âm ầm sát khi ngất trời ai đang.

Cũng như câu trên, câu này ngụ ý mỉa mai khinh-bí một cách kín đáo.

2035) Họ phá phách, triệt hạ tan hoang cả hào-lũy là những công-trình phòng ngự của Từ-Hải.

Đánh vào chỗ không người làm chi mà **chả** hung bằng mạnh bạo ?

2036) *Loạn quân* là đám quân lính lộn-xộn.

Bọn họ dất tay Kiều đến chỗ Từ-Hải chết đứng.

Có lẽ Hồ-Tôn-Hiến đã có lệnh nên bọn này không **hại** Kiều mà lại dất nâng đến nhận xác Từ-Hải.

Trong vòng lên đạn bời bời
 Thấy Từ còn đứng giữa giời tro-tro !
 Khóc rằng : « Tri-dũng có thừa,
 « Bời nghe lời thiệp nên cơ-hội này ! (2037)
 « Mặt nào trông thấy nhau đây ?
 « Thà liều sống chết một ngày với nhau ! » (2038)
 Dòng thu như giội cơn sầu (2039)
 Dứt lời nằng cũng gieo đầu một bên.
 Lạ thay oan khí tương triền, (2040)

Tên đá dịch chữ *thỉ thạch* là mũi tên và viên đạn bằng đá. Ngày xưa lấy đá làm đạn bắn máy nổ.

Có bản chép ; *tên đạn* nghĩa cũng thế.

2037) *Cơ-hội* đây nghĩa cũng gần như cơ sự hay nông-nổi.

Thúy-Kiều biết rằng nàng đã nghĩ lầm, Nhưng Từ - Hải đã chết.

Lúc này không biết hai tên thê-nữ và nghìn cân ngọc vàng Kiều có còn giữ được không ?

2038) Cứ kể như Kiều lúc này, thì riêng một nỗi hồ-thẹn cũng có thể chết đi được. Chữ chưa nói đến nỗi thương xót Từ-Hải. Nhưng nàng không liều một chết đâu. Nàng nói vậy thôi. Bởi vì Đạm - Tiên đã bảo với nàng là đến sông Tiền-Đường mới hết kiếp đoạn trường.

2039) *Dòng thu* tức dòng nước mắt.

Thu tức thu thủy là nước mùa thu, thường dùng trong văn chương để nói cơn mắt (trong như nước mùa thu). *Dòng thu* tức *dòng thu-thủy*, là *dòng nước thu* hay là *dòng nước mắt*.

Như giội cơn sầu là dòng nước mắt tuôn rào như giội từng cơn sầu xuống ý nói Kiều khóc lóc thảm thiết nước mắt tầm tã như mưa.

Có bản chép : *như xối cơn sầu* nghe cần kỳ khó hiểu.

2040) *Oan khí tương triền* là khí oan quấn-quýt với nhau.

Oan khí là cái khí oan thù uất hận của Từ-Hải và cái khí oan thù uất hận của Thúy-Kiều hình như quện với nhau

Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.
 Quan quân kẻ lại người qua.
 Xót nàng khê lại vực ra dần-dần,
 Đem vào đến trước trung-quân,
 Hồ công thấy mặt ân cần hỏi han,
 Rằng: « Nàng, chút phận hồng-nhan
 « Gặp cơn binh cách nhiều nản cũng thương(2041)

hòa-hợp với nhau, thông-cảm với nhau, cho nên Kiều vừa phục xuống cạnh Từ Hải, thì xác Từ-Hải chết đứng cũng ngã ra. Nỗi oan kết đọng trong lòng đã làm Từ-Hải lịm đi chết đứng giữa vòng vây. Nay nỗi oan ấy hình như đã được Kiều chia sẻ một phần, nó không còn đủ sức chôn chân Từ-Hải nữa, nên xác chàng ngã xuống theo Kiều.

— Tác giả cố ý đưa chi tiết này ra để diễn-đạt ý « *khi-thiệt về thân* » ở trên.

Từ-Hải chết rồi song vẫn cảm thông được với bụng dạ tri-kỷ của Thúy-Kiều. Đồng thời để tả tấm lòng thành-thực thương-xót của Thúy-Kiều, đối với cái chết bất ngờ của Từ-Hải. Lòng thành của Kiều đã cảm cách đến linh-hồn Từ-Hải. Bản tâm Kiều không định khuyên Từ-Hải vào chỗ chết, nàng không hề thông-đồng với Hồ-Tôn-Hiến lập mưu lừa gạt Từ.

Một mặt khác, đã tả cái chết biền-ngang phi-thường (chết đứng) của Từ, như trên, thì ở đây, phải đưa chi tiết này ra để giải-kết.

2041) *Bình cách* cũng nghĩa như binh biến, binh hỏa.

Cách chinh nghĩa là đánh. Xưa trong quân bị có nhiều thứ làm bằng da. Cho nên dùng chữ *bình-cách* để trừu tượng binh biến.

Nản tức là tai nạn, hoạn-nạn.

Cũng *thương*, hai câu này nghe rõ ra lời một ông quan lớn nói với một người dân-bà dân đen, làm ra bộ kẻ cả thương xót người tri hạ.

« Đã hay thành toán miếu-đường, (2042)
 « Giúp công cũng có lời nài mới nên ! (2043)
 « Bây giờ sự đã vẹn tuyền.
 « Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào ? »
 Nàng càng giọt ngọc tuôn rào,
 Ngập-ngừng mới gửi thấp cao sự lòng. (2044)

1042) Thành toán miếu đường mượn câu trong Tôn . Tử bình-pháp thành toán ở miếu đường 成算於廟堂 nghĩa là mưu mẹo đã tính trước ở nơi miếu đường tức là nơi triều đình. Cắt quân đi giúp giặc, muốn thủ - thắng phải định mưu tính kế trước từ khi còn ở chốn triều - đình, tức là chiến lược phải định đoạt sẵn trước khi cắt quân.

Theo lời Hồ - Công nói, thì mưu đánh lừa Từ . Hải Hồ đã tính trước từ khi ở trong Triều. Tính toán mưu-lược trước như vậy, cho nên thủ thắng một cách dễ dàng. Duy, có điều đáng chê, là mưu chước bất nhân quá. Dùng mưu ấy, dù có thắng trận, song tránh sao khỏi lời tiếu-mạ người đương thời và người đời sau ?

— Hồ nói câu này, có ý đánh hạ giá việc Hồ nhờ Kiều khuyên Từ-Hải ra hàng. Hồ thắng là thắng về mưu - lược định trước ở Triều đình, chứ không thắng cả về lời khuyên của Kiều.

2043) Nhưng sau lại ghi công an ủi Kiều, Kiều : tuy nhiên cũng nhờ có lời nàng thì mưu lược mới thành . công được.

Hồ-Công nhận Kiều có một phần công trạng trong việc giết Từ-Hải. Hồ có ý làm ngơ trước vẻ buồn rầu thương xót của Kiều, cố ý kéo Kiều về phe đối-lập với Từ-Hải. Và hỏi xem nàng muốn được thưởng công những gì.

2044) Kiều nghe hỏi càng khóc-lóc thảm thiết hơn.

Giọt ngọc nghĩa như giọt châu là nước mắt. Nàng ngập ngừng, trình bày nỗi lòng của nàng, qua những cái thỏn - thức Gửi tiếng cô, nghĩa là trình, thưa.

- Rằng : « Từ là đứng anh-hùng.
 « Dọc ngang trời rộng vầy vùng bề khơi.
 « Tin tôi nên quá nghe lời.
 « Đem thân bách chiến làm tôi triều đình, (2045)
 « Ngõ là phu quý phụ vinh. (2046)
 « Ai ngờ một phút tan tành thịt xương,
 « Năm năm trời bề ngang tằng, (2047)

Thấp cao sự lòng là gốc ngọn những nông - nổi trong lòng.
 2045) *Bách chiến* tức là *bách chiến bách thắng* 百戰百勝 nói tắt. *Bách chiến bách thắng* là đánh trăm trận được cả một trăm trận, ý nói Từ-Hải là bậc anh hùng vô địch;

Làm tôi triều đình là về hàng phục Triều đình.

Bằng câu trên và câu này. Kiều có ý bác lời khoe công của Hồ và trách Hồ :

a) Mưu lược ở chốn miếu đường của Hồ không thể thắng nổi được Từ-Hải. Hồ có đánh thì cũng bị thua. Vì Từ bách chiến bách thắng.

b) Từ - Hải ra hàng, không phải vì cảm phục ơn đức của Triều đình, cũng không phải vì sức yếu không địch nổi quân Triều đình. Chỉ là vì tin và quá nghe lời Kiều.

c) Từ đầu hàng Triều đình mà bị chết một cách âm mưu, oan ức.

2046) Kiều khuyên Từ-Hải ra hàng, không phải là vì « của nhiều nói ngọt » mà là vì Kiều tin ở lượng Triều đình, tin ở lòng tin nghĩa của Hồ ;

Nàng ngờ rằng về hàng thì sẽ được phú quý vinh « chồng quan sang vợ bá lớn».

Nói *ngờ* tức là nói nàng đã bị đánh lừa. Hồ tôn Hiên nghe lời nàng nói không biết có lấy làm sượng sùng hổ thẹn không?

2047) Từ Hải ngang tằng trời bề rộng 5 năm trời, có coi ai ra gì đâu, có ai động chạm được tới chàng đâu.

- Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không (2048)
- Khéo khuyên kẻ lấy làm công, (2049,
- « Kề bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu 1
- « Xét mình công ít, tội nhiều, (2050)
- « Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi.

Kiều cố ý nhắc lại cái khí-phách kiêu-hùng của người anh-hùng +ô-địch.

2048) Nay người anh-hùng ấy bỗng dẫn thân ra chiến-trường bỏ mình như không.

Tại sao người anh-hùng ấy lại dẫn thân đi bỏ chiến trường như vậy? Có phải là vì điên rồ không? Có phải vì ngu dại không?

Chỉ vì tin Triều đình nên ra đầu-bàng để mong hưởng công-danh phú quý.

Tuy rằng Kiêu kẻ-lẽ tự-nhiên như vậy, song ngẫm nghĩ ra đều có ý qui cho Hồ cái tội lừa dối bất nhân và cho Hồ biết rằng: Hồ đã thắng trận một cách không chính đáng và không vẻ-vang chút nào.

2049) Kiêu nói với Hồ: ông kẻ công tôi đã khéo khuyên Từ ra hàng, nhưng ông kẻ bao nhiêu thì tôi đau lòng bấy nhiêu.

Kiều gián tiếp nói: tôi có khuyên chồng tôi ra hàng để ông giết chồng tôi đau, mà bây giờ ông bảo tôi có công?

2050) Công ít: chúng tôi đồng-ý với Tản-Đà Tiên-sinh chê Kiêu đã nói hai tiếng này.

Nàng không nên nhận việc khuyên Từ-Hải ra hàng là một cái công, dù là công nhỏ xíu.

Khuyên chồng ra hàng để người ta giết chồng, như vậy là Kiêu gián tiếp giết chồng.

Nếu lại nhận đó là một cái công nhỏ, thì chả hoá ra Kiêu đã cố ý giết Từ-Hải ư?

Có người muốn cho là lời Kiêu nói để mỉa lại Hồ-Tôn. Hiên đã nói đến công. Hiên theo cách nào chẳng nữa, thì hại

Xin cho thiên-thổ một đôi, (2051)

Gọi là đắp điểm lấy người tử sinh (2052)

tiếng « công it » thốt ra từ miệng Thúy-Kiều, cũng biểu lộ một trình độ đạo đức thấp kém. Dù sao Kiều cũng không nên nói « công ».

Nếu nói « công » thì bao nhiêu lời nói của Kiều ở trên đều bỏ đi hết, không còn chút giá trị nào.

2051) Thiên thổ 淺土 là đất nông.

Đôi 垆 là nắm, gò, đống.

Thiên thổ một đôi là một nắm đất nông.

Kiều xin Hồ-tôn-Hiến cho một nắm mỡ nông để chôn Từ-Hải. Nàng phải xin Hồ đặc ân chôn cất cho Từ-Hải là vì thời bấy giờ người ta có lệ bôi dầu tẩm ướp giặc,

Kiều xin một đôi thiên-thổ, là tỏ ý khiêm tốn, chỉ xin Hồ mai táng qua loa cho xong việc, chứ không dám đòi hỏi nhiều.

Chỉ tiết này cho biết lúc này Kiều chỉ có một ý nghĩ là thương xót Từ-Hải?

Không nên hiểu thiên thổ là đất không sâu, đất nông. Đây là nói nắm mỡ đắp thấp, không dung công đắp cao, đắp lạo thảo vôi vàng dãi qua loa. Vì nắm mỡ đắp thấp nên coi như là nông choèn choèn mặt đất. Ở đoạn trên, người khách viễn-phương cũng chôn cất Đạm-Tiên qua loa như thế: Vài nông một nắm mỡ dầu cổ hoa.

Thiên thổ một đôi nghĩa cũng như vài nông một nắm.

Thiên thổ một đôi, hai chữ một đôi nhiều người thường hiểu lầm, vì tiếng nôm có tiếng một đôi là một cặp.

Viết thiên thổ một đôi xét ra không được phổ thông. Không ai nói một đôi đất hay một đôi thiên thổ bao giờ. Vả chăng, viết vừa chữ vừa nôm như vậy, không hợp văn pháp.

Ngờ rằng tác-giả viết « thiên thổ nhất đôi ». Viết thiên thổ nhất đôi, tuy toàn chữ Hán, song nghe lại dễ hiểu hơn là thiên thổ một đôi, vì không có sự hiểu lầm một đôi là một cặp.

Có lẽ khi sao chữ nôm ra quốc-ngữ, người ta đã chép nhất đôi ra một đôi, khiến cho câu văn hóa khó hiểu.

2052) Gọi là đắp điểm: vì là vùi nông một nắm, nên Kiều nói gọi là đắp điểm, để vùi lấp cho Từ-Hải.

*Hồ Công nghe nói thương tình,
Truyền cho kiều-táng di hình bên sông, (2053)*

Người tử sinh : có mấy bản Pháp-văn giảng là người mà sống chết Kiều vẫn yêu, hoặc người mà Kiều quyến luyến lúc sống cũng như lúc chết.

Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ Kiều không định nói với Hồ. 10n-Hiển như vậy. Kiều lúc này đang cầu xin Hồ chôn cất cho Từ-Hải. Điều nàng yêu Từ-Hải lúc sống cũng như lúc chết, đưa ra không lợi ích gì cho việc này.

Có lẽ nàng phải đề cao giá-trị của Từ-Hải để Hồ không dám coi thường Từ, không dám đem bêu xác Từ, mục-đích làm điều nàng thỉnh-cầu được Hồ chấp thuận.

Và như vậy, thì phải hiểu *người tử sinh* là người *sinh vi tướng tử vi thần* 生為將死為神 nói tắt.

Sinh vi tướng tử vi thần, sống làm tướng, chết làm thần, Kiều muốn cho Hồ biết Từ sống khôn chết thiêng, và giầu tiếp bảo Hồ rằng không nên bạc đãi thể xác của Từ.

Những việc đã xảy ra ở trên như việc Từ chết đứng ai tay chẳng chngừn ai rung chẳng đời, việc Kiều gieo mình khóc than bên cạnh mà xác Từ ngã ra, chứng-thực rằng Từ-Hải quả *sinh vi tướng tử vi thần*, như lời Kiều nói.

2053) *Kiều táng* hay *cáo táng* 徯葬 chính nghĩa là bỏ cỏ bỏ chiếu mà chôn, đây có nghĩa là chôn cất qua loa, sơ sài.

Di hình 遺形 là cái hình-thể còn sót lại, đây là xác chết của Từ-Hải.

Bên sông chôn ở bên sông tức là chôn cầu thả, sơ sài, vì ở bên sông thì thường bị nước tràn sông yở, nấm mồ không được yên.

Kể ra Từ-Hải được chôn cất như vậy, cũng là một điều may mắn đặc-biệt rồi. Và đó là vì Hồ-công nể lời Kiều lắm.

Thời bấy giờ những tướng giặc kiệt-kiệt như Từ-Hải một khi bị giết, lẽ ra còn phải đem bêu xác ở nơi đông người qua lại như chợ búa, để làm gương cho kẻ khác và để đề cao thế lực quân đội Triều-đình..

Trong quân mở tiệc hạ-công (2054)
Xôn xao ti trúc hội đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn (2055)
Giở say lại ép cung đàn nhật tấu (2056)
Một cung gió thổi mưa sầu, (2057)
Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay, (2058)

2054) *Hạ công* 賀功 là ăn mừng thành-công.

Hồ-tôn-Hiến truyền quân lính mở tiệc ăn mừng cuộc chiến thắng Từ-Hải.

Từ hùng-cử một phương trong 5 năm trời, nay Hồ hạ được Từ, nên cho đó là một công-trạng lớn đáng ăn mừng.

2055) Hồ bắt Kiều thị-yến ở dưới trướng.

Thị yến là hầu việc ăn tiệc. Thực ra là Hồ bắt Kiều cùng ngồi uống rượu ăn tiệc với Hồ. Giết chồng lại bắt vợ ngồi hầu rượu ăn mừng việc giết đó, như thế kẻ cũng vô nhân đạo. Nhưng thời xưa thường có sự đó, Tướng thắng trận lại thường lấy sự đó làm điều hãnh-diện và tự-hào.

2056) *Cung đàn nhật tấu* là cung đàn (đây là bản đàn) Kiều chơi quen mọi ngày.

Nhật tấu tức *nhật tấu* tức là chơi nhạc hằng ngày.

Khi đã say rượu nửa chừng rồi, Hồ cao hứng ép Kiều gảy bài đàn nàng vẫn chơi mọi ngày. Có lẽ Hồ đã nghe biết tài âm-nhạc của Kiều nên lúc này mới ép nàng như vậy.

Bắt người ta hầu rượu lại bắt người ta đánh đàn trong tiệc ăn mừng giết chồng người ta, kẻ Hồ cũng nhân tâm quá.

— Có bản chép là : *cung đàn nhật tấu*.

2057) Cung đàn làm lan ra một nỗi buồn mệnh mang ghe rợn bao trùm khắp cả trời đất như gió thổi mưa sầu.

2058) Tiếng đàn nào cũng bị thương, thấm thiết, ai oán, nỉ non, người nghe tưởng chừng như thấy máu trong tâm người gảy đàn trào ra năm đầu ngón tay dầm vào bốn giây tơ mà thành tiếng, Chỉ có tiếng máu thì mới sâu-thấm ai oán đến như thế.

Ve ngâm vượn hót nào tây, (2059)

2059) Người ta thường cho tiếng ve kêu, tiếng vượn hót trong rừng là buồn. Nhưng chưa buồn bằng tiếng đàn của Kiều. Đến nỗi một người như Hồ-tôn-Hiến nghe mà cũng chau mày và rỏ nước mắt.

Khi Kiều gảy đàn cho Kim-Trọng nghe, tiếng đàn đã khiến người nghe phải ;

Khi tựa gối khi cúi đầu

Khi vô chên khúc khi chưa đối máy.

Rằng hay thì thực là hay

Nghe ra ngâm đắng nuốt cay thế nào.

Bấy giờ Kiều trong lòng vui tươi thư thái mà tiếng đàn còn sâu-thấm đến như thế. Lúc này, trong lòng Kiều muồn thăm nghìn sâu nước mắt khóc chồng chưa ráo, lúc này nàng gảy đàn thì khúc đàn Bạc-Mệnh còn ai oán thiều-não gấp bội nhiều. Khó lòng tả-xiết.

Cho nên tác-giả đã phải lấy gió thấm mưa sâu để ví với nỗi buồn mệnh-mong ghê-gớm của tiếng đàn ; tác-giả đã phải nói rằng đó là máu trong tim trào ra dầy đàn thành tiếng.

Nghệ - thuật chơi đàn của Kiều đã tới chỗ nhập-diệu. Nàng chơi đàn thì bằng tất cả tâm hồn. Tiếng đàn đã thành tiếng lòng nàng. Nàng đau buồn thì tiếng đàn đau buồn. Nàng sâu thăm thì tiếng đàn sâu thăm. Tâm hồn nàng là cây đàn. Hay cây đàn là tâm hồn nàng. Trên kia Kim-Trọng đã ca tụng ngón đàn của nàng :

Nước non luống những lẳng tại Chung-Kỳ.

Có ý khen nghệ-thuật chơi đàn của nàng ngang với Bá-Nha thuở xưa.

Đến đây, ta thấy lời khen đó không có gì là quá đáng.

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ tác-giả chủ trương rằng nội tâm với ngoại cảnh, hay tâm với vật liên-hệ và ảnh hưởng mật thiết với nhau.

Ngoại cảnh chỉ là phản ảnh của nội tâm. Tâm con người ta tạo nên tất cả mọi vui, buồn, mọi cảnh-trạng, như thuyết « nhất thiết duy tâm tạo » của nhà Phật.

Lọt tai, Hồ cũng chan mây rơi châu,
 Hỏi rằng : « Này khúc ở đâu ?
 « Nghe ra muồn oán nghìn sầu lăm thay ! »
 Thưa rằng : « Bạc-mệnh khúc này,
 « Phở.vào đàn ấy những ngày còn thơ.
 « Cung cầm lựa những ngày xưa,
 « Mà gương bạc-mệnh bây giờ là đây »
 Nghe càng đắm, ngắm càng say, (2060)
 Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình (2061)
 Dậy rằng : « Hương-hỏa ba-sinh, (2062)

Nay xét nghệ-thuật chơi đàn của Thúy-Kiều, người ta thấy tác-giả cũng chú - trọng đại khái như thế về nghệ - thuật. Nghệ thuật chỉ làm nên những câu thơ, những khúc nhạc ; tâm hồn mới làm nên thi-sĩ, nhạc-sĩ. Khúc nhạc là phần ảnh của con tâm.

2060, 2061) *Nghe càng đắm ngắm càng say* : Hồ-Tôn-Hiến đã say đắm về bản đàn của Kiều lại say đắm về nhan sắc của Kiều. Nhất là lúc này Hồ giờ say, thì lại càng khó làm chủ được tình cảm.

Mặt sắt như Hồ cũng phải ngây ngất vì tình. Điều này cho biết sau 15 năm lưu lạc giang-hồ. Kiều vẫn còn là một trang quốc-sắc. Mười lăm năm trước, lúc còn sen ngó đào tơ Kiều làm chàng Kim say mê chết mệt là phải lắm.

— Hồ-tôn-Hiến là một ông quan quyền cao chức trọng hơn mấy ông quan xử kiện thăng bán tơ, xử kiện Thúc. Ông Thúc. Sinh, nhưng tư-cách đạo-đức của Hồ có lẽ kém cả mấy ông quan nhỏ đó.

Hồ đã lập mưu đánh lừa ám hại chồng Thúy-Kiều, rồi lại bắt nàng hầu rượu, hầu đàn và ngây ngất trước tài sắc của nàng. Thật chả khác gì những kẻ « sát phu hiếp phụ ».

2062) *Hương hỏa ba sinh* đây là duyên kiếp vợ chồng, (Trên đã chưa nghĩa)

« Dây loan xin nối cầm lành cho ai ? (2063)

Thưa rằng, Chút phận lạc-loài,

• Trong mình nghĩ đã có người thác oan (2064)

— Hồ tĩ mần hỏi Kiều về truyện vợ chồng. Hồ đã có những ý nghĩ bất chính rồi. Nói nôm na, là Hồ bắt đầu tán tỉnh Kiều.

2063) *Dây loan* là dây đàn nối bằng keo máu chim loan. (Xem lời chua câu *Loan giao chấp mối tơ thừa mặc em*).

Xin nối cầm lành với ai là xin nối dây loan cho lành đàn cầm với ai, ý nói sẽ tái giá với ai.

Hồ-Tôn-Hiến bảo Thúy Kiều cho biết nàng định lấy ai. Hỏi như vậy là Hồ đã đi sâu vào việc riêng của người đàn. Và đối với Kiều, Hồ đã có một sự thân mật suông sẻ ra ngoài giới hạn của lễ giáo. Nhất là chồng Kiều vừa mới chết mà hỏi nàng điều đó, thì thật Hồ quá hồ đồ.

— Về văn chương câu này văn lý có chỗ chưa ổn.

Ngày xưa người ta thường ví vợ chồng như đàn cầm, đàn sắt.

Cho nên đàn ông chết vợ, gọi là *đoạn huyền* 斷絃 nghĩa đen là đứt dây đàn; góa vợ lấy vợ kế gọi là *tục huyền* nghĩa đen là nối dây đàn.

Đứt dây đàn và nối dây đàn nguyên là tiếng nói về người đàn ông chết vợ và lấy vợ kế.

Ở đây Hồ-tôn-Hiến hỏi Kiều :

Dây loan xin nối cầm lành cho ai.

Hỏi như vậy là hỏi người góa vợ chứ không phải hỏi góa chồng. Vì nói *dây loan xin nối cầm lành* tức là nói *tục huyền* mà *tục huyền* là chữ nói người góa vợ lấy vợ kế.

2064) Kiều có ý nói chồng nàng vừa mới chết oan, nàng đang có tang.

Lời tuy văn tắt, song ý rất thâm trầm. Kiều muốn cho Hồ biết mấy điều :

a) Ông đã giết oan chồng tôi.

b) Tôi đang có tang chồng, ông nói việc lấy chồng, là phạm vào lễ-giáo.

- « Còn chi nữa cánh hoa tàn, (2065)
 « *Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiều-Lân*, (2066)
 « *Rộng thương còn mảnh hồng-quần* (2067)
 « *Hơi tàn được thấy gốc phần là may*. (2068)

2065) Kiều muốn nói nàng như cánh hoa tàn rồi, còn chi nữa mà nói truyện chồng vợ.

2066) *Tơ lòng đã đứt* như sợi dây đàn của nàng Tiều-Lân, ý nói không mơ tưởng đến việc lấy ai nữa.

Tiều-Lân là tên một người đàn bà hay đàn, vợ vua nước Tề, sau lấy chồng khác. Nhân lúc đánh đàn đứt dây sáng xúc cảm thành thơ, có câu :

Dục tri tâm đoạn tuyệt

Ung khán tất thương huyền.

Nghĩa là : muốn biết *tơ lòng đứt nát*, thì nên xem sợi dây đàn trên gối (tức là sợi dây đàn đứt).

2067) *Mảnh hồng-quần* là mảnh quần đỏ, đây nói chút phần đàn bà.

Rộng thương còn mảnh hồng-quần là nhờ lòng thương rộng rãi của Hồ, mà Kiều còn là một người đàn bà, ý nói khỏi bị chết.

Lời nói nghe như có ngụ ý mỉa mai chua chát. Vì nghe câu này người ta có cảm giác như là nếu Hồ không thương cho, thì đến *mảnh hồng-quần* của nàng cũng không còn.

2068) *Hơi tàn* là hơi thở yếu ớt, hơi thở còn sót, ý nói người sắp chết.

— Kiều còn trẻ tuổi và không ốm đau gì, sao tự dưng lại nói mình là « *hơi tàn* » ? Có lẽ nàng định dùng chữ « *hơi tàn* » để nói nàng là người góa chồng chàng ? Đâu bà góa chồng thường tự xưng là *vị-vong-nhân* 未亡人 nghĩa là người chưa chết, ý nói đáng lẽ thì nàng chết theo người chồng thì mới phải, nhưng chưa chết được.

Người chưa chết, tuy không phải là người sắp chết, nhưng có thể là người đợi chết. Nên Kiều dùng chữ « *hơi*

Hạ-công chén đã quá say, (2069)
Hồ-Công đến lúc rạng ngày nhớ ra. (2070)

tàn » là người đời chết, nói cái ý nàng là « *vị vong nhân* » chẳng ?

Gốc phần tức là gốc dâu, đây trở nơi quê nhà. Nhà quê nước Tàu hay trồng dâu làm bờ rào.

Kiều muốn nói : người góa bụa chỉ mong Hồ cho về quê hương bản quán là may mắn rồi.

2069) *Chén đã quá say* : Hồ Công uống rượu đã quá say

Hai chữ « *quá say* » hàm nhiều ý tại ngôn ngoại , không phải Hồ chỉ quá say rượu mà thôi đâu, nếu chỉ quá say rượu, thì mấy câu dưới chả hóa vô nghĩa ư ? Và cần chi Hồ phải thắc mắc :

Sự này biết tính thế nào được đây ?

Quá say tức là quên hết lễ phải, lễ-giáo, đạo đức.

Ngồi uống rượu, nghe đàn và truyện trò với Kiều, và cuối cùng Hồ *quá say*. Vậy tất nhiên trong cái *quá say* đó có sự quên lãng đạo lý, và nhân phẩm của mình. Nghĩa là theo sau sự *quá say* đó có những việc không xứng-đáng với danh vị, thể diện một ông quan Tổng-Đốc trọng thần. Có lẽ đối với một vị trọng thần như Hồ, tác-giả không tiện nói rõ và cho rằng chỉ nói bóng gió (quá sau) như vậy người ta cũng đủ hiểu rồi.

Đọc những câu tiếp theo, ta càng thấy « *quá say* » ở đây không chỉ có nghĩa giản đơn là uống rượu say quá.

2070) Rạng ngày hôm sau, Hồ công nhớ ra.

Nhớ ra cái « *quá say* » tối hôm trước.

Nếu « *quá say* » chỉ là quá say rượu thôi, thì rạng ngày hôm Hồ còn nhớ ra cái gì nữa ? Uống rượu quá say là việc thường xảy ra, cần gì mà phải nhớ ra ?

Nghĩ mình phương diện quốc-gia (2071)
Quan trên ngắm xuống, người ta trông vào.
Phải tường trắng gió hay sao ? (2072)
Sự này biết tình thế nào được đây ?
Công-nha vừa buổi rạng ngày (2073)

2071) « *Quá say* » rượu thì can chi phải nghĩ rằng mình là một bậc phương - diện quốc-gia, quan trên ngắm xuống người ta trông vào ?

Như vậy quá say rượu là một việc

a) Có hại cho danh-dự mình.

b) Bị đư luận lên án.

c) Bị quan trên quở trách.

Không, quá say rượu bao giờ lại là một việc quan - trọng đến thế và gây nên những ảnh hưởng to-tát xấu xa đến thế.

Ta thấy rằng « *quá say* » đây quả không có nghĩa là « *quá say rượu* » hoặc « *say rượu quá* ».

— *Phương diện quốc gia* là bậc tai mắt của quốc-gia, bậc người hệ trọng của nhà nước.

2072) Hồ là một bậc « *phương diện quốc gia* » chó đầu phải là « *tường trắng gió* ».

Tường trắng là là đồ chơi bời trắng gió, đồ chơi bời diêm dàng.

Hồ muốn tự hỏi ; mình có phải tường trắng gió đầu mà làm cái truyện trắng gió ấy được ?

Hai chữ « *trắng gió* » ở câu này đã giải thích và làm lộn nghĩa hai chữ « *quá say* » ở trên kia.

Thì ra trong lúc « *quá say* » Hồ đã hành-dộng như *tường trắng gió*.

Và lúc này Hồ đâm ra ăn năn hối hận không biết tính cách nào cho khỏi mang tiếng.

2073) *Công nha* cũng như *công thự* hay *công đường* là nơi làm việc quan.

Quyết tình Hồ mới đoán ngay một bài, (2074)

Lệnh quan, ai dám cãi lời,

Ép tình mới gán cho người thổ quan, (2875)

2074) *Quyết tình tức quyết ý, quyết tâm.*

Đoán ngay một bài ; quyết đoán ngay một cách — một bài tức là một cách, một biện pháp. Biện pháp này là biện pháp làm cho Hồ khỏi mang tiếng về việc « quá say » đêm trước.

2075) *Mệnh-lệnh của Hồ Tổng-Đốc còn ai dám ai cãi lại, chống lại ? Gián tiếp cho biết Kiều đành phải vâng theo.*

Tại làm sao lúc nào nàng cũng giữ thái độ cam đành bị-động như vậy ? Nàng đã xin về quê hương, vậy sao nàng không đòi về quê-hương ? Hoặc tìm cách cưỡng lại một mệnh-lệnh vô-lý ? Suốt đời, Kiều cam chịu làm nạn-nhân của hoàn-cảnh. Tự nhiên vô-cớ Kiều bị Hồ gán cho người thổ-quan mà nàng cũng nhắm mắt vâng theo ?

Thổ quan 土官 là vị quan ở bản thổ, đại khái cũng như quan lang trên Mường nước ta.

— *Chữ gán* 贖 rất tài. *Gán* là đem kỷ vật của mình thế hoặc cầm cho ai, thí dụ như *gán nợ*, *đem con gán nợ* : đây *gán* không có nghĩa là cầm thế, mà có nghĩa là ép ai phải nhận lấy vật gì của mình đưa cho Hồ đem Kiều gán cho người *thổ-quan*. Như vậy Hồ đã coi Kiều là sở-hữu-vật của mình. Không ai lại đem *gán* của thiên-hạ cho người khác, vì như vậy thì không thể *gán* được. Do chữ *gán* đây, ta hiểu rõ nghĩa « *quá say* » ở trên, và ta thấy Hồ đã phải tìm cách tống Kiều ra khỏi tư-thất cho đỡ mang tiếng.

— Một vị trọng-thần kinh-luân gồm tài như Hồ mà đã phải thắc-mắc về việc thanh-toán vấn-đề Kiều, điều đó cho ta biết rằng giữa Hồ và Kiều đã có một mối liên-hệ khò-lòng đứt đứt, nếu không tìm được cách gán nàng cho viên *thổ-quan*. Không gán ngay đi, Hồ e rằng Kiều sẽ lẻo-đẻo theo về kinh, để tìm về quê, thì danh-dự Hồ sẽ bị tổn-thất.

Ông tơ sao khéo đa đoan. (2076)

Xe tơ sao khéo xe quảng xe xiên,

Kiếp hoa áp thẳng xuống thuyền. (2077)

Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao, (2078)

Nàng càng ủ liễu phai đào. (2079)

2076) Đa đoan là lăm mối, đây có nghĩa là rắc-rối lòi thối.

Ông Tơ-Hồng rắc rối lòi thối thật, vì xe tơ buộc chân Kiều với viên thổ quan, thì thật là xe quảng xe xiên. Kiều bắt buộc phải nghe. Viên thổ quan bắt buộc phải nhận. Ý nói cuộc hôn phối ép uổng vô lý.

2077) *Áp thẳng xuống thuyền*, người ta đưa dâu như là áp giải một tội nhân.

Áp thẳng xuống thuyền không cho dừng bước nghỉ kiệu ở dọc đường, có lẽ sợ cô dâu trốn mất chăng.

2078) *Lá màn rủ thấp* là bức trướng hay màn che cửa khoang thuyền buông thấp xuống. Đó là khoang thuyền dùng làm buồng cô dâu.

Ngọn đèn khêu cao, trong khoang buồng cô dâu, đèn thấp sáng trưng, (khêu cao ngọn cho đèn sáng) Vì đêm động phòng hoa chúc.

Tục Tàu đưa dâu vào lúc chập tối, cho nên ở đây kiệu cô dâu vừa áp thẳng xuống thuyền mà trong thuyền ngọn đèn đã khêu cao.

— Câu này tả cảnh động phòng hoa chúc ở dưới thuyền thổ quan,

Tác-giả chỉ nói lá màn rủ thấp và ngọn đèn khêu cao chứ không nói đến người. Bởi vì ở ngoài nhìn vào thì chỉ thấy ánh đèn chiếu sáng ra ngoài, còn thì lá màn rủ xuống cho kín không thấy được người ở trong.

2079) *Ủ liễu* là lòng mảy ủ-rũ buồn rầu, ý nói nàng chau lòng mảy tỏ dấu cảm tức, không bằng lòng.

Trăm phần nào có phần nào phần tươi,
 Đánh thân cát dập sóng vùi,
 Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh. (2080)
 Chân trời mặt bể lênh-dênh.
 Năm xương biết gửi tử-sinh chốn nào ? (2081)
 Duyên đâu ai dứt tơ đào ? (2082)

Phai đào là sắc mặt hồng hào nhợt-nhạt đi, tức là mặt tái đi, thất sắc. Càng là tỏ dấu căm hờn không bằng lòng.

Chữ « *càng* » ở đây rất hàm xúc. Nó chứa đựng những điều tác-giả không tiện tả rõ ra.

Kiều vốn đã không bằng lòng và căm tức về cuộc nhân duyên ép uống, « quàng xiên » giữa nàng với viên thổ-quan rồi.

Đêm động phòng nàng càng căm tức bất bình thêm về viên thổ quan.

— Liễu và đào mượn ý trong câu thơ của Bạch-cư-Dị (Trường-Hận ca) đời Đường :

Phù dung như điện, liễu như mi

nghĩa là : Hoa phù-dung như sắc mặt, liễu như lông mày.

Hoa phù-dung sắc hồng, nên đây dùng chữ *đào* để nói sắc mặt phù-dung.

2080) Căm hờn bức tức về cuộc hôn-phối với thổ-quan, Kiêu nghĩ không muốn sống. Nàng muốn nhầy xuống sông tự tử.

Ngạn-ngữ có câu : « *cướp công cha mẹ* » nghĩa là chết trẻ không trả được công ơn cha mẹ.

2081) Lênh dênh nơi chân trời mặt bể, sống chết Kiêu không biết gửi năm xương vào chốn nào. Ý nói Kiêu không biết nương tựa vào đâu. Ngạn-ngữ có câu : *sống gửi thiệt thác gửi rương* nói về nghĩa vợ chồng nhờ vả, nương tựa nhau.

Ở trên thuyền, mà dùng chữ *lênh dênh* thì sát lắm.

Kiều không tin-tưởng người thổ quan có thể cho nàng nương tựa lúc sống cũng như lúc chết.

2082) *Tơ đào* là tơ hồng, xích lẳng.

Ai dứt tơ đào là ai chia rẽ cuộc nhân duyên. Kiêu tỏ ý oán trách Hồ-tôn-Hiến đã đánh lừa nàng, ám hại Từ-Hải chia rẽ cuộc nhân duyên của nàng với Từ. Nàng nghĩ thương xót tiếc nhờ Từ-Hải là người chồng đáng cho nàng lún cây, nương tựa.

Nợ đâu ai nỡ dắt vào tận tay ? (2083)

Thân sao thân đến thế này ?

Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi. (2084)

Đã không biết sống là vui,

Tấm thân nào biết thiệt-thời là thương. (2085)

Một mình cay đắng trăm đường.

2083) *Nợ đâu*, đây nói cuộc nhân-duyên ép-uổng giữa nàng với viên thổ-quan,

Phạm cuộc nhân-duyên như ý thì gọi là *Duyên*, bất như ý thì gọi là *nợ*.

Kiều trách Hồ-tôn-Hiến đã dắt cái *nợ* vào tận tay nàng: ép nàng lấy viên thổ-quan.

Hai chữ *ai* trong hai câu này đều ám chỉ Hồ-tôn-Hiến, Kiều chỉ biết oán trách ngấm-ngấm như vậy chứ không dám chống lại Hồ.

2084) Kiều nghĩ, cái thân nàng sao lại đến thế này ; sống như vậy thì sống ngày cũng *dư* (thừa) ngày ấy mà thôi. Ý Kiều nói đời nàng không còn có nghĩa lý gì nữa. Nàng sống là *sống thừa*. Ý nghĩ *sống thừa* dẫn nàng đến quyết định lìa bỏ cuộc sống (tự tử). Trở lên là ý nghĩ thăm-kín khi nàng ở trong phòng hoa-chúc trên thuyền viên thổ-quan. Có thể tóm tắt những ý nghĩa ấy :

a) Không bằng lòng viên thổ-quan, muốn chết đi cho rành.

b) Oán-trách Hồ-Tôn-Hiến.

c) Thấy lời đáng chán, cho sống là thừa.

2085) Đã không biết sống làm vui, thì còn tiếc thương gì thân đời nữa. Sống không có gì vui thú, thì còn thương tiếc gì cái thân.

Ý muốn chết của Kiều mỗi lúc một xác-định, một khần-thiết thêm.

Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi. (2086)

Mảnh trắng đã gác non đoài. (2087)

*Một mình luống những đứng ngời chưa xong,
(2088)*

2086) Lúc này có lẽ viên thổ-quan ngủ say. Nên nói « một mình »,

Kiều nghĩ ngợi một mình cảm thấy cay đắng trăm đường nghìn nỗi. Nàng đã quyết một chết. Nhưng trước khi chết, chắc nàng không khỏi nghĩ ngợi xa gần. Nàng nghĩ đến cha mẹ, và các em ở quê nhà ; nàng nghĩ đến thuở xưa và Kim-Trọng ở nơi xa. Nay sắp phải vĩnh biệt với các người thân yêu nàng thấy chua xót cay đắng trong lòng. Lúc này có lẽ nàng do dự trù trừ không muốn chết. Nàng không tiếc thân đời nàng, song nàng thương tiếc những người thân yêu không nở vĩnh-biệt. Nghĩ đến những người thân yêu thì nàng không muốn chết. Song trở về với thực tại trước mắt, nàng lại cương quyết chống tình cảm, chống ý muốn sống, nàng quyết liều « tan vàng nát ngọc ».

Nát ngọc tan vàng là bỏ mình, tức là chết. Người ta thường nói cái thân quý như vàng như ngọc.

2087) *Non đoài* là núi phía tây. Trăng đã gác núi phía tây ý nói trăng đã lặn, đêm sắp tàn, trời sắp sáng.

Đêm ấy, Kiều thức đến gần sáng, nghĩ ngợi buồn rầu không hề chớp mắt.

2088) Kiều vẫn một mình đứng lên lại ngồi xuống chưa quyết định xong. *Đứng lên* là nàng định liều mình. *Ngồi xuống* nàng tỏ ý trù-trừ do dự.

Lúc muốn chết. Lúc lại tiếc đời, Hai ý ấy xung-đột nhau trong đầu óc Kiều, chưa ý nào thắng. Kiều do dự chưa quyết. Tâm-trạng con người ta vốn phức-tạp khó hiểu.

Đứng trước cái chết, tâm-trạng đó càng tỏ ra phức-tạp khó hiểu hơn.

Triều dàu nổi tiếng dùm-dùng, (2089)
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-Đường. (2090)

Và dù cực-nhục, khổ sở đến bao nhiêu, người ta vẫn thấy cái chết không bằng cái sống. Người tự sát phải là người không còn tìm được một tia hy vọng nào một mảy may an ủi nào trong cuộc sống, phải là người không còn một lối thoát nào ngoài sự chết nữa.

Đoạn này, tác-giả tả tâm-trạng Kiều trước khi chết. Tâm trạng đó là tâm trạng điển hình của con người thông-thường: Khổ quá thì muốn chết. Lúc sắp chết lại nghĩ tiếc đời. Hai ý nghĩ tương phản xung đột nhau mãi mãi trong đầu óc loài người thông-khổ từ ngàn xưa đến nay. Và ý sống bao giờ cũng mạnh hơn. Đã có câu ngôn ngữ: *Thà chịu khổ còn hơn chết* (Plutôt souffrir que mourir).

2039) Lúc này trăng đã lặn, Trời chưa sáng. Tiếng nước triều dâng, liếng sóng vỗ dùm dùm trên mặt sông tối mênh mang. Cảnh thật hỗn-độn, rùng rợn. Hỗn-độn như cuộc đời lưu lạc nổi chìm, hỗn-độn như lòng Kiều lúc này, không khác một cơn giông tố. Rùng rợn như cái chết lúc này Kiều thấy hiện ra trước mắt. Kiều muốn liều nhảy xổ vào, nhưng Kiều lại cảm thấy choáng váng rùng rợn.

Cảnh thật phù hợp với tâm trạng Kiều. Vì sóng gió nổi lên trong lòng người mà sóng nước bên ngoài nổi cơn sóng gió ? Hay là thần chết dâng cơn sóng gió để hoan-ngheñh một tâm hồn đau khổ muốn tìm an ủi cuối cùng ở nơi Thần ?

Tiếng sóng triều dùm dùm là tiếng hồn oán của lòng Kiều chăng ? Sóng nước nổi lên reo hò đòi Kiều chăng ?

Dù sao, đứng trước cảnh hùng-vĩ, bao la này, Kiều cũng cảm thấy sự rùng-rợn của cái chết.

2090) *Tiền đường* là con sông ở tỉnh Triết-Giang và chính là hạ du sông Triết-Giang. Gọi là sông Tiền-Đường, vì khúc sông ấy chảy qua địa-phận huyện Tiền-Đường.

Tương truyền ngày xưa Ngũ Tử-Tư bị bỏ vào bao nộm xuống sông Tiền-Đường. Oan-hồn Tử-Tư không tan, ngày

Nhớ lời thần mộng rõ ràng, (2091)
 Nay thôi hết kiếp đoạn tràng là đây :
 « Đạm-Tiên nàng nhẽ có hay,
 « Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta ». (2092)
 Được đền sẵn bức tiên hoa, (2093)

dêm thường dâng sóng gió trên sông, nên sông triều Tiên-Đường có tiếng là dữ dội nguy hiểm. Điều chắc chắn là sông Tiên-Đường sắp chảy tới bờ, dòng rộng mênh mông, sóng gió rất lớn.

— Lúc này chắc trong thuyền gia-nhân đã dậy, nên Kiều mới hỏi thăm tên sông.

2091) *Lời thần mộng* là lời báo mộng của thần, đây là lời Đạm-Tiên hẹn hò trong mộng.

Khi Kiều tự-sát ở nhà Tú-Bà, Đạm-Tiên có ứng mộng báo cho nàng biết :

« Hãy xin vẹn kiếp liễu bỏ
 Sóng Tiên Đường sẽ hẹn hò về sau »

Nay đến sông Tiên-Đường, nàng bỗng nhớ lời Đạm-Tiên ; nàng tin rằng Đạm-Tiên nói không sai, nên khẩn Đạm-Tiên đến đón nàng.

2092) Nhớ đến lời Đạm-Tiên ; Kiều mới quả quyết chết. Giá không có lời hẹn của Đạm-Tiên, thì trước cảnh bao-la rừng rợn của sông Tiên-Đường nổi sóng, có lẽ Kiều không đủ can đảm liều mình. Cho nên người ta có thể nói rằng chính Đạm-Tiên đã nhào-nặn nên Thủy-Kiều và điều-khiển đời Kiều. Kiều sống, chết là theo ý Đạm-Tiên chứ không theo ý riêng nàng. Nàng là nạn nhân của một huyền-ảo.

Nàng khẩn Đạm-Tiên đợi nàng ở dưới nước sông để rước nàng đi. Ta thấy Kiều lúc này đã quả quyết liều mình.

2093) *Tiên hoa* tức hoa tiên là tờ giấy vẽ hoa dùng để viết thư.

Một thiên tuyệt-bút gọi là đề sau, (2094)

Cửa bỗng vội mở rèm châu, (2095)

Trời cao sông rộng một mầu bao-la.

Rằng : « Từ-công hậu đãi ta,

« Chút vì việc nước mà ra phụ lòng,

2094) Sẵn có bức hoa tiên, Kiều làm một bài thơ tuyệt-mệnh đề lưu lại đời sau.

Một thiên tuyệt bút là một bài thơ cuối cùng tức là bài thơ làm xong rồi chết.

Lúc trước Kiều giao động bao nhiêu thì lúc này Kiều bình tĩnh bấy nhiêu. Không bình tĩnh thì sao lại nghĩ được thơ và ngồi yên mà viết vào hoa tiên ? Lúc trước, nàng hết đứng lại ngồi, hết ngồi lại đứng, giao động đến cực độ, là vì nàng bối rối, chưa biết quyết định ra làm sao, nên chết hay nên sống.

Lúc này, biết là sông Tiền-Đường, nhớ lại và tin lời thần mộng của Đạm-Tiên, ý nàng đã quyết. Nàng không trừ trừ do dự nữa. Nàng tin chắc rằng lúc này nàng phải chết, nàng nên chết, không chết không xong, vì số-mệnh đã định như thế. Nàng không thấy chết đáng sợ nữa. Đạm-Tiên đã hẹn trước, nàng tin rằng lúc này, chết là giải thoát, chết là hết kiếp đoạn-trường. Cho nên nàng sửa soạn đi vào cõi chết với tất cả sự bình-tĩnh của một kẻ chán đời, của một tin-đồ thuyết số-mệnh.

Bình-tĩnh nên trí óc sáng suốt nàng nghĩ đến cả việc làm thơ đề lưu lại cho đời sau, e rằng người đời hiểu lầm về cái chết của mình chăng.

2095) *Cửa bỗng* là cửa thuyền.

Rèm châu là màn có chân chỉ bện bện.

Viết thơ tuyệt mệnh xong, Kiều mở cửa thuyền ra định làm cái việc nàng đã quyết.

« Giết chồng mà lại lấy chồng, (2096) »

Thấy cảnh trời cao sông rộng bao la có lẽ nàng cũng cảm thấy rờn rợn thế nào, tuy nàng đã quyết một chết. Để trấn tĩnh lòng mình, nàng lầm nhảm nói lên cái lý do liễu mình của nàng lấy lý-trí để trấn áp tình cảm.

2096) Kiều vẫn không thôi thương tiếc Từ-Hải. Chung thân nàng, có lẽ chỉ có đoạn đời chung sống với Từ-Hải là nàng được mọi điều như ý, nên nàng không thể quên được ân nghĩa của Từ. Đến Thúc Sinh là người cứu nàng thoát nhà mù Tú và sau đó nàng lọt vào tay Hoạn Thư mà nàng còn nghĩ.

« Nghĩa nặng nghìn non »

Huống chỉ là đối với Từ Hải, người đã cứu nàng khỏi Hành Viện Châu Thai và cho nàng sống một cuộc đời vinh hoa phú quý tột bậc, nàng quên được làm sao.

Chút vì việc nước mà ra phụ lòng nghĩa là chỉ vì việc nước một chút mà hóa ra phụ lòng Từ-Công. Kiều tỏ ý hối hận đã khuyên Từ Hải ra hàng.

Bốn chữ *chút vì việc nước* trong câu này, Tản Đà tiên sinh đã có lời phê :

« Bốn chữ này cũng như chữ « công ít » ở câu « nghĩ mình » công ít tội nhiều ». Bốn ý Thủy Kiều khuyên Từ-Hải ra hàng không phải là « vì việc nước » Chỗ đó chẳng là tác giả « vẽ rắn thêm chân » mà đã làm cho người trong truyện mang thêm tội lỗi trong ân nghĩa vợ chồng ru ? »

Lời phê thật xác đáng.

— Tấm lòng pho mặc trên trời dưới sông Kiều định pho mặc cho trên trời dưới sông tấm lòng. Tấm lòng đó là tấm lòng gì ? Tấm lòng đây là tấm lòng thủy chung, tấm lòng chuyên nhất đối với Từ-hải. Kiều lấy cái chết để tạ lòng hậu đãi của Từ-hải, để tỏ lòng ăn năn hối hận và lòng thủy chung đối với Từ-Hải.

Giết chồng mà lại lấy chồng

Mất náo mà lại đứng trong cõi đời ?

Cứ xét hai câu ấy thì Kiều liễu mình lần này là vì Từ-hải. Vậy tấm lòng đó là tấm lòng đối với Từ-hải. Kiều muốn mượn

« Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời,
 « Thôi thì một thác cho rồi,
 « Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông »
 « Trông vơi con nước mệnh-mông, (2097)
 Đem mình gieo xuống giữa dòng tràng-giang,
 Thở-quan theo vớt vôi vàng, (2098)

cái chết để trời, nước xét cho tấm lòng trinh kiên của nàng đối với người chồng đã vì nàng chết oan.

2097) Con nước tức là nước thủy triều.

Nhà thuyền chài lấy con nước làm đơn vị tính độ lên xuống cao, thấp của nước thủy triều,

Con nước mệnh mông là nước triều dâng lên mệnh mông.

2098) Tác-giả không có lấy một nét bút tả người thở quan. Song đã cho ta biết thở-quan là một người cực mịch tâm thường. Đêm đông phòng hoa chúc với Kiều, mà gã không biết tí gì về việc Kiều thức suốt đêm, lúc đứng lên lúc ngồi xuống, lúc thở ngắn lúc than dài. Thâm - chí Kiều lui lui viết thơ tuyệt mệnh và mở cửa thuyền ra than thở mà gã cũng không hay? Đây là trên thuyền. Gã thở-quan tất vẫn nằm trong khoang phòng Kiều. Như vậy tất Gã phải ngủ say như chết, một mạch thâu đêm suốt sáng thì Kiều mới tự-do hành động được như ở chỗ không người. Chả trách Kiều đã phải cho là « cái nợ ». (Nợ đâu ai đã giắt vào tận tay.

Hoặc có lẽ gã cũng đã thức dậy, nhưng gã hẳn là một người bất thức Tự, một người què mùa không hiểu tâm-lý người đời, nên thấy Kiều làm thơ và ra vào ngắm sông nước, gã cho là cô đầu nhớ nhà ngắm cảnh chả hạn, không đoán được ý định ghê gớm của Kiều.

Đợi sau khi Kiều gieo mình xuống tràng-giang, bấy giờ gã mới hiểu và vôi-vàng theo vớt.

Vừa sống với Từ-hải là một đấng anh hùng, nay phải sống với gã thở quan như vậy, trách nào Kiều chả cảm thấy chán đời!

Thì dả dấm ngọc, chìm hương cho rồi. (2099)

Thương thay, cũng một kiếp người,

Hại thay, mang lấy sắc tài làm chi ! (2100)

2099) *Đấm ngọc chìm hương* là hương, ngọc chìm dấm, ý nói Kiều trắng đẹp như ngọc, thơm tho như hương đã chìm dấm dưới dòng sông không tìm thấy.

Cho rồi cũng nghĩa như mất rồi.

Có bản chép là : *quá rồi hoặc vừa rồi.*

2100) Có bản chép : *thương thay cũng một thân người*
Mang lấy sắc tài làm chi cho hại thân như thế ?

Đây là lời tác-giả than tiếc cho Thủy-Kiều, Có phải vì mang lấy sắc tài mà hại cho thân không ? Nếu vậy sắc, tài chẳng hóa là những thứ bỏ đi, những thứ đáng sợ ư ?

Có tài sắc nên phải tai hại khổ sở, vậy muốn sung-sướng yêu nhau, không nên có tài có sắc.

Quan niệm của tác-giả về Tài, Sắc xét ra cũng tương-tự quan-niệm của Lão-Trang về nhân nghĩa và về cuộc đời.

Lão-Tử nói : « *Dứt nhân, vứt nghĩa dân lại hiểu từ.* »

Trang-Tử nói : *Dứt bỏ thánh với tri đi thì những kẻ trộm cướp lớn tự nhiên phải hết, vứt ngọc hủy châu đi thì những kẻ trộm vặt không dấy nữa, đốt phù phá đi, thì dân tự-nhiên lại chất-phác, đập đầu bể cán đi thì dân tự-nhiên không tranh nhau nữa, vứt hết cả phép-tắc của các bậc thánh trong thiên hạ đi, thì dân mới có thể nói bần, »*

Và cũng giống quan-niệm của Nguyễn-gia-Thiều trong *Cung-Oán ngâm-khúc* :

« *Thà rằng cục kích nhà quê,*

Dù lòng uốn éo nguyệt kia hoa này ...

... Cùng nhau một giấc hành-môn,

Lau nhau riu rắt có con cũng tình »

Phải chăng nhân-sinh-quan của tác-giả Đoạn Trường Tân Thanh đã khuôn đúc theo tư-tưởng Lão-Trang ?

Những là oan khổ lưu-li, (2101)
 Chờ cho hết kiếp còn gì là thân ! (2102)
 Mười lăm năm bấy nhiêu lần, (2103)
 Làm gương cho khách hồng-quần thử soi,
 Đòi người đến thử thi thối,
 Trong cơ âm cực, dương hồi khôn hay. (2104)

2101) Lưu li là nghèo khổ và lăn lóc trên đường đời. Thơ Bạch Cư-Dị có câu .

Cốt nhục lưu li đạo lộ trung.

Nghĩa là : ruột thịt lăn lóc trên các ngã đường.

Đây nói Kiều oan khổ lưu li nhiều lần, nhiều ngày.

2102) Chờ cho hết kiếp là chờ cho hết kiếp đoạn trường Đạm tiên cho Kiều biết rằng đến sông Tiền-Đường thì hết kiếp đoạn trường. Đợi cho hết kiếp, phải trải mười lăm năm, như vậy còn gì là thân nữa. Ý nói đợi cho hết kiếp đoạn-trường thì người đã già mất rồi.

2103) Mười lăm năm bấy nhiêu lần ý nói mười lăm năm trải bao lần đoạn trường, khổ sở.

2104) Âm cực dương hồi là khi khi âm đã cùng-cực thời khi dương về. Âm cực dương hồi nguyên nói đạo trời vần chuyển, âm, dương, lạnh nóng, kế tiếp nhau, Đây tác-giả dùng hai chữ âm dương để nói ý thịnh suy, bỉ thái. Nhà nho thường lấy âm dương để nói vận thịnh suy bỉ thái của nhân sinh hết suy đến thịnh, bỉ cực thì thái lai, cũng như cuộc tuần hoàn của vũ-trụ, âm-cực thì dương hồi. Hai chữ âm dương đây dùng để nói về vận mới của Kiều rất hợp. Vì âm tiêu-biểu cho sự chết, dương tiêu-biểu cho sự sống. Kiều trăm mình chết như vậy là âm-cực nay sống lại là dương-hồi.

Khôn hay là khó biết được.

Câu này chuyển ý xuống đoạn Kiều sống lại tái-hợp với Kim-Trọng.

Mấy người hiểu nghĩa xưa nay, (2105)
 Trời làm chi đến lâu ngày càng thương ?

X

Giác-Duyên từ tiết giả nàng,
 Đeo bầu quẩy tráp rộng đường vân-du, (2106)
 Gặp bà Tam-Hợp đạo cô, (2107)
 Thông dong hỏi hết nhỏ to sự nàng :
 « Người sao hiểu nghĩa đủ đường,
 • Kiếp sao chịu những đoạn-trường thế thói ! »
 Sự rằng : « Phúc họa đạo trời, (2108)

2105) Hiểu nghĩa tác-giả khen Kiều là người có hiểu vì nàng bán mình chuộc cha ; nàng là người có nghĩa vì nàng đã biết trả ơn nghĩa các bậc ân nhân.

Trời làm chi là trời làm khổ chi

2106 Tiết là độ, là thi gian.

Đeo bầu là đeo bầu nước ; người đi xa ngày xưa thường đeo bầu nước phòng khi giữa đường khát mà không gặp quán Vân du là đi chơi khắp các nơi nay đây mai đó như đám mây hay. Người tu hành đạo Phật thường hay dùng chữ vân-du để trở cuộc lữ-bhành.

2107) Đạo cô tức là nữ đạo sĩ,

Nữ đạo sĩ là người đàn bà tu theo Đạo-giáo.

Đạo giáo là đạo tôn thờ Lão-Tử. Tên Đạo giáo khởi có từ Trương-đạo-Lãng đời Tây Hán.

Đàn ông tu theo Đạo-giáo gọi là đạo sĩ hay đạo nhân

Đàn bà tu theo Đạo-giáo thì xưng là đạo-cô.

Có lẽ vì bà Tam-Hợp Đạo-Cô tu theo Đạo-giáo nên mới biết tiên-tri mọi việc tiền-định về đời người ta. Bà Giác-duyên tu theo Phật-giáo nên không có tài tiên-tri.

2108) Phúc họa đạo trời, người ta ở đời được hưởng phúc hay gặp tai họa là do đạo trời định sẵn, Ý nói người ta ở đời may, rủi, sướng khổ là do số-mệnh định sẵn.

« Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra, (2109)

« Có trời mà cũng tại ta, (2110)

« Tu là cội phúc, tình là dây oan, (2111)

2109) Nhưng cội nguồn của họa-phúc cũng là ở lòng người mà ra. Rủi, may, họa-phúc ở đời tuy là do số Trời định, nhưng cội nguồn họa phúc cũng tại người. Thí dụ như số nghèo nhưng chịu khó làm thì không giàu nhưng cũng đủ ăn; số thi đỗ làm quan mà không chịu học hành thì cũng không làm quan được.

2110) Như vậy trong sự họa-phúc của đời người có số trời định và cũng tại người ta. Nghĩa là sức người có thể làm thay đổi được số mệnh theo như câu « Đức năng thắng số » là đức-hạnh con người có thể thắng được số-mệnh hoặc câu « nhân định thắng thiên » việc người định thắng được số trời.

2111) Tu là cội phúc, tu sửa đức-hạnh, tu chí làm ăn, tu tâm luyện tính, ở theo đạo đức, siêng việc chức-nghịệp đó là cội nguồn của hạnh-phúc, cội nguồn của sự may mắn sung sướng ở đời.

Tu có thể hiểu là noi theo Đạo lý, lý trí

Tình là đa tình đa cảm, dễ thương dễ yêu, hành-dộng nặng về tình cảm, nhẹ về đạo lý thì đó là mối dây oan nghiệp mình buộc lấy mình.

Tình có thể hiểu là noi theo tình cảm, tâm tình.

Tu là cội nguồn của hạnh phúc. Vì lý trí làm người ta sáng suốt.

Tình là cội nguồn của tai họa. Vì tình cảm thường làm người mù quáng sai lầm Tu với Tình là những việc tự người ta làm ra. Cho nên nói rằng « Họa phúc đạo trời, cội nguồn cũng ở lòng người mà ra » và « có trời mà cũng tại ta ».

Lấy con mắt khoa-học mà xét, thuyết họa phúc ở trên, ngày nay vẫn có phần đúng. Điều khác ngày xưa, là khoa-học không công-nhận có sức trời can thiệp vào việc người. Ngày xưa cho

« *Thúy-Kiều sắc sảo khôn ngoan,*
 « *Vô duyên là phận hồng-nhan đã đành* (2112)
 « *Lại mang lấy một chữ tình*, (2113)

những việc không rõ nguyên nhân, không hiểu lý do, những việc xảy ra ngoài ý thức, ngoài ý chí và vượt trên sức khả năng con người, là việc trời định, việc trời làm. Ngày nay, người ta không tin như người xưa, song cũng có việc xảy ra ngoài ý muốn và vượt trên khả năng con người. Đó là những việc do điều kiện khách quan bên ngoài chứ không do điều kiện chủ quan bên trong quyết định. Đó là ảnh hưởng của hoàn cảnh trong đời sống con người. Có hoàn-cảnh-thuận-lợi, có điều kiện đầy đủ, mà không có sức cố gắng của con người thì cũng không mưu được hạnh phúc. Hoàn cảnh không thuận lợi, điều kiện thiếu sót, mà có sự gắng sức của con người thì cũng có thể lái hoàn cảnh hướng theo lợi ích của mình và tránh được tai họa, mưu được hạnh phúc.

Quan niệm xưa và quan niệm nay xét ra không khác nhau. Khác chăng là khác về danh-từ. Xưa gọi là đạo trời, lẽ trời, thì nay gọi là hoàn-cảnh, ảnh hưởng hoàn-cảnh.

2112) *Thúy - Kiêu sắc sảo khôn ngoan đã đành là số hồng nhan bạc mệnh* »

Vô duyên tức là không có duyên may, không có số hưởng thụ.

Đó là *đạo trời*. Theo *đạo trời* thì *Kiều* không có số an-nhàn sung sướng.

2113) *Kiều lại mang lấy một chữ tình*. Chữ tình này không phải là theo *đạo trời*, mà do lòng người. Chữ tình vốn là mối dây oan; vậy mà *Kiều* lại mang lấy chữ tình nghĩa là không biết tu để thay đổi hoặc lái chuyển *đạo trời* theo hướng lợi ích của mình. Số đã không tốt, mà lòng lại không tu, tất nhiên là phải chịu đựng nhiều mà hưởng-thụ ít.

Lẽ ra biết số mình « *hồng nhan bạc phận* » ». mình phải gia-công tu-hành thân-tâm để cải đổi lại, làm cho số trời mất mãnh-lực tức là xoay chuyển hoàn cảnh không thuận.

- « Khư khư mình buộc lấy mình vào trong,
 « Váy nền những chốn thông-dong,
 « Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng. (2114)
 « Ma đưa lối, quỷ» đưa đường,
 « Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi,
 « Hết nạn nọ, đến nạn kia,
 « Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần, (2115)

lợi theo hướng thuận lợi cho mình, thì dù hồng nhan đấy nhưng cũng không đến nỗi bạc phận cho lắm. Đấng này Kiều lại khư khư buộc mãi mình vào trong dây oan (tình) cho nên số kiếp đã bạc phận lại càng thêm phận bạc.

2114) Bởi thế mà không được an-nhàn hưởng-thụ. Hầu gặp được chốn thung-dung sung-sướng, thì ở không được yên, ngồi không được vững; trái lại gặp toàn ma quỷ đưa đường dẫn lối đến những chốn đoạn trường. Nghĩa là một phần vì Kiều mang lấy chữ tình mà nàng không được hưởng thụ.

2115) Cũng vì không tu để phản ứng lại đạo trời, cứ vâng theo tình-cảm mà hành-động, nên Kiều gặp hết nạn nọ đến nạn kia; hai lần ở thanh-lâu, hai lần phải làm con đòi đưa ở (Thanh-y). Kiều bị làm gái lầu xanh hai lần, một lần ở Lâm-Truy một ở Châu.Thai. Nàng bị làm con đòi đưa ở hai lần một lần ở nhà mẹ Hoạn.Thư, một lần ở nhà Hoạn.Thư. Theo lời tam Hợp Đạo Cô thì nguyên nhân tại nạn của Kiều một phần do số « hồng-nhan bạc mệnh » của nàng đã đánh, nhưng một phần cũng do chữ tình nàng khư-khư tự buộc lấy mình. Nàng không chịu tu để gây sức phản ứng lại đạo trời, nên nàng cứ bị đạo trời tự-do xoay vần đi mãi.

Lời Đạo-Cô nói quả không sai. Như ta đã biết, hễ giây phút nào, Kiều dùng lý-trí để cưỡng lại hoàn-cảnh (tức là Trời của Đạo-Cô) thì giây phút ấy Kiều đỡ khổ sở, thí dụ như sau khi nàng tự-sát ở nhà Tú-Bà mà

« Trong vòng giáo dục gương trần, (2116) »

kết quả được hưởng vu nhân một thời gian ở lầu Ngưng Bích : nàng trốn khỏi Quan-Âm Các mà sau được thung dung một dạo ở Chiêu ân am. Hễ có *tu* là có lái chuyền được số mệnh. *Tu* bao giờ cũng đem ít nhiều kết quả, bao giờ cũng giành cho Kiều một phần hưởng-thu hoặc nhỏ, hoặc to, hoặc lâu, hoặc chóng.

Tu đây có nghĩa là dùng lý trí để phản ứng lại với đạo trời, với số Trời.

Theo quan-niệm khoa học ngày nay nếu ta gọi đạo trời là hoàn-cảnh, đổi *tu* làm tranh đấu, thì thuyết *họa phúc* của đạo cô Tam Hợp, tức là của Đạo-Giáo vẫn đúng hoàn toàn.

— Triết-lý của Đạo giáo riêng về thuyết *Họa phúc* hay thuyết *số mệnh*, so với triết lý của nhà Nho, có vẻ linh hoạt hơn và tiến bộ hơn. Theo Đạo Giáo sức người dự một phần có khi quan trọng, có khi quyết định trong họa phúc đời người. (*Nhân định thắng thiên, đức năng thắng số*)

Còn nhà Nho thì hình như cho mệnh trời là một mệnh lệnh khe khắt bất di bất dịch, sức người không thể cưỡng lại hay lái khác đi. Không Tử nói : *Tử sinh hữu mệnh. phú quý tại thiên*, sống chết có mệnh, giàu sang tự trời ; *Đạo chi tương hành dã dư ? mệnh dã. Đạo chi tương phế dã dư ? mệnh dã*, đạo ta sắp thực hành được ư ? đó là mệnh trời vậy ; đạo ta sắp bị phế bỏ ư ? Đó là mệnh trời vậy. *Quân tử hữu tam úy : úy thiên mệnh* người quân tử có ba điều sợ, sợ mệnh trời.... Và : *tĩnh dĩ sĩ mệnh yên lạng* mà đợi mệnh trời.

Trước mệnh trời, nhà Nho giữ thái-độ hoàn toàn bị động.

2116) Trong vòng giáo dục gương trần có người cho là Tam-Hợp đạo-cô nói khi Kiều chung sống với Từ-Hải trong chốn ba quân.

Có người cho là không phải, viện lý rằng :

• *Kề lưng hùm sói, gửi thân tôi đòi, (2117)*

a) Việc đó có lẽ Giác-Duyên đã cho Tam-Hợp đạo.có biết rồi, vì Giác-Duyên hỏi đạo.có sau khi từ già Kiêu ở đình trại Từ-Hải.

b) Giác-Duyên đã biết rõ việc ấy rồi. Nếu đạo.có còn nói tiên-tri thì thừa

Chúng tôi cho rằng trong vòng giáo dục gươm trần. đạo.có chỉ định nói gặp thời buổi loạn lạc, gặp việc binh đao. Việc binh đao trở cả khi Kiêu sống với Từ-Hải cả khi Hồ-tôn-Hiến đem quân đến đánh giặc. Câu này nói hoàn-cảnh chung trong một chặng đời Kiêu.

2117) *Kề lưng hùm sói*, nhiều bản chưa rằng « hùm sói tức là nghĩa chữ hổ lang (lang là chó sói).

Hai chữ này có ý nói về Hồ-tôn-Hiến và binh tướng của hắn. Có bản lại cho là « hùm sói » trở Từ-Hải.

Chúng tôi thấy hình như không đúng. Chẳng có lẽ Tam-Hợp đạo.có lại cho một đêm Kiêu ở đình Hồ-tôn-Hiến là một giai đoạn trong đời Kiêu. Nếu thế thì có lẽ phải nói cả khi nàng bị Sở Khanh lừa gạt, khi nàng chung sống với Thúc-Sinh.

Khi Kiêu sống với Từ-Hải, nàng có phải chịu phận tôi đòi lẽ mọn dẫu ?

Theo thiên-ý chúng tôi, thì *kề lưng hùm sói gửi thân tôi đòi* là gửi thân làm ti-thiếp vào chỗ không được chắc.chắn, như dựa kê vào lưng hùm lưng sói.

Đạo.có tiên-tri việc Kiêu tự nhiên bị Hồ-tôn-Hiến đem gán cho viên thổ-quan làm vợ lẽ nàng hầu. Như vậy là dựa lưng vào chỗ nguy hiểm bấp bênh.

Trên kia, Kiêu đã có lần nói :

Bán hùm buôn sói chắc vào lưng dẫu ?

Bán hùm buôn sói là buôn bán những vật không thuộc quyền sở hữu của mình. Thí dụ như việc Bạc-Sinh bán Kiêu với Hồ-tôn-Hiến gán Kiêu.

Ở đây, mấy chữ *lưng* và *hùm sói* cũng có nghĩa như *lưng* và *hùm sói* ở câu trên.

- « Giữa dòng nước chảy sóng giời,
 « Trước hằm rồng cá gieo mỗi thủy tinh, (2118)
 « Oan kia theo mãi với tình, (2119)
 « Một mình, mình biết, một mình, mình hay, (2120)

Hai chữ *hằm* sói có ngụ ý « bán hằm buôn sói » và ám chỉ việc Hồ.Công gán nạng cho thồ quan.

2118) Câu này mỗi bản chép một khác. Hoặc :

—...gieo mỗi băng tình, hoặc :

—...gieo mỗi vắng tang

Mỗi vắng tang thì hình như vô nghĩa. *Mỗi băng tình*, thì nghe câu kỳ khó hiểu, vì không phải là tiếng phổ thông. Chúng tôi chép là *mỗi thủy tinh*,

Trước hằm rồng cá gieo mỗi thủy tinh, là nói Kiều gieo mình xuống thủy tinh cung (tức là nước : ngày xưa người ta tin ở dưới nước là thủy-phủ, có thủy tinh cung ; ở dưới đất là âm phủ hay địa phủ có Diêm - Vương địa ngục) làm mồi cho rồng cá.

Cũng có thể giảng : Kiều gieo cái mình trong trắng như thủy tinh xuống làm mồi cho rồng cá.

Dù sao chữ *thủy tinh* cũng phổ-thông hơn và nghe không có vẻ câu kỳ như *băng tình*.

2119) Vì khư khư lấy một chữ tình, nên Kiều cứ bị oan mãi như thế.

2120) Một mình mình biết một mình mình hay, Kiều không thể chia sẻ nỗi oan ấy cho ai được. Vì tình là tự nạng, nạng tự lấy dây oan trời buộc vào mình, người ngoài chia sẻ chịu đựng giùm làm sao được ?

Trong câu này có tới bốn chữ *mình*, tác giả dụng tình nhấn mạnh ý đau khổ âm thầm không nói ra được, không chia sẻ cùng ai được.

- « Làm cho sống dọa, thác đầy, (2121)
- « Đoạn-trường cho hết kiếp này mới thôi »,
 - « Giác-Duyên nghe nói rưng rờ :
- « Một đời nằng nề ! Thương ôi còn gì ! »
- Sư rằng : « Song chẳng hề chi,
- « Nghiệp-duyên cần lại nhắc đi còn nhiều, (2122)

2121) Dạy oan bắt Kiều sống dọa thác đầy, sống thác đều không được nhẹ nhàng dễ dãi, và dọa đầy như vậy cho hết kiếp đoạn trường này thì mới thôi.

Trở lên 4 câu, Tam-Hợp kết luận về đời Kiều : Vì không tu mà nằng chịu nổi oan cho hết kiếp đoạn-trường.

2122) *Nghiệp* dịch chữ *Phạn Karma* tiếng của nhà Phật, trở công việc mình làm khiến mình phải luân hồi mãi. Khi nào diệt được nghiệp thì mới khỏi luân hồi, mới lên được niết-bàn. Niết-bàn là cái thể thoát ly vòng luân hồi, thoát ly vật chất, thoát ly tình - cảm, tức cái thể không sâu khổ, không hân hoan chi hết.

Nghiệp có thể coi như cái *nhân* gây nên kiếp luân hồi vĩnh viễn của con người : luân hồi là *quả* của nghiệp.

Thi dụ như Kiều khư khư mang một chữ *tình*. Chữ *tình* đó tức là cái *nghiệp* cái *nguyên nhân* gây nên mọi nỗi đau khổ của Kiều ; oan khổ Kiều phải chịu đựng một đời là kết *quả* của cái *nghiệp* nằng tự tạo ra tức là chữ *tình*.

Duyên đây là tiếng nhà Phật không có nghĩa như tiếng *duyên* là duyên may, hoặc việc *duyên số vợ chồng*.

Duyên của đạo Phật là *thập nhị nhân duyên* tóm thâu gần hết triết học của Phật Giáo.

1 — Không có *sinh* thì không có già chết, không có khổ : *nhân duyên* của già, chết là *sinh*.

2 — Sinh là triển chuyển trong vòng luân hồi (như tâm ăn dâu hóa kén...) : *Nhân duyên* của Sinh là *Hữu* tức ý thức và sự có của ta,

3 — *Nhân duyên* của *Hữu* là *Thủ* tức thủ tự-tồn, phương tiện để kéo dài đời ra.

4 — *Nhân duyên* của *Thủ* là *Ái* tức dục-tình làm người ta mê-thích nổi này thứ nọ.

5 — *Nhân duyên* của *Ái* là *Thụ* tức cảm-giác.

6 — *Nhân duyên* của *Thụ* là *Xúc* tức xúc-giác do các giác quan truyền-báo cho ta biết.

7 — *Nhân duyên* của *Xúc* là *Lục nhập* : nhãn nhập sắc, nhĩ nhập thanh, tỷ nhập hương, thiệt nhập vị, thân nhập xúc, ý nhập pháp.

8 — *Nhân duyên* của *Lục nhập* là *Danh sắc* tức tiếng gọi và sắc tướng, hoặc tinh-thần và vật-chất.

9 — *Nhân duyên* của *Danh sắc* là *Thức* tức ý-thức về bản n,ã.

10 — *Nhân duyên* của *Thức* là *Hành* tức những khái-niệm làm cho ta hành-động.

11 — *Nhân duyên* của *Hành* là *Vô minh* nghĩa là không sáng suốt, không phân-biệt giả-chân.

12 — *Sinh lão, bệnh, tử, khổ.*

Thập nhị nhân duyên giải-thuyết hai diệu-đế là trong tứ diệu-đế, là *khổ* và *tập*. Tứ diệu-đế là : *Khổ* là sinh lão bệnh tử ; *Tập* là tu-tập cốt-nhục tại bạch ; *Diệt* là diệt hoại khổ não. *Đạo* là tu hành Thập nhị nhân duyên giải thích cái nghiệp-lực tự ta làm ra và giải thích cuộc nhân quả tuần hoàn của con người.

Nghiệp lực của ta từ chỗ vô thủy mà đưa đến sinh tử luân chuyển vô cùng.

Thập nhị nhân duyên là những điều-kiện phát sinh ra Nghiệp vậy.

Thập nhị nhân duyên có thể coi như cái dây xích những điều-kiện sinh hóa luân hồi ra con người, điều-kiện này làm nhân cho điều-kiện kia điều-kiện nọ là quả của điều-kiện kia. Bởi thế mà cũng gọi là *nhân-quả*.

Xét trong tội-nghiệp Thúy-Kiều,
 « Mặc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm, (2123)
 « Lấy tình thâm, trả nghĩa thâm, (2124)

Nghiệp duyên cân lại nhắc đi là nghiệp báo và nhân duyên cái nợ cân nhắc với cái kia cái kia bù đắp cho cái khác, tính toán cộng trừ ; Hoặc so-sánh, cân nhắc nhân quả các việc Kiều làm ; hoặc nói theo tiếng phổ-thông thì công và tội so sánh cân nhắc với nhau bù đắp cho nhau, gia giảm đi.

2123) Ta thấy Tam-Hợp đạo-có là người tu Đạo-Giáo và cũng am-tường lý-thuyết nhà Phật, có lẽ thời bấy giờ đã có sự thống nhất Tam giáo hoặc Tam-hợp trước có tu Phật mà sau tu Đạo ?

Tội nghiệp là cái nghiệp gây nên tội, gây nên sự không tốt. Nghiệp có nghiệp xấu nghiệp tốt.

Nghiệp của Kiều là tình-ái nhưng được cái là không mảo tà dâm.

Tình-ái là yêu thương.

Tà dâm là dâm dật chơi bởi tình ái mà không theo đúng khuôn phép xã hội.

2124) Lấy tình thâm trả nghĩa thâm, câu này mỗi bản giảng một khác. Bản Tản-Đà chưa « tình thâm » là tình cha con. Bản Pháp văn Nguyễn văn Vĩnh thì hiểu là : Kiều đã trả ơn sâu cha mẹ bằng cách hy sinh những cảm-tình sâu Sa trong lòng (tức tình yêu Kim-Trọng).

Bản Crayssac thì dịch :

A tous les bienfaiteurs rencontrés en ce monde Elle montrait toujours gratitude (đối với các bậc ân-nhân, nàng đều trả nghĩa một cách sâu xa).

Chúng tôi thì cho câu này với câu dưới đi liền nhau và diễn-tả một ý

*Bán mình đã động hiếu-tâm đến trời !
 « Hại một người, cứu muôn người. (2125)*

Lấy tình thâm là lấy tình cốt nhục giữa cha con, tức tình làm con. Có chữ *cốt nhục tình thâm* là tình sâu ruột thịt, và *phụ tử tình thâm* cha con tình sâu. *Tình thâm* đây chỉ là cái tình thâm của kẻ làm con đối với cha mẹ.

Trả nghĩa thâm : nghĩa thâm đây là ơn nghĩa sâu của cha mẹ. Cả câu : Kiều lấy tình làm con để trả ân nghĩa sâu sa của cha mẹ.

Vả, câu tiếp theo đã giải thích cho rõ nghĩa câu văn xúc-tích khó hiểu này. Cả hai câu này chỉ diễn một ý là Kiều có hiếu và lòng hiếu của Kiều đã thấu đến trời.

Lấy tình thâm trả nghĩa thâm có nghĩa là bán mình chuộc cha.

2125) *Hại một người cứu muôn người*, nói việc Kiều vô tình đã giết Từ-Hải ?

Có người chê Tam-hợp đạo-cô dạy lẫn, vì sư đã tán thành và ca-tụng việc Kiều giết chồng.

Nhưng trước mắt nhà sư, có lẽ Từ-Hải chỉ là một tướng giặc. Nhà sư không nhận Kiều với Từ-Hải là vợ chồng. Sư đứng về quan-diểm nhân-dân mà nói, chứ không đứng về quan-diểm của Kiều. Và theo sự nhận xét của nhân-dân, thì việc trừ bỏ Từ-Hải là một cái may cho đời sống của nhân-dân.

Hại một Từ-Hải mà cứu được hàng muôn người khỏi bị giết hại.

Như vậy là trời ghi công Thúc-Kiều.

Như vậy là Thúc-Kiều biết điều khinh trọng biết lẽ phải chăng ?

Có người muốn hiểu biết lời khinh trọng biết lẽ phải chăng là nói việc Kiều trả ân báo oán tha người này làm tội người kia. Chúng tôi tưởng hiểu như vậy thì lời bà Tam-hợp tẩn-mẩn vụn vặt quá. Và chẳng theo văn-lý

- « Biết điều khinh trọng, biết lời phải chẳng,
 * Thừa công-đức ấy, ai bằng ? (2126)
 • Túc-khiên đã rửa láng-lâng sạch rồi (2127)
 « Khi nên trời cũng chiều người.
 « Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau. (2128)
 « Giác-Duyên dầu nhớ nghĩa nhau
 Tiền-Đường thả một bè lau rước người,
 « Trước sau cho vẹn một lời
 « Duyên ta mà cũng phúc trời chi không? » (2129)

thì 4 câu trở lên chỉ diễn tả có hai ý Hiếu (bán mình) và Nghĩa (giết Từ-Hải). Xét công tội Thúy-Kiều, thì nàng chỉ có được hai công kéo lại là Hiếu và Nghĩa.

2126) *Thừa công-đức ấy* : Thừa tiếng cổ dịch chữ Kỳ là tính tự chữ Hán dùng để tỏ ý sở-hữu *Thừa công-đức* ấy nghĩa là công-đức ấy của Kiều.

2127) *Túc-khiên* là tội-lỗi kiếp trước.

2128) *Nhẹ nhàng nợ trước* là nghiệp kiếp trước đã trả được ; *đền bồi duyên sau* là do nhân-duyên các việc nàng làm mà sau được hưởng-thu.

Đoạn văn này bênh - vực cho Kiều. Lý-lẽ viện ra khiến cường, mơ-hồ, nên văn-lý cũng kém hoạt bát kém sáng sủa.

2129) *Trước sau cho vẹn một lời* một lời tức là lời Giác-Duyên đã hẹn với Thúy Kiều ở đình trại Từ-Hải !

Trong năm năm lại gặp nhau đó má.

... Năm nay là một nữa thì năm năm

Tam-Hợp khuyên Giác-Duyên thả một bè lau trên sông Tiền-Đường để đón vớt Kiều, cho trước sau vẹn lời hẹn xưa.

Đó là duyên của ta ; đây duyên là duyên may được làm việc nghĩa ; mà cũng là làm phúc với trời, chứ không phải là truyện cứu vớt nhau mà thôi đâu !

*Giác-Duyên nghe nói mừng lòng,
 Lăn la tìm thú bên sông Tiền-Đường.
 Đánh tranh lợp mái thảo đường, (2130)
 Một gian nước biếc, mây vàng chia đôi. (2131)*

Duyên và phúc đây là dùng theo tiếng nói thông thường của nhà chùa, và đều có nghĩa là làm việc tốt để gây nên ảnh hưởng tốt cho đời mình.

Nhà chùa thường có câu : nhiều làm phúc, ít làm duyên. (2130) Thảo đường là nhà lợp bằng cỏ, tranh tức là nhà tranh.

Đánh tranh là lấy cỏ tranh đan gài vào những hom tranh (xương tranh) bằng thanh tre hoặc thanh nứa dài, dùng để lợp nhà.

2131) Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.

Câu này, Tân-Đà phê : « lời văn rất đẹp ».

Bản Hồ-đắc-Hàm chua : « làm nhà ở bên sông, trên thời mây, dưới thời nước, như một gian nhà ở giữa mà chia trời nước ra làm hai phần cách nhau ».

Theo ý chúng tôi, thì câu này lại có thể giảng nghĩa như sau :

a) Gian nhà nhìn ra khoảng mây trời và nước sông, ý nói tầm mắt bao la rộng khắp.

b) Gian nhà một phía nhìn ra nước sông ; một phía nhìn về phía rừng núi hướng tây. Mây vàng đây có lẽ là nói mây buổi chiều, lúc ánh mặt trời đã vàng vàng, tức là nói phía mặt trời lặn.

Chia đôi đây có lẽ là mây vàng nước biếc chia nhau hướng vào căn nhà, hoặc chia tầm mắt của người trong nhà. Nếu giảng như bản Hồ-đắc-Hàm, thì gian nhà phải là gian nhà cao ngất mây, thì mới coi như là chia nước biếc và mây vàng làm đôi được. Vả chăng nếu hiểu nước biếc và mây vàng trên cùng một bình-diện thời-gian và không-gian thì có lẽ không đúng. Nếu mây trên trời vàng thì nước dưới sông không thể biếc được, Gian nhà khi thì soi hình xuống nước biếc, khi thì phơi mình ra trước ánh vàng của mặt trời tà.

Thuê năm ngư phủ hai người, (2132)
 Đóng thuyền chực bến kết chài dăng sông.
 Một lòng chẳng quản mấy công. (2133)
 Khéo thay ! Gặp gỡ cũng trong chuyền-văn.
 Kiều từ gieo xuống dòng ngân. (2134)
 Nước xuôi bỗng thấy trôi dần tận nơi.
 Ngư-Ông kéo lưới vớt người:
 Ngấm lời Tam-Hợp, rõ mười chẳng ngoa, (2135)

2132) Thuê năm là thuê làm việc, trả công cả năm.

Ngư phủ là người làm nghề chài lưới đánh cá.

Làm bằng ấy việc dĩ nhiên là tốn nhiều tiền. Ta nên nhớ rằng Giác-Duyên đã được Kiều biếu 1.000 lạng vàng trả ơn.

2133) Một lòng tức nhất tâm nghĩa là dốc một lòng hết lòng, ý nói hết lòng vì Kiều.

Chẳng quản mấy công Giác-Duyên hết lòng vì Kiều, chẳng quản tốn kém công của. Chuyền văn là cơ trời.

2134) Dòng ngân, ngân là bạc, dòng ngân là dòng nước bạc; đây là dòng sông Tiền-Đường.

Sông Tiền-Đường mà gọi là dòng ngân thì rất có màu vị. Vì chữ tiền trong sông Tiền-Đường nghĩa là tiền bạc. Vô tình mà có sự phù hợp ? Hay tác-giả đã dụng ý chơi chữ ?

Nhiều bản chép là duênh ngân và giảng duênh là vùng nước.

Chép vậy hình như sai. Kiều gieo mình xuống dòng sông Tiền-Đường, chớ không gieo xuống vùng nước. Gieo xuống vùng nước thì xác khó trôi đi.

2135) Lời Tam-Hợp đạo-có, Giác-Duyên cảm thấy không sai ngoa một chút nào.

Câu này vừa là lời ngợi khen tài tiên tri của Tam-Hợp, vừa nói vắn tắt sự vớt được Kiều (như lời tiên tri của Tam-Hợp).

Trên mũi, lướt-thướt áo là.
 Tuy dầm hơi nước chưa lòa bóng gương, (2136)
 Giác-Duyên nhận thật mặt nàng.
 Nàng còn thiêm-thiếp giấc vàng chưa phai, (2137)
 Mơ-màng phách quế hờn mai, (2138)
 Đạm-Tiên thoát đã thấy người đời xưa,
 Rằng : « Tôi đã có lòng chờ,
 • Mất công mười mấy năm thừa ở đây. (2139)

2136) Kiều tuy bị dầm nước, song sắc mặt vẫn còn tươi sáng như gương, ý nói Kiều chưa tắt thở, nước da vẫn còn sắc máu.

Phải có một sự huyền bí can thiệp vào thế nào, chờ trầm mình, xác đã trôi xuôi dòng rồi thì khó mà còn sống được. Hoặc giả Kiều có biết bơi mà bơi xuôi theo dòng nước chẳng? Vội lại, khi Kiều trầm mình thì nước triều dâng mệnh mòng, sóng gió réo ùng ùng, khó lòng mà chống lại được với sóng gió.

— Chi tiết này dù sao phần giả tạo cũng lộ liễu quá. Tình tiết sắp đặt không được khéo léo tự nhiên. Dù rằng có sự huyền bí ở trong cũng vậy.

Vì « có trời mà cũng tại ta » số trời tuy chưa chết, nhưng sức người không chịu đựng nổi, thì cũng hết sống.

2137) Kiều chưa phai giấc vàng. Nàng vẫn còn mê man bất tỉnh.

Giấc vàng là giấc mê, giấc mộng, theo tích giấc mộng Hoàng Lương hay Hoàng-lương mộng, tức giấc kẻ vàng đã chửa ở trên.

2138) Phách quế hờn mai nghĩa là hờn phách.

Đem hai chữ quế và mai vào cho đẹp lời văn, đồng thời nói hờn-phách người trắng như mai thơm như quế, tức là hờn phách người đàn bà đẹp.

2139) Câu này, văn-lý có chỗ chưa thông.

Đạm-Tiên là một nàng đã thành « tiên thánh » biết trước mọi việc xảy ra trong đời Kiều. Vậy sao lại không biết trước

- « *Chị sao phận mỏng đức dày, (2140)*
 « *Kiếp xưa đã vậy lòng này để ai ! (2141)*
 « *Tám thành đã thấu đến trời : (2142)*

ngày tháng Kiều trăm mình mà phải đến đợi trước ở sông Tiền-Đường những mười mấy năm thừa ở đó ? Đến như Tam Hợp mà còn tiên tri được thời gian. Kiều tự trăm, hưởng chỉ là Đạm-Tiên. Tác-giả sơ ý, có thể làm giảm giá trị của vai Đạm-Tiên vậy.

2140) *Phận mỏng đức dày* : phận bạc, đức hậu.

Ý nói số phận thì xấu, mà bụng dạ thì tốt.

Mấy chữ này mượn ý câu sách *Liệt Tử* một tin - đồ của Lão-Tử :

Bắc-Cung-Tử hậu ư đức, bạc ư mệnh, nhữ hậu ư mệnh, bạc ư đức.

Nghĩa là :

Bắc-Cung-Tử thì đức dày mệnh mỏng

Mì thì mệnh dày, đức mỏng

Mệnh mỏng hay *phận mỏng* là số phận xấu, được hưởng thụ ít : *mệnh dày* hay *phận dày*, là số phận tốt, được hưởng thụ nhiều.

Có bản pháp-văn dịch *phận mỏng* là phận bạc bẽo (*sort ingrat*) như vậy không đúng nghĩa.

Đức dày là đức - hạnh tốt, có lòng nhân hậu, ăn ở phước hậu, *đức mỏng* là đức-hạnh không tốt, ăn ở không có phước hậu.

Đạm-Tiên khen ngợi Kiều có bụng dạ tốt ăn ở có nhân hậu.

2141) *Kiếp xưa đã vậy* tám số kiếp xưa nay thì vẫn đã vậy rồi, ý nói « *tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh* » số kiếp hồng nhan thì ngàn xưa vẫn như vậy điều đó là sự thường.

Lòng này để ai ? là nói cái đức dày của Kiều thì để ai sánh kịp.

2142) *Tám thành* tức tám lòng thành. *Thành* tức là thành thật, thành khẩn, không dối trá, không kiêu sức, bụng nghĩ làm

« *Bán mình là hiếu, cứu người là nhân, (2143)*

« *Một niềm vì nước, vì dân. (2144)*

sao hành động làm vậy, hành động và tư tưởng ăn khớp với nhau phù hợp nhau.

Tấm lòng thành khẩn của Kiều đã thấu đến trời, Ý nói trời đã soi xét cho tấm lòng thành của Kiều.

2143) Tấm lòng thành-khẩn của Kiều đã biểu lộ, ra bằng hai việc : bán mình và cứu người.

Tức là Kiều đã có lòng *Hiếu* thành-thực, và lòng *Nhân* thành thực,

Điều nhận xét này của Đạm-Tiên có chỗ chưa xác đáng. Kiều đã hiếu một cách thành-thực, nàng đã bán mình chuộc cha.

Còn như *cứu người là nhân*, nếu Đạm - Tiên định nói việc Kiều giết Từ-Hải (hạ một người cứu muôn người như lời Tam-hợp) thì lòng *Nhân* đó có lẽ không thành khẩn chút nào. Chẳng những không thành-khẩn, mà lại ở ngoài ý thức của Kiều. Nàng có bao giờ coi Từ - Hải là kẻ thù của loài người đâu ? Nàng có bao giờ có ý định giết Từ - Hải để cứu ai đâu ? Gán cho Kiều cái *cóng*, cái lòng *nhân* nàng không hề có ý thức, đã là miễn cưỡng lắm rồi.

Nếu lại bảo rằng đó là một điểm tâm thành của Kiều, do ở lòng *Nhân* thành khẩn của Kiều, thì thật là điên đảo thì - phi xáo trộn chân giả ?

2144) *Vì nước vì dân* Đạm-Tiên định nói việc Kiều giết Từ-Hải là việc vì nước vì dân. Nói như vậy là gán tội hơn là gán công cho nàng.

Tội cố ý giết chồng, Thực ra nàng khuyên Từ - Hải ra hàng là vì nàng.

« *ngờ rằng phú quý phụ vinh* »

Chớ nàng không nghĩ để giết Từ-Hải .

« *ai ngờ một phút tan tành thịt xương* »

« Âm công cất một đồng cân đã già, (2145)

« Đoạn-trường sỏ rút lên ra.

« Đoạn-trường thơ phải đón mà trả nhau ! (2146)

Cũng có thể cho rằng vì nàng khuyên Từ-Hải mà nhân dân tránh được nạn binh hỏa.

Nhưng đó là một kết-quả không ngờ.

Kiều vô tình mà đã cứu được nhân dân. Như vậy không thể nói được *tấm thành*... và

một niềm vì nước vì dân

— Đến đây, người ta thấy tác - giả hầu như đã thiếu nhất chỉ trong tư tưởng. Trước kia giới - thiệu trình bày, miêu tả Từ Hải với mối thiện cảm nồng nàn bao nhiêu với ý hăm mộ chân thành bao nhiêu, thì lúc này tác giả đã cho Tam-Hợp và Đạm-Tiên nói đến Từ - Hải với mối ác cảm, với ý khinh bỉ sâu xa bấy nhiêu.

Có phải là tác-giả cố ý làm ra như vậy để đánh lạc dư luận về thái - độ của ông đối với Từ-hải ? Có phải tác giả cố ý làm ra như vậy để đánh loãng cái cảm tình nồng hậu của ông đối với nhân vật Từ-hải ? Và tất nhiên là vì lý do tự vệ.

2145) Âm công nghĩa cũng như âm đức, là cái công được ngầm ngầm tạo nên, có quỷ thần biết.

Âm công đây tức là Đức dầy nói trên.

Bắc lên cân dọ với cái số bạc mệnh (tức phận mỏng) thì âm công (đức dầy) già đồng cân hơn, tức là nặng hơn.

2146) Vì vậy mà tên được rút ra khỏi sổ đoạn - trường ý nói từ đó trở đi. Kiều sẽ được phần hưởng thụ.

Và vì Kiều thôi không ở trong hội Đoạn-Trường nữa, nên Đạm-Tiên đón Kiều để trả lại nàng thơ Đoạn - trường. Thơ đoạn - trường là 10 bài thơ mà Kiều theo đầu đề của Hội chủ hội Đoạn Trường « tay tiên một vầy đủ 10 khúc - ngâm » đưa cho Đạm Tiên trong một giấc mộng.

Chỗ này văn - lý có chỗ chưa thông. Đạm - Tiên nói rằng vì Kiều lập được âm công (bản mình chuộc cha, giết Từ - Hải = Hiếu Nhân) nên được rút tên khỏi sổ đoạn-trường.

- « Còn nhiều hưởng-thụ về sau, (2147)
 « Duyên xưa tròn trặn, phúc sau dồi dào ! » (1148)
 Nàng còn ngơ ngẩn xiết bao,
 « Trạc-Tuyền ! » nghe tiếng gọi vào bên tai, (2149)
 Giật mình, thoát tỉnh giấc mai.
 Bâng-khuâng nào đã biết ai mà nhìn ?

Nghĩa là nếu Kiều không lập được âm-công đó, thì nàng còn phải chịu kiếp đoạn-trường. Kiếp đoạn-trường chấm-dứt bằng cuộc tự trầm của Kiều ở sông Tiền-đường.

Vậy thì hơn mười năm trước, sao Đạm-Tiên đã hẹn với Kiều :

« Sông Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau »

Hẹn như vậy, là Đạm-Tiên đã biết trước thời-kỳ chấm dứt kiếp đoạn-trường của Kiều, không luận rằng nàng lập được âm-công hay không.

Nay Đạm-Tiên lại nói :

« Mất công mười mấy năm thừa... »

và « Âm công cất một đồng cân đã già ».

Ý-Từ trước sau mâu-thuẫn nhau, lung-túng thế nào. Đoạn văn này vung-vẽ và đầy giả-tạo.

2147) Hết kiếp đoạn-trường rồi, Thủy-Kiều sau này được hưởng-thụ nhiều hạnh phúc.

2148) *Duyên xưa* là cuộc tình-duyên ngày xưa, đây trở cuộc tình-duyên giữa Kim-Trọng với Kiều sẽ được tròn vẹn. Kiều sẽ được xum-vầy với Kim-Trọng.

Có bản chép : *Duyên xưa đầy đặn...*

Phúc sau dồi dào là phần hạnh-phúc được hưởng-thụ sau này sẽ dồi-dào.

Câu này diễn-dạt cho rõ thêm ý câu trên :

« còn nhiều hưởng-thụ về sau »

2149) Chuyện mạch đột-ngột bất ngờ như đang mơ chợt tỉnh

Rất sát với thực-trạng bấy giờ. Kiều đang thiêm-thiếp mơ màng bỗng nghe Giác-Duyên gọi tên chợt tỉnh lại.

Trong thuyền, nào thấy Đạm-Tiên ?
 Bên mình chỉ thấy Giác-Duyên ngồi kề.
 Thấy nhau, mừng rỡ trăm bề
 Dọn thuyền mới rước nàng về thảo-lư, (2150)
 Một nhà chung-chạ sớm trưa,
 Gió trắng mát mặt, muối dưa chay lòng.
 Bốn bề bát ngát mênh-mông,
 Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau. (2151)

XI

Nạn xưa trút sạch lâu-lầu,
 Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này, (2152)
 Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
 Nỗi chàng Kim-Trọng bấy chầy mới thương !
 Từ ngày muôn dặm phù tang. (2153)

2150) Thảo lư cũng nghĩa như Thảo-đường là nhà tranh.

2151) Túp nhà tranh làm chơ-vơ một mình trên bờ sông Tiền-đường giữa khoảng bát-ngát mênh-mông, mắt chỉ thấy nước triều dâng sớm chiều và mây lồng phía trước phía sau nhà.

Câu này diễn-đạt cho rõ thêm ý câu :

« Một gian nước biếc mây vàng chia đôi » ở trên.

2152) Nạn xưa, thì như lời Đạm-Tiên, đã trút sạch lâu-lầu. Còn duyên xưa thì chưa biết tìm đâu ở chốn này. Ý nói cuộc tình duyên xưa, của Kiều với Kim-Trọng thì chưa dễ đã biết được sẽ ra làm sao.

Đây là ý-nghĩ riêng của Kiều. Và cũng có thể là lời của tác-giả dự-bị chuyển xuống đoạn nói về Kim-Trọng.

2153) Phù tang tức cũng như hộ-tang.

Nói việc Kim-Trọng đi Liễn-Dương đưa linh-cữu ông chủ ruột về quê.

Nửa năm ở đất Liêu-Dương lại nhà, (2154)

Vội sang vườn Thúy dò la, (2155)

Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa,

Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,

Sóng trắng quanh quẽ, vách mưa rã rời. (2156)

2154) Kim-Trọng đi Liêu-Dương nửa năm thì trở lại nhà

2155) Vườn thúy tức là vườn Lãm Thúy Hiền nơi Kim Trọng trọ học ngày trước.

Chàng không đến nhà Kiều. Chàng đến nhà trọ cũ để dò-la tin-tức Kiều.

2156) *Cỏ mọc lau thưa* : cỏ mọc rườm lên : lau ở bờ dậu bị phá thưa ra.

Sóng trắng quanh quẽ : cửa sổ ánh trắng chiếu vào tự-do vắng-vẻ, ý nói cánh cửa và rèm che cửa không còn.

Cũng có thể giảng là cửa sổ hình tròn như mặt trăng Nhưng sóng với vẻ dưới thì có lẽ giải nghĩa cửa sổ tròn là sai.

— Nhiều bản Pháp-văn dịch là : cửa sổ xưa kia nạm Kiều nhìn ngăm trắng. Giảng thế nghe cầu kỳ và khiên cưỡng làm sao !

Vách mưa rã-rời : vách bị mưa xói vào rã-rời ra, ý nó mái nhà dột nát.

— Đoạn này tả nhà Thúy-Kiều bị sa-sút sau vụ bán tơ tiêu xưng.

Xét ra văn-lý đoạn này có mấy điểm bất thông :

a) Lúc này là ban ngày, mà nói « *sóng trắng quanh quẽ* » thì không sát. Trĩ tượng-tượng của Kim-Trọng đi quá xa.

b) Nhà Kiều đoạn trên tả :

« *Thâm nghiêm kín cổng cao tường* » mấy lần cửa đóng then cài, tường đóng nghé mắt ngày ngày hăng trống.

Vốn là một nhà giàu (Viên ngoại) có tường cao cổng kín, Sao lúc này nhà lại có vách đất ?

Vách mưa rã-rời tức là vách bằng đất.

*Trước sau nào thấy bóng người.
 Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. (2157)
 Xập xè én liệng lâu không. (2158)
 Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.*

2157) Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông là hoa đào vẫn tươi đẹp như là hoa bời năm ngoái. Gió đông tức gió xuân thổi nhẹ vào hoa đào, coi hoa đào như có vẻ hớn hở cười với gió xuân vậy.

Câu trên và câu này mượn ý bài thơ của Thôi Hộ đời Đường. Đời Đường. Thôi Hộ học giỏi đẹp trai, nhân chơi hội Đạp Thanh lạc đến một xóm trồng toàn hoa đào gọi là Đào hoa trang. Chàng khát nước, bèn gõ cổng một nhà, định xin nước uống. Bên trong một thiếu nữ hé cổng ra. Biết Thôi Hộ khát nàng đem nước ra đãi. Thôi Hộ thấy thiếu nữ thì giết mình. Thiếu nữ thấy chàng ra vẻ bẽn lèn.

Cả hai đều cảm về lời mạo của nhau.

Tết Thanh Minh năm sau, Thôi Hộ lại tìm tới Đào Hoa Trang. Tới nơi nhà năm ngoái, thấy cổng khóa, chàng gõ lên cánh cổng một bài thơ :

Khử niên kim nhật thử môn trung,
 Nhân diện đào hoa tương ảnh hồng.
 Nhân diện chỉ kim hà xứ khứ ?
 Đào hoa y cựu tiếu đông phong.
 Lược dịch :

Năm ngoái ngày nay giữa cổng đây
 Hoa đào ánh mặt đỏ hây-hây
 Mặt hoa nay biết đi đâu vắng ?
 Cột gió hoa đào vẫn thắm tươi.

2158) Xập xè én liệng lâu không ; Chim én liệng xập-xè thắm-thấp ở trên lâu vắng người. Ý nói lâu vắng, chim én tự do bay liệng, thắm thấp không sợ ai bắt.

Tả cái cảnh quanh-quẽ của nơi lâu vắng người, bỏ mặc chim-chóc làm tổ.

*Cuối tường, gai góc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa ! (2159)
Chung quanh lặng ngắt như tờ. (2160)*

2159) Chỗ cuối tường là lối Kim-Trọng đi về qua lại nhà Kiều hồi năm ngoái, nay gai góc mọc kín cả.

2160) *Lặng ngắt như tờ* nhiều bản giảng phẳng lặng như tờ giấy. Chúng tôi thấy có chỗ bất thông. *Lặng ngắt*, là im lặng và *vắng ngắt*. Tờ giấy không thể vắng ngắt im lặng, tờ giấy phẳng lặng.

Tờ đây phải giảng là *Từ* đọc tranh ra thì mới có nghĩa *Từ* là đền thờ. Nơi đền thờ thường vắng ngắt.

Trên đã chưa nghĩa).

— Trở lên 10 câu tả phong-cảnh nhà Thúy-Kiều sau 6 tháng Kim-Trọng đi Liêu-Dương trở lại.

— Chúng tôi thấy đoạn này, tác-giả xếp đặt chưa được khéo :

a) Nhà Vương-Viên-Ngoại tuy là *thường thường bậc trung*, song không phải là nghèo. Riêng chức Viên-Ngoại đã chứng tỏ điều đó. Nhà giàu thời xưa, là nhà có nhiều ruộng, vì bấy giờ nền tảng kinh tế xã hội là nông-nghiệp. Trong khi cấp bách cần tiền thì Kiều đã bán mình lấy tiền lo chuộc Vương-Ông ra khỏi nơi tù-ngục rồi. Vậy nhà Vương-Viên-Ngoại vì lý do gì mà sa sút chóng như vậy? Chẳng lẽ lại vì mất Kiều mà sinh ra mất cả cơ-nghiệp?

b) Nếu Vương-Viên-Ngoại phải bán ruộng và bán cả nhà thì mới đủ tiền lo kiện, thì nhà tất phải sang chủ khác, chứ có lẽ nào lại bỏ hoang?

c) Nhà Vương-Viên-Ngoại có đủ vườn hoa và lầu cao bỏ hoang như vậy, mà cả nhà di trú đến một nhà nhỏ bé tối-tàn khác là vì lý do gì? Cứ ở lại nhà thì làm sao? Hay là nhà bị tịch biên? Nhưng Kiều bán mình đã chuộc được tội rồi kia mà.

d) Cứ như cái cảnh *sa sút khó khăn* của nhà họ Vương (may thuê viết mướn kiếm ăn) thì chắc-chắn là gia-nghiệp,

Nỗi-niềm tâm sự bấy giờ hỏi ai ?
 Láng giềng có kẻ sang chơi,
 Lân-la khê hỏi một hai sự tình,
 Hỏi ông, ông mắc tụng đình, (2161)
 Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
 Hỏi nhà, nhà đã dời xa. (2162)
 Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy-Vân :
 Đều là sa-sút khó-khăn, (2163)
 May thuê, viết mướn kiếm ăn lần-hồi. (2164)

phần lớn là ruộng nương—đã bị khánh-kiệt vì vụ kiện. Nếu vậy mấy trăm lạng bán mình của Kiều không có nghĩa lý gì trong vụ này. Sự hy-sinh của nàng không cần-thiết cho lắm.— Nàng cứ ở nhà cũng xong!

2161) Ông mắc tụng đình, tụng đình là nơi xử kiện; mắc tụng đình là mắc phải vụ kiện. Nhưng Kiều đã nhờ Chung - lão chạy chọt và nàng đã bán mình lấy tiền để chuộc Vương-Ông. Có lý nào nữa năm sau, Kim-Trọng tới mà Vương-Ông vẫn còn mắc tụng-đình. Vậy Kiều bán mình để làm gì ?

2162) Nhà dời xa, vì lý do gì mà nhà đã dời đi xa ? Không có lẽ cứ sau một vụ kiện, người ta lại phải bỏ nhà cũ một lần ? mà để làm gì ?

2163) Tại làm sao mà dám ra sa.sút khó-khăn chóng thế ? Chẳng lẽ vì mất Kiều !

2164) Vương-Quan, Thúy-Vân cũng như Thúy-Kiều trước đây có phải làm việc tăng - gia sản sản đâu ? Họ là con nhà Viên - Ngoại, tức là nhà giàu phong - kiến, sống vẻ hoa lợi ruộng đất. Nay Vương-Quan, Thúy-Vân phải may thuê, viết mướn kiếm ăn, nghĩa là hoa lợi ruộng đất không còn nữa. Kiều đã bán mình chuộc cha, khi chưa kịp thu hoa lợi ruộng đất. Sau khi nàng đã bán mình, Vương-Ông đã thoát nạn, vì lẽ gì hoa lợi ruộng đất không còn ? Nếu bảo rằng nhà Vương Viên-ngoại không có ruộng đất thì :

Điều đầu sét đánh lưng trời,
 Thoắt nghe chàng đã rụng rời xiết bao !
 Hỏi thăm di-trú nơi nao ? (2165)
 Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi,
 Nhà tranh, vách đất, tả tơi,
 Lau treo rèm nát, trúc gài phen thưa. (2166)

a) Ông đã chả là Viên Ngoại.

b) Gia tư không thể « thường-thường bậc trung »

c) Kiều, Văn, Vương-Quan trước đây tất phải làm nghề mà sống, chứ không được học chữ học đàn, có thì giờ chơi xuân như vậy ?

Vương-Quan, Thúy-Vân mà phải may thuê viết mướn kiếm ăn lần hồi, tức là kiếm bữa nay lo bữa mai — thì Vương-ông, Vương-bà lấy gì mà sống ? Và trước kia họ Vương trông vào nguồn lợi gì để nuôi con ?

Sau một vụ kiện mà hết sạch nguồn lợi sinh sống của cả một gia đình, đó là điều khó tin, nhất là đối với một nhà Viên - Ngoại. Cho nên nói rằng trong Đoạn - Trường Tân-Thanh, tình-tiết sắp đặt chưa được khéo, còn đề nhiều kẽ hở có thể phê bình được.

2165) *Di trú* là dời chỗ ở. Việc dời chỗ ở trong xã hội kinh tế nông-nghiệp là một việc ít thấy có. Vì nhà nông nặng óc tư-hữu, bám sát lấy ruộng vườn. Có khi bán nhà rồi, thì lập một túp lều tranh lên khu đất đã gỡ nhà đi, mà ở. Có khi bán đất bán nhà, nhưng bớt lại một mảnh đất ở nơi chôn rau cắt rốn để ở lại.

Ở đây, tác-giả quan-niệm việc di-trú dễ dãi như việc thuê nhà, gion nhà ở các tỉnh-thành trong hệ-thống kinh-tế tư-bản, kỹ-nghe.

Như vậy là không sát với tâm-lý và tình-trạng của người nông-dân.

2166) *Lau treo rèm nát* : cái lau màn treo cái rèm đã cũ nát ; *trúc gài phen thưa* ; cửa bằng phen trúc.

Một sân đất cỏ dầm mưa, (2167)
 Càng ngao ngán nỗi, càng ngơ-ngẩn đường.
 Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
 Chàng Vương nghe tiếng vội-vàng chạy ra,
 Dắt tay vội rước vào nhà.
 Mái sau, Viên-ngoại ông bà ra ngay.
 Khóc than kể hết niềm tây :
 « Chàng ôi biết nỗi nước này cho chưa ? (2168)
 «Kiều-nhi phận mỏng như tờ,
 « Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng ! (2169)
 « Gặp cơn gia biến lạ đường,
 « Bán mình nó phải tìm đường cứu cha,
 « Dùng-dăng khi bước chân ra,
 « Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần.

Có bản giảng lau treo rèm nát là cái rèm bằng lau, trúc gài phen thưa là vách che bằng phen tre.

Lại có bản giảng : rèm nát có lau mọc, phen thưa trúc mọc sen cả vào.

Giảng như vậy đều sai. Vách bằng đất chứ không bằng phen. Lau là cái cây lau để treo màn

2167) Sân đất, cỏ mọc dầm mưa, lấm lội bẩn-thỉu.

Trở lên ba câu tả cảnh nghèo nàn của nhà Vương-ông.

2168) Nỗi nước này là nông-nỗi nước này cũng như nói cơ sự này, duyên sự thế này,

2169) Kiều-nhi cũng như ta nói nôm con Kiều.

Đây là tiếng bố mẹ gọi con gái.

Phận mỏng như tờ là phận mỏng như tờ giấy, tức là phận bạc, phận rủi, không tốt.

Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng : đã có lời với chàng về lời tóc-tơ.

Lời tóc tơ là lời thề, lời hẹn kết tóc xe tơ làm vợ chồng với nhau. Ý nói Kiều đã lỗi lời thề với Kim-Trọng

- « Trót lời hẹn với lang-quân,
 • Mượn con em nó Thúy-Vân thay lời !
 « Gọi là trả chút nghĩa người,
 « Sầu này đắng đặc muôn đời chưa quên ! (2170)
 • Kiếp này duyên đã phụ duyên.
 • Dạ-dài còn biết sẽ đền lai-sinh. (2171)
 « Mấy lời ký chủ đình ninh, (2172)
 • Ghi lòng đề dạ cất mình ra đi,
 • Phận sao bạc mấy Kiều-Nhi ?
 « Chàng Kim về đó con thì đi đâu ? » (2173)
 Ông bà càng nói càng đau,
 Chàng càng nghe nói càng rầu như dưa.
 Vật mình vầy gió tuôn mưa, (2174)

2170) Câu này dịch ý câu thơ của Bạch-Cư Di trong Trường Hận - ca :

Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ

Nghĩa là : buồn này dài đặc không bao giờ hết.

Duyên đã phụ duyên : tình duyên đã phụ tình duyên, nghĩa cũng như tình đã phụ tình.

Dạ dài là cõi âm, tức cõi chết.

Còn biết nếu như ở cõi âm mà Kiều còn biết, thì sẽ hẹn đền báo đền ở lai sinh.

Lai sinh là đời sau, kiếp sau.

Ý nói : nếu ở dưới tuổi vàng mà hồn Kiều còn biết, thì kiếp sau sẽ đền nghi Kim Trọng.

2172) *Ký chú là ghi đề*, là dặn lại đây là lời Kiều dặn lại (như trên).

2173) Hai câu này kết-thúc lời thuật truyện với Kim-Trọng.

Đó là lời ông bà viên-ngoại vừa khóc vừa kể lể,

2174) Kim-Trọng nghe truyện xong thì vật vã khóc-lóc

Dầm-dề hạt ngọc, thần thờ hồn mai,
 Đau đòi đoạn, ngắt đòi hồi
 Tình ra lại khóc, khóc rồi lại mê
 Thấy chàng đau nỗi biệt-ly
 Ngập ngừng, ông mới vỗ về giải khuyên :
 « Bây giờ ván đã đóng thuyền (2175)
 « Đã đành phận bạc, khôn đền tình chung (2176)
 « Quá thương chút nghĩa đèo bông
 « Nghìn vàng thân ấy để hồng bỏ sao ? (2177)

Chàng vật mình vật mảy như là gió vầy mạnh cây cối ngã xuống chàng khóc. Lóc nước mắt tuôn ra như mưa.

Nhiều bản chép chép là : *vấy gió tuôn mưa*.

Theo ý chúng tôi chép *vấy gió* thì vô nghĩa. Mấy bản Pháp văn lại dịch *vấy gió* là : *tay khua khoắng như là để gọi gió hoặc tay khua để đập không khí*. Dịch như vậy e sai tình thần câu văn.

Vấy gió tuôn mưa là như gió vầy, như mưa tuôn, chứ không phải Kim Trọng *vấy gió* và *làm tuôn mưa*.

2175) *Ván đã đóng thuyền* là gỗ đã dùng vào việc, sự đã rồi không lấy lại được. Ý nói Kiều đã đi lấy người khác rồi. Ông bà Vương Viên Ngoại yên trí rằng đã bán Kiều cho Mã Giám Sinh làm nàng hầu.

2176) Cái phận Kiều đành là mỏng manh không ra gì rồi không thể báo đền được người tình chung (chung tình) nữa.

Người tình chung tức là người *chung tình* trở Kim-Trọng. *Chung tình* là tình chỉ sở chung đã chưa nghĩa ở trên.

2177) *Nghìn vàng thân ấy* là thân ấy quý báu như nghìn vàng) dịch chữ *thiên kim khu* là cái thân thể quý báu như nghìn vàng.

Vương-Ông khuyên Kim-Trọng :

Vì quá thương chút nghĩa đèo bông (Kiều) mà bỏ cái thân nghìn vàng sao ?

Có ý bảo Kim-Trọng không nên quá thương tiếc mà lại đến thân thể.

Dỗ dành, khuyên giải trăm chiều.
 Lửa phiền càng dập, càng kêu mỗi phiền. (2178)
 Thề xưa giờ đến kim-hoàn,
 Của xưa lại giờ đến dần với hương (2179)
 Sinh càng trông thấy càng thương.
 Gan càng tức tối, ruột càng xót-xa,
 Rằng : « Tô trót quá chân ra.
 « Đề cho đến nỗi trôi hoa giặt bèo,
 « Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
 « Những điều vàng đá, phải điều nói không ! (2180)

2178) *Phiền là phiền muộn nghĩa là buồn bã.*
 Sự buồn bã như lửa bốc, càng dập đi càng như kêu nó lên. ý nói càng nghe lời khuyên giải, chàng Kim càng buồn phiền đau khổ thêm.

— Trên vẫn phiền mà dưới hạ vẫn hoàn thì lạc vận.

2179) *Kim hoàn là vòng vàng.*

Trước kia, Kim-Trọng có tặng Kiều hai chiếc vòng vàng.

« Xuyên vàng hai chiếc khăn là một vương »

Kiều đi, để lại kim-hoàn cho Thúy-Vân

« Chiếc vành với bức tờ mây »

(Sao lại để lại một chiếc ?)

— Chi-tiết này bình như không sát sự thật. Nhà Vương Viên Ngoại sa sút đến phải bán cả con gái (Kiều) bán cả sản nghiệp, và phải cho con may thuê viết mượn kiếm ăn lần hồi, mà xuyên vàng cắt một chỗ không bán thì đó là một sự không thể có được. Nếu đúng vậy, thì Vương Viên Ngoại có lẽ gan giờ làm sao.

Con mà còn bán được, thì vật kỷ niệm sao không dám bán ?

Đàn với hương là những vật của Kim Trọng để lại cho Kiều.

Kim-Trọng khi đi Liêu-Dương để lại cây đàn tặng Kiều, Kiều để lại cho Thúy-Vân.

Kim hoàn là của xưa. *Hương* mới nhắc thề xưa. Câu này Hai chữ thề và của bình như chưa ổn.

Những điều vàng đá : những lời vàng đá.

Lời vàng đá là lời thề thốt kiên quyết như ghi vào chất kim (chuông dính bằng đồng) chất đá (bìa đá).

Chưa chần gối cũng vợ chồng
 « Lòng nào mà nữ phụ lòng cho đang ! ?
 • Bao nhiêu của mấy ngày đang,
 • Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi ! » (2181)
 Nỗi thương nói chẳng nên lời,
 Tạ từ Sinh mới sụi-sụi bước ra,
 Vội vàng sửa chốn vườn hoa, (2182)
 Rước mời Viên-ngoại ông bà cùng sang,
 Thần-hôn chăm chút lễ thường. (2183)

2181) Một đây dịch chữ nhất định, nhất quyết.

Kim-Trọng nói ; bề tôi còn sống thì tôi nhất định phải gặp được mặt nàng mới thôi Dù tốn bao nhiêu công của, đi bao nhiêu ngày đang cũng không quản ngại.

2182) Chốn vườn hoa tức là căn nhà làm ở vườn hoa. Xưa các nhà phú quý có vườn hoa, thường làm căn nhà hay lâu đài ở vườn hoa để làm chỗ thưởng hoa tiêu khiển.

Ta biết nhà Kim-Trọng vốn là nhà giàu.

« Nền phú hậu bạc tài danh »

2183) Kim Trọng sẵn sóc Vương-ông, Vương-bà như là con sẵn sóc phụng dưỡng cha mẹ.

Thần hôn đã chưa nghĩa ở trên.

— Đến việc mời ông bà Viên Ngoại sang ở vườn hoa, ta cũng không thấy Kim Trọng bàn với cha mẹ. Chẳng tự tiện làm việc đó như là việc đi trọ học trước kia.

Phụ mẫu tại đường. Kim Trọng chưa có vợ, chưa ở riêng mà đã tự do hành động như vậy ư ? Nhất là chàng lại là một nhà Nho, và sống trong xã hội Nho-Giáo.

— Điều khiển ta lấy làm lạ nữa là ông bà Vương Viên Ngoại biết là Kim-Trọng còn cha mẹ, vậy mà không có lời mời và sự ưng thuận của cha mẹ Kim Trọng, ông bà cũng dời sang ở nhà Kim Trọng !

Dù sao đoạn này sắp đặt cũng chưa được khéo.

Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa. 84)(21
Đình ninh mãi lệ chép thư.
Cất người tìm tôi, đưa tờ nhẵn nhe. (2185)
Biết bao công mượn của thuê,
Lâm-thanh mấy độ đi về dặm khơi. (2186)
Người một nơi, hỏi một nơi.
Mông-ménh nào biết bề trời nơi nao ? (2187)

2184) *Dưỡng thân* là nuôi cha mẹ.

Kim-Trọng nuôi cha mẹ Kiều thay Kiều.

Kim-Trọng làm như chàng đã nắm hết quyền hành trong gia-đình vậy.

2185) *Mãi lệ chép thư* : rõ nước mắt mãi mực chép thư từ, ý nói lời thư thăm thiết như là viết bằng nước mắt.

Kim-Trọng sai người đi tìm kiếm tin tức Kiều, nhờ người đưa thư nhẵn nhe Kiều. — Có bản chép : *Mực mãi nước mắt chép thư.*

2186) Chàng đã tốn nhiều công của thuê mượn người làm, những việc đó. Chàng cho người đi mãi tận Lâm-Thanh để dò-la tin Kiều.

Chàng thuê mượn người đi Lâm-Thanh là vì yên trí rằng Kiều bán mình làm lẽ mọn Mã Giám-Sinh ở Lâm-Thanh

— Nghĩ như Kim-Trọng lúc này thật cũng lạ, đã biết rằng Kiều bán mình làm vợ lẽ, nàng hầu họ Mã ở Lâm-Thanh, thì còn định tìm kiếm, nhẵn nhe làm chi ? Hay là định chuộc về chăng ?

Tác-giả có lẽ cũng biết hành động của Kim-Trọng là vô lý. Nhưng hình như tác-giả cố ý mượn hành-động đó để tả nỗi si-tình của chàng Kim.

2187) *Ménh-mông* trời bề, không biết Kiều ở vào chỗ nào

— Có bản pháp-văn chưa rằng câu này nói ngoa. Trời thì ai không biết là ở trên đầu ?

*Sinh càng thăm-thiết khát-khao,
 Như nung gan sắt, như bảo lòng son.
 Ruột lăm ngày một héo hon.
 Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve, (2188)
 Thần-thờ lúc linh lúc mê,
 Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao ! (2189)
 Xuân huyên lo sợ xiết bao.
 Quá ra khi đến thế nào mà hay ! (2190)*

Hiều như vậy là lăm.

Câu này tuy đặt thế, nhưng nghĩa có phải là không biết bề trời ở chỗ nào, đâu ?

Nghĩa câu này là : nào biết nàng ở nơi nào trong vòng trời bề mệnh mỏng rộng khắp này ?

Trong văn-chương Việt-Nam, thường có những ý lẫn, ở ngoài câu văn, phải lý-hội một cách tế nhị ; nếu cứ hiểu theo văn phạm Pháp, thì nhiều khi lăm,

2188) *Tuyết sương* có thể giảng theo hai nghĩa :

a) Kim-Trọng đi về hôm sớm thăm dò tin tức Kiều, đầu sương già, tuyết nên gây cả người như con ve.

c) Kim-Trọng ăn sương nuốt tuyết như con ve — ý nói không chịu ăn uống gì — nên người gây vơ.

2189) *Máu theo nước mắt* : khóc nhiều quá, thậm quá tưởng, như máu trào theo nước mắt.

(Xem tích Tiết Linh Văn chưa ở câu :

Nhìn nhau lã chĩ giọt hồng ở trên).

Hồn lìa chiêm bao : thần hồn chàng mơ màng những đâu ; ý nói Kim-Trọng thờ-thần, ngây-ngơ như kẻ mất hồn.

2190) Cha mẹ Kim-Trọng lo sợ lăm. Lo rằng lỡ chàng thương nhớ Kiều quá mà việc xảy đến thế nào, thì ai biết mà dễ phòng.

Đại ý cha mẹ chàng lo chàng thương nhớ Kiều quá mà sinh bệnh tật, hoặc liều thân, hoại thể.

Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
 Duyên Văn sớm đã xe dây cho chàng,
 Người yêu-diệu kẻ văn-chương. (2191)
 Trai tài gái sắc xuân đương vừa thì,
 Tuy rằng vui chữ vu quy, (2192)
 Vui này dễ cất sầu kia được nào ? (2193)
 Khi ăn ở lúc, ra vào.

— Hai chữ « thế nào » dùng rất hay. Để nói bóng gió kín đáo những việc quái gở đáng sợ xảy ra, như chết, tự tử . . , người ta thường nói nhỡ xảy ra « thế nào » cho lời nói nhẹ nhàng và khỏi *sái*, khỏi *gở*.

2191) Kim-Trọng đang buồn bã như vậy thế mà được lấy Thúy Vân là đám ra vui tươi hơn hẳn ngay.

Hai câu này cho ta thấy sự vui tươi hơn hẳn của hai người.

— Còn lạ gì lòng con người ta ! Có phải là gổ đá đầu ? Mà dù là gổ, đá thì gổ đá người ta cũng lay chuyển được, huống chi là trái tim con người !

2192) *Chữ vu qui* trở việc về nhà chồng.

Vu qui mượn chữ trong thơ Đào-Yêu kinh Thi (toàn bài đã chép dịch ở trên) nói người con gái về nhà chồng.

Đây tác giả dùng để nói sự vui mừng về việc cưới vợ của Kim-Trọng, thì không hợp. Kim-Trọng có làm dâu đầu mà *Vu qui* ?

Giá dùng cho Thúy-Vân thì hợp.

2193) Cái vui lấy vợ chưa dễ cất được gánh sầu thương về Kiều.

Ý nói dù lấy Thúy-Vân, Kim-Trọng cũng không quên được Kiều.

Thật ra, Kim-Trọng không quên hẳn được Kiều, chứ chàng cũng đôi khi quên Kiều. Nếu không thì *vui chữ vu qui* (?) thế nào được ?

Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa, (2194)

Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,

Tuôn châu đôi trăn, vò tơ trăm vòng,

Có khi vắng vẻ thư-phòng,

Đốt lư hương, giờ phím đồng ngày xưa : (2195)

Bể bai rầu rĩ tiếng tơ, (2196)

Trầm bay lạt khói, gió đưa lay rèm :

Dường như trên nóc, bên thềm,

Tiếng kiều đồng-vọng, bóng xiêm mơ màng, (2197)

2194) Âu duyên mới là âu-yếm duyên mới tức là yêu duyên mới.

Dào tình xưa là giạt dào tình xưa. Kim-Trọng càng yêu Thúy-Vân càng nghĩ-ngợi bằng-khuông tới Kiều.

Câu này diễn-đạt ý « dễ cất sầu kia được nào » ở trên.

2195) Các bản chép là « Đốt lò hương ». Chúng tôi cho là chép sai. Không ai nói lò hương. Người ta chỉ nói lư hương.

Phím đồng tức là phím đàn ; mặt đàn làm bằng gỗ Ngô-Đồng Kim-Trọng làm theo lời Kiều dặn Thúy-Vân.

Mãi sau đâu có bao giờ,

Đốt lư hương ấy so tơ phím gầy.

2196) Tiếng đàn Kim-Trọng đánh nghe bể bai, rầu-rĩ làm sao.

Bể bai là buồn một cách chán-nản uể-oải. Bể bai rầu rĩ là buồn trầm-lặng thấm thía.

2197) Hình như trên nóc nhà và bên thềm nhà có tiếng con gái đồng vọng lại và Kim-Trọng mơ-màng như trông thấy bóng xiêm áo phảng-phất đâu đây.

Vì khói trầm bay tạt lên trên không, nên tưởng có tiếng trên nóc nhà. Vì gió lay rèm, nên tưởng nghe tiếng bên thềm ..

Bởi lòng lạc đá ghi vàng, (2198)
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây...
Những là phiền muộn đêm ngày,
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần ? (2199)
Chế.khoa gặp hội trảng văn, (2200)
Vương, Kim cùng chiêm báng xuân một ngày, (2201)

Tiếng Kiều nhiều bản chép là tiếng Kiều và cho là tiếng nàng Kiều.

Chúng tôi đồng ý với Tần-Đà tiên.sinh cho là tiếng kiều là tiếng đàn-bà con gái. Hiều là tiếng Kiều tuy vẫn có nghĩa nhưng hiều thế thì lời văn hơi thô và hơi nôm.

Bóng xiêm tức là bóng xiêm áo đàn bà. Nói tiếng kiều và bóng xiêm thì hai về cân đối nhau; nghe thấy tiếng đàn bà, nhìn thấy bóng quần áo đàn bà.

Nói đàn bà đây, ai cũng biết là nói Kiều. Vì đoạn này, người ta sẽ nhớ đến đoạn Kiều dặn Văn :

Trông ra ngọn cỏ là cây,

Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.

Đây Kim.Trọng đốt hương, đánh đàn, quả thấy gió lay rèm nên theo lời Kiều dặn tưởng tượng như nghe tiếng nàng nói và thấy bóng dáng nàng hiện về.

2198) *Lòng lạc đá ghi vàng* : là lòng nặng lời thề thốt, lòng kiên trinh nhớ thương nhau.

Câu này và câu sau giải thích ý câu trên và nhắc cho ta nhớ lời dặn của Thúy-Kiều ngày trước.

2199) Mùa xuân mùa thu mấy lần thay đổi, tức là mấy năm trời qua đi ; mỗi năm có một mùa xuân, một mùa thu. nên mượn xuân thu để nói thì gian một năm,

2200) *Chế khoa* là khoa thi đặc.biệt, do ý riêng nhà vua mở ra, nhân một dịp gì khác với khoa thi thường lệ.

2201) *Bảng xuân* là bảng thi mùa xuân, trở bảng đề tên các vị Tiến.sĩ trúng tuyển khoa thi Hội. Đời Minh, đời Thanh,

Cửa trời rộng mở đường mây, (2202)
Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần, (2203)
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung-lão tạ ân chu tuyền, (2204)

khoa thi Hội mở vào tháng ba đầu năm. nên bằng đề danh tiến-sĩ gọi là *xuân bảng*. Vương-Quan, Kim-Trọng đi thi cùng đồ tiến-sĩ một ngày.

2202) *Cửa trời* tức Thiên Môn là cửa nhà Vua ; ngày xưa gọi Vua là *Thiên-Tử*, nhà cửa của Vua gọi là *Thiên-gia*, nhà trời.

Sách Tấn Thư, truyện Đào-Khẩn có câu : năm mơ sinh tám cánh, bay lên trời, thấy cửa trời có chín lừng, (mộng sinh bát dực, phi nhi thượng thiên, kiến thiên môn cửu trùng)

Cửu trùng hay *chín bề* là chữ trở nhà Vua. Có lẽ cửa trời lấy chữ (trong Tấn-Thư chẳng ?

Đường mây tức *Vân lộ* nghĩa cũng như *thanh-vân-chi-lộ*, đường mây xanh, trở đường Hoạn-đồ, đường làm quan. Câu này nói cửa nhà Vua mở rộng cho dân có lối làm quan.

2203) *Ngõ hạnh* : là ngõ vườn hạnh. Vườn hạnh tức *Hạnh Viên* ở phía tây huyện Trảng-An tỉnh Thiểm-Tây, cùng với *Phù-dung-viên*, đều thuộc *Nghi xuân Hạ - Uyển* đời Tần. Đời Đường, các Tân khoa Tiến-sĩ được nhà Vua ban cho thưởng hoa và ăn yến ở Hạnh-viên.

Hoa chào ngõ hạnh ý nói được nhà Vua ban ân cho chơi vườn thưởng hoa ; hoa thấy người hôn-hở như chào mời.

Hương bay dặm phần tiếng thơm bay khắp quê hương. *Dặm phần* là nơi nhà quê có trồng cây dâu trắng làm rào gậu. Ý nói được dân làng ngợi khen.

Tả sự vẻ-vang của người thi đỗ.

2204) *Chung lão* là ông già họ Chung trước đã lo liệu cứu cho Vương-ông khỏi tội.

Tình xưa ân trả nghĩa đền,
 Gia thân lại mới kết duyên Châu Trần, (2205)
 Kim từ nhẹ bước thanh-vân, (2206)
 Nỗi nặng càng nghĩ xa gần càng thương,
 Ấy ai hẹn ngọc thề vàng. (2207)
 Bây giờ Kim-mã, ngọc-đường với ai ? (2208)

Tạ ơn chu tuyền là cảm-tạ cái ơn đã lo liệu cho thân danh được chu tuyền. Nếu không có Chung-Lão, thì bố con Vương-Ông bị tội và Vương-Quan không thể đi thi.

2205) Gia thân làm cho tình nghĩa thêm thân, Câu này cho biết Vương-Quan được Chung Lão gả con gái cho tình thêm thân.

— Chẳng biết có phải cốt đề gia thân không, người ta thì nghĩ rằng nếu Vương-Quan không thi đỗ, chàng vị tất đã lấy được vợ, vì nhà sa sút khó khăn.

2206) Thanh vân là mây xanh, đây dùng đề nói đường công danh hiển-đạt, nhẹ-nhàng.

2207) Hẹn ngọc thề vàng lời hẹn thề qui-trọng như ngọc như vàng.

2208) Kim mã tức là kim mã môn cũng gọi là kim môn nguyên là tên cửa cung Vị-ương đời Hán. Hán-vũ-đế được dâng một con ngựa giống ngoại-quốc, lấy làm quý-báu lắm, sai dùng đồng đúc tượng ngựa đề ở cửa cung Vị-ương. Vì sắc đồng giống sắc vàng, nên nhà vua đặt tên cửa cung Vị-ương là Kim-mã-môn. Nhà vua lại ra lệnh cho các quan Học-sĩ châu ở Kim-mã-môn đợi chiếu. Nền sau kim-mã môn hay kim-môn dùng đề trở, chốn Triều-đình.

Đây dùng nói ý làm quan với nhà vua.

Ngọc đường tức nhà Ngọc nguyên là dinh quan Thị-Trung Học-sĩ đời xưa. Đời Tống, Tô-dịch-Giản làm quan Hàn-lâm Học-sĩ được nhà vua rất tin dụng. Vua Tống-Thái Tổ ngự thư bốn chữ Ngọc đường chỉ thư ban cho về treo trước dinh. Từ đó người ta dùng chữ Ngọc đường đề trở dinh quan Hàn-lâm và sau dùng nói chung dinh các quan văn.

*Rễ bèo chân sóng lạc loài, (2209)
 Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly,
 Vàng ra ngoại nhậm Lâm-Truy, (2210)*

Kim mã ngọc đường đây dùng để nói chung cái cảnh phú-quí sang trọng của nhà quan.

Câu trên và câu này : Kim-Trọng tự hỏi ai bện ngọc thề vàng với ta ? mà bây giờ ta chia sẻ cuộc đời cửa vàng nhà ngọc với ai ? ý nói trước chàng thề thốt với Kiều, thế mà bây giờ chàng phú-quí thì Kiều đi đâu không chung hưởng cảnh phú quý với chàng ?

Hai câu này, tác-giả chơi chữ rất tài. Trên nói bện ngọc thề vàng, dưới nhắc kim mã ngọc đường, hai câu lấy đi lấy lại ý vàng ngọc, tuy mỗi câu vàng ngọc có một nghĩa riêng.

Có bản Pháp-văn dịch *kim mã* là *cuối ngựa có chàng mang bằng vàng* ; *ngọc đường* là ở nhà làm bằng ngọc : dịch thế không đúng.

2209) *Lạc-loài* ở *rễ đám bèo*, tức là bị bèo che lấp ; ở *chôn ngọn sóng* tức là cuối ngọn sóng, tức là bị sóng đầy xô đi xa.

Ý nói *lạc-loài* ở nơi xa thăm không biết đâu mà tìm.

Có bản chưa là : *cái rễ bèo ở chôn sóng lúc chìm lúc nổi*. Chưa như thế bất thông. *Rễ bèo* không bao giờ nổi cả, chỉ có cánh bèo, đám bèo nổi mà thôi.

Lưu ly đã chưa nghĩa ở trên.

Trong lúc vinh-hiến Kim-Trọng nghĩ thương Kiều bị *lạc-loài*.

2210) *Vàng* là vàng lệnh nhà vua.

Ngoại nhậm là làm quan ở ngoài quận huyện, (đối lập với *trong* là trong Triều) Kim-Trọng được bổ làm Tri-huyện Lâm-Truy, huyện mà Kiều với Thúc-Sinh xưa đã tới hầu kiến,

Kim-Trọng mang theo cả một đoàn *thê nhi* là vợ con. Lúc này Thúc-Văn có lẽ đã có con.

Quan-san ngàn dặm thê nhi một đoàn,
 Cầm-đường ngày tháng thanh nhàn, (2211)
 Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn tiêu dao, (2212)
 Phòng hương trướng đủ hoa đào,
 Nàng Vân nằm bổng chiêm-bao thấy nàng,
 Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng
 Nghe lời chàng cũng hai dằng tĩn nghi.,
 Nọ Lâm-Thanh với Lâm-Truy, (2213)
 Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm ?
 Trong cơ thanh-khí tương tầm. (2214)

2211) Cầm đường nghĩa đen là nhà đánh đàn, nghĩa bóng là nhà quan Huyện. Nghĩa này do chữ sách *Lã thị Xuân Thu* :

« *Bật-Tử-Tiện* trị *Đơn-phủ*, đàn mình cầm, thốn bát hạ đường, nhi *Đơn-phủ* trị ».

nghĩa là :

Bật tử Tiện (người nước Tấn) cai trị huyện Đơn - phủ, gảy đàn cầm, mình không xuống khỏi thềm công đường mà huyện Đơn-phủ yên trị.

Có ý khen chính lệnh của Bật tử Tiện.

2212) Đòi Tống, Triệu .Biện đi làm quan trị quận huyện, chỉ đem theo một con hạc và một cây đàn, không đem theo vợ con, tỏ ý thanh cao, liêm khiết.

Tiếng hạc tiếng đàn tả cái cảnh nhàn - nhã thanh . cao của nơi huyện nha.

2213) Có lẽ Vân nằm mơ thấy Kiều ở Lâm Truy nên Kim Trọng mới nói Vân nhận lầm Lâm Thanh ra Lâm Truy chẳng. Kim-Trọng tới giờ vẫn yên trí rằng Kiều bán mình đi Lâm-thanh vì họ Mã là người huyện Lâm-Thanh. Bởi vậy mà chàng bán tin bán nghi.

2214) Tuy nhiên chàng cũng tin rằng « *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương tầm* ». Vân nằm mơ như vậy, tất nhiên là có duyên-do. Có lẽ ở Lâm truy sẽ thấy được giai-âm chẳng ?

- Ở đây hoặc có giai-âm chăng là ?
 Thăng đường, chàng mới hỏi tra, (2215)
 Họ Đô có kẻ lại già thừa lên : (2216)
 « Sự này đã ngoài mười niên,
 « Tôi đã biết mặt biết tên rành rành.
 « Tú-Bà cùng Mã-giám-Sinh.
 « Đi mua người ở Bắc-Kinh đưa về.
 « Thúy-Kiều tài sắc ai bì ?
 « Có nghề đàn, lại đủ nghề văn thơ,
 « Kiên-trinh chẳng phải gan vừa,
 « Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia ! (2217)
 « Phong-trần chịu đã ê-chề
 « Dây duyên sau lại gả về Thúc-lang ;
 « Phải tay vợ cả phũ-phàng,
 « Bắt về Vô-Tích toan đường bẽ hoa (2218)

Giai-âm là tin tốt lành, ý nói tin tức hay về Thúy-Kiều.

2215) Thăng đường là lên công đường, tức ra ngồi xử việc ở công-đường.

2216) Có người nha-lại họ Đô tuổi đã già thừa biết rõ việc Kiều.

Vì việc đã lâu, hơn mười năm trước, nên phải là người nha-lại có tuổi thì mới biết rõ được. Chữ « già » rất cần cho tinh thần câu văn.

Ta thấy tác giả thận trọng từng chữ một. Chắc thời bấy giờ cũng tổ chức lưu-trữ công văn, nhưng vì trải qua một thời binh-hỏa nên thất lạc. Nếu không Kim có thể tra công-văn cũ để biết việc Kiều.

2217) Liều mình thế ấy : Kiều tự sát ở nhà Tú-Bà.

Phải lừa thế kia : Kiều bị Sở-Khanh đánh lừa đi trốn.

2218) Hoạn-Thư bắt Kiều về Vô-tích toan mưu hại.

- « Bực mình nàng mới trốn ra,
 « Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.
 « Thoắt buồn về, thoắt bán đi,
 « Mây trôi, bèo nổi, thiếu gì là nơi !
 • Bỗng đâu gặp gặp một người,
 « Hơn đời tri-dũng, nghiêng trời uy-linh (2219)
 • Trong tay muôn vạn tinh binh
 « Kéo về đóng chặt một thành Lâm-Truy (2220)
 « Tóc tơ, các tích, mọi khi,
 • Oán thì trả oán, ân thì trả ân.
 « Đã nên có nghĩa, có nhân,
 « Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen
 « Chưa tưởng được họ, được tên,

2219) Hơn đời tri dũng, nghiêng trời uy-linh đây là Từ-Hải.

Bao giờ tác-giả cũng dành cho họ Từ những lời ca-ngợi thành thật đẹp đẽ vô cùng.

Cả miệng người lại già cũng thốt ra những lời đẹp đẽ như thế.

Viên lại già lại còn phóng đại ra là Từ-Hải có muôn vạn tinh binh. Thực ra Từ-Hải chỉ mơ ước có mười vạn tinh binh.

2220) Chỗ này hình như tác giả lầm. Quân Từ-Hải về đóng bản doanh ở Châu Thai là nơi Từ hẹn Kiều chờ đợi. Và ở Châu Thai, Từ ra lệnh cho một đạo quân tiến về Lâm Truy bắt Tú-Bà, Mã-giám-Sinh, Sở-Khanh.

Đạo ra Vô tích, đạo vào Lâm-Truy.

Hoặc giả tên lại già nói « đóng chặt một thành Lâm Truy » đó là đạo quân đi bắt bọn Tú-Bà, chứ không định nói đại-quân của Từ. Dù sao thì đoạn này cũng chưa được gãy gọn, có thể khiến người ta hiểu lầm.

- « Sự này, hỏi Thúc-sinh viên mới tường » (2221)
 Nghe lời Đò nói rõ ràng,
 Tức thì viết thiệp mời chàng Thúc-sinh,
 Nổi nạng hỏi hết phân minh,
 Chồng con đầu tá ? tính danh là gì ?
 Thúc rằng : « Gặp khúc lưu-ly (2222)
 « Trong quần, tôi hỏi thiếu gì tóc tơ,
 « Đại-vương lên Hải họ Từ
 « Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người (2223)
 Gặp nạng thì ở châu Thai,
 « Lạ gì quốc-sắc, thiên-tài phải duyên !

2221) Tên lại già chưa tường được họ tên người nghiêng trời uy linh đó. Có lẽ vì đạo quân đóng ở Lâm-Truy trong chốn lạt rồi lại đi.

Họ Đò bảo phải hỏi Thúc Sinh-Viên mới tường tên người đó. Sinh-Viên là tiếng gọi chung các người theo học Quốc-Tử-Giám thời khoa cử.

2222) Gặp lúc lưu ly, Thúc-Sinh muốn nói đến việc chàng bị quân Từ-Hải bắt. Khúc lưu ly đây cũng như ta nói bước hoạn nạn.

2223) Tác giả mượn lời các nhân-vật khác để ngợi khen Từ-Hải. Không một người hạng nào trong xã-hội tỏ ý chê Từ-Hải, trừ ra Tam-hợp Đạo-Cô, và Đạm-Tiên. Có lẽ vì hai nhân vật này sống ngoài vòng xã-hội loài người nên không công-nhận Từ-Hải là đáng anh-hùng.

Riêng Thúc-Sinh thì không những khen Từ là anh-hùng vô địch, mà lại còn cho Từ là bậc thiên-tài. Lời thốt từ miệng Thúc-Sinh ra có một giá trị đặc biệt vì Thúc là một người chồng cũ của Thúy-Kiều lẽ ra phải coi Từ-Hải như tình địch, hoặc tỏ ý không ưa Từ. Vậy mà Thúc đã hết lời ca-tụng Từ. Lời ca-tụng ấy tất phải xác-đáng lắm.

« Vầy vâng trong bấy nhiêu niên,
 « Làm nên động địa kinh-thiên ðùng-ðùng,
 « Đại quân đồn đóng cõi ðông.
 « Về sau chẳng biết vân-mông làm sao » (2224)
 Nghe tường ngành ngọn tiểu hao, (2225)
 Lòng riêng chàng luống lao-đao thần-thờ.
 Xót thay chiếc lá bơ vơ.

2224) Vân mông nghĩa cũng như tin-tức.

Họ Đò chỉ tả được đời Kiều từ khi bán mình đến khi gặp một vị anh-bùng. Thúc-Sinh thì biết rõ được quãng đời Kiều chung sống với Từ-Hải và nhất là sự nghiệp Từ-Hải.

Đoạn Kiều gieo mình xuống sông Tiền-Đường phải đợi thăm dò một lần nữa mới biết.

Tại làm sao tác-giả không cho một người nào biết rõ đầu đuôi, mà lại chỉ cho mỗi người biết rõ một quãng đời Kiều thôi ?

Có lẽ tác-giả nhằm mấy dụng-y sau này :

a — Cho biết Thúy-Kiều lưu lạc giang hồ, nổi trôi hết nơi này đến nơi khác và đến đâu thì nổi danh ở đấy, ai cũng biết.

b — Cho biết phạm vi lưu lạc của Kiều rất xa rộng, không ai biết rõ hết đầu đuôi lại lịch nằng.

c — Chứng tỏ rằng Kim-Trọng luôn-luôn tưởng nhớ đến Kiều, tới đâu, công việc đầu tiên của chàng cũng là dò la tin tức Kiều. Hình như làm quan đối với Kim-Trọng chỉ có một mục-dích tìm Kiều.

d — Chứng minh rằng dò hỏi tin tức Kiều không phải dễ, đồng thời giải-thích việc Kim-Trọng trước đó, tốn hao nhiều công của mà không hỏi thăm được tin Kiều.

đ — Chuẩn-bị một cuộc tái-ngộ thật đột ngột bất ngờ giữa Kim-Trọng và Thúy-Kiều.

2225) Tiểu-hao nghĩa là tin tức,

Kiếp trần biết rũ bao giờ cho xong ? (2226)

Hoa theo nước chảy xuôi giòng.

Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan ! (2227)

Lời xưa đã lỗi muôn ngàn,

Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây,

Đàn cầm khéo ngẩn-ngơ đây. (2228)

Lửa hương, biết có kiếp này nữa thôi, ?

2226) Kim-Trọng thương Kiều như chiếc lá bay bơ vơ đây đó mặc cho bụi cát phủ đầy. Kiếp bụi bặm ấy chiếc lá liệu rũ đến bao giờ cho sạch được ?

2227) Kiều như đóa hoa trôi theo dòng nước. Kim-Trọng thương thân nàng phải chìm nổi, và lòng đau xót cho cái cảnh đang hợp mà tan.

Kim-Trọng vừa thương Kiều vừa tiếc cuộc nhân duyên lỡ dở.

2228) Kim-Trọng không trách nàng lỗi thề. Chẳng tự cho chàng đã lỗi lời thề xưa rất nhiều ; mỗi khi nhìn đến mảnh hương thề và cây đàn thì kim lại nhớ... đến lời thề mình không thực hiện được. Chiếc đàn Kiều đã gây khúc Bạc-Mệnh cho Kim nghe.

Tuy lấy Thúy-Vân làm vợ, song chàng vẫn cảm thấy giữa chàng và Vân, có điều không biểu nhau, không hợp tính, tính nhau và không yêu nhau như chàng với Thúy-Kiều.

Đàn cầm khéo ngẩn-ngơ đây.

Chàng thấy trong sự thuận hòa gia thất giữa chàng và Vân vẫn có một sự ngẩn-ngơ miễn cưỡng làm sao.

Người xưa vì cảnh êm ấm hòa thuận vợ chồng trong gia đình với tiếng đàn cầm, đàn sắt.

Thề tử hạo hợp như cỏ sắt cầm.

Vợ con xum vầy như đánh đánh đàn cầm, đàn sắt.

Bình-bồng còn chúi xa xôi, (2229)
Đỉnh-chung sao nỡ ăn ngồi cho an ?
Rắp mong treo ấn từ quan, (2230)
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha. (2231)

2229) Bình-bồng một loại bè : Kim-Trọng cho Kiều như cánh bè trôi nổi ở nơi xa xôi.

Đỉnh chung là cái vạc để nấu cơm, cái chuông để báo hiệu bữa cơm, đây dùng để nói nhà phú quý.

Ở nơi xa xôi còn có người trôi nổi thì dù giàu sang cũng không nỡ ngồi yên mà ăn được.

Ý nói Kim-Trọng không muốn hưởng phú quý một mình. Chẳng muốn tìm Kiều về cho được. Luôn luôn chàng nhớ đến Kiều.

— Bình-tĩnh mà xét, lòng Kim Trọng thương nhớ Kiều nồng-nàn thâm nhiệt hơn là lòng Kiều nghĩ nhớ Kim-Trọng. Điều đó dễ hiểu. Một là vì Kiều yên trí rằng đã nhờ Thúy-Vân thay mình rồi.

Hai là Thúy-Kiều chỉ những lênh đênh trôi nổi, hết nạn nọ đến nạn kia, nghĩ thương mình chưa xong, còn bụng dạ đau thương nhớ Kim-Trọng.

Kim-Trọng trong cảnh vinh-bien giàu sang nhớ đến người lưu-lữ trôi nổi là phải.

2230) Treo ấn từ quan là treo ấn tại công-đường trả nhà vua, bỏ chức quan mà đi. Ngày xưa thường có người làm như thế.

Kim-Trọng lắm lúc cũng muốn xin thôi quan để đi tìm Kiều.

2231) Ngàn là dãy núi.

Pha là xông-pha, hoặc đi pha, đi tắt.

Ý nói xa-xôi hiểm-trở đến đâu cũng không quản-ngại. Câu này mượn chữ câu ca-dao :

Đã trót yêu nhau tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội, tam thập lục đèo cũng qua.

Gián mình trong đám can-quà,
 Vào sinh ra tử, họa là thấy nhau. (2232)
 Nghĩ điều trời thăm vực sâu,
 Bóng chim; tấm cá, biết đâu mà nhìn ? (2233).
 Những là nấn-ná đợi lìn,
 Nắng mưa đã biết mấy phen đòi dòi ? (2234).
 Năm mây bỗng thấy chiếu trời, (2235)
 Khâm-ban sắc chỉ đến nơi rành-rành : (2236)
 Kim thì cái nhậm Nam-Bình, (2237)

2232) Kim-Trọng nghĩ rằng phải liệu mình sống chết trong đám giuom giáo thì họa mới thấy được Kiều. Vì rằng chàng được tên lại già họ Đò và Thúc-Sinh cho biết Kiều lấy Từ-Hải là người trong tay có muôn vạn tinh-bình, đã làm nghiêng trời lệch đất.

2233) *Bóng chim; tấm cá* là tin tức (thư từ).

Ngày xưa dùng chim bồ câu đưa thư; phong bì đựng thư ngày xưa làm hình con cá.

Ở trên trời cao thăm, biết bóng chim đâu ? ở dưới vực sâu biết tấm cá đâu Ý nói Kim-Trọng không biết dò-la tin tức K ều đích xác ở đâu, để chàng tìm lời.

2234) *Nắng mưa* đòi dòi là hết mưa lại nắng, thì-gian qua đi.

2235) *Năm mây* tức Ngũ vãn là mây ngũ sắc *chiếu trời* là chiếu của nhà vua. Chiếu chỉ nhà vua thường viết trên giấy có vẽ mây ngũ sắc.

2236) *Khâm ban* là nhà vua ban. Chữ *khâm* vốn có nghĩa là kính, sau được dùng riêng để tỏ ý tôn kính nhà vua. Người nhà vua sai gọi là *khâm sai*, vâng mệnh vua gọi là *khâm mệnh*, . . . Kẻ có tội với vua gọi là *khâm phạm*.

Sắc chỉ là ý của nhà vua sai làm việc gì.

Chỉ với chiếu hơi khác nhau. Chiếu là mệnh lệnh vua.

Hai họ Vương, Kim tiếp được mệnh-lệnh của nhà vua.

2237) *Cái nhậm* là quan đời đi cai-trị nơi khác.

Nam-bình là tên một huyện thuộc tỉnh Phúc-Kiến.

Chàng Vương cũng cải nhậm thành Phú Dương.
(2238)

Sấm sanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cùng thuận một đường phó quan, (2239)

Xây nghe thể giấc đã tan,
Sóng êm Phúc-Kiến, lửa tàn Triết-giang. (2240)

Được tin Kim mới nhủ Vương
Tiện đường cùng lại tìm nương sau xưa. (2241)

2238) Phú-dương tên một huyện thuộc tỉnh Triết - Giang.
Hai Chữ cải nhậm ở đây khiến người ta ngạc nhiên. Vì ở trên không thấy nói Vương bỏ làm quan ở đâu.

Tác-giả sơ ý chăng ?

Bản thì chép Thư-Dương, bản thì chép Tuy-Dương, bản thì chép Hoài-Dương.

Đây chép theo bản Bùi-Kỷ Trần-trọng-Kim, vì xét địa - dư, Phú-dương thuộc đạo Tiền-Đường tỉnh Triết - Giang có lẽ đúng hơn.

2239) Phó quan là đi đến chỗ làm quan, đi đến nhậm sở.

Hai nhà thuận lối cùng đi một đường.

2240, Sóng êm Phúc Kiến, lửa tàn Triết - Giang, diễn cái ý « thể giấc đã tan »

Sóng lửa đây trở loạn lạc, đồng thời có ý nói ở Phúc - Kiến giấc hoạt động trên sông bề, ở Triết-giang giấc hoạt động trên bộ.

Giấc đây trở quân Từ-Hải.

2211) Kim-Trọng bảo Vương-Quan cùng đi tìm Kiều.

Vì Kim được tin Kiều ở với Từ Hải tại Phúc - Kiến, Triết Giang. Nay hai anh em lại đi làm quan ở hai hạt ấy, cùng đi tìm thì tiện lắm.

Từ trước tới giờ, chỉ thấy Kim-Trọng mượn người dò la nhắn gửi tin tức Kiều, còn Vương-Quan và người nhà họ Vương thì cứ im - lìm. Hình như nhà họ Vương yên trí

- Hàng-châu đến đó bấy giờ, (2242)
 Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành
 Rằng : « Ngày hôm nọ giao bình.
 « Thất cơ Từ đã thu-linh trận tiền. (2243)
 « Nàng Kiều công cả chẳng đền, (2244)
 « Lệnh quan lại bắt ép duyên thồ-tù. (2245)

rằng đã bán Kiều đi thì thôi, không còn có quyền dò la thăm hỏi nữa.

Cận Vương - Quan này xét ra cũng là người « gổ đá » như Thúc-Vân, chả biết gì ngoài việc ăn học.

2242) Hàng - châu là tên phủ, nay là huyện, thuộc đạo Tiền - Đường tỉnh Triết-Giang.

Trên đường phò quan, Vương, Kim đều phải đi qua Hàng Châu mới tới được nhậm-sở, nên tiện đường cùng đi tìm Kiều.

Tới đó hai anh em hỏi được tin thực, tức tin chính thức về Kiều.

2243) Thất cơ là mất cơ-muru, sai quân-cơ, tức là bị mất muru cơ địch.

Thu linh là thu khí thiêng, tức là chết.

Trận tiền là ngay trước trận.

2244) Công cả là công trạng to lớn.

Kiều không được Hồ-tôn-Hiến báo đền công trạng. Dù Kiều không nhận nàng có công gì, song nhiệm vụ của Hồ phải đền báo công lao nàng. Vậy mà Hồ không hỏi gì đến.

Ở đây tác-giả mượn dư luận nhân dân để mắng vào mặt Hồ.

2245) Đã không được công trạng gì mà lại bị quan ra lệnh ép gả cho một viên thồ tù tức là ơn chả thấy, thấy oán ; dư luận chê Hồ.

Thồ tù tức là thồ-quan, người đứng đầu ở địa phương miền đó ; tù tức là tù-trưởng là kẻ đứng đầu nhân dân một miền.

« Nàng đã gieo ngọc trầm chu. (2246)
 « Sóng Tiền-Đường đó, ấy mờ hồng-nhan ! »
 Thương ôi ! không hợp mà tan
 Một nhà vinh-hiễn, riêng oan một nàng ! (2247)

XII

Chiêu hồn, thiết vị lễ thường. (2248)
 Giải oan, lập một đàn-tràng bên sông. (2249)

2246) Uất ức Kiều gieo mình xuống dòng Tiền - Đường. Cứ theo dư-luận nhân-dân thì Hồ giết Từ-Hải xong lại giết luôn cả Kiều nữa.

Hai vợ chồng đều chết oan. Từ-Hải bị Hồ lừa dối, uất ức chết đứng giữa trận. Thúy-Kiều bị Hồ ép uống, uất ức gieo mình xuống sông.

Gieo ngọc là gieo chất quý báu như ngọc xuống nước.

Trầm chu là buồng chìm ngọc châu xuống nước (chu tức châu)

Gieo ngọc trầm chu nói Kiều trầm mình.

2247) Được tin đích xác về nàng, cả nhà thương xót.

Vì cả nhà nay được vinh-hiễn, mà riêng nàng bị thác oan.

2248) Chiêu hồn là gọi hồn. Đối với người chết trên bộ có mồ-mả hẳn-boi, thì người ta làm lễ phục-hồn nghĩa là làm cho hồn trở lại nhà mà thờ.

Đối với người trầm mình không thấy thi-thể thì làm lễ chiêu-hồn là gọi hồn trở về, vì hồn lạc lỏng ở trên sông.

Thiết vị là đặt bài vị. Lễ thường là theo lễ thường-lệ.

Hai nhà hợp lực làm lễ chiêu hồn Thúy-Kiều.

2249) Giải oan lập một đàn-tràng bên sông lập một đàn giải oan ở bên sông.

Đàn giải oan là một đàn lễ vừa theo Đạo-Giáo (bùa bèn) vừa theo đạo Phật, mục-dịch để giải nỗi oan cho người chết oan, khiến linh-hồn được siêu sinh tịnh độ (vượt lên sống ở trên cõi thanh - tịnh hư vô của Phật.)

Ngon triều, non bạc trùng-trùng, (2250)
Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo, (2251)

2250) *Ngon triều* : ngọn sóng thủy-triều.

Non bạc trùng trùng : núi trắng bết từng nọ đến từng kia
 đây nói ngọn sóng bạc đầu nhỏ lên hết lớp nọ đến lớp kia.

Tả cái cảnh sông Tiền-Đường nước triều ngút sóng

2251) *Vời trông* cũng như *trông vời* là *vời* trông ra xa xa,
 trông dỗi ra chỗ xa xa,

Cánh hồng lúc gieo, mấy bản Pháp-văn đều dịch là *cánh*
chim hồng, *cánh chim đỏ*. Mấy bản Kiều nôm đều chép *hồng*
 là *chim hồng*.

Chúng tôi thấy hình như không đúng.

Chim hồng, dù là *hồng-nhạn* hay *hồng-hộc* (đã chưa nghĩa ở trên) mà gieo xuống nước cũng không thể chết, huống chi *chim hồng* (Cygne) lại là giống thủy điều, gieo mình xuống sông là sự thường. Không thể vì Kiều gieo mình xuống sông với *chim hồng* gieo mình.

Chúng tôi nghĩ rằng các bản nôm đã chép lầm chữ *hồng* là *hoa-hồng* ra làm *chim hồng*. *Cánh-hồng* là *cánh hoa hồng*. Người ta vẫn thường ví đàn bà đẹp như *bóng hoa*. Và thường dùng những chữ :

Hoa rụng (nước trôi hoa rụng)
 (hoa rụng hương bay)

Đề nói bóng phụ-nữ chết.

Cho nên nói *cánh hồng* gieo xuống nước, đề hình dung Kiều trầm mình.

— Có người lại quả quyết cho rằng *cánh hồng* đây chính là *cánh chim hồng*, vì ở dưới tác-giả có nói đến *trình-vệ* là giống chim, trên nói chim dưới nói chim như vậy là thượng hạ tương thừa.

Chúng tôi thấy lý do ấy không vững. Tác-giả thường không chú-ý đến sự trên dưới ăn khớp như vậy.

Thí dụ như trong hai câu đi liền mà câu trên nói một thứ câu dưới lại nói thứ khác.

Tinh thâm, bề thăm lạ điều. (2252)
Nào hồn Tinh Vệ biết theo chốn nào ? (2253)
Cơ duyên đâu bỗng lạ sao, (2254)
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi,
Trông lên linh vị chữ bài, (2255)

Quả mai ba bầu đương vừa

Đào non sớm liễu xe tơ kịp thì

Trong hai câu liền mà câu trên nói mai, câu dưới nói đào. Huống chi ở đây cách nhau những bốn câu, rất có thể tác giả đưa ra những hình ảnh khác loại nhau.

Nếu thật tác giả định nói chim hồng và chim tinh .vệ thì hai chữ cánh hồng dùng không đắt.

2252) *Tinh thâm* là cốt nhục tình thâm, tình sâu ruột thịt ý nói người trong một nhà thương xót nhau; *bề thăm* là bề sâu thăm; chữ *bề* ở đây dùng không đắt, vì đây là *sông Tiên-Đương* chứ có là *bề đâu*.

Lạ điều cảm thấy có sự lạ.

Cả câu; Vì mới tinh thâm ruột thịt, vì thấy sông nước sâu thăm mông mênh, mà cảm thấy như có sự lạ.

2253) Sự lạ ấy là hình như thấy có hồn oan lẫn quất, bâng lảng đâu đây.

Hồn tinh vệ tức là hồn oan, Xưa con gái vua Viêm-Đế chết đuối, oan hồn hóa làm chim tinh-vệ, tha đá ném xuống định lấp bề trả thù. Chim Tinh-vệ cũng gọi là *chim oan*.

Vì thương cảm sâu sa quá nên người nhà tưởng như thấy hồn oan của Kiều hiện lên đàn tràng.

2254) *Cơ duyên*, cơ là cơ trời, duyên là duyên may mắn cơ duyên cũng nghĩa như việc trời dun dủi, cơ duyên vãn.

Do một sự ngẫu nhiên mà Giác-Duyên đi qua rồi tìm vào, hình như có cơ trời dun dủi vậy.

2255) *Linh-vị* là bài vị thờ người chết Trên bài vị thờ người chết, cuối dòng chữ đề tên họ tuổi tác, tên hiệu, tên tự có hai chữ *linh vị* nghĩa là ngôi thiêng-liêng.

Thất kinh mới hỏi : « Những người đâu ta ?
 Với nàng thân thích gần xa ?
 « Người còn sao bỗng làm ma khóc người ? » (2256)
 Nghe tin ngạc-ngạc, rụng-rời.
 Xúm quanh kẻ lẽ, rộn lời hỏi tra :
 Đây chồng, đây mẹ, đây cha.
 « Đây là em ruột, đây là em dâu. (2257)
 « Thật tin nghe đã bấy lâu, (2258)
 « Pháp-sư dậy thế, sự đâu lạ đường ? »
 Sư rằng : « Nhân-quả với nàng, (2259)
 « Lâm-Truy buổi trước, Tiền-Đường buổi sau.
 (2260)

Chữ bài là chữ đề trên bài vị thờ.
 Giác-Duyên nhìn lên chữ trên bài vị biết là đàn-tràng
 giải oan cùng lễ cho ai rồi.

2256) Người có tên trên bài vị vẫn sống, sao lại lập đàn
 làm ma, tức là đàn giải-oan.

Giác-Duyên kinh ngạc hỏi như vậy.

2257) Với mười bốn chữ, mà kể hết được mọi người trong
 nhà không sót ai. Năm chữ này nhắc đi nhắc lại cho ta thấy
 như vừa trở vừa giới thiệu từng người với Giác-Duyên.

Trong Kiều có hai câu này thuần chữ nôm.

2258) Bấy lâu được tin chính-thức cho biết rằng Kiều đã
 trầm mình xuống sông Tiền-Đường, vậy sao nhà sư lại bảo là
 nàng còn sống ?

2259) Nhân quả đây có nghĩa như nhân duyên. Giác-
 Duyên nói sư có mối nhân-duyên ràng buộc với nàng.

2260) Hai bên biết nhau bắt đầu từ khi nàng ở Lâm-Truy
 cho đến khi nàng gieo mình xuống sông Tiền-Đường.

— Chỗ này tác-giả làm.

Giác-Duyên không gặp Kiều ở Lâm-Truy bao giờ hết.

- « Khi nàng gieo ngọc trầm châu.
 « Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về.
 « Cùng nhau nương cửa bồ-đề, (2261)
 « Thảo-am đó cũng gần kề chẳng xa ! (2262)
 « Phật tiền ngày bạc lần-la (2263)
 Đăm-đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây »,
 Nghe tin nở mặt nở mày,
 Măng nào lại quá măng này nữa chẳng ?
 Từ phen chiếc lá lìa rừng, (2264)
 Thăm tin luống những liều chừng nước mây, (2265)

Sự bắt đầu gặp Kiều ở Chiêu ân am tức là ở địa hạt huyện Vô-Tịch, quê hương Thúc-Sinh. Đến sau Kiều mới sư đến trú ở Châu-Thai. Cuối cùng sư đón vớt Kiều ở sông Tiền-Đường.

Khi Kiều ở Lâm-Truy, tức là ở nhà Tú-Bà và gặp ở với Thúc-Sinh, thì Giác-Duyên đã gặp nàng đâu ? Sau khi trốn khỏi Quan-âm. Các nhà Hoạn-Thư, Kiều mới tìm đến Chiêu-ân am và mới gặp Giác-Duyên.

Nói Vô-Tịch buổi trước thì mới đúng.

2261) Cửa Bồ Đề là cửa Phật, tức là nhà chùa.

2262) Thảo am là chùa lợp cỏ tranh, tức là thảo đường, thảo lư nói trên.

2263) Ngày bạc tức bạch nhật ; ngày bạc hay ngày trắng có nghĩa là ngày rằm rồi không làm gì.

Giác-Duyên nói Kiều ở chùa rằm rồi ngày ngày thường vẫn đăm đăm nhớ nhà. (Thế thì tu sao được) ?

2264) Từ phen Kiều đi khỏi nhà, như chiếc lá lìa khỏi rừng cây.

2265) Các bản ra trước đều chép :

Thăm tin luống những liều chừng nước mây

Chúng tôi thấy hình như chép sai.

Rõ ràng hoa rụng, hương bay, (2266)
 Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi,
 Âm dương đôi ngã chắc rồi, (2267)
 Cõi trần mà lại thấy người cứu nguyên ! (2268)

Liệu chừng nước máy là liệu phỏng tìm nơi mây nước xa xôi. Nếu vậy thì không có chi lạ cả. Có người đi xa, mà hỏi dò tin tức, thì là sự thường.

Thiết nghĩ, phải chép thế này mới có nghĩa :

Thăm tin lường những liều chừng nước mây

Nghĩa là từ khi Kiều đi khỏi nhà, thì nhà (nói Kim-Trọng thì đúng hơn) nhiều lần liệu cả chừng độ cách xa sông núi (nước ; sông mây : núi) mà thăm dò tin tức, nhưng đều lường công.

Câu này diễn đạt ý « Gián mình trong đám can qua, vào sinh ra tử họa là thấy nhau » và ý « mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha », tức là ý liệu của Kim-Trọng ở trên.

Chữ *nôm*, chữ *liệu* và chữ *liều* cùng là một chữ nên các bản trước đã sao lầm *liều* ra *liệu* ; cũng như *liều* trong câu : *Cải thân liều những từ nhà liều đi*

Các bản đều chép lầm là *liệu*.

2266) *Hoa rụng hương bay*, hoa đã rụng rồi, hương đã bay đi rồi. ý nói người đã chết. Vì Kiều như đóa hoa, như mùi hương, tỏ ý quý trọng hết sức.

2267) Âm là cõi tối cõi âm phủ, tức cõi chết.

Có bản bản chép *Mĩnh* nghĩa cũng thế.

Dương là cõi sáng, cõi nhân-gian, nơi người ta đang sống.

Cả nhà chắc chắn là Kiều đã chết rồi, kể âm người dương không bao giờ lại gặp nhau được.

2268) *Cõi trần* tức cõi trần thế, trở cõi đời người ta đang sống.

Cửu nguyên là tên một xứ đất thuộc địa-hạt tỉnh Sơn Tây bên Tàu. Đời Tấn các quan Khanh và Đại-phu khi mất đều có mộ chôn tại đất Cửu-Nguyên. Do đó mà sau này người ta dùng chữ *Cửu nguyên* để trở mồ mả.

Cùng nhau lạy tạ Giác-Duyên,
 Bộ hành một lũ theo liền một khi;
 Bể lau vạch cỏ tìm đi,
 Tình thâm luống những hồ nghi nửa phần, (2269)
 Quanh co theo giải giang-tân, (2270)
 Khởi rừng lau đã tới sân Phật-đường.
 Giác-Duyên lên tiếng gọi nàng,
 Buồng trong, vội dạo sen vàng bước ra,
 Trống xem đủ mặt một nhà,
 Xuân già còn khỏe, huyên già còn tươi, (2271)
 Hai em phương trưởng hòa hai, (2272)

Đã chắc rằng kẻ Dương người Âm (kẻ chết người sống) không bao giờ gặp nhau, ấy thế mà không ngờ lại thấy người dưới mồ ở trên cõi trần-thế.

Câu này tỏ ý kinh ngạc và ý hồ-nghi của người nhà-Kiều.
 2269) *Tình thâm* là tình ruột thịt thương xót nhau, đây tả tấm lòng thương xót nồng nhiệt. Vì lòng thương xót đó, mà mọi người đều bán tin bán nghi, chưa tin chắc rằng Kiêu còn sống. Ý nói vì lòng thương xót mong nhớ Kiêu mà còn ngờ như vậy, chớ không dám ngờ Giác-Duyên đánh lừa. Có lẽ Tin Nghi mà chép lầm là Hồ nghi.

2270) *Giang-tân* là bến sông. Mọi người đi men theo bãi sông về thảo-am Giác-Duyên, vì thảo-am là ở bên sông.

2271) *Xuân già còn khỏe*: Bố tuy già song còn khỏe mạnh. *Huyên già còn tươi*: mẹ tuy già song vẫn vui tươi.

Xuân-Huyên đây là cha mẹ Kiêu. Cha mẹ nàng theo Vương-Quan đi tới nhậm sở. Còn cha mẹ Kim-Trọng nhà giàu có, nên ở nhà.

2272) *Phương trưởng* là khôn lớn. Đây nói Thúy-Vân và Vương-Quan.

Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa !

Tướng bây giờ là bao giờ,

Rõ ràng mở mắt, còn ngờ chiêm bao ! (2273)

Giọt châu thánh-thót quện bảo, (2274)

Mừng mừng tủi tủi biết bao là tình, (2275)

Huyền già, dưới gối gieo mình. (2276)

Có người bảo Kiều không hỏi han gì đến em dâu là vợ Vương-Quan. Điều đó có lẽ đúng. Vì vừa trong chùa bước ra, Kiều đã biết vợ Vương-Quan là ai đâu. Nàng mới nhận những người thân yêu xưa của nàng.

2273) Kiều không bao giờ nghĩ rằng nàng lại có ngày gặp mặt đông đủ cả nhà như thế. Đường đất từ chỗ nàng ở đến quê nhà, cách xa hằng nghìn dặm đường.

Ai đưa tin-tức cho cha mẹ nàng? Và cha mẹ anh em, công sức đâu mà tới tận nơi đón nàng được? Nay thỉnh linh gặp mặt cả nhà và chàng Kim nữa, nàng ngờ như là trong một giấc mơ, nàng chưa dám tin là sự thật.

2274) Bản thì chép là *quyền* bảo, bản thì chép là *quễn* lao. *Quyền* bảo, thì không có nghĩa. *Quễn* bảo, chữ quễn không chính. Ta thường nói : *ăn quễn*.

Chúng tôi chép là *quện* bảo. *Quện* là trát vào, đơm vào.

Bảo là áo. Thúy-Kiều thấy mặt đông đủ cả nhà, thì mừng quá hóa tủi, nước mắt thánh thót nhỏ xuống quện vào áo mặc.

— Dù sao hai chữ *quện* bảo dùng cũng hơi ép.

Vì tiếng không phổ thông, khó hiểu.

2275) Câu này giải thích ý câu trên. Đó là những giọt nước mắt mừng và tủi.

Tủi là nghĩ lại lấy làm cực cho thân-thể mình. Người ta tủi khi được người khác an-ủi dỗ-dành hay bệnh-vực hoặc khi gặp sự mừng rỡ bất ngờ quả điều mong-uớc.

2276) Bản Kinh chép câu này :

Gieo mình dưới gối huyền-đình.

Chép như vậy có lẽ rõ ràng, dễ hiểu hơn.

Khóc thân mình kể sự mình dầu dưới.

« Từ con lưu lạc quê người,

Bèo trôi, sóng vỗ chốc mười lăm năm.

« Tính rằng sông nước cát lăm (2277)

Kiếp này ai lại còn cầm gắp đây? (2278)

Ông bà trông mặt cầm tay,

Dong-quang chẳng khác chi ngày bước ra, (2279)

Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa, (2280)

Mười phần xuân, có gầy ba bốn phần. (2281)

Nỗi mừng biết lấy chi cân,

2277) *Tính rằng nghĩa cũng như nghĩ rằng, tưởng rằng.*

Sông nước cát lăm Kiều nói : tưởng rằng nàng đã bỏ mình ở nơi nước sông lăm cát. Vì nàng đã trẫm mình xuống sông Tiền-Đường. Câu trên nói bèo trôi sóng vỗ, câu này nói sông nước cát lăm, ý trên, dưới ăn khớp nhau, vẫn có ý-vị.

2278) Ai lại còn cầm, ai lại còn chắc. Có thành-ngữ cầm chắc nghĩa cũng như chắc-chắn.

Không ai còn chắc rằng kiếp này nàng có thể gặp được cha mẹ.

2279) Dong quang là phong thái con người, vẻ đẹp của con người.

Nhan-sắc, dáng dấp Thúy-Kiều vẫn không khác chi ngày nàng bước ra khỏi nhà, hồi mười lăm năm trước.

2280) Dãi nguyệt dầu hoa, Kiều phải dầu-dãi nắng mưa như hoa bị dầu nắng như nguyệt bị dãi mưa. Hoa và trăng là những vật đẹp dễ như thế mà bị dầu-dãi cũng tàn tạ, nữa là Kiều.

2281) Xuân đây là kẻ tươi trẻ. Cái vẻ tươi trẻ có mười phần Kiều gầy sút đi mất ba bốn phần, Kiều vốn không phải là người béo đầy. Nhưng lúc tuổi trẻ, thì grom mặt đầy đặn, thân-thể nở-nang nay kém đi mất ba bốn phần. Ý nó Kiều so với trước có già và gầy đi chút ít.

Lời tàn hợp truyện xa gần thiếu đầu !

Hai em hỏi trước, han sau,

Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tười... (2282)

Quây nhau lạy trước Phật-đài,

Tái-sinh trần tạ lòng Người từ-bi, (2283)

Kiều hoa dục-dã tức thì,

Vương-ông dậy rước cùng về một nơi. (2284)

2282) Chàng đây là chàng Kim. Giữa lúc đông đủ cả gia-đình, chàng chưa tiện hỏi han truyện-trò riêng với Kiều. Vả chăng chàng mừng rỡ cảm-động quá. Cho nên chàng đứng lặng nhìn cái cảnh gia-đình sum-hợp bất ngờ này.

Chàng đang buồn rầu thương xót, trong lễ giải-oan cho Kiều, bầy giờ nhìn thấy cái cảnh đoàn-tụ này, nét mặt chàng tươi vui lên.

2283) Có bản chép là *rủ nhau*, có lẽ không hay bằng hai chữ *quây nhau*.

Quây nhau lạy trước Phật-đài, là vì người thì đông mà chùa thì hẹp (hảo am) không đủ chỗ, cho nên phải đứng theo hình vòng tròn ở phía trước Phật-đài mà lễ.

Tái sinh là làm cho người chết đi được sống lại; đây nói nhờ ơn Giác-duyên mà Kiều đã chết đi nay được sống lại. *Trần tạ* là bày tỏ lời cảm-tạ ơn-đức (có thành-ngữ: *phần trần, trần thuyết*)

Lòng người từ-bi là lòng Từ-bi của Giác-duyên.

Theo văn trong tiểu-thuyết thì cả nhà Kiều sụp lạy tạ Giác-Duyên khi nghe Kiều thuật lại việc Sư cứu vớt. Nhưng theo văn-lý đoạn này thì người đọc có thể hiểu lầm là lạy trước Phật-đài, trần tạ ơn-đức Phật Từ-bi.

Vì trên nói Phật-đài, nên chữ *Người-từ-bi* ở câu dưới có thể hiểu là đức Phật.

— Đó cũng là một điểm thiếu trong-sáng trong bút-pháp.

2284) Vương-Ông bảo rước cả Kiều về ở cùng một nơi với hai nhà.

- Nàng rằng « Chút phận hoa rơi,
 « Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay,
 « Tỉnh rằng mặt nước chân mây,
 « Lòng nào còn tưởng có rầy nữa không ?
 « Được rầy tái thể tương phùng (2285)
 « Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay,
 « Đã đem mình bỏ am mây, (2286)
 « Tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa !
 « Mùi thuyền đã bén muối dưa, (2287)
 « Mầu thuyền ăn mặc đã ưa nâu sồng, (2288)
 « Sự đời đã tắt lửa lòng,
 « Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi ?
 « Dở-dang nào có hay gì !

2285) Tái thể tương phùng là gặp gỡ ở đời sống thứ hai, sau khi chết đi, lại còn được gặp ; ý nói một cuộc gặp gỡ bất ngờ, ở ngoài ý mong ước, một cuộc gặp gỡ may mắn hết sức.

2286) Đã đem thân đi ở chùa tu-hành, Am mây đã chưa nghĩa ở trên.

2287) Mùi thuyền là vị ăn nhà chùa, tức là vị thanh đạm chay tịnh.

Bén muối dưa là ăn muối dưa đã quen.

2288) Mầu thuyền là mầu y-phục nhà chùa. Kiều cho biết nàng đã quen sống cuộc đời tu-hành.

Kiều ở chùa lần này là lần thứ ba song vẫn chưa giác-ngộ được điều gì của đạo Phật. Nàng mới biết cái bình thức tu-hành chưa thấm nhuần cái nghĩa sâu-xa của chữ Tu. Cho nên nàng chỉ trưng ra được cái « ngọn » của sự tu-hành, cái bề ngoài của sự tu-hành, để phản đối ý Vương-Ông một cách hơi-hợt, yếu ớt. Về mặt khác, ta thấy Kiều vẫn yêu đời, dù đã đem mình bỏ am mây.

«Đã tu, tu trót qua thì, thì thôi,

« Trùng sinh ăn nặng biển trời, (2289)

« Lòng nào nỡ rút nghĩa người ra đi, »

Ông rằng: « Bĩ thử nhất thì, (2290)

2289) *Trùng sinh* là sinh đẻ lần thứ hai. Đây nói Giác-Duyên cứu sống Kiều. Cứu sống Kiều, ơn to như là nàng đã chết rồi, mà lại sinh đẻ ra nàng lần thứ hai.

Ơn nặng bề trời ơn to như trời bề. *Nặng tức là trọng* Ơn Giác-Duyên trọng như trời bề. Kiều không nỡ rút ra mà đi.

Vô tình, Kiều cho ta biết :

a) Trăm mình xuống sông Tiền-Đường không phải là nàng muốn chết. Nàng chỉ mong hết kiếp đoạn-trường. Nàng chỉ vâng theo ý muốn của Đạm-Tiên. Nếu thật quả nàng thấy đời là chán, không muốn sống nữa, thì việc Giác-Duyên cứu vớt nàng, không phải là điều mà nàng mong muốn. Và tất nhiên không bao giờ coi đó là một cái ơn, nhất là *ơn trùng sinh* trời bề. Nói *trùng sinh ơn nặng bề trời*, Kiều tỏ ý tha thiết ham sống, cho sống là điều đáng vui mừng, đáng biết ơn, đồng thời cho biết việc nàng gieo mình xuống Tiền-đường chỉ là một việc hết sức miễn cưỡng. Nàng miễn cưỡng làm theo ý định của Đạm Tiên.

b) Kiều chưa thể tu được. Tu mà còn ƠN thầy mến thầy không nỡ rút ra đi, thì tức là không Tu chi hết. Vì đạo Phật cho *án ái* là nguồn gốc khổ não. Mà Tu là diệt khổ não để khỏi chịu kiếp luân hồi. Thủy chung Kiều vẫn mang một chữ *linh* trong mình. Đối với Giác-Duyên, nàng cũng vẫn hành động theo tình cảm.

2290) *Bĩ thử nhất thì* tức là câu *Bĩ nhất thì, thử nhất thì* nói tắt. *Bĩ nhất thì thử nhất thì* là bấy giờ là một thì, bấy giờ là một thì, mỗi thì một khác. Vương-Ông có ý khuyên Kiều nên tùy thời mà hành động. Nói thì cũng như ngày nay nói hoàn cảnh. Phải tùy hoàn cảnh từng lúc mà tin tưởng và hành động.

« *Tu hành thì cũng có khi tông quyền.* (2291)

2291) *Tông quyền* là theo quyền biến.

Lúc thường thì theo đạo kinh. Lúc biến thì theo đạo Quyền. Lúc thường thì *chấp kinh* giữ đạo Kinh. Lúc biến thì *tông quyền*, theo đạo quyền. Lúc thường, lúc biến, hoàn cảnh khác nhau nên bành-động không thể nhất-luật giống nhau. Nhưng đến *tu-hành* mà cũng tông quyền, thì Tu chả hóa cũng chỉ là một phương-tiện giải-quyết tình thế tạm-thời mà thôi ư ?

Quan-niệm *Tu-hành* cũng có khi *tông quyền*, là cho rằng có khi nên ở chùa, có khi không nên ở chùa, có khi nên tu có khi không nên tu. Như vậy *tu* chỉ là một hình-thức sinh-hoạt tinh thần hay vật chất, như là ăn-dật, hay làm quan, xuất hay xử của nhà Nho ! Quan-niệm tu hành như vậy là quan niệm tu hành theo kiểu nhà Nho. Dĩ nhiên quan niệm đó không hợp với quan-niệm nhà Phật. Nhà Phật cho Tu là diệt trừ khổ não kiếp này và khổ não kiếp sau, mãi mãi.

Đời là bể khổ, Con người ta sinh ra đời là khổ.

Khổ vì sinh, lão, bệnh tử ; khổ vì chia lìa với điều thích ; khổ vì phải hòa hợp với những thứ không ưa ; ước không được, cầu không có, tìm không thấy đều làm người ta khổ.

Nguồn gốc của khổ là do Tập. Tập là cái ước-vọng không bao giờ nguôi, nó nối gót dục-tính, khoái-lạc.

Diệt khổ là làm thế nào cho nguồn gốc khổ hoàn toàn tiêu tán.

Con đường dẫn đến chỗ diệt khổ là Đạo. Tu tức là lấy Đạo để diệt khổ và chấm dứt vòng sinh tử truyền kiếp luân hồi.

Coi vậy, *Tu* đâu phải là một việc, một nghề, một hình thức sinh hoạt trong đời sống, như các việc khác ? Đã không phải là một hình-thức sinh-hoạt, thì không có lúc biến, lúc thường, không phải tùy thời, tùy cảnh Tu vừa là một phương-tiện lại vừa là một cứu-cánh. Tu không lệ-tbuộc vào luật Kinh, Quyền của nhà Nho,

« Phải điều cầu Phật, cầu Tiên.

« Tình kia hiểu nợ, ai đền cho đây, (2292)

« Độ sinh, nhớ đức cao dày, (2293)

« Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung » (2294)

Quan niệm tu hành cũng có khi tông quyền là quan niệm rằng Tu cũng là một nghề, hoặc một việc đời như trăm nghìn việc đời khác.

Vương-ông lấy con mắt nhà Nho nhìn đạo Phật cho nên nhìn không thấu triệt và quan-niệm hoàn-toàn sai lầm.

2292) Nếu cầu Phật, cầu Tiên mà còn tham luyến việc đời, còn nghĩ đến tình kia hiểu nợ, thì kiếp nào cầu được Phật được Tiên ?

Theo lời Vương-ông nói, thì hình như ông muốn cho đạo Phật là một môn tiêu - khiển, của những người đã trợn tình, trợn hiếu. Làm tròn nhiệm - vụ làm con, làm bề tôi, làm vợ... bấy giờ tha bỏ mà cầu Phật, cầu Tiên. Cầu Phật cầu Tiên cách ấy có phải là tu đâu ?

2293) *Độ sinh* tức là cứu sống.

Đức cao dày là công đức cao như trời, dày như đất. Đây nói công đức lớn lao to tát của Giác-Duyên.

Các bản chép ;

Độ sinh nhờ đức cao dày.

Chúng tôi thấy hình như sai. Đây Vương-Ông không nhắc công ơn của Giác - Duyên nữa. Trên đã nói nhiều rồi. Vương Ông hình như muốn bảo Kiều rằng : nếu Kiều muốn ghi ơn đức cao dày của Giác - Duyên... thì lập am v. v. vậy tưởng phải chép là :

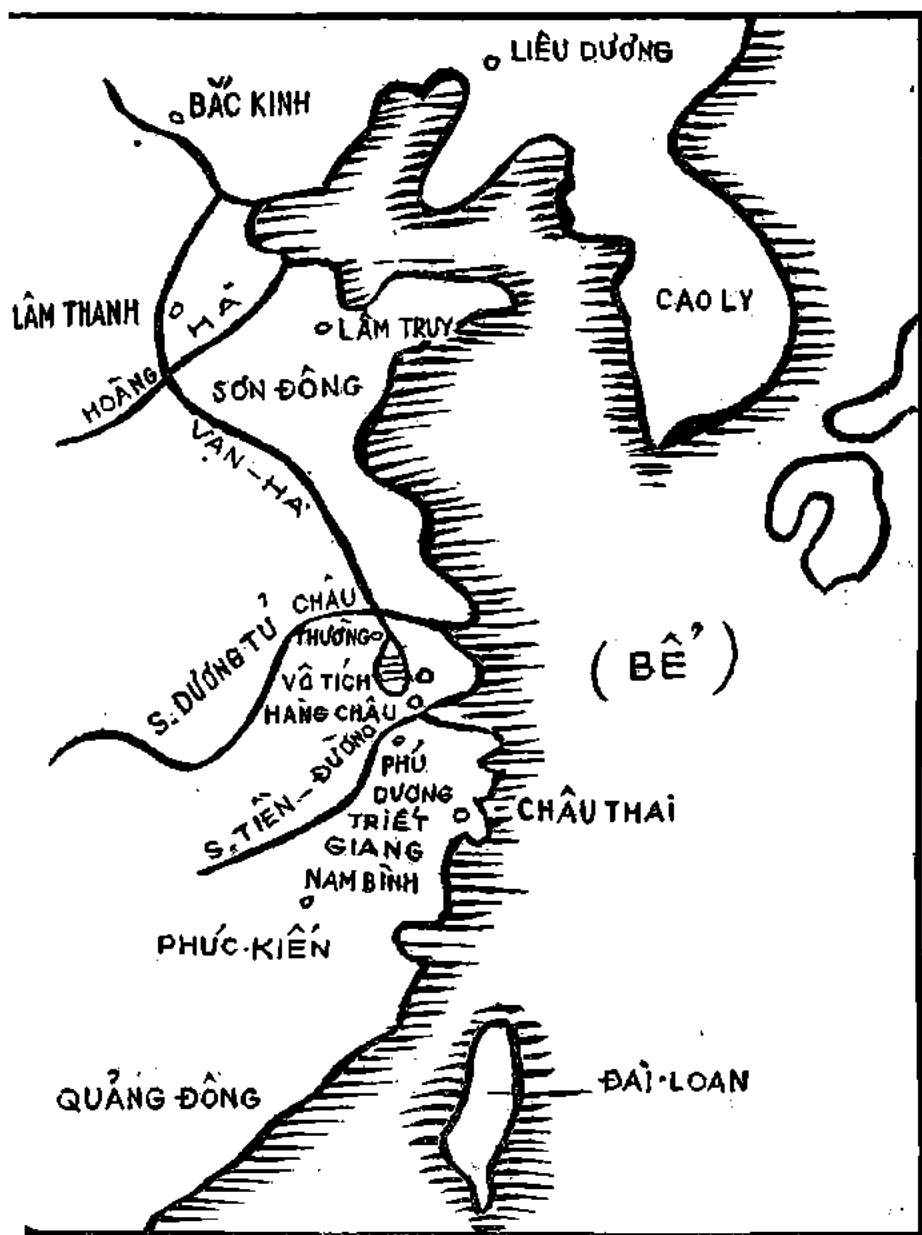
nhớ đức cao dày mới đúng.

Nhớ đức cao dày là ghi nhớ ơn đức lớn. Chữ *Nôm*, *nhờ* và *nhớ* viết giống nhau nên người ta sao lầm.

2294) *Lập am* mà làm chùa.

Đời bấy giờ, tu đã mất cái tinh-thần cao-siêu, thâm-thúy của nó. Tu hầu như chỉ còn cái nghĩa thấp kém nông cạn là ở chùa. Đi chùa, ở chùa là tu. Làm chùa thờ Phật là tu. Bởi vậy Vương Ông mới bảo Kiều lập am mời Thầy.

— Vương-ông nói vậy mà Kiều cũng nghe ngay đủ biết Kiều chưa hiểu nghĩa tu-hành và chưa hề có chí tu-hành.



Bản đồ Trung-Hoa có liên-quan đến truyện Kiều

Nghe lời nàng phải chiều lòng,
 Giã sư, giã cảnh, đều cùng bước ra,
 Một đoàn về đến quan-nha (2295)
 Đoàn-viên vội mở tiệc hoa vui vầy.
 Tàng-tàng chén cúc đỡ say.
 Đứng lên Văn mới dãi bày một hai.
 Rằng : « Trong lác-hợp cơ trời, (2296)
 « Hai bên gặp gỡ, một lời kết-giao, (2297)
 « Gặp cơn bình địa ba đào,
 « Váy đem duyên chị buộc vào cho em,
 « Cũng là phận cải duyên kim. (2298)

Thầy đây trở Giác-Duyên. Sư dân-bà, người ta thường gọi là Sư thầy.

2295) Quan-nha là nơi dinh quan, nơi, công-đường. Quan nha đây là quan-nha, huyện Phủ-Dương gần sông Tiền-dương là huyện Vương-Quan mới dời tới trị nhậm.

Về tới quan-nha, mở tiệc đoàn-viên, tức tiệc ăn mừng cuộc đoàn viên.

Đoàn viên là xum họp đông đủ một nhà không thiếu sót ai.

2296) Lấy ý câu thiên tác chỉ hợp trong Kinh-Thi nghĩa là cuộc gặp gỡ do trời làm ra, do trời xui khiến, nghĩa cũng như nói : duyên trời.

2297) Hai bên gặp-gỡ trở Kim-Trọng và Kiều gặp nhau.

Gặp gỡ diễn đạt ý chữ « Hợp » ở câu trên.

Một lời kết-giao hai bên cùng nói một lời giao-ước cam-kết với nhau làm vợ chồng. Nhắc lại lời thề-thốt của hai người.

2298) Phận cải duyên kim xem lời chưa câu Vì ai rụng cải rơi kim ở trên.

- « Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao ? (2299)
 • Những là rầy ước mai ao,
 • Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình ?
 • Bầy giờ gương vỡ lại lành, (2300)
 • Khuôn thiếp lừa lọc đã đành có nơi, (2301)
 « Còn duyên, may lại còn người,
 « Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyện xưa. (2302)

2299) Ngạn-ngữ có câu « máu chảy ruột mềm » ý nói huyết mạch ruột thịt bao giờ cũng ví nhau, thương nhau như ruột gặp máu thì mềm ra,

2300) Gương vỡ lại lành là sau một thời-gian ly-tán lại được xum họp.

Điền gương vỡ lại lành : Đời Trần (bên Tàu) người hầu cận Thái Tử tên là Từ-Đức-Ngôn có tình với Nhục-Xương công-chúa, Khi nhà Trần suy loạn, Từ bảo công-chúa : « Nước mất nằng tất lọt vào nhà quyền-quí. Nếu tình duyên chưa dứt, thì còn có ngày được gặp nhau ». Nói rồi bẻ tấm gương ra làm đôi, mỗi người cầm một mảnh, hẹn nhau đến ngày mùng một Tết sẽ đem gương đến kinh-đô bán, hễ gặp nhau thì hai mảnh gương khớp lại như lành,

Do điền này mà « gương vỡ lại lành » có nghĩa là xum-hợp lại sau khi li-tán.

2301) Khuôn thiếp dịch chữ *khung-linh* trở ông Trời¹ thiếp-liêng.

Lừa-lọc nghĩa là lựa lọc, lựa chọn.

Cả câu : ông trời lựa-lọc có nơi rồi. Ý nói trời đã định cho hai người làm vợ chồng với nhau cho nên lại cho gặp mặt nhau.

2302) Vàng trắng bạc đây là vàng trắng chứng kiến lời thề hai bên ngày xưa

Lời nguyện xưa tức là lời thề ngày xưa. Ý nói hai bên gặp nhau như thế, phải thực hiện lời thề nguyện ngày xưa, Thúy-Vân muốn nói Kim-Trọng và Thúy-Kiều phải lấy

« Quả mai ba bảy đương vừa, (2303) »

nhau như đã hẹn-ước. Thúy-Vân nhận làm phần lễ mọn. Vì chính là duyên của Thúy Kiều : « Hai bên gặp gỡ một lời kết giao ».

2303) Câu này lấy chữ thơ Phiếu-Mai trong Kinh Thi, đại ý nói tuy Kiều đã luống tuổi, quá lứa, song lấy chồng cũng còn vừa.

Thơ Phiếu Mai kinh Thi gồm có ba chương :

1.) *Phiếu hữu mai* 標有梅

Kỳ thực thất hễ 其實七兮

Cầu ngã thứ sĩ 求我庶士

Đãi kỳ cát hễ 迨其吉兮

2.) *Phiếu hữu mai* 標有梅

Kỳ thực tam hễ 其實三分

Cầu ngã thứ sĩ 求我庶士

Đãi kỳ kim hễ 迨其今兮

3.) *Phiếu hữu mai* 標有梅

Khuynh khuông kỳ chi 頃筐概之

Cầu ngã thứ sĩ 求我庶士

Đãi kỳ vị chi 迨其謂之

Lược dịch : 1.) Quả mơ rụng

Mười phần còn bảy

Ài cầu ta

Hãy kịp chọn ngày

2.) Quả mơ rụng.

Mười phần còn ba

Ài cầu ta

Kịp rước ngay về

3.) Quả mơ rụng

Nghiêng sọt lượm mơ

Ài cầu ta

Kịp ngỏ lời ra.

Trong thơ, lấy quả mơ rụng để nói tiết cuối xuân và vì tiết cuối xuân với tuổi quá lứa của đàn bà

Câu quả mai ba bảy đương vừa gói ghém ý nghĩa toàn bài thơ trên.

« Đào non, sớm liễu, xe tơ kịp thì. » (2304)

Rút lời nàng vội gọt đi :

2304) *Đào non* là cây đào non mơn-mởn dịch chữ *đào yểu* (thơ *đào yểu*) trong kinh Thi. (cũng dịch là *dào thơ* hay *dào tơ*) người ta ví con gái trẻ đẹp dậy thì với cây đào non mơn-mởn. (Xem bài thơ *đào yểu* ở trên, số 430)

Ý câu này với ý câu trên mâu thuẫn nhau. Trên nói *quả mai ba bảy đương vừa* là nói tuổi xuân quá lứa như mơ aê tuyệt cuối xuân. Dưới nói *đào non* là nói tuổi trẻ đẹp của con gái dậy thì mới lớn, như cây đào non đương xanh tươi mơn-mởn. Như vậy là trên nói tuổi quá lứa, dưới nói tuổi dậy thì, trên dưới đều dùng chữ sách để nói bóng gió hai ý trái ngược hẳn nhau.

— Câu trên ví Kiều với cây mơ, câu dưới lại ví Kiều với cây đào. Văn-từ như vậy là thiếu nhất trí.

— Đối với Kiều thì chỉ câu « *quả mai ba bảy* » là đắt thôi, dùng câu « *đào non* » không đắt.

Đọc câu này, Tân-Đà tiên-sinh đã phê :

« *Câu này ngấm thật buồn cười, như cô Kiều lúc đó còn có thể nói « đào non », thời tác-giả cũng tái-tình vậy.* »

Tân-Đà tiên-sinh có ý chê tác-giả thiên-vị với Kiều.

— *Sớm liễu xe tơ* là mau liễu đi lấy chồng. Thúy-Vân có ý giục Thúy-Kiều lấy Kim-Trọng.

— Nghĩ như Thúy-Vân lúc này cũng hay ! Nàng làm như lấy chồng là việc Thúy-Kiều có toàn-quyền định-đoạt, Chẳng lẽ người đàn-bà tự nhiên lại ngổ ý muốn lấy người đàn-ông trước, dù người đàn-ông ấy là tình-nhân cũ mặc lòng. Trong xã-hội hiện thời, quyền-hành ở trong tay người đàn-ông, người đàn-ông có quyền đi hỏi vợ người đàn-bà không có quyền đi hỏi chồng. Vậy lời Thúy-Vân nói là thừa.

Không hiểu tác-giả sơ-y đưa ra đoán đó, hay là cố ý tả tình-tình ngây thơ chất-phác của Thúy-Vân ?

« *Sự muốn năm cũ, kè chi bây giờ !* (2305)

« *Một lời tuy có ước xưa.*

« *Xét mình dãi gió, dầu mưa đã nhiều...*

« *Nói càng hồ thẹn trăm chiều,*

« *Thả cho ngọn nước thủy-triều chảy xuôi !* » (2306)

Chàng rằng : « Nói cũng lạ đời !

« *Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao ?* » (2307)

2305) *Sự muốn năm cũ*, các bản ra trước, nhiều bản giảng là Kiều muốn nói việc giao kết với Kim-Trọng; chúng tôi tưởng không phải. Việc Kiều đính ước với Kim-Trọng đã lâu ngày, song làm gì đã đến *mười năm* ? Muốn nói việc ấy, thì Kiều phải nói « *sự mười năm cũ* » mới đúng. Nếu bảo Kiều nói « *muốn năm* » là có ý coi việc thề-nguyền với Kim-Trọng quá lâu, không ai nhớ được như trái muốn năm rồi, thì chả hóa bảo Kiều phụ lời Kim-Trọng ?

Sự muốn năm cũ đây, (nếu các bản không chép sai *mười năm* ra *muốn năm*) có lẽ trỏ nghĩa các chữ sách kinh Thi (quả mai ba bảy ...) Thúy-Vân viện ra để giục Kiều lấy chồng. Kiều có ý bác bỏ những ý mà Thúy-Vân mượn trong sách để giục nàng.

— Tuy nhiên, người ta ngờ rằng đã có sự chép sai chữ *mười* ra chữ *muốn*. Vì cứ xét ý câu tiếp theo (một lời tuy có ước xưa) thì lại là Kiều định nói việc nàng giao ước với Kim-Trọng.

2306) Kiều có ý nói thả buông trôi việc ấy đi không nói đến nữa cho xong.

2307) Kim-Trọng nói: lòng Kiều nghĩ thế thì đã vậy nhưng còn lời thề thì sao ?

Kim-Trọng có ý nhắc Kiều nhớ lời thề thốt nặng lời, độc địa xưa kia, và gián tiếp cho Kiều biết không theo lời thề xưa, thì phải tội với trời đất.

- « Một lời đã trót thâm-giao, (2308)
- Dưới đây có đất, trên cao có trời. (2309)
- « Dẫu rằng vật đổi sao dời (2310)
- « Tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh (2311)
- « Duyên kia có phụ chi tình, (2312)
- « Mà toan sẽ gánh chung tình làm hai ? »
- Nàng rằng : Gia thất duyên hải (2313)

2308) *Thâm giao* là giao - ước một cách sâu-xa, nặng lời. Ý nói thề độc với nhau.

2309) Chứng minh lời thề ấy trên thì có trời, dưới thì có đất. Ý nói lời thề không phải truyện đùa, không thề tự-tiện bỏ đi được.

2310) *Vật đổi sao dời* dịch chữ *vật hoán tinh di* nghĩa là tạo vật biến chuyển, cuộc đời đổi thay.

2311) Dù sống dù chết cũng quyết giữ lấy lời thề sinh-tử với nhau. Có lẽ trước kia Kiều và Kim - Trọng đã thề quyết sống chết có nhau cho nên bây giờ Kim - Trọng mới nói « *lời tử sinh* ».

2312) *Duyên* đây là duyên - phận, tức như số-phận định sẵn

Tình đây là tình-ái, tức lòng yêu nhau.

Kim - Trọng nói cái số phận trời định có phụ lòng yêu nhau đâu. Ý nói hai bên có lòng yêu nhau và số - phận đã cho hai bên gặp gỡ nhau, như vậy là duyên phận vẫn không phụ lòng yêu nhau. Kim-Trọng muốn gián-tiếp nói rằng nếu số-phận không cho hai bên được yêu nhau (nếu duyên phận) thì chàng và Kiều không lại được gặp nhau như thế này ? !

Đã vậy thì sao Kiều lại chia đôi gánh chung tình ra, tức là không muốn chung gánh tình với Kim-Trọng.

2313) *Gia thất* là vợ chồng. Theo chữ sách Tàu, vợ gọi chồng là *gia*, chồng gọi vợ là *thất*.

- Chút lòng ân ái ai ai cũng lòng;
- Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
- Hoa thơm phong nhụy, trắng vòng tròn gương (2314)
- Chữ trinh đáng giá nghìn vàng, (2315)
- Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa (2316)
- Thiếp từ ngô biển đến giờ,
- « Ong qua bướm lại đã thừa xấu - xa,
- « Bấy chầy gió láp mưa sa,
- « Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn. (2317)

Duyên hải là duyên thuận hòa êm đẹp.

Kiều nói: vợ chồng âu yếm ân ái với nhau, thì con người ta ở đời ai không muốn như thế. Đó là cái lòng chung của mọi người. Kiều nói thật. Vì có lẽ lúc này nàng cũng muốn như thế.

2314) Nhưng nàng nghĩ rằng trong đạo vợ chồng, người vợ lấy chồng phải như là đóa hoa thơm còn phong kín nhụy, hay phải như là vầng trăng sáng và tròn, nghĩa là phải còn tiết trong giá sạch như hoa phong nhụy và phải hoàn toàn vô khuyết điểm như vầng trăng rằm.

2315) Chữ trinh vốn rất quý báu, nếu có thể đánh giá bằng tiền bạc, thì giá phải tới ngàn vàng.

Trinh tức như hoa phong nhụy, như trăng tròn gương.

2316) Đuốc hoa là cây đèn thấp trong động phòng, đêm tân hôn.

Đuốc hoa đây trở đêm động phòng hoa chúc, đêm tân hôn.

Kiều nói: như nàng bấy giờ mà lấy Kim Trọng thì đêm tân hôn há chẳng hổ thẹn với người ngày xưa ư ?

Bởi những lý lẽ mà nàng sắp kể ra ở dưới.

Mai xưa tiếng cô, nghĩa cũng như ngày xưa.

Mai xưa nghịch với mai sau là ngày sau.

Kiều chỉ có một chữ thẹn, chứ không có lý-do gì khác đưa ra phản đối.

2317) Mấy trăng cũng khuyết: bao nhiêu trăng tròn cũng dần khuyết.

- « Còn chi là cái hồng nhan,
 « Đã xong thân thể, còn toan nổi nào ? (2318)
 * Nghĩ mình chẳng hồ mình sao ?
 « Dám đem trần chấu dự vào-bổ-kính ! (2319)
 « Đã hay chàng nặng vì tình,
 « Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru ? (2320)

Mấy hoa cũng tàn : bao nhiêu hoa phong nhụy cũng phải tàn
 Kiều nói năng ngày xưa cũng như *hoa phong nhụy*, như
 trắng tròn gương, nhưng từ khi ngộ biến bán mình chuộc cha
 đến giờ, trải bao phen gió táp mưa sa gặp bao nhiêu hoạn nạn,
 dù có bao nhiêu trắng tròn cũng phải khuyết, có bao nhiêu
 hoa phong nhụy cũng phải tan, huống chi nàng chỉ có một thời
 trắng tròn, hoa nhụy thôi. Kiều muốn nói nàng không còn
 chữ trinh nữa.

2318) Trắng đã khuyết, hoa đã tàn thân đã đành như thể
 rồi, bây giờ còn toan tính nổi nào nữa ?

Ý nói còn dám đầu tính đến việc lấy Kim-Trọng.

2319) Nghĩ riêng mình đã hồ thẹn với mình rồi, còn dám
 đầu đem cái thân như bụi dự làm người vợ xó gái nữa ?

Trần cau là bụi ghét, ý nói cái thân như bần.

Bổ kính là vai thò và cái gai. nói bóng người vợ hiền. (trên
 đã chưa nghĩa).

2320) Đã biết rằng chàng có lòng quá yên, nhưng trông cái
 đèn hoa đèn động phòng há chẳng hồ thẹn lắm ru ?

Hoa đèn nhiều người giảng như thế này ;

Hoa đèn là thứ hoa không bị như bần, mà Kiều thì như
 đoá hoa bị vấy bần, nên nàng hồ thẹn với hoa đèn.

Cũng có người giảng :

Hoa đèn không có ong bướm nào lui tới, còn Kiều thì
 như đoá hoa « ong qua bướm lại » đã thừa xấu xa, nên nàng
 thẹn với hoa đèn.

Giảng như vậy, nghe cũng hay-hay, nhưng chúng tôi cho
 là cầu kỳ, khiên-cưỡng.

- *Từ giờ khép cửa phòng thu, (2321)*
- *Chẳng tu thì cũng như tu mới là... (2322)*
- *Chàng dầu nghĩ đến tình xa,*
- *Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cò (2323)*

Hoa đèn đây tức là *đèn hoa*, tức là *hoa chúc* là cây đèn cây nến thấp ở nơi động-phòng đêm tân hôn. Đêm tân hôn, thì người vợ phải như « *hoa thơm phong nhụy* » tức là phải còn trinh tân. Nếu mất trinh tân rồi, thì « *đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa* » ?

Đây Kim-Trọng nặng lòng với Kiều có thể sẽ không sá kè chi điểm đó, Kiều không phải thẹn với chàng.

Nhưng Kiều nói, dù vậy, thì nhìn *đèn hoa* (đuốc hoa) nàng cũng sẽ tự xấu hổ với mình. Ý nói dù không xấu hổ với Kim-Trọng thì cũng xấu hổ với lòng mình.

— Hai chữ *hoa đèn* ngờ rằng đã chép sai. Có lẽ tác-giả đã viết *đèn hoa* để khỏi phải dùng *đuốc hoa* lần nữa, — và chẳng đề *đuốc hoa* ở chỗ này, thì câu văn hóa *khổ độc* — người sao chữ nôm có lẽ cho là tác-giả lầm, vì hai chữ *đèn hoa* ít thấy dùng — nên tự tiện chép là *Loa đèn*, khiến cho ngày nay nhiều người phải thắc-mắc về nghĩa câu này.

Thủy chung Kiều chỉ sợ *thẹn* nên từ-chối. Nếu làm cho nàng hết *thẹn*, thì việc xong ngay.

2321, 2322) *Phòng thu* : có lẽ chữ *thu* đây là chữ *thu-sương* nói tắt. *Thu* sương trở sự nghiêm-túc, tức là kín - đáo, tĩnh mịch.

Phòng thu là phòng kín-đáo, tĩnh mịch.

Khép cửa phòng thu là khép cửa phòng kín đáo tĩnh mịch sống một mình như người tu-hành vậy.

Ý Kiều muốn nói nàng quyết ở vậy không lấy chồng, sống như một nhà tu-hành.

2323) *Tình cầm sắt* là tình vợ chồng, do chữ Kinh-Thi :

Thê tử hảo hợp như cổ sắt cầm.

Cầm cơ tức *cầm kỳ* là cây đàn, cuộc cò ; *tình cầm cò* là tình bè bạn gầy đàn, đánh cò với nhau làm vui,

Nói chi kết tóc xe tơ

« Đã buồn cả ruột lại dơ cả đời (2324)

Chàng rằng: « khéo nói nên lời

« Mà trong lẽ phải có người có ta

« Xưa nay trong đạo đàn bà

« Chữ trinh kìa cũng có ba bảy đường :

« Có khi biến, có khi thường (2325)

• Có quyền, nào phải một đường chấp kinh (2326)

1324) *Dơ cả đời* là như nhóp cả cái thân đời.

Kiều tỏ ý ghê tởm sự lấy chồng.

2325) *Trinh* theo nghĩa Kinh Dịch là không lấy chồng.

« Nữ tử trinh bất tục », con gái trinh không lấy chồng ».

— Sau này *trinh* còn có nghĩa là đàn bà không thất tiết với chồng : *trinh phụ bất canh nhị phu* : người vợ trinh không lấy hai đời chồng.

Nhưng cũng có khi trinh không nhất định phải có nghĩa như vậy. Vì có khi biến, có khi thường. Lúc biến thì, trinh không thể giữ theo đạo thường được.

Thí dụ như Giải-Thị là vợ Thiết-dinh-Quý, đang có mang phải lấy tướng giặc Hứa-Long để bảo toàn dòng dõi nhà chồng đến khi con khôn lớn Giải-Thị mưu giết tướng giặc lấy đầu tế chồng, rồi đâm đầu xuống sông tự tử. (Tuồng Kim Thạch Kỳ-Duyên của Bùi Hữu-Nghĩa)

Như vậy cũng là trinh. Đó là chữ trinh lúc biến.

2326) Lúc biến phải hành động khác lúc thường, đó là *tòng quyền*. Lúc thường thì giữ theo đạo thường, tức *chấp kinh*.

Nhưng khi gặp lúc biến mà vẫn giữ vững đạo thường thì đó lại là một điều đáng quý lắm lắm.

Kinh Dịch có câu : *dĩ bất biến ứng vạn biến* nghĩa là lấy cái tâm kiên trinh một mực (bất biến) của mình mà ứng phó với muôn điều biến chuyển ở ngoài. Như vậy tức là giữ vững lập trường *kinh* trong lúc biến.

« Như nàng lấy hiệu làm trịnh (2327) »

Trong Tự-linh-khúc, Cao-bà-Nhà có câu :

Trong khi biển chẳng khác thường

Đến điều cùng quá, lại càng kiên trịnh.

Nghĩa là gặp biến, vẫn giữ đạo thường, lúc cùng-cực lòng lại càng kiên trịnh chứ không biến đổi theo hoàn-cảnh. Đó là giữ đạo kính trong lúc biến.

Nhà Nhò có câu : « quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tắc biến nghĩa là : người quân tử giữ vững lòng trong lúc cùng, tiểu nhân gặp lúc cùng thì lòng biến đổi.

Coi vậy thì kính quyền chưa phải là một nguyên-tắc có giá trị tuyệt đối. Trái lại, giữ được đạo kính trong bất cứ hoàn-cảnh nào, tuy có thiệt thòi, tuy phải hy-sinh lợi ích thiết-cận của cá-nhân, song biểu lộ được cái lòng kiên trịnh đáng kính và gây nên ảnh-hưởng không nhỏ trong việc xây nên đạo đức xã-hội, quốc-gia.

2327) Trịnh là một truyện, hiệu lại là một truyện. Sao lại có thể lấy hiệu làm trịnh ?

Vì quá yêu Thúy-Kiều mà Kim-Trọng dạy lẫn ? Hay là tác-giả muốn cho rằng hy sinh chữ trịnh để làm tròn đạo hiếu cũng tức là trịnh ?

Ta nên chú ý đến mấy điểm này, trước khi luận về chữ trịnh, chữ hiếu của Thúy-Kiều.

— Thúy-Kiều bán mình để chuộc cha mấy lần ?

— Những lần sau nàng có cần bán mình nữa không ?

— Có gì bắt buộc nàng phải để cho hoàn-cảnh lôi-cuốn trong 15 năm không ?

— Trong 15 năm ấy có phải lúc nào nàng cũng nhớ đến Kim-Trọng không ?

— Nàng đã định làm những gì để giữ chữ trịnh với Kim-Trọng ? Dù là xử theo đạo Tông Quyền ?

Giải-thuyết bằng ấy vấn-đề cho cặn kẽ, ta sẽ thấy Thúy-Kiều có còn chữ trịnh hay không, dù là chữ Trịnh quan-niệm theo lúc biến.

« Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?

« Trời còn để có hôm nay,

« Tan sương ngoài ngõ, vén mây giữa trời (2328)

« Hoa tàn mà lại thêm tươi,

« Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa

« Có điều chi nữa mà ngờ ?

« Khách qua đường để hững-hờ chàng Tiều » (2329)

2328) Nghĩa câu này do hai câu tiếp sau giải-thích. Vì ở trên Kiều đã nói :

Hoa thơm phong nhụy trăng tròn tròn gương

(Tức là phải có chữ *trình*) thì mới nên lấy chồng, và nhìn được hoa trong động phòng mới khỏi thẹn với chồng, với mình ; cho nên ở đây Kim-Trọng mới lấy chữ *hiếu* của Kiều làm chữ *trình*. Và khi đã lấy *hiếu* làm *trình*, thì Kiều *trình-bạch* lắm, không bụi nào làm đục được, và sương dầu ngõ phải tan đi để lộ ra bông hoa, mây giữa trời phải vén đi, để lộ ra vầng trăng. Trước ánh sáng của đạo *hiếu*, bông hoa tuy tàn mà lại thêm tươi đẹp, vầng trăng tuy tàn mà lại tròn sáng hơn mười rằm. Ý nói Kiều *trình* hơn hết thảy mọi *trình-phụ* khác nếu lấy chữ *hiếu* của nàng làm chữ *trình*.

Kim-Trọng nói mấy câu này để đả-phá ý Kiến của Kiều ở trên kia cốt đánh đổ sự *thẹn* của nàng.

2329) Kim-Trọng bảo lời chàng đúng lý lắm, không còn phải ngờ vực gì nữa.

Vậy nếu Kiều không ưng lấy chàng là nàng cố ý bắt chàng phải hờ hững không nhận nàng nữa.

— Chàng Tiều tức Tiều-Lang có người vợ tên là Lục-Châu bị người ta bắt đem dâng Quách-từ-Nghi là một vị quan lớn Từ đó, chàng Tiều trông thấy vợ cứ đứng-dưng như khách qua đường.

Khách qua đường để hững-hờ chàng Tiều ?

Kim-Trọng nói sao Kiều lại cố ý làm cho chàng phải coi nàng như chàng Tiều coi vợ cũ ?

Nghe chàng nói đã hết điều
 Hai thân thì cũng quyết theo một bài
 Hết lời khôn lẽ chối lời
 Gót đầu, nằng những ngấn dài thở than
 Nhà vừa mở tiệc đoàn viên
 Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức là (2330)
 Cùng nhau giao bài một nhà (2331)
 Lễ đã đủ lễ, đôi đã xứng đôi !
 Động-phòng diu dặt chén mời,
 Bâng-khuâng duyên mới, ngậm-ngùi tình xưa.
 (2332)

— Sau khi đánh về mặt lý-luận. Kim - Trọng đem điền Tiều-Lang định đánh Kiều về mặt tình-cảm.

2330) Hoa soi ngọn đuốc: ngọn đuốc đây là ngọn nến.

Dịch chữ *chúc*, nhưng *chúc* sau có nghĩa là nến, chứ không chỉ có nghĩa là đuốc. Hoa được ngọn nến soi vào càng đẹp lộng lẫy thêm. Hoa đây có hai nghĩa một là hoa thật, tô điểm đèn nến đêm động phòng (đuốc hoa) hai là mặt hoa của Kiều.

Hồng chen bức là: mấy bản Pháp-văn dịch là những bức màn là căng ra, bỏ ý hồng không dịch.

Hồng đây là quần áo màu hồng, tức là quần áo cô dâu mặc trong lễ cưới. Tiệc đoàn viên đây lại vừa là tiệc cưới Kiều nên Kiều ăn bận y-phục sắc hồng. Sắc hồng của quần áo chen với những bức màn là màu trắng nổi bật lên lộ lộ.

Câu này tả vẻ tươi đẹp lộng lẫy của bữa tiệc.

2331) Giao bài là vợ chồng lay vái lẫn nhau, trước khi dự tiệc hợp cần.

2332) Hai vợ chồng cùng nhau uống rượu hợp cần trong động phòng (phòng kín).

Chén mời là chén bằng đôi mời.

Hai vợ chồng mơ màng bâng khuâng đến cuộc tình duyên mới, và ngậm ngùi nghĩ lại mối tình xưa. tức nhớ lại ngày mới gặp nhau.

Những từ sen ngó đào tơ. (2333)
 Mười lăm năm mới bấy giờ là đây !
 Tình duyên ấy, hợp tan này. (2334)
 Bi hoan mấy nỗi, đêm chầy trắng cao. (2335)
 Canh khuya bức gấm rủ thao. (2336)
 Dưới đèn tỏ rạng, má đào thêm xuân.
 Tình nhân lại gặp tình nhân.

2333) *Sen ngó* là sen mới mọc ngó, mọc mầm, sen còn non.
Đào tơ là cây đào còn non.

Từ sen ngó đào tơ là từ hồi 11 tuổi gặp nhau.

2334) *Tình duyên ấy* : Tình duyên buổi ấy, nhắc lại ý « tình xưa ».

Hợp tan này : là hợp tan lúc này ; nhắc lại ý « duyên mới » Kim Trọng và Kiều truyện trò kẻ lẽ với nhau về tình xưa, về những nỗi tan hợp lúc này.

— Từ câu này đến hết câu « *hoa xưa ong cũ mấy phần chung tình.* »

bản Kiều Huệ chép thế này :

— Thế gian đâu có sự này,
 Bõ lòng chưa xót thỏa ngày khát khao.

Canh tàn gác ngọn đèn cao,
 Nhìn nhau, nhường giốc chiêm bao mơ màng.
 Sánh vai chung gối đêm trường.
 Lại gì yếu phần giấu hương thể tình.

2335) *Bi hoan mấy nỗi* : truyện trò với nhau về những nỗi bi hoan : bi là đau buồn, hoan là vui vẻ : bi về cảnh biệt ly (tan) hoan về cảnh xum họp (hợp).

Đêm chầy là đêm dài, đây là đêm khuya khi trăng đã lên cao, hai người vẫn chưa thôi trò truyện.

2336) *Bức gấm rủ thao* là bức màn gấm rủ những dây thao xuống. Ý nói hai người bỏ màn đi nằm.

Hoa xưa ông cũ, mấy phen chung tình, (2337)

Nàng rằng: « Phận thiếp đã đành,

« Có làm chi nữa cái mình bỏ đi,

« Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,

« Chiều lòng gọi có xướng tùy mây may, (2338)

« Riêng lòng đã thẹn lắm thay,

« Cũng là mặt dạn mày dày khó coi,

« Những như âu yếm vánh ngoài, (2339)

« Còn toan mở mặt với người cho qua,

« Lại như những thói người ta,

« Vượt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa,

2337) Nói về Kim - Trọng và Kiều mà dùng những chữ hoa xưa ông cũ, nghe không được nhã. Mấy chữ ấy nhắc người ta nhớ câu:

« Tiếc thay một đóa trà mi,

Con ong đã tổ đường đi lối về ».

Và do đó gây một ấn-tượng không đẹp dễ cho lắm.

2338) Xướng tùy nói tắt câu như xướng như tùy là chồng bảo vợ theo, đây dùng để nói việc Kiều ưng lấy Kim-Trọng.

Kiều bảo Kim-Trọng rằng chiều lòng chàng, nàng ưng làm vợ chàng một chút thôi.

Nàng không biết rằng xướng tùy mây may hay xướng tùy nhiều cũng vẫn là xướng tùy. Đến đây người ta thấy Thúy - Kiều vẫn là Thúy Kiều, nhu - nhược, đa tình, đa cảm, bị động trước hoàn cảnh.

2339) Nghe Kiều nói như vậy, chắc lúc này sự âu - yếm của Kim - Trọng đối với Kiều đã muốn vượt giới hạn « vánh ngoài ».

Kiều cho rằng đối với nhau chỉ âu yếm vánh ngoài thì may còn có thể nhìn mặt người ta mà không lấy làm hổ-thẹn.

Kiều không biết rằng âu yếm vánh ngoài hay âu-yếm cách nào thì cũng chỉ vợ chồng biết với nhau mà thôi.

- « Khéo thay đỡ-duốc bày trò,
 « Còn tình đầu nữa là thù đấy, thôi ! (2340)
 « Người yêu ta xấu với người.
 « Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau, (2341)
 « Cửa nhà dầu tỉnh về sau, (2342)
 « Thì dả em đó, lựa cầu chi đây !
 « Chữ tình còn một chút này,
 « Chẳng cầm cho vững lại giẫy cho tan.

Người ngoài chỉ biết đại-khái rằng Kiều và Kim-Trọng lấy nhau. Thế thôi. Hồ thẹn hay không cứ hỏi lòng mình chứ người ngoài ai biết đâu truyện đó ?

Lúc nào Kiều cũng nghĩ đến hồ-thẹn. Nàng như nhụt trước hoàn-cảnh cũng như trước dư-luận.

2340) Sách Tả-Truyện có lời chua rằng : *Giác ngẫu viết phối, oán ngẫu viết cừ* nghĩa là đôi vợ chồng tốt lứa thì gọi là sánh nhau, đôi vợ chồng oán ghét nhau thì gọi là thù.

2341) Kiều lý-luận thật là đời. Vì sao yêu nhau lại bằng mười phụ nhau ?

Phụ nhau là không yêu nhau, mà đã yêu nhau tất không phụ nhau. Vậy thì sao yêu nhau lại có thể là ghét nhau gấp mười lần phụ nhau ?

Đoạn Kiều giữ giá này, văn-lý non yếu và giả-tạo làm sao !

2342) *Cửa nhà dầu tỉnh về sau* : dầu tỉnh việc cửa nhà về sau này. ý nói việc sinh con đẻ cái đề nối dõi tông-đường về sau. Việc đó Kiều bảo đã có có em nàng.

Trên kia Kim-Trọng cũng đã gián tiếp bảo Kiều không còn trinh nữa. Chẳng quý-trọng Kiều quá, nên đã ngụy biện rằng :

Như nàng lấy hiếu làm trinh, Đến người yêu quý Kiều tột bậc là chàng Kim mà cũng không dám nói là nàng còn trinh. Vậy mà ở đây Kiều lại dám tự nhận là nàng còn trinh.

- « Còn nhiều ân ái chan chan, (2343)
 « Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi ! »
 Chàng rằng : « Gắn bó một lời.
 « Bồng không cá nước chim trời lữ nhau, (2344)
 « Xót người lưu lạc bấy lâu,
 « Tưởng thề thốt nặng cũng đau đớn nhiều,
 « Thương nhau sinh tử đã liều,
 « Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình, (2345)
 « Chẳng xuân tơ liễu còn xanh. (2346)

Chữ trính còn một chút này. Không hiểu nàng định cho một chút trính ấy là cái gì ? Hay là nàng cho rằng việc nàng ngăn Kim - Trọng « vớt hương dưới đất hể hoa cuối mùa » đó là trính ? Đó cũng là một cách giữ tiết với chồng ? Quan niệm về chữ trính của Thúy Kiều kể cũng lạ kiêu thật. Không hiểu đó là theo hệ thống tư tưởng nào ! ? Duy vật hay duy tâm ? Phật hay Khổng ?

Theo sự hiểu biết nông cạn thông thường của chúng ta, thì như vậy gọi là nguy-biến.

2343) Còn nhiều ân ái chan chan. Còn nhiều ở đâu ? Ân ái là gì ? Dám chắc rằng hỏi như vậy, Thúy Kiều dù có sống lại cũng không đáp nổi.

2344) Cá nước chim trời lữ nhau : Bồng không làm lữ nhau mỗi người đi một ngã, như cá dưới nước với chim trên trời, không xum họp được với nhau.

2345) Thương nhau đây nghĩa là yêu nhau. Vì thương yêu nhau mà đã liều sinh tử để tìm nhau. Nay đã tìm thấy nhau, đã gặp nhau đây, thì chỉ có thương yêu nhau mới tỏ được lòng với nhau.

Kim-Trọng tìm lý lẽ để đả-phá lý-luận của Kiều.

2346) Chẳng xuân là giữa chừng tuổi trẻ như giữa mùa xuân tơ liễu còn xanh, cây liễu còn xanh tươi.

- « Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vảnh ái-ân,
 « Gương trong chẳng chút bụi trần, (2347)
 « Một lời quyết hẳn muốn phần kính thêm.
 « Bấy lâu đáy bể mò kim, (2348)
 « Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng hoa ? (2349)
 « Ai ngờ lại hợp một nhà
 « Lựa là chốn gối, mới ra sắt cầm ! » (2350)
 Nghe lời sửa áo, cài trâm.
 Khẩu đầu, lay tạ cao thâm nghìn trùng : (2351)

Kim-Trọng nói Kiều còn trẻ tuổi, chàng nghĩ rằng nàng chưa thoát khỏi vòng ái-ân, nên chàng nói làm như thế.

2347) Nay Kiều nói vậy, thì tình yêu giữa Kiều và chàng thủy chung trong sạch như tấm gương không gợn chút bụi trần.

Nghe lời nàng nói, Kim-Trọng càng kính yêu nàng thêm.

2348) Tìm Kiều khó khăn, công lao như là mò kim ở dưới đáy bể,

2349) Tìm nàng không phải là vì trắng hoa, mà phần nhiều vì lời thề nguyện vàng đá với nhau.

Thấy Kiều cự-tuyệt Kim-Trọng tìm lời lẽ nói rằng ra dễ chừa thẹn.

2350) Cứ gì phải ăn nằm với nhau, mới là vợ chồng.

Kim-Trọng đành phải chiều theo ý Kiều.

2351) Kiều nghe Kim nói, thì đứng dậy sửa lại áo, (!) cài lại trâm (!) lay tạ ơn trời đất, Cao thâm nghìn trùng là cao thâm nghìn lần, Cao là nói trời, thâm là nói đất.

Kiều lay tạ ơn trời đất, là vì trước kia nàng và Kim-Trọng đã thề thốt nặng lời « Dưới đáy có đất, trên cao có trời »

Thân tàn gạn đục, khơi trong. (2352)
 « Là nhờ quán-tử khác lòng người ta, (2353)
 « Mấy lời tâm phúc ruột-rả,
 « Tương-tri đường ấy mới là tương-tri !
 « Chở che đùm bọc thiếu gì ?
 « Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay ! » (2354)
 Thoắt thôi tay lại cầm tay
 Càng yêu vì nết, càng say vì tình.
 Thêm nển giá, nổi hương bình, (2355)

2352) Gạn đục là gạn cho hết bùn đục đi ; khơi trong là khơi cho nước trong lên, nghĩa là bỏ điều xấu không kể tới, mà chỉ nêu cái hay, tốt ra.

Diện ý câu khích trọc dương thanh là gạn cái đục, khơi cái trong.

2353) Được như vậy, là nhờ chàng quán-tử có lòng khác người.

Quán-tử có khi dùng để trở người đàn ông hay người chồng.

Cả đạo ta có câu :

Trách chàng quán-tử bạc tình ...

Trách chàng quán-tử vụng suy ...

2354) Danh tiếng trăm năm cũng vì câu truyện đêm nay. Ý nói nhờ Kim-Trọng đêm nay mà Kiều giữ được danh-tiết một đời. Danh-tiết là danh dự và tiết tháo. Danh dự là tiếng khen. Tiết-tháo là lòng kiên-quyết giữ trinh-tiết với người chồng.

Không hiểu Kiều quan-niệm tiết-tháo như thế nào mà nói như vậy ?

2355) Giá viết thế này thì đúng hơn :

Nổi nển giá thêm hương bình.

Người ta chỉ nổi nển hoặc chấp nển vào cây nển đang cháy giờ gần hết, chớ không thể nổi hương được.

Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao-hoan, (2356)

Tình xưa lại lảng khôn hàn, (2357)

Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.

Nàng rằng : « Vì mấy đường tơ.

Lắm người cho đến bây giờ mới thôi,

« Ân-năn thì sự đã rồi.

« Nề lòng người cũ, vâng lời một phen »

Phím đàn diu-dặt tay tiên,

Thêm hương bình là thấp thêm hương vào bình hương.
Nổi nền giá là nổi nền vào giá thấp nền, ta gọi là cây nền.

— Có lẽ vì khó đọc mà tác-giả hoặc người sao lại đã viết:
Thêm nền và nổi hương,

— Câu này cho biết hai người thức rất khuya : nền đã gần cháy hết và hương trong bình đã tàn.

2356) Nhiều bản chép :

Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao hoan, chúc không có nghĩa, phải chép là chúc chén hoặc chúc chén mới có nghĩa.

Chúc hay *chước* là rót rượu mời nhau,

Chén quỳnh tức chén quỳnh-tương, là chén rượu trong như nước ngọc quỳnh (đã chưa nghĩa ở trên) *giao hoan* là cùng vui với nhau.

Khi mới gặp nhau Kiều và Kim-Trọng đã có lần uống rượu với nhau suốt ngày suốt đêm, lần này tái ngộ, hai người lại một đêm hai lần uống rượu với nhau. Từ-đức của Thúy Kiều kẻ cũng đáng sợ. Riêng điếm hay rượu đã cho ta thấy Kiều là người lãng-mạn.

2357) *Tình xưa* là lòng nghĩ đến mọi việc ngày xưa. Hai người nhớ lại những truyện hồi mới gặp nhau ngày xưa.

Khôn hàn là khó ngăn, khó cản, khó cầm lại.

Ý nói hai người tha-thiết nghĩ nhớ những truyện ngày xưa.

Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa. (2358)

Khúc đầu dầm-ấm dương-hòa. (2359)

Ấy là Hồ-diệp hay là Trang-sinh? (2360)

Khúc đầu êm-ái xuân-tình. (2361)

Ấy hồn Thục-Đế hay mình Đỗ-Quyên? (2362)

2358) Tiếng đàn bình như theo khói trầm cao thấp mà hay đi gần xa. Tiếng đàn khoan-thai nhẹ-nhàng như khói trầm vậy.

2359) Dương hòa là khi dầm ấm mùa Xuân.

Khúc đàn nghe ấm-cung êm-ái như hơi xuân dầm ấm ý nói tiếng đàn dịu-dàng khoan-thai không trầm quá, không bổng quá không gay gắt sát phạt, nghe êm êm, dịu-dịu như âm-ấm nhẹ nhàng, tức tiếng đàn êm vui.

2360) Hồ-diệp là con bướm. Trang-sinh là ông Trang-Chu tức Trang-Tử. Trang-Tử xưa năm chiêm bao thấy mình hóa làm con bướm tự, hỏi rằng: không biết mình hóa làm bướm hay bướm hóa làm Trang-Chu? Câu này mượn ý Trang-Chu mơ hóa hồ-diệp, đề tả về mơ-màng bàng-khuàng của khúc đàn. Khúc đàn êm-ái nghe mơ-màng bàng-khuàng. Hoặc nghe khúc đàn, người ta thấy mình như bàng-khuàng đi vào cõi mộng.

Ý nói tiếng đàn du-dương như ru người.

Ý câu trên đi liền với ý câu này. Khúc đàn khi dầm-ấm êm-vui thì như hơi ấm-áp mùa xuân, nhẹ-nhàng lâng-lâng như giấc mộng bướm.

2361) 2362) Xuân-tình đây là lòng thương-tiếc thời tuổi-trẻ.

Khúc đàn khi buồn tiếc thì êm-ái như là tiếng đồ quên kêu.

Tục truyền Thục-Đế lúc mất nước, hồn hóa làm chim đỗ-quyên tức chim quốc, ra-rả kêu đòi lại nước.

Tả quốc kêu, Nguyễn-Khuyến đã có câu:

 Trong sao châu rõ duềnh quỳnh ? (2363)

*Có phải tiếc xuân mà đứng gọi
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ ?*

Khi nói đến Đỗ - Quỳen, là người ta nghĩ đến ý tiếc Xuân, hay là nói tiếc Xuân người ta hay nhắc đến Đỗ - Quỳen như tác giả ở đây.

Y tiếc xuân tức là xuân tình.

— Câu này tả tiếng đàn khi buồn thương thì buồn thương một cách lằng lằng êm ái như tiếng đỗ quỳen gióng giả sâu đưa giọng lằng lẹ. Nó không buồn thương một cách gay gắt thái quá đến khiến người nghe phải « vô chín khúc chau đôi mày » hoặc « chau mày rơi châu hoặc « tan nát lòng » như các lần trước Kiều gảy đàn cho Kim-Trọng (nghe lần đầu) cho Hoạn - Thư và cho Hồ Tôn Hiến nghe.

— Trở lên bốn câu tả tính chất khái quát của khúc đàn tức bài đàn. Bài đàn có tiếng vui, có tiếng buồn. Nhưng vui, không vui ồn ào, nhộn-nhịp như « tiếng sắt tiếng vàng chen nhau » trên chiến trường Hán Sở ; buồn không đau xót tẻ-tái « như oán như sầu » như « gió thấm mưa sâu » hay « bốn dây rõ máu năm đầu ngón tay »

Đàn vui mà không loạn, đàn buồn mà không đau xót, như lời Khổng-Tử khen thơ Quan thư trong Kinh - Thi : *lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương*, vui mà không loạn, buồn mà không đau lòng.

Tình - chất bao trùm của khúc nhạc là đầm ấm êm ái lằng lằng, nhẹ nhàng. Khác hẳn với những lần Kiều đàn cho Kim-Trọng, Hoạn-Thư, Hồ Tôn-Hiến nghe ngày trước, tuy cũng vẫn là một bài « Bạc Mệnh » mà thôi.

2363) Trong đây là tiếng đàn trong.

Châu là ngọc trai do miệng cái trai nhả ra, Vì thế mà nói châu rõ duềnh quỳnh.

Duềnh là vụng nước. Duềnh quỳnh là duềnh đẹp, đây nói duềnh nước có trắng soi.

Tiếng đàn sao mà trong thế, trong như hạt châu rõ

Ấm sao hạt ngọc Lam-Điền mới đông ! (2364)

xuống vụng nước sáng trắng. Hạt châu đã trong, rõ xuống nước trắng, càng trong thêm.

Trên tả tính chất bồi dần, câu này và câu sau tả tính chất tiếng dần. Tiếng dần trong như hạt châu rõ xuống duyên quyền, trong sáng mà êm ái nhẹ nhàng.

2364) Ấm là tiếng dần ấm.

Tiếng dần ấm là tiếng dần còn dư sức ngân mà chỉ ngân vừa chừng thôi để dư âm lại sau. Cũng như tiếng hát ấm là tiếng hát còn dư âm nhưng giữ lại chỉ phát ra vừa chừng thôi.

Tác giả cụ thể hóa sức ấm của tiếng dần, ví như hạt ngọc Lam-Điền mới đông. Núi Lam-Điền ở huyện Lam-Điền tỉnh Thiểm-Tây nước Tàu là nơi có sản nhiều ngọc quý gọi là ngọc Lam.

Câu trên và câu này tả tính chất của tiếng dần. Tiếng dần trong và ấm tức là tiếng dần nhẹ nhàng và có dư âm, tiếng trong ấm một cách nhẹ đẹp như châu mới rõ như ngọc mới đông.

Phê bình tiếng dần, tiếng dần trong người ta thường cho là tiếng dần của người nhân nhã thanh tao, tiếng dần ấm người ta thường cho là tiếng dần của người có bần túc là người có tương lai tốt đẹp.

Tác giả muốn tiếng dần của Kiều lúc này là tiếng dần của người được hưởng thụ nên đã tả nó khác hẳn tiếng dần ngày xưa. (Nên so sánh với tiếng dần ngày xưa).

Đoạn văn tả đòn này hình như tác giả đã dịch thoát ý ở bài thơ « cầm sắt » của Lý-thương-Ẩn đời Đường trong có mấy câu như sau :

Trang-sinh hiền mộng mê hồ điệp
Vọng Đế xuân tâm thác đổ quyền
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam-điền nhật noãn ngọc sinh yên

Nghĩa là : Ông Trang Chu buổi sáng nằm mơ, còn mê say mình là con bướm ; vua Vọng đế gửi cái lòng thương tiếc

Lọt tai nghe suốt năm cung, (2365)
Tiếng nào là chẳng não-nùng xôn-xao ! (2366)
Chàng rằng : « phở ầy tay nào ?
« Xưa sao sâu thăm, nay sao vui vầy ? (2367)

thì xuân vào chim đỗ-quyen ; bề rộng trắng sáng coi như hạt châu có nước mắt ; núi Lam-Điền mặt trời nắng ấm, ngọc như lên hơi.

Có lẽ vì là mượn từ của thơ Đường, nên văn-lý mơ hồ, viễn vọng khó hiểu.

2365) *Nghe suốt năm cung* là nghe thấu đáo năm thứ tiếng : *cồng, sù, sang, sê, hu* hoặc *Cung, Thương, Dốc, Thủy, Vũ*

Nghe đàn mà nghe từng thứ tiếng một, thì thường-thức thế nào được đàn ? Tác-giả không biết đàn chẳng ?

1366) *Kim thấy tiếng nào cũng não-nùng xôn-xao,*

Não nùng là buồn một cách êm-dịu nhẹ nhàng.

Xôn-xao là vui-vẻ ; tiếng đàn của Kiều vui được lẫn buồn

Có lẽ vì Kiều lúc này *mãng-mãng, tủi-tủi*, nên tiếng đàn của nàng cũng tỏa ra ý vui lẫn ý buồn, song vui buồn một cách êm êm nhẹ nhẹ.

Cũng có lẽ vì Kiều tuy trong lòng mừng rỡ được về với gia-đình nhưng nàng cảm thấy tiếc thời trẻ trung đã qua nên tiếng đàn vui mà vẫn được một ý buồn êm dịu ?

2367) Dù đàn có tiếng vui tiếng buồn, song đại-thể bản đàn, là đánh theo điệu vui-hòa, chứ không theo điệu sầu thăm như trước.

Vì vậy Kim-Trọng phải hỏi Kiều : *Phở ầy tay nào ?*

Phở ầy là vẫn bài đàn ấy, khúc đàn ấy.

Tay nào ? nhưng đánh theo ngón tay nào vậy ?

Kim-Trọng muốn hỏi Kiều đánh bằng tay nào mà bài đàn ấy nay nghe khác trước ?

« Tẻ vui bởi tại lòng này,
 « Hay là khổ tận đến ngày cam lai » (2368)
 Nàng rằng : Vì chút nghề chơi,
 « Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
 « Một phen tri-kỷ cùng nhau
 « Cuốn dây từ đấy về sau cũng chừa » (2369)

2368) Tẻ là buồn.

Lòng này trở lòng Kiều.

Tẻ hay vui là tại lòng mình ? Hay là vì khổ tận cam lai mà tiếng đàn tự-nhiên trở nên vui hòa ?

Ý Kim-Trọng muốn hỏi : tại lòng mình vui nên đàn vui hay là vì hết đoạn cay đắng đến đoạn ngọt-ngon mà tiếng đàn vui ?

— Không biết có phải vì vui mừng gặp Kiều mà Kim-Trọng nghe tiếng đàn ra vui ?

Hay vẫn là một bài đàn mà lúc Kiều mừng vui lòng không còn bận một nỗi thắc mắc lo âu nào, nên tiếng đàn này ra vui hòa êm ái ?

— Đến đây ta thấy tác-giả hình như muốn lấy ngón đàn của Kiều để chứng-mình rằng nghệ-thuật chỉ chân-chính khi nào phản ảnh được tâm-hồn nghệ sĩ ; hoặc ngược lại nghệ sĩ nào biểu-lộ được bản ngã ra nghệ-thuật, mới là nghệ sĩ chân-chính. Hoặc tâm-hồn là vai chính, nghệ-thuật chỉ là vai phụ. Tâm-hồn mới làm nên nghệ-sĩ. Hoặc nghệ-thuật chịu ảnh-hưởng hoàn-cảnh, vì tâm hồn chịu ảnh-hưởng hoàn-cảnh.

2369) Từ đấy nên hiểu là từ đây.

Kiều nói sau bản đàn này, sẽ cuốn dây lại, từ nay chừa không đánh đàn nữa,

Vì trên nàng đã nói :

Mấy đường tơ lằm người cho đến bây giờ chưa thối

Truyện trò chưa cạn tóc lơ,
 Gà đã gáy sáng, trời vừa rạng đông.
 Tình riêng chàng lại nói sông. (2370)
 Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao.
 Cho hay thực-nữ chí cao,
 Phải người sớm muộn tối đào như ai. (2371)
 Hai tình vẹn cả hòa hai,
 Chẳng trong chăn gối cũng ngoài cầm-thơ. (2372)

Và:

Đoạn tường tiếng ấy hại người bấy lâu,

Kiều có ý đồ tội cho bản đàn « Bạc mệnh ». Thật ra bản đàn ấy chỉ là phản-ảnh của tâm-hồn nàng.

Nàng nên trách lòng nàng, chớ không nên trách bản đàn là con đẻ của lòng nàng.

2370) Hai người thức thâu đêm suốt sáng.

Sáng ra chàng nói rõ cho cả nhà biết lý luận và thái-độ của Kiều.

Nói sông là nói rõ-ràng thẳng-thắn.

2371) Kiều có phải là người sớm muộn tối đào đâu ?

Sớm muộn tối đào là sớm ấp muộn tối ôm đào, ý nói sáng đi với người này tối đi với người khác.

Đĩ-nhiên Kiều không phải là người như thế. Sở dĩ trong 15 năm qua, nàng phải hành động như thế là vì nàng bị hoàn cảnh lôi cuốn đi.

2372) Hai tình là tình vợ chồng và tình bè bạn.

Kiều lấy Kim-Trọng như vậy là vẹn được cả hai tình. Vừa có danh là vợ chồng, vừa thực-tế là bè bạn với nhau.

Chăn gối là tình vợ chồng.

Cầm thơ là đánh cờ, làm thơ, tức tình bè bạn.

Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
 Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên, (2373)
 Ba sinh đã phỉ mười nguyên. (2374)
 Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn-bầy.
 Nhớ lời lập một am mây
 Khiến người thân tin rước thầy Giác-Duyên,
 Đến nơi đóng cửa gài then.
 Rêu trùm kẽ gạch, cỏ len mái nhà.
 Sư đã hái thuốc phương xa,
 Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu? (2375)
 Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
 Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
 Một nhà phúc, lộc gồm hai, (2376)

2373) Hai người cùng hưởng những thú chơi thanh cao tao nhã. Và chỉ hưởng những thú ấy với nhau thôi.

Câu này diễn đạt ý « cảm thơ » ở trên.

2374) Ba sinh là duyên nợ ba sinh, duyên số từ kiếp trước.

Mười nguyên là mười điều ước nguyện, ý nói mọi ước nguyện xưa nay đều được thỏa-mãn như ý. Thật ra chỉ trong phạm vi bạn hữu mà thôi.

— Người ta không hiểu cuộc hôn-phối giữa Kim và Kiều như vậy nhằm mục-đích gì? Và như vậy thì hà tất phải làm vợ chồng với nhau?

2375) Tung-tích nhà tu hành khó tìm kiếm như là mây bay, hạc lánh. Ý cũng gần như câu:

« Biết đâu hạc hội mấy ngàn là đâu »

2376) Nhà đây là nhà Kim-Trọng.

Phúc lộc gồm hai là gồm cả phúc lẫn lộc. Phúc là có phúc to, được làm quan sang. Lộc là bổng-lộc, nói nhà giàu có.

Phúc lộc nghĩa cũng như sang, giàu.

Nghìn năm dằng-dặc quan-giai lần lần, (2377)

Thừa gia chẳng hết năng Vân. (2378)

Một cây củ-mộc, một sân quế hòe, (2379)

Phong-lưu phú-quý ai bì

Vườn xuân một cửa, đề bia muốn đời. (2380)

Ngẫm hay muốn sự tại trời

Trời kia đã bắt làm người có thân

Bắt phong-trần, phải phong-trần (2381).

2377) Nghìn năm dằng-dặc là phúc lộc dằng-dặc lâu bền tới nghìn năm chưa hết.

Quan giai là phẩm trật, nấc thanh quan lại.

Quan giai lần lần ý nói Kim-Trọng làm quan cứ dần dần thăng chức.

2378) Thừa gia là đảm đang, cang đáng mọi việc nhà.

Chẳng hết là không hết việc, ý nói hết việc này đến việc khác, luôn luôn bận rộn.

Câu trên nói chung cả nhà, Câu này tách riêng Thúy-Vân ra mà nói.

2379) Một cây củ mộc là một cây to lớn, đây trở Kim-Trọng. Củ mộc, chữ kinh Thi, nói bóng vợ lẽ. Vì có câu « Nam hữu củ mộc, cát luy luy chi » phía nam có cây lớn, sẵn bìm leo lên. Sẵn bìm là vợ lẽ. Gián tiếp kín đáo nói Kim-Trọng và Thúy-Vân vẫn sống trong cảnh chồng một vợ một dừ Vân là vợ lẽ.

Một sân quế hòe là quế hòe đầy một sân, ý nói Thúy-Vân sinh đông con trai.

Hòe, do điển Vương-Hưu trồng ba cây hòe ở trước sân mà sau con trai làm nên tới Công-Khanh.

Quế, nói nhà họ Đậu ở Yên-Sơn sinh năm con trai đều hiền đạt đời gọi là Ngũ-quế tức 5 cây quế.

2380) Câu trên và câu này diễn đạt cho rõ thêm ý phúc lộc (phong lưu phú quý) và ý « một sân củ mộc một sân quế hòe » ở trên.

Vườn xuân là cảnh nhà tươi đẹp như vườn hoa mùa xuân Trên nói củ-mộc, quế hòe là những thứ cây, đây nói vườn xuân, ý trên ý dưới khớp nhau rất sát.

Đề bia muốn đời đề tiếng khen trên bia mệnh muôn đời.

Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao (2382)

Có đầu thiên-vị người nào

Chữ Tài chữ Mệnh đời-dào cả hai ? (2383)

Có tài mà cậy chi tài (2384)

Chữ Tài liền với chữ Tài một vần (2385)

2381) Trời bắt phong trần thì phải chịu phong trần.

2382) Trời cho thanh cao thì mới được thanh-cao. Ý nói đời người ta đều do số Trời định sẵn. Số mệnh thế nào phải chịu thế. Đây dùng phục-bút, trở lại chữ Mệnh ở đoạn mào đầu, mệnh trời không trạch đi đâu được.

Tác-giả hình như quan-niệm chữ mệnh theo quan-diêm nhà Nho, khác hẳn quan-diêm đạo trời của Đạo giáo (do tam Hạp đạo-có nêu ra).

2 83) Trời chí công, không thiên-vị ai. Không ai được một lúc vừa tài vừa mệnh đời-dào.

Người có tài như Kiều thì mệnh bạc, người có mệnh hậu như Thủy-Vân, thì kém tài.

2384) Như vậy, có tài chớ nên cậy tài, vì có tài thì mệnh tất không tốt. Tác-giả muốn nói Kiều cậy tài (dàn thơ) nên khổ sở.

2385) Mệnh đã xấu mà lại cậy tài, thì sẽ gặp tai-họa.

Không phải vô tài là hay. Chớ tin chắc rằng hễ ngu si là được hưởng thái-bình.

Có tài mà không cậy tài thì không sao. Có tài mà cậy tài thì tài mới là nguồn gốc gây nên tai họa.

Cứ như ý câu này suy ra, thì thuyết Tài Mệnh của tác-giả không đứng vững.

Chữ Tài chữ Mệnh sở dĩ ghét nhau, hai thứ sở dĩ không được đời-dào cả hai, là vì người có Tài hay cậy Tài. Vì cậy Tài, nên chớ rằng :

a) Mình có quyền vượt khỏi khuôn khổ đạo-đức, luân-lý xã-hội, hành-động theo tình-cảm và dục-vọng cá-nhân mình.

*Đã mang lấy Nghiệp vào thân (2386)
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa (2387)*

b) mình có quyền được địa-vị và được hưởng-thu nhiều hơn người vô tài.

c) Mình có quyền đòi hỏi, và than phiền về phần hưởng thụ mình cho là chưa xứng đáng với tài mình.

Thế rồi chủ-quan cho rằng mệnh mình không cân xứng với tài, một mặt khác tạo nên những điều-kiện bất-lợi cho việc thi-thố Tài mình, và bất lợi cho Mệnh mình.

Tài vốn không phải là một nhân-tố tạo nên mệnh xấu. Hoặc ngược lại, Mệnh tốt không phải dành sẵn cho kẻ bất tài. Duy có sự cậy tài là làm cho Mệnh hóa xấu.

Cậy tài là việc của người, không phải là việc trời. Vậy Tạo-Hóa không đổ tài (ghét tài) trời đất không ghét tài, và chữ Tài chữ Mệnh vốn không ghét lẫn nhau.

2386) *Nghiệp* tiếng nhà Phật, trở công việc mình làm khiến mình phải luân-hồi truyền kiếp. (Xem lời chưa ở trên)

2387) Nghiệp do mình tự tạo ra, không có ông trời nào ở trong cái nghiệp. Mình gây ra nghiệp thì mình phải chịu kết-quả và ảnh hưởng của nghiệp ấy. Vậy thì trách trời có mắt hay không có mắt, trời gần hay trời xa, là trách lẫn, trách lẫn. Chỉ nên trách mình.

— Ý này mâu - thuẫn với ý Thiên - mệnh ở trên (bất phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được thanh cao). Nhà Nho chủ - trương Thiên - mệnh bất di bất dịch. Khổng-Tử nói : Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên. Quán tử hữu tam úy : úy thiên-mệnh...

Nhà Phật chủ - trương nghiệp báo, không công-nhận Mệnh trời. Triết-lý đạo Phật là triết-lý vô-thần.

Trên tác-giả nêu Thiên-mệnh của nhà Nho, đây lại nêu Nghiệp - báo của nhà Phật, hai tư-tưởng hoàn - toàn trái ngược nhau !

Người ta không rõ chủ-trương tác-giả ra sao, khi tác giả vừa tán-thành thuyết nghiệp-báo nhà Phật vừa hoan nghênh thuyết Thiên-mệnh nhà Nho.

*Thiện-căn ở tại lòng ta (2388)
 Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài (2389).
 Nhời quẻ chấp nhật đông-dài,
 Mua vui cũng được một vài trống canh.*

2388) *Thiện căn* là cái gốc điều thiện, điều lành, điều hay. *Thiện căn* không ở đâu xa, ở ngay trong lòng người. Và trái lại, ác-căn, tức là tội-nghiệp, cũng ở lòng người, như lời Tam-hợp Đạo-Cổ đã nói :

Phúc họa đạo trời

Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.

Làm thiện thì được phúc. Làm ác thì chịu họa.

— Đến đây, người ta thấy tác-giả lại muốn thừa-nhận cả thuyết Họa Phúc, hoặc thuyết số-mệnh của Đạo-Giáo.

Có lẽ tác-giả muốn dung-hiệp Tam-Giáo chăng ? Hay là ảnh-hưởng Tam-Giáo đã làm cho tư-tưởng tác-giả phức tạp, khó hiểu ?

2389) Đây tác-giả lại nói ; Tâm đáng quý gấp ba tài. Vì sao ? Có lẽ vì Tâm có thể khiến Tài Mệnh khỏi ghét nhau. Tâm có thể dành cho Tài địa-vị và phần hưởng-thụ xứng-đáng, tức là một Mệnh tốt.

Có Tài mà lại có Tâm (tức là không cậy tài) thì có lẽ có Mệnh.

Chữ tài chữ mệnh có thể đổi-dào cả hai.

Nếu tác-giả quan-niệm như thế thì quan-niệm này lại mâu-thuẫn với quan-niệm Thiên-mệnh nhà Nho ở trên.

Có đâu thiên-vị người nào...

Như vậy tác-giả định nói gì ? Tác-giả có một quan-niệm rất lơ-mờ khó hiểu về Mệnh và vì thế, người ta thấy Đoạn Trường Tân-Thanh hình viết ra để chứng-minh một tư-tưởng triết-học, tôn-giáo, nhưng chứng-minh chưa đúng xác, chưa khúc-triết.

HẾT

TRUYỆN KIỀU CHÚ - GIẢI
LÊ - VĂN - HÒE IN LAN
THỨ NHÌ - NĂM 1956
TẠI NHÀ IN Á - CHÂU
92 Đ. TRIỆU-QUANG-PHỤC
===== CHOLON =====

CÁC SÁCH GIÁO - KHOA ANH - VĂN
TRƯỜNG ZIÊN - HỒNG ĐÃ XUẤT - BẢN

TỰ - ĐIỂN	ANH - VIỆT	Lê - Bá - Kông.	100đ00
TỰ - ĐIỂN	VIỆT - ANH	Lê - Bá - Kông và Kông.	80đ00
TỰ - ĐIỂN	ANH - VIỆT	(bỏ túi) Lê - Bá - Kông.	38đ00
TỰ - ĐIỂN	VIỆT - ANH	(bỏ túi) Lê - Bá - Kông.	32đ00
Toàn Bộ VĂN - PHẠM ANH - VĂN			70đ00
NGŨ - VỤNG ANH - VĂN			15đ00
Đệ VI.			15đ00
Đệ V.			22đ00
VĂN - PHẠM và LUYỆN - DỊCH ANH - VĂN			
Lớp Đệ - Thất			22đ00
Lớp Đệ - Lục			25đ00
Lớp Đệ - Ngũ			35đ00
BÀI DỊCH ANH - VIỆT	Đệ VII	Lê - Bá - Kông	20đ00
BÀI DỊCH ANH - VIỆT	Đệ VI	Lê - Bá - Kông	20đ00
BÀI DỊCH ANH - VIỆT	Đệ V	Lê - Bá - Kông	20đ00

Các cuốn sách trên đã được chính-thức công-nhận đã
dùng với các cuốn « L'Anglais Vivant »)

ANH-VĂN	Lớp Đệ IV	Lê-Bá-Kông.	22đ00
Bài dịch VIỆT-ANH và ANH-VIỆT (cho thí sinh H. Đ. N. C. và C. K.)	Lê-Bá-Kông.		22đ00
Bản dịch DAVID COPPERFIELD	Lê-Bá-Kông và Nguyễn-Duy-Diễm.		25đ00
THÀNH-NGŨ VIỆT-ANH-PHÁP Vietnamese-English- French Idioms	Lê-Bá-Kông và Vũ-Ngọc-Anh.		62đ00
CÁC TRUYỆN HAY Tập I và II	Lê-Bá-Kông		
	(viết bằng Anh-Việt) mỗi tập		44đ00

— Các cuốn « L'Anglais Vivant » in riêng cho học-sinh Việt - Nam
dùng do trường ZIÊN - HỒNG xuất - bản, với sự thỏa-thuận của nhà
Hachette, Pa - ri. Sách trình bày y như các cuốn in tại Pháp.



Thư và ngôn - phiêu
Xin đề Ô. LÊ - BÁ - KÔNG
GIAM - BỐC

BAN TU - THƯ ZIÊN - HỒNG
177 HAI - BÀ - TRUNG — SAIGON